



KỸ YẾU HỘI THẢO ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

ĐƠN VỊ ĐỒNG HÀNH CÙNG CHƯƠNG TRÌNH



HÀ NỘI THÁNG 11 NĂM 2023

MỤC LỤC

BÁO CÁO ĐỀ DẪN

- PGS.TS Trần Đình Tuấn***..... 1
THIÊN NHIÊN VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC VÀ CHƠI NGOÀI TRỜI TRONG GIÁO DỤC MẦM NON
- Jette Lund Legarth***..... 3
TỔ CHỨC CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON
- Mr. Axel Berthome; - TS. Nguyễn Thị Thanh; - ThS. Phạm Minh Nguyệt*** 12
XÂY DỰNG LỚP HỌC HẠNH PHÚC BẰNG CẢM XÚC TÍCH CỰC CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON
- TS. Phạm Thị Huyền; TS Nguyễn Thị Hồng Vân*** 25
KINH NGHIỆM THỰC HÀNH HƯỚNG TIẾP CẬN REGGIO EMILIA TRONG LỚP HỌC MẦM NON VIỆT NAM
- Bùi Vu Thanh; Phạm Doãn Hà My; Phạm Ngọc Châm***..... 35
CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CHO TRƯỜNG MẦM NON
- Mr Philip de Ath; TS. Đỗ Thị Hương Nhu***..... 46
MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ HƯỚNG ỨNG DỤNG GIÁO DỤC STEAM TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON
- TS. Nguyễn Thị Bích Thủy***..... 75
NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON - KINH NGHIỆM CỦA ÚC VÀ BÀI HỌC CHO ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON VIỆT NAM
- TS. Lê Thị Luận; TS. Vũ Thị Hương Giang*** 89
PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO TIẾP CẬN DỰ ÁN HỌC TẬP
- TS. Trịnh Thị Xim; ThS.GVC. Nguyễn Thị Thành; ThS. Lê Thị Thu*** 99
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON THEO TIẾP CẬN MÔ HÌNH HỆ SINH THÁI CÓ ỨNG DỤNG KỸ THUẬT SỐ
- TS. Nguyễn Thị Nga***.....112
ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MONTESSORI TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
- TS. Nguyễn Thị Thanh; ThS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Nguyễn Thị Loan***.....121
PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TOÀN DIỆN CHO TRẺ MẦM NON THÔNG QUA GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG
- TS. Lê Thị Kim Cúc; Ths Nguyễn Thị Thoan***133

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở VIỆT NAM

ThS. GVC. Hồ Thị Tường Vân.....144

ỨNG DỤNG CHƯƠNG TRÌNH GYMKID PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT VÀ NHÂN CÁCH CHO TRẺ MẦM NON

TS. Phùng Mạnh Cường; CN. Nguyễn Tiến Hưng; Nguyễn Mạnh Hùng; Nguyễn Đức Minh154

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HÀNH VI, CẢM XÚC TRẺ TĂNG ĐỘNG GIẢM CHÚ Ý Ở LỚP MẪU GIÁO HÒA NHẬP

ThS Nguyễn Thị Hạnh.....164

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRƯỜNG HỌC TRONG GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (ESD) VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI TRƯỜNG MẦM NON GCA

ThS. Phan Thùy Dương.....175

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN TRONG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TRƯỜNG MNTH HOA THỦY TIÊN

ThS Trương Thị Minh Phượng.....185

GÌN GIỮ BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

ThS. Đinh Thị Lan Hương.....197

TÁC ĐỘNG CỦA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TÍCH HỢP ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN Ở TRẺ MẦM NON

ThS Đỗ Thị Thùy Liên.....203

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG THIẾT KẾ HỌC LIỆU CHO TRẺ MẦM NON

ThS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Nguyễn Thị Quy.....213

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THEO TIẾP CẬN LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM VÀ TIẾP CẬN ĐA VĂN HÓA

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy.....220

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA TRƯỜNG MẦM NON VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG

GVC-ThS. Đinh Thị Thu Hằng.....235

SINH HOẠT VÒNG TRÒN TRONG TRƯỜNG MẦM NON STEINER

ThS. Nguyễn Cẩm Giang.....243

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG GIÁO DỤC MẦM NON Ở VIỆT NAM

TS. Lê Thị Kim Cúc.....253

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO TRẺ MẪU GIÁO THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

TS. Nguyễn Thị Bạch Dương.....261

KINH NGHIỆM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CHO TRẺ MẦM NON TRÊN THẾ GIỚI VÀ GỢI Ý NỘI DUNG GIÁO DỤC CÔNG NGHỆ Ở TRƯỜNG MẦM NON

ThS. Phương Thị Xuyên; ThS. Lương Thị Kim Oanh, ThS. Vũ Thị Kiều Trang.....268

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC CỦA GIÁO DỤC MẦM NON TRONG XU THẾ ĐỔI MỚI HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Thanh Nga277

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG CƯỜNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON TRÊN THẾ GIỚI TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHÀ TRANG

ThS Nguyễn Thị Hồng Nhung; ThS Phùng Thị Hà.....283

VẬN DỤNG LINH HOẠT PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

Phan Thị Nga; Nguyễn Thị Triều Tiên; Nguyễn Thị Diệu Hà293

KHUYẾN KHÍCH PHỤ HUYNH THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG, LỚP MN NHẪM HỖ TRỢ SỰ PHÁT TRIỂN TÍCH CỰC CỦA TRẺ

ThS. Nguyễn Việt Tuấn302

HỌC THÔNG QUA CHƠI TRONG GIÁO DỤC MẦM NON PHÀN LAN VÀ MỘT VÀI KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

Thạc sĩ Nguyễn Thị Hải Diệu.....311

GIÁO DỤC THẨM MĨ CHO TRẺ MẪU GIÁO THÔNG QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG KỊCH

ThS Nguyễn Thị Thu Nga; ThS Nguyễn Thị Hồng Nhung.....322

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MONTESSORI TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

Nguyễn Thị Liên.....331

**BÁO CÁO ĐỀ DẪN KHAI MẠC HỘI THẢO KHOA HỌC
ĐỔI MỚI VÀ SÁNG TẠO HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
TRONG GIÁO DỤC MẦM NON**

PGS.TS Trần Đình Tuấn

Hiệu trưởng – Trường CDSP Trung ương

Kính thưa quý vị đại biểu, khách quý!

Trước tiên cho phép tôi được thay mặt Đảng ủy, Ban giám hiệu Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương xin chân thành cảm ơn và nhiệt liệt chào mừng các Quý vị Lãnh đạo Bộ GD&ĐT, Lãnh đạo/chuyên viên đại diện cho các Vụ chuyên môn – Bộ GD&ĐT, các Sở GD&ĐT, Viện KHGD Việt Nam, các cơ sở đào tạo, cơ sở GDMN; chào đón các chuyên gia trong và ngoài nước, các nhà khoa học, các cán bộ quản lý và giáo viên mầm non đến từ khắp mọi miền đất nước.

Kính thưa quý vị đại biểu tham gia hội thảo!

Đề án “*Phát triển Giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025*” đã chỉ rõ quan điểm: Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố căn bản về nhân cách cho trẻ em trước khi vào lớp một. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm mọi trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, công bằng và bình đẳng là trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội.

Chiến lược phát triển giáo dục giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045 khẳng định: Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục; Phát triển giáo dục gắn liền với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ tổ quốc. Giáo dục và đào tạo cùng với khoa học, công nghệ, đổi mới, sáng tạo là động lực quan trọng nhất để phát triển kỹ năng số và cách mạng công nghiệp; Giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn; giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Thực hiện giáo dục theo phương châm lấy người học và việc học làm trung tâm. Chuyển mạnh quan điểm giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

Để các quan điểm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ đi vào cuộc sống, giáo dục nói chung trong đó có giáo dục mầm non cần phải đổi mới và sáng tạo hướng tới sự phát triển bền vững. Với mong muốn tạo ra một diễn đàn rộng rãi để các nhà nghiên cứu, giảng dạy và những người làm giáo dục mầm non gặp gỡ, trao đổi ý kiến, phân tích những vấn đề về đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục, Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học: ***"Đổi mới và sáng tạo hướng tới sự phát triển bền vững trong giáo dục mầm non"***.

Hội thảo được xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của Nhà trường, từ đòi hỏi của thực tiễn giáo dục mầm non. Mục tiêu của Hội thảo là: ***Thảo luận về xu hướng phát***

triển GDMN trên thế giới và Việt Nam; Định hướng mục tiêu và giải pháp cho GDMN trong chiến lược phát triển giai đoạn 2023 – 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Mục tiêu, chương trình, nội dung và cách thức đánh giá trẻ trong kỷ nguyên mới; Nuôi dưỡng trẻ nhỏ để trở thành công dân toàn cầu sáng tạo và có tư duy phản biện.

Hội thảo tập trung vào các nội dung:

1. Các hình thức giáo dục sáng tạo tại một số quốc gia;
2. Các lĩnh vực phát triển trong giáo dục mầm non
3. Chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục mầm non;
4. Đào tạo và ứng dụng các phương pháp, hướng tiếp cận giáo dục tiên tiến trong giáo dục mầm non;
5. Kinh nghiệm đào tạo giáo viên mầm non trên thế giới và Việt Nam;
6. Kinh nghiệm giáo dục phát triển bền vững trong giáo dục mầm non.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Ban tổ chức Hội thảo đã nhận, biên tập 32 bài viết và đăng trong Kỷ yếu của hội thảo với hơn 300 trang. Các bài viết đến từ các chuyên gia trong và ngoài nước của các trường đại học có uy tín trong lĩnh vực giáo dục đại học và đào tạo giáo viên. Các bài viết của Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương có sự tham gia của Ban Giám hiệu và giảng viên các khoa trong nhà trường. Vấn đề Hội thảo đặt ra rất thiết thực, có tính thời sự và nhận được nhiều sự quan tâm từ các nhà làm công tác giáo dục mầm non. Sự tham gia, viết bài của các tác giả và những ý kiến đóng góp của quý vị đại biểu hôm nay làm nên thành công của Hội thảo. Thay mặt Ban tổ chức tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến tất cả các quý vị.

Kính thưa quý vị đại biểu, khách quý!

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương mong muốn nhận được thêm nhiều ý kiến trao đổi của các nhà khoa học, các quý đại biểu ngoài các nội dung đã đề cập trong kỷ yếu, đặc biệt là những kinh nghiệm đổi mới, sáng tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên mầm non và chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Những thu hoạch tại hội thảo này sẽ giúp ích cho Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương - đơn vị có bề dày truyền thống, có uy tín về chất lượng đào tạo GVMN trong cả nước - phát huy được thế mạnh của mình, có thêm nhiều đổi mới trong nghiên cứu, sáng tạo trong giảng dạy, vận dụng và triển khai nhiệm vụ được giao, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn trong hiện tại và tương lai.

Thay mặt Ban tổ chức, tôi xin chân thành cảm ơn sự có mặt của các quý vị đại biểu, các nhà nghiên cứu, cán bộ, giảng viên và các nhà quản lý tại các cơ sở GDMN đã có mặt trong Hội thảo ngày hôm nay. Kính chúc quý vị sức khỏe, hạnh phúc và chúc Hội thảo thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn!

THIÊN NHIÊN VỚI HOẠT ĐỘNG HỌC VÀ CHƠI NGOÀI TRỜI TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

Cách các nhà Giáo dục mầm non Đan Mạch đưa thiên nhiên vào hoạt động học và chơi ngoài trời như một phương pháp hỗ trợ sức khỏe, học tập và sự phát triển của trẻ.

Vài nét về tác giả

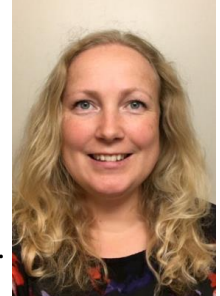
Tên tôi là Jette Lund Legarth

Tôi tốt nghiệp chuyên ngành giáo dục xã hội năm 2005.

Tôi đã có 10 năm kinh nghiệm thực tế với tư cách là một nhà sư phạm.

Tôi có bằng Thạc sĩ giáo dục xã hội của trường Đại học Aarhus.

Hiện tại tôi đang giảng dạy tại Khoa Giáo dục xã hội của trường Đại học VIA được 5 năm.



Tóm lược nội dung “Thiên nhiên với hoạt động học và chơi ngoài trời trong giáo dục mầm non.”

- Thiên nhiên trong trường mầm non và ”Udeskole” tại Đan Mạch.
- Trường mẫu giáo trong rừng là gì?
- Chúng ta hiểu việc học bên ngoài lớp học như thế nào?
- Chúng ta có cần một khu rừng để vui chơi và khám phá ngoài trời không?
- Phương pháp sư phạm
- Vai trò của giáo viên hay một nhà giáo dục mầm non

1. Thiên nhiên trong trường mầm non và ”Udeskole” tại Đan Mạch.

1.1. Trẻ mầm non tại Đan Mạch

Khoảng 95 % trẻ sẽ đi nhà trẻ khi trẻ 0-3 tuổi

Khoảng 98 % trẻ sẽ đi mẫu giáo khi trẻ 3-6 tuổi

Hệ thống trường phổ thông:

- Trẻ từ 6-16 tuổi
- Từ lớp 0 đến lớp 9
- Không tách biệt (non-divided)
- 20% trường học độc lập hoặc trường tư nhân (có nhiều tài trợ), 80 % trường công
- Giáo viên được tự do ứng dụng các phương pháp dạy học

1.2. Lợi ích của thiên nhiên với hoạt động chơi và học ở trường mầm non

* Không khí sạch (quanh năm, trong tất cả các mùa). Ở Đan Mạch trẻ em được ngủ ở ngoài trời nếu nhiệt độ không dưới âm 10 độ C. Trẻ được bảo vệ tốt và mặc quần áo phù hợp với thời tiết.

* Trẻ em ở các trường mẫu giáo trong rừng được tăng cường sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần (giảm căng thẳng, phát triển kỹ năng mềm, học cách giải quyết vấn đề, tăng cường sự tập trung)

* Học về thiên nhiên và kết nối với thiên nhiên để có nhận thức về tầm quan trọng và cách bảo vệ Trái Đất và môi trường

* Trẻ học cách làm việc nhóm và trợ giúp lẫn nhau

* Chú trọng kỹ năng vận động thô

* Hỗ trợ phát triển ngôn ngữ

* Trẻ tham gia vào hoạt động ngoài trời khả năng đọc sẽ tốt hơn

* Tăng cường nhận biết nguy hiểm

1.3. Học và chơi ngoài trời

Tự do trong đánh giá và thử nghiệm

Khi nhà giáo dục đưa tự nhiên vào giáo dục như một cách thức hỗ trợ sự phát triển và học tập của trẻ, nhà giáo dục cần tạo không gian để trẻ khám phá và tự trải nghiệm. Ví dụ kiến sống ở đâu, độ cao trẻ cảm thấy thoải mái khi trèo cây. Trẻ cần giáo viên có hiểu biết về thiên nhiên và có thể khơi gợi niềm yêu thích với thiên nhiên và giúp trẻ khám phá an toàn.

Trí tưởng tượng

Vui chơi trong thiên nhiên hỗ trợ trí tưởng tượng của trẻ - như bạn đã thấy trong phim, một cái cây cổ thụ đã bị đổ xuống đất có thể trở thành một con tàu lớn hoặc một chiếc xe buýt. Trẻ có thể tạo ra một nơi trốn tìm hoặc hợp tác để xây dựng một lâu đài bằng cành cây hoặc que củi.

Hòa mình vào thiên nhiên cũng là một yếu tố của trò chơi mạo hiểm. Trò chơi mạo hiểm:

Trò chơi mạo hiểm giúp trẻ phát triển kỹ năng điều chỉnh khi trẻ lập kế hoạch và thiết kế. Trẻ cần thực hành việc điều chỉnh sự chú ý và cách trẻ thực hiện. Trò chơi mạo hiểm cũng giúp trẻ phát triển sự tự tin và khả năng nhận biết nguy hiểm. Giúp trẻ phát triển tính kiên cường, hoàn thiện kỹ năng mềm, tính tự tin và khả năng nhận biết nguy hiểm

Kết luận

Chúng ta có thể nhận ra học và chơi ngoài trời hỗ trợ cho những trẻ gặp khó khăn trong việc điều chỉnh sự chú ý và thích nghi với môi trường trong nhà và với các hoạt động tĩnh. Ở ngoài trời, trẻ cảm thấy tốt hơn và có thể thể hiện các kỹ năng của trẻ trong các lĩnh vực khác nhau. Điều này tạo cơ hội cho trẻ kết nối với người lớn và bạn bè cũng như xây dựng sự tự tin.

Udeskole – Giáo dục ngoài lớp học



Học và chơi ngoài trời không chỉ ở trường mẫu giáo.

Chúng ta có khái niệm "Udeskole" nghĩa là Giáo dục ngoài lớp học.

Khái niệm này có thể hiểu là Trường học thiên nhiên, Giáo dục trải nghiệm, Khám phá ngoài trời, Trường trong rừng và đó chỉ là giáo dục ngoài lớp học.

1.4. Dạy học ngoài lớp học: Udeskole

Đây là phương pháp dạy học mà giáo viên sẽ **thường xuyên** chuyển các hoạt động dạy **theo chương trình** tại lớp học ra các địa điểm **bên ngoài khuôn viên trường học**

- Thường xuyên (ví dụ: một tuần/ lần)
- Chương trình khung: các môn học hàng ngày (ví dụ: phát triển ngôn ngữ, làm quen với toán)
- Việc di chuyển có thể là đến công viên, rừng, bảo tàng hoặc nhà máy, nhưng chủ yếu là trong thiên nhiên

Nghiên cứu từ: Bølling, M., Otte, C. R., Elsborg, P., Nielsen, G., & Bentsen, P. (2018)

Tập trung khuyến khích hợp tác, lấy hoạt động làm trọng tâm, trải nghiệm, dựa trên yêu cầu và chủ đề học tập.

Giáo viên có thể hướng dẫn và giúp đỡ, điều phối nhưng nên chú ý để trẻ tự do khám phá.

2. Để trở thành giáo viên/ nhà giáo dục

Trong phần trình bày tiếp theo chúng ta sẽ tập trung vào giáo viên hay nhà giáo dục
Bạn cần lưu ý điều gì khi dạy trong thiên nhiên và tổ chức học và chơi ngoài trời như một cách hỗ trợ sức khỏe, học tập và sự phát triển cho trẻ nhỏ.

Tính đến các khả năng có thể

Nếu trường bạn ở thành phố lớn, bạn có thể đến công viên, khuôn viên trường, bảo tàng hoặc tổ chức dã ngoại cho trẻ không?

*Nhận thức được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình

Bạn sẽ hướng dẫn, chỉ dẫn hay tự để trẻ khám phá?

*Nghiên cứu:

Cách giáo viên có thâm niên phản hồi

Các rào cản có thể xảy ra

Tôi sẽ đưa ra nghiên cứu về cách nhìn nhận của một giáo viên có kinh nghiệm trong việc tổ chức học tập ngoài lớp học cũng như những rào cản mà giáo viên cần lưu ý.

2.1. Tận dụng môi trường lân cận

- Môi trường học tập chính thống (Formal learning arena)
- Môi trường học tập không chính thức (Non-formal learning arena)
- Môi trường học tập không chính thống (Informal learning arena)

Kết nối các môi trường học tập này lại.

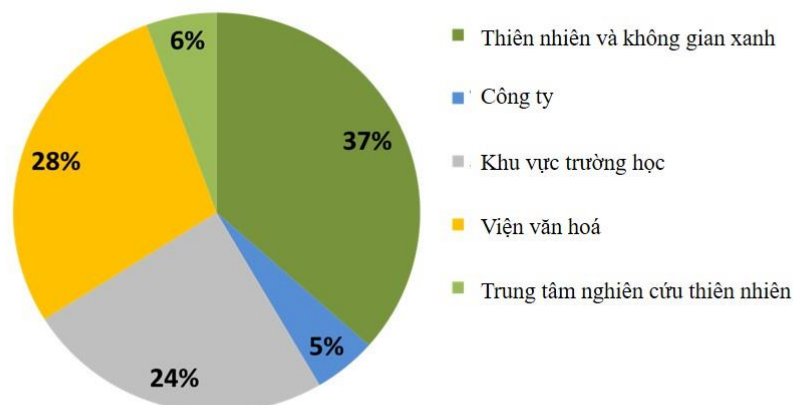
(Theo Eshah, 2007; Grünwald, 2019 (*Tübinger Erklärung – Kinder brauchen Stadt*))

- Một môi trường dành cho học tập (PLACE)
- Nguồn kiến thức (CONTENT)

(Theo Szczepanski 2010)

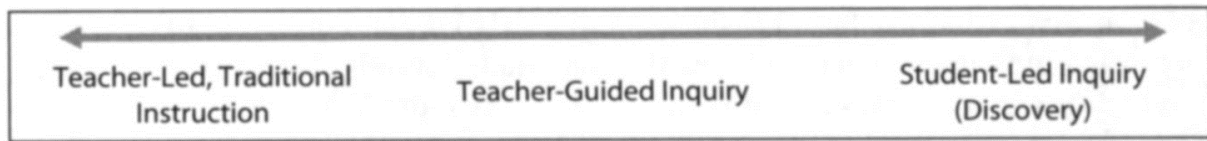
Là một giáo viên hoặc nhà giáo dục mầm non, bạn cần cân nhắc về địa điểm cũng như nội dung khi lập kế hoạch cho các hoạt động ngoài trời. Bạn cần nhận thức được mình đang hoạt động trong môi trường học tập nào và tập trung vào việc kết nối giữa môi trường chính thống, không chính thống và không chính thức. Việc học tập không bị giới hạn bởi môi trường chính thống trong lớp học. Các môi trường khác nhau đòi hỏi cách học tập khác nhau và các địa điểm học khác nhau có thể cung cấp các nguồn kiến thức khác nhau. Đó là lý thuyết hay kinh nghiệm thực tế?

Môi trường được ứng dụng bởi giáo viên trong nghiên cứu TEACHOUT 2014-2015



Nghiên cứu tại Đan Mạch chỉ ra rằng khi giáo viên sử dụng các môi trường khác nhau để học tập ngoài lớp học, ở môi trường thiên nhiên (chiếm 37%) tiếp đến là các viện văn hóa như bảo tàng và thư viện.

2.2. Hướng tiếp cận – Quá trình hướng dẫn



Giáo viên – chủ đạo, Mô hình truyền thống

Giáo viên – đưa ra câu hỏi để chỉ dẫn

Trẻ - chủ đạo (Khám phá)

Bất kể thực hiện theo mô hình giáo viên đóng vai trò chủ đạo hay giáo viên là người dẫn dắt hoặc trẻ đóng vai trò chủ đạo, tất cả đều yêu cầu giáo viên phải nhận thức được mục đích và chuẩn bị sẵn sàng. Đó có thể là lập kế hoạch để mang theo xăng, hộp cơm hoặc đồ bảo vệ cho tay và mũi. Giáo viên cần nhận thức được thời gian, bình tĩnh và có khả năng đánh giá khi đến thời điểm phải thay đổi vị trí (chỉ dẫn, hướng dẫn hoặc quay lại và đưa nhận thức về thiên nhiên của bản thân vào hoạt động. (Furtak et al., 2012)

2.3. Những giáo viên giàu kinh nghiệm

Được truyền cảm hứng bởi

- *Quyền tự quyết*

Nghiên cứu chỉ ra rằng những giáo viên có kinh nghiệm được truyền cảm hứng bởi quyền tự quyết khi lựa chọn địa điểm sẽ đến, khi nào và tại sao. Điều này có thể phát huy năng lực của giáo viên vào hoạt động. Những trải nghiệm được chia sẻ cùng trẻ cũng như sự kết nối với thiên nhiên là một yếu tố thúc đẩy.

- *Khả năng*

Giáo viên cũng cho rằng làm việc trong môi trường mới, điều chỉnh và chuẩn bị bài giảng bên ngoài lớp học là một khối lượng công việc lớn.

Khối lượng công việc, những hoạt động mang tính khám phá sáng tạo.

- *Mối quan hệ*

Thi thoảng họ cũng cảm thấy đơn độc và thiếu sự hỗ trợ từ đồng nghiệp.

Đó không phải là trường hợp tại các vườn trẻ, nơi thiên nhiên bó buộc vào khuôn mẫu và tất cả chỉ là cùng làm việc.

Barfod, K. S. (2017). Maintaining mastery but feeling professionally isolated: experienced teachers' perceptions of teaching outside the classroom. (Duy trì khả năng nắm vững nhưng cảm thấy có sự cô lập về mặt chuyên môn: Nhận thức của giáo viên có kinh nghiệm về việc giảng dạy bên ngoài lớp học.) *Journal of Adventure Education and Outdoor Learning* (Tạp chí giáo dục khám phá và học tập ngoài trời) 1–13. <https://doi.org/10.1080/14729679.2017.1409643>

2.4. Những rào cản (Đối với giáo viên mới thực hiện)

Nghiên cứu cũng chỉ ra những rào cản mà giáo viên mới bắt đầu đưa lớp học ra ngoài trời được coi như một cách hỗ trợ học tập trải nghiệm.

- Giáo viên thường thiếu tự tin trong trải nghiệm dạy học ngoài trời.
- Không biết cách kiểm tra và đánh giá xem trẻ có tiếp thu được những gì cô cố gắng dạy hay không
- Áp lực công việc lớn hơn vì phải mất nhiều thời gian hơn để lập kế hoạch theo những cách thức và những môi trường mới
- Quá tải trách nhiệm vì lo lắng để vừa làm tốt công việc vừa đảm bảo an toàn cho trẻ.
- Mệt mỏi với những thay đổi trong giáo dục. Mệt mỏi với tất cả những điều chỉnh và bổ sung mới có thể xảy ra và những thay đổi mà họ phải thực hiện.
- Quản lý trẻ gặp khó khăn. Giáo viên cần xây dựng sự tự tin và tích lũy kinh nghiệm trong việc thiết lập ranh giới an toàn hay để trẻ khám phá.
- Lập kế hoạch phức tạp hơn.
- Học tập ngoài trời không phải là “thực tế”. Giáo viên cần học cách đánh giá các kỹ năng của trẻ theo cách khác. Nó không chỉ là vẽ một đường thẳng, cắt bằng kéo, nhận biết màu sắc hay cách chơi ô tô hay búp bê. Việc học phức tạp và giàu trí tưởng tượng hơn cũng như thử thách bản thân và học cách hợp tác và đánh giá tình huống.

3. Phương pháp sư phạm: Giáo viên có thể thực hiện như thế nào?

Đầu tiên: Hãy chắc chắn rằng bạn đều biết tất cả, những gì bạn thực hành là lùi lại để chuyển từ người định hướng sang người chỉ hướng dẫn. Đồng thời tập lùi lại và để trẻ khám phá

Thứ hai: Thay vì nói “Hãy cẩn thận”, hãy khuyến khích trẻ và giúp chúng nâng cao nhận thức bằng cách nói:

Hãy chú ý xem...những tảng đá này trơn trượt, khúc gỗ mục nát, cành cây đó chắc chắn.

Con có thấy... cây thường xuân độc, bạn bè của con ở gần không?

Hãy thử di chuyển...chân của con chậm rãi, cẩn thận, nhanh chóng, mạnh mẽ.

Hãy thử sử dụng...tay, chân, cánh tay, chân của con.

Con có cảm thấy...ồn trên tảng đá đó, sức nóng từ ngọn lửa không?

Con có cảm thấy...sợ hãi, phấn khích, mệt mỏi, an toàn không?

Thứ ba: Trẻ cần bạn có kiến thức về thiên nhiên và có khả năng tò mò cùng trẻ. Ví dụ như tìm hiểu về côn trùng, nước, cây cối, làm vườn, thời tiết, v.v.

Điều gì đã giúp các giáo viên và nhà giáo dục mầm non Đan Mạch có thể dạy học trong thiên nhiên và tổ chức vui chơi ngoài trời như một cách hỗ trợ sự phát triển và học tập của trẻ em ở Đan Mạch?

Trước hết là truyền thống. Chúng tôi có truyền thống lâu đời về việc đưa thiên nhiên vào cuộc sống hàng ngày. Chúng tôi cũng trân trọng khi trẻ em chơi đùa và làm bản hoặc bụi bặm. Điều này cho thấy trẻ đã hoạt động và vui chơi ngoài trời. (Waite, et al. 2016)

Thứ hai là sự tự do về lựa chọn các phương pháp. Giáo viên và nhà giáo dục mầm non có thể chọn cách họ làm việc trên các chủ đề mà họ phải thực hiện. Điều này có nghĩa là họ có thể chọn thiên nhiên làm cách làm việc với sự phát triển, học tập và đảm bảo theo yêu cầu của pháp luật. (Westbury et al., 2000)

Thứ ba, an toàn là một vấn đề nhỏ ở Đan Mạch. Chúng tôi không có động vật thực sự nguy hiểm. Và bọn trẻ sẽ học các kỹ năng sử dụng dụng cụ gọt khoai tây trước khi chúng có thể dùng dao. (Waite, et al. 2016)

Cuối cùng, làm việc với thiên nhiên được khuyến khích theo luật của Bộ Giáo dục Đan Mạch đối với cả trường phổ thông và trường mẫu giáo thông qua The Open School và các kế hoạch học tập được chú trọng bao gồm thiên nhiên như một chủ đề riêng biệt. (Theo Bộ Giáo dục Đan Mạch, 2014 và 2018)

TÌM KIẾM THÊM TÀI LIỆU

Nếu bạn muốn biết thêm về Giáo dục bên ngoài lớp học, bạn có thể xem công thông tin miễn phí này. Bạn sẽ tìm thấy nhiều liên kết với các chủ đề, và nhiều hơn nữa các nghiên cứu khác nhau.

www.udeundervisning.dk/english

Các liên kết lấy cảm hứng về trò chơi mạo hiểm

Đại học Boston

<https://www.bu.edu/childrens-center/files/2020/07/Risky-Play.pdf>

CBC

<https://www.cbc.ca/natureofthings/features/risky-play-for-children-why-we-should-let-kids-go-outside-and-then-get-out>

CELA

<https://www.cela.org.au/publications/amplify!-blog/oct-2022/expanding-our-notion-of-risky-play>

Giáo dục ngoài lớp học

<https://udeundervisning.dk/english>

Phim ngắn, Trường mẫu giáo trong rừng Scandinavian

<https://www.youtube.com/watch?v=ii1MDMoXV1E->

Phim dài, Trường mẫu giáo trong rừng Đan Mạch

<https://www.youtube.com/watch?v=Jkij9dJfcw>

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Barfod, K. S. (2017). Maintaining mastery but feeling professionally isolated: experienced teachers' perceptions of teaching outside the classroom. *Journal of Adventure Education and Outdoor Learning*, 1–13. <https://doi.org/10.1080/14729679.2017.1409643>
2. Hygym, E & Pedersen, P. M (red.) (2014) *Early Childhood Education – Values and Practices in Denmark*. VIA System
3. Otte, C. R., Bølling, M., Stevenson, M. P., Ejbye-Ernst, N., Nielsen, G., & Bentsen, P. (2019). Education outside the classroom increases children's reading performance: Results from a one-year quasi-experimental study. *International Journal of Educational Research*, 94, 42-51.
4. Bentsen, P. (2010). *Udeskole: outdoor teaching and use of green space in Danish schools*. PhD thesis. Faculty of Life Sciences. University Of Copenhagen.
5. Bentsen, P., Lamm, B., Stigsdotter, U., Hare, R., Randrup, T., B. (2010). *Udeskole og læringsmiljø* in: *Apropos Arkitektur, Pædagogik og Sundhed*. København: Kunstakademiets Arkitektskolens forlag.
6. Bickel, K. (2001). *Der Waldkindergarten*. Germany: Norden Medie.
7. Borge, A. I. H., Nordhagen, R. & Lie, K.K. (2003). *Children in the environment: Forrest day care centers - Modern day-care with historical antecedent*. *History of the family* Vol. 8, issue 4, Page 605-618.
8. Danmarks Naturfredningsforening, (Celia Paltved-Kaznelson) (2009). *Natur i generationer*. www.dn.dk/Default.aspx;
9. Ejbye-Ernst, N. (2012). *Paedagogers formidling af naturen i naturbørnehaver*. Ph.d. afhandling Danmarks Pædagogiske Universitetsskole institut for læring og didaktik.
10. Ficher, U. & Henriksen, O, S. (2002). *Ni pionerer i dansk pædagogisk historie*. København: Dansk Pædagogisk-Historisk forening.
11. Fjørtoft, I (2000). *Landscape as playscape - learning effects from playing in a natural environment on motor development in children*. Doctoral dissertation. Oslo: Norwegian University of Sport and Physical Education
12. Frank Søndergaard Jensen (2003). *Friluftsliv i 592 skove og andre naturområder*. Horsholm: Skovbrugsserien nr. 32, Skov & Landskab,
13. Fredens, K.(2005). *Nar tingene taler til os*. 15/1 2010 på www.udeskole.dk under læring.
14. Grahn, P. (2007). *Barnet och nature*. In Dahlgren, L, O., Sjölander, S., Strid, J.P., Szczepanski, A. (red) (2007): *Utomhuspedagogik som kunskapskälla*. Lindköping: Studentlitteratur.
15. Grahn, P., Mårtensen, F., Lindblad, B., Nielsson, P., Ekman, A. (1997). *Ute på da-gis*. *Movium Stad & Land* nr.145.

16. Halldén, G. (red) (2009). *Naturen som symbol för den goda barndomen*. Stockholm: Carlssons Bokförlag.
16. Herholdt, L (2005). *Dansk undervisning omkring katederet og under træernes kron-er*. 1 Mygind Erik (red) (2005). Udeundervisning i folkeskolen. Museum Tusculanums forlag Københavns Universitet 2005
18. Jordet, A, N. (2007). *Nærmiljøet som klasserum*. Oslo: Det utdanningsvitenskapelige fakultet Universitetet i Oslo.
19. Key, E. (1902). *Barnets Aarhundrede*. Kjøbenhavn. Gyldendalske Boghandels For-lag 1902
29. Kylin, M. (2004). *Från koja til plan*. Ph.d. afhandling. Alnarp: Institutionen för landskapsplanering Alnarp.
21. Louv, R (2008), *Last Child in the Woods*. North Carolina: Algonquin Books of Chapel Hill.
22. Mygind Erik (red)(2005). Udeundervisning i folkeskolen. Museum Tusculanums forlag Københavns Universitet 2005
23. Mårtensson, F (2004). *Landskapet i leken. En studie av utomhuslek på förskolegården*. Lund: Doctoral thesis Swedish University of Agricultural Sciences Alnarp
24. Mårtensson, F. Boldemann, C., Söderström, M., Blennow, M., Englund, J, E.,
25. Grahn, P. (2009). *Outdoor environmental assessment of attention promoting settings for preschool children*. Health & Place, 15, 1149- 1157.
26. Mårtensson, F., Jensen, E, L., Söderström, M., Öhman, J. (2011). *Den nyttiga utevistelsen*. Natur Vårds Verket: Rapport 6407. Januar 2011,
27. Neill, A,S. (1972). *Summerhill skolen*. København: Hans Reitzel.
28. Rousseau, J-J. (1962, I-III). *Emile eller om opdragelsen*. København: Borgens For-lag.
29. Sibley, B.A., & Etnier, J. L. (2003). *The relationship between physical activity and cognition in*
30. Waite, S. (red) (2011). *Learning outside the classroom: from birth to eleven*. London: Sage children: A meta-analysis. Pediatric Exercise Science, 15, 243-256.
31. Vigsø, B. Nielsen, V (2006). *Børn & udeliv*. Esbjerg: CVU Vest Press.
32. Åberg, M. A. I., Pedersen, N. L., Toren, K., Svartengren, M., Bäckstrand, B., Johnson, T., Cooper-
33. Kuhn, C. M., Åberg, N. D., Nilsson, M., & Kuhn, H. G. (2009). *Cardiovascular fitness is associated with cognition in young adulthood*. Proceedings of National Academy of Sciences (PNAS), 106(49), 20906-20911.
34. Änggård, E (2009a). *Skogen som lekplats*. Nordic Educational Research. Nr. 2 2009.

TỔ CHỨC CHO TRẺ LÀM QUEN VỚI TIẾNG ANH TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON

- *Mr. Axel Berthome*

Chuyên gia Anh

- *TS. Nguyễn Thị Thanh*

Trường CDSP Trung ương

- *ThS. Phạm Minh Nguyệt*

Trường Đại học Hà Nội

Tóm tắt: Bài viết trình bày Tổ chức cho trẻ làm quen với Tiếng Anh tại Trường mầm non: mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp...

Từ khóa: Cho trẻ làm quen tiếng Anh, mục tiêu, nội dung, chương trình, phương pháp, đánh giá...

Summary

The article presents the model for children to learn English at Hoa Sen Practice kindergarten (The National College for education): objectives, content, program, methods, ...

Keywords: *Children learning English, goals, content, programs, methods, evaluation ...*

Hiện nay, tiếng Anh đã trở thành ngôn ngữ phổ biến và thông dụng nhất trên thế giới. Trên thế giới có gần 60 quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ chính, bên cạnh tiếng mẹ đẻ và gần 100 quốc gia sử dụng tiếng Anh là ngôn ngữ thứ hai. Vì vậy, những người thành thạo tiếng Anh có thêm nhiều lợi thế cạnh tranh về khả năng chuyên môn cũng như có sự hội nhập tốt với thị trường lao động Quốc tế. Việc cho trẻ làm quen với Tiếng Anh ngay từ lứa tuổi mầm non có ý nghĩa và vai trò quan trọng cho sự hình thành phát triển nhân cách cho trẻ. Xem xét về khoa học, khi được 2 đến 3 tuổi là trẻ bắt đầu có khả năng tiếp thu được một ngoại ngữ mới, song song với tiếng mẹ đẻ... nên cho trẻ học tiếng Anh ngay từ nhỏ sẽ mang đến nhiều lợi ích trong việc hoàn thiện kỹ năng ngôn ngữ, giá trị nhân cách cho trẻ. Chính vì tầm quan trọng đó Trường mầm non Thực hành Hoa Sen xây dựng mô hình Cho trẻ làm quen với Tiếng Anh có tên là “học tiếng Anh thật là vui”.

1. Mục tiêu

Cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh nhằm giúp trẻ Nghe hiểu được một số từ, cụm từ và câu quen thuộc; Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu ngắn, đơn giản, quen thuộc; Nghe hiểu và có phản hồi phi ngôn ngữ hoặc trả lời ngắn gọn trong các tình huống giao tiếp đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi; Nghe hiểu và có phản hồi phi ngôn ngữ hoặc lời nói khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi; Nghe hiểu được nội dung truyện tranh rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi. Nhắc lại được, nói được một cách tương đối rõ ràng, dễ nghe một số từ, cụm từ đơn giản; Nhắc lại được, đọc theo được một số bài vắn, bài thơ; hát theo một số bài hát đơn giản; Trả lời được câu hỏi về một số tình tiết của truyện theo tranh; Nhắc lại được, nói được một số từ thông dụng từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn

giản, phù hợp với lứa tuổi; Đọc theo được thành tiếng một số từ thông dụng khi xem tranh, minh họa chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động, biểu tượng, kí hiệu rất đơn giản, phù hợp với lứa tuổi; Tô màu được một số biểu tượng, kí hiệu, chữ cái theo hướng dẫn bằng tiếng Anh; Có hứng thú với tiếng Anh và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tiếng Anh; Mạnh dạn và tự tin trong giao tiếp.

2. Ý nghĩa

Giai đoạn tuổi mầm non là giai đoạn tốt nhất để bắt đầu học ngoại ngữ, đây là giai đoạn mà trẻ có thể thẩm thấu và phát âm ngoại ngữ một cách chuẩn xác nhất, sẽ phát huy tốt khả năng ngôn ngữ và tư duy logic khi trưởng thành. Hầu hết các trẻ học tiếng Anh giai đoạn này đều có khả năng nói tiếng Anh như người bản ngữ.

Trẻ em độ tuổi mầm non là những người tiếp thụ ngôn ngữ một cách tự nhiên. Khác với người lớn, các em tiếp nhận ngôn ngữ mà không nhận thức được rằng mình đang học ngôn ngữ đó. Các em có khả năng bắt chước cách phát âm theo cách riêng và tự mình tìm ra các quy tắc riêng cho mình. Đặc biệt hoạt động chủ đạo của trẻ mầm non là “*học thông qua chơi*”, hoạt động cho trẻ làm quen với Tiếng Anh được thiết kế dưới dạng trò chơi là chủ yếu, Trẻ học Tiếng Anh thông qua những hoạt động giống như trò chơi có sự hỗ trợ của giáo viên, có rất nhiều ý nghĩa đối với trẻ:

- **Trẻ có nền tảng ngôn ngữ vững chắc:** Việc học chương trình song ngữ sớm giúp việc phát triển ngôn ngữ của trẻ dễ dàng hơn. Trẻ học được cách phát âm, ngữ điệu một cách rất tự nhiên thông qua các hoạt động trong cuộc sống, giúp trẻ tiếp thu ngôn ngữ theo phương thức tự nhiên nhất, giúp trẻ đến với ngôn ngữ nước ngoài một cách tự nhiên giống như ngôn ngữ mẹ đẻ.

- **Gia tăng sự linh hoạt của trí óc,** giúp trẻ thông minh hơn: Việc học ngôn ngữ cũng như học một văn hóa sẽ giúp cho trẻ hiểu biết rộng, nhìn thấy thế giới xung quanh qua nhiều góc độ. Rất nhiều nghiên cứu khoa học đã chỉ ra rằng, việc học tiếng Anh rất tốt cho não bộ của trẻ em. Việc cho trẻ mầm non trẻ làm quen tiếng Anh vô cùng cần thiết, vừa giúp trẻ có nền tảng ngoại ngữ, vừa giúp trẻ có khả năng phát triển tư duy não bộ. Trẻ được học và giao tiếp bằng cả hai thứ tiếng là tiếng mẹ đẻ và tiếng Anh sẽ giúp gia tăng sự linh hoạt của não bộ. Đồng thời, đối với những trẻ được học ngoại ngữ từ sớm, sẽ làm tăng khả năng xử lý kiến thức ngay từ khi còn bé.

- **Gia tăng xử lý của hệ thần kinh:** Học chương trình song ngữ giúp trẻ xử lý nhiều tình huống trong khoảng thời gian ngắn; giúp mở ra nhiều hướng suy nghĩ và tăng khả năng giải quyết vấn đề.

- **Trẻ có khả năng phát âm chuẩn ngay từ đầu:** Chắc hẳn nhiều bậc phụ huynh đều thấu hiểu nỗi khổ tâm khi con cái mình học tiếng Anh nhưng không thể phát âm chuẩn. Làm quen với tiếng Anh cho trẻ mầm non sẽ giúp bạn giải quyết được những rắc rối trên. Nếu bạn cho trẻ làm quen với tiếng Anh từ sớm, ngay ở độ tuổi mầm non,

trẻ sẽ có khả năng phát âm chuẩn tự nhiên ngay từ đầu. Ở độ tuổi này của các bé, thường thích học nói và làm quen với những âm điệu của ngôn ngữ. Vậy nên việc dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non sẽ giúp các bé không khó để phát âm đúng chuẩn bản ngữ. Bên cạnh đó, việc các bé được kết hợp học với vốn từ vựng cơ bản, bảng chữ cái hay các con số,... sẽ giúp cho trẻ có một nền tảng vững chắc để trẻ có thể học nhanh hơn so với các bạn cùng trang lứa khi đến tuổi đến trường.

- **Học tiếng Anh cho trẻ mầm non giúp trẻ tự tin hơn trong giao tiếp.** Trẻ mầm non học tiếng Anh giúp trẻ tự tin hơn và mạnh dạn hơn trong giao tiếp xã hội. Cần có những phương pháp dạy tiếng Anh cho trẻ mầm non hiệu quả, vì ở tuổi các em, truyền đạt và dạy dỗ cần phải khéo léo, làm sao để bé vừa học vừa chơi, tạo cảm giác thoải mái như đang trò chuyện cùng bạn bè. Qua quá trình học tiếng Anh, trẻ có thể khám phá thế giới và kết nối cũng như thu nạp thêm ngôn ngữ mới. Nhờ đó mà sau này, trẻ sẽ không còn cảm thấy e ngại trước mọi người, cũng như trở nên tự tin hơn.

- **Tránh lãng phí về thời gian và tài chính sau này.** Khi trẻ được học chương trình song ngữ từ sớm, việc tiếp thu ngôn ngữ của trẻ sẽ có thay đổi nhanh chóng, phụ huynh sẽ không mất nhiều khoản đầu tư cho con đi học gia sư hoặc trung tâm khác; giúp giảm lãng phí về tài chính cũng như thời gian.

3. Nội dung chương trình

3.1. Chương trình trẻ mẫu giáo bé 3 – 4 tuổi

THEME	LANGUAGE	AIMS
1. Greetings	Hello, bye – bye, Hello, I’m Minh...	- To familiarize children with English class routines - To practice greetings
2. At my school	Teacher, doll, teddy bear Little How are you? I’m fine. Thank you.	- To present some key words of school. - To develop gross motor skills through miming action in songs and story. - To improve fine motor skill by tracing, colouring - To develop observational skills through making a moon cake - To encourage the children to cooperate by singing songs and playing games
3. Myself	Boy, girl. Hands, feet. Clap your hands Stamp your feet	- To present some parts of body - To practice introducing - To develop creative kills by printing feet - To understand and follow commands - To observe and record size from direct experience - To encourage the children to cooperate by singing

	Little, big	songs and playing games
4. My family	Daddy, mommy. This is my family I love you.	<ul style="list-style-type: none"> - To present some key words of family - To practice displaying affections - To develop gross motor skills through miming action in the songs and story - To improve fine motor skill by tracing, colouring - To develop observational skills through games of guessing member of family. - To develop creative skills by making finger puppets. - To encourage the children to cooperate by singing songs and playing games
5. My little world	Dog, cat Lotus, roses Cold, hot Pink, red	<ul style="list-style-type: none"> - To present some key words of the surrounding word - To practice identifying farm animals and insects, some flowers and seasons - To develop gross motor skills by coloring, matching and tracing - To develop creative skills by miming activities (copying animal's actions and drawing) - To identify and differentiate among the reasons and some popular types of weather - To encourage the children to cooperate by singing songs and playing games
6. Food	Apple, banana Cut, wash, eat, peel Happy we will be.	<ul style="list-style-type: none"> - To present and practice some popular food items - To talk about fruits - To develop gross motor skills through miming actions in the song and story - To improve fine motor skills by practicing with real fruits - To develop creative skills by making toys and decorating the classroom - To encourage the children to cooperate by singing songs and playing games
7. Math	1 - 5 Circle, square Yellow, blue	<ul style="list-style-type: none"> - To present and practice numbers 1 - 5 - To develop fine motor skills while learning to order numbers - To develop creative skills by making a house with shapes - To develop observational skills through tracing and colouring activities - To use their hands/feet to counting/jumping

		- To encourage the children to cooperate by singing songs and playing games.
8. Traffic	Car, bike, bus, plane Drive, fly, ride, stop	- To present and talk about transportations and traffic lights - To develop gross motor skills through miming actions in the songs and story - To improve fine motor skills by matching and colouring - To develop observational skills through watching video - To develop creative skills to making an album - To encourage the children to cooperate by singing songs and playing games.

3.2. Chương trình trẻ mẫu giáo nhỡ 4 – 5 tuổi

<i>Theme</i>	<i>Language</i>	<i>Aims</i>
1. Greetings	- Hello, bye bye... - My name is Minh. - It's green, blue, yellow, red	- To familiarize children with class routines - To practice greetings, colors
2. My class and school	- Truck, puzzles, blocks - Big, small - This is a small truck. - You are my friend. - I like truck.	- To present some toys - To reinforce the concept of 'big' and 'small' - To develop social skills by having children follow commands - To develop gross motor skills through miming action in the song and story - To develop pre – reading and observational skills through matching and circling activities and coloring activities - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching. - To develop creative skills by making toys - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
3. Myself	- Mouth, eyes, ears, nose, head, chin, cheeks - Thirsty,	- To present and identify some parts of the face - To develop awareness of feelings - To develop gross motor skills through miming action in the song and story

	<p>hungry, sleepy, happy, sad</p> <ul style="list-style-type: none"> - I'm very happy today. - I have two eyes. 	<ul style="list-style-type: none"> - To develop pre – reading and observational skills through matching and circling activities and coloring activities - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching. - To develop creative skills by making emotional faces - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
4. My family	<ul style="list-style-type: none"> - Grandma, grandpa, sister, brother - Let's go hunt. - Run away. - Safe at last. 	<ul style="list-style-type: none"> - To identify and name family members - To develop social skills by having children follow commands - To develop gross motor skills through miming action in the song and story - To develop pre – reading and observational skills through matching and circling activities and coloring activities - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching - To develop creative skills by drawing, cutting, printing - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game
5. My little world	<ul style="list-style-type: none"> - Cow, duck, pig, octopus, dolphin, shark, tiger, monkey, elephant, bird - Swing, run, swim, stamp, fly. - A cow says moo moooooo. - A bird can fly. 	<ul style="list-style-type: none"> - To identify some animals and their actions - To develop gross motor skills through miming action in the song and story - To develop pre – reading and observational skills through matching and circling activities and coloring activities - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching. - To develop creative skills by making animal albums. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
	<ul style="list-style-type: none"> - Trees, leaf, flower - Lily, sunflower, daisy, peach 	<ul style="list-style-type: none"> - To present and identify some plants, flowers and colors - To develop gross motor skills through miming action in the song and story - To develop pre – reading and observational skills

	<p>blossom.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Green, pink, white, purple - I like lily. 	<p>through matching and circling activities and coloring activities</p> <ul style="list-style-type: none"> - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching. - To develop creative skills by making cards, flowers. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
6. Food	<ul style="list-style-type: none"> - Oranges, mango, pizza, ice – cream, rice, soup, meat, chocolate - What would you like? - I would like some soup, please. 	<ul style="list-style-type: none"> - To present and identify some fruit and desert - To develop gross motor skills through miming action in the song and story - To develop pre – reading and observational skills through matching and circling activities and coloring activities - To improve fine motor skills by tracing, drawing, and coloring. - To develop creative skills by making food. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
7. Math	<ul style="list-style-type: none"> - 1 -5 - Triangle, rectangle, ellipse. - Draw, count - What number is it?- It is number one. - What shape is it? – It is ellipse - How many triangle are there? – There are 4 triangle. 	<ul style="list-style-type: none"> - To present and identify some shapes and numbers - To develop gross motor skills through miming action in the song and story - To develop pre – reading and observational skills through matching and circling activities and coloring activities - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
8. Goodnight	<ul style="list-style-type: none"> - Goodnight - Switch off the light, TV, DVD - Brush the teeth. - Clean the face. - Go to bed. 	<ul style="list-style-type: none"> - To talk about some common things in home. - To develop gross motor skills through miming action in the song and story. - To improve fine motor skills by circling, tracing and matching. - To develop creative skills by painting a picture in the bedroom.

		- To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.
9. Children's Day	- Present, holiday - Circus, clown, balloon - I wish you a good day. - I wish a doll.	- To celebrate Children's Day in Vietnam. - To develop gross motor skills through miming action in the song and story. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing game.

3.3. Chương trình trẻ mẫu giáo lớn 5 – 6 tuổi

Theme	Language	Aims
1. My kindergarten	Seesaw, swing, slide Let's play on the swing! Me, first! My knees hurt! I'm sorry!	-To present and identify some toys on the playground. - To understand and follow commands. - To develop gross motors skill through miming actions in the song. - To develop creative skills by making a playground - To develop observational skills through circling and coloring activities. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games.
2. Myself	Arms, legs, chin, Wash a shirt. Put a shirt away. What are you doing? I'm washing a dress May I help you? Letters A - D	- To present some parts of the body. - To understand and follow commands. - To increase children's awareness of their own bodies. - To practice demonstrating the positional terms right and left as they move their bodies and blocks right and left. - To develop gross motors skill through miming actions in the song and story. - To develop pre-reading and observational skills through matching, tracing, and coloring activities. - To develop creative skills by making an outline of the body - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games. - To identify letters A- D
3. Animals	Lamb, giraffe,	-To talk about wild animals

	<p>kangaroo, camel, sharp, round, warm, Mary has a little lamb/kangaroo, Kangaroo can jump, high, quickly Letters E- H</p>	<ul style="list-style-type: none"> - To role play animal movements and sounds. - To develop gross motors skill through miming actions in the song and poem. - To develop creative skills by making a jungle - To develop observational skills through circling and coloring activities. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games. - To identify letters E-H
4. Food	<p>Pizza , bread,coke, water, orange juice What do you want? I want pizza Do you want bread? Yes, I do. No, I don't. Letters I- L</p>	<ul style="list-style-type: none"> -To identify food - To develop gross motors skill through miming actions in the song and story. - To develop observational skills through circling and coloring activities. - To develop pre-reading and observational skills through matching, tracing, and coloring activities. - To improve fine motor skills by tracing, drawing,and coloring. - To develop creative skills by making a food tree - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games. - To identify letters I- L
5. House items	<p>Knife, plate Give me a pan Here you are, Thank you! + What can you do? +I can brush my teeth. + I can take a bath. + I can comb my hair. + Can you wash your hands? + Yes, I can.</p>	<ul style="list-style-type: none"> -To talk about rooms of a house and some activities with them - To review some parts of the body. - To develop gross motors skill through miming actions in the song and story. - To develop creative skills by making a model house. - To develop pre-reading and observational skills through matching, tracing, and coloring activities. - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games - To identify letters M- P

	+ No, I can't Letters M- P	
6. Maths	Numbers 1-10 Roll over, fell out Triangle, diamond, heart, square, rectangle One and one is two. Two and two is four. Letters Q- T	<ul style="list-style-type: none"> - To review/ present numbers 1-10 - To improve fine motor skills while learning to order numbers - To understand and follow commands. - To develop gross motors skill through miming actions in the song and story. - To develop creative skills by making a paper plate numbers - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games. - To identify letters Q - T
7. Summer Holiday	surf, hike, camp, swimsuit, What are you wearing? I'm wearing a swimsuit. What do you like doing in the summer? I like swimming. Letters V- Z	<ul style="list-style-type: none"> -To identify and name clothing, accessories. - To improve fine motor skills while learning. - To understand and follow commands. - To develop gross motors skill through miming actions in the song and story. - To develop pre-reading and observational skills through matching, tracing, and coloring activities. - To develop creative skills by making weather chart - To encourage children to cooperate by singing songs and playing games. - To identify letters V- Z

4. Ứng dụng công nghệ cho trẻ làm quen với Tiếng Anh

- Công nghệ AI

Phát âm chuẩn như người bản xứ luôn là một thử thách với người Việt Nam khi nói tiếng Anh. Công nghệ AI hỗ trợ đặc lực cho trẻ làm quen với Tiếng Anh, giúp trẻ phát âm đúng. Trẻ sẽ được nghe phát âm của người bản xứ, sau đó đọc lại. AI sẽ ghi nhận, đánh giá và chấm điểm phát âm của trẻ, đồng thời hướng dẫn trẻ cần sửa cụ thể ở âm tiết nào. Tính năng này có thể coi là một “thầy giáo” dạy kèm phát âm ngay tại nhà cho trẻ, đồng thời giúp các ba mẹ không giỏi tiếng Anh có thể đồng hành cùng trẻ tốt hơn.

- Sử dụng smartphone, ipad, tablet, máy tính...

Một số phần mềm trò chơi tiếng Anh có thể tải về cho trẻ chơi như: *ABC Kids – Tracing & Phonics* đây là một ứng dụng rất đơn giản cho bé từ 2 tuổi trở lên học bảng chữ cái và các âm trong tiếng Anh, với giao diện khá dễ thương, các bé sẽ ghi nhớ nhanh bảng chữ cái tiếng Anh, hay phần mềm *0-100 Kids Learn Numbers Game* giúp bé học đếm từ 0-100, *LearnEnglish Kids:Videos* giúp trẻ luyện kỹ năng nghe và đọc.... ngoài ra còn có 1 số phần mềm khác như *Maxetom, Genikid, Little Pim, English Conversation for Kids, FunEasyLearn, ...* Với những trò chơi này không những giúp đáp ứng nhu cầu được chơi của trẻ mà còn thông qua đó giúp trẻ tăng thêm khả năng hiểu biết về môi trường xung quanh, tăng khả năng nói tiếng Anh và cả tiếng Việt của mình một cách nhanh chóng và không bị nhàm chán. Trung tâm Anh ngữ Enspire đã xây dựng thành công ứng dụng cho trẻ làm quen tiếng Anh, tên gọi: Enspire Online. Ứng dụng là cánh tay nối dài từ lớp học về gia đình, hỗ trợ cho các bé ôn luyện, mở rộng từ vựng, mẫu câu, mặt khác cha mẹ trẻ có thể kiểm soát được nội dung và tiến bộ làm quen tiếng Anh của con.

Ngoài việc cho trẻ học tiếng Anh thông qua những phần mềm trò chơi trên thì phụ huynh có thể thay đổi hình thức bằng cách cho trẻ xem những bộ phim hoạt hình tiếng Anh. Có thể kể đến những bộ phim nổi tiếng giúp trẻ học tiếng Anh như: *Minions, RIO, gấu trúc Panda, Tom và Jerry, ...* Mặc dù, lúc đầu trẻ sẽ không hiểu được nội dung của bộ phim nhưng với sự lôi cuốn của các hình ảnh động của các nhân vật, công nghệ làm phim hoạt hình nước ngoài, các tình tiết vui nhộn, dễ thương,... trẻ sẽ say mê, bị cuốn hút theo bộ phim và sẽ dần hiểu được nội dung của bộ phim từ đó trẻ sẽ học được một số từ tiếng Anh theo cách riêng của mình.

- Sử dụng Robot giáo dục (Beebot)

Lập trình Robot Beebot cho trẻ cách thức lập trình đơn giản nhằm giúp trẻ say mê và yêu thích công nghệ. Thông qua việc sắp xếp các thẻ lệnh, lắp ghép các khối lệnh tạo sẵn một cách trực quan việc lập trình trở nên thú vị, hào hứng, trẻ có thể bắt đầu viết mã trong vòng vài phút. Trẻ sử dụng ứng dụng trên Robot Beebot tương tác, nghe và phát âm các từ vựng, thực hành các tình huống giao tiếp cùng thầy cô giáo. Phát huy sự sáng tạo khi tự tư duy và tìm tòi, thử nghiệm các giải pháp những mô hình mới, những bài học mới, việc chơi mà học – học mà chơi, trẻ sẽ tìm được đam mê ngay trong những trò chơi và môn học lồng ghép giúp trẻ phát triển tốt khả năng của não bộ cả về tư duy, logic, sự sáng tạo, ngôn ngữ mạch lạc. Đây là những phẩm chất cốt yếu tạo nền tảng vững chắc để trẻ sẵn sàng bước vào kỷ nguyên công nghệ 4.0 hay một lập trình viên tương lai.

Ứng dụng Robot trong giáo dục trẻ ở lứa tuổi mầm non là phương pháp giáo dục có hiệu quả tốt, giúp trẻ thông qua cách “Học bằng chơi, chơi mà học” tiếp thu tốt kiến thức, biết thực hành các kỹ năng cần thiết, tạo điều kiện cho trẻ khai mở tiềm năng và trí thông minh vượt trội của mỗi cá nhân để phát triển toàn diện. Trẻ em học tốt nhất khi kiến thức được tiếp thu trong trạng thái tinh thần hứng khởi tự nhiên, tràn đầy năng lượng và óc tò mò.

- Sử dụng công nghệ thực tế ảo

Ứng dụng công nghệ thực tế ảo hỗ trợ trẻ em rèn luyện và cải thiện kỹ năng nói tiếng Anh, với những câu chuyện và các nhân vật theo từng nhóm ngành nghề, tạo ra những tình huống có tính ứng dụng trong thực tế, giúp trẻ em tưởng tượng, nhập vai để luyện tập và nâng cao kỹ năng nói tiếng Anh. Tham gia vào công nghệ thực tế ảo English, các bé sẽ được hóa thân thành một nhân vật, hoàn thành các thử thách bằng cách giao tiếp với các nhân vật giả lập. Đây là nơi các em học sinh được tự do khám phá tiếng Anh, tiếp thêm động lực để trau dồi kiến thức mới mỗi ngày. Công nghệ thực tế ảo English hướng tới việc tạo động lực để thúc đẩy trẻ em luyện tập hàng ngày, khiến việc nói tiếng Anh không còn là nỗi sợ. Kiến thức thực tế được triển khai dưới dạng một câu chuyện với hệ thống nhân vật ảo tạo cho các em cảm giác đang trò chuyện với một người bạn thực sự trên ứng dụng.

5. Phương pháp cho trẻ làm quen tiếng Anh

Phương pháp cho trẻ làm quen tiếng Anh được dựa trên các phương pháp cơ bản của giáo dục mầm non kết hợp các kỹ năng mềm như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng chờ đến lượt.

- Phương pháp thực hành sự phạm cũng được chú trọng sử dụng thường xuyên giúp trẻ dễ nhớ việc sử dụng ngôn ngữ thông qua các hoạt động hỏi đáp, trò chơi, các bài văn, các bài hát, các câu hội thoại ngắn trong các câu truyện;

- Phương pháp phản xạ toàn thân (TPR): sử dụng ngôn ngữ cơ thể để đồng thời với ngôn ngữ nói, giúp trẻ cảm nhận và hiểu và nhớ được ý nghĩa của ngôn từ;

- Phương pháp sử dụng các bài hát Super Simple Songs trên kênh youtube.

- Phương pháp sử dụng những giáo cụ trực quan (tranh ảnh thật, màu sắc tươi sáng, nhân vật thân thiện gần gũi với trẻ) trong lớp học.

Cho trẻ làm quen với ngoại ngữ (tiếng Anh) ngay từ khi trẻ ở độ tuổi mầm non là một việc làm cần thiết, tuy nhiên cần phải sáng suốt lựa chọn những phương pháp đem lại hiệu quả cho trẻ, tránh áp đặt trẻ phải học tiếng Anh như cách thức đối với những người trưởng thành. Việc cho trẻ làm quen với tiếng Anh không chỉ diễn ra tại trường học mà còn có thể diễn ra ở những môi trường khác nhằm tăng hứng thú và củng cố

những gì trẻ đã được học được ở trường một cách rất hiệu quả. Tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh cả trong trường mầm non lẫn trong cuộc sống hằng ngày là một việc làm mà các bậc phụ huynh, các nhà giáo dục cần phải suy nghĩ để tìm ra những phương án tối ưu nhất nhằm tạo cho trẻ sự hứng thú và hình thành ý thức yêu thích môn ngoại ngữ này khi bước vào trường phổ thông. Trên đây, tác giả đã giới thiệu những nội dung cơ bản trong tổ chức cho trẻ làm quen với tiếng Anh tại cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt là việc ứng dụng Công nghệ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả trong tổ chức cho trẻ làm quen với Tiếng Anh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. GS.TS Nguyễn Lộc (2014), *Nghiên cứu cơ sở khoa học và giải pháp cho trẻ mầm non làm quen với ngoại ngữ*, V2012 - 01NV.
2. Trần Thị Hương (2012), *Dạy học tích cực*, NXB Đại học Sư phạm TP. HCM
3. Andrew Wright (2004), *Storytelling with children* - Oxford University Press
4. Carolyn Graham (2004), *Creating chants and songs* - Oxford University Press
5. Gordon Lewis with Günther Bedson (2008), *Games for children* - Oxford University Press
6. Sara Philips (2004), *Drama with children*- Oxford University Press
7. Sara Philips (2004), *Young learners* - Oxford University Press

XÂY DỰNG LỚP HỌC HẠNH PHÚC BẰNG CẢM XÚC TÍCH CỰC CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON

TS. Phạm Thị Huyền

Viện Khoa học Giáo dục
Việt Nam

TS. Nguyễn Thị Hồng Vân

Trưởng khoa GDMN – Trường
CĐSP Trung ương

Tóm tắt: *Xây dựng lớp học hạnh phúc là điều mà cả xã hội mong muốn đối với giáo dục. Lớp học hạnh phúc đem lại cho trẻ cảm giác vui vẻ, thoải mái, đúng với phương châm “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”. Lớp học hạnh phúc phải được xây dựng từ cảm xúc của người giáo viên. Các biện pháp xây dựng lớp học hạnh phúc bằng cảm xúc tích cực của người giáo viên mầm non: (1) Bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho bản thân người giáo viên mầm non; (2) Hình thành, bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho trẻ qua tương tác hàng ngày, qua các trò chơi, qua những câu chuyện, bài thơ, bài hát, qua hoạt động trải nghiệm.*

Từ khoá: *hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, cảm xúc tích cực, giáo viên mầm non*

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết giáo dục mầm non là một bộ phận quan trọng trong hệ thống giáo dục quốc dân, có vai trò trong việc hình thành tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, nhân cách cho trẻ. Nhà giáo dục người Anh Herbert Spencer nói: "Mục đích của giáo dục không phải đáp ứng những yêu cầu cứng nhắc nhất định, mà là làm cho trẻ em trở thành một con người hạnh phúc và trong quá trình học tập trẻ cũng nên được hạnh phúc" [1]. Vậy câu hỏi đặt ra cho chúng ta rằng hạnh phúc là gì? Lớp học hạnh phúc là gì? Và làm thế nào để xây dựng lớp học hạnh phúc dành cho trẻ?

Tuy nhiên, thực tế khi giáo viên muốn làm tròn các vai trò, muốn đạt tất cả sự kỳ vọng của mình và xã hội đặt ra đã tạo áp lực quá lớn lên chính bản thân. Giáo viên mong muốn trẻ yêu thích đến lớp, ngoan ngoãn, muốn mình đạt mọi chuẩn mực, thành tích, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao đã vô tình áp đặt lên trẻ. Đến lúc thực tế trẻ không đạt được những gì mình mong muốn, khiến giáo viên thất vọng, mệt mỏi, chán nản và mất dần đam mê với nghề, dễ dẫn đến những hành vi lệch lạc, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sự phát triển về mặt tinh thần lẫn thể chất của trẻ. Thậm chí nhiều giáo viên có ý định bỏ nghề và thực tế đã xảy ra tình trạng này rất nhiều đối với cấp học giáo dục mầm non trong năm gần đây.

Qua sử dụng trắc nghiệm tâm lí MSCEIT (*Mayer -Salovey - Caruso Test of Emotionnal Intelligence*) là một Test trí tuệ cảm xúc: “Những cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non giảm dần, việc giải tỏa cảm xúc tiêu cực trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ còn hạn chế. Có 50,5% giáo viên lặng lẽ chịu đựng hoặc 53,9% tự lẳng xuống”. Cũng theo MSCEIT về đổi mới giáo dục theo tiếp cận năng lực: “Phát triển trí tuệ cảm xúc là yếu tố quan trọng giúp trẻ em thành công ở học đường, tuy nhiên có tới

68% trẻ mầm non không chịu tới trường hoặc 73,6% trẻ đến trường ngại thể hiện cảm xúc” [2].

Với những con số thực tế đáng báo động như vậy, chúng tôi nhận thấy rằng việc bồi dưỡng cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non và hình thành, bồi dưỡng cảm xúc cho trẻ là yếu tố quan trọng có ý nghĩa quyết định việc xây dựng lớp học hạnh phúc.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Lớp học hạnh phúc

Theo Platon, hạnh phúc có thể phân chia theo các cấp bậc: hạnh phúc xác thịt, hạnh phúc bên ngoài và hạnh phúc về tâm hồn [3].

Theo K.Max “Người hạnh phúc nhất là người đem đến hạnh phúc cho nhiều người nhất...”. Ông cũng viết “Chỉ có cảm thú mới quay mặt trước nỗi đau của đồng loại, mà chăm lo cho hạnh phúc riêng của mình” [4].

Theo Từ điển Bách khoa toàn thư: “Hạnh phúc là một trạng thái tâm trí và cảm xúc tích cực, cảm xúc vui sướng, hài lòng của con người trong cuộc sống khi được đáp ứng, thỏa mãn các nhu cầu cầu vật chất và tinh thần” [5].

Vậy, với trẻ mầm non, thế nào là một “Lớp học hạnh phúc”?

“Lớp học hạnh phúc là nơi tràn ngập tình yêu thương, tin tưởng và tôn trọng, là điểm đến thoải mái và vui thích của trẻ. Mỗi lớp học hạnh phúc sẽ tạo nên một môi trường mà ai tham gia cũng cảm thấy hạnh phúc, giúp cho mỗi cá nhân thiết lập được các tình cảm lành mạnh, góp phần phát triển nhân cách tốt đẹp” [6].

Một lớp học hạnh phúc không chỉ là nơi trẻ yêu thích, mà còn là nơi giúp giáo viên hình thành và duy trì các trạng thái cảm xúc tích cực, cảm thấy thoải mái khi tiếp xúc với trẻ, với đồng nghiệp, với phụ huynh, yêu công việc chăm sóc, giáo dục trẻ và mang tâm thái “Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”. Xây dựng “Trường học/lớp học hạnh phúc” là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục mầm non, nhằm giúp cho đội ngũ giáo viên ngày càng vững mạnh về mọi mặt và tự tin, tích cực, chủ động, sáng tạo trong công cuộc đổi mới giáo dục, mang đến nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc cho trẻ thơ.

2.1.2. Cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non

Cảm xúc là trạng thái tâm lý của con người trước sự tác động của yếu tố bên ngoài. Khi có một tác nhân kích thích, con người sẽ phản ứng bằng trạng thái như vui, thích thú, phấn khích, buồn, khó chịu...Do vậy, cảm xúc thường dễ xuất hiện và dễ mất đi, không có tính ổn định.

Có nhiều cách phân loại cảm xúc, song cách phân loại phổ biến là chia thành 2 loại: cảm xúc tích cực và cảm xúc tiêu cực.

Cảm xúc tích cực là những trạng thái tâm lý tích cực của con người trước những sự việc xảy ra trong cuộc sống. Những cảm xúc này mang lại cảm giác hạnh phúc, thỏa mãn, vui vẻ, lạc quan, thích thú... Cảm xúc tích cực là yếu tố có tính chất tương

đôi, phụ thuộc nhiều vào đặc điểm của sự việc, tính cách và điều kiện sống của mỗi người. Thông thường, cảm xúc tích cực sẽ được tạo ra khi chúng ta nhận được lời khen, sự tán thưởng hoặc trải qua sự kiện bất ngờ có tính chất vui vẻ.

Cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non là trạng thái tâm lý vui vẻ, hạnh phúc, lạc quan, yêu đời, yêu nghề, yêu trẻ... Cảm xúc này được thể hiện trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên, kể cả khi họ phải vất vả khi chăm sóc - giáo dục trẻ, hay phải đối diện với những áp lực khác. Cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non sẽ đem lại không khí vui tươi, thân thiện giữa giáo viên với trẻ, giữa trẻ với trẻ, giữa các giáo viên với nhau. Đó là nền tảng để xây dựng lớp học hạnh phúc.

2.1.3. Ảnh hưởng của lớp học hạnh phúc đối với sự phát triển của trẻ mầm non

Lớp học hạnh phúc ảnh hưởng lớn đến việc hình thành nhận thức, tình cảm và hành vi của trẻ cũng như hiệu quả chăm sóc, giáo dục trẻ của giáo viên mầm non. Một lớp học mà giáo viên luôn tôn trọng, thể hiện sự quan tâm và khích lệ, có sự tin tưởng vào trẻ, có sự khách quan và công bằng trong đối xử với trẻ, xây dựng được một tập thể đoàn kết, gắn bó, vui vẻ, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau thì trẻ sẽ có nhiều cơ hội hoạt động và phát huy được tính tích cực, chủ động và sáng tạo.

a) Đối với sự phát triển thể chất: Lớp học hạnh phúc sẽ tạo ra sự thân mật, gần gũi giữa giáo viên với trẻ. Nhờ có sự tiếp xúc trực tiếp về mặt cơ thể của giáo viên với trẻ như bế ẵm, xoa nắn, vuốt ve... giúp cho cơ thể trẻ được phát triển. Đồng thời, nhờ bầu không khí ấm áp, thoải mái, đầy ắp tình yêu thương của lớp học hạnh phúc khiến trẻ mạnh dạn, tích cực, chủ động tham gia các hoạt động thể chất, từ đó các kỹ năng vận động thô, vận động tinh được rèn luyện và các tố chất thể lực như nhanh, mạnh, khéo, bền đều được phát triển.

b) Đối với sự phát triển nhận thức: Lớp học hạnh phúc có sự an toàn và khuyến khích, hỗ trợ của giáo viên tạo cho trẻ nhiều cơ hội để thăm dò, thử nghiệm, khám phá những điều mới mẻ của thế giới xung quanh. Trẻ được thực hiện các hoạt động với đối tượng, hoạt động giao tiếp với giáo viên, với bạn, nhờ đó các quá trình nhận thức cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng được hình thành và phát triển.

c) Đối với sự phát triển tình cảm: Lớp học hạnh phúc với những xúc cảm tích cực của giáo viên, của các bạn tạo điều kiện cho trẻ được tự do tiếp xúc với các sự vật hiện tượng của thế giới xung quanh; sự giao tiếp cởi mở, thân thiện giữa cô với trẻ, giữa trẻ với nhau tạo cơ hội cho mỗi trẻ được chia sẻ, bày tỏ nguyện vọng, mong ước với cô giáo, với bạn bè, nhờ vậy mà cô hiểu trẻ hơn, trẻ hiểu nhau hơn, hoạt động phối hợp nhịp nhàng hơn nên hiệu quả hoạt động cũng cao hơn, trẻ yêu trường, yêu lớp, yêu cô giáo và bạn bè hơn. Các mối quan hệ gần gũi, thân thiện cũng làm nảy sinh ở trẻ những xúc cảm tích cực như thoải mái, dễ chịu, vui thích, ấm áp, sung sướng, phấn khởi vui vẻ, buồn rầu, giận hờn, yêu ghét... đối với con người, động vật, thực vật, hiện tượng tự nhiên, đồ vật, đồ chơi. Đây là cơ sở để hình thành những tình cảm tích cực của trẻ như tình anh em, tình bạn, tình thầy trò, tình yêu quê hương, đất nước...

d) *Đối với sự phát triển hành vi:* Trong lớp học hạnh phúc có những quy định, quy tắc mà khi hoạt động trong môi trường đó trẻ em hiểu cần phải thể hiện thái độ và thực hiện những hành vi như thế nào mới phù hợp và trẻ tự giác thực hiện. Từ đó các phẩm chất nhân cách của con người như tính trách nhiệm, trung thực, khiêm tốn, nhân hậu, chu đáo, sự quan tâm, chia sẻ... được hình thành ở trẻ. Bên cạnh đó, trẻ còn lĩnh hội những chuẩn mực hành vi xã hội nhất định phù hợp với các quan hệ xã hội của trẻ một cách nhẹ nhàng, tự nhiên như bạn bè biết nhường nhịn nhau, biết chia sẻ đồ chơi, biết quan tâm đến bạn...

2.2. Một số biện pháp xây dựng lớp học hạnh phúc bằng cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non

Để xây dựng được lớp học hạnh phúc thực sự, giáo viên cần tạo ra môi trường tràn ngập tình yêu thương, an toàn, thân thiện để giúp trẻ có được trạng thái vui vẻ, trẻ cảm nhận được tình yêu thương, sự chia sẻ, tôn trọng của cô giáo dành cho mình. Đồng thời, trẻ cảm thấy yên tâm, tin tưởng và đầy hứng thú khi đến lớp, từ đó trẻ thỏa sức khám phá, trải nghiệm thế giới xung quanh.

Để xây dựng lớp học hạnh phúc, bản thân người giáo viên mầm non phải có kỹ năng quản lý cảm xúc để luôn cảm thấy vui vẻ, hạnh phúc khi đến lớp. Cảm xúc tích cực đó khiến giáo viên có được diện mạo tươi tắn, thân thiện, những lời nói, cử chỉ, việc làm đem đến niềm vui, niềm hạnh phúc, sự an toàn cho trẻ và cho những người xung quanh. Sau đây là một số biện pháp xây dựng lớp học hạnh phúc bằng cảm xúc tích cực của giáo viên mầm non:

2.2.1. Biện pháp 1: Bồi dưỡng cảm xúc tích cực của bản thân người giáo viên mầm non

Việc chăm sóc, giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non đòi hỏi giáo viên phải hiểu trẻ, nắm vững khoa học nuôi, dạy trẻ và không ngừng nỗ lực và cố gắng từng ngày bởi giáo viên chịu nhiều áp lực từ yêu cầu đổi mới của ngành học, cấp học, từ lòng mong mỏi của phụ huynh, từ trọng trách “trồng người” do xã hội giao phó... Với rất nhiều áp lực như vậy, liệu giáo viên có hạnh phúc khi đến trường? Giáo viên có đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho trẻ được không? Những căng thẳng, lo lắng của giáo viên sẽ lây lan, ảnh hưởng tới trẻ em như thế nào?... Biết bao câu hỏi đặt ra và chỉ có bản thân người giáo viên mầm non mới tháo gỡ được những thắc mắc này. Có thể khẳng định, muốn xây dựng một lớp học hạnh phúc thì trước tiên giáo viên phải là người hạnh phúc, giáo viên có những xúc cảm tích cực, yêu trẻ, yêu công việc chăm sóc, giáo dục trẻ thì mới tạo ra được những em bé hạnh phúc. Do vậy, để bồi dưỡng cảm xúc tích cực của bản thân, giáo viên mầm non cần:

- Tìm cách loại bỏ những căng thẳng, những áp lực trong công việc.
- Rèn luyện kỹ năng kiểm soát cảm xúc trong cuộc sống hằng ngày bằng cách bồi dưỡng tâm hồn mình trở nên tích cực hơn, hạnh phúc hơn.

- Tìm hiểu qua sách, qua mạng internet và tham gia các buổi tập huấn, hội thảo giúp bản thân hiểu hơn, dũng cảm thay đổi lối mòn, thay đổi bản thân.

- Không ngừng phát triển bản thân bằng việc học hỏi, trau dồi kiến thức chuyên môn giúp bản thân tự tin và cảm giác thành công trong công việc.

- Tập cách hài lòng với những thứ mình đang có và sẵn sàng bứt phá, sẵn sàng hướng tới mục tiêu mình đặt ra.

- Nghe các bản nhạc mà mình yêu thích: Giúp bản thân giảm stress căng thẳng, tỉnh táo hơn. Kiểm soát, chuyển hóa những cảm xúc tiêu cực sẽ mang lại hiệu quả nhiều hơn trong công tác nuôi dạy trẻ.

- Đọc và chia sẻ các câu chuyện có giá trị bồi dưỡng tâm hồn, uơm mầm thiện lương.

- Chăm sóc bản thân: Dành thời gian quý giá để chăm sóc bản thân, bài tập thể dục giúp bản thân khỏe mạnh và có tinh thần như Yoga, Erobic...

- Tập thói quen nhìn nhận người khác bằng thái độ tích cực. Xây dựng mối quan hệ đồng nghiệp tốt, tạo cơ hội để chia sẻ kinh nghiệm, ý tưởng trong tổ chức các hoạt động giáo dục. Tạo sự gắn kết và hỗ trợ với đồng nghiệp để luôn cảm thấy được đồng viên và có cảm giác vui vẻ trong công việc.

Bên cạnh đó, người giáo viên học cách quản lý cảm xúc trong mọi tình huống. Trước vấn đề nào đó xảy ra thì thả lỏng người, hít thở sâu; bình tĩnh nhìn nhận sự việc theo đúng những gì đang diễn ra, không suy luận và gán vào hiện thực những ý nghĩ tiêu cực; sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, mạch lạc, đúng mực, luôn đảm bảo sự tôn trọng đối tượng giao tiếp - với trẻ là thái độ bao dung, yêu thương, trách nhiệm; với đồng nghiệp là thái độ cầu tiến, hợp tác, học hỏi; với phụ huynh là sự tôn trọng, phối hợp.

Bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho bản thân và quản lý tốt cảm xúc giúp giáo viên làm chủ hoạt động giao tiếp, có được trạng thái cảm xúc cân bằng, từ đó, lan tỏa cảm xúc tích cực đến trẻ, đến những người xung quanh, mang lại hiệu quả cao trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2.2. Biện pháp 2: Hình thành, bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho trẻ

a) Hình thành, bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho trẻ qua tương tác hàng ngày

Hàng ngày, khi tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ giáo viên coi trẻ như một chủ thể độc lập, tích cực; nói với trẻ bằng thái độ nhẹ nhàng, thể hiện tình cảm yêu thương, trìu mến; sử dụng từ ngữ đơn giản, gần gũi, dễ hiểu; sử dụng câu đầy đủ thành phần. Với cách giao tiếp này, giáo viên dễ dàng tạo nên ở trẻ những cảm xúc tích cực, trẻ cảm thấy an toàn, yên tâm, tự tin, thấy mình được tôn trọng được thừa nhận, đồng thời, trẻ cũng học được cách thể hiện cảm xúc trong giao tiếp.

Để hình thành và phát triển cảm xúc cho trẻ, giáo viên có thể giúp trẻ nhận diện và nói lên được cảm xúc của mình bằng những câu hỏi như “*Con có cảm thấy vui khi dạo chơi ở sân trường không?*”, “*Con có nhớ lúc chơi bập bênh/cầu trượt với bạn con*

cảm thấy thế nào không?”, “Cô vừa kể chuyện cho con nghe, con có thích nghe kể chuyện không? Con thích nhân vật nào? Vì sao con thích?”...

Giáo viên cũng có thể dùng những câu nói thể hiện sự quan tâm, khích lệ trẻ, phát huy ở trẻ sự tự tin vào bản thân, mạnh dạn thể hiện cảm xúc của mình như “*Cô thấy con sắp xếp bàn ăn rất cẩn thận, cô rất vui về điều đó*”, “*Con sắp hoàn thành bài vẽ rồi, con cố lên nhé*”, “*Bạn Hải đang háo hức muốn biết bên trong quả bưởi có gì phải không nào?*”



(Hoạt động Khám phá quả bưởi tại lớp B5, Trường MNTH Hoa Hồng)

Đồng thời, giáo viên có thể hướng dẫn trẻ quan sát, gọi tên thái độ, cảm xúc của những người xung quanh, từ đó giúp trẻ định hướng hành vi giao tiếp ứng xử phù hợp. Ví dụ: “*Hôm nay bạn An hơi mệt, các con nói nhỏ để bạn nghỉ ngơi nhé!*”, “*Các con hãy xem lớp còn vắng bạn nào? Cô nên làm gì để biết vì sao bạn chưa đến lớp?*”,...

b) Hình thành, bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho trẻ qua trò chơi

Vui chơi luôn là cách giáo dục hiệu quả nhất đối với trẻ mầm non, chơi mà học học bằng chơi giúp trẻ hứng thú và dễ dàng tiếp nhận kiến thức, kỹ năng. Chính vì vậy, để hình thành cảm xúc tích cực cho trẻ có hiệu quả, giúp các con có những hành vi tích cực và dễ dàng kiểm soát cảm xúc, kiểm soát hành vi thì việc giáo dục, hình thành cảm xúc cho trẻ qua các trò chơi là biện pháp hay và đáng lựa chọn.

Khi chơi cùng trẻ, giáo viên biểu hiện các cảm xúc vui vẻ, buồn rầu, giận dữ, lo lắng, ngạc nhiên... qua ánh mắt, nét mặt, cử chỉ để trẻ đoán và mô tả bằng lời những trạng thái cảm xúc đó. Giáo viên tổ chức cho trẻ chơi với nhau. Hoặc, giáo viên khuyến khích trẻ chia sẻ kinh nghiệm và cùng trẻ chơi trò chơi. Điều này đem lại cảm xúc thích thú và sự hưng phấn của trẻ khi chơi.



Hoạt động góc tại lớp B3 Trường MNTH Hoa Thủy Tiên

Với chủ đề “gia đình”, giáo viên có thể hình thành cho trẻ kỹ năng hợp tác, bày tỏ cảm xúc, nói lời yêu thương với người thân, cô giáo, bạn bè. Giáo viên tổ chức trò chơi “Thiên yêu thương” giúp xây dựng lòng trắc ẩn và nhiều cảm xúc tích cực. Giáo viên bật nhạc cho trẻ nghe và trong khi thiên giáo viên khuyến khích trẻ nghĩ về những người thân yêu và gửi những điều tốt đẹp đến họ như “Con chúc ông bà mạnh khỏe,

sống lâu”; “Con chúc bố, mẹ có nhiều niềm vui”; “Con chúc cô xinh đẹp”; “Tớ chúc bạn mau khỏe lại để đi học cùng tớ”

Thông qua những trò chơi vận động giáo viên cũng có thể hướng dẫn trẻ bộc lộ xúc cảm, tình cảm với nhau. Những trò chơi như “Chuyền bóng”, “Ô tô và chim sẻ”, “Mèo đuổi chuột”, “Chạy tiếp sức”... khi trẻ chuyền bóng cho nhau, khi trẻ biết giúp đỡ, đoàn kết để hoàn thành trò chơi thì giáo viên có thể hướng dẫn trẻ bày tỏ tình cảm với bạn như “Cảm ơn bạn đã chuyền bóng cho tớ”, “Tớ rất vui khi bạn bảo vệ tớ khi tớ là chuột”, “Chơi với cậu rất vui, lần sau mình lại cùng đội nhé”...

c) Hình thành, bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho trẻ thông qua những câu chuyện, bài thơ, bài hát

Để trẻ sau này trở thành một người con ngoan, trò giỏi, có đạo đức tốt, biết quan tâm, yêu thương giúp đỡ mọi người, là người con hiếu thảo với cha mẹ, ông bà thì ngay ở độ tuổi mầm non trẻ cần có sự quan tâm, yêu thương, giáo dục từ gia đình, nhà trường. Trẻ em lứa tuổi mầm non rất yêu thích các hoạt động nghệ thuật, đặc biệt là trẻ rất thích kể chuyện, đọc thơ, diễn kịch, ca hát, nhảy múa. Trẻ mầm non với đặc tính dễ xúc động, dễ đồng cảm luôn quan tâm đến thế giới xung quanh, trẻ tin vào những điều được nghe, hoà đồng vào đối tượng được phản ánh trong tác phẩm, trong hình tượng nghệ thuật. Trong quá trình ấy khả năng “vật ngã đồng nhất” của trẻ được phát triển, trẻ biểu lộ rất nhanh thái độ của mình, trẻ yêu những ca từ, giai điệu đẹp, yêu nhân vật thiện, ghét nhân vật ác, đôi khi trẻ tham gia vào câu chuyện, đối thoại với nhân vật, mong muốn làm thay đổi số phận của nhân vật mà trẻ yêu thích [7]. Việc tổ chức các hoạt động nghệ thuật cho trẻ tham gia, ngoài phát triển kiến thức và năng lực, chủ yếu vẫn là tạo phong cách sống, tạo ra những xúc cảm cho trẻ.

Ở trường mầm non, giáo viên lựa chọn những câu chuyện, bài thơ, bài hát có chủ đề về gia đình, nhà trường, tình bạn, tình thân...phù hợp với lứa tuổi để mang đến cho trẻ. Các hoạt động ca hát, nhảy múa, đọc thơ, kể chuyện, diễn kịch...vừa tạo cho trẻ cảm xúc vui vẻ, hào hứng, thích thú, vừa hình thành, bồi dưỡng cho trẻ tình yêu thương, sự sẻ chia với người thân, cô giáo, bạn bè, các con vật, cỏ cây, hoa lá, các hiện tượng tự nhiên...Ví dụ: Thông qua câu chuyện “Bác gấu đen và hai chú thỏ” giáo viên giúp trẻ hiểu trong cuộc sống cần biết quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh. Hay, khi dạy trẻ đọc diễn cảm bài thơ “Yêu mẹ” giáo viên giúp trẻ hiểu sự vất vả của mẹ để chăm sóc gia đình và hướng dẫn trẻ bày tỏ tình cảm với mẹ bằng câu nói “Con yêu mẹ lắm”.

Có thể nhận thấy, việc giáo viên sử dụng các bài hát, điệu múa, bài thơ, câu chuyện giúp trẻ tiếp nhận kiến thức một cách nhẹ nhàng, không gò bó. Đồng thời, việc hình thành, phát triển xúc cảm, tình cảm cho trẻ cũng dễ dàng đạt hiệu quả.

d) Hình thành, bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho trẻ thông qua hoạt động trải nghiệm

Nhu cầu tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh được thể hiện rõ nét ở trẻ mầm non, trẻ thường đặt câu hỏi “Đây là cái gì? Cái này dùng để làm gì? Sử dụng nó như thế nào? Tại sao lại làm như vậy?...Có thể nói rằng trẻ luôn tò mò, muốn tìm hiểu về mọi người, mọi thứ xung quanh. Hoạt động trải nghiệm giúp trẻ thỏa mãn nhu cầu đó và làm nảy sinh ở trẻ những xúc cảm mới để trẻ tiếp tục quá trình học hỏi, khám phá thế giới. Tham gia hoạt động trải nghiệm trẻ được tiếp xúc, trực tiếp thực hiện hành động với các sự vật, hiện tượng, được gia nhập các mối quan hệ xã hội, có sự tương tác với giáo viên,

với bạn...từ đó trẻ mở rộng vốn kinh nghiệm sống, đồng thời trẻ cũng có cơ hội bộc lộ khả năng, bộc lộ xúc cảm, tình cảm của bản thân. Giáo viên có thể tổ chức cho trẻ tham gia những hoạt động trải nghiệm phù hợp với điều kiện thực tế như “Một ngày làm thợ gốm”, “Làm bác nông dân thu hoạch nông sản”, “Làm bánh”, “Làm bưu thiếp”, “Làm bao lì xì”, “Làm người thợ cắm hoa”, “Làm người dẫn chương trình”,...



**Hoạt động làm bánh hạt dẻ - Lớp B9
Trường MNTH Hoa Hồng**

Những sản phẩm trẻ thu hoạch, làm ra, những lời cảm ơn, những tràng pháo tay ghi nhận của cô giáo, của các bạn tạo cho trẻ niềm vui, niềm hạnh phúc lớn lao. Có thể nhận thấy: Hoạt động trải nghiệm không chỉ giúp trẻ tích lũy vốn hiểu biết về xã hội, hình thành, rèn luyện các kỹ năng sống cần thiết mà quan trọng hơn đó là tạo cho trẻ niềm vui, niềm hạnh phúc khi trẻ được tự làm, được cảm nhận niềm vui của sự cho đi, lan tỏa yêu thương và lòng nhân ái được ươm mầm, vun đắp từ đó. Ví dụ:

Hoạt động trải nghiệm “Làm bao lì xì - Tết sẻ chia”.

Nội dung: Làm bao lì xì bán trong Hội chợ Tết để gây quỹ tặng quà những bạn ở vùng thiên tai/những bạn mắc bệnh hiểm nghèo/những bạn có hoàn cảnh khó khăn. Sau khi cùng trẻ chuẩn bị các nguyên vật liệu, giáo viên tổ chức cho trẻ hoạt động theo nhóm:

- Nhóm 1: Dán bao lì xì, làm bao lì xì từ các nguyên vật liệu tự nhiên.
- Nhóm 2: Phân loại, sắp xếp theo màu sắc, kích thước, hình dạng
- Nhóm 3: Làm hộp đựng quỹ ủng hộ
- Nhóm 4: Chuẩn bị những lời chúc, lời chia sẻ động viên các bạn và quay video quá trình các nhóm thực hiện hoạt động.

2.3. Hiệu quả các biện pháp

2.3.1. Đối với trẻ

Trẻ yêu cô, yêu bạn, mong chờ được tới lớp, tới trường, có thái độ vui vẻ, hứng thú, chủ động tham gia các hoạt động giáo viên tổ chức.

Trong môi trường an toàn, thân thiện trẻ thoải mái thể hiện xúc cảm, rung động rõ ràng với những tình huống cụ thể, với sự vật xung quanh, biết bày tỏ suy nghĩ của bản thân, biết dành tình cảm phù hợp với người thân, cô giáo, bạn bè và mọi người xung quanh, giảm tối đa cảm xúc cũng như hành vi tiêu cực.

Trẻ thuận lợi trong việc thiết lập các mối quan hệ xã hội, vòng quan hệ bạn bè vững chắc, biết đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, trẻ nhận được cảm giác hạnh phúc nhiều hơn khi hòa đồng, thấu hiểu người khác và được người khác ghi nhận, thấu hiểu.

2.3.2. Đối với giáo viên

Tự bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho bản thân và xây dựng lớp học hạnh phúc với cảm xúc yêu thương bao trùm giúp giáo viên có được niềm vui trong công việc, trở nên tích cực hơn, cảm thấy yêu nghề, yêu trẻ hơn, cảm nhận “ Mỗi ngày đến trường là một ngày vui”.

Đồng thời, giáo viên được Ban giám hiệu, các cấp quản lý đánh giá cao trong việc thực hiện chuyên đề “Xây dựng lớp học hạnh phúc” trong năm học; giáo viên cũng được phụ huynh càng ngày càng yêu quý và tin tưởng.

2.3.3. Đối với phụ huynh:

Đồng hành cùng giáo viên trong chăm sóc, giáo dục trẻ giúp phụ huynh hiểu rõ hơn về suy nghĩ, mức độ nhận thức, tính cách và sở thích của con mình; hiểu hơn công việc, vai trò của người giáo viên đối với sự phát triển của trẻ. Từ đó, phản hồi, tương tác tích cực với giáo viên qua các kênh thông tin, dành thời gian bên con nhiều hơn. Đồng thời, phụ huynh cũng học được ở giáo viên cách thức giao tiếp, cách thức chơi, học cùng con hiệu quả, tạo cho con nhiều niềm vui, niềm hạnh phúc hơn.

3. Kết luận

Người giáo viên mầm non đóng vị trí vô cùng quan trọng trong việc xây dựng lớp học hạnh phúc. Cảm xúc tích cực của người giáo viên có ảnh hưởng quyết định đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ, đến hạnh phúc của trẻ khi ở lớp. Bởi, khi đó giáo viên cảm thấy yêu nghề, mến trẻ, lan toả cảm xúc yêu thương đó đến trẻ để trẻ cảm thấy hạnh phúc, yên tâm khi ở bên cô. Trẻ sẽ yêu thích, vui vẻ, mong chờ được tới lớp, có thái độ tích cực, hứng thú tham gia các hoạt động cô tổ chức. Đồng thời, trẻ cũng biết bộc lộ những cảm xúc tích cực, thực hiện những hành vi phù hợp với quy tắc đạo đức xã hội mà trẻ tích lũy được khi tham gia các hoạt động cùng cô, cùng bạn. Đó là nền tảng để hình thành, phát triển nhân cách tốt đẹp cho trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước. Muốn xây dựng được môi trường xã hội an toàn, lành mạnh, thân thiện, yêu thương, tin tưởng, tôn trọng – là điểm đến yêu thích của trẻ mỗi ngày thì bản thân người giáo viên phải luôn ý thức được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc

xây dựng lớp học hạnh phúc bằng cách tự bồi dưỡng cảm xúc tích cực cho bản thân và thông qua các hoạt động phong phú ở trường giáo viên hình thành, bồi dưỡng cho trẻ những xúc cảm, tình cảm tốt đẹp của con người./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. <https://vnexpress.net/mat-trai-cua-triet-ly-giao-duc-hanh-phuc>
2. Nguyễn Thị Thanh Huyền, *Biện pháp bồi dưỡng trí tuệ cảm xúc cho giáo viên mầm non trong hoạt động nghề nghiệp ở trường mầm non*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 41 tháng 5/2021, trang 29-33.
3. Luc Brisson, *Le bonheur selon Platon*, Le Point, 20 octobre 2016.
4. Karl Marx, 1835, *Reflection of a Young Man on The Choice of a Profession*, Lưu trữ 2020-01-24 tại Wayback Machine tại Marxists Internet Archive.
5. GS Hoàng Phê (2021), *Từ điển bách khoa toàn thư*, tái bản, Viện ngôn ngữ học.
6. <http://thtayson.pgdtienhai.edu.vn/tin-tuc/tin-tuc-giao-duc> Phan Thị Sơn, Phạm Thị Thu Mai - Phòng giáo dục đào tạo Tiên Hải, xây dựng lớp học hạnh phúc cho trẻ 5 - 6 tuổi.
7. Hà Nguyễn Kim Giang, *Cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học – Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Quốc gia HN 2002.

KINH NGHIỆM THỰC HÀNH HƯỚNG TIẾP CẬN REGGIO EMILIA TRONG LỚP HỌC MẦM NON VIỆT NAM

Bùi Vu Thanh

Nhà sáng lập Global Embassy

Phạm Doãn Hà My

Tổng Giám đốc Global Embassy

Phạm Ngọc Châu

Giám đốc Học thuật tại Global Embassy

Đơn vị độc quyền đại diện Reggio Emilia tại Việt Nam

Tóm tắt: *Hướng tiếp cận Reggio Emilia không được xác định bởi một phương pháp hay một chương trình học cụ thể. Thay vào đó, việc áp dụng Reggio Emilia đòi hỏi sự nghiên cứu và diễn giải sâu sắc từ các nhà giáo dục, sau đó triển khai nó trong ngữ cảnh cụ thể của tổ chức giáo dục đang hoạt động. Quá trình này tiếp tục thông qua sự cập nhật và nghiên cứu liên tục, không chỉ để đồng bộ với chương trình giáo dục quốc gia mà còn để đáp ứng những biến đổi và phát triển của xã hội, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Điều này tạo nên những điểm mạnh độc đáo, song đồng thời tạo ra những thách thức khi thực hiện. Bài viết này cung cấp những kinh nghiệm thực tế trong việc áp dụng Hướng tiếp cận Reggio Emilia trong môi trường lớp học Việt Nam.*

Từ khoá: *Reggio Emilia, hướng tiếp cận, lớp học Reggio, phát triển chương trình*

I. Giới thiệu

1.1. Giới thiệu về Hướng tiếp cận Reggio Emilia và nguồn gốc của nó

Hướng tiếp cận Reggio Emilia, nổi tiếng nhờ triết lý tiên phong và lấy trẻ em làm trung tâm, bắt nguồn từ thời kỳ hậu Thế chiến thứ hai tại thị trấn Reggio Emilia đẹp như tranh vẽ của nước Ý. Là một cột mốc quan trọng trong lịch sử giáo dục, hướng tiếp cận này ra đời từ nỗ lực hợp tác giữa nhà giáo dục có tầm nhìn xa trông rộng Loris Malaguzzi và sự gắn kết của các bậc phụ huynh trong cộng đồng. Loris Malaguzzi cũng được xem là cha đẻ của hướng tiếp cận Reggio Emilia, tích hợp những yếu tố của xây dựng xã hội, được ảnh hưởng bởi quan điểm của Dewey, Piaget, Vygotsky, Bronfenbrenner, Bruner, Howard Gardner và các nhà nghiên cứu khác. Ông đã đưa ra một triết lý giáo dục đặc biệt, coi trọng trẻ em như những cá nhân có khả năng, giàu tò mò và có khả năng sáng tạo từ chính thời điểm mới sinh.

Nguồn gốc của phương pháp Reggio Emilia có thể được xác định chính xác vào năm 1945 khi, trong quá trình tái thiết nước Ý thời hậu chiến, cộng đồng ở Reggio Emilia đã hình dung ra một mô hình giáo dục mới lạ. Điều này đánh dấu thời điểm nền tảng mà phụ huynh và các nhà giáo dục cùng nhau bắt tay vào hành trình xác định lại giáo dục mầm non, trong đó, đánh dấu vai trò của người phụ nữ đóng vai trò nền tảng.

Trong những thập kỷ tiếp theo, những cột mốc quan trọng đã xuất hiện, đưa hướng tiếp cận này trở thành một hiện tượng giáo dục toàn cầu. Vào những năm 1960, trung tâm mầm non thành phố đầu tiên được thành lập, đặt nền móng cho việc áp dụng triết lý Reggio Emilia vào thực tế. Điều này đánh dấu một thời điểm quan trọng khi khung lý thuyết do Malaguzzi phát triển bắt đầu hiện thực hóa thành các hoạt động giáo dục trong thực tế giáo dục thế giới.

Một cột mốc quan trọng khác xảy ra vào những năm 1990 khi hướng tiếp cận này nhận được sự hoan nghênh của quốc tế. Sự công nhận của nó như một mô hình hấp dẫn cho giáo dục mầm non đã dẫn đến việc phổ biến rộng rãi các nguyên tắc Reggio Emilia trên toàn cầu. Các tổ chức giáo dục trên toàn thế giới bắt đầu áp dụng và điều chỉnh những nguyên tắc này cho phù hợp với bối cảnh văn hóa của họ, phản ánh sức hấp dẫn phổ biến của hướng tiếp cận này.

Khi chúng tôi khám phá các cột mốc lịch sử của hướng tiếp cận Reggio Emilia, chúng tôi thấy rõ rằng sự phát triển của nó không chỉ là một chuỗi sự kiện mà còn là câu chuyện kể về sự đổi mới, hợp tác và cam kết không ngừng đối với tiềm năng của mỗi đứa trẻ. Từ sự khởi đầu khiêm tốn ở Ý thời hậu chiến cho đến vị thế hiện tại là ngọn hải đăng cho nền giáo dục tiên bộ, hướng tiếp cận Reggio Emilia đã vượt qua những cột mốc quan trọng, để lại dấu ấn không thể phai mờ trong bối cảnh giáo dục mầm non cho đến hiện tại.

1.2. Sự cần thiết của việc áp dụng Reggio Emilia trong bối cảnh giáo dục mầm non ở Việt Nam

Khi Việt Nam trải qua những chuyển đổi kinh tế xã hội nhanh chóng, bối cảnh giáo dục, đặc biệt là ở lứa tuổi mầm non, đặt ra những thách thức đáng kể, yêu cầu những phương pháp đổi mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của trẻ nhỏ. Trong ngữ cảnh của toàn cầu hóa, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, và tác động của đại dịch COVID-19, tất cả những yếu tố này đặt chúng ta trước thách thức phải xem xét lại những phương pháp giáo dục đang tồn tại. Hướng tiếp cận Reggio Emilia mang đến một mô hình giáo dục, một triết lý và giải pháp hấp dẫn, hoàn hảo sáng tạo và phù hợp với văn hóa giáo dục của Việt Nam. Sự cần thiết của việc áp dụng Reggio Emilia trong bối cảnh giáo dục mầm non ở Việt Nam nảy sinh từ khả năng phát triển tư duy phê phán, sáng tạo và hợp tác xã hội, điều này hoàn toàn tương ứng với khát khao của một hệ thống giáo dục hiện đại.

Tại Việt Nam, nơi mô hình giáo dục truyền thống thường tập trung vào việc học thuộc lòng và kiểm tra theo tiêu chuẩn, hướng tiếp cận Reggio Emilia mang đến một sự đổi mới về mô hình và quan điểm giáo dục. Nó đề cao tính tò mò bẩm sinh của trẻ,

khuyến khích giáo viên coi trẻ như những người tham gia tích cực và có năng lực và có quyền quyết định trong hành trình học tập của mình. Bằng cách thúc đẩy một môi trường học tập năng động, tập trung vào sự khám phá, sự thể hiện và những kết nối có ý nghĩa, Reggio Emilia trở thành nguồn động viên cho sự phát triển toàn diện.

Việc áp dụng Reggio Emilia trong giáo dục mầm non ở Việt Nam không chỉ là việc chuyển giao các phương thức giáo dục; nó biểu thị sự trao đổi văn hóa và cam kết nuôi dưỡng những cá nhân toàn diện. Trong bối cảnh Việt Nam đang phấn đấu trở thành quốc gia toàn cầu trong nhiều lĩnh vực khác nhau, giáo dục trong những năm đầu đời đóng vai trò then chốt trong việc định hình thế hệ tương lai. Qua lăng kính của Reggio Emilia, các nhà giáo dục ở Việt Nam có thể tối đa hóa tiềm năng của trí tuệ trẻ, nuôi dưỡng niềm đam mê học tập vượt qua mọi ranh giới thông thường.

Về bản chất, việc áp dụng Reggio Emilia trong bối cảnh giáo dục mầm non ở Việt Nam đánh dấu một bước tiến tiến tới một phương pháp sư phạm toàn diện hơn, lấy trẻ làm trung tâm và phù hợp về mặt văn hóa. Nó mở ra cho thế hệ người học không chỉ xuất sắc về mặt học thuật mà còn sở hữu kỹ năng phê phán và tư duy đổi mới cần thiết để giải quyết những vấn đề phức tạp của thế kỷ 21.

II. Ứng dụng Hướng tiếp cận Reggio Emilia phát triển chương trình giáo dục mầm non

2.1. Quá trình phát triển chương trình giáo dục trong Reggio Emilia

Reggio Emilia là hướng tiếp cận giáo dục dựa trên “nền tảng sư phạm của mối quan hệ và sự lắng nghe”, nhấn mạnh sự kết nối của trẻ với người khác, bao gồm bạn bè, gia đình, xã hội và môi trường trong hướng tiếp cận Reggio Emilia. Trong chương trình giảng dạy Reggio Emilia, trẻ em được coi là “người tạo ra văn hóa, giá trị và quyền lợi”. Giáo viên được khuyến khích hỗ trợ những khám phá và nghiên cứu của trẻ em, cho phép trẻ bày tỏ suy nghĩ và cảm xúc bằng cách sử dụng “100 ngôn ngữ”. Carlina Rinaldi (1998) từng chia sẻ rằng, “Nếu chúng ta tin rằng trẻ em sở hữu những lý thuyết, cách giải thích và câu hỏi riêng và chúng là những người đồng vai trò chính trong quá trình xây dựng kiến thức của mình thì động từ quan trọng nhất trong thực tiễn giáo dục không còn là nói, giải thích, truyền tải mà là nghe.”

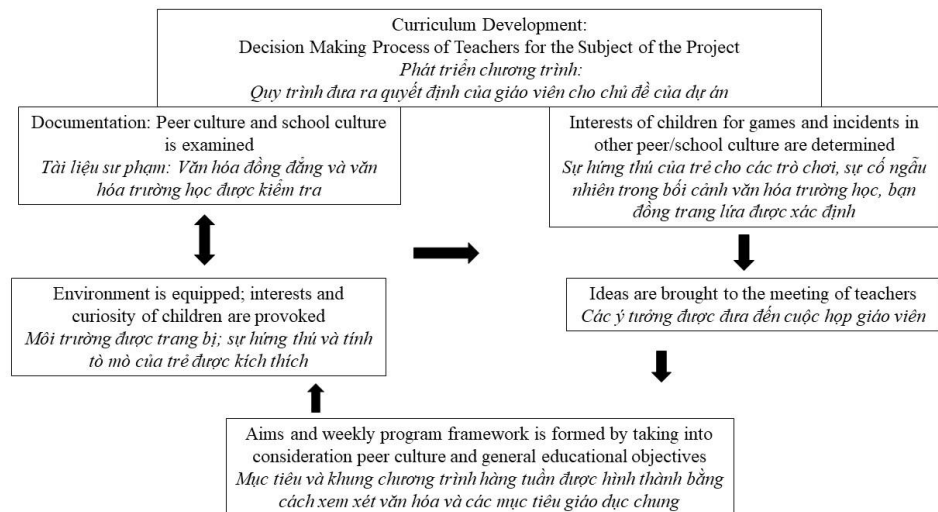
Chương trình giảng dạy theo hướng tiếp cận Reggio Emilia được mô tả là “theo bối cảnh”, được quyết định thông qua đối thoại giữa trẻ em, giáo viên và môi trường. Lựa chọn nội dung dựa trên gợi ý của trẻ và giáo viên, sự cố ngẫu nhiên hoặc sự kiện hiện tại của cuộc sống. Đối tượng nghiên cứu xuất hiện từ các phát biểu, ý kiến của trẻ em, các sự kiện xã hội, sự kiện gia đình và sở thích cụ thể của trẻ. Các tài liệu nhóm và

dự án học tập đóng một vai trò quan trọng, đòi hỏi giáo viên phải cộng tác làm việc để hình thành các giả thuyết, cung cấp tài liệu và nhận được sự hỗ trợ từ phụ huynh và xã hội. Việc học tập được nhấn mạnh như một hoạt động nhóm hơn là nỗ lực cá nhân.

Malaguzzi nhấn mạnh về sự vắng mặt của một chương trình giảng dạy có cấu trúc chi tiết và cụ thể ở các trường Reggio Emilia, ủng hộ việc đưa ra quyết định mang tính hợp tác về các môn học và việc học với giáo viên và đồng nghiệp. Những hoạt động giáo dục tại Reggio Emilia được hình thành từ quá trình tư duy thiết kế, được gọi là “progettazione”. Là quá trình lập kế hoạch và thiết kế các trải nghiệm học tập, môi trường học, cơ hội tham gia, cơ hội phát triển chuyên môn cho nhân sự, và không áp dụng chương trình được thiết kế sẵn. Đó là cách tiếp cận xuyên ngành, linh hoạt và cởi mở để làm việc với các giả thuyết và suy nghĩ của trẻ, theo đó ý tưởng của chúng được điều tiết, xây dựng và chuyển đổi khi tư duy phát triển như một phần của nhóm học tập. Đó là một cách làm việc vượt xa việc hoàn thành một chủ đề do người lớn đặt ra, trong bối cảnh cần phải đưa ra một khái niệm cụ thể, nó gần giống với phương pháp nghiên cứu khoa học, trong đó nhà giáo dục là người đồng nghiên cứu cùng với trẻ để khám phá cách trẻ học tập theo cách cá nhân và theo nhóm như thế nào, khám phá một câu hỏi nghiên cứu, các giả thuyết khoa học mà trẻ là nhân vật chính trong hành trình tạo ra nó.

Chúng ta sẽ dễ dàng nhận thấy rằng, dự án học tập cũng xuất hiện trong xuyên suốt quá trình “progettazione” bởi tính khoa học và có những nét tương đồng. Các dự án ở Reggio Emilia yêu cầu học sinh khám phá sâu sắc các yếu tố trong thế giới thực thông qua những quan sát được thực hiện trong suốt dự án. Mục đích thật sự của dự án học tập là để học sinh tìm ra câu trả lời cho các câu hỏi do chính mình, bạn bè hoặc giáo viên đặt ra, thúc đẩy các sáng kiến, trách nhiệm, ra quyết định và lựa chọn, theo đuổi sở thích cá nhân và tiến hành nghiên cứu. Mọi trẻ em tại trường Reggio Emilia đều được coi là nhà nghiên cứu, sử dụng các kỹ năng quy trình khoa học. Cấu trúc chương trình giảng dạy trong lớp học Reggio Emilia chứa đựng kiến thức của giáo viên cho giai đoạn mầm non, đóng vai trò như một bản phác thảo và bản phác thảo này được định hình, định hướng dựa trên các mối liên hệ có liên quan.

Hướng tiếp cận Reggio Emilia truyền cảm hứng cho một quá trình phát triển chương trình giảng dạy độc đáo, như đã được chứng minh ở một trường học ở Mỹ chịu ảnh hưởng của phương pháp này (Inan, 2012). Chúng ta có thể mượn mô hình này để hiểu rõ cách vận hành của mô hình này từ một trường học ở Mỹ.



Ghi chú của người viết: "Peer culture" được định nghĩa là một tập hợp ổn định các hoạt động hoặc thói quen, đồ vật được tạo tác, những giá trị và các mối bận tâm mà trẻ tạo ra và chia sẻ khi tương tác với các bạn đồng trang lứa.

2.2. Mang triết lý Reggio Emilia vào lớp học mầm non

Quá trình thực hành hướng tiếp cận Reggio Emilia là một hành trình đòi hỏi sự cam kết không ngừng từ phía người thực hành giáo dục. Để thích ứng với sự đa dạng và động thái của môi trường giáo dục, người thực hành phải liên tục thực hiện việc phản tư, suy ngẫm sâu sắc về các triết lý giáo dục, và không ngừng cập nhật, điều chỉnh các thực hành liên quan.

Reggio Emilia không phải chỉ là một phương pháp giáo dục cụ thể mà là một triết lý sống động, phản ánh tư duy linh hoạt và sự tôn trọng đối với sự sáng tạo. Chính vì vậy, không tồn tại một chương trình học chuẩn nào có thể được sao chép một cách đơn giản. Thay vào đó, người thực hành cần xem xét và đánh giá liên tục để áp dụng các nguyên tắc cốt lõi của Reggio Emilia vào bối cảnh cụ thể của họ.

Trong bối cảnh giáo dục mầm non Việt Nam, một vài phương thức cụ thể mà người thực hành sư phạm có thể xem xét và tích hợp một cách hợp lý và hiệu quả vào chương trình giáo dục mầm non Việt Nam.

2.2.1. Môi trường học tập:

Môi trường học tập trong lớp học không chỉ đơn thuần là không gian vật lý mà còn là một người giáo viên thứ ba, đóng góp quan trọng vào quá trình học của trẻ. Khi nhìn quanh lớp học, câu hỏi mà chúng ta nên đặt ra không chỉ là về sự sắp xếp vật liệu mà còn về cảm giác hấp dẫn và tò mò mà không gian đó mang lại. Liệu môi trường này có làm cho trẻ cảm thấy hấp dẫn và quan tâm không?

Để tạo ra một môi trường học tập đúng chất của hướng tiếp cận Reggio Emilia, vật liệu cần được sắp xếp một cách thông thoáng, có có ý nghĩa và mục tiêu, đồng thời mời gọi để khám phá. Mỗi chi tiết nhỏ, từ những bức tranh treo trên tường, bình hoa trên bàn đến chiếc thảm dưới đất, đều có thể làm cho lớp học trở nên ấm áp và gần gũi

như một ngôi nhà thứ hai đối với trẻ. Vật liệu trong tầm với cho phép trẻ được chủ động lựa chọn và làm việc cùng nhau.

Ánh sáng tự nhiên chính là nguồn năng lượng quan trọng, và việc tận dụng ánh sáng này giúp tạo ra không khí tự nhiên và ấm cúng. Màu sắc trong lớp học cũng đóng một vai trò quan trọng; chúng không nên quá chói lọi mà thay vào đó nên sử dụng các gam màu trung tính, tạo nên một chủ đề thiên nhiên thuần túy và hài hòa.

Các lớp học Reggio Emilia cũng được chia làm các khu vực hoạt động cụ thể như khu vực xây dựng, khu vực đóng vai hay khu vực toán... Ranh giới giữa các khu vực là những ranh giới mềm, trẻ có quyền được di chuyển qua lại giữa các khu vực và được mang vật liệu từ khu vực này sang khu vực khác để thử nghiệm. Điều quan trọng là người giáo viên cần tìm hiểu vì sao trẻ lại di chuyển các vật liệu, điều đó có ý nghĩa như thế nào với trẻ. Tất nhiên, lớp học Reggio đề cao tính gọn gàng và sắp xếp khoa học, có nguyên tắc sắp xếp nhất định, vì thế người giáo viên và trẻ sẽ đồng hành cùng nhau để dọn dẹp sau khi làm việc.

2.2.2. Hướng đến việc làm việc nhóm:

Đặt ưu tiên vào việc làm việc theo nhóm là một phần cốt lõi của Reggio Emilia, một triết lý dựa trên lý thuyết xây dựng xã hội. Khuyến khích trẻ em làm việc cùng nhau trong các nhóm nhỏ, học tập thông qua sự tương tác xã hội, là một yếu tố then chốt quan trọng để thúc đẩy quá trình học tập. Trẻ em được khuyến khích đi qua các quảng trường (khu trung tâm của trường học) để gặp gỡ các bạn bè của cả trường ở đây.

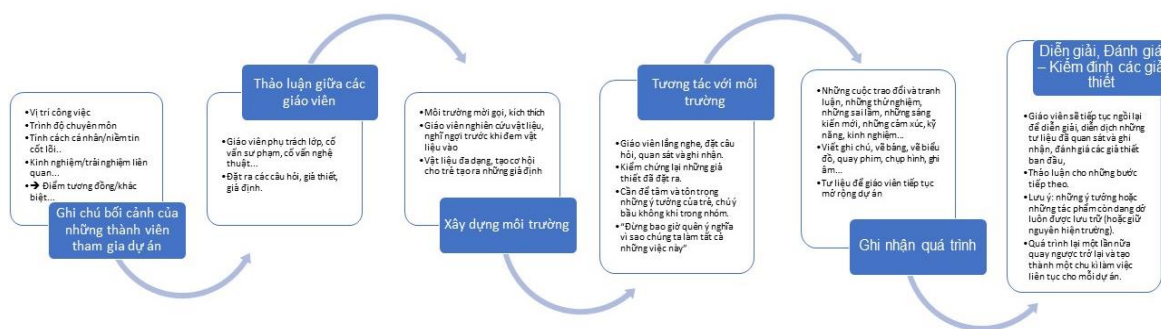
Một ngày học tập có thể bắt đầu bằng việc ngồi vòng tròn thảo luận bằng việc liệt kê những công việc và các nghiên cứu mà ngày hôm nay cả lớp sẽ thực hiện, lựa chọn trò chơi hoặc các khu vực hoạt động của ngày hôm đó, chia nhóm và thảo luận về các đề tài cùng giáo viên. Kết thúc một ngày làm việc cũng có thể bằng việc ngồi lại để thảo luận nhanh về các công tác của ngày mai.

Các khu vực học tập không chỉ là nơi cung cấp cơ hội cho học sinh làm việc một mình mà còn là địa điểm thúc đẩy quá trình làm việc nhóm và giải quyết xung đột. Giáo viên có thể đóng vai trò tích cực trong việc tạo ra các tình huống thích hợp hoặc đặt những câu hỏi mở để khuyến khích nhóm xác định và giải quyết các vấn đề.

Đối với dự án học tập, cơ hội để phát triển kỹ năng làm việc nhóm được đưa lên một tầm cao mới. Cách tiếp cận này không chỉ tăng cường khả năng học tập mà còn đề xuất một quá trình học tập có tổ chức, hướng dẫn và thú vị hơn. Dưới đây là một số gợi ý để bắt đầu một dự án học tập

2.2.3. Hãy là người đồng học với trẻ

Tiến trình gợi ý của một dự án học tập



Phải thừa nhận rằng, điều này trước hết có thể đi ngược lại với triết lý Á Đông về "người thầy". Thế nhưng để thực hành Reggio Emilia, người giáo viên cần phải thay đổi.

Trong triết lý giáo dục Reggio Emilia, vai trò của giáo viên là đối tác học tập, người đồng học cùng với trẻ. Điều này đòi hỏi sự linh hoạt, lòng tin vào khả năng tự nhiên của trẻ, và sự tận tụy trong việc tham gia vào quá trình học tập cộng đồng. Họ trở thành người học cùng trong hành trình khám phá của trẻ, lắng nghe, quan sát, và ghi chép để hiểu rõ hơn về quan điểm và ý tưởng của học sinh. Họ là những người hăng say, tò mò và ham hỏi không chỉ là về những tri thức mới về thế giới, mà là sự tò mò, ngạc nhiên, khát khao được thấy và được quan sát năng lực tuyệt vời của trẻ.

Giáo viên khuyến khích sự tò mò tự nhiên và sự phát triển của kỹ năng đặt câu hỏi và giải quyết vấn đề của trẻ, thay vì chỉ cung cấp câu trả lời cho trẻ. Có một thực tế rằng, tri thức con người là vô tận, đôi khi việc cung cấp một kiến thức của người giáo viên đôi khi sẽ thiếu chính xác nên người giáo viên không liên tục cập nhật tri thức và điều chỉnh những tri thức cũ.

Ngoài ra, việc ghi chép là một phần quan trọng của quá trình này. Bằng cách này, giáo viên không chỉ theo dõi sự tiến triển của học sinh mà còn tạo ra cơ hội để thảo luận và suy ngẫm với trẻ về những khám phá và học thuật của chính họ và những người đồng nghiệp. Hãy là người đồng học với trẻ không chỉ mang lại sự hiểu biết sâu rộng hơn về trẻ mà còn là về chính mình, về hành trình phát triển sự nghiệp chuyên môn và khám phá những góc cạnh sâu sắc khác từ bên trong của người giáo viên.

2.2.4. Đánh giá cao công việc trẻ làm bằng việc trung bày

Đánh giá công việc là một khía cạnh quan trọng của phương pháp Reggio Emilia, với nghệ thuật và sáng tạo đóng vai trò quan trọng trong quá trình này.

Trong môi trường giáo dục Reggio Emilia, việc trưng bày các tác phẩm, các công việc của trẻ đóng vai trò quan trọng trong việc tạo cơ hội cho các em cảm nhận được giá trị và được đánh giá cao trong quá trình học tập. Thông qua việc sử dụng ảnh chụp của học sinh, môi trường học tập trở thành một không gian chào đón, nơi mỗi đứa trẻ

được coi là người đóng góp quan trọng và được tôn trọng. Phụ huynh có thể dễ dàng nhìn thấy quá trình học tập và lao động hăng say của trẻ và các bạn trong bất kì thời khắc nào ba mẹ đến trường. Điều này giúp phụ huynh cảm thấy an tâm và tin tưởng hơn, đồng thời họ biết cần phải trò chuyện về điều gì với con ở nhà.

Việc trưng bày không nhất thiết phải là một tác phẩm nghệ thuật hay một sản phẩm tạo hình; nó có thể là bất kỳ cái nào cho thấy công trình sáng tạo của học sinh, bao gồm cả tác phẩm viết. Việc này giúp xây dựng không khí tích cực, thúc đẩy sự tự tin và đồng thời tăng cường giá trị của từng học sinh trong cộng đồng học tập. Việc đánh giá cao đưa trẻ không chỉ là về kết quả cuối cùng, mà còn là về quá trình và sự cống hiến của từng cá nhân.

Việc trưng bày cũng thể hiện tính lịch sử của lớp học, như một cách để ghi chép lại các bước phát triển và thành tựu của trẻ. Như Jerome Bruner từng nói, " Cuộc sống không tồn tại nếu nó không được kể lại". Việc "kể lại" qua việc trưng bày những công trình và dự án mà trẻ em thực hiện không chỉ là một cách lưu giữ di sản mà còn tạo ra những dấu ấn lịch sử, kết nối quá khứ, hiện tại và tương lai một cách trực quan và sinh động.

Lưu ý rằng ở Reggio, không có khu vực nào được gọi là khu vực trưng bày sản phẩm, không cố định và cũng không rập khuôn. Sản phẩm có thể rất đa dạng và được trưng bày bất kì đâu, miễn là trước đó đã có một cuộc thảo luận cả lớp về việc đặt để các tác phẩm này một cách có mục tiêu và ý nghĩa cụ thể.

Triển lãm giáo dục cũng là một hình thức nên được xem xét để thực hiện giữa năm hoặc cuối năm học. Đó không chỉ là diễn đàn cho thấy hành trình các dự án dài hơi của lớp và của trường, mà còn là cơ hội đánh giá hành trình học tập của trẻ. Những dự án dài hơi của trẻ em và cả trường được chứng minh thông qua việc trưng bày tại triển lãm, làm cho mọi người có thể hiểu rõ hơn về quá trình học tập và sự phát triển



của trẻ. Triển lãm không chỉ là một kết thúc, mà còn là một khởi đầu mới, đánh dấu bắt đầu cho những thách thức và cơ hội mới trong hành trình giáo dục tiếp theo của trẻ.

2.2.5. *Khuyến khích sự tham gia của phụ huynh*

Trường mầm non Reggio Emilia không chỉ là nơi hình thành môi trường giáo dục mà còn là bức tranh sống động phản ánh cuộc sống, nơi mà mỗi thành viên tham gia đều đóng góp tích cực vào quá trình vận động và phát triển của cả cộng đồng. Trong ngữ cảnh này, cha mẹ không chỉ đơn thuần là những người chăm sóc, mà họ còn được xem là những giáo viên quan trọng đầu tiên trong cuộc đời của đứa trẻ. Reggio Emilia không chỉ tôn trọng vai trò của phụ huynh mà còn khẳng định một cách mạnh mẽ về sự tương tác chặt chẽ giữa gia đình và môi trường học tập. Điều này tạo nên một liên kết đặc biệt, trong đó sự tham gia của phụ huynh không chỉ là một yếu tố bổ sung, mà còn là một phần không thể thiếu, góp phần quan trọng vào sự phát triển và học tập của trẻ.

Tạo cơ hội để phụ huynh hòa mình vào môi trường giáo dục của con, các buổi họp cộng đồng định kỳ là nền tảng quan trọng trong việc chia sẻ thông tin về tiến triển và các hoạt động học tập. Những cuộc trao đổi này không chỉ giúp phụ huynh hiểu rõ hơn về những gì đang diễn ra trong lớp học mà còn mở cửa cho họ để đưa ra ý kiến, đề xuất và góp ý về quá trình giáo dục.

Một bước tiến quan trọng khác để tăng cường sự tham gia của phụ huynh là mời họ tham gia vào các dự án học tập của trẻ. Việc chia sẻ kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn không chỉ là cách hữu ích để làm giàu nội dung của dự án mà còn là cơ hội tuyệt vời để phụ huynh thêm sâu hiểu biết về cách con em đang học. Cha mẹ có thể trở thành chuyên gia cho các chủ đề phù hợp với nghề nghiệp chuyên môn của cha mẹ là một cách tối ưu hóa sự tương tác. Khi có những chủ đề hoặc dự án phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của họ, phụ huynh sẽ cảm thấy mình đóng góp ý nghĩa và thấy hứng thú hơn trong quá trình giáo dục của con em mình.

Nhằm đưa phụ huynh đến gần hơn với môi trường học tập, việc tổ chức ngày mở cửa lớp là một sự kiện quan trọng. Trong những dịp này, phụ huynh không chỉ có cơ hội thực tế tham gia vào các hoạt động và trò chơi trong lớp học mà còn có thể trình bày về chủ đề nào đó, tạo ra một cơ hội tốt để chia sẻ và kết nối.

Ngoài ra, các buổi workshop được thiết kế chủ đề như hướng tiếp cận Reggio Emilia, phát triển tư duy sáng tạo, các cột mốc phát triển thể chất và tâm lý xã hội, và hỗ trợ quá trình học tập tại nhà là những sự kiện quan trọng khác. Đây không chỉ là cơ hội để phụ huynh tăng cường kiến thức mà còn là dịp để họ thảo luận, đặt câu hỏi và chia sẻ những ý kiến của mình để nhà trường hiểu hơn về quan điểm giáo dục của phụ huynh.

III. Giới hạn của Hướng tiếp cận Reggio Emilia

Hướng tiếp cận Reggio Emilia mang đến những thách thức đặc biệt trong lĩnh vực đánh giá học tập. Điều này bắt nguồn từ sự tập trung của nó vào quá trình học tập và sự phát triển toàn diện hơn, thay vì chú trọng vào các phương pháp đánh giá cuối cùng như các hệ thống truyền thống. Hệ thống đánh giá truyền thống, chủ yếu dựa vào bảng đánh giá với các đề mục cụ thể, thường không phản ánh đầy đủ khả năng và tiến bộ của trẻ theo cách mà hướng tiếp cận Reggio Emilia mong muốn.

Một thách thức khác mà hướng tiếp cận này đối mặt là sự thiếu sự thống nhất giữa các lớp học và các giáo viên. Bởi vì Reggio Emilia không phải là một mô hình giáo dục chuẩn hóa, mỗi lớp đều có thể phát triển theo cách riêng của mình, dẫn đến sự đa dạng lớn trong trải nghiệm giáo dục. Điều đó đặt ra một thách thức cho đội ngũ quản lý chuyên môn phải tạo ra sự kết nối sâu sắc giữa nội bộ, phải có góc nhìn sâu sắc và uyên bác trong giáo dục để tạo ra bức tranh tổng quan cho toàn thể trường học.

Chấp nhận và hiểu biết từ cộng đồng cũng là một thách thức quan trọng. Một số cộng đồng và phụ huynh có thể gặp khó khăn trong việc hiểu và chấp nhận hướng tiếp cận Reggio Emilia, đặc biệt nếu họ quen với các phương pháp giáo dục truyền thống. Xây dựng sự hỗ trợ và sự hiểu biết từ phụ huynh và cộng đồng là quan trọng để đảm bảo sự thành công của phương pháp này.

Cuối cùng, hướng tiếp cận Reggio Emilia phụ thuộc nhiều vào đội ngũ giáo viên chất lượng và có đầy đủ kinh nghiệm. Sự diễn giải chuyên sâu cho các trải nghiệm học tập của trẻ và nuôi dưỡng khả năng học tập suốt đời là điều kiện tiên quyết của người giáo viên Reggio. Sự thành công của hướng tiếp cận này đòi hỏi giáo viên có khả năng thực hiện và duy trì môi trường học tập theo triết lý của Reggio Emilia, điều này đặt ra nhu cầu lớn về chất lượng và sự chuyên nghiệp của đội ngũ giáo viên.

IV. Tạm kết

Hướng tiếp cận Reggio Emilia ngày càng thu hút sự chú ý và áp dụng rộng rãi tại Việt Nam. Trong bài viết này, chúng ta đã xem xét một số khía cạnh cụ thể về cách áp dụng hướng tiếp cận này trong lớp học. Độc giả cần lưu ý rằng, Reggio Emilia đặt ra mô hình giáo dục dựa trên bối cảnh cụ thể, vì vậy quan trọng nhất là phải linh hoạt trong việc chọn lọc các phương pháp, chiến lược và xây dựng sự hiểu biết vững chắc về nơi làm việc cụ thể và những đứa trẻ mà mình hướng dẫn. Mỗi ngôi trường Reggio Emilia nên trở thành một không gian duy nhất, đặc trưng riêng biệt. Mặc dù hướng tiếp cận này mang lại nhiều tiến triển, nhưng để thành công, cần vượt qua những thách thức về đánh giá học tập, thiếu sự thống nhất giữa các lớp, và sự chấp nhận từ cộng đồng. Việc kết hợp sức mạnh của đội ngũ giáo viên và tích hợp sự hỗ trợ từ phụ huynh là chìa khóa để hướng tiếp cận Reggio Emilia có thể hình thành một tương lai giáo dục mầm non độc đáo và phong phú.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *"The Hundred Languages of Children: The Reggio Emilia experience in Transformation"* (Carolyn Edwards, Lella Gandini, George Foreman, 1998).
- [2] *"Your Image of the Child, where teacher begins"* (Loris Malaguzzi, 1993).
- [3] *"One City, Many Children: Reggio Emilia, a History of the Present"* (Reggio Children, 2012).
- [4] Ayla Arseven (30 Dec, 2013) *The Reggio Emilia approach and curriculum development process*, 6(1):166-171, DOI: 10.7813/2075-4124.2014/6-1/B.23.
- [5] Bài phỏng vấn ông Sergio Spaggiari, Giám đốc phụ trách Giáo dục mầm non TP Reggio Emilia, *"The hundred languages of children"*, (C. Edwards, L.Gandini, G.Goreman, 1993).
- [6] (William A. Corsaro, and Donna Eder, 1990), *Children's Peer Cultures, Annual Review of Sociology*, Vol. 16:197-220 (Volume publication date August 1990). <https://doi.org/10.1146/annurev.so.16.080190.001213>.
- [7] Chu Thị Hồng Nhung, (2014), Tình hình đổi mới giáo dục mầm non tại Việt Nam qua các giai đoạn, Tạp chí Khoa học ĐHSP TPHCM.
- [8] Website của Reggio Emilia: <https://www.reggiochildren.it/en/reggio-emilia-approach/valori-en/>
- [9] Lella Gandini, *"Values and Principles of the Reggio Emilia Approach"*.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ SỬ DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) ĐỂ NÂNG CAO NĂNG LỰC CẠNH TRANH CHO TRƯỜNG MẦM NON

TS. Đỗ Thị Hương Nhu

Giảng viên Trường Kinh doanh, Đại học Quốc tế RMIT - Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ Giáo dục Educe Vietnam

Email:

nhu@educer.solutions

Tóm tắt: Chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực giáo dục đã trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia và các nhà giáo dục trên toàn thế giới. Đặc biệt, với sự bùng phát của đại dịch COVID-19 và những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo tạo sinh, chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đã trở thành một xu hướng không thể phủ nhận.

Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm đến vấn đề này và đã đưa chuyển đổi số vào danh sách các nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục. Tuy nhiên, thực tế triển khai chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục mầm non (GDMN), vẫn đang gặp phải nhiều rào cản và thách thức. Bài viết tổng hợp các tài liệu, nghiên cứu và báo cáo quan trọng về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục nói chung và GDMN nói riêng, để làm rõ những khái niệm có liên quan và đánh giá thực trạng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục và GDMN ở Việt Nam so với phần còn lại của thế giới. Trên cơ sở đó, bài viết đề xuất giải pháp khả thi, với ví dụ từ tình huống thực tế, để thúc đẩy chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong GDMN, nhằm giúp các trường MN nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại số.

Từ khóa: chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, AI, giáo dục mầm non.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lĩnh vực giáo dục đã trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia và các nhà giáo dục trên toàn thế giới. Đặc biệt, với sự bùng phát của đại dịch COVID-19 và những tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo tạo sinh, chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục đã trở thành một xu hướng không thể phủ nhận.

Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm đến vấn đề này và đã đưa chuyển đổi số vào danh sách các nhiệm vụ trọng tâm của ngành giáo dục. Tuy nhiên, thực tế triển khai chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục và giáo dục mầm non (GDMN), vẫn đang gặp phải nhiều rào cản và thách thức. Các cơ sở GDMN thường gặp khó khăn trong hành trình chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo do sự sẵn sàng thấp.

Bài viết này tổng hợp các tài liệu, nghiên cứu và báo cáo quan trọng về chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục nói chung và GDMN nói riêng, qua

đó làm rõ những khái niệm có liên quan và đánh giá thực trạng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục và GDMN ở Việt Nam so với phần còn lại của thế giới. Chúng tôi sẽ tìm hiểu các nỗ lực, thách thức và rào cản hiện tại, đồng thời đề xuất giải pháp khả thi để thúc đẩy chuyển đổi số và sử dụng trí tuệ nhân tạo trong GDMN, nhằm mục tiêu giúp các trường mầm non tạo ra thế mạnh cạnh tranh khác biệt và nâng cao năng lực cạnh tranh trong thời đại số.

2. Nội dung nghiên cứu

Chúng tôi sẽ làm rõ các khái niệm chính trong chủ đề này, trước khi thảo luận thực trạng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục ở Việt Nam nói chung, và trong GDMN nói riêng. Cuối cùng, chúng tôi sẽ đề xuất một số định hướng giúp cho việc chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo mang lại hiệu quả cho các trường mầm non ở Việt Nam.

2.1. Các khái niệm chính

“Chuyển đổi số” và “trí tuệ nhân tạo” là hai khái niệm có quan hệ tương đồng và tương hỗ. Chúng tôi sẽ thảo luận từng khái niệm trước khi xem xét mối quan hệ giữa “chuyển đổi số” và “trí tuệ nhân tạo” và cách mà chúng thúc đẩy nhau phát triển để tạo ra những bước tiến trong lịch sử nhân loại.

2.1.1. Chuyển đổi số

Granito & cộng sự (2022), trong cuốn “Giải mã bí ẩn chuyển đổi số” đã đưa ra một phát hiện thú vị: Một tìm kiếm trên Google về định nghĩa “Chuyển đổi số” đã cho thấy sự đa dạng trong hiểu biết về khái niệm này, với hơn 3 tỉ kết quả từ các tổ chức uy tín như Gartner, McKinsey, Deloitte, và thậm chí là Đại học Harvard nhưng không có định nghĩa nào từ Webster, một trong những từ điển tiếng Anh nổi tiếng nhất. Điều này phản ánh sự thiếu thống nhất trong định nghĩa khái niệm “chuyển đổi số”.

Khi xuất hiện lần đầu tiên vào năm 2000 (Patel & McCarthy, 2000), thuật ngữ “chuyển đổi số” có nghĩa như “số hóa” (Mahraz & cộng sự, 2019). Do thiếu một định nghĩa chính thức trong các tài liệu học thuật, khái niệm “chuyển đổi số” (“digital transformation”) tiếp tục được sử dụng một cách không nhất quán, và thường được đánh đồng với các khái niệm gần nó như “số hóa thông tin” (“digitization”) (quá trình chuyển đổi từ định dạng tương tự (analog) sang định dạng kỹ thuật số) và “số hóa quy trình” (“digitalization”) (sử dụng dữ liệu và công nghệ kỹ thuật số để tự động hóa việc xử lý dữ liệu và tối ưu hóa các quy trình, có nghĩa tương tự như “tin học hóa”) (Mahraz & cộng sự, 2019; Holmström, 2022).

Trên góc độ thực tiễn kinh doanh, các định nghĩa khái niệm “chuyển đổi số” gần đây đều hàm ý một sự chuyển đổi về chiến lược kinh doanh của tổ chức:

“Chuyển đổi số là quá trình áp dụng và triển khai công nghệ kỹ thuật số của một tổ chức để tạo ra mới hoặc sửa đổi các sản phẩm, dịch vụ và hoạt động hiện có bằng cách chuyển các quy trình kinh doanh sang định dạng kỹ thuật số.” (Wikipedia, n.d.)

“Chuyển đổi số là sự tái cấu trúc của một tổ chức, với mục tiêu tạo ra giá trị bằng cách liên tục triển khai công nghệ ở quy mô lớn.” (McKenssey & Company, 2023)

Gartner, tổ chức nghiên cứu và tư vấn công nghệ hàng đầu của Mỹ, đề xuất một định nghĩa thực tế hơn, và chỉ ra điểm khác biệt của khái niệm “chuyển đổi số” trong các tổ chức khu vực công, so với các tổ chức còn lại:

“Chuyển đổi số có thể là bất cứ điều gì từ hiện đại hóa CNTT (ví dụ: điện toán đám mây), đến tối ưu hóa kỹ thuật số, đến phát minh ra các mô hình kinh doanh kỹ thuật số mới. Trong các tổ chức khu vực công, chuyển đổi số thường được sử dụng để chỉ các sáng kiến khiêm tốn như giới thiệu dịch vụ trực tuyến hoặc hiện đại hóa các tài nguyên sẵn có để hướng tới chính phủ số”. (Điều này giống như "số hóa" hoặc "tối ưu hóa kỹ thuật số" hơn là "chuyển đổi kinh doanh kỹ thuật số") (Gartner, n.d.)

Định nghĩa khái niệm “chuyển đổi số” do Vial (2021) đề xuất được chấp nhận rộng rãi nhất trong giới học thuật với 4363 trích dẫn chỉ sau hai năm kể từ khi xuất bản:

[Chuyển đổi số là] “một quá trình nhằm cải thiện một thực thể bằng cách kích hoạt những thay đổi đáng kể đối với các thuộc tính của nó thông qua sự kết hợp của các công nghệ thông tin, máy tính, truyền thông và kết nối”.

Các nghiên cứu về chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục hiện còn ít và phần lớn tập trung vào khối giáo dục đại học hoặc giáo dục phổ thông (Mukul & Büyüközkan, 2023). Nhìn chung, các tác giả đều thừa nhận công nghệ số đã có tác động đáng kể đến giáo dục, tạo ra những cơ hội mới và thay đổi cách thức dạy và học, nhất là trong việc cải thiện quy trình dạy và học, tăng cường sự tương tác và tham gia của học sinh, cung cấp khả năng truy cập đến nguồn tài nguyên học tập phong phú và tạo ra môi trường học tập linh hoạt và cá nhân hóa.

Đại dịch COVID-19 đã gây ra những tác động sâu sắc và đa chiều đối với hệ thống giáo dục. Việc đóng cửa trường học khiến các trường phải đột ngột chuyển sang học trực tuyến đã tạo ra những thách thức lớn cho học sinh, giáo viên và phụ huynh. Giáo viên và trường học đã phải đi tiên phong trong quá trình “chuyển đổi số” “cưỡng bức” này mà không có sự chuẩn bị đầy đủ. Trẻ em và các gia đình cũng phải tự xoay sở để có thêm nhiều kỹ năng, năng lực và nguồn lực khác nhau. Đại dịch đã giúp thúc đẩy tốc độ tiếp nhận công nghệ và làm nổi bật sự cần thiết phải chuyển đổi số trong giáo dục (Bozkurt & cộng sự, 2022), nhưng nó cũng đồng thời làm bộc lộ khoảng cách kỹ thuật số hiện có và giúp chúng ta nhận ra những thách thức của hành trình chuyển đổi số, không chỉ trong việc tiếp cận công nghệ và sử dụng nó, mà cả trong việc hình

thành các kỹ năng và năng lực cần thiết để tích hợp các công cụ kỹ thuật số vào thực tiễn học tập và giảng dạy một cách hiệu quả (Iivari & cộng sự, 2020). Sau đại dịch, Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định rằng "Giáo dục chưa đi đầu trong số hóa" (McCarthy & cộng sự, 2023). Theo Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), sự tụt hậu này đã khiến cho 463 triệu học sinh, tức ít nhất có 1 em trong số 3 em ở độ tuổi đi học trên toàn cầu không được tiếp cận giáo dục từ xa trong giai đoạn đỉnh dịch, khi 1,6 tỷ người học ở 188 quốc gia do các lệnh giãn cách mà không được đến trường (Unicef, n.d.).

Từ bức tranh toàn cảnh này có thể thấy chuyển đổi số trong giáo dục, mặc dù đã tiến những bước dài nhờ áp lực của đại dịch COVID-19, song vẫn còn ở một khoảng cách khá xa so với các ngành sản xuất và dịch vụ, và mới chỉ dừng ở mức độ ứng dụng công nghệ số để cải tiến những quy trình đơn lẻ, đặc biệt tập trung vào quá trình dạy và học, chứ chưa tạo ra được sự thay đổi chiến lược hay tái cấu trúc của tổ chức giáo dục hoặc của ngành.

2.1.2. Trí tuệ nhân tạo

Trí tuệ nhân tạo (AI), một thuật ngữ được giáo sư danh dự của Đại học Stanford, John McCarthy, đề xuất vào năm 1956, được ông định nghĩa là "khoa học và kỹ thuật để tạo ra máy móc thông minh" (Manning, 2020; Wikipedia, n.d.). Định nghĩa về AI kể từ đó đã mở rộng và trở nên liên quan đến những câu hỏi triết học về trí tuệ (Miao & cộng sự, 2021).

Định nghĩa của Britannica về AI cho thấy một bước tiến trong nhận thức về công nghệ này: "trí tuệ nhân tạo (AI) là khả năng của máy tính số hoặc robot được kiểm soát bởi máy tính thực hiện các nhiệm vụ thường được liên hệ với những sinh vật thông minh." (Britannica, 2023).

Định nghĩa của UNESCO về AI như "máy móc có khả năng mô phỏng một số chức năng của trí thông minh con người, bao gồm các tính năng như nhận thức, học hỏi, suy luận, giải quyết vấn đề, tương tác ngôn ngữ và thậm chí tạo ra các sản phẩm sáng tạo" (COMEST, 2019), phản ánh sát hơn bước phát triển của công nghệ này gần đây.

Mỗi ứng dụng của AI dựa trên một loạt các kỹ thuật phức tạp, đòi hỏi các kỹ sư AI phải được đào tạo về toán học cao cấp, thống kê và các khoa học dữ liệu khác, cũng như lập trình. Một số kỹ thuật AI cốt lõi bao gồm:

AI cổ điển (Classical AI), còn được gọi là AI ký hiệu, dựa trên quy tắc IF-THEN (NẾU-THÌ) cho các hệ thống chuyên gia, sử dụng trong các ứng dụng như chẩn đoán y tế, đánh giá tín dụng và sản xuất.

Học máy (Machine Learning - ML) phân tích dữ liệu lớn để tìm mẫu và xây dựng mô hình, với ba phương pháp chính: học có giám sát, không giám sát, và học

tăng cường. Cần lưu ý rằng ML không thực sự học theo cách mà con người học. Thay vào đó, ML hoàn toàn phụ thuộc vào con người trong việc “học”: con người chọn, làm sạch, và gắn nhãn dữ liệu; thiết kế và đào tạo thuật toán AI; và biên tập, giải thích, và đưa ra phán đoán giá trị về kết quả.

Mạng nơ-ron nhân tạo (Artificial Neural Networks - ANN) là một tiếp cận AI khác được lấy cảm hứng từ cấu trúc của mạng nơ-ron sinh học. Một ví dụ nổi tiếng về ANN là AlphaGo của Google.

Học sâu (Deep learning - DL) liên quan đến mạng nơ-ron nhân tạo với nhiều lớp trung gian, đã mang lại những ứng dụng AI đáng chú ý như xử lý ngôn ngữ tự nhiên, nhận dạng giọng nói, tạo hình ảnh, v.v. Các mô hình học sâu mới bao gồm “mạng nơ-ron sâu” (Deep Neural Networks - DNN), “mạng nơ-ron hồi quy” (Recurrent Neural Network - RNN), và “mạng nơ-ron tích chập” (Convolutional Neural Networks - CNN). Ngoài ra, nhiều tiến bộ gần đây, đặc biệt trong việc thao tác hình ảnh, đã đạt được nhờ “mạng tạo sinh đối kháng” (Generative Adversarial Networks - GANs), trong đó hai mạng nơ-ron sâu cạnh tranh với nhau, với ứng dụng như AlphaZero của DeepMind sử dụng GAN để học chơi và thắng các trò chơi bàn cờ, hay một GAN khác đã tạo ra hình ảnh của những người trông như thật nhưng không tồn tại (Miao & cộng sự, 2021).

Các ứng dụng AI đã trở nên ngày càng phổ biến, ngay cả trong những lĩnh vực phức tạp và đòi hỏi sự sáng tạo cao như ngành chăm sóc sức khỏe, luật và báo chí. Nhiều công ty công nghệ lớn tạo ra các nền tảng AI-dưới-dạng-dịch-vụ, cung cấp cho các nhà phát triển các khối AI đã được dựng sẵn. Trọng tâm của nghiên cứu về AI đang dịch chuyển từ nghiên cứu cơ bản sang việc triển khai và ứng dụng thực tế. AI được xem như một công cụ có thể mở rộng nguồn lực và khả năng của các chuyên gia vốn luôn bị quá tải và giúp cải thiện đáng kể các quy trình hoạt động (Miao & cộng sự, 2021).

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào giáo dục (AIED) đã trở thành đề tài nghiên cứu học thuật trong hơn 30 năm. Lĩnh vực này nghiên cứu về *AI* và *việc học*, mọi lúc mọi nơi, trong lớp học truyền thống hay tại nơi làm việc, nhằm hỗ trợ giáo dục chính quy cũng như học tập suốt đời. Nó kết hợp AI (vốn đã là một lĩnh vực liên ngành), và các ngành học về việc học (bao gồm giáo dục, tâm lý học, học thần kinh, ngôn ngữ học, xã hội học, và nhân chủng học) để thúc đẩy phát triển môi trường học tập thích ứng và các công cụ AIED khác theo hướng linh hoạt, bao quát, cá nhân hóa, hấp dẫn, và hiệu quả (Luckin & cộng sự, 2016). Holmes & Tuomi (2022) đã đề xuất phân loại các công cụ và ứng dụng AIED hiện có vào ba hạng mục sau mặc dù có sự trùng lặp: (1) các công cụ và ứng dụng hướng đến học sinh, (2) các công cụ và ứng dụng hướng đến giáo viên, và (3) các công cụ và ứng dụng hướng đến tổ chức giáo dục.

Gần đây nhất, ChatGPT, một ứng dụng mới của OpenAI đã thu hút sự chú ý của toàn thế giới. ChatGPT có được một triệu người dùng chỉ sau năm ngày ra mắt vào tháng 11 năm ngoái. Để đạt mốc 100 triệu người dùng, ChatGPT đã mất chỉ 2 tháng, so với TikTok mất 9 tháng, và Instagram mất 2 năm (The Guardian, 2023). ChatGPT có giao diện như một chatbot AI hội thoại, có thể tạo ra văn bản giống con người, và đã được sử dụng trong mọi loại công việc, từ viết truyện ngắn, văn xuôi, thơ, âm nhạc và bài luận cuối kỳ đến lập trình cơ bản, giải quyết các bài toán và nhiệm vụ dịch thuật. ChatGPT Plus, phiên bản trả phí, ngày nay đã cho phép người dùng truy cập và xử lý thông tin từ internet và văn bản dưới nhiều định dạng khác nhau.

Các thảo luận trong giới chuyên môn về lý do tại sao ChatGPT có thể chinh phục được một số lượng lớn người dùng nhanh đến như vậy thường đưa ra hai phỏng đoán: một là quy mô dữ liệu lớn được lấy làm nền tảng phát triển ChatGPT làm tăng *hiệu quả* của nó, và hai là *tính dễ sử dụng* do sự đơn giản của giao diện người dùng (Chip Huyen, 2023). Tuy nhiên, áp dụng Mô hình Chấp nhận Công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) của Fred Davis (Marangunic & Granic, 2014) sẽ thấy điều thực sự làm nên sức mạnh của ChatGPT chính là *tính hữu dụng* của nó trong nhiều ngôn ngữ và trường hợp sử dụng đa dạng, có được nhờ khả năng Học Tăng Cường từ Phản Hồi của Con Người (Reinforcement Learning from Human Feedback - RLHF): tức là từ sự kết hợp giữa học tăng cường và phản hồi của con người vào xử lý ngôn ngữ tự nhiên (Natural Language Processing - NLP) (Chip Huyen, 2023).

Nhờ những bước phát triển vượt bậc, AI có tiềm năng giải quyết một số thách thức lớn nhất trong giáo dục hiện nay, giúp tạo ra một cuộc cách mạng trong đổi mới phương pháp dạy và học. Từ năm 2020, số lượng các nghiên cứu được xuất bản về AIED đã tăng vọt so với những năm trước đó (Wang & cộng sự, 2023). Các lợi ích thường hay được nhắc đến nhất của AIED bao gồm:

Cá nhân hóa việc học: AIED tùy chỉnh trải nghiệm học tập cho mỗi cá nhân thông qua ứng dụng tự học và thu thập dữ liệu để tạo lộ trình học cá nhân. Trong khi học sinh tham gia vào một hoạt động cụ thể, hệ thống thu thập hàng ngàn điểm dữ liệu, sau đó phân tích để xác định lộ trình học tập cá nhân hóa ở bước tiếp theo, và cứ lặp lại như vậy (Holmes & Tuomi 2022).

Phản hồi cải thiện kết quả học: AI cung cấp phản hồi tức thì để học sinh nhanh chóng khắc phục điểm yếu, và giúp giáo viên điều chỉnh giảng dạy. Các ứng dụng như Khan Academy hay ELSA Speak đang sử dụng AI để cung cấp phản hồi đối với bài tập của người học hoặc cách phát âm tiếng Anh của người học.

Thúc đẩy sự tham gia của học sinh: AI tăng cường sự tương tác và tham gia của học sinh qua Thực tế ảo và Thực tế ảo Tăng cường, như khám phá và thao tác các mô hình ba chiều của các phân tử hữu cơ để tăng cường hiểu biết của các em về hóa học

(Behmke & cộng sự, 2018), hay các công viên thực tế ảo theo chủ đề mang tên Avantis World được Avantis System (UK) phát triển để sử dụng trong giáo dục.

Tăng hiệu suất của giáo viên: AIED tự động hóa việc chấm điểm và các công việc khác, cho phép giáo viên tập trung vào việc cung cấp sự hỗ trợ cá nhân hóa. Các nghiên cứu về sử dụng AI trong chấm điểm tự động có tính ứng dụng cao, nhận được nhiều tài trợ và đã được thương mại hóa rộng rãi (Holmes & Tuomi, 2022).

Quốc tế hóa trải nghiệm dạy và học: AI tạo sinh có khả năng tạo nội dung mới không chỉ bằng văn bản, mà cả hình ảnh, đồ họa 3D, video bằng nhiều ngôn ngữ, mở rộng khả năng quốc tế hóa nội dung và trải nghiệm học tập, thậm chí cải thiện kết quả học tập và giảm chi phí sản xuất (Leiker & cộng sự, 2023).

Tuy nhiên, sự phát triển nhanh chóng của AIED đã vượt qua cả tốc độ các thảo luận về chính sách và khuôn khổ pháp lý, vì vậy tạo ra những rủi ro, thách thức, và quan ngại cho những nhà xây dựng, thực thi pháp luật, và các nhà quản lý giáo dục (Miao & cộng sự, 2021).

Trong khi số lượng nghiên cứu về AIED tăng nhanh, rất ít nghiên cứu đã được thực hiện để điều tra việc áp dụng AI trong GDMN. Su & Yang (2022) chỉ lọc ra được 17 nghiên cứu có liên quan đến AI trong lĩnh vực GDMN được tiến hành ở các quốc gia khác nhau từ năm 1995 đến 2021 sau khi rà soát 6374 bài báo có các từ khóa liên quan từ các cơ sở dữ liệu khoa học chuyên ngành như Education Resources Information Center (ERIC), IEEE, Scopus, EBSCO, và Web of Science.

17 nghiên cứu này đã được phân thành ba nhóm:

- Các hoạt động AI: Nghiên cứu các chương trình giáo dục AI và hiệu quả của chúng. Kết quả cho thấy việc giới thiệu AI và khoa học máy tính một cách vui nhộn có thể nâng cao sự tham gia và hiệu quả học tập của trẻ em (Lin & cộng sự, 2020; Vartiainen & cộng sự, 2020). Hoạt động AI tương tác có thể phát triển tư duy, sáng tạo, kỹ năng xã hội và đọc viết (Kewalramani & cộng sự, 2021; Vartiainen & cộng sự, 2020).

- Công cụ và kiến thức AI: Đánh giá hiệu quả của công cụ và nền tảng AI trong việc giảng dạy khái niệm AI và học máy cho trẻ em, thông qua cả phương pháp học khám phá và truy vấn với công cụ rô-bốt và phi rô-bốt (Druga & Ko, 2021; Lin & cộng sự, 2020; Nan, 2020; Tseng & cộng sự, 2021; Vartiainen & cộng sự, 2020; Williams & cộng sự, 2019; Kandlhofer & cộng sự, 2016). Nhìn chung các kết quả nghiên cứu xác nhận hiệu quả trong việc dạy các khái niệm về AI và học máy cho trẻ em. Ngoài ra, Jin (2019) phát hiện ra rằng các robot trợ lý giáo dục gia đình có thể giúp phát triển kỹ năng làm cha mẹ.

- Phương pháp nghiên cứu: Hầu hết áp dụng nghiên cứu định tính với dữ liệu từ quan sát và phỏng vấn. Một số ít sử dụng phương pháp hỗn hợp kết hợp dữ liệu định

lượng và định tính (Druga & Ko, 2021; Ge & cộng sự, 2021; Kandlhofer & cộng sự, 2016; Tseng & cộng sự, 2021).

2.1.4. Mối quan hệ giữa chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo

Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo có mối liên hệ mật thiết với nhau. Lịch sử hành trình chuyển đổi số và sự phát triển của AI đã luôn song hành cùng nhau (WEF, 2022; Cantú-Ortiz & cộng sự, 2020). Chuyển đổi số đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của AI bằng cách (Holmström, 2022):

- Tạo ra nguồn dữ liệu lớn: Chuyển đổi số tạo ra một lượng lớn dữ liệu từ các nguồn khác nhau như hệ thống thông tin, mạng xã hội, thiết bị kết nối Internet và nhiều nguồn khác. Điều này cung cấp cho AI một nguồn dữ liệu phong phú để AI có thể học bằng các kỹ thuật học máy và học sâu.

- Cung cấp hệ thống tính toán mạnh mẽ: Chuyển đổi số cung cấp hệ thống tính toán mạnh mẽ như máy chủ đám mây và hệ thống xử lý dữ liệu lớn. Điều này cho phép AI xử lý và phân tích dữ liệu nhanh chóng và hiệu quả.

- Tạo ra các ứng dụng AI tiên tiến: Chuyển đổi số cung cấp cơ hội để phát triển và triển khai các ứng dụng AI tiên tiến như học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và thị giác máy tính. Điều này giúp cải thiện hiệu suất và khả năng của AI trong việc giải quyết các vấn đề phức tạp và tạo ra giá trị cho các tổ chức và cá nhân.

- Tạo điều kiện cho việc triển khai AI: Chuyển đổi số tạo ra môi trường và cơ sở hạ tầng để triển khai AI trong các lĩnh vực khác nhau như y tế, giao thông, sản xuất và nhiều ngành công nghiệp khác. Điều này giúp AI được áp dụng và phát triển trong các ứng dụng thực tế.

Ở chiều ngược lại, khả năng “học” của AI dẫn dắt hành trình chuyển đổi số trong các tổ chức cũng như quốc gia và làm cho hành trình đó trở nên có ý nghĩa. AI có thể được coi như bước tiến gần đây nhất của chuyển đổi số, và giữ một vai trò quan trọng trong các sáng kiến chuyển đổi số phức tạp (McMahon, 2023) như:

- Tự động hóa công việc: AI có khả năng hỗ trợ tự động hóa các công việc lặp đi lặp lại và tốn thời gian, giúp tăng cường hiệu suất và giảm sự phụ thuộc vào lao động nhân công. Ví dụ, AI có thể được tích hợp với các hệ thống tự động để xử lý dữ liệu, phân loại thông tin, và thực hiện các tác vụ quản lý tự động một cách thông minh.

- Phân tích dữ liệu và dự đoán: AI có khả năng phân tích dữ liệu lớn và tìm ra mô hình, xu hướng và thông tin quan trọng từ dữ liệu. Điều này giúp các tổ chức hiểu rõ hơn về khách hàng, dự đoán xu hướng thị trường và đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Tăng cường trải nghiệm khách hàng: AI có thể cung cấp trải nghiệm khách hàng cá nhân hóa và tương tác thông qua chatbot, hệ thống gợi ý sản phẩm và dịch vụ, và hệ thống hỗ trợ tự động. Điều này giúp cải thiện sự hài lòng của khách hàng và tạo ra một môi trường kinh doanh tốt hơn.

- Tối ưu hóa quy trình kinh doanh: AI có thể tối ưu hóa quy trình kinh doanh bằng cách tìm kiếm các cách tiếp cận mới, tối ưu hóa lịch trình và tài nguyên, và hỗ trợ quy trình ra quyết định. Điều này giúp tăng cường hiệu suất và giảm chi phí trong các hoạt động kinh doanh.

- Phát triển sản phẩm và dịch vụ mới: AI có thể giúp tạo ra các sản phẩm và dịch vụ mới thông qua việc phân tích dữ liệu và tìm ra các cơ hội mới. Ví dụ, AI có thể phân tích dữ liệu khách hàng để đề xuất các sản phẩm và dịch vụ phù hợp với nhu cầu của khách hàng.

2.2. Thực trạng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục và GDMN ở Việt Nam

Trong phần này, chúng tôi sẽ thảo luận thực trạng chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục và GDMN ở Việt Nam ở tầng chiến lược quốc gia cũng như tầng thực thi của tổ chức, từ đó chỉ ra các cơ hội và thách thức, làm cơ sở cho việc đề xuất các khuyến nghị thay đổi ở phần tiếp theo.

2.2.1. Chính Phủ quyết tâm

Chuyển đổi số không chỉ là xu thế toàn cầu mà còn là yêu cầu tất yếu đối với sự phát triển của Việt Nam. Với tầm nhìn đến năm 2030 để Việt Nam trở thành quốc gia số, và tầm nhìn đến năm 2045 để Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao (World Bank, 2016), chuyển đổi số được coi như một trong những ưu tiên hàng đầu ở Việt Nam. Điều này được thể hiện qua việc Bộ Chính trị phê duyệt Nghị quyết số 52-NQ/TW và các chương trình hành động liên quan từ năm 2019 đến 2020 để thúc đẩy cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Các định hướng chuyển đổi số và phát triển nền kinh tế số cũng được nhấn mạnh trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Chính phủ Việt Nam luôn thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, nhận thức đây là nhiệm vụ quan trọng, đòi hỏi nỗ lực và hành động hiệu quả. Quyết tâm của Chính phủ thể hiện qua việc tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm như phát triển hạ tầng, nền tảng số, đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, đơn giản hóa thủ tục hành chính, đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng. Chính phủ cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của hệ sinh thái công dân số, kinh tế số, xã hội số, văn hóa số ăn sâu vào bản sắc dân tộc. Điểm nổi bật là Quyết định số 749/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính Phủ ngày 03/06/2020 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia với mục tiêu phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, đồng thời nâng cao năng suất và sức cạnh tranh của đất nước thông qua hạ tầng số và dữ liệu quốc gia, hướng tới mục tiêu kinh tế số chiếm 20% GDP vào năm 2025 và 30% vào năm 2030.

Mục VIII phần 2 của Quyết định số 749/QĐ-TTg, khi nhấn mạnh một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số, nêu rõ những nhiệm vụ cụ thể đối với chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:

“Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.”

Để triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg, có nhiều văn bản pháp luật liên quan đến chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục đã được ban hành, trong đó quan trọng nhất là Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 30/12/2021 ban hành quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo với mục đích nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý giáo dục và đào tạo. Thông tư này quy định công tác báo cáo, thống kê, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo và thanh tra, kiểm tra trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng dữ liệu lớn và công nghệ số, nhằm thúc đẩy chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục và đào tạo, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 14/02/2022, thay thế Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành về GDMN, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. So với Thông tư số 26/2019/TT-BGDĐT, Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT có một số điểm mới, trong đó đáng chú ý là quy định về danh mục cơ sở dữ liệu đầy đủ, hoàn thiện và mang tính hệ thống hơn với 4 mảng cơ bản, tương ứng với 4 cấp học, ngành học: GDMN, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục đại học (bao gồm cả các cơ sở giáo dục đại học và các trường cao đẳng sư phạm).

Thông tư 42/2021/TT-BGDĐT quy định cơ sở dữ liệu về GDMN bao gồm:

- Thông tin mạng lưới cơ sở GDMN gồm: Thông tin về cơ sở giáo dục, loại hình giáo dục, các thông tin về điểm trường chính, các điểm trường (nếu có) và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin về nhà trẻ, nhóm trẻ/lớp mẫu giáo (gọi chung là lớp học) gồm: Danh sách lớp học, lớp học theo nhóm tuổi, lớp ghép, lớp học 2 buổi/ngày, lớp học bán trú, chương trình giáo dục và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin đội ngũ gồm: Thông tin cơ bản của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên về thông tin chung, trình độ chuyên môn, quá trình đào tạo và bồi

dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, trình độ tin học, ngoại ngữ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin người học gồm: Hồ sơ lý lịch, kết quả của quá trình học tập, nuôi dưỡng, sức khỏe của trẻ và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong trường học gồm: Thông tin cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, đồ chơi trẻ em và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin tài chính gồm: Thông tin cơ bản về nguồn lực tài chính được cung cấp (nguồn thu), các khoản chi và các thông tin khác.

- Các thông tin khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Trong lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, từ năm 2014, AI đã trở thành một trong những công nghệ cao được chú trọng và đầu tư phát triển, như được phản ánh trong Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Thủ tướng Chính Phủ cũng đã ban hành Quyết định 127/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 phê duyệt Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) tại Việt Nam đến năm 2030. Chiến lược được xây dựng với quan điểm cho rằng AI là công nghệ nền tảng quan trọng trong Cách mạng công nghiệp 4.0, đóng vai trò thiết yếu trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng lực quốc phòng và an ninh, và giúp Việt Nam trở thành một phần của thị trường AI toàn cầu. Chiến lược cung cấp lộ trình phát triển và ứng dụng AI tại Việt Nam, tập trung vào việc tạo khung pháp lý, thúc đẩy nghiên cứu và phát triển, xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực về AI. Chiến lược đặt mục tiêu cụ thể để Việt Nam trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo và phát triển AI vào năm 2030, hướng tới mục tiêu là một trong những quốc gia đi đầu về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI. Báo cáo "Chỉ số sẵn sàng về AI của Chính phủ năm 2023", thực hiện bởi tổ chức Oxford Insights và Trung tâm nghiên cứu phát triển quốc tế của Canada, nhận định Việt Nam đã có những tiến bộ đáng kể. Chỉ số sẵn sàng cho AI của quốc gia đã đạt 51,82/100, tăng 14 bậc so với trước đây và vượt qua mức trung bình toàn cầu 47,72 (VietnamPlus, 2023).

Mặc dù Nhà nước và Chính Phủ Việt Nam đã có những nỗ lực cải cách theo yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0, nhưng vẫn còn nhiều công việc cần làm để nâng cao kỹ năng số của lực lượng lao động. Trong Bảng xếp hạng Cạnh tranh Năng lực Nhân tài Toàn cầu 2020, Việt Nam đã giảm 4 bậc xuống hạng 96 trong tổng số 132 quốc gia. Theo Báo cáo Sáng tạo Toàn cầu 2020, Việt Nam đứng thứ 42 trong tổng số 131 quốc gia, với những điểm yếu rõ ràng về vốn nhân tài và nghiên cứu, cũng như

đầu ra tri thức và công nghệ (PWC, 2021). Điều này cho thấy trường học chưa bắt kịp yêu cầu của hành trình chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

2.2.2. Trường học không sót sáng

Việc sử dụng công nghệ trong GDMN tại Việt Nam được khởi xướng từ năm 2000 thông qua dự án giáo dục sớm KidSmart của IBM, và bắt đầu nhận được sự quan tâm rộng rãi hơn kể từ năm 2006 khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 3382/QĐ-BGDĐT ngày 5/7/2006 phê duyệt Đề án Ứng dụng Công nghệ thông tin (CNTT) trong GDMN từ năm 2006 đến năm 2010. Tuy nhiên, số lượng các nghiên cứu về sử dụng CNTT trong GDMN ở Việt Nam rất ít ỏi (Tran & cộng sự, 2021).

Một khảo sát trực tuyến 823 giáo viên mầm non toàn thời gian ở khu vực Miền Trung vào năm 2021 (sau COVID-19) cho thấy giáo viên đã sử dụng một số thiết bị công nghệ như TV thông minh và máy tính xách tay, chủ yếu để thu thập thông tin và tài liệu cho việc lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, giao tiếp với phụ huynh và trình chiếu thông tin cho trẻ (Tran & cộng sự, 2021). Anh & Ha (2022) cũng nhận thấy việc áp dụng công nghệ số trong GDMN ở Việt Nam đã có tiến bộ. Các trường mầm non đã bắt đầu sử dụng các thiết bị công nghệ như máy tính bảng và máy tính để tạo ra môi trường học tập tương tác và hấp dẫn cho trẻ. Một số ứng dụng và phần mềm giáo dục cũng đã được phát triển để hỗ trợ giảng dạy và học tập. Trên thực tế, các trường mầm non ở các thành phố lớn đã sử dụng ngày càng nhiều các phần mềm hỗ trợ quản lý học sinh và quản lý quan hệ với phụ huynh (PMS, KidsOnline, Little Lives...), cũng như mở tài khoản trên các trang danh bạ trường học trực tuyến (Schoolisting, Kiddihub, Kiddi...). Một số trường tổ chức việc đào tạo giáo viên mầm non trên các công cụ trực tuyến, hoặc đăng ký cho giáo viên sử dụng các thư viện bài giảng STEM mầm non trên nền tảng trực tuyến như STEMsmart.net, InnEdu, ISA...

Tuy vậy, việc chuyển đổi số trong GDMN ở Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức. Một số trường mầm non vẫn chưa có đủ cơ sở hạ tầng công nghệ, các giáo viên mầm non còn thiếu kiến thức và kỹ năng công nghệ, các hỗ trợ kỹ thuật tại địa phương cũng chưa đủ tốt để triển khai chuyển đổi số. Ngoài ra, những lo ngại về an toàn và bảo mật thông tin khi sử dụng công nghệ số trong giáo dục sớm cũng là một rào cản (Tran & cộng sự, 2021; Anh & Ha, 2022).

Trong lĩnh vực ứng dụng AI trong GDMN, các nghiên cứu ở nước ngoài hiện đang tập trung vào giáo dục AI cho trẻ mầm non bằng cách giúp trẻ nhỏ hiểu AI là gì và AI hoạt động như thế nào, cung cấp cho trẻ cơ hội tương tác với AI để biểu đạt và suy nghĩ sâu sắc hơn, và gọi cho trẻ suy nghĩ về các vấn đề đạo đức liên quan đến công nghệ AI để xây dựng mối quan hệ hiệu quả giữa con người và AI (Kewalramani & cộng sự, 2021). Chúng tôi chưa tìm thấy một nghiên cứu nào cho đến nay về thực

trạng ứng dụng AI trong GDMN ở Việt Nam. Thực trạng đó thậm chí có thể còn chưa tồn tại, do (i) sự phức tạp của công nghệ AI làm cho nó có vẻ như khó tiếp cận, (ii) năng lực công nghệ hạn chế của người dùng là các chủ trường mầm non, nhà quản lý GDMN, và giáo viên mầm non khiến cho họ chưa biết cách khai thác nó hiệu quả, (iii) khả năng chi trả thấp của thị trường, khi hầu hết các doanh nghiệp hoạt động trong khối này là doanh nghiệp vừa và nhỏ, thậm chí siêu nhỏ với tiềm lực tài chính yếu, và với trường hợp của Việt Nam, (iv) quy mô thị trường nhỏ bé làm giảm động lực của các nhà phát triển trong việc phát triển các sản phẩm công nghệ định hướng địa phương hoặc địa phương hóa các sản phẩm công nghệ định hướng toàn cầu.

2.3. Khuyến nghị định hướng chuyển đổi số và ứng dụng AI trong giáo dục và GDMN ở Việt Nam

Như đã phân tích, Nhà nước và Chính Phủ Việt Nam đã thể hiện quyết tâm cao đối với việc chuyển đổi số, nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI thông qua các chủ trương và chiến lược cấp quốc gia. Tuy nhiên, quyết tâm ở tầng chiến lược chưa được dịch chuyển một cách hiệu quả xuống tầng thực thi ở các cơ sở giáo dục. Sự chưa đồng nhất trong xác định mục tiêu cụ thể, thiếu vắng động lực thúc đẩy từ trong nội bộ, và sự mơ hồ trong xác định bản chất của chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ AI giữa cơ quan quản lý và các cơ sở giáo dục đang tạo ra một khoảng cách lớn giữa mong muốn và thực tế.

Điều này đặt ra một yêu cầu cấp thiết: cần có một định hướng rõ ràng giúp các bên liên quan không chỉ định hình mục tiêu mà còn tạo dựng động lực và chỉ ra cốt lõi của việc chuyển đổi số trong ngành giáo dục nói chung và GDMN nói riêng. Phần khuyến nghị sau đây sẽ đề ra các định hướng đó, nhằm hỗ trợ các cơ sở giáo dục trong quá trình hiện thực hóa quyết tâm chuyển đổi số, đồng thời khai thác hiệu quả tiềm năng của AI, giúp tạo ra thế mạnh cạnh tranh và nâng cao chất lượng giáo dục vì sự phát triển toàn diện của thế hệ mầm non Việt Nam.

2.3.1. Lấy việc tạo ra giá trị là mục tiêu

Một nghiên cứu với 57 doanh nghiệp Nhà nước và 123 doanh nghiệp vừa và nhỏ ở Việt Nam về trải nghiệm chuyển đổi số của họ đã phát hiện các mục tiêu và động lực khác nhau trong hành trình chuyển đổi số của các doanh nghiệp với cơ cấu sở hữu, kích cỡ và lĩnh vực hoạt động khác nhau (Watkins & cộng sự, 2021): Trong khi mục tiêu *tối ưu hóa quy trình làm việc* là ưu tiên hàng đầu của các doanh nghiệp Nhà nước, thì *nâng cao trải nghiệm khách hàng* mới là ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp vừa và nhỏ, cũng như các doanh nghiệp dịch vụ.

	Nâng cao trải nghiệm khách hàng	Tối ưu hóa quy trình làm việc	Cải thiện tính năng sản phẩm
Doanh nghiệp Nhà nước	21%	75%	44%
Doanh nghiệp vừa và nhỏ	54%	39%	45%
Doanh nghiệp dịch vụ (bao gồm giáo dục)	59%	58%	54%

**Bảng 1 – Mục tiêu chuyển đổi số của doanh nghiệp
(theo Watkins & cộng sự, 2021)**

Điều này thoát trông như khác biệt, nhưng thực ra phản ánh một sự tương đồng: tất cả các doanh nghiệp khi tham gia hành trình chuyển đổi số đều ưu tiên việc tạo ra giá trị cho “khách hàng” của họ. Do vị thế độc quyền của hầu hết các doanh nghiệp Nhà nước, người mua hàng thường không phải là “khách hàng” ưu tiên của họ. Tối ưu hóa quy trình làm việc giúp doanh nghiệp Nhà nước đảm bảo sự tuân thủ (trong quan hệ với cơ quan chủ quản), trong khi giúp các bộ phận liên quan trong nội bộ doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và nguồn lực, nhờ vậy làm hài lòng hai nhóm “khách hàng” quan trọng nhất của họ, vốn thường có lợi ích đối lập nhau. Ngược lại, bị phụ thuộc vào người mua hàng để tăng doanh thu và duy trì dòng tiền - nguồn sống của doanh nghiệp, các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các doanh nghiệp dịch vụ thấy việc làm hài lòng người mua, thông qua nâng cao trải nghiệm khách hàng, là quan trọng hơn.

Nhận định này hé mở con đường sáng cho hành trình chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục nói chung, và cơ sở GDMN nói riêng: để thành công, họ cần lấy việc tạo ra giá trị cho (các) “khách hàng” là mục tiêu. “Khách hàng” của tổ chức giáo dục công lập thường là Nhà nước (thông qua vai trò đại diện của cơ quan chủ quản), phụ huynh, học sinh và giáo viên (ít quan trọng hơn), trong khi “khách hàng” của tổ chức giáo dục ngoài công lập thường đa dạng và phức tạp hơn nhiều – bao gồm Nhà nước (thông qua vai trò của các cơ quan quản lý chức năng tại địa phương), phụ huynh, học sinh, giáo viên (với tầm quan trọng ngày càng tăng do cạnh tranh liên tục gia tăng và nguồn cung giáo viên thiếu nghiêm trọng), và cộng đồng địa phương.

Để hiểu rõ cách mà tổ chức giáo dục có thể tạo ra giá trị cho các “khách hàng” của mình, chúng tôi đề xuất sử dụng mô hình chuỗi giá trị của Michael Porter (Porter, 2001). Đây là một khung khái niệm quan trọng trong lĩnh vực chiến lược kinh doanh. Mô hình này giúp các doanh nghiệp phân tích và hiểu rõ quá trình tạo ra giá trị trong hoạt động kinh doanh của mình. Chuỗi giá trị bao gồm các hoạt động tạo ra giá trị được thực hiện bởi doanh nghiệp để tạo ra sản phẩm hoặc dịch vụ cuối cùng cho khách hàng. Các hoạt động này được phân thành hai loại: hoạt động chính và hoạt động hỗ trợ. Để dễ hình dung, đối với một doanh nghiệp sản xuất, hoạt động chính bao gồm các

giai đoạn từ nhập khẩu nguyên liệu, sản xuất, tiếp thị, phân phối đến dịch vụ sau bán hàng. Trong khi đó, hoạt động hỗ trợ bao gồm các hoạt động như quản lý tài nguyên nhân lực, quản lý công nghệ thông tin, nghiên cứu và phát triển. Mô hình chuỗi giá trị giúp doanh nghiệp nhận ra các hoạt động quan trọng nhất để tạo ra giá trị và tìm cách tối ưu hóa chúng. Bằng cách phân tích và cải thiện từng khâu trong chuỗi giá trị, doanh nghiệp có thể tăng cường sức cạnh tranh, giảm chi phí và tạo ra lợi thế độc đáo để thu hút và giữ chân khách hàng.

Chuỗi giá trị của một trường mầm non tiêu biểu bao gồm các hoạt động và quy trình liên quan đến việc cung cấp dịch vụ giáo dục và chăm sóc cho trẻ nhỏ. Dưới đây là mô tả sơ bộ các giai đoạn và các phần tử trong chuỗi giá trị của một trường mầm non:

- Phát triển khách hàng tiềm năng: Giai đoạn này phản ánh quá trình tìm kiếm và thu hút các phụ huynh và học sinh tiềm năng để tăng số lượng đăng ký và tạo ra doanh thu cho trường, có thể thông qua quảng cáo và tiếp thị, sự kiện và hoạt động ngoại khóa, quan hệ cộng đồng, các chương trình giới thiệu, gom nhóm, đăng ký trên trang danh bạ trường học trực tuyến, và tiếp thị trực tuyến.

- Tiếp nhận và tư vấn: Giai đoạn này bao gồm tiếp nhận và tư vấn cho phụ huynh về các dịch vụ và chương trình giáo dục của trường. Trường mầm non cung cấp thông tin về các gói dịch vụ, chính sách, quy định và các hoạt động giáo dục khác cho phụ huynh ở giai đoạn này.

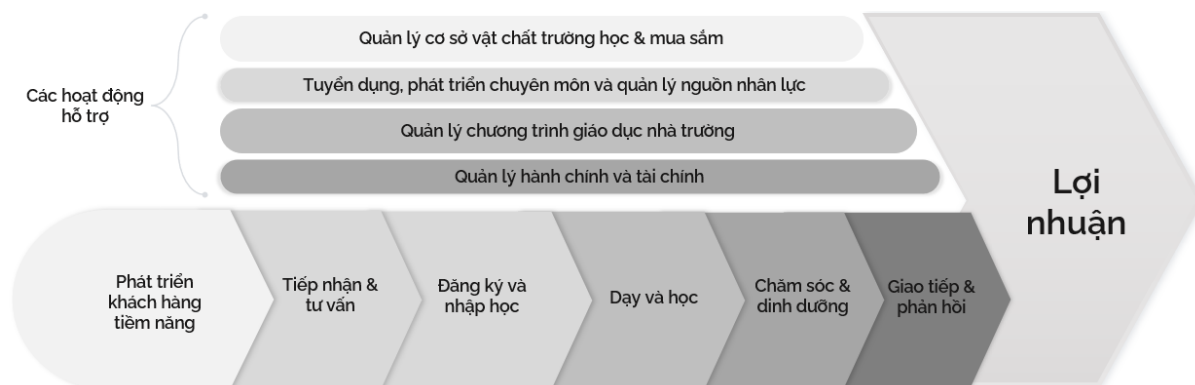
- Đăng ký và nhập học: Giai đoạn này liên quan đến quá trình đăng ký và nhập học của trẻ. Phụ huynh cung cấp thông tin cá nhân và y tế của trẻ, ký hợp đồng hoặc thỏa thuận dịch vụ, và hoàn tất các thủ tục liên quan để trẻ có thể nhập học vào trường mầm non.

- Dạy và học: Giai đoạn này là trọng tâm của chuỗi giá trị, trong đó trường mầm non cung cấp các hoạt động dạy và học cho trẻ mầm non. Giáo viên sẽ thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục phù hợp với độ tuổi và nhu cầu của trẻ. Trường mầm non cung cấp môi trường an toàn và thú vị để trẻ có thể phát triển các kỹ năng xã hội, ngôn ngữ, tư duy và thể chất.

- Chăm sóc và dinh dưỡng: Giai đoạn này liên quan đến việc cung cấp dinh dưỡng và chăm sóc cho trẻ trong suốt thời gian trẻ ở trường. Trường mầm non cung cấp bữa ăn, giấc ngủ, vệ sinh cá nhân và các hoạt động chăm sóc khác để đảm bảo sự phát triển và sức khỏe tốt cho trẻ.

- Giao tiếp và phản hồi: Giai đoạn này liên quan đến việc giao tiếp và phản hồi giữa trường mầm non và phụ huynh. Trường mầm non cung cấp thông tin về tiến trình học tập và phát triển của trẻ, tổ chức các buổi gặp gỡ và hội thảo với phụ huynh, và đáp ứng các yêu cầu và phản hồi từ phụ huynh.

- Tổ chức và quản lý (Hoạt động hỗ trợ): Giai đoạn này liên quan đến tổ chức và quản lý cơ sở vật chất trường học và mua sắm, tuyển dụng, phát triển chuyên môn và quản lý nguồn nhân lực, quản lý chương trình giáo dục nhà trường, quản lý tài chính và quản lý hành chính của trường mầm non. Các hoạt động hỗ trợ này giúp đảm bảo hoạt động suôn sẻ và hiệu quả của nhà trường.



Hình 1 – Mô phỏng chuỗi giá trị của một trường mầm non theo Mô hình chuỗi giá trị của Porter

Do giới hạn về nguồn lực, cơ sở giáo dục nói chung và trường mầm non nói riêng, đặc biệt là các trường mầm non có quy mô vừa và nhỏ (khoảng dưới 300 trẻ), cần phân tích chuỗi giá trị tùy theo mô hình kinh doanh độc đáo của mình, cũng như đánh giá hiện trạng sử dụng công nghệ số trong từng khâu của chuỗi giá trị, từ đó xác định các hoạt động có thể tạo ra nhiều giá trị nhất với chi phí đầu tư cho số hóa hợp lý nhất, để ưu tiên số hóa, trước khi bắt đầu một quá trình chuyển đổi số toàn diện. Lưu ý rằng, để tránh rơi vào “bẫy chi phí”, tức là tiết kiệm chi phí trước mắt nhưng làm gia tăng chi phí và tạo ra lãng phí trong dài hạn, cơ sở giáo dục cần tiếp cận chuyển đổi số một cách có hệ thống, với một tầm nhìn dài hạn và nhất quán, ngay cả khi quyết định thực thi theo từng bước.

2.3.2. Dựa vào văn hóa tổ chức như là cốt lõi

Nhiều nghiên cứu cho thấy tỉ lệ thất bại cao (trên 70%) của các dự án CNTT nói chung và các dự án chuyển đổi số nói riêng (McKinsey & Company, n.d.; Gratio, 2022).

Trong khi các nhà nghiên cứu tập trung quá nhiều vào việc phân tích vai trò và khả năng của lãnh đạo trong bối cảnh kỹ thuật số để giải thích cho thành công hay thất bại của quá trình chuyển đổi số (Nadkarni & Prügl, 2021), một khảo sát của Trường Quản trị Singapore với các giám đốc điều hành cấp cao cho thấy "87% số người được hỏi đồng ý rằng, so với công nghệ, văn hóa tạo ra rào cản lớn hơn đối với chuyển đổi số". (SMU, 2018). Các dữ liệu khảo sát càng ngày càng khẳng định rằng văn hóa tổ chức thực sự có thể hoặc là một rào cản hoặc là một yếu tố thúc đẩy chuyển đổi số thành công (Goran & cộng sự, 2017; Buvat, 2017; Hippold, 2019).

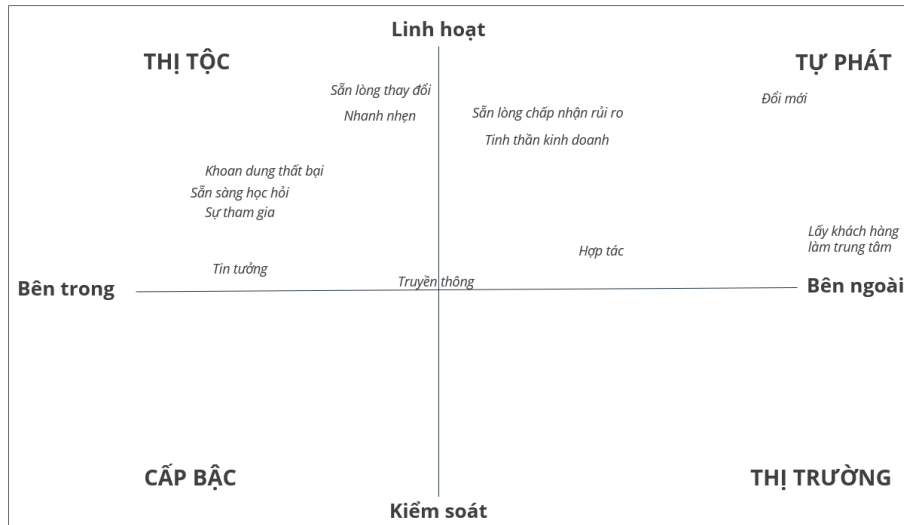
Nhưng loại văn hóa nào là cần thiết cho một tổ chức để thành công trong chuyển đổi số? Hartl & Hess (2017) đã sử dụng phương pháp Delphi để khám phá những giá trị tổ chức quan trọng nhất đối với sự thành công trong chuyển đổi số của doanh nghiệp. Xếp hạng và định nghĩa của các giá trị này được trình bày trong Bảng 2.

Các giá trị tổ chức và định nghĩa	Xếp hạng (Theo phương pháp Delphi)
<i>Sẵn lòng thay đổi</i> : sự cởi mở của tổ chức hướng tới những ý tưởng mới và sự sẵn sàng chấp nhận, thực hiện, và thúc đẩy sự thay đổi	1
<i>Lấy khách hàng làm trung tâm</i> : định hướng của tổ chức về tất cả các hoạt động đáp ứng nhu cầu của khách hàng: Sản phẩm và quy trình được thiết kế tập trung vào nhu cầu của khách hàng và liên tục thích nghi với những thay đổi của nhu cầu đó	2
<i>Đổi mới</i> : tổ chức theo đuổi cái tiến và tăng trưởng thông qua phát triển đổi mới	3
<i>Nhanh nhẹn</i> : sự sẵn sàng của tổ chức trong làm việc, hành động và tái cấu trúc, trong khả năng linh hoạt và thích ứng để phản ứng với sự thay đổi	4
<i>Sẵn sàng học hỏi</i> : tổ chức theo đuổi tiến bộ liên tục thông qua việc thu nhận kỹ năng và kiến thức	5
<i>Tin tưởng</i> : đề cập đến sự tin tưởng lẫn nhau giữa tổ chức, giữa các lãnh đạo, và các thành viên, cũng như sự tin tưởng của tổ chức vào các đối tác bên ngoài	6
<i>Tinh thần kinh doanh</i> : ý định của tổ chức để thúc đẩy trao quyền cho các thành viên của mình, cho phép họ hành động một cách chủ động và độc lập và chịu trách nhiệm	7
<i>Khoan dung thất bại</i> : thái độ khoan dung của tổ chức đối với những sai lầm hợp lý và sự hỗ trợ học hỏi từ thất bại	8
<i>Truyền thông</i> : ý định của tổ chức trong việc xây dựng mạng nội bộ và với bên ngoài cho mục đích chia sẻ kiến thức và thông tin	9
<i>Sẵn lòng chấp nhận rủi ro</i> : Sự sẵn sàng chấp nhận rủi ro của tổ chức và đưa ra quyết định trong điều kiện không chắc chắn	10
<i>Sự tham gia</i> : sự hỗ trợ của tổ chức dành cho các thảo luận mở, không phân cấp và dân chủ hóa quy trình ra quyết định	11
<i>Hợp tác</i> : lập trường tích cực của tổ chức đối với làm việc theo nhóm, cộng tác đa chức năng và sự sẵn sàng để hợp tác với các đối tác bên ngoài (ví dụ: khách hàng)	12

Bảng 2 – Xếp hạng và định nghĩa các giá trị của tổ chức (phỏng theo Hartl và Hess, 2017)

Dựa trên mô hình giá trị cạnh tranh CVF, với trục hoành là trục định hướng từ nội bộ/tập trung đến bên ngoài/phân tán – và trục tung là trục định hướng từ tính ổn định/kiểm soát đến linh hoạt/tự do, các giá trị tổ chức liệt kê ở Bảng 2 nói trên sau đó

được đánh giá bởi một hội đồng theo phương pháp Delphi và được định vị dọc theo các vị trí trong mô hình theo các giá trị trung bình để có hình ảnh mô phỏng ở Hình 1 (Hartl & Hess, 2017).



Hình 2 – Định vị các giá trị tổ chức có ảnh hưởng đến thành công của chuyển đổi số (phỏng theo Hartl & Hess, 2017).

Để đọc kết quả nghiên cứu, cần hiểu Mô hình giá trị cạnh tranh CVF (Competing Values Framework - CVF). Đây là một mô hình được sử dụng để hiểu và đánh giá văn hóa tổ chức (Cameron & Quinn, 2011). CVF xác định bốn loại văn hóa tổ chức bao gồm:

Văn hóa Thị tộc (Clan Culture): đặc trưng bởi một môi trường làm việc giống như một gia đình lớn, với sự gắn kết và trung thành mạnh mẽ; Có sự chú trọng vào sự hợp tác, sự quan tâm đến nhân viên và khách hàng, và một tầm nhìn chung.

Văn hóa Tự phát (Adhocracy Culture): Đặc trưng bởi sự sáng tạo, đổi mới và sẵn sàng chấp nhận rủi ro. Các tổ chức có văn hóa này thường nhanh nhạy và linh hoạt, đẩy mạnh sự thay đổi và tìm kiếm cơ hội mới.

Văn hóa Thị trường (Market Culture): Đặc trưng bởi sự cạnh tranh, mục tiêu và kết quả là trung tâm. Tổ chức tập trung vào việc hoàn thành công việc và đạt được kết quả tốt trong thị trường.

Văn hóa Cấp bậc (Hierarchy Culture): Đặc trưng bởi một cấu trúc tổ chức chặt chẽ, các quy trình rõ ràng và sự ổn định. Có sự chú trọng vào hiệu quả, độ tin cậy và tính dễ dự đoán trong hoạt động.

Kết quả của nghiên cứu chỉ ra rằng tính linh hoạt/tự do là cần thiết để hỗ trợ chuyển đổi số (Hartl & Hess, 2017). Để có tính linh hoạt/tự do, cần có cả Văn hóa Thị tộc và Văn hóa Tự phát. Văn hóa Thị tộc thúc đẩy sự gắn kết và tinh thần đồng đội, trong khi Văn hóa Tự phát thúc đẩy đổi mới, sáng tạo và chấp nhận rủi ro; Kết hợp hai loại hình văn hóa này sẽ đóng góp vào tính linh hoạt trong một tổ chức (Lugtu, 2017). Nghiên cứu cũng khẳng định ưu thế của Văn hóa Tự phát trong hỗ trợ chuyển đổi số.

Đây là một nền văn hóa năng động được đặc trưng bởi sự thay đổi và định hướng thích ứng, tư duy sáng tạo, chấp nhận rủi ro và hành vi kinh doanh (Cameron & Quinn, 2011). Các sáng kiến chuyển đổi số thành công đòi hỏi thành viên trong tổ chức có tư duy lấy khách hàng làm trung tâm để có thể đổi mới sản phẩm và quy trình nhằm giải quyết sự thay đổi về nhu cầu của khách hàng (Hartl & Hess, 2017). Văn hóa Thị tộc, được đặc trưng bởi một trọng tâm nội bộ, sự quan tâm dành cho mọi người, sự tham gia của nhân viên trong việc ra quyết định, làm việc nhóm và trao quyền cũng cần thiết cho thành công của chuyển đổi số (Cameron & Quinn, 2011). Văn hóa Thị tộc thúc đẩy các thành viên trong tổ chức sẵn sàng học hỏi và tin tưởng lẫn nhau. Trong bối cảnh môi trường làm việc số hóa với công việc từ xa và sự sắp xếp công việc linh hoạt, sự tin tưởng của tổ chức vào cam kết của các thành viên đối với sự nghiệp của tổ chức là điều kiện cần thiết cho thành công của chuyển đổi số (Hartl & Hess, 2017). Văn hóa Cấp bậc thuần túy hay Văn hóa Thị trường thuần túy đều không phải là những môi trường văn hóa lý tưởng cho chuyển đổi số. Điều này có nghĩa không thể chỉ dựa vào “cái nhãn” cơ sở giáo dục theo cơ cấu sở hữu (công lập hay ngoài công lập), mà cần có đánh giá tỉ mỉ hơn về các giá trị của tổ chức liên quan, để dự đoán về thành công hay thất bại của chuyển đổi số ở một cơ sở giáo dục.

2.3.3. Một số giải pháp chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho trường mầm non

Trường mầm non thường bị những “âm ảnh chi phí” che mờ cơ hội. Năng lực công nghệ hạn chế cũng làm cho họ thiếu tự tin khi ra các quyết định liên quan đến công nghệ. Nhưng sự linh hoạt, hiệu quả và khả năng nhân rộng của công nghệ chính là lý do khiến cho họ nên nghĩ lại.

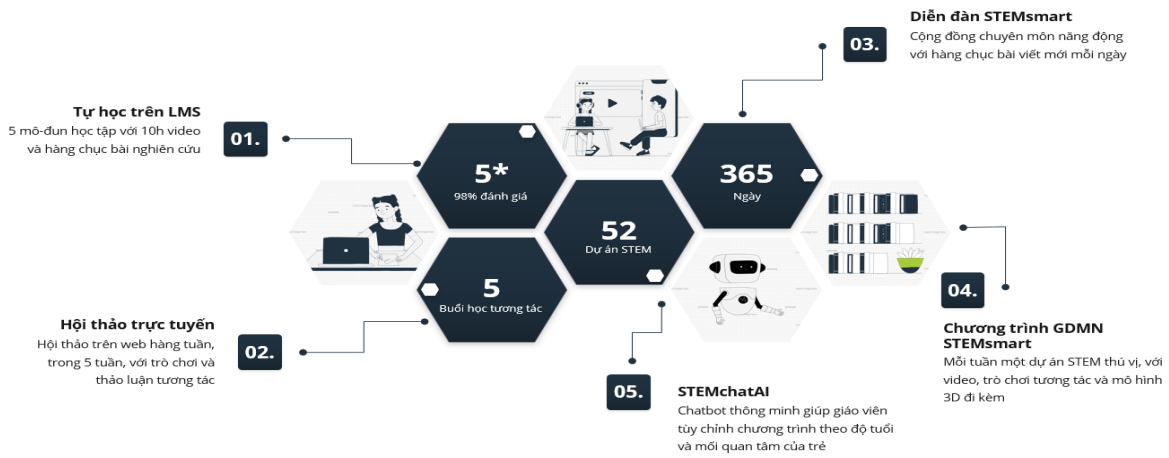
Chúng tôi xin chia sẻ hai ví dụ thực tế dưới đây:

Ví dụ 1: Số hóa quy trình phát triển chuyên môn về giáo dục STEM cho giáo viên mầm non

Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng giáo dục STEM đóng một vai trò quan trọng ở các quốc gia đang phát triển. Nó không chỉ thúc đẩy các mô hình tăng trưởng kinh tế giá trị cao mà còn giúp quốc gia đó nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế, tạo ra nhiều cơ hội việc làm, đóng góp vào việc giảm thiểu khoảng cách bất bình đẳng và giải quyết các thách thức xã hội khác (SEADSTEM, n.d.). Sự hiệu quả của giáo dục STEM được tối đa hóa khi bắt đầu từ sớm (McClure & cộng sự, 2017; Aldemir & Kermani, 2017). Để đạt được chất lượng cao trong giáo dục STEM ở cấp mầm non, cần thiết phải có một chương trình giáo dục được thiết kế tốt và đội ngũ giáo viên giỏi (NRC, 2011). Một chương trình giảng dạy STEM xuất sắc là sự tích hợp của STEM vào các lĩnh vực khác qua học tập trải nghiệm, và nhằm hỗ trợ sự phát triển toàn diện của trẻ em (Roberts & Knaus, 2018). Những giáo viên STEM giỏi sẽ sở hữu kiến thức chuyên môn sâu rộng, kỹ năng sư phạm tốt, khả năng quản lý lớp học một cách hiệu quả và tự tin để khuyến khích học sinh tham gia vào những trải nghiệm học tập STEM chất

lượng cao (NRC, 2011). Mô hình phát triển chuyên môn liên tục, kết hợp với việc tham gia vào các cộng đồng học tập và nhận được sự huấn luyện cá nhân hóa đã được chứng minh là phương pháp hiệu quả nhất trong việc cải thiện kỹ năng STEM của giáo viên (Stone-MacDonald & cộng sự, 2011).

Để hỗ trợ giáo viên ở khắp các vùng miền đưa giáo dục STEM vào lớp học và mang lại trải nghiệm học STEM chất lượng cao cho trẻ mầm non, chúng tôi đã thiết kế giải pháp phát triển chuyên môn cho giáo viên dựa trên các thực tiễn tốt nhất từ Israel, Mỹ và Hồng Kông (Applebaum & Zamir 2022, DeJarnette 2018, Weng & cộng sự, 2020). Sáng kiến của chúng tôi cung cấp sự phát triển chuyên môn liên tục cho giáo viên mầm non thông qua một khóa học trực tuyến về giáo dục STEM, với quyền truy cập vào khóa học trên nền tảng quản lý học tập trực tuyến (Learning Management System – LMS) của chúng tôi trong vòng 12 tháng. Chúng tôi cũng tổ chức các hội thảo trên web định kỳ với các trò chơi và đối thoại tương tác qua Menti, cho phép giáo viên đặt câu hỏi ẩn danh và thực hành trên Padlet và Miro. Song song với khóa học, chúng tôi duy trì một cộng đồng thực hành chuyên môn thông qua diễn đàn giáo viên trực tuyến STEMsmart nhằm thúc đẩy sự hợp tác và chia sẻ kiến thức liên tục. Ngoài ra, người dùng còn được sử dụng Chương trình giáo dục mầm non STEMsmart với 52 dự án STEM trong một năm, giúp tiết kiệm thời gian soạn bài và tìm kiếm học liệu. STEMchatAI, chatbot thông minh của chúng tôi, mang lại cho giáo viên sự hỗ trợ tức thời khi họ cần điều chỉnh các bài giảng và giáo án để có được sự linh hoạt. Những hỗ trợ trong môi trường số này giúp nâng cao kiến thức nội dung STEM và thực hành sư phạm liên quan đến STEM, cũng như tăng cảm nhận về hiệu quả bản thân của giáo viên, cho phép họ tự tin triển khai chương trình giáo dục STEMsmart trong lớp học mầm non của mình. Nhờ mô hình này, chúng tôi đã có thể cung cấp sự hỗ trợ chuyên môn cho 170 giáo viên mầm non của Tỉnh Dòng Đà Nẵng chỉ trong 5 tuần với một mức phí cực kỳ phải chăng, và nhận được đánh giá 5* từ 98% học viên.

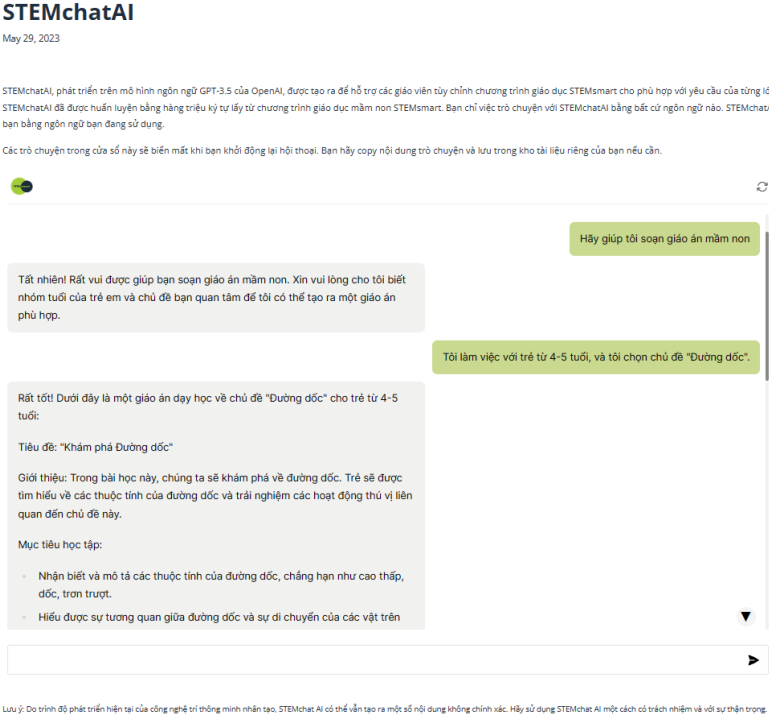


Hình 3 – Mô hình phát triển chuyên môn cho giáo viên mầm non trong môi trường số của STEMsmart

Ví dụ 2: Sử dụng AI để nâng cao chất lượng giáo dục mầm non

Bước tiến gần đây của công nghệ AI với ChatGPT đã làm cho khoảng cách giữa công nghệ này và người dùng được thu hẹp lại một cách đáng kể. Tuy nhiên, ở hình thức và mức độ phát triển như hiện nay, AI vẫn chưa tuyệt đối an toàn để sử dụng. Các quan ngại bao gồm, một là, các vấn đề về bản quyền, do mô hình có thể tạo ra nội dung từ dữ liệu huấn luyện, gây ra các vấn đề về đạo văn (Kasneci & cộng sự, 2023); hai là, định kiến và thiếu công bằng, khi mô hình phản ánh và thậm chí phóng đại các định kiến xã hội, tạo ra kết quả thiên vị (Kasneci & cộng sự, 2023); ba là sự thiếu hiểu biết và thiếu kinh nghiệm của người dùng, khiến họ không thể sử dụng hiệu quả công nghệ mới (Redecker & cộng sự, 2017); bốn là các kết quả “hoang tưởng”, khi người dùng có thể nhận nhầm thông tin sai lệch là kiến thức xác thực (Kasneci & cộng sự, 2023); và cuối cùng, rủi ro về quyền riêng tư và bảo mật dữ liệu cũng đáng để lo ngại khi sử dụng AI trong giáo dục (Kasneci & cộng sự, 2023).

Với các chiến lược hiệu quả để khắc phục những rủi ro nói trên, Công ty cổ phần Dịch vụ Giáo dục Educe Việt Nam (Educe Vietnam) đã hoàn thành giai đoạn nghiên cứu phát triển và mới đưa ra thị trường sản phẩm STEMchatAI, một trợ lý ảo thông minh giúp các giáo viên mầm non lên kế hoạch bài học và thiết kế các hoạt động học tập theo định hướng STEM cho trẻ mầm non (Xem hình 4).



Hình 4 – Giao diện người dùng của STEMchatAI

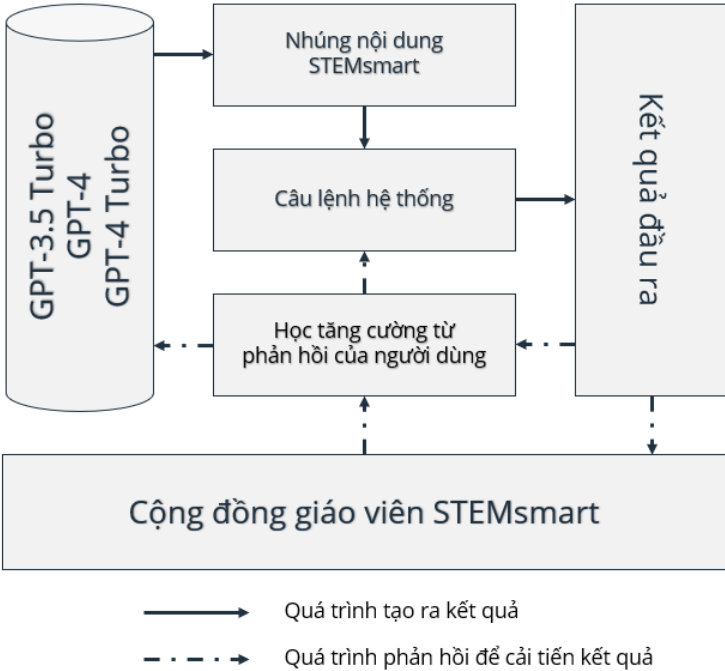
STEMchatAI được phát triển dựa trên mô hình ngôn ngữ GPT-3.5 Turbo, GPT-4, và sắp tới là GPT-4 Turbo của OpenAI.

Để khắc phục các vấn đề về *bản quyền, định kiến và thiếu công bằng*, và *kết quả “hoang tưởng”*, hàng triệu ký tự từ dữ liệu của Chương trình GDMN STEMsmart (<https://stemsmart.net>) đã được nhúng vào mô hình ngôn ngữ gốc. Kỹ thuật nhúng

(embedding) này tạo ra biểu diễn vector cho từ hoặc cụm từ dựa trên môi trường ngữ cảnh của chúng trong dữ liệu huấn luyện. Điều này có nghĩa là các từ hay cụm từ xuất hiện trong các ngữ cảnh tương tự sẽ có các vector gần giống nhau trong không gian vector. Kỹ thuật embedding sử dụng mạng nơ-ron để học các mối quan hệ phức tạp giữa các từ trong dữ liệu huấn luyện. Nhờ vậy, STEMchatAI có khả năng hiểu và xử lý tốt hơn các yêu cầu của đối tượng người dùng là giáo viên mầm non, từ đó cung cấp kết quả tốt hơn, dự đoán chính xác hơn, và phản hồi phù hợp hơn cho đối tượng người dùng này, so với khi họ sử dụng ChatGPT với cùng mục đích lên kế hoạch bài học và thiết kế các hoạt động học tập theo định hướng STEM.

Để hạn chế rủi ro do *sự thiếu hiểu biết và thiếu kinh nghiệm của người dùng*, STEMchatAI sử dụng một câu lệnh mẫu để điều khiển hoạt động của chatbot từ hệ thống, và gợi ý cho người dùng các câu lệnh mẫu con hiệu quả thông qua Diễn đàn giáo viên STEMsmart.

Quá trình học tăng cường từ phản hồi của đa dạng người dùng, thông qua thu thập dữ liệu về hành vi của người dùng một cách vô danh, giúp cho hệ thống liên tục được tinh chỉnh và tối ưu hóa để cho ra các kết quả ngày càng phù hợp và hữu ích hơn.



Hình 5 – Mô hình hoạt động của STEMchatAI

Từ thành quả của STEMchatAI, và để góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường mầm non, chúng tôi đang tiếp tục huấn luyện các trợ lý ảo mới để cung cấp thông tin và trả lời mọi câu hỏi của chủ trường, giáo viên và nhân viên phục vụ trường mầm non, trong các lĩnh vực sau đây:

- Các quy định pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực GDMN.
- Các thực tiễn tốt nhất về quản lý cơ sở vật chất, nhân sự, vận hành trường mầm non.

- Thực phẩm và dinh dưỡng cho trẻ mầm non.
- An toàn và sức khỏe trong trường mầm non.
- Quản lý lớp học mầm non.
- Đánh giá sự phát triển của trẻ mầm non.

Quá trình triển khai hai sản phẩm này và nhận phản hồi từ người dùng cho phép chúng tôi rút ra một số bài học sau đây để chia sẻ với các chủ trường mầm non:

- Các cơ hội chuyển đổi số đang mở ra cho bất cứ tổ chức giáo dục nào. Chuyển đổi số đã giúp Educe Vietnam nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí vận hành, và tạo ra thế mạnh cạnh tranh vượt trội trong một thời gian ngắn. Chúng tôi đã số hóa tất cả các quy trình hoạt động của mình, và chuyển đổi mô hình kinh doanh hoàn toàn sang môi trường số trong thời gian diễn ra đại dịch COVID-19, nhờ văn hóa tổ chức *linh hoạt* điển hình.

- Trường mầm non có thể bắt đầu quá trình chuyển đổi số từng bước một nếu chưa sẵn sàng chuyển đổi số toàn diện. Nhà trường nên ưu tiên số hóa các quá trình mang lại nhiều giá trị nhất cho khách hàng mục tiêu của mình. Cụ thể, trường mầm non ngoài công lập nên ưu tiên số hóa quy trình hoạt động chính.

- Trường mầm non nên ủy thác việc triển khai các quy trình hỗ trợ cho đối tác. Để duy trì hiệu quả bền vững, hãy luôn ưu tiên chọn các đối tác có khả năng cung cấp dịch vụ trong môi trường số. Điều này sẽ giúp cho nhân sự của trường học có điều kiện tiếp xúc với các tiện ích số đa dạng để nâng dần nhận thức và kỹ năng thao tác trong môi trường số. 100% giáo viên của Tỉnh Dòng Đà Nẵng tham gia khóa học về Giáo dục STEM trong trường mầm non của Educe Vietnam báo cáo sự tiến bộ trong sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin và phần mềm cần thiết cho học tập, tạo cho họ động lực để tiếp tục tìm tòi và khám phá trong không gian số ngay cả khi khóa học đã kết thúc.

3. Kết luận

Trong bài viết này, chúng tôi đã cung cấp một cái nhìn tổng quan về tình hình chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục, với một sự chú trọng đặc biệt vào GDMN. Sự tiến bộ trong công nghệ số và AI đang mở ra cánh cửa đầy hứa hẹn cho việc cải thiện chất lượng chăm sóc và giáo dục trẻ em, cũng như tăng cường mối liên kết giữa các trường học và gia đình học sinh. Tuy nhiên, nhận thức của các nhà quản lý GDMN về những lợi ích này vẫn còn hạn chế. Vì vậy, những ứng dụng đa dạng của công nghệ kỹ thuật số và AI trong nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của trường mầm non còn chưa được chú ý tới một cách đúng mức.

Chúng tôi đã giới thiệu một loạt các ví dụ về việc số hóa các quy trình và áp dụng AI tại các trường mầm non Việt Nam, từ việc tăng cường hiệu quả phát triển chuyên môn cho giáo viên đến hỗ trợ giáo viên lập kế hoạch giảng dạy. Mặc dù những

sáng kiến này vẫn đang trong giai đoạn thử nghiệm và còn nhiều thách thức cần được giải quyết, nhưng những thành quả ban đầu đã cho thấy triển vọng rực rỡ.

Chúng tôi hy vọng rằng các hướng dẫn và giải pháp được trình bày sẽ trang bị cho các trường mầm non những công cụ cần thiết để nắm bắt và khai thác tối đa cơ hội từ chuyển đổi số và AI, nâng cao khả năng cạnh tranh và chất lượng hoạt động của trường học. Nghiên cứu này hy vọng mở ra nhiều cuộc thảo luận và nghiên cứu tiếp theo xung quanh chủ đề này, cũng như tạo động lực cho việc chuyển đổi số và áp dụng AI trong GDMN không chỉ tại Việt Nam mà còn trên phạm vi toàn cầu, đảm bảo rằng quá trình này sẽ diễn ra một cách an toàn, công bằng, minh bạch, đáng tin cậy và có lợi, với trách nhiệm cao từ tất cả các bên liên quan.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Aldemir, J., & Kermani, H. (2017). Integrated STEM curriculum: improving educational outcomes for Head Start children. *Early Child Development and Care*, 187(11), 1694-1706.

[2] Anh, T. N., & Ha, N. T. (2022). Digitalization in early childhood education in Vietnam. *International Journal of Social Sciences*, 5(4), 341-346.

[3] Applebaum, M., & Zamir, J. (2022), Making the difference: Training early childhood math teachers in STEM skills.

[4] Behmke, D., Kerven, D., Lutz, R., Paredes, J., Pennington, R., Brannock, E., Deiters, M., Rose, J., & Stevens, K. (2018). Augmented reality chemistry: Transforming 2--D molecular representations into interactive 3--D structures. *Proceedings of the Interdisciplinary STEM Teaching and Learning Conference*, 2(1), 5--11. <https://doi.org/10.20429/stem.2018.020103>.

[5] Bozkurt, A., Karakaya, K., Turk, M., Karakaya, Ö., & Castellanos-Reyes, D. (2022). The impact of COVID-19 on education: a meta-narrative review. *TechTrends*, 66(5), 883-896.

[6] Britanica, (2023). Truy cập tại:

<https://www.britannica.com/technology/artificial-intelligence>.

[7] Buvat, J., Solis, B., Crummenerl, C., Aboud, C., Kar, K., El Aoufi, H., & Sengupta, A. (2017). The Digital Culture Challenge: Closing the Employee-leadership Gap.

Capgemini, truy cập tại https://www.capgemini.com/wp-content/uploads/2017/12/dti_digitalculture_report.pdf.

[8] Cameron, L. & Quinn, R. (2011). Diagnosing and Changing Organizational Culture: Based on the Competing Values Framework. Jossey-Bass.

[9] Cantú-Ortiz, F. J., Galeano Sánchez, N., Garrido, L., Terashima-Marin, H., & Brena, R. F. (2020). An artificial intelligence educational strategy for the digital

transformation. *International Journal on Interactive Design and Manufacturing (IJIDeM)*, 14, 1195-1209.

[10] COMEST (UNESCO World Commission on the Ethics of Scientific Knowledge and Technology) (2019). *Preliminary Study on the Ethics of Artificial Intelligence*. Truy cập tại: <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000367823>. (Accessed 28 December 2020).

[11] Chip Huyen, (2023), RLHF: Reinforcement Learning from Human Feedback, <https://huyenchip.com/2023/05/02/rhlf.html>.

[12] DeJarnette, N. K. (2018). Implementing STEAM in the early childhood classroom. *European Journal of STEM Education*, 3(3), 18.

[13] Druga, S., & Ko, A. J. (2021). June). How do children's perceptions of machine change when training and coding smart programs?. In *Interaction design and children* (pp. 49–61).

[14] Gartner (n.d.), “digital transformation” in Gartner Glossary, truy cập tại <https://www.gartner.com/en/information-technology/glossary/digital-transformation>.

[15] Ge, D., Wang, X., & Liu, J. (2021). A teaching quality evaluation model for preschool teachers based on deep learning. *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, 16(3), 127–143. <https://doi.org/10.3991/ijet.v16i03.20471>.

[16] Goran, J., LeBerge, L., & Srinivasan, R. (2017). Culture for a digital age. *McKinsey Quarterly*, 3(1), 56–67.

[17] Granito, F. (Ed.). (2022). *Digital Transformation Demystified* (Vol. 2). World Scientific.

[18] Hartl, E. & Hess, T. (2017). The role of cultural values for digital transformation: Insights from a Delphi study.

[19] Hippold, S. (2019). CIOs: Break through culture barriers to enable digital transformation, truy cập tại <https://www.gartner.com/smarterwithgartner/cios-break-through-culture-barriers-to-enable-digital-transformation>.

[20] Holmes, W., & Tuomi, I. (2022). State of the art and practice in AI in education. *European Journal of Education*, 57(4), 542-570. <https://doi.org/10.1111/ejed.12533>.

[21] Holmström, J. (2022). From AI to digital transformation: The AI readiness framework. *Business Horizons*, 65(3), 329-339.

[22] Iivari, N., Sharma, S., & Ventä-Olkkonen, L. (2020). Digital transformation of everyday life—How COVID-19 pandemic transformed the basic education of the young generation and why information management research should care?. *International journal of information management*, 55, 102183.

[23] Kandlhofer, M., Steinbauer, G., Hirschmugl-Gaisch, S., & Huber, P. (2016). Artificial intelligence and computer science in education: From kindergarten to university. In *2016 IEEE frontiers in education conference*. Erie, PA, USA: FIE.

[24] Kasneci, E., Seßler, K., Küchemann, S., Bannert, M., Dementieva, D., Fischer, F., ... & Kasneci, G. (2023). ChatGPT for good? On opportunities and challenges of large language models for education. *Learning and Individual Differences*, 103, 102274. <https://doi.org/10.1016/j.lindif.2023.102274>.

[25] Kewalramani, S., Kidman, G., & Palaiologou, I. (2021). Using artificial intelligence (AI)- interfaced robotic toys in early childhood settings: A case for children's inquiry literacy. *European Early Childhood Education Research Journal*, 29(5), 652–668. <https://doi.org/10.1080/1350293X.2021.1968458>.

[26] Leiker, D., Gyllen, A. R., Eldesouky, I., & Cukurova, M. (2023). Generative AI for learning: Investigating the potential of synthetic learning videos. arXiv preprint arXiv:2304.03784.

[27] Lin, P., Van Brummelen, J., Lukin, G., Williams, R., & Breazeal, C. (2020). Zhorai: Designing a conversational agent for children to explore machine learning concepts. *Proceedings of the AAAI Conference on Artificial Intelligence*, 34(9), 13381–13388. <https://doi.org/10.1609/aaai.v34i09.7061>.

[28] Luckin, R., Holmes, W., Griffiths, M., & Forcier, L. B. (2016). Intelligence unleashed: An argument for AI in education.

[29] Lugtu, R. (2017, November 3). The culture of digital transformation. *Manila Times*, truy cập tại <https://www.manilatimes.net/2017/11/03/business/columnists-business/culture-digital-transformation/360412>.

[30] Mahraz, M. I., Benabbou, L., & Berrado, A. (2019, October). A systematic literature review of digital transformation. In *Proceedings of the International Conference on Industrial Engineering and Operations Management* (pp. 917-931). IEOM Society.

[31] Manning, C. (2020). Artificial Intelligence Definitions. Human Centered Artificial Intelligence, Stanford University. Truy cập tại: <https://hai.stanford.edu/sites/default/files/2020-09/AI-Definitions-HAI.pdf>.

[32] Marangunić, N., & Granić, A. (2015). Technology acceptance model: a literature review from 1986 to 2013. *Universal access in the information society*, 14, 81-95.

[33] McCarthy, A. M., Maor, D., McConney, A., & Cavanaugh, C. (2023). Digital transformation in education: Critical components for leaders of system change. *Social Sciences & Humanities Open*, 8(1), 100479.

[34] McClure, E. R., Guernsey, L., Clements, D. H., Bales, S. N., Nichols, J., Kendall-Taylor, N., & Levine, M. H. (2017). STEM starts early. In *Joan Ganz Cooney Center At Sesame Workshop*. 1900 Broadway, New York, NY 10023.

[35] McKensey & Company (n.d.), The “how” of transformation, truy cập tại <https://www.mckinsey.com/industries/retail/our-insights/the-how-of-transformation>.

[36] McMahan, C. (2023), The Role of Artificial Intelligence in Digital Transformation, truy cập tại <https://www.ptc.com/en/blogs/corporate/artificial-intelligence-digital-transformation>.

[37] Miao, F., Holmes, W., Huang, R., & Zhang, H. (2021). AI and education: A guidance for policymakers. UNESCO Publishing.

[38] Mukul, E., & Büyüközkan, G. (2023). Digital transformation in education: A systematic review of education 4.0. *Technological Forecasting and Social Change*, 194, 122664.

[39] Nadkarni, S., & Prügl, R. (2021). Digital transformation: a review, synthesis and opportunities for future research. *Management Review Quarterly*, 71, 233-341.

[40] Nan, J. (2020). Research of application of artificial intelligence in. Preschool education. In *The 2020 International Symposium On Electronic Information Technology And Communication Engineering*. Jinan, China.

[41] National Research Council (NRC) (2011). Successful K-12 STEM education: Identifying effective approaches in STEM. National Academies Press.

[42] Patel, K., & McCarthy, M. P. (2000). The essentials of e-business leadership: digital transformation.

[43] Porter, M. E. (2001). The value chain and competitive advantage. *Understanding business processes*, 2, 50-66.

[44] PWC (2021), Vietnam Digital Readiness Report, truy cập tại <https://www.pwc.com/vn/en/publications/vietnam-publications/digital-readiness.html>.

[45] Redecker, C., & cộng sự (2017). European framework for the digital competence of educators: DigCompEdu. In *Technical report*. Seville site: Joint Research Centre.

[46] Roberts, P., & Knaus, M. (2018). STEM in early childhood education: Using the inquiry approach to scaffold learning. *New Zealand International Research in Early Childhood Education*, 21(2), 71-84.

[47] SEEDSTEM (n.d.), Why STEM - 21st Century Skills in Southeast Asia’s Education System, truy cập tại https://www.seameo-innotech.org/wp-content/uploads/2020/03/SEADSTEM-Project-Description-2019-2020_Short.pdf.

[48] SMU (2018), Culture transformation in the digital world, Research Report, truy cập tại <https://exdmarketing.smu.edu.sg/acton/media/11523/cultural-transformation-in-the-digital-world>.

[49] Stone-MacDonald, A., Bartolini, V. L., Douglass, A., & Love, M. (2011). Focusing a new lens: STEM professional development for early education and care educators and programs.

[50] Su, J., & Yang, W. (2022). Artificial intelligence in early childhood education: A scoping review. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 100049. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2022.100049>.

[52] Tseng, T., Murai, Y., Freed, N., Gelosi, D., Ta, T. D., & Kawahara, Y. (2021). PlushPal: Storytelling with interactive plush toys and machine learning. In *Interaction design and children* (pp. 236–245). <https://doi.org/10.1145/3459990.3460694>.

[53] *The Guardian* (2023). Truy cập tại: <https://www.theguardian.com/technology/2023/feb/02/chatgpt-100-million-users-open-ai-fastest-growing-app>.

[54] Tran Viet Nhi, Hoang Thị Diem Phuong, Truong Thi Thanh Hoai, Hoang Anh Dung, Doan Van Canh (2021), The Use Of Digital Technology In The Classroom By Preschool Teachers In Vietnam's Central And Central Highlands, *Educational Sciences*, Volume 66, Issue 5A, pp. 110-121, truy cập tại <http://stdb.hnue.edu.vn>.

[55] Unicef (n.d.), COVID-19 and children, truy cập tại <https://data.unicef.org/covid-19-and-children/>.

[56] Vartiainen, H., Tedre, M., & Valtonen, T. (2020). Learning machine learning with very young children: Who is teaching whom? *International Journal of Child-Computer Interaction*, 25, 100182.

[57] Vial, G. (2021). Understanding digital transformation: A review and a research agenda, in *Managing Digital Transformation*, 13-66.

[58] VietnamPlus (2023), Việt Nam cần hoàn thiện thể chế, chính sách để phát triển công nghệ AI, truy cập tại <https://www.vietnamplus.vn/viet-nam-can-hoan-thien-the-che-chinh-sach-de-phat-trien-cong-nghe-ai/868223.vnp>.

[59] Wang, C., Cai, J., Gao, C., & Ye, X. (2023). History, Status, and Development of AI-Based Learning Science. *SN Computer Science*, 4(3), 316. <https://doi.org/10.1007/s42979-023-01778-1>.

[60] Watkins, J. J., Trung, N. Q., Nkhoma, M., Thien, V. K., & Long, N. L. H. (2021). Digital Transformation in Vietnam: the SME and SOE experience.

[61] WEF (2022), How has AI developed over the years and what's next?, truy cập tại <https://www.weforum.org/agenda/2022/12/how-ai-developed-whats-next-digital-transformation/>.

[62] Weng, X., Jong, M. S., & Chiu, T. K. (2020). Implementation challenges of STEM education: From Teachers' perspective. In *ICCE 2020-28th International Conference on Computers in Education* (pp. 683-685). Asia-Pacific Society for Computers in Education.

[63] Wikipedia (n.d.), “Digital transformation”, truy cập tại: https://en.wikipedia.org/wiki/Digital_transformation.

[64] Wikipedia (n.d.), “Trí tuệ nhân tạo”, truy cập tại:

https://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%AD_tu%E1%BB%87_nh%C3%A2n_t%E1%BA%A1o.

[65] Williams, R., Park, H. W., Oh, L., & Breazeal, C. (2019). Popbots: Designing an artificial intelligence curriculum for early childhood education. *Proceedings of the AAAI Conference on Artificial Intelligence*, 33(1), 9729–9736.

[66] World Bank. (2016). Vietnam 2035: Toward prosperity, creativity, equity, and democracy.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ HƯỚNG ỨNG DỤNG GIÁO DỤC STEAM TRONG TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy

Trường Cao đẳng sư phạm

Trung ương – Nha Trang

Email:nbthuy@sptwnt.edu.vn

Tóm tắt: Giáo dục STEAM là quá trình giáo dục có sự tích hợp kiến thức, kỹ năng của hai hay nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, nghệ thuật một cách hài hòa theo một dự án/chủ đề chung gắn với thực tiễn, phù hợp với nhận thức, nhu cầu, hứng thú của người học và hướng đến phát triển những năng lực cần thiết cho cuộc sống thực của người học. Giáo dục STEAM cho trẻ mầm non chú trọng đến việc học tập dựa trên thực hành, trải nghiệm thực tiễn, áp dụng tư duy sáng tạo cho các dự án STEM, kích thích trí tưởng tượng và sáng tạo của người học thông qua nghệ thuật giúp trẻ phát triển tư duy đa chiều và kỹ năng giải quyết vấn đề. Mỗi bài học trong chương trình sẽ là một chủ đề, tình huống thực tế đòi hỏi trẻ phải vận dụng những kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề đặt ra một cách hiệu quả. Từ đó, giúp trẻ hiểu rõ vấn đề và áp dụng dễ dàng vào trong thực tế. Việc ứng dụng giáo dục STEAM trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non có thể ứng dụng một phần hoặc ứng dụng toàn phần tùy thuộc vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của nhà trường cũng như bối cảnh thực tiễn ở địa phương.

Từ khóa: Giáo dục STEAM, khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học, quy trình khám phá khoa học, quy trình thiết kế kỹ thuật (EDP), 3E, 5E, 6E

I. Mở đầu

Trong xu thế đổi mới giáo dục mầm non (GDMN) hiện nay, giáo dục (GD) STEAM đang được coi là một trong những quan điểm tiếp cận GD tiên tiến, đã và đang được áp dụng sâu rộng và có hiệu quả trong chương trình GDMN (CTGDMN) ở nhiều quốc gia khác nhau trên thế giới trong đó có Việt Nam. Quan điểm GD của cách tiếp cận này nhận được nhiều sự quan tâm, đồng tình và ủng hộ của các nhà GD trong và ngoài nước. Với phương châm trẻ em là trung tâm của quá trình GD, trẻ được tham gia một cách tự nguyện, tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo vào tất cả các hoạt động mà trẻ quan tâm. Qua đó trẻ phát triển thành những chủ thể có đầy đủ phẩm chất, năng lực cần thiết, mạnh dạn, tự tin, khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ, đáp ứng được những yêu cầu về sự phát triển của con người trong thời đại mới. Bài viết dưới đây xin được chia sẻ một số vấn đề lý luận cơ bản về GD STEAM và hướng ứng dụng GD STEAM trong thực hiện CTGDMN hiện nay.

II. Nội dung

1. Một số khái niệm cơ bản

1.1. Giáo dục STEAM

STEAM là tên viết tắt của Science, Technology, Engineering, Art và Math.

GD STEAM là một khái niệm dạy học liên ngành kết hợp nghệ thuật với các môn STEM truyền thống: Khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học. Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về GD STEAM. *Thứ nhất*, GD STEAM là tổ chức dạy học các môn thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán học có nghĩa là. Mỗi tổ chức, trường học có thể hiểu, phát triển CTGD STEAM theo một cách riêng biệt [18]. *Thứ hai*, GD STEAM là định hướng tích hợp từ ít nhất hai lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật toán học trở lên, giúp người học áp dụng các kiến thức của các lĩnh vực vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn trong bối cảnh cụ thể [15]. Trong đó, một lĩnh vực có thể là trọng tâm cơ bản nổi bật hơn hẳn so với những lĩnh vực khác hoặc tất cả có thể được lập kế hoạch để được xuất hiện ngang bằng nhau trong chương trình [11], [18], [7]. *Thứ ba*, GD STEAM là định hướng tích hợp xuyên môn của cả 5 lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán học nhấn mạnh một cách tiếp cận liên ngành trong quá trình học, GV không còn tập trung vào một lĩnh vực cụ thể mà tập trung vào một vấn đề thực tiễn, ở đó những kiến thức hàn lâm được kết hợp chặt chẽ với các bài học thực tế [17].

Điều chung nhận thấy trong tất cả các quan điểm nói trên GD STEAM được hiểu là trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cần thiết liên quan đến các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật và toán học. Các kiến thức và kỹ năng này phải được tích hợp, lồng ghép linh hoạt và bổ trợ cho nhau giúp người học không chỉ hiểu biết về nguyên lí mà còn có thể thực hành và tạo ra được những sản phẩm trong cuộc sống hằng ngày. *Tóm lại, GD STEAM là quá trình GD có sự tích hợp kiến thức, kỹ năng của hai hay nhiều lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, nghệ thuật một cách hài hoà theo một dự án/chủ đề chung gắn với thực tiễn, phù hợp với nhận thức, nhu cầu, hứng thú của người học và hướng đến phát triển những năng lực cần thiết cho cuộc sống thực của người học.*

1.2. Khái niệm hoạt động giáo dục STEAM trong giáo dục trẻ mầm non

Hoạt động GD STEAM trong GD trẻ MN là hoạt động tích hợp các lĩnh vực và hướng đến hình thành năng lực giải quyết vấn đề cho người học. Nói cách khác là hoạt động học đi đôi với thực hành, trải nghiệm thực tiễn. Có thể hiểu “Hoạt động GD STEAM trong GD trẻ mầm non (trẻ MN) là hoạt động GD được tổ chức có mục đích, có kế hoạch của giáo viên đến trẻ dựa trên sự tích hợp kiến thức, kỹ năng của từ ít nhất hai lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, nghệ thuật một cách hài hoà theo một dự án/chủ đề chung gắn với thực tiễn, phù hợp với nhận thức, nhu cầu, hứng thú

của trẻ nhằm thực hiện mục tiêu GDMN và phát triển kỹ năng cần thiết cho cuộc sống thực của trẻ” [3], [4], [14].

Hoạt động khám phá khoa học, lấy GD khoa học là trọng tâm và linh hoạt lồng ghép quy trình thiết kế kỹ thuật, sử dụng công nghệ, toán học, nghệ thuật cho phù hợp với mục tiêu, nội dung, phương pháp GD cũng như nhận thức hứng thú của trẻ ở từng độ tuổi. Và hoạt động tạo hình, lấy GD kỹ thuật (thiết kế, chế tạo) làm cốt lõi và lồng ghép linh hoạt yếu tố khoa học, toán học, công nghệ, nghệ thuật để bổ trợ cho phù hợp, đạt được mục tiêu GD đặt ra một cách hiệu quả là hai hoạt động GD chiếm ưu thế khi ứng dụng GD STEAM trong thực hiện CTGDMN.

1.3. Dự án giáo dục STEAM

Dự án GD STEAM (dự án học tập ứng dụng GD STEAM) là hệ thống các hoạt động tích hợp nhằm tạo ra sản phẩm giải quyết vấn đề thực tiễn trong bối cảnh một vấn đề GD mà trẻ quan tâm, trong đó có sự kết hợp kiến thức, kỹ năng của ít nhất từ hai trong năm lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học, nghệ thuật.

1.4. Chương trình giáo dục ứng dụng giáo dục STEAM

CTGD ứng dụng GD STEAM là bản thiết kế các mục tiêu cụ thể với các nội dung học tập và phương pháp giảng dạy trong đó tích hợp các yếu tố Science, Technology, Engineering, Arts, Mathematics vào quá trình GD. Nhằm tập trung phát triển ở trẻ các năng lực quan trọng và cần thiết cho cuộc sống như tư duy sáng tạo, khám phá, giải quyết vấn đề, cộng tác và tư duy phản biện... Đồng thời nhấn mạnh sự tương tác, tích hợp giữa các lĩnh vực khác nhau và khuyến khích trẻ áp dụng kiến thức và kỹ năng từ nhiều lĩnh vực học tập để giải quyết vấn đề thực tế. Chương trình này mang lại rất nhiều lợi ích cho trẻ bằng cách tạo ra môi trường học tập tích cực và thúc đẩy sự phát triển toàn diện của trẻ, chuẩn bị cho họ để đối mặt với thách thức và cơ hội trong thế giới công nghệ và khoa học ngày nay.

2. Vai trò của việc ứng dụng giáo dục STEAM trong giáo dục trẻ mầm non

Việc ứng dụng GD STEAM trong GD trẻ MN sẽ giúp trẻ hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết như sau:

2.1. Giúp trẻ hình thành và phát triển các kỹ năng cần thiết

GD STEAM kích thích sự tò mò của trẻ về thế giới xung quanh, khuyến khích trẻ chủ động sáng tạo để tìm tòi và giải quyết các vấn đề gặp phải. Mỗi bài học trong chương trình là các tình huống thực tế để trẻ vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề trong cuộc sống đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng quan trọng. Bao gồm các kỹ năng như: kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng tìm kiếm và thu thập thông tin, kỹ năng giao tiếp và hợp tác, kỹ năng làm việc nhóm và sáng tạo. Những kỹ năng này sẽ rất hữu ích cho trẻ trong tương lai, khi trẻ phải đối mặt với những thử thách và cạnh tranh trong cuộc sống. Cụ thể:

2.1.1. Kỹ năng hợp tác, giao tiếp và làm việc nhóm: GD STEAM giúp trẻ phát triển kỹ năng hợp tác và giao tiếp xã hội thông qua làm việc nhóm cùng với bạn bè. Trẻ sẽ cùng nhau thể hiện suy nghĩ, bày tỏ quan điểm, ý kiến của mình từ đó tìm ra giải pháp để giải quyết vấn đề đặt ra. Bằng cách tham gia vào các hoạt động nhóm, trẻ em được khuyến khích chủ động học hỏi từ những người khác và học cách làm việc cùng nhau để giải quyết vấn đề. Nhờ đó, trẻ không chỉ học cách tương tác với người khác mà còn hình thành tinh thần hợp tác và cộng tác, một kỹ năng rất quan trọng trong cuộc sống.

2.1.2. Kỹ năng phát hiện vấn đề: Đối với mỗi tình huống hoặc dự án nào GV cũng sẽ đưa ra yêu cầu phát hiện ra vấn đề cần giải quyết cho trẻ trước khi bắt đầu tìm câu trả lời. Nhờ vậy trẻ sẽ có thể tự nâng cao được kỹ năng phân tích, phát hiện vấn đề, đưa ra nhận định và dự đoán kết quả.

2.1.3. Kỹ năng truy vấn: GD STEAM sẽ giúp trẻ rèn luyện và phát triển kỹ năng truy vấn, tư duy phản biện để đặt ra các giả thuyết, đặt câu hỏi và tìm ra đáp án cùng với cách giải quyết vấn đề cho những tình huống gặp phải.

2.1.4. Kỹ năng quan sát: Đây cũng là một trong những kỹ năng quan trọng mà GD STEAM sẽ mang lại cho trẻ. Các hoạt động GD STEAM tập trung vào việc dạy trẻ hiểu về cơ chế hoạt động của sự vật hiện tượng để có thể ứng dụng vào trong cuộc sống. Trong quá trình học tập và xử lý tình huống đòi hỏi trẻ phải có khả năng quan sát nhạy bén và nhanh nhẹn để tìm ra bản chất sự vật, hiện tượng. Trẻ MN không học qua những bài giảng mà chúng học qua trải nghiệm thực tiễn. Đặc điểm tư duy của trẻ MN là tư duy trực quan. Vì vậy khi cho trẻ quan sát và thực hiện một thí nghiệm khoa học, người lớn cần tập trung vào việc đặt câu hỏi để trẻ tự nói ra những thay đổi, những hiện tượng mà trẻ nhìn thấy và nghe thấy. Không giải thích dài dòng về nguyên lý khoa học, mà tập trung vào giúp trẻ phát hiện những thay đổi, những diễn biến của hiện tượng.

2.2. Truyền cảm hứng và niềm đam mê cho trẻ đối với việc học tập cho trẻ

Hoạt động GD STEAM giúp trẻ hứng thú trong quá trình học tập. Trẻ được tự do tìm tòi, khám phá và lựa chọn những chủ đề, đề tài phù hợp với sở thích, năng lực của bản thân. Vì được làm những điều mình yêu thích trẻ sẽ thấy hứng thú và hào hứng với việc học tập. Thay vì chỉ nghe giảng, trẻ em được khuyến khích tham gia vào các hoạt động thực tế, như thí nghiệm, lập mô hình, lập trình đơn giản hoặc thiết kế sản phẩm. Những hoạt động này giúp trẻ học một cách sáng tạo và thú vị hơn, giúp trẻ phát huy hết khả năng của mình.

2.3. Kích thích sự sáng tạo

Trong hoạt động GD STEAM, trẻ được khuyến khích tự do sáng tạo và tìm ra giải pháp cho các vấn đề mà trẻ gặp phải trong thực tiễn cuộc sống. Quá trình tìm kiếm

lời giải này giúp trẻ trở nên linh hoạt, sáng tạo hơn, giúp trẻ phát triển khả năng giải quyết vấn đề hiệu quả, đồng thời phát triển tư duy phản biện, tư duy logic. Trẻ MN học về tất cả những gì diễn ra trong cuộc sống thực xung quanh. Trẻ học không chỉ để ghi nhớ và trả bài, mà trẻ học nhanh nhất khi điều đó được ứng dụng vào chính cuộc sống hàng ngày. Vì thế, mỗi kiến thức hay kỹ năng sẽ trở nên có nghĩa với trẻ khi bài học đó gắn với việc sáng tạo ra một sản phẩm cụ thể như: Chiếc đèn phát sáng, ô tô phản lực, chong chóng quay, tòa tháp giấy... để mỗi nguyên lý khoa học trở nên cụ thể, được trẻ ứng dụng trực tiếp, sáng tạo ra một món đồ dùng đồ chơi yêu thích, từ đó sẽ tác động mạnh mẽ đến hứng thú và sự say mê tìm tòi của trẻ.

Hoạt động GD STEAM kích thích sự tò mò của trẻ về thế giới xung quanh, khuyến khích trẻ chủ động sáng tạo để tìm tòi và giải quyết các vấn đề gặp phải. Mỗi bài học trong chương trình là các tình huống thực tế để trẻ vận dụng kiến thức đã học giải quyết vấn đề trong cuộc sống đồng thời rèn luyện và phát triển các kỹ năng quan trọng. Đặc biệt, thông qua hoạt động GD STEAM giúp trẻ hình thành thái độ học tập tích cực và giúp trẻ phát triển khả năng tư duy phức hợp. Bằng cách tìm và giải quyết các vấn đề thực tế, trẻ sẽ cảm thấy có khả năng giải quyết vấn đề hơn, đồng thời cũng sẽ tự tin hơn trong cuộc sống.

3. Nguyên tắc ứng dụng giáo dục STEAM trong giáo dục trẻ mầm non

Để ứng dụng GD STEAM đem lại hiệu quả, cần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

3.1. Nguyên tắc đảm bảo tính mục đích

Việc thiết kế hoạt động GD STEAM cho trẻ phải hướng tới thực hiện mục tiêu GD toàn diện nhân cách trẻ là đức, trí, thể, mỹ và lao động. Ở từng lĩnh vực, cần phải chú ý đến trang bị tri thức, hình thành kỹ năng và thái độ cho trẻ. Vì vậy, khi thiết kế hoạt động GD STEAM cho trẻ, mục tiêu hoạt động phải được xác định phù hợp với nhu cầu nhận thức và nhu cầu hoạt động của trẻ em; thúc đẩy sự phát triển các năng lực cần thiết như năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo; tạo các cơ hội để phát triển khả năng giao tiếp xã hội; hình thành ý thức tự lực cho trẻ.

Trước khi tổ chức mỗi một hoạt động GD STEAM cụ thể, GV phải xác định được những kết quả học tập mong muốn trẻ đạt được sau khi kết thúc hoạt động qua việc xác định ra các mục tiêu cụ thể của hoạt động đó. Khi xác định mục tiêu cần phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm, khả năng, nhu cầu, hứng thú và mong muốn của trẻ, cũng như phải phù hợp với những đặc trưng cơ bản mang tính đặc thù của hoạt động GD STEAM định tổ chức. Việc xác định ra các mục tiêu cần đạt sẽ giúp cho GV chủ động trong việc chuẩn bị đồ dùng, dụng cụ và tài liệu học tập để hỗ trợ, giúp đỡ trẻ có thể tham gia hoạt động mang lại hiệu quả cao nhất. Mặt khác giúp cho nội dung hoạt động đảm bảo tính hệ thống, tính kế thừa và phát triển nhằm giúp trẻ đạt được những kết quả cao hơn trong học tập.

3.2. Nguyên tắc đảm bảo tính khoa học

Hoạt động GD STEAM là hoạt động có tính tích hợp cao giữa các lĩnh vực khoa học, nghệ thuật, toán học, kỹ thuật, công nghệ, đòi hỏi ở cả GV và trẻ sự am hiểu về các lĩnh vực này để giải quyết vấn đề. Do đó, khi thiết kế và tổ chức các hoạt động GD STEAM cho trẻ MN, GV cần trang bị cho bản thân những kiến thức khoa học chính xác để sử dụng vào việc lập kế hoạch, thiết kế môi trường (đặc biệt là các đồ dùng học tập: dụng cụ thí nghiệm, sản phẩm chế tạo, sơ đồ, biểu đồ, quy trình) và dẫn dắt trẻ tìm kiếm tri thức, lĩnh hội các khái niệm, thuật ngữ khoa học, toán học, công nghệ,... Bởi những kiến thức trang bị cho trẻ dù là đơn giản nhưng phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, trọn vẹn, đúng với sự phát triển khách quan của sự vật, hiện tượng, con người – là các đối tượng nghiên cứu của trẻ khi thực hiện các dự án GD STEAM.

3.3. Nguyên tắc đảm bảo phát huy tính tích cực, độc lập chủ động của trẻ

Trong quá trình tổ chức hoạt động, GV chỉ là người tổ chức, hướng dẫn, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động. Trẻ phải được tự do khám phá, tự chơi, tự học theo nhu cầu, hứng thú và sở thích của mình. Tức là, trẻ phải được tự do lựa chọn cách thức thực hiện, cách khám phá, tìm hiểu sự vật, hiện tượng, nguyên liệu học tập hay bất kì thứ gì trẻ sáng tạo ra. Ngoài ra, mỗi cá nhân trẻ sẽ luôn độc lập về nhận thức và tính cách. GV chỉ tham gia vào quá trình tìm hiểu của trẻ khi trẻ có những hành vi không phù hợp với chuẩn mực đạo đức. GV phải là người quan sát, phát hiện ra những điểm mạnh, điểm yếu của trẻ để vun đắp, bồi dưỡng thêm; hỗ trợ trẻ trong việc tìm ra những mối liên hệ giữa các lĩnh vực có trong sản phẩm trẻ muốn tạo ra nhằm giúp trẻ phát triển nhận thức một cách toàn diện nhất.

Bên cạnh đó, GV là người tạo môi trường, đồ dùng học tập có yếu tố “sáng tạo” để trẻ được thỏa sức phát huy sự sáng tạo của mình, tận dụng hết những nguyên vật liệu xung quanh nhằm tạo ra sản phẩm theo ý muốn của trẻ, trẻ tự tìm hiểu và tự sửa lỗi cho đến khi đạt được mục đích. Trong tổ chức các hoạt động, GV có thể linh hoạt và tích hợp nhiều lĩnh vực để tạo điều kiện cho trẻ thỏa sức khám phá, thích thú, say mê hoàn tất công việc của mình hoặc chuyển sang hoạt động khác nếu cần thiết.

Hoạt động GD STEAM còn đề cao việc trẻ tự học, hướng đến các hoạt động ý nghĩa và rèn luyện kỹ năng mềm. Trẻ được trải nghiệm thực tế và rút kinh nghiệm cho bản thân, được thực hành bằng những kỹ năng, kiến thức vô cùng gần gũi với cuộc sống của trẻ. Qua mỗi hoạt động, trẻ sẽ tạo ra được những sản phẩm thực, hữu dụng trong cuộc sống. Điều đó tạo cho trẻ hứng khởi và niềm yêu thích đến trường, yêu thích khám phá tìm hiểu mọi vấn đề trong cuộc sống.

3.4. Nguyên tắc chú trọng trải nghiệm, thực hành thực tiễn (hands on)

GD STEAM phải luôn chú trọng hình thành và rèn luyện cho trẻ các kỹ năng thực hành và trải nghiệm thực tế nhằm giúp trẻ có được những kiến thức và kinh

nghiệm thực tiễn. Lớp học cần được trang bị đầy đủ các thiết bị, đồ dùng, học liệu để trẻ có thể tự tiến hành các thí nghiệm hoặc các lớp học được tổ chức ở ngoài lớp như đi tham quan viện bảo tàng, thư viện, nhà sách, siêu thị... Thông qua hoạt động trải nghiệm trẻ được rèn luyện kỹ năng quan sát, thu thập, phân tích và xử lý các thông tin thu được qua hoạt động trải nghiệm. Trẻ MN thường thích các hoạt động trải nghiệm thực tiễn, khám phá hơn là việc phải ngồi lắng nghe giảng giải lí thuyết. Vì vậy người lớp phải để cho trẻ được tự do học hỏi, tìm tòi, khám phá và phát hiện, không ép buộc trẻ tham gia vào các hoạt động mà trẻ không mong muốn, tránh tạo áp lực cho trẻ.

Trong quá trình trẻ tự học hỏi, tìm kiếm, khám phá, GV có thể hỗ trợ bằng cách thường xuyên đặt ra những câu hỏi gợi mở, kích thích khả năng tư duy và tính sáng tạo của trẻ. Bên cạnh đó thường xuyên khuyến khích trẻ tích cực trao đổi, thảo luận và đặt ra các câu hỏi và kiên nhẫn với các câu hỏi “đến cùng” của trẻ về các sự vật hiện tượng trong thế giới xung quanh và tự đưa ra cách thức để tìm kiếm câu trả lời. Bên cạnh đó, khi tổ chức các hoạt động GD STEAM, GV phải giúp trẻ có cơ hội được tiếp xúc, cọ sát với thế giới xung quanh để tăng cường sự tự tin và mạnh dạn, mở rộng hiểu biết với thế giới bên ngoài. Cần cho trẻ giao lưu rộng rãi với nhiều người trong xã hội, bạn bè cùng trang lứa ở nơi công cộng cũng như trường học.

4. Đặc trưng của hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non

4.1. Tính tích hợp

Tính tích hợp là đặc trưng cơ bản khi nói đến GD STEAM. Muốn ứng dụng GD STEAM để tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ, GVMN phải tích hợp được một cách linh hoạt ít nhất từ 02 lĩnh vực trở lên trong số các lĩnh vực khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán học. Việc tích hợp các lĩnh vực này phải được thực hiện một cách tự nhiên, đảm bảo tính logic của quá trình giải quyết vấn đề, phù hợp với bối cảnh thực tiễn, giúp trẻ vận dụng, kết nối các kiến thức, kỹ năng của các lĩnh vực kể trên để giải quyết các nhiệm vụ học tập nhằm đạt mục tiêu giáo dục đã đặt ra đồng thời giúp trẻ phát triển toàn diện ở tất cả các lĩnh vực.

4.2. Tính thực tiễn

Ưu điểm nổi trội của GD STEAM là trẻ luôn được GV tạo nhiều cơ hội tìm kiếm, khám phá và phát hiện các tình huống và những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, gắn bó mật thiết với cuộc sống thực của trẻ. Đặc biệt là các sự kiện, hiện tượng, các vấn đề diễn ra xung quanh trẻ. Trẻ được khuyến khích tìm tòi, được tích cực, chủ động khám phá, được tự mình đưa ra những dự đoán, trên cơ sở đó trẻ tự đề xuất ra các cách thức giải quyết vấn đề và được hỗ trợ về mọi mặt cũng như sự động viên, khích lệ từ GV để trẻ nỗ lực thực hiện phương án mà trẻ đề ra, tự sửa sai (nếu có).

4.3. *Tính trải nghiệm – thực hành*

GD STEAM chú trọng đến việc học tập dựa trên thực hành, trải nghiệm thực tiễn, áp dụng tư duy sáng tạo cho các dự án STEM, kích thích trí tưởng tượng và sáng tạo của trẻ thông qua nghệ thuật. Nhờ sự kết hợp kiến thức tổng hợp từ nhiều chủ đề thuộc 5 lĩnh vực trên, GD STEAM giúp trẻ phát triển tư duy đa chiều và kỹ năng giải quyết vấn đề. Mỗi bài học trong chương trình sẽ là một chủ đề, tình huống thực tế đòi hỏi trẻ phải vận dụng những kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề đặt ra một cách hiệu quả. Từ đó, giúp trẻ hiểu rõ vấn đề và áp dụng dễ dàng vào trong thực tế.

GD STEAM phù hợp với trẻ MN bởi đặc điểm tư duy của trẻ lứa tuổi mầm non là tư duy trực quan, GD STEAM nhấn mạnh đến quá trình trẻ được trực tiếp tham gia một cách tích cực chủ động từ phía trẻ. Trẻ MN học thông qua trải nghiệm, tìm tòi, khám phá để hình thành kiến thức. Từ trải nghiệm trẻ mới có thể tích lũy được kinh nghiệm, cách thức hành động, khám phá, giải quyết vấn đề.

4.4. *Sử dụng quy trình khám phá tích cực*

Đặc trưng nổi trội của GD STEAM là sử dụng các quy trình khám phá tích cực trong quá trình học tập thực hành và trải nghiệm. Đó là quy trình tìm tòi khám phá khoa học (scientific method) và quy trình thiết kế kỹ thuật (Engineering design process - EDP), được thể hiện qua các mô hình, phương dạy học như 3E, 5E, 6E, dạy học dự án...giúp thúc đẩy tinh thần hợp tác, làm việc nhóm trong học tập, phát huy tính tích cực của trẻ. Khi tham gia vào các quy trình này, trẻ làm việc cùng nhau để giải quyết vấn đề và khám phá ra các khái niệm mới bằng cách đặt câu hỏi, quan sát, phân tích, thực hành và đưa ra kết luận.

Việc lựa chọn quy trình khám phá khoa học hay quy trình thiết kế kỹ thuật EDP phụ thuộc vào đặc trưng, mục tiêu của hoạt động mà GVMN muốn tổ chức cũng như đặc điểm khả năng, nhu cầu hứng thú của trẻ trong lớp và bối cảnh thực tiễn tại lớp học. Cụ thể: Việc sử dụng quy trình tìm tòi khám phá theo mô hình 3E, 5E sẽ chiếm ưu thế khi tổ chức hoạt động khám phá khoa học. Còn khi muốn tổ chức hoạt động thiên về thiết kế kỹ thuật để tạo ra sản phẩm thì quy trình thiết kế kỹ thuật EDP sẽ phù hợp. Mô hình 6E có quy trình phù hợp với hoạt động học, ở đó trẻ vừa có những khám phá hiểu biết mới và vừa được thực hành thiết kế, chế tạo sản phẩm hay sử dụng quy trình tạo ra sản phẩm mới [2], [7], [10], [12], [13].

4.5. *Tôn trọng trẻ*

Trong hoạt động GD STEAM, trẻ được tích cực sử dụng những phương tiện khám phá, tự đưa ra những giả thuyết, nêu vấn đề và quyết định hành động của mình, được tôn trọng, được phép thử và sai mà không bị phán xét, không có câu trả lời đúng duy nhất cho vấn đề gặp phải. GV thay vì đưa ra câu trả lời đúng hoặc sai hãy khuyến khích trẻ tiếp cận vấn đề một cách linh hoạt, khám phá nhiều lựa chọn, thử nghiệm và

tìm hiểu từ quá trình học tập. Giúp trẻ phát triển tư duy linh hoạt, khả năng tìm kiếm giải pháp và sẵn sàng thay đổi quan điểm dựa trên các phản hồi và kết quả học tập.

Tất cả các đặc trưng nêu trên được thể hiện linh hoạt, đan xen trong GD STEAM. Có thể trong một hoạt động GD STEAM thể hiện được rõ cả năm đặc trưng, cũng có hoạt động thể hiện được 3,4 đặc trưng. Điều quan trọng cốt lõi của GD STEAM là hướng đến là đặt trẻ vào trung tâm của quá trình giáo dục và giúp trẻ phát triển các năng lực cần thiết cho cuộc sống.

5. Tiếp cận các thành tố S, T, E, A, M trong giáo dục STEAM cho trẻ mầm non

5.1. Tiếp cận thành tố S (Science)/khoa học

Khoa học với trẻ mầm non là các nội dung kiến thức cơ bản về các khái niệm, tên gọi, đặc điểm, dấu hiệu đặc trưng, sự phong phú đa dạng của các sự vật hiện tượng ở thế giới xung quanh, mối quan hệ qua lại giữa các sự vật hiện tượng với nhau và với môi trường sống, sự thay đổi, phát triển của chúng.

Yếu tố khoa học trong GD STEAM giúp kích thích ở trẻ tính tò mò, ham hiểu biết, tính tích cực, chủ động sáng tạo khi nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá về thế giới xung quanh qua các hoạt động thực hành và trải nghiệm từ đó thúc đẩy tiến trình tìm tòi khám phá khoa học. Đó là quá trình quan sát, điều tra, khám phá và đặt câu hỏi về các trải nghiệm hàng ngày; đưa ra các câu trả lời dự đoán và tiến hành các thí nghiệm, các quan sát đơn giản để kiểm tra dự đoán. Khi trẻ đưa ra lời giải thích cho một điều gì đó mà trẻ thấy thì đó đã là một giả thuyết khoa học [16].

5.2. Tiếp cận thành tố T (Technology)/công nghệ

Công nghệ là đề cập đến việc hiểu và sử dụng các công cụ và máy móc đơn giản giúp công việc dễ dàng hơn; là sáng chế và chế tạo. Yếu tố công nghệ trong GD STEAM có thể được hiểu là các phương tiện có thể cung cấp cho trẻ thông tin về thế giới, môi trường xung quanh trẻ; những đồ vật gần gũi với trẻ như: bút, ghế, bàn, đồng hồ, ống nhôm, kính lúp, kéo, sáp màu... Trẻ sẽ làm quen và học cách sử dụng đồ dùng công nghệ để thu thập thông tin và giải quyết vấn đề, biết lựa chọn các dụng cụ, thiết bị phù hợp để giúp công việc dễ dàng hơn, bao gồm cả kỹ năng công nghệ thông tin. Nó còn là quá trình tối ưu hoá, bước đầu làm quen với công nghệ thông tin thông qua các ứng dụng, phần mềm phù hợp với lứa tuổi.

5.3. Tiếp cận thành tố E (Engineering)/kỹ thuật

Kỹ thuật là giải quyết vấn đề, là sử dụng các công cụ để lập kế hoạch và thiết kế giải pháp cho một vấn đề trong thực tiễn xung quanh. Yếu tố kỹ thuật trong GDMN gắn với các hoạt động tạo hình và hướng đến các kỹ năng vận động tinh của trẻ như cắt, nặn, xé, dán... để tạo ra một sản phẩm nào đó. Đặc biệt trong GD STEAM kỹ thuật đối với trẻ MN nhấn mạnh đến qui trình áp dụng kiến thức khoa học để thiết kế, chế tạo hay xây dựng để tạo ra sản phẩm.

Quy trình thiết kế kỹ thuật bắt đầu từ việc trẻ xác định được vấn đề, tưởng tượng cách giải quyết, lập kế hoạch thiết kế (có thể vẽ lại quy trình một cách rất thô sơ, hoặc việc sử dụng các loto có sẵn đưa ra quy trình của mình) sau đó thử nghiệm giải pháp đó, bước cuối cùng là cải tiến, sửa chữa lại sản phẩm nếu nó chưa như mong muốn. Áp dụng theo quy trình EDP đã là thể hiện yếu tố E của STEAM.

5.4. Tiếp cận thành tố M (Math)/toán học

Toán học là nghiên cứu và hiểu về số lượng, hình dạng, kích thước, định hướng trong không gian, thời gian... Yếu tố toán học trong STEAM có thể được hiểu là việc trẻ có kỹ năng sử dụng những hiểu biết về toán học: khả năng so sánh, sắp xếp, phán đoán, phân tích, lập luận và truyền đạt ý tưởng một cách hiệu quả thông qua việc tính toán, giải thích, trình bày, để giải quyết vấn đề trong nhận thức và thực tiễn.

5.5. Tiếp cận thành tố A (Art)/Nghệ thuật

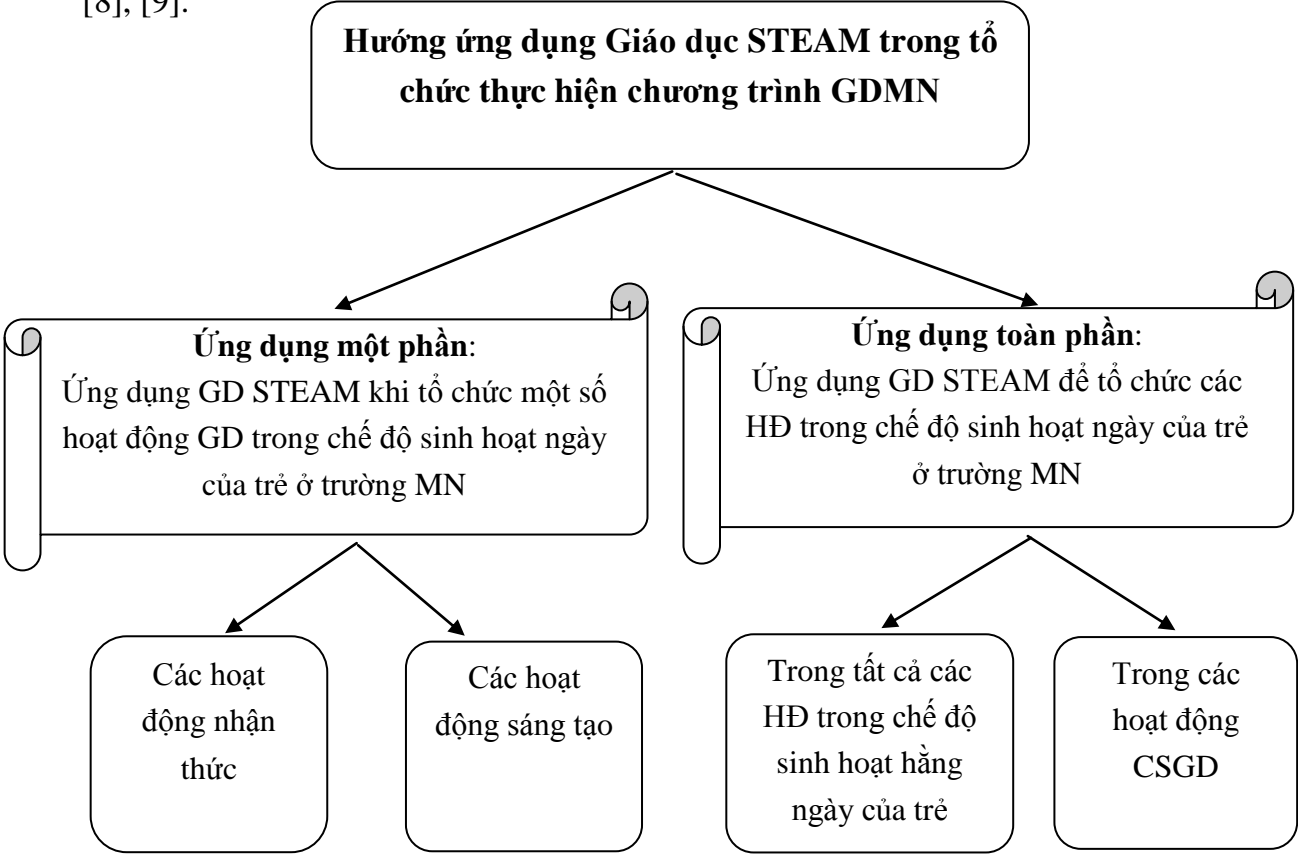
Nghệ thuật là tưởng tượng và sáng tạo nên những điều tốt đẹp cho con người và môi trường sống. Yếu tố nghệ thuật trong STEAM với trẻ MN mang tính nhân văn, là sự sáng tạo nhằm phát triển tư duy sáng tạo, trí tưởng tượng của trẻ trong quá trình thực hiện các dự án khoa học, công nghệ, kỹ thuật, toán học. Yếu tố nghệ thuật được trẻ thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau như kể chuyện, đọc thơ, đóng kịch, hát, múa, vẽ, nặn, cắt xé dán, tô màu tranh và làm ra các sản phẩm tạo hình từ nhiều nguyên vật liệu khác nhau. Trẻ có thể sử dụng các kiến thức và kỹ năng tạo hình (cách sắp xếp bố cục, trang trí, phối màu...) để thiết kế/trang trí sản phẩm và dùng sản phẩm để kể chuyện sáng tạo, biểu diễn âm nhạc, đóng kịch.

6. Hướng ứng dụng giáo dục STEAM trong tổ chức thực hiện CTGDMN

Chương trình GDMN hiện hành định hướng chung về mục tiêu, kết quả mong đợi, những yêu cầu về các nội dung cơ bản, có tính linh hoạt, mềm dẻo, cho phép các cơ sở GDMN cụ thể hóa các nội dung cho phù hợp với đặc điểm khả năng, nhu cầu hứng thú của trẻ cũng như đặc điểm văn hóa của vùng miền, địa phương. CT xây dựng theo hướng đồng tâm, phát triển, hướng đến sự phát triển toàn diện của trẻ thông qua việc tổ chức các hoạt động GD theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm [1]. Trên cơ sở nội dung của chương trình khung, các nhà trường được quyền xác định mục tiêu, nội dung GD phù hợp với quan điểm GD và các điều kiện thực tiễn của từng trường. Điều này cho phép các nhà trường có thể áp dụng một cách linh hoạt các phương pháp và quan điểm GD khác nhau trong đó có GD STEAM vào việc tổ chức thực hiện CTGD của nhà trường, “đảm bảo cho trẻ có cơ hội được hưởng nền GD có chất lượng và phát triển tốt” [8]. GD STEAM nhấn mạnh đến cách thức tương tác với trẻ, tạo cơ hội cho trẻ được phát triển các năng lực thông qua trải nghiệm với sự thiết kế hoạt động và tạo dựng môi trường học tập cho trẻ của GV và những lực lượng phối hợp. Vì vậy việc ứng dụng GD STEAM trong tổ chức thực hiện CTGDMN không làm thay đổi chương

trình hay đòi hỏi phải có một chương trình mới [9]. Các trường MN có thể đưa tư tưởng GD STEAM vào quá trình triển khai chương trình nhà trường, đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu, kết quả mong đợi đã đặt ra trong CTGDMN.

Việc ứng dụng GD STEAM trong tổ chức thực hiện CTGDMN tại các trường MN có thể ứng dụng một phần hoặc ứng dụng toàn phần tùy thuộc vào nguồn nhân lực, cơ sở vật chất của nhà trường cũng như bối cảnh thực tiễn ở địa phương [5], [6], [8], [9].



Trên cơ sở đề xuất hướng ứng dụng GD STEAM một phần hoặc toàn phần chúng tôi đề xuất một số hướng ứng dụng GD STEAM trong tổ chức thực hiện CTGDMN tại các nhà trường như sau:

Ứng dụng cơ bản: Nhà trường thực hiện các hoạt động GD STEAM không thường xuyên (một hoặc hai lần trong một kỳ học hoặc chỉ trong các dịp đặc biệt). CTGDMN tập trung vào các hoạt động GD theo chương trình khung, chưa có kế hoạch cụ thể để tích hợp hoạt động GD STEAM vào kế hoạch GD. Việc tổ chức hoạt động GD STEAM chưa phổ biến trong tất cả các lớp học.

Ứng dụng phổ biến: Nhà trường thực hiện các hoạt động GD STEAM thường xuyên (một buổi/tuần hoặc một buổi/tháng). Các hoạt động GD STEAM được đưa vào kế hoạch GD vẫn mang tính riêng biệt, chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ với các hoạt động khác trong toàn bộ kế hoạch GD chung. Việc tổ chức hoạt động GD STEAM thực hiện không đồng đều trong các lớp học.

Ứng dụng nâng cao: Nhà trường thực hiện các hoạt động GD STEAM thường xuyên (1-2 lần/tuần) và được tích hợp vào trong kế hoạch GD, thể hiện được mối liên hệ mật thiết với tất cả các hoạt động khác diễn ra tại trường MN.

Ứng dụng chuyên sâu: Các hoạt động GD STEAM được tổ chức thực hiện đều đặn và thường xuyên hàng tuần; được tích hợp chặt chẽ vào kế hoạch GD và các chủ đề học tập, giúp trẻ em nhận thức rõ ràng về vai trò quan trọng của STEAM trong cuộc sống hàng ngày. GV được đào tạo và hỗ trợ để thực hiện hiệu quả các hoạt động GD STEAM, và có thể thực hiện dự án GD STEAM lớn hơn theo kế hoạch năm học

Việc ứng dụng STEAM của mỗi trường MN có thể thay đổi dựa trên nhiều yếu tố, bao gồm nguồn lực, đội ngũ GV, cam kết từ phía nhà trường và sự tham gia của phụ huynh. Điều quan trọng là tăng cường ứng dụng GD STEAM thường xuyên và bền vững để tạo cơ hội phát triển toàn diện cho trẻ em trong giai đoạn quan trọng của học tập và phát triển.

III. Kết luận

Để có thể thích nghi được với cuộc sống trong thời đại khoa học công nghệ 4.0, điều quan trọng nhất chính là năng lực nắm bắt thông tin, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực làm việc nhóm để tận dụng sức mạnh trí tuệ của tập thể... Các năng lực này đều có thể được hình thành và phát triển ngay từ lứa tuổi mầm non nếu người lớn biết cách định hướng và tạo cơ hội cho trẻ được học tập trải nghiệm thực tiễn. Với quan điểm dạy học tích cực GD STEAM giúp người học phát triển tư duy đa chiều và kỹ năng giải quyết vấn đề. Mỗi bài học trong chương trình sẽ là một chủ đề, tình huống thực tế đòi hỏi người học phải vận dụng những kiến thức đã có để giải quyết các vấn đề đặt ra một cách hiệu quả. Từ đó, giúp người học hiểu rõ vấn đề và áp dụng dễ dàng vào trong thực tế. Với phương châm trẻ em là trung tâm của quá trình GD, trẻ được tham gia một cách tự nguyện, tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo vào tất cả các hoạt động mà trẻ quan tâm, GD STEAM góp phần giúp trẻ phát triển thành những chủ thể có đầy đủ phẩm chất, năng lực cần thiết, mạnh dạn, tự tin, khỏe mạnh cả về thể chất, tinh thần và trí tuệ về cơ bản đáp ứng được những yêu cầu về sự phát triển của con người trong thời đại mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Chương trình Giáo dục mầm non* (Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021)

[2] Đặng Út Phượng, Đinh Lan Anh, Nguyễn Thị Mai Thương, Lê Thu Trang (2022), “*Tiếp cận quy trình 6E, EDP trong tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ 5-6 tuổi tại trường mầm non*” Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, vol. 67, no. 4, pp. 43–51, 2022.

[3] Đặng Út Phương (2021). *Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng tiếp cận STEAM cho trẻ MN*. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP HN 2, 10 (75), 81–93.

[4] Đinh Lan Anh, Đặng Út Phương (2022). *Tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ MN - một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Tạp chí Giáo dục, tập 22 (Số 8), 25–29.

[5] Hồ Lam Hồng, Trịnh Thị Xim, Nguyễn Thị Thanh Huyền, Lê Thị Thu Huyền, Đinh Thị Bích Thủy, Triệu Thanh Huyền (2022). *Ứng dụng phương pháp giáo dục quốc tế trong thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non* (Tài liệu tập huấn)

[6] Hoàng Thị Phương (2020). *Đặc trưng của giáo dục STEAM cho trẻ MN - khả năng tích hợp vào CTGDMN*. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP HN, 65 (11A), 108–116.

[7] Nguyễn Thị Luyến (2021). “*Tổ chức hoạt động giáo dục STEAM cho trẻ mầm non*,” Tạp chí thiết bị giáo dục, vol. 2, pp. 31–33.

[8] Trần Nguyễn Nguyên Hân (2021). *Ứng dụng GD STEAM trong hoạt động khám phá khoa học cho trẻ MN*. Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế: “Thực trạng thiết kế trò chơi cho trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi ở TPHCM theo cách tiếp cận STEAM,” 19 (7), 97–108.

[9] Trần Thị Minh Huệ, Vũ Thị Thủy, Nguyễn Thị Hà, Phan Thị Thu Hằng (2022). *Phát triển chương trình giáo dục trẻ 3-6 tuổi theo tiếp cận STEAM*, Tài liệu bồi dưỡng, Trường ĐHSP – Đại học Thái Nguyên.

[10] Trần Viết Nhi, Nguyễn Tuấn Vĩnh (2020). *Bồi dưỡng năng lực giáo dục STEAM cho giáo viên mầm non*. Tạp chí Khoa học Trường ĐHSP HN, 65 (11A), 117–124.

[11] R. W. Bybee, *The Case for STEM Education: Challenges and Opportunities*. NSTApress, 2013. [Online]. Available: <https://my.nsta.org/resource/2722/the-case-for-stem-education-challenges-and-opportunities>

[12] Christie, Alice A. 2016. *Enhancing STEAM Learning in Your PK-8 Classroom*. <https://lawsdocbox.com/102423032-Politics/Enhancing-stem-steam-learning-in-your-pk-8-classroom.html>.

[13] Chung, Chih Chao, Chien Linag Lin, and Shi Jer Lou. 2018. “Analysis of the Learning Effectiveness of the STEAM-6E Special Course-a Case Study about the Creative Design of IoT Assistant Devices for the Elderly.” *Sustainability (Switzerland)* 10(9):1–16. doi: 10.3390/su10093040.

[14] Jamil, Faiza M., Sandra M. Linder, and Dolores A. Stegelin. 2018. “Early Childhood Teacher Beliefs About STEAM Education After a Professional Development Conference.” *Early Childhood Education Journal* 46(4):409–17. doi:

10.1007/s10643-017-0875-5.

[15] Mark Sanders. 2009. “STEM, STEM Education, STEMmania.” *The Technology Teacher* 68(4):20–27.

[16] Sharapan, Hedda. 2012. “From STEM to STEAM How Early Childhood Educators Can Apply Fred Rogers’ Approach.” *Young Children* (January):36–41.

[17] Tsupros, N., R. Kohler, and J.Hallinen. 2009. “STEM Education: A Project to Identify the Missing Components.” *Intermediate Unit 1 and Carnegie Mellon*.

[18] Yakman, Georgette. 2008. “*STEAM Education: An Overview of Creating a Model of Intergrative Education.*” *Tesis* 53(9):1689–99.

NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP CỦA GIÁO VIÊN MẦM NON - KINH NGHIỆM CỦA ÚC VÀ BÀI HỌC CHO ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON VIỆT NAM

TS. Lê Thị Luận

Phó Giám đốc Trung tâm NCGD Mầm non, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

TS. Vũ Thị Hương Giang Trưởng khoa GD Tiểu học, Mầm non, Đại học Hải Phòng

Tóm tắt: Ở Úc, không có bộ tiêu chuẩn giảng dạy quốc gia nào được thống nhất dành cho giáo viên mầm non. Ở một số bang như Tây Úc và Queensland, các tài liệu đã được ban hành nhằm phác thảo những năng lực giảng dạy chung cho tất cả giáo viên [1;2]. Bài báo khai thác các thông tin về kinh nghiệm thiết kế khung năng lực nghề chung cho giáo viên bao gồm cả giáo viên mầm non (GVMN) của Tây Úc: mục đích, các năng lực cơ bản của giáo viên, khung năng lực dành cho giáo viên làm việc trong các trường công lập ở Tây Úc, khung năng lực này được phân ra thành 5 lĩnh vực với 3 giai đoạn mô tả các yếu tố quan trọng và chỉ số thực hành cụ thể, các yêu cầu đối với công tác đào tạo nhằm giúp người học khi ra trường có thể đáp ứng với các tiêu chuẩn của khung năng lực nghề. Từ việc nghiên cứu kinh nghiệm của Úc, rút ra bài học về việc đề xuất khung năng lực nghề giáo viên mầm non Việt Nam đáp ứng theo tiếp cận năng lực.

Từ khóa: Năng lực, năng lực nghề nghiệp, giáo viên mầm non, giáo dục mầm non, Australia.

1. Đặt vấn đề

Trong Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ Công nghiệp hóa, Hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế đã đặt ra yêu cầu “Việc đổi mới được thực hiện ở tất cả các bậc học, chuyển mạnh quá trình giáo dục từ trạng bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học”. Chương trình Giáo dục mầm non Việt Nam đang trong giai đoạn xây dựng mới theo định hướng tiếp cận năng lực người học, từ đó đặt ra những yêu cầu mới với năng lực của giáo viên mầm non (GVMN). Thực tiễn đó đặt ra yêu cầu cần đổi mới đào tạo GVMN theo hướng tiếp cận năng lực đã và đang là xu thế tất yếu của các trường Cao đẳng và Đại học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục mầm non (GDMN) đáp ứng yêu cầu đổi mới của ngành học. Hiện nay, một số nước trên thế giới đã có khung năng lực nghề nghiệp của giáo viên nói chung và giáo viên mầm non nói riêng, nó là điều kiện quan trọng có tính quyết định chất lượng đội ngũ GVMN trong việc thực hiện Chương trình giáo dục. Việc nghiên cứu học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia đặc biệt là những quốc gia đã và đang triển khai thành công chương trình GDMN theo tiếp cận năng lực

người học là cần thiết và hữu ích. Vì vậy, bài viết này dựa trên nền tảng lí luận về năng lực nghề nghiệp GVMN nhằm thực hiện chương trình GDMN theo tiếp cận năng lực để phân tích kinh nghiệm của Úc, quốc gia đã thành công trong việc áp dụng khung năng lực dành cho giáo viên nói chung, giáo viên mầm non nói riêng.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp nghiên cứu lý luận: tổng quan tài liệu, tổng hợp, phân tích, hệ thống hóa báo cáo nghiên cứu các kết quả nghiên cứu; rút ra những bài học sư phạm từ kinh nghiệm của nước Úc trong vấn đề xác định các năng lực nghề nghiệp của GDMN để triển khai hiệu quả Chương trình giáo dục mầm non quốc gia theo tiếp cận năng lực.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Một số khái niệm

Có nhiều cách hiểu khác nhau về năng lực của con người như sau:

Theo từ điển tiếng Việt: Năng lực là khả năng làm việc tốt, nhờ có phẩm chất đạo đức và trình độ chuyên môn [3]; Là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo - tức là có thể thực hiện một cách thành thục và chắc chắn - một hay một số dạng hoạt động nào đó.

Theo từ điển tiếng Anh: Năng lực là tập hợp các đặc điểm và kỹ năng có thể chứng minh được để cho phép và cải thiện hiệu quả hoặc hiệu suất của công việc [4].

Tổ chức các nước kinh tế phát triển (OECD, 2002) cho rằng: Năng lực là khả năng cá nhân đáp ứng các yêu cầu phức hợp và thực hiện thành công nhiệm vụ trong một bối cảnh cụ thể”.

Theo tâm lý học, Năng lực là tổng hợp những thuộc tính tâm lí độc đáo của cá nhân, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có đạt kết quả [5]. Hay Năng lực là một cấu trúc tâm lý phức hợp, độc đáo của cá nhân đáp ứng những yêu cầu, đòi hỏi đặc trưng của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho việc thực hiện hoạt động đó đạt kết quả [6].

Như vậy có thể hiểu, *năng lực là sự kết hợp hợp lý kiến thức, kỹ năng và sự sẵn sàng tham gia hoạt động nhất định, có hiệu quả.*

Năng lực nghề nghiệp của giáo viên mầm non: là tổ hợp các thuộc tính sinh lý, tâm lí và xã hội của cá nhân, cho phép họ thực hiện thành công nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục trẻ, ứng xử đạo đức và giao tiếp văn hóa trong hoạt động nghề.

2.2.2. Khái quát chung về chương trình giáo dục mầm non của Úc

GDMN tại Úc không bắt buộc và được giao cho trẻ em thông qua một loạt các cơ sở, bao gồm các trung tâm giữ trẻ và các trường mầm non (còn được gọi là các trường mẫu giáo ở một số vùng của Úc) trong năm trước khi đi học tiểu học. Chăm sóc giáo

dục trẻ mầm non của Úc bao gồm cả hệ thống công lập và tư thục. Hệ thống GDMN của trường công chi phí khá thấp, trong khi đó hệ thống trường tư khá đắt. Hơn nữa, GDMN của Úc dành sự quan tâm nhiều hơn đến trẻ từ 4 tuổi, trong khi đó với trẻ nhỏ tuổi hơn tham gia học ở các Trung tâm chăm sóc trẻ

Chương trình GDMN của Úc là chương trình khung quốc gia áp dụng cho toàn lãnh thổ vào năm 2016, cho tất cả các trường học trên khắp nước Úc và chương trình khung này có kèm theo hướng dẫn thực hiện chương trình. Tất cả các bang và tiểu bang đều phải tuân theo một chương trình quy chuẩn này.¹

Các bang/quần đảo dựa trên chương trình khung quốc gia để xây dựng chương trình GDMN cho từng bang/quần đảo đảm bảo có sự gắn kết chặt chẽ với từng vùng miền. Trách nhiệm quản lý các trường mầm non ở New South Wales và Victoria thuộc về Bộ Giáo dục và Cộng đồng và Bộ Giáo dục và Phát triển Ấu nhi (DEECD). Còn ở các tiểu bang và vùng lãnh thổ khác của Úc, thì trách nhiệm của các trường mẫu giáo chịu sự quản lý ở bộ phận giáo dục liên quan của địa phương. Tuy nhiên, tất cả các Bang và tiểu Bang đều phải tuân theo một chương trình quy chuẩn chương trình đào tạo khung của Quốc gia cho toàn lãnh thổ. Đến năm 2016, tất cả các trường học trên khắp nước Úc sẽ áp dụng chương trình khung này. Chỉ có một vài Bang vẫn lựa chọn giữ lại tên gọi của chương trình giáo dục của Bang mình, nhưng vẫn tuân theo khung chương trình chung của Liên bang.²

Theo Bộ giáo dục, việc làm và quan hệ công sở Úc (DEEWR), việc giảng dạy và chăm sóc trẻ em đang có nhu cầu rất cao trên toàn quốc, đặc biệt là **giáo dục và chăm sóc trẻ mầm non**. Ước tính có khoảng 300.000 trẻ em 3-5 tuổi cần đến các trường học. Do số lượng trẻ em đến tuổi đi học, cần được chăm sóc cao nên nhu cầu giáo viên theo đó cũng cao. Theo nghiên cứu trước đây, dự kiến đến năm 2022, Úc sẽ cần đến 59.400 nhân sự trong ngành GDMN và 25.800 lao động có chuyên môn trong lĩnh vực chăm sóc trẻ em (theo joboutlook.gov.au). Tỷ lệ giữa giáo viên và trẻ em khá thấp, chỉ 1: 4 hoặc 1: 5, tức là 1 giáo viên chỉ chăm sóc tối đa 5 trẻ và tỷ lệ trong các lớp học là 1:11 – 1:15 (1 giáo viên chỉ được chăm sóc tối đa 15 bé). Điều này nhằm đảm bảo giáo viên không bị quá tải để có thể chăm sóc trẻ một cách tốt nhất. Các nhà trẻ, trường mầm non, trường mẫu giáo đều chú trọng đến phát triển toàn diện các lĩnh vực ở trẻ. Đó là sự phát triển trí tuệ (sử dụng ngôn ngữ, học cách học, kích thích sự tò mò ham hiểu biết, phát triển khả năng sử dụng các khái niệm), phát triển tình cảm - xã hội, sự phát

² <https://giacmouc.com/chau-uc-co-bao-nhieu-nuoc-chau-uc-gom-nhung-nuoc-nao.html>

³ An Early Years Learning Framework for Australia Trang 10, CURRICULUM AND ASSESSMENT OutLINE Kindergarten curriculum guidelines

triển về thể lực và phát triển thẩm mỹ qua hình thức chơi và học không chính quy. Sự phát triển tổng thể của trẻ không chỉ là trách nhiệm của cha mẹ mà còn là trách nhiệm của cộng đồng và xã hội.

Đặc biệt là do đặc điểm là quốc gia đa văn hóa nên GDMN của Úc rất chú trọng nuôi dưỡng môi trường đa văn hóa, trẻ em từ nhiều dân tộc khác nhau được khuyến khích chia sẻ và tôn trọng các phong tục tập quán, trang phục, ăn uống và các giá trị khác. Hiện nay, mặc dù mỗi bang có chương trình hướng dẫn riêng nhưng chương trình khung đều bao gồm các lĩnh vực cơ bản: hiểu biết về bản thân và những người khác, sức khỏe và hiểu biết về sự phát triển thể chất, cuộc sống xã hội, hiểu biết văn hóa, hiểu biết môi trường. Giáo viên khi thực hiện phải đảm bảo các cơ hội học theo 5 lĩnh vực trên được tích hợp hài hòa, chú trọng hoạt động vui chơi, trải nghiệm cuộc sống thực có ý nghĩa đối với trẻ và coi trọng sự giao tiếp giữa giáo viên và trẻ.

Triết lí xây dựng Chương trình giáo dục của Úc được thể hiện trong Tuyên bố Melbourne về Mục tiêu giáo dục đối với thanh thiếu niên Australia, do Hội đồng Bộ trưởng thông qua vào tháng 12/2008 (MCEETYA 2008): Mục tiêu giáo dục cho mọi trẻ Úc đều trở thành

- Học viên thành đạt
- Cá nhân tự tin và sáng tạo
- Công dân năng động và am hiểu [7].

Quan điểm chung của Chương trình GDMN của Úc là đảm bảo rằng trẻ trong mọi môi trường chăm sóc và giáo dục tuổi mầm non đều được hưởng việc giảng dạy và học tập với chất lượng cao. Đặc biệt chú trọng đến việc học hỏi dựa trên các trò chơi và nhìn nhận tầm quan trọng của khả năng giao tiếp và ngôn ngữ (gồm cả kỹ năng đọc viết và tính toán của trẻ nhỏ), cũng như phát triển về mặt xã hội và cảm xúc với sự hợp tác của gia đình và gia đình chính là nhà giáo dục đầu tiên có ảnh hưởng lớn nhất đối với trẻ em [8;9].

2.2.3. Những yêu cầu đối với năng lực nghề trong khung năng lực giáo viên của giáo viên mầm non ở Úc

2.2.3.1. Mục đích của Khung năng lực giáo viên

Khung năng lực mô tả các tiêu chuẩn nghề nghiệp trong giảng dạy và làm rõ kiến thức cũng như năng lực của giáo viên đối với những người trong và ngoài ngành, cung cấp các phương tiện để việc giảng dạy tốt có thể được xác định, khen thưởng và tôn vinh.

Khung này nêu rõ các tiêu chuẩn năng lực dành cho giáo viên làm việc trong các trường công lập ở Tây Úc. Các tiêu chuẩn năng lực nêu ra các mức độ hiệu quả khác nhau mà giáo viên thể hiện khi áp dụng kiến thức, kỹ năng và thuộc tính chuyên môn của mình vào bối cảnh giảng dạy cụ thể của họ.

Khung này là một công cụ có giá trị để tăng cường niềm tin của công chúng vào hệ thống giáo dục trường học. Nó nhấn mạnh rằng nghề dạy học đòi hỏi giáo viên phải là người học suốt đời, tham gia vào quá trình học tập chuyên môn liên tục trong suốt sự nghiệp của họ. Phản ánh chuyên môn là trọng tâm để cải thiện tiêu chuẩn giáo viên và hỗ trợ phát triển con đường sự nghiệp.

Khung này là một công cụ dành cho giáo viên đứng lớp để:

- Suy ngẫm về hiệu quả nghề nghiệp của họ.
- Xác định và ưu tiên các lĩnh vực để phát triển chuyên môn bằng cách cung cấp các tiêu chuẩn rõ ràng để hướng dẫn giáo viên trong công việc nhằm cải thiện mức độ thành tích học tập của học sinh.

- Xác định các cơ hội học tập chuyên nghiệp.

- Hỗ trợ lập kế hoạch phát triển cá nhân và nghề nghiệp của họ.

2.2.3.2. Các thành phần trong Khung năng lực giáo viên mầm non

Khung gồm 3 thành phần/yếu tố chuyên môn trong công việc của giáo viên:

1-Năng lực chuyên môn: Phác thảo các đặc điểm có thể dễ dàng xác định là cần thiết cho việc giảng dạy hiệu quả. Những thuộc tính này đảm bảo giáo viên được chuẩn bị sẵn sàng cho những thách thức, yêu cầu và nghĩa vụ giảng dạy. Khung mô tả cách giáo viên làm việc với học sinh, phụ huynh/người chăm sóc, đồng nghiệp và những người khác.

2-Kiến thức chuyên môn: gồm kiến thức về trẻ, chương trình giảng dạy, nội dung môn học, phương pháp sư phạm, luật pháp liên quan đến giáo dục và bối cảnh giảng dạy cụ thể là nền tảng của việc giảng dạy hiệu quả, giúp giáo viên có thể đáp ứng nhu cầu thay đổi của trẻ.

3-Thực hành: gồm khả năng của giáo viên trong việc thực hành các kỹ thuật dạy học nhằm đáp ứng các nhu cầu cá nhân của trẻ, sử dụng các chiến lược về đánh giá, kỹ năng trong lập kế hoạch cho chương trình giảng dạy, thiết lập các cộng đồng học tập...

2.2.3.3. Các lĩnh vực trong Khung năng lực giáo viên mầm non

Trong khung năng lực giáo viên chia thành 5 lĩnh vực:

Lĩnh vực 1: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh

Mô tả nhiệm vụ phức tạp của việc dạy và học. Nó phác thảo cách giáo viên lập kế hoạch, phát triển, quản lý và áp dụng nhiều chiến lược giảng dạy khác nhau để hỗ trợ chất lượng học tập của học sinh.

Lĩnh vực 2. Đánh giá và báo cáo kết quả học tập của học sinh

Mô tả cách giáo viên theo dõi, đánh giá, ghi chép và báo cáo việc học tập của học sinh.

Lĩnh vực 3. Tham gia học tập chuyên môn

Mô tả cách giáo viên quản lý việc học tập chuyên môn của mình và đóng góp vào việc học tập chuyên môn của đồng nghiệp.

Lĩnh vực 4. Các sáng kiến trong một môi trường tập trung vào kết quả

Mô tả cách thức giáo viên tham gia vào việc phát triển và quản lý chính sách chương trình giảng dạy trong môi trường học đường cụ thể của họ.

Lĩnh vực 5. Hình thành quan hệ đối tác trong cộng đồng nhà trường

Mô tả cách giáo viên xây dựng, tạo điều kiện và duy trì mối quan hệ làm việc với trẻ, đồng nghiệp, phụ huynh và những người chăm sóc khác để nâng cao việc học tập của trẻ.

Trong 5 lĩnh vực đều mô tả khái quát từng năng lực thành phần trong 3 giai đoạn với các yếu tố quan trọng và chỉ số thực hành cụ thể, đó là:

Các lĩnh vực	Giai đoạn 1: Giáo viên hoạt động trong giai đoạn đầu nên:	Giai đoạn 2: Giáo viên hoạt động trong giai đoạn thứ hai nên:	Giai đoạn 3: Giáo viên hoạt động trong giai đoạn thứ ba nên:
Lĩnh vực 1. Tạo điều kiện học tập cho sinh viên	Thu hút học sinh vào những trải nghiệm học tập có mục đích và phù hợp.	Thực vụ đa dạng phong cách và nhu cầu học tập của học sinh thông qua việc áp dụng nhất quán nhiều chiến lược giảng dạy khác nhau.	Sử dụng các chiến lược và kỹ thuật giảng dạy mẫu mực đáp ứng nhu cầu của học sinh tham gia đóng góp vào chính sách, chương trình giảng dạy và chương trình làm việc nhóm.
Lĩnh vực 2 Đánh giá và Báo cáo kết quả học tập của học sinh	Theo dõi, đánh giá, ghi chép và báo cáo kết quả học tập của học sinh.	Áp dụng hệ thống đánh giá và báo cáo toàn diện liên quan đến kết quả học tập của cá nhân học sinh, nhóm và/hoặc lớp học trong tham gia vào nhiều hoạt động học tập khác nhau nhằm thúc đẩy sự tự phản ánh quan trọng, có tính phản hồi cao và toàn diện.	Sử dụng nhất quán các chiến lược đánh giá và báo cáo mẫu mực có tính phản hồi cao và toàn diện.
Lĩnh vực 3 Tham gia học tập chuyên nghiệp	Suy nghĩ chín chắn về kinh nghiệm chuyên môn để nâng cao	Tham gia đóng góp vào phát triển cộng đồng học tập.	Tham gia vào nhiều hoạt động học tập khác nhau nhằm thúc đẩy sự tự phản ánh

	hiệu quả chuyên môn.		quan trọng và phát triển cộng đồng học tập.
Lĩnh vực 4 Tham gia vào Chính sách Chương trình giảng dạy và các Sáng kiến Chương trình Khác trong Môi trường tập trung vào Kết quả	Tham gia vào chính sách chương trình giảng dạy và chương trình làm việc nhóm.	Cung cấp hỗ trợ cho chính sách chương trình giảng dạy hoặc các nhóm chương trình khác.	Cung cấp sự lãnh đạo trong trường bằng cách đảm nhận vai trò chủ chốt trong trường. Hỗ trợ việc học tập của học sinh thông qua hợp tác và làm việc nhóm với cộng đồng trường học quá trình phát triển bao gồm lập kế hoạch chương trình giảng dạy và xây dựng chính sách.
Lĩnh vực 5 Hình thành quan hệ đối tác trong cộng đồng trường học	Thiết lập quan hệ đối tác với học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ và những người khác người chăm sóc.	Hỗ trợ việc học tập của học sinh thông qua hợp tác và làm việc nhóm với các thành viên của cộng đồng nhà trường.	Tạo điều kiện làm việc nhóm trong cộng đồng nhà trường.

2.2.3.4. Về cấu trúc của khung năng lực

Trong từng năng lực đều được cấu trúc theo một trình tự nhất định như sau:

Giai đoạn 1:	Giai đoạn 2:	Giai đoạn 3:
Tiêu chuẩn giáo viên giai đoạn 1	Tiêu chuẩn giáo viên giai đoạn 2	Tiêu chuẩn giáo viên giai đoạn 3
Tổng quan về giáo viên cho giai đoạn 1	Tổng quan về giáo viên cho giai đoạn 2	Tổng quan về giáo viên cho giai đoạn 3

Ở giai đoạn 1, lĩnh vực từ 1 đến 5 đều được cấu trúc chung như sau:

- Tên lĩnh vực
- Mô tả lĩnh vực
- Yếu tố tiêu chuẩn/quan trọng
- Một số chỉ số về thực hành hiệu quả

Tương tự các giai đoạn 2 và 3 đều có cấu trúc các lĩnh vực tương tự như giai đoạn 1, tuy nhiên nội hàm trong các giai đoạn 2, 3 có sự khác nhau tăng dần yêu cầu về tiêu chuẩn và chỉ số thực hành hiệu quả ở 5 lĩnh vực này [10].

2.2.4. Yêu cầu về đào tạo đối với GDMN của Úc

Chương trình đào tạo GDMN chuẩn bị cho sinh viên kiến thức, nghiệp vụ chuyên môn cần thiết để dạy trẻ nhỏ từ sơ sinh đến 8 tuổi. Tìm hiểu về các giai đoạn phát triển chính mà một đứa trẻ phải trải qua, những cách hỗ trợ giúp trẻ mầm non phát triển các khả năng nhận thức, cảm xúc, thể chất phù hợp, giúp trẻ có được niềm yêu thích học tập trong khi vẫn giữ được mối quan hệ, khả năng giao tiếp với cha mẹ, gia đình, những người xung quanh. GDMN được trang bị một nền tảng kiến thức rộng, có hệ thống, và linh hoạt trong việc giảng dạy trẻ em. Sau khi tốt nghiệp, GVMN có đủ trình độ chuyên sâu để thay đổi các vị trí làm việc khác nhau trong ngành giáo dục trẻ em từ độ tuổi 0 đến 8 tuổi. GDMN thường xoay quanh 4 vấn đề chính:

- Phát triển trẻ em.
- Nghiên cứu các chương trình giảng dạy.
- Kinh nghiệm chuyên môn.
- Nghiên cứu giáo dục.

Các chương trình đào tạo ngành GDMN tại Úc:

- Bachelor of Education: Đối với sinh viên tham gia chương trình học này, sau khi tốt nghiệp có thể đi dạy cho trẻ em ở độ tuổi từ 0 đến 12 tuổi.

- Early Childhood and Primary: Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ đi dạy ở bậc mầm non và bậc tiểu học.

- Bachelor of Primary Education majoring in Junior Secondary: Khác với 2 chương trình học của ngành GDMN nêu trên, sinh viên sau tốt nghiệp sẽ dạy từ bậc mầm non cho đến bậc tiểu học.

GVMN được trang bị kiến thức và kỹ năng chuyên môn từ Bậc Mầm non đến Bậc Tiểu học với các giai đoạn và nội dung đào tạo chi tiết:

- Giai đoạn đầu (Early Childhood and Pre-school):

- + Nền tảng phát triển của trẻ nhỏ
- + Các kỹ năng giáo dục và đào tạo cơ bản
- + Quy trình giảng dạy trong môi trường lớp học

- Giai đoạn tiếp theo:

- + Lĩnh vực giảng dạy thiết yếu
- + Môn học ở bậc Tiểu học
- + Nâng cao kỹ năng và kiến thức chuyên môn

Đặc biệt, sinh viên sẽ có 100 ngày thực hành ở các vị trí chuyên môn để trải nghiệm thực tế. Và sau khi hoàn thành tất cả các chương trình học, GVMN tốt nghiệp ra trường có thể xin vào làm giáo viên, chuyên viên làm việc trong lĩnh vực giáo dục. GVMN có thể làm ở cả trường công lập và trường tư thục, các trung tâm chăm sóc trẻ em, nhà trẻ, trường mầm non, trường tiểu học, và các cơ sở liên quan khác [11;12].

2.2.4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ kết quả rà soát kinh nghiệm của nước Úc trong vấn đề xác định các năng lực nghề của giáo viên nói chung, GVMN nói riêng trong việc thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non quốc gia theo tiếp cận năng lực trong tương lai sắp tới, một số khuyến nghị sau đây cần được đặt ra đối với năng lực GVMN của Việt Nam trong lộ trình chuẩn bị về nguồn nhân lực để triển khai có hiệu quả chương trình giáo dục mầm non mới.

- Khung năng lực có cấu trúc các năng lực về kiến thức chuyên môn, về năng lực chuyên môn và thực hành được cấu trúc theo tầng bậc (các lớp từ rộng đến mô tả chi tiết, cụ thể các lĩnh vực trong năng lực).

- Cấu trúc chuẩn năng lực theo 5 lĩnh vực: (1) Tên lĩnh vực; (2) Mô tả lĩnh vực; (3) Yếu tố tiêu chuẩn/quan trọng; (4) Một số chỉ số về thực hành hiệu quả và trong từng năng lực của giáo viên mô tả rõ các trách nhiệm nghề nghiệp và hành động chính mà giáo viên thực hiện trong đời sống nghề nghiệp của mình.

- Các lĩnh vực/khía cạnh được cụ thể hoá theo các lĩnh vực kết nối với nhau và góp phần chung vào hiệu quả của giáo viên. Những giáo viên hiệu quả trong tất cả các giai đoạn của sự nghiệp giảng dạy của họ đều thể hiện những phẩm chất chuyên môn: Hợp tác, tận tụy, đạo đức, đổi mới, hòa nhập, tích cực, phản hồi.

- Cần dựa trên nền tảng kiến thức chuyên môn để phát huy tối đa khả năng của giáo viên nhằm cải thiện kết quả giáo dục của học sinh. Kiến thức về học sinh, chương trình giảng dạy, nội dung môn học, phương pháp sư phạm, luật pháp liên quan đến giáo dục và bối cảnh giảng dạy cụ thể là nền tảng của việc giảng dạy hiệu quả và giúp giáo viên có thể đáp ứng nhu cầu thay đổi của học sinh.

- Năng lực của GVMN được phân loại theo 5 lĩnh vực gắn liền với 3 giai đoạn, giáo viên hoạt động trong từng giai đoạn 1,2,3 ở trong 5 lĩnh vực đó là:

Lĩnh vực 1: Tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập của học sinh

Lĩnh vực 2. Đánh giá và báo cáo kết quả học tập của học sinh

Lĩnh vực 3. Tham gia học tập chuyên môn

Lĩnh vực 4. Các sáng kiến trong một môi trường tập trung vào kết quả

Lĩnh vực 5. Hình thành quan hệ đối tác trong cộng đồng nhà trường

- Các tiêu chuẩn năng lực nêu ra các mức độ hiệu quả khác nhau mà giáo viên thể hiện khi áp dụng kiến thức, kỹ năng và thuộc tính chuyên môn của mình vào bối cảnh giảng dạy cụ thể của họ.

3. Kết luận

Bối cảnh đổi mới GDMN đặt ra những yêu cầu cao hơn về năng lực của GVMN. Vì vậy đào tạo GVMN của các trường cao đẳng, đại học ngoài rèn luyện các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, còn cần chú trọng đến phát triển năng lực nghề nghiệp cho

sinh viên sư phạm mầm non, ngoài việc gắn đào tạo với thực tiễn thì còn cần phải gắn hoạt động đào tạo GVMN với tiếp cận năng lực để có sự gắn kết giữa chương trình đào tạo cao đẳng, đại học với Chương trình GDMN quốc gia đang triển khai xây dựng mới theo hướng tiếp cận năng lực người học. Nghiên cứu kinh nghiệm của Úc - là quốc gia có khung năng lực giáo viên nói chung, giáo viên mầm non nói riêng và yêu cầu đối với đào tạo GVMN đã triển khai thành công Chương trình GDMN theo tiếp cận năng lực, giúp Việt Nam có thêm bài học, từ đó có định hướng tốt hơn cho việc đề xuất khung năng lực nghề giáo viên mầm non đáp ứng thực hiện chương trình giáo dục mầm non mới theo tiếp cận năng lực người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Carmel Maloney Edith Cowan University Lennie Barblett Edith Cowan University, Australian Journal of Teacher Education,11/2003, Describing Standards for Early Childhood Teachers : Moving the Debate Forward to the National Level
2. https://www.researchgate.net/publication/49281841_Describing_standards_for_early_c
3. <https://vtudien.com/viet-viet/dictionary>
4. [https://en.wikipedia.org/wiki/Competence_\(human_resources\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Competence_(human_resources))
5. Nguyễn Quang Uẩn, Trần Hữu Luyện, Trần Quốc Thành (1995), *Tâm lý học đại cương*, dùng cho các trường ĐH và Cao Đẳng. Tr 146
6. Ngô Công Hoàn (chủ biên), Trương Thị Khánh Hà (2012), *Tâm lý học khác biệt*, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội. Tr 221
7. Australia-Framework-Report-Vietnamese.pdf GẮN BÓ, SỐNG & PHÁT TRIỂN Khuôn Khổ Giáo Dục Những Năm Đầu Đời của Úc, 2009
8. Australia-information for families-Vietnamese.pdf BELONGING, BEING & BECOMING An Early Years Learning Framework for Australia, 2009
9. Australia-information for families-Vietnamese.pdf BELONGING, BEING & BECOMING An Early Years Learning Framework for Australia, 2009;
10. Competency Framework for Teachers SCIS NO. 1192142 ISBN 0 7307 4092 7 ©Department of Education and Training, 2004;
11. <https://www.earlychildhoodaustralia.org.au>;
12. <https://www.education.gov.au/early-childhood>

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG THEO TIẾP CẬN DỰ ÁN HỌC TẬP

ThS.GVC. Nguyễn Thị Thành

TS. Trịnh Thị Xim

ThS. Lê Thị Thu

Trường CĐSP Trung ương

hathanh1073@gmail.com

Tóm tắt: Hiện nay phát triển Chương trình giáo dục nhà trường là nội dung được nhiều cơ sở GDMN quan tâm và coi trọng. Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập là một định hướng mới và khả thi. Các dự án được xây dựng dựa trên nhu cầu phát triển của trẻ, bối cảnh của địa phương, năng lực của nhà trường. Chương trình nhà trường được triển khai thông qua các dự án học tập nhằm phát triển 5 lĩnh vực của trẻ. Các hoạt động cụ thể của dự án gắn với trải nghiệm khiến trẻ hứng thú và phát triển tiềm năng bên trong. Việc đổi mới cách tiếp cận trong phát triển Chương trình giáo dục nhà trường mang lại một hiệu ứng tích cực, nhằm đổi mới phương pháp, nâng cao chất lượng của GDMN.

Từ khóa: Chương trình giáo dục; Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường; Dự án học tập.

1. Đặt vấn đề

Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đã có những định hướng chỉ đạo đối với ngành giáo dục nói chung và GDMN nói riêng. Trong bối cảnh đó, ngành giáo dục mầm non đã có những thay đổi đáng kể. Những đổi mới có thể nhận thấy đó là các cơ sở GDMN đã có ý thức rõ ràng về vai trò của Chương trình giáo dục nhà trường và ứng dụng các phương pháp, cách tiếp cận tiên tiến để đổi mới tổ chức hoạt động và nâng cao chất lượng GDMN [7].

Xu thế toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục đang diễn ra ở quy mô toàn cầu tạo cơ hội thuận lợi cho hệ thống giáo dục mỗi quốc gia trong đó có GDMN tiếp cận xu thế mới, mô hình, phương pháp giáo dục hiện đại, tiên tiến. Triết lý “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” được lan tỏa và được thể hiện cụ thể ở nhiều quốc gia. Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường hiện nay đều theo hướng tiếp cận tích hợp và phát triển dựa trên quan điểm “giáo dục lấy trẻ làm trung tâm” giúp trẻ phát triển các năng lực, có khả năng thích ứng và giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn của cuộc sống [6]. Các nhà giáo dục đã quan tâm xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, đa dạng, tạo điều kiện, cơ hội cho trẻ chủ động giao tiếp, chia sẻ và hợp tác cùng nhau thông qua dự án giáo dục là một hướng đi mới hiệu quả. Dạy học theo dự án là mô hình/phương pháp tổ chức hoạt động dạy học được nghiên cứu và áp dụng từ lâu trên thế giới từ bậc mầm non đến đại học ở những mức độ khác nhau. Bản chất của mô hình này là lấy người học làm trung tâm, người học làm chủ toàn bộ quá trình giáo dục và dạy học từ việc đề ra mục tiêu, nội dung, phương pháp, tiến hành hoạt động và trình bày, đánh giá

kết quả, [9].

Hiện nay phát triển Chương trình nhà trường là một nội dung được nhiều cơ sở GDMN quan tâm và coi trọng. Trong thực tế mỗi cơ sở GDMN đều nhận thấy vai trò quan trọng của Chương trình giáo dục nhà trường, nhưng để phát triển được một Chương trình giáo dục thực sự có chất lượng và đáp ứng đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục là vấn đề gặp nhiều khó khăn đối với cơ sở GDMN hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm cơ bản

2.1.1. Chương trình giáo dục

Chương trình giáo dục là một hệ thống bao gồm các mục tiêu của chương trình giáo dục được xác định là những gì người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình. Hệ thống nội dung giảng dạy trong chương trình giáo dục bao gồm nhiều chủ đề và môn học khác nhau nhằm phát triển kiến thức, trang bị kỹ năng cho người học. Phương pháp giảng dạy có thể sử dụng nhiều kỹ thuật khác nhau, bao gồm giảng dạy trực tiếp, học trực tuyến, thảo luận lớp học và thực hành. Chương trình giáo dục bao gồm việc đánh giá và đánh giá kết quả học tập của người học thông qua kiểm tra, bài tập, dự án và phương tiện khác. Thời gian và cấu trúc của chương trình có thể thay đổi, từ các khóa học ngắn hạn đến các chương trình dài hạn, [3].

Theo tổ chức UNESCO [4] định nghĩa về Chương trình: “Tập hợp hoặc trình tự chặt chẽ các hoạt động giáo dục được thiết kế và tổ chức để đạt được các mục tiêu học tập đã xác định trước hoặc hoàn thành một tập hợp các nhiệm vụ giáo dục cụ thể trong một thời gian dài. Trong một chương trình giáo dục, các hoạt động giáo dục cũng có thể được nhóm thành các tiểu hợp phần được mô tả khác nhau trong bối cảnh quốc gia như 'khóa học', 'mô-đun', 'đơn vị' và/hoặc 'môn học'. Một chương trình có thể có các thành phần chính thông thường được mô tả là các khóa học, đơn vị hoặc mô-đun - ví dụ: các hoạt động dựa trên trò chơi, thời gian trải nghiệm làm việc, dự án nghiên cứu và chuẩn bị luận án”.

Theo các nhà giáo dục Anh [3], “Chương trình Giáo dục quốc gia là lịch trình cho việc giảng dạy và học tập trong nhà trường. Nó thiết lập các môn học được giảng dạy, kiến thức, kỹ năng và sự hiểu biết cần thiết cho từng môn học. Chương trình Giáo dục quốc gia cũng đặt ra chuẩn cho từng môn học, phác thảo các mục tiêu trẻ em cần được khuyến khích để đạt được. Ngoài ra, Chương trình Giáo dục quốc gia cũng xác định phương pháp đánh giá được sử dụng để đo lường sự tiến bộ của trẻ em”.

Tóm lại: Chương trình giáo dục là Tập hợp các mục tiêu; Chuẩn kiến thức, kỹ năng, hệ thống các nội dung giáo dục; phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục; cách thức đánh giá kết quả người học. Chương trình giáo dục được tạo ra để đáp ứng những nhu cầu cụ thể của người học và để giúp họ phát triển kỹ năng và kiến thức cần thiết

trong tương lai.

2.1.2. Phát triển chương trình giáo dục nhà trường

Phát triển chương trình giáo dục Nhà trường dựa trên khung chương trình quốc gia thuộc một ngành học, bậc học cụ thể. Là quá trình nghiên cứu, phân tích, thiết kế mục tiêu; nội dung; hình thức tổ chức; triển khai và đánh giá các kết quả học tập của học sinh tại một trường học.

Theo Brady (1995) cho rằng, việc thực hiện phát triển chương trình giảng dạy dựa vào trường học bị chi phối không chỉ bởi mức độ quy định trong chương trình quốc gia, mà còn bởi nhiều yếu tố hệ thống và trường học và ngay cả với quy định nghiêm ngặt nhất thì giáo viên sẽ tiếp tục điều chỉnh để đạt được một chương trình giảng dạy phù hợp với người học [2].

Theo Luật Giáo dục (Quốc hội, 2019). Chương trình giáo dục thể hiện mục tiêu giáo dục; quy định chuẩn kiến thức, kỹ năng, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của người học; phạm vi và cấu trúc nội dung giáo dục; phương pháp và hình thức tổ chức hoạt động giáo dục; cách thức đánh giá kết quả giáo dục đối với các môn học ở mỗi lớp học, mỗi cấp học hoặc các môn học, module, ngành học đối với từng trình độ đào tạo, [8].

Tóm lại: Phát triển Chương trình giáo dục nhà trường được căn cứ theo Chương trình khung do Bộ GD và ĐT ban hành. Trên cơ sở nghiên cứu, đánh giá, phân tích các yếu tố thuộc về địa phương; nhà trường; người học; phụ huynh và cộng đồng để thiết kế mục tiêu, nội dung, hình thức, phương pháp tổ chức và đánh giá kết quả người học. Phát triển Chương trình nhà trường là một quá trình xây dựng, triển khai, đánh giá và cải tiến để chất lượng Chương trình nhà trường được cải thiện tích cực.

2.1.3. Dự án học tập

Thuật ngữ dự án, tiếng Anh là “Project”, được hiểu theo nghĩa phổ thông là một đề án, một dự thảo hay một kế hoạch, cần được thực hiện nhằm đạt mục đích đề ra. Khái niệm dự án được sử dụng phổ biến trong hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội và trong nghiên cứu khoa học. Theo nhà giáo dục Úc Alexandra Cutche (2013), trong cuốn sách *Art Spoken Here: Reggio Emilia for the Big Kids*, NSEAD/John Wiley & Sons, nhà nghiên cứu GD đã nhận định, học tập dựa trên dự án được sử dụng như một cách tiếp cận để định hình các cuộc học tập, điều tra lấy học sinh làm trung tâm, [1].

Tóm lại: Dự án học tập là các hoạt động học tập hoặc nghiên cứu được thiết kế để đạt được một mục tiêu học tập cụ thể. Dự án học tập thường bao gồm việc nghiên cứu, xây dựng kiến thức, phân tích thông tin và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể liên quan đến một chủ đề hoặc một loạt các chủ đề. Dự án học tập có thể diễn ra ở nhiều mức độ khác nhau về thời gian, qui mô, đối tượng.

2.2. Dự án học tập

2.2.1. Đặc điểm của dự án học tập

Dự án học tập cho trẻ mầm non là hình thức giáo dục tập trung vào việc học thông qua việc tham gia vào các dự án thực tế hoặc hoạt động học tập có tính thực tế, liên quan đến cuộc sống hàng ngày của trẻ.

Dạy học dự án (Project-Based Learning - PBL) là một phương pháp giảng dạy tập trung vào việc trẻ em hoạt động tích cực và học hỏi thông qua việc tham gia vào các dự án. Thay vì chỉ chú trọng vào việc truyền đạt kiến thức qua giảng dạy truyền thống, PBL tạo điều kiện cho trẻ em áp dụng kiến thức, kỹ năng và sự sáng tạo của mình để giải quyết các vấn đề thực tế trong một môi trường học tập. Dạy học theo dự án cho trẻ mầm non là một phương pháp sáng tạo và kích thích sự phát triển toàn diện của trẻ, khơi dậy những tiềm năng bên trong của mỗi trẻ, tôn trọng sự khác biệt và năng lực riêng của trẻ em.

Thứ nhất: Dạy học dự án trong môi trường trẻ mầm non mang lại nhiều lợi ích đối với sự phát triển toàn diện của trẻ. Đầu tiên, PBL khuyến khích sự tò mò và sự ham muốn học hỏi của trẻ em. Bằng cách tham gia trải nghiệm vào các dự án thú vị và có ý nghĩa, trẻ em tự nguyện tham gia và đặt câu hỏi, từ đó khám phá và tìm hiểu kiến thức mới một cách tự nhiên. Học qua trải nghiệm, thông qua việc tham gia vào các hoạt động thực tế, thay vì cách thức truyền thống trong lớp học. Trẻ học thông qua trải nghiệm và tương tác trực tiếp với môi trường xung quanh.

Thứ hai, PBL tạo điều kiện cho sự phát triển của các kỹ năng quan trọng như tư duy logic, giải quyết vấn đề, sáng tạo. Trẻ em cần phải tư duy, lập kế hoạch và làm việc nhóm để hoàn thành dự án của mình. Qua quá trình này, họ học cách giải quyết vấn đề, tự tin thể hiện ý kiến và học cách làm việc cùng nhau trong một môi trường hợp tác. Các kiến thức được lồng ghép trong dự án mang tính tích hợp cao, khiến trẻ tìm hiểu và học hỏi có tính logic và hệ thống hơn. Dự án học tập thông thường tích hợp các lĩnh vực, nhiều môn học khác nhau, giúp trẻ thấy mối liên hệ giữa các kiến thức và áp dụng chúng trong bối cảnh thực tế. Ngoài kiến thức học tập, trẻ cũng phát triển các kỹ năng sống quan trọng như kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, và tư duy sáng tạo.

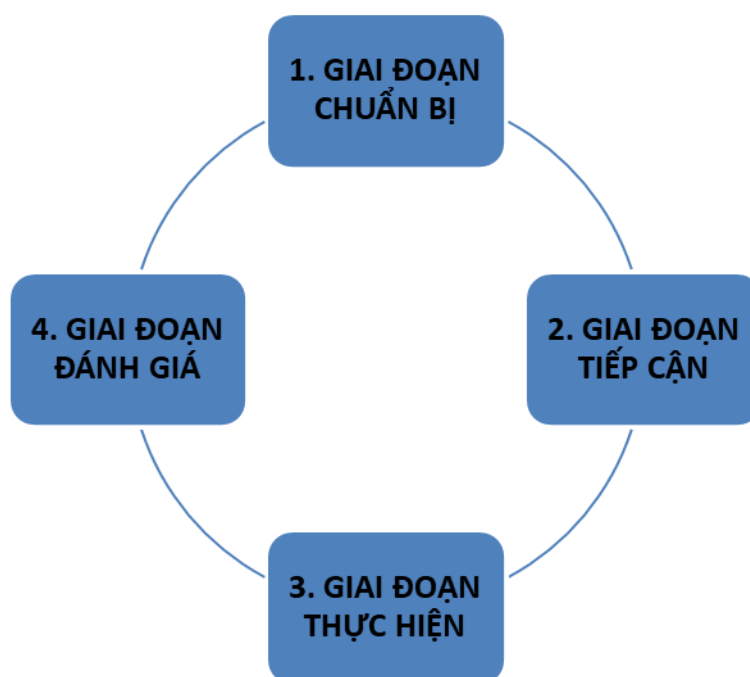
Thứ ba: PBL giúp trẻ em phát triển khả năng tự tin và sự tự quản lý. Khi tham gia vào các dự án, trẻ em phải đảm nhận trách nhiệm cá nhân và quản lý thời gian của mình để hoàn thành công việc. Điều này giúp trẻ em xây dựng lòng tự tin trong khả năng của mình và hình thành ý thức tự quản lý, hai yếu tố quan trọng trong quá trình học tập và sự phát triển cá nhân. Học tập theo dự án được tổ chức thành các nhóm. Trẻ mầm non thường được xáo trộn và làm việc theo nhóm để phát triển kỹ năng xã hội, học cách làm việc cùng nhau và chia sẻ ý tưởng. Dạy học dự án khuyến khích trẻ tự

quản lý học tập của nhóm, cùng nhau quyết định cách nhóm sẽ tiến hành dự án và giải quyết các vấn đề.

Thứ tư: dạy học theo dự án cung cấp cho trẻ em một trải nghiệm học tập thực tế và có ý nghĩa. Thông qua việc tham gia vào các dự án, trẻ em được trải nghiệm việc áp dụng kiến thức vào thực tế và thấy rõ rằng mình có thể tạo ra những ảnh hưởng tích cực trong cộng đồng xung quanh. Trẻ được khuyến khích tham gia tích cực vào quá trình học tập, đặt ra các câu hỏi, thảo luận với nhau, thảo luận với giáo viên và chia sẻ ý kiến. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn thay vì người truyền đạt kiến thức. Họ cung cấp sự hỗ trợ, tạo điều kiện cho trẻ tự tìm hiểu và khám phá.

Như vậy có thể thấy học tập qua dự án sẽ phát triển được kỹ năng tư duy, sáng tạo, kỹ năng thực hành, làm việc nhóm, trẻ biết chia sẻ cùng hoàn thành công việc. Đây chính là những yếu tố quan trọng để thực hiện mục tiêu theo chương trình GDMN.

2.2.2. Quy trình xây dựng dự án học tập



Hình 1: Quy trình xây dựng dự án học tập

a. Giai đoạn chuẩn bị

Giai đoạn này giáo viên xác định các mục tiêu mà dự án cần đạt, các mục tiêu này có thể điều chỉnh trong quá trình triển khai nếu có những phát sinh do nhu cầu của trẻ. Giáo viên cùng phụ huynh đảm bảo có đủ tài nguyên, vật liệu và công cụ để trẻ em có thể sử dụng trong quá trình làm việc để đạt mục tiêu. Lập kế hoạch đồng thời dự kiến các hoạt động cụ thể gắn với các hoạt động như khám phá khoa học, phát triển ngôn ngữ, âm nhạc, tạo hình, toán, ... và đồng thời xác định thời gian triển khai dự án.

Ví dụ: Dự án một số loài động vật dưới nước

b. Giai đoạn tiếp cận

Tổ chức thảo luận, mở dự án, giáo viên khuyến khích trẻ quan sát các hình ảnh, xem video và tài liệu về động vật dưới nước. Giáo viên có thể chia nhóm cho trẻ làm việc theo các nhóm khác nhau để tìm hiểu về các nội dung cụ thể, ví dụ tìm hiểu, nghiên cứu về các loài sống ở vùng nước ngọt ở sông hồ, các loại sống ở biển, ... để nắm bắt thông tin và khám phá sự đa dạng của động vật. Tổ chức các buổi thảo luận trong nhóm, khuyến khích trẻ chia sẻ ý kiến, suy nghĩ và thông qua câu hỏi, khám phá các đặc điểm của các loài động vật trẻ quan tâm. Nghiên cứu, quan sát các tài liệu, sách, hình ảnh, video hoặc tạo ra các hoạt động tương tác để trẻ nghiên cứu về động vật và mở rộng kiến thức. Trẻ đưa ra các câu hỏi, thắc mắc, những ý kiến cần được làm rõ, để từ đó các hoạt động sẽ rõ ràng để tìm cách trả lời, làm sáng tỏ những mong muốn tìm hiểu của trẻ. Giai đoạn này giáo viên và trẻ lựa chọn các hình thức cho hoạt động khám phá khoa học bằng cách tìm hiểu, đọc sách, lên internet, ...; tạo hình, mô tả lại các loài động vật thông qua vẽ, nặn, vẽ phác thảo, làm sơ đồ, làm các con vật rỗi que...; phát triển ngôn ngữ qua thảo luận về chủ đề của nhóm, đọc các câu chuyện, dùng các nhân vật rỗi que kể chuyện qua sân khấu bóng và ánh sáng, ...; học toán bằng cách phân loại động vật, tính số lượng, ...; các hoạt động âm nhạc thông qua hát, múa và vận động sáng tạo hình dáng, tiếng kêu của các con vật, ...

c. Giai đoạn thực hiện

Tổ chức các hoạt động khám phá, tìm hiểu, nghiên cứu về động vật theo các nhóm vấn đề ở phần thảo luận mở dự án đã tổng hợp. Tiến hành các hoạt động thiết kế, mô tả, phác thảo, xây dựng, làm các mô hình, kể chuyện, đóng kịch, múa hát, biểu diễn, ... trong đó là những hoạt động có tính tích hợp phát triển thể chất; nhận thức, thẩm mỹ, phát triển ngôn ngữ và tình cảm xã hội của trẻ.

Cung cấp cho trẻ các vật liệu như đất sét, giấy, các vật liệu tái chế và dụng cụ để thực hiện các hoạt động trong dự án động vật. Khuyến khích trẻ sử dụng các kỹ năng để sáng tạo, thực hiện các công đoạn, các sản phẩm theo dự kiến, phác thảo, mô tả. Khuyến khích trẻ trình bày ý tưởng, quá trình làm việc và các sản phẩm của cá nhân, của nhóm trước lớp và cộng đồng. Có thể tổ chức buổi triển lãm hoặc các hoạt động trình diễn để trẻ có cơ hội chia sẻ và giao lưu với nhau.

d. Giai đoạn đánh giá

Khuyến khích trẻ thảo luận và tự đánh giá các sản phẩm của mình, của các nhóm. Hỏi trẻ về quá trình tạo hình, những khó khăn gặp phải và cảm nhận của trẻ về các sản phẩm đã tạo ra. Ghi lại những quan sát và phản hồi của trẻ bằng cách chụp ảnh, ghi âm hoặc viết lại các tường thuật để lưu giữ và chia sẻ với gia đình. Tổ chức buổi thảo luận nhóm hoặc họp đánh giá để xem xét cả quá trình triển khai dự án và kết quả cuối cùng.

Giáo viên và trẻ có thể đánh giá việc đạt được mục tiêu ban đầu, sự phát triển của trẻ và các khía cạnh khác của dự án. Triển khai sản phẩm trong quá trình dự án như các sản phẩm tạo hình động vật trong một không gian trưng bày hoặc triển lãm. Cho phép trẻ chia sẻ với gia đình, bạn bè và cộng đồng về quá trình và thành quả của dự án. Thu thập phản hồi từ các bên liên quan như trẻ em, gia đình và cộng đồng về dự án. Đánh giá kết quả và học hỏi từ kinh nghiệm này để cải thiện quy trình triển khai dự án tương lai.

2.3. Quy trình phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập

2.3.1. Phân tích bối cảnh địa phương và nhà trường

- Đặc điểm kinh tế- xã hội địa phương là một yếu tố cần xem xét kỹ, mỗi địa phương có những điều kiện về phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội khác nhau. Có địa phương mà cư dân chủ yếu là công chức và kinh doanh; có địa phương làm nông nghiệp là chủ yếu; có địa phương làm du lịch; địa phương là dân tộc ít người vùng núi cao, hải đảo, ... Từ bối cảnh kinh tế, xã hội đó sẽ tạo nên nhưng nét văn hóa riêng biệt, nhưng đòi hỏi thích ứng môi trường sống, những kinh nghiệm từ thực tiễn bối cảnh của trẻ để nhà trường và các bên tham gia, đặc biệt là các nhà nghiên cứu giáo dục sẽ có những đánh giá những điểm quan trọng mà trẻ cần có, nên có và quan trọng phải có về kiến thức, kỹ năng, thái độ sẽ được thể hiện trong nội dung giáo dục của chương trình nhà trường.

- Nguồn lực con người, cơ sở vật chất phục vụ dạy học hiện có trong nhà trường là yếu tố quan trọng cần xem xét, đáng giá. Nhà trường đánh giá đầy đủ, khách quan các yếu tố liên quan đến đội ngũ cán bộ, công chức nhà trường về năng lực, độ tuổi, thái độ tích cực và sự thích ứng đổi mới; đánh giá về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phòng học nhà trường, ... để làm cơ sở cho việc thiết kế chương trình phù hợp với năng lực và định hướng phấn đấu của nhà trường theo mục tiêu, sứ mạng, tầm nhìn.

2.3.2. Xác định mục tiêu

Mục tiêu được xác định để chỉ ra mục tiêu tổng thể của một trường trong bối cảnh đổi mới và phát triển của giáo dục cũng như thích ứng và phát triển trong tương lai của trẻ. Mục tiêu mà trẻ mầm non sẽ đạt được trong khoảng thời gian cụ thể theo 5 lĩnh vực phát triển bao gồm thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ, ...

Mục tiêu CTGD được cụ thể hóa trong các lĩnh vực kiến thức, kỹ năng, thái độ. Mục tiêu chương trình mô tả cụ thể những gì người học/trẻ mẫu giáo theo độ tuổi có thể thực hiện được sau khi học xong một bậc học hay môn học. Có mục tiêu chung cho một bậc học và mục tiêu đặc thù cho từng môn học, từng dự án.

2.3.3. Xây dựng nội dung Chương trình giáo dục nhà trường

a. Kế hoạch giáo dục năm học

Kế hoạch giáo dục năm học của trẻ mầm non bao gồm 5 lĩnh vực phát triển của trẻ với phát triển thể chất; phát triển nhận thức; phát triển ngôn ngữ; phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội; phát triển thẩm mỹ.

Các môn học trong 5 lĩnh vực được xây dựng thành hệ thống 35 tuần, tương ứng mỗi tuần một hoạt động cho một môn học như thể chất, khám phá khoa học; phát triển ngôn ngữ; toán; âm nhạc; tạo hình.



Hình 2: Chương trình giáo dục

Xác định các nội dung cho CTGD năm học cho trẻ mầm non bao gồm việc xác định những nội dung trẻ mầm non sẽ học trong 5 lĩnh vực phát triển với các môn học cụ thể. Xác định hệ thống các chủ đề phù hợp với trẻ theo độ tuổi, để có thể dự kiến ngân hàng dự án học tập làm cơ sở cho những nội dung giáo dục sẽ được triển khai cho trẻ trong cả năm học, đạt mục tiêu chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành.

Các dự án học tập theo nhiều chủ đề đa dạng, phù hợp với hiểu biết và hứng thú của trẻ. Ví dụ: xây dựng ngân hàng dự án

- *Dự án môi trường*: Môi trường nước; Không khí; Giải cứu động vật; Bảo tồn động vật; Hành tinh xanh; ...

- *Dự án khám phá, tìm hiểu về con người*: Khám phá về bản thân; Gia đình; Bạn bè

- *Tìm hiểu về văn hóa truyền thống địa phương*: Di tích văn hóa; Làng nghề truyền thống; Nghệ nhân; Văn hóa dân gian

- *Danh nhân văn hóa*: Hình tượng Bác Hồ; Các anh hùng dân tộc

- *Các lĩnh vực nghề nghiệp*: Nghề giáo viên; Nghề bác sỹ; Nghề ca sỹ; Nghề họa sỹ, Nghề phòng cháy chữa cháy/cứu hỏa,...

- *Tìm hiểu các nền văn hóa*; Văn hóa các dân tộc Việt Nam; Các di sản văn hóa.

Quá trình này đòi hỏi sự lựa chọn cẩn thận để đảm bảo nội dung dự án học tập phản ánh mục tiêu và triển vọng của trường, cũng như đáp ứng nhu cầu và mức phát

triển của trẻ mầm non. Việc này liên quan đến sắp xếp và cấu trúc các hoạt động một cách có tổ chức, logic và khoa học để đảm bảo tính tích hợp, đồng tâm về nội dung của các độ tuổi đảm bảo rằng trẻ MN nhận được một nền tảng giáo dục vững chắc và phát triển toàn diện.

b. Kế hoạch giáo dục tháng

Trên cơ sở kế hoạch năm học với các hệ thống dự án. Nhà trường cùng các khối trưởng, giáo viên mỗi khối đánh giá các yếu tố liên quan, tính khả thi, tính logic, ... để xác định nhánh các dự án trong thời gian mấy tuần. Trong thực tế có dự án diễn ra trong 1 tuần, có dự án lên đến 4 tuần, tùy theo mức độ cuốn hút, sự tập trung của trẻ.

- Xác định chủ đề nhánh cho dự án: Ngay từ đầu nhà trường cần xây dựng được một ngân hàng dự án phong phú, phù hợp độ tuổi, tâm lý, nhận thức, sở thích của trẻ, các dự án được sắp xếp đan xen. Các giáo viên dựa trên cơ sở đó để xây dựng các nội dung nhánh cho từng dự án. Thông qua thảo luận với trẻ và thảo luận giữa các giáo viên trong khối lớp để lựa chọn các nội dung nhỏ hơn, cụ thể hơn trong dự án đó. Mỗi dự án có thể xác định thành 3 hoặc 4 nhánh trong dự án, tìm kiếm những khía cạnh thú vị, hấp dẫn và có tính khả thi với năng lực, nguồn lực của nhà trường, sự hỗ trợ của các phụ huynh.

c. Kế hoạch giáo dục tuần

- Xác định các hoạt động trong mỗi tuần trên cơ sở kế hoạch năm học và kế hoạch tháng, giáo viên đưa các nhánh hoạt động của các nhánh vào từng tuần, bao gồm đầy đủ các lĩnh vực và các môn học như thể chất, âm nhạc, khám phá, ngôn ngữ, tạo hình, toán, ... Cách lựa chọn hoạt động sao cho hài hòa, tạo sự đa dạng, hấp dẫn với trẻ, và các nội dung đều hướng tới học tập qua trải nghiệm và khám phá.

d. Thiết kế mạng lưới hoạt động dạy học

Trên cơ sở lựa chọn dự án học tập, giáo viên lựa chọn xây dựng mạng lưới các hoạt động của mỗi lĩnh vực theo bối cảnh của lớp, của trường và nhu cầu của trẻ. Đối với thiết kế mạng lưới hoạt động dạy học có một số bước giáo viên cần thực hiện như.

- Xem xét mục tiêu chung của dự án trong tháng
- Xác định mục tiêu cụ thể cho mạng lưới các hoạt động sẽ thiết kế, thực hiện một phần mục tiêu chung của dự án.

- Xác định nguồn lực: môi trường, vật liệu, sự hỗ trợ của các bên liên quan.

- Phương pháp và hình thức tổ chức

- Thiết kế mạng lưới các hoạt động giáo dục.

- Hình thức đánh giá kết quả so với mục tiêu.

Đối với các nội dung hoạt động giáo dục trong dự án có nhiều điểm khác nhau so với thiết kế hoạt động theo chủ đề/sự kiện, vì vậy giáo viên cần nghiên cứu, học hỏi và nhà trường nên tổ chức mời nhà nghiên cứu về hướng dẫn, tập huấn.

2.3.4. Tổ chức thực hiện

a. Xây dựng môi trường

Xây dựng môi trường bên ngoài lớp học và bên trong lớp học cần quan tâm đến các yếu tố thẩm mỹ, nhiều ánh sáng và thân thiện môi trường, khuyến khích trẻ khám phá, học hỏi, sáng tạo. Thu thập các vật liệu tái chế như hộp carton, chai nhựa, ống giấy, vải cũ, nút, nút áo... Đảm bảo rằng các vật liệu này đã được làm sạch và an toàn để trẻ sử dụng.

Xây dựng các góc hoạt động trong lớp học với vật liệu và công cụ cần thiết, đa dạng. Chú trọng đến việc bố trí không gian và trưng bày các vật liệu một hấp dẫn để khuyến khích trẻ tham gia. Thiết lập góc sáng tạo, đa năng, nơi trẻ có thể tự do sáng tạo, cung cấp các bàn làm việc, ghế, bảng để trẻ có thể học tập, nghiên cứu như vẽ, sơn, dán, làm mô hình, sơ đồ, phác thảo,... đây là góc thường xuyên cho các hoạt động nghiên cứu của trẻ. Đồng thời trong lớp học cần thiết kế một khu vực/góc trưng bày để trẻ có thể trưng bày các sản phẩm và chia sẻ với phụ huynh, cộng đồng.

b. Tổ chức hoạt động dạy học

Các hoạt động giáo dục theo chương trình giáo dục trong 5 lĩnh vực phát triển của trẻ gồm khám phá khoa học; âm nhạc; tạo hình; phát triển ngôn ngữ; toán; tình cảm – kỹ năng xã hội,... được sắp xếp vào các buổi trong tuần.

- Các hoạt động chính được tổ chức vào thời gian buổi sáng từ 9h20 đến 10h00 (tùy theo sắp xếp mỗi trường) của mỗi ngày, theo chế độ sinh hoạt trong kế hoạch chung của khối lớp và nhà trường. Hình thức tổ chức các hoạt động thông qua trò chơi học tập đa dạng, phong phú, tạo điều kiện cho trẻ phát triển tư duy, sáng tạo và các ngôn ngữ biểu đạt. Tăng cường tổ chức trẻ hoạt động nhóm, có sự hỗ trợ tích cực từ phụ huynh và cộng đồng. Hoạt động giáo dục có thể tổ chức thông qua các cách tiếp cận phương pháp tiên tiến như Montessori, Reggio Emilia, STEAM, ... để tổ chức hoạt động hiệu quả, gây hứng thú cho trẻ học tập, khám phá, trải nghiệm qua các dự án. Đây là hoạt động học được sắp xếp ổn định vào 1 buổi trong tuần theo kế hoạch của giáo viên và nhà trường, song thời gian buổi sáng dành cho hoạt động học tập trung khoảng 30-40 phút, nên cũng khó triển khai được các hoạt động học nhóm và cá nhân, không có thời gian cho việc khám phá, trải nghiệm sâu, vì thế các giờ hoạt động này thường học nhóm lớn và học chung nội dung.

Các hoạt động khác được tổ chức vào buổi chiều, từ 14h30 đến 15h30. Đây là thời điểm trẻ tham gia vào các hoạt động ngoài trời hoặc các hoạt động góc. Thời gian này phù hợp cho các hoạt động nghiên cứu sâu hơn trong dự án học tập. Buổi chiều phù hợp cho các hoạt động sáng tạo, hình thành các kỹ năng theo lĩnh vực, kỹ năng

làm việc nhóm, giúp trẻ hình thành những kiến thức sâu hơn về các nội dung dự án, nhằm đạt kết quả mong đợi theo chương trình giáo dục.

c. Kiểm tra, đánh giá

Các hình thức kiểm tra và đánh giá trong trường mầm non theo theo tiếp cận dự án nên được thực hiện một cách tổng hợp. Theo dõi cả quá trình học tập và phát triển của trẻ được coi trọng hơn là tập trung chỉ vào kết quả cuối cùng. Nhà trường cần đảm bảo trẻ được khuyến khích tham gia vào các hoạt động và được hỗ trợ để phát triển toàn diện, đồng thời thúc đẩy sự phát triển cá nhân và xã hội của trẻ, từ đó đảm bảo mục tiêu chương trình GDMN theo quy định.

Đánh giá qua các hoạt động, các sản phẩm, khi trẻ tham gia các hoạt động giáo dục trong dự án, sẽ có nhiều hoạt động và sản phẩm sáng tạo từ trẻ. Cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh có thể đánh giá chất lượng, hiệu quả, hoạt động, phương pháp tổ chức qua các sản phẩm hay hoạt động cụ thể. Quan sát, đánh giá qua các hoạt động biểu diễn, trưng bày, tổng kết dự án,... trong quá trình năm học hoặc định kỳ theo kế hoạch nhà trường.

Các hình thức quan sát, đánh giá hoạt động của trẻ mang tính tổng hợp qua nhiều giai đoạn, bằng nhiều hình thức và tất cả đều có thể đo lường qua các tiêu chí cụ thể trong kết quả mong đợi Chương trình giáo dục mầm non. Điều này là rất quan trọng bởi đây là cơ sở để đánh giá kết quả chương trình, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động, sự sáng tạo học tập của trẻ đáp ứng mục tiêu Chương trình, tầm nhìn, mục tiêu nhà trường, phát triển toàn diện trẻ mầm non.

2.3.5. Đánh giá, chỉnh sửa chương trình

Quy trình phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập đến bước triển khai thì cũng là lúc công tác đánh giá, điều chỉnh chương trình giáo dục được thực hiện. Việc đánh giá nên được thực hiện theo hai hình thức cơ bản: thường xuyên và định kỳ. Thời gian quy định cho mỗi đợt kiểm tra, đánh giá định kỳ có thể tùy thuộc vào sự chủ động và sắp xếp của nhà trường, từ 1 quý, 1 học kỳ, 1 năm học. Những kết quả trong công tác đánh giá sẽ là căn cứ, cơ sở để thực hiện việc chỉnh sửa chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận tham gia ở giai đoạn tiếp theo, tạo ra vòng xoắn ốc của sự phát triển.

2.4. Yêu cầu đối với thiết kế nội dung chương trình theo tiếp cận dự án

2.4.1. Đảm bảo tính pháp lý: Nội dung giáo dục được xây dựng dựa trên các căn cứ pháp lý, các kế hoạch, chẳng hạn như hướng dẫn nhiệm vụ năm học của phòng GD&ĐT; Khung Chương trình các lĩnh vực, hoạt động giáo dục của nhà trường và nội dung giáo dục của địa phương; ...

Đảm bảo mục tiêu của Chương trình giáo dục: Nội dung phải đáp ứng mục tiêu chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, trên cơ sở Luật Giáo dục 2019, đồng thời nội dung cần phải đảm bảo thực hiện mục tiêu Chương trình giáo dục nhà trường và giáo dục địa phương.

2.4.2. Đảm bảo tính khả thi: Khi xây dựng nội dung giáo dục cần dựa trên việc phân tích đặc điểm tình hình của địa phương, nhà trường, năng lực trẻ em theo độ tuổi, vùng miền và các thành phần liên quan như phụ huynh và cộng đồng.

2.4.3. Đảm bảo tính logic: Cần đảm bảo tính logic của mạch kiến thức và tính thống nhất trong và giữa các lĩnh vực, môn học và hoạt động giáo dục. Nội dung giáo dục theo từng lĩnh vực, môn học, theo từng khối lớp/độ tuổi, lựa chọn các nội dung phù hợp đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, chú trọng đến sự thống nhất với các môn học và hoạt động giáo dục khác về khung thời gian, bố trí thời gian hoạt động và đánh giá phù hợp với kế hoạch chung của nhà trường.

2.4.4. Đảm bảo tính linh hoạt: Nội dung giáo dục là bản kế hoạch chi tiết 35 tuần đề ra để thực hiện trong năm học. Tuy vậy, đây không phải là một kế hoạch có các nội dung cứng nhắc, trong các trường hợp cần thiết do sự thay đổi từ tình hình thực tiễn, do nhu cầu học tập của trẻ, kế hoạch này có thể được điều chỉnh, kể cả về mặt nội dung và thời gian thực hiện.

2.4.5. Đảm bảo tính tích hợp: Cần đảm bảo tính tích hợp các nội dung giáo dục theo các dự án học tập, là các vấn đề gần gũi, phù hợp, có ý nghĩa đối với trẻ, nhằm phát triển kiến thức và kỹ năng ở nhiều lĩnh vực khác nhau của người học.

3. Kết luận

Phát triển chương trình theo tiếp cận dự án học tập là một hướng đi còn mới mẻ đối với phần lớn các cơ sở GDMN. Vì thế để thực hiện được đòi hỏi phía nhà trường, các cán bộ quản lý trực tiếp cần có định hướng rõ ràng trong chiến lược phát triển Chương trình giáo dục nhà trường, đồng thời cần tập hợp đội ngũ giáo viên có năng lực, phát huy được vai trò của cộng đồng, các phụ huynh hỗ trợ để có thể phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án học tập. Việc bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ quản lý và giáo viên tại cơ sở GDMN cũng là yếu tố cần được chú trọng. Bản thân các GVMN cần tự học hỏi, nghiên cứu tài liệu, tham gia các lớp tập huấn để có kiến thức về phát triển Chương trình giáo dục và dạy học dự án cho trẻ mầm non. Các bậc phụ huynh cần chung tay đồng hành cùng nhà trường trong việc phát triển Chương trình giáo dục và triển khai giáo dục dự án trong thực tế. Để việc phát triển Chương trình giáo dục nhà trường theo tiếp cận dự án được thực thi và đạt mục tiêu Chương trình GDMN đề ra.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Alexandra Cutche (2013), *Art Spoken Here: Reggio Emilia for the Big Kids*, NSEAD/John Wiley & Sons.
2. Brady, L. (1995). School-based curriculum development and the national curriculum: Can they coexist? *Curriculum and Teaching*, 10(1), 47-54.
3. Chương trình giáo dục phổ thông của Vương quốc Anh ban hành ngày 16/7/2014. <https://www.gov.uk/government/collections/national-curriculum>
4. UNESCO, <https://uis.unesco.org/en/glossary-term/educational-programme>.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình Giáo dục mầm non*, ban hành 2021.
6. Bộ GD và Đào tạo (2022): Chuyên đề bồi dưỡng GV mầm non “*Phát triển chương trình giáo dục nhà trường theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm*” Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
7. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.
8. Quốc hội (2019). Luật Giáo dục. Luật số 43/2019/QH14, ngày 14/6/2019.
9. Nguyễn Tuấn Vĩnh và cộng sự (2017), *Day học theo dự án – một hướng đổi mới hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ở trường mầm non*. Tạp chí Khoa học và Giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Huế.

NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC TRẺ MẦM NON THEO TIẾP CẬN MÔ HÌNH HỆ SINH THÁI CÓ ỨNG DỤNG KỸ THUẬT SỐ

TS. Nguyễn Thị Nga

Viện Khoa học Giáo dục
Việt Nam

Tóm tắt: *Chất lượng chăm sóc, GDMN là vấn đề được các nhà làm chính sách, nhà quản lý, nhà giáo dục và nhà nghiên cứu, những người yêu trẻ mầm non quan tâm vì sự phát triển của trẻ giai đoạn mầm non. Điều này có tính quyết định đến sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách của mỗi con người. Dưới tác động của cuộc cách mạng 4.0, quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN có sự thay đổi đa dạng. Việc các cơ sở GDMN tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ nếu chỉ hoạt động theo hình thức truyền thống và đơn độc sẽ khó có thể đảm bảo được chất lượng GDMN và công bằng trong tiếp cận GDMN có chất lượng. Điều này không chỉ đặt ra với trẻ mầm non mà bao gồm cả cha mẹ trẻ và các cá nhân, tổ chức có sự quan tâm đến GDMN, đặc biệt là các cơ sở GDMN ở những vùng đặc thù như khu công nghiệp, khu đông dân cư, khu vực nhiều người dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo... Thực tiễn kinh nghiệm của một số quốc gia trên thế giới và Việt Nam cho thấy sự cần thiết phải có sự chung tay phối hợp đa ngành cho công tác GDMN ở các địa phương dựa trên các nền tảng ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái là một hướng đi phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng GDMN và cấp thiết đối với ngành GDMN trong bối cảnh hiện nay.*

Từ khóa: *chất lượng, giáo dục mầm non, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, mô hình, hệ sinh thái.*

1. Đặt vấn đề

Ngạn ngữ Nigeria có nói “Để nuôi dưỡng một đứa trẻ cần cả một ngôi làng”. Điều này cho thấy việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục một đứa trẻ đòi hỏi sự hỗ trợ và sự chung tay của cả cộng đồng - toàn bộ môi trường xung quanh trẻ; không phải trách nhiệm của chỉ một người hay một nhà trường duy nhất. Theo đó, trong bối cảnh bùng nổ công nghệ thông tin, việc ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái (mọi thành phần tham gia đều tương hỗ lẫn nhau, có quyền lợi và trách nhiệm, nghĩa vụ tương ứng), là con đường hiệu quả để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhiệm vụ này đòi hỏi sự kết hợp giữa nhiều yếu tố, bao gồm cơ sở hạ tầng công nghệ, đào tạo giáo viên, xây dựng nội dung và quản lý hệ thống. Việc tác động lên các thành tố này trong bất kỳ bối cảnh nào cũng sẽ có những ảnh hưởng nhất định đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ. Trong bối cảnh cách mạng 4.0, vai trò ảnh hưởng của các thành tố giáo dục có những biến đổi và gắn liền với sự hình thành nhanh chóng và đa dạng các nhóm trực tuyến qua Zalo, Facebook,... Khi mọi lực

lượng giáo dục đều coi sự phát triển của trẻ mầm non là đầu ra chung hoặc có liên quan, GDMN cần được quan tâm dưới nhiều hình thức, có sự phối hợp, hỗ trợ phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể tạo thành hệ sinh thái bền vững.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề về nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái có ứng dụng kỹ thuật số

2.1.1. Một số khái niệm cơ bản

Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong bài viết này, xuất phát từ định nghĩa của Harvey và Green (1993) “chất lượng là sự phù hợp với mục tiêu” đã được nhiều tác giả thảo luận, công nhận và phát triển, chất lượng GDMN được hiểu là sự phù hợp với mục tiêu của GDMN, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của trẻ ở các lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, kỹ năng tình cảm xã hội và thẩm mỹ đáp ứng nhu cầu của phụ huynh và xã hội [2].

Hệ sinh thái là thuật ngữ trong sinh học được vận dụng vào giáo dục và được hiểu là một môi trường giáo dục trong đó các thành phần tham gia tuân theo một chiến lược đặc trưng, có vị trí, vai trò, trách nhiệm riêng, tác động tương hỗ lẫn nhau và với môi trường nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Trong khi đó, chất lượng của mỗi cơ sở GDMN cần đảm bảo được sự thể hiện ở các thành tố cơ bản gồm: Chương trình GDMN; Tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ MN; Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên; Tổ chức và quản lý GDMN; Trẻ MN; Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi; Mối quan hệ giữa cha mẹ trẻ, nhà trường và xã hội. Trong hệ sinh thái GDMN, ngoài các thành tố bên trong, các thành tố bên ngoài như: gia đình, cộng đồng, tài nguyên, văn hóa và xã hội và việc kết nối chúng giữ vai trò quan trọng, đòi hỏi sự hòa nhập và tương tác tích cực giữa tất cả các thành phần đó. Trong đó, nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nhìn nhận giáo dục như một hệ thống và mọi phần tử đều góp phần quan trọng vào quá trình phát triển của trẻ mầm non [1].

Ứng dụng kỹ thuật số là sử dụng công cụ/phương tiện có ứng dụng công nghệ và những kỹ thuật biểu diễn, xử lý thông tin liên quan đến công nghệ để giao tiếp, tạo ra, phổ biến, lưu giữ và quản lý thông tin nhằm nâng cao hiệu quả trong các hoạt động cụ thể, đặc biệt là các hoạt động của hệ sinh thái. Ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái trong GDMN là việc đem kiến thức, phương tiện công nghệ tạo nên một môi trường GDMN mà các thành phần tham gia (giáo viên, cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội) được tổ chức theo một chiến lược đặc trưng có sự tác động tương hỗ với nhau, với môi trường vì sự phát triển của trẻ [1].

2.1.2. Vai trò của tiếp cận mô hình hệ sinh thái có ứng dụng kỹ thuật số trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non

Các ứng dụng kỹ thuật số mở ra kho tàng tài nguyên phong phú, đa dạng về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Những thông tin, kiến thức về trẻ độ tuổi mầm non như: chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn, video, ảnh, trò chơi, câu chuyện... là cơ sở giúp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của trẻ. Giúp trẻ hứng thú hoạt động, tích cực khám phá thế giới và có được một số kỹ năng sống an toàn với thiết bị kỹ thuật số, cải thiện khả năng tư duy logic, tăng cường khả năng tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề.

Các ứng dụng kỹ thuật số giúp đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên được nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, chỉ đạo và tổ chức hoạt động giảng dạy từ việc lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện, tìm kiếm thông tin, tương tác với cha mẹ trẻ, tạo ra cộng đồng mầm non chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm giữa các bậc cha mẹ và giáo viên ở các địa phương. Trong đó, nhiều thông tin, dữ liệu liên quan đến trẻ được dùng chung, giảm thiểu được thời gian và công sức. Bên cạnh việc cung cấp nguồn tài nguyên học tập đa dạng, các ứng dụng kỹ thuật số còn mang đến cho cha mẹ trẻ và cộng đồng cơ hội tham gia các diễn đàn tương tác trực tuyến (tìm kiếm hướng dẫn từ chuyên gia về vấn đề dinh dưỡng, tâm lý...); giúp cha mẹ trẻ được nâng cao kỹ năng làm cha mẹ, được trao đổi, hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ tại gia đình; giúp cộng đồng được kết nối, phát triển GDMN địa phương. Mỗi diễn đàn/địa chỉ/đường link cụ thể cũng có thể tạo thành một hệ sinh thái thành phần và cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội có thể chia sẻ, thảo luận phát triển GDMN địa phương, nhà trường nói chung, trẻ mầm non nói riêng và diễn ra ở mọi lúc, mọi nơi trong và ngoài trường mầm non [3], [4].

2.1.3. Thực tiễn ứng dụng kỹ thuật số trong giáo dục mầm non

Nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia có nền GDMN phát triển như Mỹ, New Zealand, Thụy Điển, Trung Quốc, Nhật Bản, Singapore về ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái trong GDMN cho thấy: kỹ thuật số được sử dụng như là phương tiện tương tác thông minh và công cụ giao tiếp, cộng tác, tham gia, thích ứng văn hóa xã hội. Tuy nhiên, đối với trẻ mầm non các độ tuổi khác nhau thì có sự giám sát và giới hạn tiếp xúc khác nhau với ứng dụng kỹ thuật số nhằm đảm bảo sự an toàn cho trẻ. Chính sách của các quốc gia này đều đã và đang chuẩn bị những điều kiện phù hợp để thiết lập một hệ thống giáo dục sẵn sàng có thể sử dụng các công cụ kỹ thuật số phục vụ mục tiêu phát triển GDMN và định hướng phát triển kinh tế, xã hội theo nhiều mô hình khác nhau [1].

Kết quả khảo sát thực tiễn tại Bắc Ninh, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh trong năm học 2021-2022 cho thấy nhu cầu ứng dụng kỹ thuật số để tương tác, trao

đổi, chia sẻ thông tin liên quan đến trẻ độ tuổi mầm non tại các địa phương rất cao từ đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non đến cha mẹ trẻ và cộng đồng địa phương. Việc ứng dụng kỹ thuật số trong GDMN cần nhận được sự quan tâm hơn của nhiều ngành: Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội, Hội phụ nữ và cha mẹ trẻ... để tạo nên khối thống nhất phát triển bền vững và lấy trẻ làm trung tâm [1].

2.2. Biện pháp nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái có ứng dụng kỹ thuật số

2.2.1. Hoàn thiện cơ chế chính sách, tạo thuận lợi cho việc tiếp cận mô hình hệ sinh thái có ứng dụng kỹ thuật số

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách từ trung ương về tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin theo cách tiếp cận đón đầu công nghệ, ứng dụng tiên bộ trong quá trình dạy và học để nâng cao chất lượng. Thiết lập mạng lưới giáo dục mở theo hướng đa chiều. Chuyển đổi tiếp cận hệ sinh thái đảm bảo nâng cao chất lượng GDMN trong bối cảnh mới căn cứ theo quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 về phê duyệt “chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với tầm nhìn “Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp”; Quyết định 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 – 2025, định hướng đến năm 2030” mục tiêu đến năm 2030 đưa tất cả thành tố của hệ thống giáo dục quốc dân vào môi trường số.

Các địa phương dựa trên cơ sở chủ trương, chính sách ở cấp trung ương, phát triển, mở rộng, hiện thực hóa chính sách chung vào bối cảnh cụ thể của địa phương để làm cho các chính sách đó có tính thực thi và hiệu quả. Chuyển đổi số trong quản lý, chỉ đạo nhằm tạo ra những hệ thống cơ sở dữ liệu lớn về GDMN kết nối, liên thông và chuyển đổi số trong tổ chức hoạt động giáo dục, kiểm tra, đánh giá bằng việc số hóa học liệu (tài liệu điện tử, bài giảng điện tử, kho bài giảng e-learning, các hoạt động tương tác với cha mẹ của trẻ, cộng đồng, với trẻ MN và những người đọc có sự quan tâm), thư viện số, triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến...; chuyển đổi toàn bộ cách thức, phương pháp tương tác trên không gian số, khai thác thông tin để vận dụng và công tác quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao. Quan tâm, quy định danh mục các thông tin cần được nhập liệu; chính sách liên quan đến học liệu như sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả; quy định khai thác cơ sở dữ liệu, kho học liệu số; quy định liên

quan đến chất lượng việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ an toàn; bảo mật thông tin cá nhân, cộng đồng tham gia các hoạt động tương tác trong môi trường số; có hệ thống các công cụ hỗ trợ, giám sát, quản lý và đảm bảo chất lượng GDMN để đảm bảo tính giá trị...

2.2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái

Trước tiên, cần đảm bảo các cơ sở giáo dục mầm non có đủ cơ sở hạ tầng liên quan ứng dụng kỹ thuật số, bao gồm thiết bị điện tử (máy tính, máy chiếu), kết nối internet ổn định và phần mềm giáo dục phù hợp, bao gồm cả phần cứng và các ứng dụng phần mềm, các nền tảng công nghệ để mọi hoạt động giáo dục và quản lý diễn ra phù hợp.

Nếu ứng dụng kỹ thuật số chủ yếu đề cập đến những chương trình, phần mềm riêng lẻ, tách biệt, thì ứng dụng kỹ thuật số hướng tới chuyển đổi số yêu cầu tất cả những thứ riêng lẻ này phải tương thích và kết nối với nhau, tích hợp trên cùng một nền tảng số. Nền tảng số này cho phép các hoạt động quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ, kiểm tra, đánh giá, tương tác với cha mẹ và cộng đồng, cũng như toàn bộ việc tương tác, phối hợp trong và ngoài ngành học, giữa người học với giáo viên và nhà trường cùng diễn ra.

Để thực hiện hiệu quả việc đó, nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông, cơ sở vật chất cơ bản phải được trang bị đồng bộ để đảm bảo việc quản lý, ứng dụng kỹ thuật số có thể được thực hiện một cách bình đẳng giữa các địa phương, nhà trường có điều kiện hoàn cảnh kinh tế khác nhau; đảm bảo môi trường mạng thông suốt, ổn định, an toàn thông tin. Thực hiện việc này cần huy động được các nguồn lực xã hội, chung tay hỗ trợ trang thiết bị và tham gia cung cấp các hệ thống, giải pháp đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Theo đó, các cơ quan lý nhà nước về giáo dục và đào tạo (Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo), các cơ sở GDMN cần từng bước có lộ trình hoàn thiện, nâng cấp, đồng bộ cơ sở hạ tầng mạnh, thiết bị công nghệ thông tin-truyền thông phục vụ hoạt động quản lý và vận dụng vào chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống học liệu số, học liệu mở dùng chung toàn ngành, liên kết với quốc tế, đáp ứng nhu cầu tự bồi dưỡng, tự học của người học. Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học có ứng dụng công nghệ thông tin số để làm tăng hiệu quả của quá trình giáo dục thông qua kết nối internet băng thông rộng cho các cơ sở GDMN; hoàn thiện cơ sở hạ tầng mạng đồng bộ, thiết bị thiết thực phục vụ cho công tác quản lý và công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; tạo cơ hội học tập bình đẳng cho mọi trẻ, mọi cá nhân tham gia hệ sinh thái. Tùy từng điều kiện cụ thể của địa phương mà ưu tiên hình thức dịch vụ và

huy động các lực lượng giáo dục cùng tham gia. Xây dựng bộ tiêu chí, chỉ số đánh giá để thúc đẩy chuyển đổi số ở trong và ngoài cơ sở GDMN; đồng thời, chỉ ra điểm mạnh cần phát huy, điểm hạn chế cần khắc phục và cung cấp thông tin hỗ trợ các cơ sở GDMN có giải pháp phù hợp; tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, có sự kết nối, liên thông, chia sẻ dữ liệu từ trung ương đến địa phương, nhà trường và đồng bộ với các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác góp phần hình thành cơ sở dữ liệu mở quốc gia; số hóa triệt để sử dụng văn bản điện tử, sổ liên lạc điện tử thay thế văn bản, tài liệu giấy; hoạt động chỉ đạo, điều hành, họp, tập huấn được thực hiện trên cơ sở phát huy tối ưu thế mạnh của công nghệ số. Toàn bộ dữ liệu về yếu tố đầu vào, quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ và yếu tố đầu ra cần phải số hóa để thực hiện quy trình quản lý trẻ và thực hiện đánh giá quá trình cũng như kết quả giáo dục; xây dựng các hệ thống thu thập thông tin, đưa ra các dự báo, dự đoán và tạo ra các ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng trong hệ sinh thái; thúc đẩy phát triển học liệu số đáp ứng nhu cầu của trẻ; có mạng GDMN với sự kiểm soát và định hướng thống nhất, tạo sự kết nối, chia sẻ giữa cơ quan quản lý, chính quyền địa phương, nhà trường và cha mẹ của trẻ; phát triển các khóa học trực tuyến mở; triển khai hệ thống học tập trực tuyến dùng chung phục vụ công tác bồi dưỡng cán bộ quản lý và giáo viên mầm non.

2.2.3. Đào tạo giáo viên về công nghệ và ứng dụng kỹ thuật số

Con người là chủ thể của mọi quá trình chuyển đổi bất cứ mô hình nào. Vì vậy, để có được sự thành công trong ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận hệ sinh thái cần tăng cường nhận thức, kỹ năng của đội ngũ theo cách tiếp cận hệ sinh thái trước hết là kỹ năng sử dụng thiết bị kỹ thuật số, kỹ năng khai thác, sử dụng hiệu quả các ứng dụng phục vụ công việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. Các kỹ năng đó không chỉ giúp đội ngũ có thêm công cụ để học tập, tự bồi dưỡng chuyên môn (tự tìm kiếm, khai thác và ứng dụng thông tin trên môi trường số ở trong và ngoài nước...) mà còn nâng cao hiệu quả của công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Cần có lộ trình cung cấp chương trình đào tạo liên quan đến công nghệ và ứng dụng kỹ thuật số cho cán bộ quản lý, giáo viên. Đảm bảo rằng họ có đủ kiến thức và kỹ năng để sử dụng công nghệ một cách hiệu quả theo tiếp cận hệ sinh thái.

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên phải được tiếp cận kiến thức và kỹ năng để ứng dụng kỹ thuật số hiệu quả. Trong đó, lựa chọn ứng dụng phù hợp cho nhà trường; giáo viên phải lựa chọn ứng dụng kỹ thuật số phù hợp cho lớp học, quan sát kỹ lưỡng việc sử dụng tài liệu để xác định các cơ hội, đưa ra điều chỉnh phù hợp, sẵn sàng tìm hiểu và làm quen với các ứng dụng kỹ thuật số mới và truyền tải phù hợp đến trẻ, cân

nhắc nguồn lực và chi phí, bao gồm chi phí ban đầu, chi phí cập nhật và nâng cấp phần cứng và phần mềm...; cần chú ý đến vấn đề sức khỏe và sự phát triển của trẻ liên quan đến các ứng dụng kỹ thuật số: sức khỏe của mắt, sự tiếp xúc với trường điện từ và bức xạ từ điện thoại di động, thời gian sử dụng thiết bị hoặc bất kỳ tác động có hại khác...:

- (1) Lập kế hoạch và triển khai hoạt động với ứng dụng kỹ thuật số;
- (2) Đảm bảo rằng ứng dụng kỹ thuật số mang đến môi trường học tập đa dạng cho trẻ.
- (3) Đánh giá phần mềm phù hợp với phong cách học tập đa dạng của trẻ trai/gái, của trẻ đặc biệt.
- (4) Khuyến khích trẻ hợp tác với nhau và qua ứng dụng kỹ thuật số;
- (5) Lựa chọn các phần mềm thúc đẩy các giá trị xã hội tích cực như tôn trọng, yêu thương..;
- (6) Trao đổi với cha mẹ trẻ để giúp trẻ mở rộng kiến thức trong việc ứng dụng kỹ thuật số ở nhà, ở trường, cộng đồng.

2.2.4. Phát triển các nội dung ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái phù hợp với điều kiện thực tiễn

Trước khi phát triển các nội dung về ứng dụng kỹ thuật số khác nhau cần phải tìm hiểu về nhu cầu, điều kiện ứng dụng của mỗi cơ sở GDMN hoặc địa phương như: tìm hiểu về hạ tầng công nghệ có sẵn, tình hình dạy và học, nhu cầu và đặc điểm của trẻ, cha mẹ trẻ và cộng đồng cũng như những nguồn tài nguyên sẵn có. Xác định rõ mục tiêu và những kỹ năng hướng đến. Các mục tiêu này cần phù hợp với giai đoạn phát triển của trẻ và với mục tiêu giáo dục của cơ sở. Từ đó, tìm kiếm nguồn tài nguyên phù hợp và số hóa chúng: bài giảng, hình ảnh, âm thanh, ứng dụng giáo dục, trò chơi học tập, hình ảnh minh họa,... Các nguồn tài nguyên này có thể đến từ chính cha mẹ trẻ và cộng đồng địa phương và được điều chỉnh phù hợp.

Bên cạnh đó, cần có sự kiểm tra, giám sát và đảm bảo nội dung hoạt động phù hợp với mục tiêu đề ra. Giáo viên và cha mẹ trẻ được hướng dẫn sử dụng hiệu quả và an toàn. Các nội dung luôn được cập nhật, thay đổi về các chủ đề, với cách thể hiện khác nhau đáp ứng các yêu cầu mới để người sử dụng (giáo viên, cha mẹ trẻ, cộng đồng địa phương) có thể có thể truy cập, tìm kiếm nguồn thông tin một cách dễ dàng, đáp ứng mục tiêu và nhu cầu cho nhiều đối tượng khác nhau (giáo viên, cha mẹ, cộng đồng) không phụ thuộc vào số lượng, thời gian và vị trí địa lý của người tham gia.

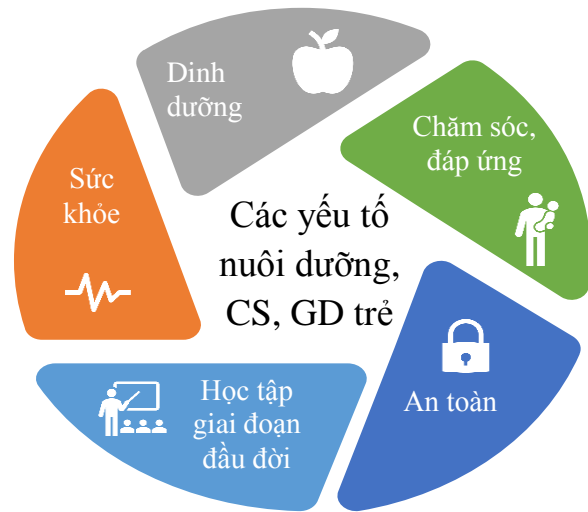
2.2.5. Khuyến khích sự tương tác đa ngành trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái có ứng dụng kỹ thuật số

Trước tiên cần cần truyền thông, nâng cao nhận thức của đội ngũ GDMN, cha mẹ trẻ và cộng đồng địa phương về xây dựng hệ sinh thái GDMN có ứng dụng kỹ thuật số và trách nhiệm đối với thế hệ trẻ. Mỗi nhà trường, địa phương đều có thể hợp lực hoạt động như một hệ sinh thái an toàn trước hết là giúp trẻ phát triển và giúp mọi người

cùng phát triển. Sau đó, xây dựng mạng lưới kết nối các lực lượng giáo dục chính là xu hướng, cách thức để phát triển GDMN trong tương lai, dựa trên khung phát triển toàn diện của trẻ em.

Bản chất của kết nối này là sự kết hợp giữa GDMN với các ban ngành và cha mẹ trẻ có con ở độ tuổi mầm non dựa trên chức năng, nhiệm vụ đã được pháp luật quy định. Các lực lượng giáo dục được xác định là có chung đối tượng là trẻ em độ tuổi mầm non gồm: các cơ sở GDMN, Hội Phụ nữ, Y tế, Lao động, Thương binh và Xã hội, cha mẹ trẻ...

Việc kết nối này nếu nhìn từ góc độ GDMN thì là một quá trình đa chiều, tùy theo những điều kiện cụ thể.



Hình 1. Khung phát triển toàn diện của trẻ em (2017 Ngân hàng Tài thiết và Phát triển Quốc tế / Ngân hàng Thế giới).

- *Chiều thứ nhất:* GDMN tại địa phương là “chủ thể” đề xuất nhu cầu, tham mưu với chính quyền địa phương để chỉ đạo, triển khai kết nối các lực lượng giáo dục trẻ tại địa phương, huy động nguồn lực, tạo ra sức mạnh tổng hợp hỗ trợ cho cơ sở GDMN. Dựa trên chủ trương của địa phương, cán bộ quản lý cơ sở GDMN tổ chức, chủ động trao đổi, khuyến khích sự tham gia của các lực lượng xã hội, các đơn vị truyền thông tại địa phương, xây dựng các mối quan hệ trong cơ chế hoạt động thống nhất theo chương trình, kế hoạch chung; là trung tâm thông tin, tư vấn hoạt động kết nối và phân công trách nhiệm cụ thể dựa trên nhu cầu thiết thực về phát triển GDMN. Kêu gọi sự hỗ trợ từ chính quyền địa phương, tổ chức chính trị xã hội phối hợp đảm bảo thực hiện kế hoạch phát triển GDMN địa phương.

- *Chiều thứ hai:* GDMN tại địa phương là “khách thể” trong mối quan hệ kết nối, chủ động và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động có liên quan đến tuyên truyền và giáo dục của các ngành khác nhau. Ví dụ: Kết nối với trạm Y tế địa phương tạo các nhóm zalo, facebook... xây dựng quy trình tổ chức chăm sóc trẻ an toàn ở cơ sở GDMN qua video, các bản thông điệp phổ biến kiến thức và kỹ năng ứng dụng kỹ thuật số để hướng dẫn phòng, chống dịch bệnh...; Kết nối với cha mẹ trẻ xây dựng môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện cho trẻ, qua các ứng dụng phổ biến thông tin lên các đề thông qua các buổi tọa đàm hội thảo, trao đổi qua trang web...; Kết nối với Hội Phụ nữ tạo các diễn đàn để tuyên truyền nâng cao nhận thức và năng lực của phụ nữ để họ tham gia tích cực vào tổ chức, quản lý thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đưa trẻ trong độ tuổi ra lớp; phụ nữ tuyên truyền đề trang bị cho hội viên những kiến thức nuôi dạy con theo khoa học...

2.2.6. Hỗ trợ, giám sát và đánh giá ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái

Đối chiếu với kế hoạch đã có, liên tục theo dõi những tiến bộ trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của nhà trường và địa phương; cập nhật nội dung giáo dục để đảm bảo rằng chất lượng GDMN luôn được nâng cao. Giám sát việc thực hiện mục tiêu, nội dung, hình thức kết nối giữa chính quyền và tổ chức ở cơ sở về chủ trương, quan điểm, phương pháp tiếp cận. Tạo điều kiện giao tiếp và quan hệ bền chặt giữa nhà trường và cộng đồng trong việc thiết kế và thực hiện các sáng kiến, bồi dưỡng đội ngũ nhận biết và thực hiện quy trình phát hiện, hỗ trợ và can thiệp kịp thời đối với trẻ suy dinh dưỡng, trẻ có dấu hiệu đặc biệt để có hỗ trợ kịp thời giúp trẻ phát triển toàn diện. Có sự hỗ trợ về chuyên môn và công nghệ thông tin, trao quyền phù hợp, linh hoạt để giáo viên thực hiện các hoạt động giáo dục có chất lượng tùy theo bối cảnh cụ thể.

Chủ động, linh hoạt kết nối với từng lực lượng giáo dục trong kiểm tra, giám sát hiệu quả nhằm thúc đẩy, tạo sự chuyên biến trong nhận thức và hành động của mọi lực lượng tại địa phương cho một hệ sinh thái GDMN bền vững.

3. Kết luận

Nhu cầu ứng dụng kỹ thuật số trong mọi lĩnh vực của cuộc sống ngày càng cao và tỉ lệ thuận với sự biến đổi của chúng. Các ứng dụng kỹ thuật số có vai trò quan trọng và được xem như là một phương tiện tổ chức, quản lý, chỉ đạo, giúp giáo viên, cha mẹ trẻ, cộng đồng xã hội có cơ hội được tương tác, nâng cao kiến thức, kỹ năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giúp trẻ hứng thú hơn trong mọi hoạt động. Mô hình tiếp cận hệ sinh thái có ứng dụng kỹ thuật số xuất phát từ tự nhiên với sự tham gia của mọi lực lượng giáo dục giúp trẻ mầm non phát triển. Để mô hình này hoạt động phù hợp thì các yêu cầu về chính sách, cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, đội ngũ... phải phù hợp và luôn có sự cộng tác chặt chẽ giữa nhà trường, giáo viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng xã hội./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Nga và cộng sự (2023), Đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ cấp Bộ “Nghiên cứu giải pháp ứng dụng kỹ thuật số theo tiếp cận mô hình hệ sinh thái vào chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở giáo dục mầm non tại khu công nghiệp, khu chế xuất”. Mã số B2021 – VKG – 02
2. Nguyễn Thị Mỹ Trinh, đề tài nghiên cứu Khoa học và công nghệ cấp Viện “Nghiên cứu xu hướng thế giới về giáo dục cho trẻ mầm non làm quen với công nghệ. Mã số V2022-03.
3. UNESCO Digital Kids Asia-Pacific Insights into Children’s Digital Citizenship, 2019
4. UNICEF, Technology for Development Report Information communication and technology division Realizing education for all in the digital age, 2019 Asian Development Bank Institute.

ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MONTESSORI TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nhóm tác giả

TS. Nguyễn Thị Thanh

ThS. Nguyễn Văn Duy

ThS. Nguyễn Thị Loan

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Phương pháp giáo dục Montessori (science, technology, engineering, arts, and mathematics) nổi lên như một xu thế, một cách tiếp cận thích hợp để có thể giải quyết nhu cầu, thách thức của thế kỷ 21 đề ra đối với nguồn nhân lực trong tương lai. Việc áp dụng phương pháp giáo dục này trong giáo dục mầm non được đánh giá là một hướng đi mới đem lại hiệu quả, giúp trẻ mầm non phát triển kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, tư duy phản biện, sáng tạo và giải quyết vấn đề. Nghiên cứu này tập trung vào thực trạng ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội thông qua điều tra bằng bảng hỏi với tổng cộng 500 người tham gia nghiên cứu gồm 200 giáo viên mầm non, 100 cán bộ quản lý và 200 phụ huynh. Nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori hiệu quả tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ khóa: Montessori, cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phụ huynh, thành phố Hà Nội.

1. Mở đầu

Phương pháp giáo dục Montessori là một phương pháp sư phạm giáo dục trẻ em dựa trên nghiên cứu và kinh nghiệm của bác sĩ, nhà giáo dục người Ý - Maria Montessori (1870 - 1952). Đây là phương pháp với tiến trình giáo dục đặc biệt dựa vào việc học qua cảm giác. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, khuyến khích để trẻ khám phá và tự phát triển. Kết quả học tập của trẻ được dựa trên những ghi chép hàng ngày của giáo viên. Những tiêu chuẩn như: thái độ, hành vi, kiến thức và quan trọng hơn cả là trẻ cảm thấy hạnh phúc khi đến trường, trẻ trưởng thành trong cuộc sống.

Phương châm của phương pháp giáo dục Montessori là học thông qua thực hành. Trẻ hình thành kỹ năng xã hội từ rất sớm. Trẻ có khả năng cư xử và suy nghĩ một cách độc lập. Trẻ biết làm rất nhiều công việc từ rất sớm theo cách tìm hiểu và nhận thức của riêng mình. Trẻ được học và thực hành hầu hết các kỹ năng của đời sống hàng ngày như vệ sinh cá nhân, dọn dẹp, giúp đỡ bố mẹ trong các công việc khác. Trẻ được tự khám phá qua đó tự chơi, tự học và tự định hình về thế giới. Trẻ được rèn luyện tính quy củ, gọn gàng ngăn nắp, thực hành trong khuôn khổ tự do thoải mái, gần gũi với thiên nhiên, yêu thiên nhiên, cảm nhận được cái đẹp, biết tạo ra cái đẹp trong cuộc sống hàng ngày. Qua đó, phát triển hình thành tính cách hiền hòa, nhân ái và tự chủ.

Hiện nay, phương pháp giáo dục Montessori đang được áp dụng rộng rãi trong chương trình giảng dạy cho trẻ từ 0 - 6 tuổi tại các trường học của Mỹ, Anh,

Pháp, Hà Lan, Canada, Úc, Nhật Bản, Trung Quốc, New Zealand... Có khoảng hơn 5.000 trường mầm non tại Mỹ, Canada, Hàn Quốc, Ấn Độ... áp dụng thành công phương pháp này vào trong chăm sóc - giáo dục trẻ mầm non trong hơn 100 năm qua. Ở Việt Nam, có nhiều cơ sở giáo dục mầm non đã ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Mỗi trường mầm non khi ứng dụng phương pháp này vào tổ chức hoạt động chăm sóc - giáo dục cho trẻ cần có những nghiên cứu về môi trường, cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên, phương tiện, giáo cụ... để ứng dụng một cách hiệu quả nhất.

Mục tiêu của chương trình giáo dục mầm non nhằm hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học ở tiểu học và cho sự phát triển của trẻ trong các giai đoạn sau.

Giáo viên mầm non, người đóng vai trò to lớn tạo nên sự thành công, hay thất bại của một phương thức giáo dục khi đưa vào nhà trường cần phải có nhận thức sáng rõ và thấu đáo về phương thức giáo dục khi áp dụng trên trẻ [1], [2], [7]. Bởi việc áp dụng phương pháp giáo dục Montessori trong mầm non đòi hỏi sự đổi mới trong cách thức tổ chức, cũng như sự đầu tư vào đào tạo và nâng cao năng lực của giáo viên [5], [8], [9]. Với những lợi ích to lớn mà phương pháp giáo dục Montessori mang lại cho sự phát triển của trẻ em, cần có sự chung tay của cán bộ quản lý, các bậc phụ huynh cùng tham gia vào quá trình giáo dục để đạt được hiệu quả tốt nhất.

Tại Việt Nam, phương pháp giáo dục Montessori cho trẻ mầm non đã có ít nhiều nghiên cứu [2] và được nhiều trường mầm non tại các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai và áp dụng khá rộng rãi nhưng việc ứng dụng ra sao lại chưa có sự nhất quán tại các trường [10]. Trên địa bàn thành phố Hà Nội, số trường mầm non triển khai ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm mục đích khảo sát việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội. Chúng tôi khảo sát thực trạng trên đối tượng là giáo viên mầm non, cán bộ quản lý, phụ huynh có con đang học ở độ tuổi mầm non để có một bức tranh tổng quát về thực trạng và nghiên cứu giải pháp cụ thể ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội. Những phát hiện của nghiên cứu này sẽ cung cấp những hiểu biết và khuyến nghị có giá trị cho các nhà giáo dục, các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan khác, những người quan tâm đến việc thúc đẩy phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Để tìm hiểu thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh có con đang theo học tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhóm nghiên cứu đã sử dụng công cụ là phiếu khảo sát ý kiến vào tháng 12/2022. Phiếu khảo sát ý kiến được thực hiện trên 3 nhóm đối tượng khác nhau, bao gồm: (1) Cán bộ quản lý các trường mầm non; (2) Giáo viên đang làm việc tại các trường mầm non; (3) Phụ huynh có con đang theo học tại các trường mầm non.

Cấu trúc phiếu khảo sát ý kiến được thiết kế gồm 5 nội dung chính: (1) Mức độ hiểu khái niệm phương pháp giáo dục Montessori, các góc cấu thành nên phương pháp giáo dục Montessori; (2) Nhận thức về mục tiêu, đặc trưng, độ tuổi phù hợp của hoạt động phương pháp giáo dục Montessori; (3) Nhận thức các quy trình phù hợp để tổ chức hoạt động phương pháp giáo dục Montessori; (4) Thực trạng những khó khăn trong việc áp dụng phương pháp giáo dục Montessori; (5) Đánh giá sự tự tin trong việc tổ chức thực hiện phương pháp giáo dục Montessori cho trường mầm non.

Nghiên cứu tiến hành khảo sát lấy ý kiến của 100 cán bộ quản lý (CBQL), 200 giáo viên mầm non (GV) và 200 phụ huynh (PH) có con đang học tại các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó, có 68,5% ý kiến CBQL đang công tác tại trường công lập; có 14% ý kiến CBQL đang công tác tại trường dân lập; có 7,5% ý kiến CBQL đang công tác tại trường tư thục; có 10% ý kiến CBQL đang công tác tại Nhóm trẻ; 53,8% GV làm việc tại các trường mầm non công lập, 27,2% làm việc tại các trường dân lập và 19% giáo viên làm việc tại các trường tư thục; 56,8% PH có con đang học tại các trường mầm non công lập, 28,2% có con học tại các trường dân lập và 15% có con học tại các trường tư thục.

Trong số các trường mầm non được khảo sát (trên địa bàn thành phố Hà Nội) có 10,3% đơn vị chưa áp dụng phương pháp giáo dục Montessori, 66% đơn vị đã đưa Phương pháp giáo dục Montessori vào chương trình giáo dục của nhà trường, 23,7% đơn vị dự kiến đưa phương pháp giáo dục Montessori vào chương trình giáo dục của nhà trường. Điều này cho thấy, số đông các trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội đã tiếp cận được với phương pháp giáo dục Montessori, từng bước áp dụng phương pháp giáo dục Montessori vào trong chương trình của nhà trường. Tuy nhiên, việc tổ chức các hoạt động phương pháp giáo dục Montessori mới chỉ dừng lại ở mức độ lồng ghép, tích hợp vào chương trình giáo dục mầm non hiện tại.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1 Kết quả nghiên cứu trên đối tượng cán bộ quản lý ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori

2.2.1.1. Thực trạng nhận thức của cán bộ quản lý và giáo viên về phương pháp giáo dục Montessoricho trẻ mầm non

Bảng 1: CBQL nhận thức sự phù hợp của phương pháp giáo dục Montessori ứng dụng trong giáo dục mầm non

Nội dung	Số lượng	Phần trăm	Tỉ lệ phần trăm	Phần trăm tích lũy
Nhà trẻ	1	1.0	1.0	1.0
Mẫu giáo bé	1	1.0	1.0	2.1
Mẫu giáo nhỡ	3	3.1	3.1	5.2
Mẫu giáo lớn	6	6.3	6.3	11.5
Cả 4 phương án trên	85	88.5	88.5	100.0
Tổng cộng	96	100.0	100.0	

Nhìn vào bảng số liệu bảng 1 cho thấy có 88,5% ý kiến CBQL cho rằng phương pháp giáo dục Montessori phù hợp với tất cả các độ tuổi: Nhà trẻ; Mẫu giáo bé; Mẫu giáo nhỡ; Mẫu giáo lớn. Như vậy, chúng ta có thể thấy ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori cho trẻ mầm non sẽ giúp trẻ tập trung vào việc tạo ra môi trường học tập và phát triển cho trẻ em, giúp trẻ tự do khám phá và học tập theo cách của riêng mình. Điều này giúp trẻ trở nên độc lập và tự tin hơn, đồng thời khuyến khích tinh thần sáng tạo và tò mò ở trẻ.

2.2.1.2. Thực trạng CBQL tham gia tập huấn về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori

Khi chúng tôi hỏi Thầy/Cô đã tham gia tập huấn về phương pháp giáo dục Montessori, có 50,5% ý kiến CBQL cho rằng đã qua các lớp tập huấn của quận (Quận/Huyện) tổ chức nhưng chưa hiểu rõ; 21,1% ý kiến CBQL cho rằng đã học qua các lớp tập huấn và đủ tự tin tổ chức các hoạt động Montessori; 17.9% ý kiến CBQL cho rằng đã học qua các lớp tập huấn ở bên ngoài nhưng vẫn chưa hiểu rõ, 9.5% ý kiến CBQL cho rằng chưa qua tập huấn. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng đa số ý kiến của CBQL cho rằng họ chưa được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến kiến thức chuyên môn về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non. Do đó, việc ứng dụng phương pháp này ở các cơ sở giáo dục mầm non chưa được triển khai rộng rãi.

2.2.2. *Kết quả nghiên cứu trên đối tượng giáo viên mầm non về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori*

2.2.2.1. Thực trạng giáo viên nhận thức về ý nghĩa của phương pháp giáo dục Montessori ứng dụng trong giáo dục mầm non

Khi chúng tôi hỏi quan điểm của giáo viên về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong chương trình của nhà trường, nơi Quý Thầy/Cô đang công tác chưa? Ý kiến của giáo viên trả lời như sau:

Bảng 2: Quan điểm của giáo viên ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong chương trình của nhà trường

Nội dung	Số lượng	Phần trăm	Tỉ lệ phần trăm	Phần trăm tích lũy
Chưa đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường	41	20.5	20.6	20.6
Đã đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường	135	67.5	67.8	88.4
Dự kiến sẽ đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường	23	11.5	11.6	100.0
Tổng cộng	199	99.5	100.0	

Nhìn vào bảng số liệu 2 cho thấy có 20,6% ý kiến giáo viên cho rằng, chưa đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường; 67,8% ý kiến giáo viên cho rằng đã đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường; 11,6% ý kiến giáo viên cho rằng, dự kiến sẽ đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường. Như vậy, chúng ta có thể thấy rằng đa số ý kiến của giáo viên cho rằng họ đã đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường nhưng chưa hiểu rõ về cách ứng dụng, triển khai phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non. Do đó, cần có sự quan tâm, hỗ trợ giáo viên khi ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong giáo dục mầm non.

2.2.2.2. Kết quả khảo sát quan điểm của giáo viên về mục tiêu của hoạt động giáo dục Montessori cho trẻ mầm non.

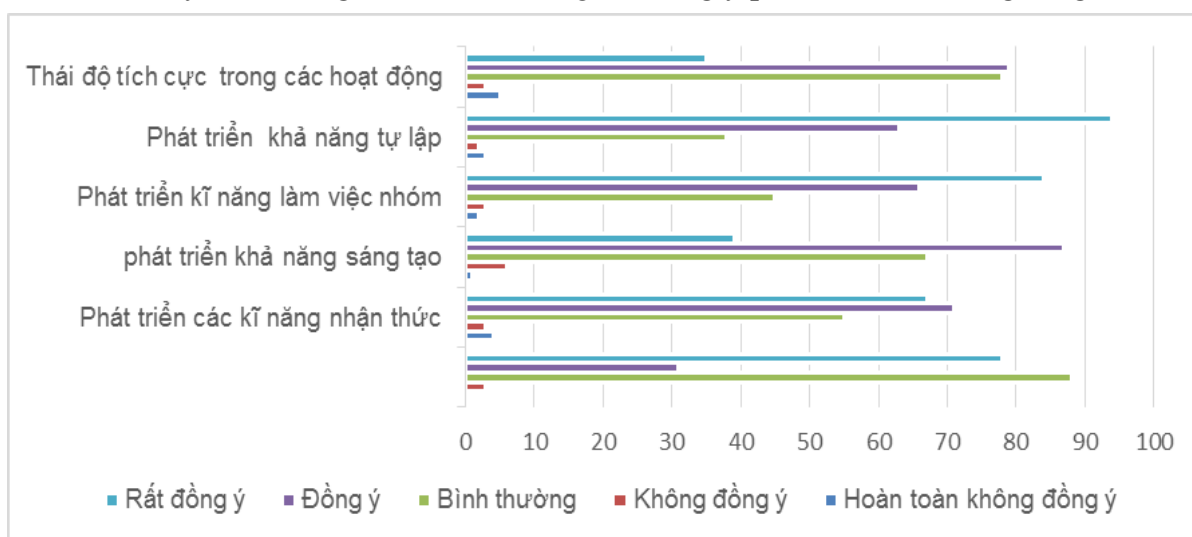
Kết quả khảo sát thực trạng quan điểm của giáo viên về mục tiêu của hoạt động giáo dục Montessori cho trẻ mầm non kết quả như sau:

Bảng 3: Ý kiến của Giáo viên về mục tiêu của hoạt động giáo dục Montessori cho trẻ mầm non

Nội dung	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Bình thường	Đồng ý	Rất đồng ý
Cung cấp kiến thức tổng hợp về cuộc sống xung quanh trẻ	0	1,5%	44%	15,5%	39%
Phát triển các kỹ năng nhận thức	2%	1,5%	27,5%	35,5%	33,5%
Phát triển khả năng sáng tạo	0,5%	3%	33,5%	43,5%	19,5%
Phát triển kỹ năng làm việc nhóm	2%	1,5%	22,5%	33%	42%
Phát triển khả năng tự lập	1,5%	1%	19%	31,5%	47%
Thái độ tích cực trong các hoạt động	2,5%	1,5%	39%	39,5%	17,5%

Nhìn vào bảng số liệu trên chúng ta thấy có 39% ý kiến của giáo viên cho rằng rất đồng ý việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Hà Nội là cung cấp kiến thức tổng hợp về cuộc sống xung

quanh trẻ. 33,5 % ý kiến của giáo viên cho rằng rất đồng ý phát triển các kỹ năng nhận thức; 19,5% ý kiến của giáo viên cho rằng rất đồng ý phát triển khả năng sáng tạo...

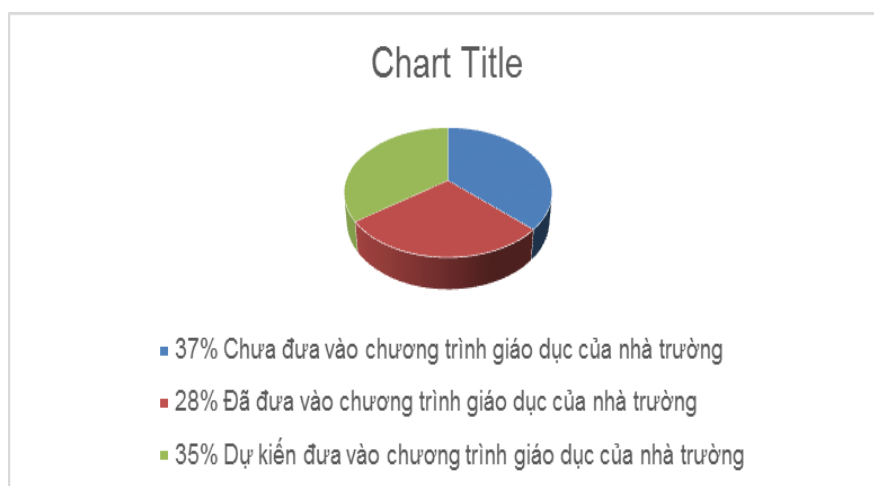


Biểu đồ 1: Ý kiến của giáo viên về mục tiêu của hoạt động giáo dục Montessori cho trẻ mầm non

Nhìn vào biểu đồ trên đa số ý kiến của giáo viên rất đồng ý việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Hà Nội. Mục tiêu của hoạt động giáo dục Montessori là phát triển tính tự lập cho trẻ mầm non.

2.2.2.3. Kết quả khảo sát về thực trạng áp dụng phương pháp giáo dục Montessori trong chương trình của Nhà trường

Chúng tôi tiến hành khảo sát thực trạng ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Hà Nội. 37% ý kiến của giáo viên chưa đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường; 28% ý kiến đã đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường; 35% ý kiến dự kiến đưa vào chương trình giáo dục của nhà trường.



Biểu đồ 2: Thực trạng áp dụng phương pháp giáo dục Montessori trong chương trình của Nhà trường

2.2.2.4. Thực trạng giáo viên tham gia tập huấn về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori

Chúng tôi khảo sát 200 ý kiến của giáo viên xem họ đã tham gia tập huấn và hiểu về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn Hà Nội chưa? Ý kiến của giáo viên trả lời như sau: 23% ý kiến của giáo viên cho rằng chưa qua tập huấn; 18% ý kiến của giáo viên cho rằng đã học qua các lớp tập huấn ở bên ngoài nhưng vẫn chưa hiểu rõ; 31% ý kiến của giáo viên cho rằng đã học qua các lớp tập huấn của quận (huyện, tỉnh) nhưng chưa hiểu rõ; 28% ý kiến của giáo viên cho rằng đã học qua các lớp tập huấn và đủ tự tin tổ chức các hoạt động Montessori.



Biểu đồ 3: Thực trạng tập huấn và hiểu về giáo dục Montessori

3. Đề xuất giải pháp ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát thực trạng công tác quản lý và nhận thức đội ngũ cán bộ, giáo viên ứng dụng Phương pháp giáo dục Montessori, nhóm nghiên cứu xin đề xuất một số giải pháp để nâng cao hiệu quả ứng dụng Phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Giải pháp 1: Xây dựng cơ chế, chính sách ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Cần có cơ chế, chính sách, hàng lang pháp lý về: quy định ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori; chính sách ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội để các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội có căn cứ để xây dựng chiến lược phát triển

Nhà trường, mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, giáo cụ; đồ chơi; tập huấn đội ngũ cán bộ, giáo viên ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori.

Giải pháp 2: Phát triển nguồn nhân lực trong ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ngoài trình độ đào tạo chuyên môn về sư phạm giáo dục mầm non, giáo viên mầm non cần có đủ điều kiện về kiến thức, kỹ năng để thực hiện chương trình giáo dục mầm non hiện hành, nhưng để triển khai áp dụng phương pháp giáo dục Montessori vào chương trình giáo dục mầm non thì bắt buộc các cô giáo phải được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giáo dục Montessori để đảm bảo các điều kiện sau:

- Về kiến thức: Giáo viên mầm non cần được bồi dưỡng để có kiến thức đầy đủ, đúng đắn về phương pháp giáo dục Montessori, các đặc trưng cơ bản của phương pháp giáo dục Montessori và các kỹ năng của phương pháp này, điểm khác biệt giữa giáo dục theo phương pháp giáo dục Montessori, thấy được sự kết nối, sự tích hợp cũng như những trải nghiệm có tính hệ thống, gắn kết với cuộc sống của những bài học thực tế. Từ những kiến thức đó, giáo viên có khả năng vận dụng phương pháp giáo dục Montessori vào thực hiện chương trình giáo dục mầm non hiện hành, thiết kế, lập kế hoạch và tổ chức các phương pháp giáo dục Montessori, các dự án học tập, các chủ đề giáo dục trong chương trình tại lớp, tại trường. Điều quan trọng nhất là qua các khóa bồi dưỡng, đào tạo về phương pháp giáo dục Montessori, giáo viên thấy giá trị của phương pháp giáo dục Montessori đối với sự phát triển của trẻ, với gia đình trẻ, với cộng đồng xã hội, điều đó sẽ tạo động lực cho giáo viên trong công việc của mình.

- Về kỹ năng: Giáo viên mầm non cần được đào tạo, bồi dưỡng về phương pháp giáo dục Montessori để có kỹ năng lựa chọn các nội dung từ chương trình giáo dục mầm non, thiết kế các hoạt động, sử dụng các hình thức tổ chức phù hợp. Bên cạnh đó, họ cũng cần có kỹ năng sử dụng thành thạo các đồ dùng, giáo cụ, phương tiện thực hiện, phương pháp giáo dục Montessori, đặc biệt là kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài học, khai thác tư liệu hoặc sử dụng làm phương tiện trực quan cho một số hoạt động trải nghiệm của trẻ.

Phương pháp giáo dục Montessoridặc trưng với hình thức làm việc theo nhóm, chính hình thức hoạt động phối hợp trong nhóm với các bạn, giúp trẻ có nhiều cơ hội để phát triển kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, năng lực hợp tác và cả cơ hội để trẻ thể hiện, khẳng định bản thân khi trẻ học tập, chia sẻ cùng nhau. Với đặc điểm đặc trưng trong hình thức tổ chức phương pháp giáo dục Montessorinày, đòi hỏi giáo viên phương pháp giáo dục Montessori cũng cần có kỹ năng hướng dẫn trẻ làm việc theo nhóm, giáo viên sẽ giao nhiệm vụ theo nhóm, chia nhóm trẻ theo nhiều cách khác nhau (tổ; nhóm bạn trai, nhóm bạn gái; điểm số 1 - 2 - 3, xếp các bạn số 1 vào một nhóm, số

2 vào một nhóm, số 3 vào một nhóm; chia nhóm theo ý thích của trẻ..), quan sát và hỗ trợ trẻ khi trẻ tham gia hoạt động tại nhóm (phân chia nhiệm vụ, phối hợp với nhau, thảo luận, nêu ý kiến, thực hiện nhiệm vụ cá nhân và phối hợp cùng bạn..)

- Về thái độ: phương pháp giáo dục Montessori thường bắt đầu từ những vấn đề nảy sinh trong cuộc sống, đưa trẻ tham gia các phương pháp giáo dục Montessori sẽ có cơ hội được tìm hiểu, suy nghĩ và thử các cách thức giải quyết những vấn đề thực tiễn đó. Do vậy, giáo viên mầm non phải có thái độ tôn trọng trẻ ở mọi hoạt động, luôn lắng nghe, chia sẻ, hợp tác, giúp đỡ trẻ, khuyến khích các ý tưởng sáng tạo của trẻ, là người phản biện thông minh, hài hước.

Giải pháp 3: Xây dựng cơ sở vật chất trong ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Để có thể thực hiện được phương pháp giáo dục Montessori, giáo viên không nhất thiết phải thay đổi hoàn toàn môi trường lớp học của mình. Với những cơ sở giáo dục mầm non có điều kiện, có thể thiết kế phòng Montessori chuyên biệt với các dụng cụ hiện đại phù hợp với độ tuổi mầm non

Nội dung của chương trình Montessori được chia thành 5 lĩnh vực cụ thể ở 5 góc:



Góc Thực hành cuộc sống



Góc Cảm giác



Góc Ngôn ngữ



Góc Toán



Góc Văn hóa

Tuy nhiên, phòng Montessori chuyên biệt với các dụng cụ hiện đại phù hợp với độ tuổi mầm non cũng không phải là điều kiện tiên quyết để thực hiện các phương pháp giáo dục Montessori, bài học Montessori theo mô hình dạy học tích cực hay các chủ đề/dự án phương pháp giáo dục Montessori là quá trình tư duy, giải quyết vấn đề của trẻ, việc trẻ sử dụng những gì mình có để sáng tạo và chế tạo ra sản phẩm mới là

điểm quan trọng nhất của phương pháp giáo dục Montessori. Giáo viên có thể thiết kế góc Montessori trong lớp học mầm non.

Giải pháp 4: Xây dựng môi trường giáo dục trong ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Môi trường phương pháp giáo dục Montessori là yếu tố quan trọng, kích thích và hỗ trợ trẻ trong quá trình học tập qua trải nghiệm. Để có một môi trường tổ chức phương pháp giáo dục Montessori, cần không gian và các phương tiện phù hợp với điều kiện thực tế của lớp, của trường như: Trang thiết bị ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non; đồ dùng, học liệu ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non. Giáo viên có thể sử dụng các đồ dùng tái chế như: chai lọ, vỏ hộp, ống hút, dây buộc các loại, túi giấy... để làm nguồn nguyên vật liệu cho trẻ tham gia vào các hoạt động sáng tạo và tạo các sản phẩm, tạo môi trường với những học liệu không đắt tiền nhưng trẻ vẫn học được nhiều thứ có giá trị.



Bên cạnh đó, môi trường tâm lý kích thích trí tò mò, lòng ham hiểu biết, lôi cuốn trẻ tham gia vào hoạt động phương pháp giáo dục Montessori. Trẻ có cơ hội tham gia vào hoạt động ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori mọi lúc, mọi nơi. Điều đó, đóng góp một vai trò quan trọng trong ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Giải pháp 5: Tổ chức thực hiện trong ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội

Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội cần được tiến hành mọi lúc, mọi nơi với nhiều hình thức, cách thức, nội dung ứng dụng khác nhau:

Khi triển khai hoạt động Montessori giáo viên nghiên cứu chương trình của mỗi độ tuổi và kế hoạch giáo dục từng tháng để kết hợp vận dụng một cách linh hoạt.



Tổ chức cho cá nhân



Tổ chức cho nhóm trẻ



Tổ chức cho cả lớp

4. Kết luận

Trên cơ sở phân tích kết quả khảo sát thực trạng nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên mầm non, phụ huynh về ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội, nhóm tác giả nhận thấy: đa số các ý kiến của cán bộ quản lý, giáo viên mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có những hiểu biết nhất định về phương pháp giáo dục Montessori. Tuy nhiên, do chưa nắm được bản chất, đặc trưng cơ bản của phương pháp giáo dục Montessori cũng như các giáo viên mầm non chưa có những nhận thức rõ về các yếu tố cấu thành, những đặc trưng cơ bản tạo nên phương pháp giáo dục Montessori nên việc triển khai, tổ chức hoạt động phương pháp giáo dục Montessori còn một số khó khăn, hạn chế.

Những nghiên cứu về lý luận và thực trạng trên là cơ sở quan trọng làm căn cứ để nhóm tác giả đề xuất một số gợi ý giải pháp nhằm giúp cán bộ quản lý, giáo viên mầm non vận dụng linh hoạt và hiệu quả ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội vào công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Trong thời gian tới chắc chắn phương pháp giáo dục Montessori sẽ tiếp tục nhận được sự quan tâm lớn của toàn xã hội để mang lại những giá trị và phát huy hiệu quả hơn nữa trong quá trình phát triển chương trình và tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Hiểu Huy (Người dịch Thành Trung) (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori*, NXB Phụ nữ.
2. Ngọc Thị Thu Hằng (2014), “Giới thiệu Phương pháp giáo dục Montessori”, *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, (Số 57).
3. Lý Lợi (Chủ biên), Tuệ Văn (Dịch) (2028), *Phương pháp giáo dục Montessori - Thời kỳ nhạy cảm của trẻ*, NXB Đại học sư phạm.
4. Maria Montessori (Người dịch: Bùi Nga) (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori - Phát hiện mới về trẻ thơ*, NXB Đại học Sư phạm.
5. M. Montessori (1929), *The child in the church - Sands and Co*
6. M. Montessori (1948), *What you should know about your child - Clio Press*
7. M. Montessori (1917), *Spontaneous activity in Education - Frederick A. Stokes Company*
8. Maria Montessori (Người dịch: Lê Nhật Minh) (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori - Sức thâm thấu của tâm hồn*, NXB Đại học Sư phạm.
9. Bộ GD và ĐT (2017), *Chương trình giáo dục mầm non*, NXB Giáo dục.
10. Nguyễn Minh (Biên soạn), (2013), *Phương pháp Montessori - nghệ thuật nuôi dạy trẻ đỉnh cao*, NXB Lao động.
11. Nguyễn Thị Hồng Vân (Chủ biên), (2020), *Giáo trình phương pháp giáo dục Montessori*, Biên soạn phục vụ chương trình đào tạo ngành giáo dục mầm non theo Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục mầm non giai đoạn 2018 - 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

PHÁT TRIỂN NHÂN CÁCH TOÀN DIỆN CHO TRẺ MẦM NON THÔNG QUA GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG

TS. Lê Thị Kim Cúc

ThS Nguyễn Thị Thoan

Khoa Giáo dục mầm non

Trường CĐSP Trung ương

***Tóm tắt:** Giáo dục mầm non (GDMN) là bậc học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ em từ 0 đến 6 tuổi. Giáo dục giá trị sống (GDGTS) cho trẻ mầm non là một quá trình quan trọng, giúp trẻ hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp, tạo nền tảng để phát triển nhân cách toàn diện, giúp trẻ có giá trị, có khả năng thích ứng với những thay đổi của xã hội. Mỗi một trẻ em là một thành viên của xã hội, là lực lượng lao động kiến tạo, xây dựng đất nước và thế giới trong tương lai. Chính vì vậy, việc giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non là một trong những giải pháp quan trọng để phát triển bền vững giáo dục mầm non. Bài viết tập trung nghiên cứu về vấn đề phát triển nhân cách toàn diện cho trẻ mầm non thông qua giáo dục các giá trị sống như: yêu thương, trung thực, tôn trọng, hợp tác, đoàn kết...*

***Từ khóa:** Nhân cách, mầm non, giá trị sống*

1. Đặt vấn đề

Chương trình Giáo dục mầm non 2009 nêu rõ: “Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển toàn diện về các mặt thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách con người, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp 1; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính tiềm tàng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời” [3]. Để đạt được mục tiêu này, nhà giáo dục cần tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp, giúp trẻ định hình những giá trị sống cốt lõi, là nền tảng cho sự phát triển toàn diện nhân cách của trẻ. Những giá trị sống cốt lõi của con người như yêu thương, trung thực, tôn trọng, hợp tác, đoàn kết ... là những phẩm chất tốt đẹp mà con người cần rèn luyện suốt đời và quá trình này cần bắt đầu từ lứa tuổi mầm non.

2. Nội dung

2.1. Quan niệm về giá trị

Luôn gắn liền với cuộc sống con người nên “giá trị” là một thuật ngữ được sử dụng rất rộng rãi và được nhiều nhà khoa học quan tâm nghiên cứu.

Trên thế giới, nhà kinh tế chính trị học Adam Smith đã nói đến thuật ngữ “giá trị” trong tác phẩm nổi tiếng của mình có nhan đề “*Tìm hiểu về bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia*” (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of

Nations) xuất bản năm 1776 về [1]. Thuật ngữ này ban đầu được dùng để chỉ một thứ gì đó đáng giá, trước hết là theo nghĩa giá trị trao đổi của kinh tế học. Còn trong các ngôn ngữ phương Tây, thuật ngữ “*giá trị*” (*Value*) bắt nguồn từ *valere* của tiếng Latinh, có nghĩa là khỏe mạnh, tốt, đáng giá. J.H.Fichter nhận định: “Tất cả cái gì có ích lợi, đáng ham chuộng, đáng kính phục đối với cá nhân và xã hội đều có một giá trị”. Chzel định nghĩa: giá trị là “những tiêu chuẩn về cái có thể ao ước được, chúng xác định các mục đích chung của hành động”.

Ở Việt Nam, theo Phạm Minh Hạc: “Giá trị là tính có nghĩa tích cực, đáng quý, có ích của các đối tượng với các chủ thể” [7]. Các tác giả Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương [10] cho rằng: “Giá trị theo nghĩa chung nhất có thể hiểu là cái đã làm cho một khách thể nào đó có ích, có nghĩa, đáng quý đối với chủ thể, được mọi người thừa nhận”.

Như vậy, có thể hiểu *giá trị là cái được con người (cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội) nhận thức là có ý nghĩa, hữu ích đối với cuộc sống*. Nhóm tác giả cuốn [10] cũng đưa ra những phân tích thấu đáo về khái niệm “giá trị” như sau:

- Giá trị là trạng thái tư tưởng tồn tại bên trong chủ thể cá nhân; là hình ảnh tinh thần có tác dụng định hướng, kích thích, thúc đẩy con người tu dưỡng phấn đấu, hành động.

- Giá trị mang tính chủ thể rõ nét: Khách thể chỉ trở thành đối tượng với tư cách là giá trị đối với con người khi con người nhận thức được ý nghĩa của chúng, thể hiện thái độ của chủ thể đối với đối tượng. Một vật chỉ được coi là có giá trị khi chủ thể nhận thức được ý nghĩa của nó.

- Giá trị bao giờ cũng là kết quả của sự so sánh và đánh giá. Giá trị được hình thành trong nhận thức của con người thông qua việc cá nhân so sánh các sự vật hiện tượng từ góc nhìn của bản thân, đánh giá theo tiêu chí do cá nhân đặt ra gắn liền mức độ quan trọng, cần thiết, độ hữu ích đối với cuộc sống của mình, để từ đó mỗi hiện tượng sự vật sẽ nhận được một giá trị do con người gán cho. Sự đánh giá trên cơ sở so sánh như vậy mang lại cho giá trị tính tương đối.

- Giá trị mang tính ổn định tương đối. Cùng với thời gian và những thay đổi về nhận thức, có những giá trị trước đây tiếp tục được duy trì, phát triển; có những giá trị mới xuất hiện đồng thời có giá trị lại trở nên lạc hậu, kém ý nghĩa và bị mất dần đi ý nghĩa giá trị lúc ban đầu.

- Giá trị có thể là vật chất hay tinh thần; có thể là giá trị riêng đối với cá nhân hay giá trị chung với nhóm, với xã hội...

2.2. Giá trị sống

2.2.1. Khái niệm giá trị sống

Cũng theo quan điểm của nhóm tác giả cuốn [10], giá trị sống là những điều có ý nghĩa, có ích, đáng quý, được mong đợi đối với xã hội, tập thể và cá nhân phản ánh trong hoạt động, trong mối quan hệ xã hội, có ảnh hưởng và chi phối đến nhận thức, tình cảm, hành vi của con người, tạo động lực thúc đẩy con người sống theo một xu hướng nhất định và làm căn cứ để đánh giá những sự vật, sự việc khác là có ích và đáng quý đối với bản thân. Nói cách khác, giá trị sống là những điều tốt đẹp, đáng quý mà con người cần có và hướng tới trong cuộc sống. Giá trị sống có thể là những đức tính, phẩm chất, hành vi, lối sống,... Giá trị sống có một số đặc điểm như sau:

- Mức độ của một vật đáp ứng nhu cầu và thỏa mãn được khát vọng của con người, là cái được chủ thể đánh giá, thừa nhận trên cơ sở mối quan hệ với sự vật đó;

- Mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân, lợi ích xã hội, với phí tổn cần thiết để tạo ra cái lợi đó;

- Mang tính khách quan - nghĩa là sự xuất hiện, tồn tại hay mất đi của giá trị nào đó không phụ thuộc vào ý thức của con người;

- Được hiểu theo hai góc độ: vật chất và tinh thần. Giá trị vật chất là giá trị đo được bằng tiền bạc dưới góc độ kinh tế, còn giá trị tinh thần tạo cho con người khoái cảm, hứng thú và sáng khoái;

- Mọi giá trị đều chứa đựng yếu tố nhận thức, tình cảm, hành vi của chủ thể trong mối quan hệ với sự vật mang giá trị;

- Là một phạm trù lịch sử vì giá trị thay đổi theo thời gian, theo sự biến động của xã hội, phụ thuộc vào tính dân tộc, tôn giáo và cộng đồng.

Tóm lại, khi đề cập giá trị sống là muốn nói đến những giá trị thiết thực cho cuộc sống của từng cá nhân con người, giúp người ta sống và làm việc hiệu quả hơn. Giá trị sống cũng được hình thành, biến đổi, duy trì theo những quy luật xã hội như các giá trị nói chung.

2.2.2. Các loại giá trị sống

Bên cạnh các giá trị mang tính bản sắc, đặc trưng cho mỗi dân tộc, vùng miền, có những giá trị mang tính nhân loại, có nghĩa là không phân biệt màu da, quốc tịch, vị trí địa lý... Mọi con người đều cùng hướng về những giá trị đó. Hơn nữa, sử dụng những giá trị phổ quát làm thang giá trị chủ đạo sẽ giảm được sự phức tạp trong quá trình định chuẩn và tránh được những hậu quả khôn lường do chọn phải những thang giá trị lạc hậu làm chuẩn cho xã hội.

2.2.2.1. Những giá trị sống mang tính toàn cầu

Chương trình giá trị sống lần đầu tiên được 186 thành viên của Liên hợp quốc đưa ra vào năm 1995 với 12 giá trị sống mang tính cốt lõi nhất, phổ quát nhất của cuộc sống, mang tính chung toàn cầu. Đó là: *Hòa bình, tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách*

nhiệm, khoan dung, khiêm tốn, giản dị, trung thực, yêu thương, tự do và hạnh phúc". Chương trình này đã được triển khai ở nhiều nước khác nhau trên thế giới với mục tiêu hướng mọi người cùng vươn tới, chia sẻ các giá trị đó vì một thế giới tươi đẹp. 12 giá trị sống phổ quát, mang tính chung toàn cầu cho ta thấy:

- Giá trị sống hướng vào những giá trị tinh thần (không đề cập giá trị về tiền, của cải...).

- Giá trị sống là động lực giúp con người nỗ lực phấn đấu hướng tới, bởi từng giá trị cụ thể trong đó kết hợp hài hòa với nhau giúp cho cuộc sống cá nhân trở nên tốt đẹp hơn, làm cho cuộc sống trở nên hữu ích hơn trong việc đóng góp cái riêng của cá nhân vào việc cải thiện cuộc sống chung của xã hội.

- Giá trị sống bao gồm ba phân tầng ý nghĩa có quan hệ qua lại, ảnh hưởng lẫn nhau, tạo nên một tổng thể có ý nghĩa đối với cá nhân: Những giá trị thuộc bản thân cá nhân (khoan dung, khiêm tốn, giản dị, trung thực, yêu thương, hạnh phúc); những giá trị thể hiện mối quan hệ giữa cá nhân với nhóm, cộng đồng... (tôn trọng, hợp tác, đoàn kết, trách nhiệm) và một số giá trị chung, mang ý nghĩa rộng lớn (hòa bình, tự do).

2.2.2.2. Giá trị truyền thống của người Việt Nam

Mỗi dân tộc đều có những giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc mình. Các giá trị đó trải qua thời gian, qua bao thế hệ được sàng lọc, kết tinh, hội tụ để tạo nên bản sắc riêng của mỗi dân tộc và rồi lại tiếp tục như vậy, các giá trị được chuyển giao tiếp nối, qua nhiều thế hệ, được giữ gìn, phát huy lên một tầm cao mới. Giá trị truyền thống là những chuẩn mực, là thước đo cho hành vi đạo đức, cho những quan hệ ứng xử giữa người và người trong một cộng đồng, một giai cấp, một quốc gia, một dân tộc nhất định. Ở Việt Nam, chuẩn giá trị thường mang ý nghĩa luân lý sâu sắc.

Các giá trị truyền thống của người Việt Nam trải qua hàng nghìn năm lịch sử được hun đúc trong quan điểm, lối sống, văn hóa, nghệ thuật và được thấm đẫm trong những bài ca dao, tục ngữ về đạo lý uống nước nhớ nguồn, đề cao những phẩm chất tốt đẹp của người Việt Nam như chung thủy, đoàn kết, nhân ái, yêu nước... Nhờ đó, các giá trị ấy được truyền từ đời này sang đời khác, thấm đẫm vào tâm hồn trẻ thơ một cách rất tự nhiên, nhẹ nhàng mà hiệu quả.

Theo Hồ Chủ Tịch, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, trung với nước, hiếu với dân là thang giá trị cao nhất, là thước đo giá trị của người Việt Nam, trong đó cái "đức", cái "thiện" là cốt lõi, là chuẩn của mọi giá trị, cùng với nó là các giá trị nhân văn truyền thống như lòng tự hào dân tộc, bản sắc văn hóa dân tộc, trung với nước, hiếu với dân, nhân nghĩa, cần cù, thông minh, năng động, sáng tạo.

Theo tác giả Trần Văn Giàu [6]: "Giá trị truyền thống được hiểu là những cái tốt, bởi vì những cái tốt mới được gọi là giá trị. Thậm chí không phải bất cứ cái gì tốt cũng

đều được gọi là giá trị; mà phải là cái tốt cơ bản, phổ biến, có nhiều tác dụng tích cực cho đạo đức, cho sự hướng dẫn nhận định, đánh giá và dẫn dắt hành động của một dân tộc thì mới mang đầy đủ ý nghĩa của khái niệm”.

Về việc “Xây dựng một nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”, ngay từ Nghị quyết 5 (khóa VIII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, năm giá trị bền vững được vun đắp trong suốt chiều dài của lịch sử dân tộc đã được nêu lên, đó là: *1/ Lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc; 2/ Tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng (gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc); 3/ Lòng nhân ái, khoan dung; trọng nghĩa tình, đạo lý; 4/ Đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; 5/ Sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống* [5].

Hội thảo “Con người Việt Nam và công cuộc đổi mới” (7/1993) đã khẳng định thang giá trị của người Việt Nam là: *lòng tự hào dân tộc, bản sắc văn hoá dân tộc, trung với nước, hiếu với dân, nhân nghĩa, cần cù, thông minh, năng động, sáng tạo.*

2.3. Giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non

2.3.1. Sự cần thiết phải giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non

Trong xu thế hội nhập toàn cầu cùng sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, giáo dục nói chung việc định hướng giá trị sống cho trẻ hiện nay đóng vai trò ngày càng quan trọng, trở thành kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững của mọi quốc gia, dân tộc.

Giáo dục (education), gốc La-tinh (e-ducere) có nghĩa là *khơi dậy* những gì vốn đã có sẵn ở mỗi người. Bản chất con người là thiện lành với những giá trị tốt đẹp, nhưng cuộc sống đầy cạnh tranh có thể làm cho các giá trị đó bị che khuất. Không bao giờ là quá sớm để học về các giá trị, bởi các giá trị được tự thân đứa trẻ xây dựng hàng ngày, hàng giờ, thông qua cảm giác, tri giác, qua giao tiếp, bắt chước, thói quen, định kiến, qua những cách ứng xử xã hội, lối tư duy, hành vi có tính chất truyền thống ... qua tất cả những gì xoay quanh, hiện hữu bên trong và tác động trực tiếp/gián tiếp đến cuộc sống của chính em bé đó. Những giá trị cốt lõi có thể giúp trẻ dễ dàng hòa nhập, thích nghi, kiến tạo và truy cầu hạnh phúc nội tâm.

Trẻ mầm non là giai đoạn đầu tiên, khởi đầu của việc hình thành nhân cách. Việc trang bị cho trẻ các giá trị sống giúp trẻ hình thành thế giới nội tâm phong phú, động cơ hành vi tốt đẹp để từ đó có những hành động sống tích cực, thân thiện với mọi người xung quanh, biết chia sẻ, giúp đỡ, chan hòa, nhân ái với mọi người, mọi vật.

Theo UNESCO, 8 tuổi đã là quá trễ để giáo dục giá trị sống vì đến độ tuổi này trẻ đã hình thành cho mình phần lớn các giá trị; trừ phi có sự thay đổi sâu sắc về trải nghiệm trong đời, nếu không thì khó mà lĩnh hội thêm giá trị sau độ tuổi này. Trẻ từ dưới 2 tuổi đã bắt đầu tiếp thu từ môi trường sống xung quanh, như giọng nói của

người lớn khi trò chuyện với trẻ, cách thức tiếp xúc với trẻ,... Tất cả đều tác động đến sự phát triển của trẻ. Nhiều phụ huynh cũng tỏ vẻ ngần ngại rằng con họ quá nhỏ thì làm sao biết về giá trị sống. Tuy trẻ chưa thể diễn đạt bằng ngôn ngữ những gì mình cảm nhận được, nhưng chắc chắn người lớn sẽ ngạc nhiên trước hiểu biết và cảm nghiệm của chúng về giá trị. Điều chúng ta nên làm là giúp trẻ gọi tên giá trị ra để các giá trị trở nên rõ ràng hơn. Chẳng hạn, bằng cách hướng dẫn trẻ trao cây bút cho bạn, chúng ta đang dạy trẻ cách biết chia sẻ hoặc hợp tác.

Vì vậy, việc giáo dục giá trị sống là việc cần làm ngay từ lứa tuổi còn nhỏ hướng tới một cộng đồng công dân toàn cầu, những người mạnh mẽ về nội tâm và trí tuệ, để cùng chung tay làm thế giới của chúng ta tốt đẹp hơn, như vốn có của nó. Giáo dục giá trị sống là giáo dục cho trẻ tự rèn luyện mình để phát huy những giá trị tốt đẹp bên trong con người và biết điều chỉnh, hạn chế hành vi xấu, giúp trẻ nhận thấy những giá trị của bản thân và làm cho người khác hiểu được những giá trị của mình. Nhận thức được giá trị của mình, "biết mình biết ta" chính là cơ sở để trẻ biết định vị, định hướng và điều chỉnh hành vi của mình phù hợp với chuẩn mực xã hội. Trẻ hiểu được giá trị của sự cảm thông, bao dung, độ lượng... thì sẽ hiểu được một con người tốt là biết yêu thương và không bao giờ muốn có hành vi làm tổn thương người khác.

Dưới đây là một số lý do cần giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non:

- Giúp trẻ hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp như tình yêu thương, lòng nhân ái, tính trung thực, công bằng, văn minh, tôn trọng,... Những phẩm chất này là nền tảng để trẻ trở thành những người có nhân cách toàn diện.

- Giúp trẻ thích nghi với cuộc sống một cách dễ dàng hơn. Giáo dục giá trị sống giúp trẻ biết cách ứng xử phù hợp với chính bản thân mình và với mọi người trong các mối quan hệ xã hội.

- Giúp trẻ có lối sống lành mạnh, biết bảo vệ bản thân, bảo vệ lẽ phải, quyền con người và bảo vệ môi trường.

- Giúp trẻ trở thành những công dân có ích cho xã hội, biết yêu thương, giúp đỡ người khác, biết xây dựng và bảo vệ đất nước.

Trên cơ sở hệ thống hóa các khái niệm nêu trên, có thể hiểu giáo dục giá trị sống trong trường mầm non là quá trình hình thành và phát triển ở trẻ nhận thức đúng đắn, sâu sắc về ý nghĩa của các giá trị sống, vừa hướng tới giá trị bản sắc dân tộc vừa có sự kết hợp hài hòa với các giá trị phổ quát nhất của cuộc sống, mang tính chung toàn cầu. Từ đó, trẻ mong muốn và có khả năng áp dụng một cách hiệu quả các giá trị đó vào thực tiễn cuộc sống trong bối cảnh hội nhập quốc tế, giúp chất lượng cuộc sống của cá nhân được nâng lên, đóng góp tích cực hơn vào một thế giới chung tươi đẹp.

3.3.2. Những giá trị sống cần giáo dục cho trẻ mầm non

Có rất nhiều giá trị cần phải giáo dục cho trẻ song nhà giáo dục cần lựa chọn những giá trị cơ bản vừa đáp ứng được yêu cầu của xã hội vừa phù hợp với đối tượng giáo dục, lựa chọn các giá trị đó cần căn cứ vào các yếu tố sau:

- Mục đích giáo dục - Nội dung giáo dục cần có sự kết hợp giữa giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc và giá trị hiện đại.

- Đặc điểm của đối tượng giáo dục: tâm lý, lứa tuổi, nghề nghiệp, giới tính... - Đặt giá trị đó trong một tổng thể có hệ thống, cân đối, hài hòa.

Trong 12 giá trị sống toàn cầu được trình bày trong cuốn “Giáo dục giá trị sống và kỹ năng sống cho trẻ mầm non” [10], có thể chọn ưu tiên những giá trị sau để giáo dục trẻ mầm non:

Giá trị yêu thương

Trong một thế giới tốt đẹp, quy luật tự nhiên là yêu thương; và trong một con người tốt, bản chất tự nhiên là sự thương yêu. Tình yêu mang tính phổ quát không có biên giới hoặc sự thiên vị, tình yêu lan tỏa đến tất cả mọi người. Tình yêu ở quanh ta và ta có thể cảm nhận được nó. Giá trị của tình yêu là ở chỗ nó như là một chất xúc tác tạo nên sự thay đổi, phát triển và thành đạt. Tình yêu là nhìn nhận mỗi người theo cách tốt đẹp hơn. Tình yêu thật sự luôn bao hàm lòng tốt, sự quan tâm, hiểu biết và không có những hành vi ghen tị cũng như kiểm soát người khác. Albert Einstein nói: “Nhiệm vụ của chúng ta là phải nhân rộng ra xung quanh ta lòng trắc ẩn và nó bao trùm tất cả cuộc sống của con người và thiên nhiên.” Yêu người khác nghĩa là bạn muốn điều tốt cho họ. Yêu là biết lắng nghe, yêu là chia sẻ.

Giá trị trung thực

Trung thực là tôn trọng sự thật. Trung thực có nghĩa là không có sự mâu thuẫn và trái ngược nhau trong suy nghĩ, lời nói hay hành động. Trung thực là sự nhận thức về những gì là đúng đắn và thích hợp trong vai trò, hành vi và các mối quan hệ của một người. Khi trung thực ta cảm thấy tâm hồn trong sáng và nhẹ nhàng. Một người trung thực và chân chính thì xứng đáng được tin cậy. Trung thực thể hiện trong tư tưởng, lời nói và hành động thì đem lại sự hòa thuận. Trung thực là sử dụng tốt những gì được ủy thác cho bạn. Trung thực là cách xử sự tốt nhất. Đó là một mối quan hệ sâu sắc giữa sự lương thiện và tình bạn.

Giá trị tôn trọng

Tôn trọng trước hết là tự trọng - là biết rằng tự bản chất tôi có giá trị. Một phần của tự trọng là nhận biết những phẩm chất của chính tôi. Tôn trọng là lắng nghe người khác. Tôn trọng là biết người khác cũng có giá trị như tôi. Tôn trọng sẽ hình thành sự tin cậy lẫn nhau. Một phần của sự tôn trọng là ý thức rằng tôi có sự khác biệt với người khác trong cách đánh giá. Tuy nhiên, nếu sự tôn trọng càng được đo lường dựa vào những gì thuộc bề ngoài thì mong muốn được người khác thừa nhận càng lớn. Mong

muốn (được thừa nhận) càng lớn thì người ta càng dễ là nạn nhân và mất sự tôn trọng bản thân.

Giá trị hợp tác

Hợp tác là khi mọi người biết làm việc chung với nhau và cùng hướng về một mục tiêu chung. Một người biết hợp tác thì có những lời lẽ tốt đẹp và cảm giác trong sáng về người khác cũng như đối với nhiệm vụ. Việc hợp tác đòi hỏi thừa nhận giá trị về sự đóng góp của mỗi người và có một thái độ tích cực. Khi hợp tác, cũng cần phải biết là điều gì là cần thiết, điều gì là nên làm. Đôi khi chúng ta cần một ý tưởng mới, đôi khi cũng cần để cho ý tưởng của chúng ta trôi đi. Đôi khi chúng ta cần phải dẫn dắt theo ý tưởng của mình, nhưng đôi khi chúng ta cần phải đi theo ý tưởng của những người khác. Hợp tác phải được chỉ đạo bởi nguyên tắc về sự tôn trọng lẫn nhau. Hạnh phúc là trạng thái bình an của tâm hồn khiến con người không có những thay đổi đột ngột hay bạo lực. Khi trao hạnh phúc thì nhận được hạnh phúc. Khi bạn hy vọng, đó là lúc hạnh phúc.

Giá trị đoàn kết

Đoàn kết được tồn tại nhờ sự chấp nhận và hiểu rõ giá trị của mỗi người, cũng như biết đánh giá đúng sự đóng góp của họ đối với tập thể. Đoàn kết được xây dựng qua việc chia sẻ các mục tiêu, niềm hy vọng và viễn tưởng tương lai. Khi các bạn đoàn kết, nhiệm vụ lớn dường như trở nên dễ dàng thực hiện. Sự thiếu tôn trọng dù là nhỏ có thể là lý do làm cho mất đoàn kết. Đoàn kết tạo nên kinh nghiệm về sự hợp tác, làm gia tăng sự hăng hái trong nhiệm vụ và tạo ra một bầu không khí thân thiện. Đoàn kết tạo ra cảm giác hạnh phúc êm ái và gia tăng sức mạnh cho mọi người. Đoàn kết được xây dựng từ một tầm nhìn, hi vọng và mục đích vị tha chung hoặc là một sự nghiệp vì những điều tốt đẹp chung.

3.3.3. Một số phương pháp giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non

Trẻ mầm non là giai đoạn phát triển quan trọng, là nền tảng để trẻ hình thành và phát triển nhân cách. Vì vậy, giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non là một nhiệm vụ quan trọng của gia đình, nhà trường và xã hội. Trẻ mầm non có thể tiếp thu các giá trị sống một cách tự nhiên, dễ dàng thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hàng ngày.

Có nhiều phương pháp giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non, trong đó có thể kể đến một số phương pháp sau:

Phương pháp trực quan

Phương pháp trực quan là phương pháp sử dụng các hình ảnh, âm thanh, ngôn ngữ để giúp trẻ tiếp cận và hiểu rõ về các giá trị sống. Một số hình thức trực quan thường được sử dụng trong giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non như:

+ Tranh ảnh, video: Sử dụng tranh ảnh, video để minh họa cho các giá trị sống. Đó có thể là những bức tranh cổ động được vẽ ngoài tường bao quanh sân trường, có thể là trong lớp học, ngoài hành lang. Nội dung các tranh vẽ thể hiện những hành vi, thái độ chuẩn mực trong ứng xử giao tiếp giữa trẻ với con người, với môi trường tự nhiên.

+ Câu chuyện: Sử dụng câu chuyện để giáo dục trẻ về các giá trị sống. Các câu chuyện kể cho trẻ em đều hàm chứa những nội dung nhân văn sâu sắc, trong đó chứa đựng các giá trị đạo đức, chuẩn mực hành vi ứng xử, các giá trị vì con người, vì cộng đồng như tình yêu thương giữa các thành viên trong gia đình; sự vị tha, khoan dung; sự chung sức chung lòng; sự tôn trọng của con người đối với con người, đối với tự nhiên và xã hội...

+ Trò chơi: Sử dụng trò chơi để giúp trẻ thực hành các giá trị sống. Các trò chơi mà nhà giáo dục thường tổ chức cho trẻ chơi bao giờ cũng mang tính gắn kết, đòi hỏi sự phối hợp, đoàn kết với nhau giữa các trẻ... Ví dụ: Trò chơi “Giúp đỡ bạn”, “Tôn trọng bạn bè”...

+ Mô hình, đồ vật: Các mô hình, đồ vật là những hình ảnh thực tế giúp trẻ dễ dàng hình dung và liên hệ với thực tế. GV có thể sử dụng mô hình, đồ vật để giáo dục giá trị sống cho trẻ. Ví dụ: mô hình “Gia đình hạnh phúc”, “Bạn bè giúp đỡ nhau”...

Phương pháp thực hành, trải nghiệm

Phương pháp thực hành là phương pháp giúp trẻ áp dụng những giá trị sống đã học vào cuộc sống hàng ngày. Một số hoạt động thực hành thường được sử dụng trong giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non như:

+ Hoạt động giúp đỡ, chia sẻ: Giúp trẻ tham gia các hoạt động giúp đỡ người khác như giúp đỡ bạn bè, người thân, giúp đỡ những người gặp khó khăn; chia sẻ đồ chơi, đồ ăn,... với bạn bè, người thân. Các hoạt động này giúp trẻ hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp như: lòng nhân ái, yêu thương...

+ Tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế: GV có thể cho trẻ đi tham quan, dã ngoại... để trẻ có cơ hội tiếp xúc thực tế, từ đó hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp như tính trung thực, sự công bằng, ý thức bảo vệ môi trường...

Nhà giáo dục tạo ra các tình huống, sử dụng các tình huống có sẵn để cho trẻ cơ hội thể hiện những giá trị cốt lõi như: Trung thực, tôn trọng, khoan dung, đoàn kết, hợp tác, yêu thương...

Phương pháp giáo dục tích hợp

Giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non không thể diễn ra một lúc, một ngày hoặc vào một thời điểm cụ thể mà cần được tiến hành thường xuyên, như “mưa dầm thấm lâu” vào tâm hồn trẻ. Chính vì thế, nội dung giá trị sống cần được giáo dục lồng ghép thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hàng ngày của trẻ. Đây là phương

pháp giáo dục hiệu quả, giúp trẻ tiếp thu các giá trị sống một cách tự nhiên, không gò bó. Giáo dục giá trị sống đạt hiệu quả thuận lợi khi thông qua các tác phẩm văn học nghệ thuật phù hợp với độ tuổi của trẻ thơ.

Ví dụ:

+ Hoạt động giáo dục giá trị sống qua chủ đề “Gia đình”, “Bạn bè”... GV có thể tổ chức cho trẻ như kể chuyện, đọc thơ, chơi trò chơi... Các hoạt động này giúp trẻ phát triển những phẩm chất tốt đẹp như: tình yêu thương, lòng nhân ái, sự tôn trọng; tinh thần đồng đội, sự chia sẻ, giúp đỡ...

+ Hoạt động giáo dục giá trị sống qua chủ đề “Tự nhiên và xã hội”. GV có thể tổ chức cho trẻ như tham quan, dã ngoại... Các hoạt động này giúp trẻ phát triển những phẩm chất tốt đẹp như: ý thức bảo vệ môi trường, tính trung thực,...

3.3.4. Một số lưu ý khi giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non

- Trẻ mầm non có nhận thức và tư duy còn hạn chế, vì vậy cần giáo dục giá trị sống phù hợp với lứa tuổi và khả năng của trẻ. Các nội dung giáo dục giá trị sống cần đơn giản, dễ hiểu, dễ áp dụng vào thực tế.

- Giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non là một quá trình lâu dài và cần được thực hiện thường xuyên, liên tục. Các giá trị sống cần được lồng ghép vào các hoạt động học tập, vui chơi, sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Giáo dục giá trị sống cần được thực hiện bằng hành động. Trẻ em thường bắt chước những người xung quanh, vì vậy cha mẹ, giáo viên cần là những tấm gương sáng về thực hành các giá trị sống để trẻ noi theo. Cha mẹ, giáo viên cần thể hiện các giá trị sống thông qua hành động hàng ngày của mình.

- Giáo dục giá trị sống cần được thực hiện trong môi trường giáo dục lành mạnh.

Môi trường giáo dục lành mạnh sẽ giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tình cảm, xã hội.

- Giáo dục giá trị sống là một quá trình lâu dài và cần sự phối hợp của gia đình, nhà trường và xã hội để giáo dục trẻ các giá trị sống tốt đẹp.

3. Kết luận

Giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non là một quá trình lâu dài, cần thực hiện một cách kiên trì, bền bỉ. Để giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non đạt hiệu quả, cần lựa chọn các phương pháp, hoạt động phù hợp. Quá trình này cũng cần sự phối hợp của gia đình, nhà trường và xã hội. Với sự quan tâm và phối hợp của các bên, trẻ mầm non sẽ được hình thành và phát triển những phẩm chất tốt đẹp, trở thành những người có nhân cách toàn diện, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, phát triển.

Giá trị sống và kỹ năng sống có mối quan hệ khăng khít với nhau. Giá trị sống là nền tảng để hình thành kỹ năng sống, còn kỹ năng sống là công cụ hình thành và thể hiện giá trị sống. Vì vậy, nghiên cứu về giáo dục giá trị sống cho trẻ mầm non không thể không quan tâm đến giáo dục kỹ năng sống./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Adam Smith (2022) - Phiên bản tiếng Việt “*Tìm hiểu về bản chất và nguồn gốc của cải của các quốc gia*” (An Inquiry into the Nature and Causes of the Wealth of Nations) - NXB Tri thức, Hà Nội
2. *Các chương trình giáo dục giá trị sống ở các nước khác*, truy cập ngày 24 tháng 10 năm 2023.
3. *Chương trình Giáo dục mầm non 2009* - ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Diane Tiliman Diana Hsu (2009), *Những giá trị sống dành cho trẻ từ 3 đến 7 tuổi* (tài liệu dịch) NXB trẻ, TP. Hồ Chí Minh.
5. Đảng Cộng sản Việt Nam, (1998), *Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) “Về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”*, Hà Nội.
6. Trần Văn Giàu (1993), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, NXB TP. Hồ Chí Minh.
7. Phạm Minh Hạc, Thái Duy Tuyên (2012), *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kì đổi mới và hội nhập quốc tế*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
8. *Kinh nghiệm giáo dục giá trị sống của các gia đình, nhà trường và cộng đồng*, truy cập ngày 24 tháng 10 năm 2023.
9. Nguyễn Công Khanh (2013), *Phương pháp giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống giúp bạn gạt hái thành công*, NXB ĐHSP, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Mỹ Lộc, Đinh Thị Kim Thoa, Phan Thị Thảo Hương (2010), *Giáo dục giá trị và kỹ năng sống cho trẻ mầm non*, NXBĐHQG Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Minh Phương (2022) - *Giáo dục giá trị sống cho trẻ em* - Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.
12. Nguyễn Thị Minh Phương (2022) - *Giáo dục giá trị sống cho trẻ em* - *Tạp chí Giáo dục*, số 12
13. *Trang web của Bộ Giáo dục và Đào tạo*, truy cập ngày 24 tháng 10 năm 2023.
14. *Trang web của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội*, truy cập ngày 24 tháng 10 năm 2023.
15. *Trang web của Hội đồng Giáo dục Quốc gia*, truy cập ngày 24 tháng 10 năm 2023.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON Ở VIỆT NAM

ThS. GVC. Hồ Thị Tường Vân

Trưởng khoa GDMN

Trường Cao đẳng Sư phạm Trung

ương Thành phố Hồ Chí Minh

Tóm tắt

Bài viết trình bày một số nội dung về phát triển bền vững, các nét chính trong phát triển bền vững giáo dục ở Việt nam, xu hướng phát triển của giáo dục mầm non và đào tạo giáo viên mầm non; từ đó, bài viết nêu lên những cơ hội và thách thức trong giáo dục mầm non và công tác đào tạo giáo viên mầm non ở Việt Nam.

Từ khóa: phát triển bền vững, giáo dục mầm non, đào tạo giáo viên mầm non.

1. Đặt vấn đề

Để phát triển bền vững một quốc gia, bên cạnh việc tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học thì giáo dục cũng là một trong những nội dung quan trọng góp phần không nhỏ vào công cuộc đó. Giáo dục mầm non – cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân; đào tạo giáo viên mầm non – công tác đào tạo nghề sư phạm gắn liền với ngành giáo dục mầm non cũng không nằm ngoài sự phát triển đó.

Song song đó, xu hướng phát triển của ngành giáo dục Việt Nam trong giai đoạn gần đây đã hướng đến việc đạt các mục tiêu của phát triển bền vững toàn cầu về giáo dục. Mặc dù vậy, sự phát triển nào diễn ra cũng cần hướng đến việc hiện thực hóa mang tính khả thi và hiệu quả.

Thực tế hiện nay, đối với ngành giáo dục mầm non, đặc biệt là công tác đào tạo giáo viên mầm non, phát triển bền vững theo lộ trình đến năm 2030 có thể tạo ra một số cơ hội và thách thức có liên quan cần có sự quan tâm và trao đổi của các cá nhân, tổ chức trong lĩnh vực này. Xu hướng phát triển ngành giáo dục mầm non và đào tạo giáo viên mầm non cũng đang diễn ra mạnh mẽ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. Nội dung được đề cập trong bài viết này hy vọng sẽ phần nào thể hiện bức tranh hiện trạng về xu hướng phát triển bền vững trong giáo dục mầm non và công tác đào tạo GVMN.

2. Nội dung

2.1. Phát triển bền vững và Chương trình nghị sự phát triển bền vững toàn cầu năm 2030

Phát triển bền vững là một thuật ngữ được đề cập nhiều vào cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI với cách hiểu ban đầu "Sự phát triển của nhân loại không thể chỉ chú trọng tới phát triển kinh tế mà còn phải tôn trọng những nhu cầu tất yếu của xã hội và sự tác động đến môi trường sinh thái học". Sau đó, định nghĩa này được xem xét ở

khía cạnh rộng hơn, khái quát hơn: “là sự phát triển về mọi mặt trong xã hội hiện tại mà vẫn phải bảo đảm sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa”. Khái niệm này hiện đang là mục tiêu hướng tới nhiều quốc gia trên thế giới, mỗi quốc gia sẽ dựa theo đặc thù kinh tế, xã hội, chính trị, địa lý, văn hóa... riêng để hoạch định chiến lược phù hợp nhất với quốc gia của mình.

Ngày 25-27/9/2015, Hội nghị thượng đỉnh phát triển bền vững của Liên hợp quốc đã diễn ra tại trụ sở chính của LHQ ở New York (Mỹ), với sự tham dự của 193 quốc gia thành viên. Tại đây, các đại biểu đã chính thức thông qua Chương trình nghị sự phát triển bền vững toàn cầu năm 2030 gồm 17 mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Trong 17 Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs), đặc biệt có một mục tiêu bền vững số 4 (SDG4) về chất lượng giáo dục. Việc đưa giáo dục thành một mục tiêu riêng đã chứng tỏ các nhà lãnh đạo trên thế giới đã thực sự nêu cao tầm quan trọng về vai trò của giáo dục trong phát triển bền vững.

Mục tiêu 4: “Đảm bảo đảm bảo một nền giáo dục hòa nhập, bình đẳng, chất lượng và cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người” với các nội dung có liên quan đến giáo dục mầm non, đào tạo nghề (trong đó có giáo viên mầm non) được trình bày bên dưới.

- Đến năm 2030, đảm bảo tất cả bé trai và gái được tiếp cận giáo dục mầm non và giáo dục tiền tiểu học có chất lượng, chuẩn bị sẵn sàng cho các em vào tiểu học.

- Đến năm 2030, xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục, đảm bảo sự tiếp cận giáo dục một cách bình đẳng ở mọi cấp độ và đào tạo nghề các đối tượng dễ bị tổn thương bao gồm cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số/ các cộng đồng bản địa và trẻ em ở các hoàn cảnh khó khăn.

- Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục dành cho trẻ em, người khuyết tật có tính đến nhạy cảm giới; cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người

- Đến năm 2030, tăng đáng kể nguồn cung giáo viên có trình độ, bao gồm cả thông qua hợp tác quốc tế để đào tạo giáo viên cho các nước đang phát triển, đặc biệt là những nước chậm phát triển và các quốc đảo nhỏ đang phát triển.

Từ chương trình Nghị sự này, Việt Nam cũng đã có những định hướng, xác định mục tiêu về phát triển bền vững trong giáo dục, giáo dục mầm non đáp ứng xu hướng phát triển bền vững trong giáo dục của thế giới.

2.2. Phát triển bền vững trong giáo dục ở Việt Nam

Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành có đưa ra lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2033 (quy định tại Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ

tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững).

Quyết định đưa ra lộ trình cụ thể, có cơ quan chủ trì để thực hiện 17 mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030 với 117 chỉ tiêu. Trong đó, những mục tiêu, chỉ tiêu có liên quan đến giáo dục mầm non, giáo dục đào tạo trình độ đại học và một vài chỉ tiêu liên quan gần được trình bày ngắn gọn theo bảng bên dưới. Đáng chú ý, quyết định có đề cập cụ thể: “Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan trong việc triển khai thực hiện Lộ trình và không cản ban hành Lộ trình cho địa phương mình”. Điều này thể hiện sự thống nhất để thực hiện lộ trình nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam trên 63 tỉnh, thành.

LỘ TRÌNH
THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số 841/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2023)

STT	Chỉ tiêu	Lộ trình thực hiện		Cơ quan chủ trì thực hiện	Nguồn số liệu
		Năm 2025	Năm 2030		
Mục tiêu 2.2: Đến năm 2030, giảm tất cả các hình thức suy dinh dưỡng, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho các đối tượng là trẻ em, trẻ em gái vị thành niên, phụ nữ mang thai và đang cho con bú, người cao tuổi (Mục tiêu 2.2 toàn cầu)					
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi:			Bộ Y tế	Bộ Y tế
	- Suy dinh dưỡng thấp còi	<17%	<15%		
	- Suy dinh dưỡng gầy còm	<5%	<3%		
	- Thừa cân béo phì	Duy trì mức < 10%			
	+ Nông thôn	<7%	<7%		
	+ Thành thị	<11%	<11%		
Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người					
Mục tiêu 4.2: Đến năm 2030, đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai được tiếp cận với phát triển, chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non có chất lượng để sẵn sàng bước vào cấp tiểu học (Mục tiêu 4.2 toàn cầu)					
29	Tỷ lệ huy động trẻ em 5 tuổi đi học mẫu giáo	99,9%	99,9%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo, Tổng cục Thống kê

Mục tiêu 4.3: Đến năm 2030, đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả nam và nữ đối với giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học có chất lượng và trong khả năng chi trả (Mục tiêu 4.3 toàn cầu)

30	Số sinh viên đại học trên 1 vạn (10.000) dân	220	260	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
----	--	-----	-----	------------------------	------------------------

Mục tiêu 4.4: Đến năm 2030, tăng đáng kể số lao động có các kỹ năng phù hợp với nhu cầu thị trường lao động để có việc làm tốt và làm chủ doanh nghiệp (Mục tiêu 4.4 toàn cầu)

31	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ	28 - 30%	35 - 40%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Tổng cục Thống kê
32	Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin	80%	90%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê

Mục tiêu 4.7: Đến năm 2030, bảo đảm rằng tất cả những người học được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững (Mục tiêu 4.7 toàn cầu)

37	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo trở lên theo cấp học:			Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
	- Mầm non	85%	100%		

Mục tiêu 4.8: Xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới, cung cấp môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 4.a toàn cầu)

39	Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non có				
	- Nước uống	85%	90%		
	- Hệ thống vệ sinh tiện lợi và riêng rẽ cho từng giới tính	100%	100%	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Giáo dục và Đào tạo
	- Chỗ rửa tay thuận tiện	100%	100%		
	- Có điện	100%	100%		
	- Internet dùng cho mục đích	100%	100%		

	học tập				
	- Máy tính dùng cho quản lý và giáo dục trẻ	100%	100%		
	- Có cơ sở hạ tầng phù hợp với học sinh khuyết tật	40%	60%		
Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái					
Mục tiêu 5.2: Giảm đáng kể mọi hình thức bạo lực đối với phụ nữ và trẻ em gái nơi công cộng hoặc nơi riêng tư, bao gồm cả việc mua bán, bóc lột tình dục và các hình thức bóc lột khác (Mục tiêu 5.2 toàn cầu)					
43	Tỷ lệ phụ nữ và trẻ em gái bị bạo lực được phát hiện, được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản	80%	90%	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
Mục tiêu 5.8: Nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ. Tạo điều kiện cho phụ nữ được tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông (Mục tiêu 5.b toàn cầu)					
50	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	80%	95%	Bộ Thông tin và Truyền thông	Bộ Thông tin và Truyền thông, Tổng cục Thống kê

2.3. Xu hướng phát triển của giáo dục mầm non và đào tạo giáo viên mầm non

a. Xu hướng phát triển GDMN, nghề GVMN trên thế giới

Quan điểm nhìn nhận về ngành giáo dục mầm non trên thế giới ở thế kỷ XXI dường như có nhiều sự tiệm cận về cách hiểu các lĩnh vực, nội dung, môn học mà một giáo viên mầm non cần phải được cung cấp kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực tương ứng để có thể đáp ứng nhu cầu xã hội, định hướng phát triển ngành giáo dục nói chung và ngành giáo dục mầm non nói riêng ở mỗi khu vực, quốc gia, vùng miền. Trong nhiều tài liệu tham khảo, những công trình nghiên cứu, khảo sát, tổng hợp thông tin đều có mẫu số chung là hướng đến sự phát triển toàn diện cho trẻ mầm non theo văn hóa quốc gia, dân tộc; với những lĩnh vực cốt lõi về ngôn ngữ, thể chất, nhận thức và

thái độ nhân văn, ... cụ thể là công việc hợp tác, hỗ trợ vui chơi, hỗ trợ đọc viết sớm, toán học và khoa học.

Từ đó, các quốc gia, các trường cao đẳng, đại học đều đưa ra khung đào tạo giáo viên mầm non dựa vào các tiêu chuẩn, nguyên tắc, yêu cầu từ ngành giáo dục mầm non. Có thể thấy, tuy quan điểm nhìn nhận, tiêu chuẩn về ngành giáo dục mầm non, nghề giáo viên mầm non trên thế giới có chút khác biệt, thậm chí trình độ đào tạo có thể khác nhau nhưng tựu trung vẫn phải đáp ứng theo tiêu chuẩn của quốc gia hoặc quốc tế.

Bằng cấp được trao khi hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên cho hầu hết các giáo viên mầm non là bằng cấp đại học/ cao đẳng. Tại 19 trong số 25 quốc gia có dữ liệu sẵn có, một cá nhân có thể trở thành giáo viên mầm non sau khi có ít nhất bằng cử nhân hoặc tương đương. Tuy nhiên, một số quốc gia có trường hợp ngoại lệ. Tại Cộng hòa Slovakia, giáo viên mầm non có thể bắt đầu dạy học khi có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, nhưng hiện nay ngày càng nhiều giáo viên có bằng cử nhân hoặc thạc sĩ. Ở Đức, họ có thể bắt đầu dạy học sau khi tốt nghiệp chương trình dạy nghề đại học (ví dụ Erzieherausbildung); ở Áo và Israel, họ thường tốt nghiệp bằng việc hoàn tất chương trình đại học ngắn hạn kéo dài hai năm. Ngược lại, tại Pháp, Ba Lan và Bồ Đào Nha, giáo viên mầm non bắt buộc phải có bằng thạc sĩ hoặc tương đương. Đối với Pháp, kể từ năm học 2010 – 2011, mỗi học sinh muốn trở thành giáo viên mầm non đều phải có bằng thạc sĩ. Ở Úc, trường Đại học Victoria, Melbourne đào tạo giáo viên mầm non trong 3 năm với 288 credits (1 credit tương đương 1 giờ học) hoặc trường Đại học Southern Cross đào tạo trong 3 năm (hoặc 2,5 năm nếu học nhanh) là bằng cấp cho giáo viên mầm non được Cơ quan Chất lượng Chăm sóc và Giáo dục Trẻ em Úc phê duyệt dành cho môi trường mầm non có trẻ từ sơ sinh đến năm tuổi. Ở Đại học Stockholm, Thụy Điển, chương trình đào tạo kéo dài 3,5 năm, toàn thời gian để đạt được bằng Cử nhân Nghệ thuật Giáo dục Mầm non. Viện Công nghệ Manukau, New Zealand đào tạo cử nhân giáo dục (dạy học mầm non) trong 3 năm toàn thời gian ...

Tuy nhiên, cho dù chất lượng đào tạo trước khi được công nhận là giáo viên mầm non có cao đến đâu cũng không thể chuẩn bị cho giáo viên những thách thức mà họ sẽ gặp phải trong suốt sự nghiệp của mình. Với những thay đổi, phát triển liên tục theo xu hướng, thế hệ, thời đại của trẻ, giáo viên mầm non cần dành nhiều thời gian nhằm cập nhật kiến thức và năng lực. Công tác đào tạo giáo viên ban đầu chỉ được xem là điểm khởi đầu cho sự phát triển liên tục của giáo viên. Nghiên cứu gần đây cũng chỉ ra rằng trong giáo dục mầm non, tác động của đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn sau tốt nghiệp giáo viên mầm non cơ bản có chất lượng, quy trình lớn hơn và thời gian nhiều hơn so với đào tạo cơ bản nền tảng ban đầu.

b. Xu hướng phát triển giáo dục mầm non ở Việt Nam

Ngành giáo dục mầm non ở Việt Nam những năm gần đây đã có sự thay đổi, chuyển biến nhanh và mạnh trong bối cảnh phát triển chung của xã hội, đất nước và toàn ngành giáo dục. Những văn bản luật, nghị định, thông tư, ... lần lượt được ban hành cập nhật điều chỉnh có ý nghĩa quan trọng giúp định hướng ngành ở hầu hết các lĩnh vực, từ cơ sở đào tạo nghề giáo viên mầm non đến cơ sở giáo dục mầm non. Có thể kể đến chủ trương về thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi; tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong giáo dục, đặc biệt là trao quyền tự chủ về nội dung, chương trình, phương pháp, quan điểm giáo dục trong các cơ sở giáo dục mầm non; khuyến khích tự chủ tài chính ở mức cao hơn; ban hành cập nhật chương trình giáo dục mầm non; thực hiện thí điểm chương trình giáo dục mầm non mới; tiếp tục nghiên cứu hướng đến sự phát triển toàn diện của trẻ đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho trẻ trong bối cảnh hiện tại và tương lai có tính đến đặc điểm đặc trưng vùng miền, văn hóa địa phương, cơ sở giáo dục mầm non; tăng cường xã hội hóa giáo dục;... Về cơ bản, xu hướng phát triển giáo dục mầm non đáp ứng được những mục tiêu về phát triển bền vững giáo dục.

Ngày 22/9/2022, tại Hà Nội, Đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2023-2030 đã được trao đổi, lấy ý kiến lần 2 về đảm bảo tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo được huy động đến cơ sở giáo dục mầm non để được nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục theo Chương trình giáo dục mầm non đạt 95% vào năm 2025, đạt 97% vào năm 2030. Phần đầu đến năm 2025 có 100% trẻ em tại các cơ sở giáo dục mầm non được học 2 buổi/ngày theo Chương trình giáo dục mầm non, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1. Đối với đội ngũ giáo viên, phần đầu đến năm 2025, có đủ số lượng giáo viên mầm non theo quy định. Tỷ lệ giáo viên có trình độ từ cao đẳng sư phạm mầm non trở lên đạt 90% vào năm 2025, đạt 100% vào năm 2030. Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức độ khá trở lên: 85% vào năm 2025, 90% vào năm 2030. Về phòng học, bảo đảm tỷ lệ 1 phòng/1 lớp mẫu giáo vào năm 2025. Tỷ lệ phòng học kiên cố: đạt 90% vào năm 2030. Bên cạnh đó, trang bị đủ bộ đồ chơi ngoài trời và bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định cho các lớp mẫu giáo vào năm 2025. Về trường đạt chuẩn quốc gia: Có 50% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo mức độ I trở lên vào năm 2025, có 60% trường mầm non đạt chuẩn quốc gia theo mức độ I trở lên vào năm 2030. Quan tâm đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các địa phương trong việc triển khai chương trình phổ cập giáo dục mầm non trẻ mẫu giáo. Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho chương trình phổ cập giáo dục mầm non trẻ mẫu giáo. Đề án “Hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2023-2030” với mục tiêu đẩy

manh hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, miền núi, hải đảo. Tăng cường cơ hội của trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất trường, lớp học. Bảo đảm công bằng trong giáo dục, góp phần rút ngắn khoảng cách vùng miền, phát triển kinh tế, xã hội.

c. Xu hướng đào tạo giáo viên mầm non ở Việt Nam

Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020 đã thể hiện những quy định trong công tác đào tạo giáo viên mầm non, nâng chuẩn đào tạo từ trình độ trung cấp lên trình độ cao đẳng. Chương trình đào tạo giáo viên mầm non ở các trường cao đẳng, đại học cũng được cập nhật, điều chỉnh theo quy trình nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, hướng đến thực hiện chương trình liên kết, hợp tác với cơ sở đào tạo ở các quốc gia khác nhau, và trên hết là đáp ứng chương trình giáo dục mầm non. Giáo viên mầm non được đào tạo cần đạt chuẩn theo đúng chủ trương, định hướng của nhà nước, ngành nghề và có thể đảm nhận một số vị trí, công việc khác nhau có liên quan gần đến ngành giáo dục mầm non. Hiện tại, công tác đào tạo giáo viên mầm non ở các đơn vị sự nghiệp công lập đang được chi trả bởi nguồn Ngân sách nhà nước. Theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ, nhà nước ban hành quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm tại các đại học, học viện, trường đại học, trường cao đẳng được phép đào tạo giáo viên thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu và đào tạo theo nhu cầu xã hội; trong đó có sinh viên ngành giáo dục mầm non.

2.4. Cơ hội và thách thức

Nhìn vào dữ liệu được trình bày bên trên, mối tương quan giữa xu hướng phát triển giáo dục mầm non, đào tạo giáo viên mầm non và sự phát triển bền vững có sự gắn kết mật thiết, phù hợp và theo đúng xu hướng phát triển về phát triển bền vững quốc gia. Như vậy có thể hiểu, quá trình phát triển giáo dục mầm non, đào tạo giáo viên mầm non cần được phát triển bền vững, không phát triển bằng mọi giá, sự phát triển của ngành, nghề của tương lai không làm tổn hại đến sự tồn tại ổn định của ngành nghề thuộc quá khứ và hiện tại. Sự phát triển cần hướng đến việc duy trì - ổn định – đổi mới – phát triển theo chức năng quản lý giáo dục, quản lý giáo dục mầm non; tôn trọng sự phát triển đa dạng của vùng miền, địa phương khác nhau trong quá trình phát triển.

Dù thế, phát triển bền vững trong giáo dục mầm non và đào tạo giáo viên mầm non bước đầu tạo ra một số cơ hội và thách thức đáng kể:

- Đồng bộ hệ thống đào tạo các vùng miền khác nhau, trong đó có các vùng khó là một cơ hội để nâng chuẩn về chất lượng đào tạo, đẩy mạnh hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn, vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới, miền núi, hải đảo; giúp trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng trên cơ sở bảo đảm các điều kiện về đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất trường, lớp học, bảo đảm công bằng trong giáo dục, góp phần rút ngắn khoảng cách vùng miền, phát triển kinh tế, xã hội.

- Nâng cao và đạt chuẩn đào tạo trình độ Cao đẳng đến năm 2030 và có khả năng hướng đến đạt chuẩn đại học từ sau năm 2030 là một thách thức. Lộ trình phấn đấu đạt chuẩn nhanh trong từ 7-10 năm thể hiện sự kiên quyết phát triển của ngành và xã hội; đồng thời tạo ra sự khẩn trương và áp lực cho các cơ sở đào tạo nghề giáo viên mầm non.

- Áp lực, gánh nặng tài chính trong bối cảnh đang tự chủ một phần của các cơ sở giáo dục và đào tạo, trong mục tiêu phấn đấu cải thiện chất lượng cuộc sống, tiền lương, thu nhập của giáo viên, đặc biệt là đội ngũ giáo viên mầm non có tỉ lệ nghỉ việc cao là một thách thức. Nghị định 116 ban hành và đang được áp dụng vẫn còn tồn tại một số khó khăn trong việc chi trả chi phí sinh hoạt hỗ trợ cho người học ngành sư phạm.

- Mục tiêu nâng cao việc sử dụng các công nghệ tạo thuận lợi, đặc biệt là công nghệ thông tin và truyền thông để thúc đẩy việc trao quyền cho phụ nữ vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với nghề giáo viên mầm non – chủ yếu thuộc giới tính nữ - phải đáp ứng việc nâng chuẩn trình độ, yêu cầu của ngành nghề đồng thời với việc sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông phù hợp nhu cầu cuộc sống và công việc.

- Tỉ lệ nghỉ việc, chuyển ngành của đội ngũ giáo viên mầm non hiện nay đang ở mức báo động. Theo dữ liệu cuối tháng 11 năm 2022, trong số 16.000 giáo viên bỏ việc năm 2022 thì giáo viên mầm non chiếm tỷ lệ cao nhất (40%). Mục tiêu nâng chuẩn trong thời gian ngắn; yêu cầu cập nhật những thay đổi điều chỉnh của chương trình giáo dục mầm non, ngành nghề; bài toán thu nhập;... tạo nên những khó khăn nhất định trong quá trình chuyên môn để phát triển bền vững trong giáo dục mầm non và đào tạo GVMN.

3. Kết luận

Trong công tác quản lý nói chung, quản lý giáo dục và quản lý giáo dục mầm non nói riêng, hai chức năng chung nhất phải thực hiện có thể kể đến a) chức năng duy trì và ổn định. b) chức năng đổi mới và phát triển. Cách hiểu này hoàn toàn phù hợp với những khái niệm, định nghĩa về phát triển bền vững được xuất hiện vào những

năm cuối thế kỷ XX. Bài viết đã đề cập về một số nội dung thuộc phát triển bền vững, Chương trình Nghị sự đi kèm; những nét chính trong phát triển bền vững giáo dục ở Việt Nam; xu hướng phát triển của giáo dục mầm non và đào tạo giáo viên mầm non; từ đó trình bày một số cơ hội và thách thức để cân nhắc việc dự thảo những cơ chế chính sách phù hợp hơn trong bối cảnh phát triển bền vững ở tương lai. Trong phạm vi Hội thảo, tác giả rất mong sẽ được trao đổi thêm về nội dung mang tính thời sự này nhằm hướng đến sự phát triển bền vững của ngành giáo dục mầm non, của công tác đào tạo GVMN vốn vẫn còn nhiều trăn trở.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Clark, William; Harley, Alicia (2020). “*Sustainability Science: Toward a Synthesis*”. Annual Review of Environment and Resources. 45 (1): 331–86. doi:10.1146/annurev-environ-012420-043621. Bài viết này tích hợp văn bản đã phát hành theo giấy phép CC BY 4.0.
2. Luật số 43/2019/QH14 của Quốc hội (14/06/2019). *Luật Giáo dục*. Hà Nội.
3. Nghị định số 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ (2020). Quy định về chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm. Hà Nội.
4. OECD (2019). *Education at a Glance 2019: OECD Indicators*. OECD Publishing. Paris. <https://doi.org/10.1787/f8d7880d-en>.
5. Quyết định 841/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (2023). *Lộ trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững Việt Nam đến năm 2030*. Hà Nội.
6. UK Government's Sustainable Development Unit official website (2010). Wayback Machine.
7. Văn phòng 21 - Phát triển bền vững (2021). Wayback Machine.
8. Vietnam Agenda 21 - Phát triển bền vững ở Việt Nam (2007). Wayback Machine.

Trang web

1. <https://sustainabledevelopment.un.org/sdg4>
2. <https://moet.gov.vn/Pages/tim-kiem.aspx?ItemID=7163>

ỨNG DỤNG CHƯƠNG TRÌNH GYMKID PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT VÀ NHÂN CÁCH CHO TRẺ MẦM NON

Tác giả 1: TS. Phùng Mạnh Cường

Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội,
Chuyên gia GymKID-Trung tâm Giáo dục
phát triển Thể chất GymKID Việt Nam

Tác giả 2: CN. Nguyễn Tiến Hưng

Tổng giám đốc Tổ hợp Giáo dục EduKID

Tác giả 3: CN. Nguyễn Mạnh Hùng

CEO Trung tâm Giáo dục phát triển Thể
chất GymKID Việt Nam

Tác giả 4: CN. Nguyễn Đức Minh

Trưởng phòng đào tạo

Trung tâm Giáo dục phát triển Thể chất
GymKID Việt Nam

Tóm tắt: Giáo dục thể chất là một mặt không thể thiếu trong giáo dục phát triển toàn diện cho trẻ mầm non, góp phần giúp cho trẻ trở thành một công dân toàn cầu. Thông qua bài viết này, nhóm tác giả muốn giới thiệu một chương trình Giáo dục thể chất mới – GymKID cho trẻ mầm non, để giúp cho trẻ không chỉ được học vận động bằng những hình thức, phương pháp giáo dục vận động tiên tiến trên thế giới, mà còn giúp cho trẻ phát triển toàn diện về thể chất, hình thái, chức năng của cơ thể. Ngoài ra, học GymKID trẻ còn được giáo dục và hình thành nhân cách thông qua các bài tập vận động để trở thành một công dân toàn cầu. Đây cũng là nội dung quan trọng góp phần đổi mới và sáng tạo trong hoạt động Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non nói riêng và trong hoạt động giáo dục và đào tạo cho trẻ em nói chung.

Từ khóa: GymKID, thể chất, nhân cách, trẻ mầm non.

1. Đặt vấn đề

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, với những mục tiêu dân giàu – nước mạnh – xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, hiện nay con người là nguồn nhân lực được coi là nhân tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững của nền kinh tế, chính trị nước nhà. Đảng và nhà nước ta khẳng định con người “vừa là mục tiêu, vừa là động lực” phát triển kinh tế xã hội. Vì vậy, vấn đề cốt lõi là chúng ta phải thực hiện chiến lược giáo dục, phát triển nguồn nhân lực, phát triển con người một cách toàn diện cả về phẩm chất đạo đức, thể lực lẫn trí lực, phát triển toàn diện: “trí, đức, thể, mỹ, lao”.

Trong thư “Gửi các em học sinh” của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân dịp khai giảng năm học mới với bút danh C.B, đăng trên Báo Nhân dân số 600, ngày 24 tháng 10 năm 1955 Bác nói về hoạt động thể dục cho trẻ em là: “Thể dục để làm cho thân thể mạnh khỏe, đồng thời cần giữ gìn vệ sinh riêng và vệ sinh chung”.

Riêng đối với thế hệ trẻ, Bác dành sự quan tâm đặc biệt. Người đã nhắc nhở thiếu nhi phải luyện tập thể dục thể thao. Trong "Thư cho học sinh ngày 17/9/1946", Bác căn dặn: "Phải siêng tập thể thao cho mình mấy được nở nang", "Cái quý nhất của con người là sức khỏe. Các em chịu khó tập thể dục là giữ gìn cái quý báu nhất của

con người". Cho đến ngày nay, những lời Bác dạy về tập luyện thể dục, thể thao nâng cao sức khỏe vẫn luôn đúng với mọi thế hệ, với mọi hoàn cảnh. Mỗi người dân mạnh khỏe sẽ tạo nên sức mạnh của cả dân tộc, từ đó góp phần giúp Việt Nam "dân cường", "nước thịnh" vượt qua mọi thách thức và khó khăn.

Cùng với sự quan tâm của Chính phủ về công tác Giáo dục thể chất trong hệ thống giáo dục nói chung và cho trẻ mầm non nói riêng, Thủ Tướng Chính phủ đã ra *Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam giai đoạn 2011 - 2030*. Mục tiêu của đề án: “Phát triển thể lực, tầm vóc người Việt Nam trong 20 năm tới để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; từng bước nâng cao chất lượng giống nòi và tăng tuổi thọ khỏe mạnh của người Việt Nam”. Hoặc *Quyết định số 1660/QĐ-TTg, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025*. Mục tiêu chính của đề án này là “Duy trì, đẩy mạnh hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe trẻ em, học sinh (gọi chung là học sinh) trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, trường chuyên biệt (gọi chung là trường học) nhằm bảo đảm sự phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần cho học sinh”. Và *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường*.

Chính từ sự quan tâm chỉ đạo của Chính phủ, thấy được tầm quan trọng của hoạt động Giáo dục thể chất của trẻ trong nhà trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã nghiên cứu và đưa hoạt động giáo dục vận động là nội dung giảng dạy bắt buộc được thể hiện trong *Thông tư 01/VBHN-BGDĐT Văn bản hợp nhất Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non*, ngày 13 tháng 4 năm 2021. Ở mỗi một độ tuổi trẻ được học các bài tập vận động khác nhau, phù hợp với độ tuổi của trẻ. Có rất nhiều tác giả, nhà khoa học đã có những công trình nghiên cứu về giáo dục nói chung cho trẻ mầm non, cũng như giáo dục vận động cho trẻ mầm non nói riêng như: PGS.TS. Nguyễn Bá Minh - Vụ trưởng Vụ GDMN Bộ Giáo dục và Đào tạo; TS. Hoàng Thị Dinh; PGS.TS Đặng Hồng Phương... Để có một chương trình giáo dục vận động mới, giúp trẻ hứng thú hơn trong học tập và mang lại hiệu quả cao thì vẫn cần sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu khoa học khác.

Trung tâm Giáo dục phát triển thể chất GymKID Việt Nam - thuộc Tổ hợp Giáo dục EduKID Singapore, là một trong những trung tâm hàng đầu ở Việt Nam về Giáo dục thể chất cho trẻ em mầm non, được bộ Giáo dục và đào tạo cấp giấy chứng nhận. Nhận thấy được tầm quan trọng cần phải đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục thể chất cho trẻ, nhóm tác giả đã nghiên cứu và đưa vào ứng dụng chương trình thể chất GymKID phát triển thể chất và nhân cách cho trẻ mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của giáo dục phát triển vận động đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non

2.1.1. Giáo dục phát triển vận động góp phần tăng cường và bảo vệ sức khoẻ, phát triển thể lực, tâm vóc người Việt Nam

Các bài tập vận động vừa sức giúp cơ thể trẻ thoải mái, kích thích hoạt động của các hệ cơ quan bên trong như hệ tuần hoàn, hệ thần kinh, hệ hô hấp, hệ tiêu hoá,... Đặc biệt khi trẻ luyện tập với các yếu tố tự nhiên như ánh nắng mặt trời, nước, không khí,... không chỉ làm tăng cường hiệu quả luyện tập mà còn giúp trẻ thích nghi tốt hơn với môi trường sống bên ngoài, tăng cường sức đề kháng của trẻ.

Thực hiện các bài tập vận động một cách khoa học giúp phát triển hệ cơ, hệ xương, củng cố khớp, dây chằng tạo khả năng phát triển đúng tỉ lệ giữa các bộ phận cơ thể, từ đó phát triển tư thế thân người hợp lí hoặc uốn nắn những tư thế sai cho trẻ mầm non.

Tham gia vận động thường xuyên, đúng cách và phù hợp giúp trẻ phát triển cơ thể cân đối, linh hoạt, khả năng phối hợp tốt hơn. Từ đó, giúp trẻ hình thành và rèn luyện các kỹ năng vận động, đồng thời phát triển các tố chất vận động.

2.1.2. Giáo dục phát triển vận động góp phần phát triển toàn diện cho trẻ mầm non

Việc thực hiện các bài tập vận động góp phần tích cực vào giáo dục phát triển nhận thức (tăng cường hiểu biết, làm phong phú biểu tượng về bài tập vận động, các bộ phận trên cơ thể và tác dụng của bài tập vận động đến trẻ, yêu cầu luyện tập,...).

Giáo dục phát triển vận động sẽ góp phần phát triển tình cảm – kỹ năng xã hội, thể hiện ở tình cảm, thái độ phù hợp với việc luyện tập vận động; kỹ năng thực hiện các yêu cầu về vệ sinh cá nhân, môi trường và dụng cụ luyện tập, hình thành các phẩm chất, nhân cách cần thiết của người lao động,... Khi trẻ được vận động thân thể đúng cách, phù hợp sẽ tạo cảm giác thoải mái để tham gia vào các hoạt động vui chơi và học tập.

2.2. Ứng dụng chương trình GymKID để đổi mới, sáng tạo hoạt động Giáo dục thể chất cho trẻ mầm non

2.2.1. GymKID - Giáo dục thể chất toàn diện cho trẻ mầm non

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO - World Health Organization) định nghĩa hoạt động thể chất là những chuyển động của cơ thể bởi hệ cơ - xương có tiêu hao năng lượng; bao gồm các hoạt động vui chơi thư giãn, di chuyển giữa các địa điểm và cả trong công việc thường ngày. Hoạt động thể chất của trẻ mầm non thường được thực hiện dưới những hình thức phổ biến như đi bộ, chạy, luyện tập thể thao, vui chơi tự do...

GymKID là một chương trình giáo dục thể chất chuyên biệt cho trẻ mầm non, chương trình được phát triển từ năm 1986 tại Singapore và được nghiên cứu áp dụng tại Việt nam bởi đội ngũ các chuyên gia GDTC hàng đầu trong và ngoài nước. Chương trình được thiết kế riêng biệt cho trẻ từ 12 tháng đến 6 tuổi. Được xây dựng từ nền tảng là môn Gymnastics, kết hợp một số kỹ năng tiền đề của các môn thể thao. Hướng đến mục tiêu phát triển thể chất toàn diện và nâng cao tầm vóc cho trẻ em Việt Nam.



Hình 1: Sơ đồ phát triển vận động toàn diện cho trẻ mầm non

Chương trình GymKID giúp cho trẻ em được phát triển toàn diện thông qua học các nội dung phát triển vận động. Phát triển vận động theo chương trình GymKID bao gồm:

- Trang bị các kỹ năng vận động cho trẻ: Nhóm kỹ năng vận động tinh và nhóm kỹ năng vận động thô.

+ Vận động thô là các kỹ năng liên quan đến sự tham gia của các nhóm cơ lớn của cơ thể trong hoạt động vận động đó như: nhóm cơ ngực, cơ vai, cơ lưng, cơ bụng, cơ tứ đầu đùi... Ví dụ: Bài tập đu xà đơn, kỹ thuật lộn xuôi, đi thăng bằng, chèo thang...

+ Vận động tinh: Là các kỹ năng vận động liên quan đến sự tham gia của các nhóm cơ nhỏ khi thực hiện động tác vận động đó như: nhóm cơ bàn tay, bàn chân, ngón tay, đốt ngón tay. Ví dụ: Tô, vẽ bút màu, xỏ dây giày, dùng đũa gắp thức ăn...

- Trang bị cho trẻ kiến thức và kỹ năng nâng cao sức khỏe, hoàn thiện thể mỹ. Bao gồm các bài tập:

+ Các bài tập rèn luyện khả năng phối hợp vận động cho trẻ, giúp tăng cường sự linh hoạt, phối hợp nhịp nhàng giữa các bộ phận cơ thể, tăng sự dẻo dai cho hệ cơ.

+ Các bài tập SportyKID –giúp trẻ làm quen với các môn thể thao, tạo tiền đề cho hoạt động vui chơi và thi đấu thể thao sau này của trẻ. Ví dụ: Trẻ làm quen chơi các môn như: Hockey, bóng đá, bóng bầu dục...

+ Giúp cho trẻ có nền tảng sức khỏe và thể lực tốt, hình thành hình thể khỏe đẹp. Các bài tập GymKID giúp phát triển các hệ thống cơ quan chức năng trong cơ thể trẻ như: hệ tuần hoàn, hô hấp, hệ tim mạch, hệ vận động... nâng cao sức đề kháng chống lại được sự xâm nhập của các yếu tố tác nhân gây bệnh cho cơ thể trẻ. Bên cạnh đó, các bài tập GymKID giúp cho trẻ uốn nắn, khắc phục được các tật cơ thể hình thành do thói quen xấu hoặc do yếu tố di truyền mang lại như: tình trạng chân vòng kiềng ở trẻ, tật cong vẹo cột sống do thói quen ngồi sai tư thế. Ví dụ: Bài tập đi cầu thăng bằng giúp trẻ khắc phục được tình trạng chân vòng kiềng; bài tập đu xà đơn giúp trẻ tăng chiều cao, kéo giãn đốt sống, khắc phục tình trạng cong vẹo cột sống.

- Giáo dục cho trẻ nhận thức về kỹ năng an toàn:

+ Tạo cho trẻ thói quen khởi động và hồi tĩnh khi tham gia hoạt động vận động.

+ Hướng dẫn cho trẻ biết tuân thủ quy định, quy trình trong giờ học, giờ tập luyện để đảm bảo an toàn, tránh xảy ra chấn thương.

+ Trang bị cho trẻ một số kỹ năng nhào lộn, té ngã an toàn khi tham gia vui chơi, tập luyện. Ví dụ: Trẻ biết cúi đầu, cuộn tròn thân khi bị ngã trong khi đá bóng hoặc khi đang chạy.

2.2.2. Phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục thể chất GymKID cho trẻ mầm non

2.2.2.1. Phương pháp giáo dục thể chất GymKID cho trẻ mầm non

** Phương pháp giáo dục vận động thông qua vui chơi*

Các nhà tâm lý học lỗi lạc như Piaget (1896-1980) hay Vygotsky (1896-1934) đều coi vui chơi là một phần quan trọng của tuổi thơ, là một cách để học tập. Với Piaget, học thông qua chơi được định nghĩa như là một sự phát triển thông qua các hoạt động vui chơi thực hành, chơi tưởng tượng, và tiếp tục là trò chơi có quy tắc.

Trong một bài giảng năm 1933, Vygotsky từng nói, “Khi vui chơi, một đứa trẻ luôn thể hiện năng lực cao hơn so với độ tuổi trung bình, cao hơn những hành vi hàng ngày; khi vui chơi như thể trẻ cao hơn chính mình. Giống như tiêu cự của một chiếc kính lúp, vui chơi bao gồm mọi xu hướng phát triển theo một dạng thức cô đọng; khi vui chơi như thể trẻ đang cố gắng nhảy cao hơn mức mà trẻ thường đạt được.”³, chính vì vậy, dựa vào học thuyết về “Vùng phát triển gần nhất”, thông qua vui chơi, trẻ có thể đạt được những tiến bộ vượt bậc nhờ vào quá trình nỗ lực thể hiện bản thân với các bạn đồng lứa, hoặc tinh thần hưng phấn trong trò chơi mà đạt kết quả vượt trội so với chính trẻ hàng ngày, đôi khi còn “ở mức độ cao nhất về nhận thức mà trẻ có thể đạt được”.

³ Mind in Society, 1967, 16



Hình 2: Học thông qua vui chơi của trẻ mầm non

Theo tổ chức LEGO Foundation, vòng tuần hoàn về việc học thông qua chơi của trẻ trải qua 4 dạng thức vui chơi:

- Chơi tự do: Trẻ tự thực hiện.
- Chơi có hướng dẫn: Trẻ tự thực hiện với sự dẫn dắt nâng cao của người lớn.
- Trò chơi: Người lớn thiết kế/dẫn dắt nâng cao, đưa ra quy định quy tắc của trò chơi.
- Hướng dẫn trực tiếp: Người lớn thiết kế/kiểm soát, đặt ra quy tắc ràng buộc của hoạt động.

Vui chơi có mục đích là một phần trong vòng tuần hoàn vui chơi liên tục của trẻ, bao gồm các hoạt động từ chơi do trẻ tự dẫn dắt (không có cấu trúc với sự tự do lựa chọn của trẻ và không có/ rất ít sự hỗ trợ từ giáo viên) đến chơi do giáo viên hướng dẫn (có cấu trúc cao với sự chỉ dẫn và hướng dẫn của giáo viên).

Chơi tự do không có cấu trúc	Chơi có mục đích	Chơi có cấu trúc cao
Trẻ tự điều khiển trò chơi của mình mà không có/ rất ít sự hỗ trợ từ giáo viên	Trẻ khám phá thế giới thông qua chơi mà được lên kế hoạch và thúc đẩy một cách có chủ đích bởi giáo viên để đạt được những mục tiêu học tập mong muốn	Giáo viên điều khiển trò chơi trong khi trẻ chỉ làm theo

Hình 3: Vòng tuần hoàn về mức độ tham gia của giáo viên với hoạt động vui chơi của trẻ

* *Phương pháp sáng tạo các bài tập vận động*: Phương pháp này kích thích sự sáng tạo và trí tuệ của trẻ khi tham gia vào hoạt động vận động.

* *Phương pháp tổ chức vận động liên hoàn*

Khu vận động liên hoàn là tổ hợp của một chuỗi trò chơi được lắp đặt liên tiếp, không tách rời, đòi hỏi trẻ vận động cả trí lực lẫn thể lực để có thể vượt qua những thử thách của trò chơi. Giúp trẻ không chỉ thoải mái khi tham gia mà còn có điều kiện phát triển những kỹ năng cần thiết từ thể lực cho đến trí tuệ.



Hình 4: Lớp học giáo dục thể chất cho trẻ được tổ chức thành khu vận động liên hoàn

2.2.2.2. Hình thức hoạt động giáo dục thể chất GymKID cho trẻ mầm non

Ngoài tổ chức các giờ học giáo dục phát triển thể chất, GymKID còn tổ chức các hình thức giáo dục thể chất đa dạng.

* *Hình thức học qua các khu vận động:* Thiết lập các KVĐ là một cách tổ chức có hệ thống để trẻ tham gia tối đa vào các hoạt động. Tại mỗi khu, trẻ được giao hoàn thành các nhiệm vụ khác nhau liên quan đến một chủ đề và kỹ năng trong thời gian được phân bổ.

- Khu vận động leo trèo.
- Khu vận động với xà.
- Khu vận động nhào lộn.
- Khu vận động phối hợp.
- Khu vận động phối hợp.

* *Hình thức vận động lồng ghép câu chuyện:*

Do đặc thù của hoạt động thể chất là hình thành và rèn luyện những kỹ năng vận động nên thường khô khan không thu hút trẻ hứng thú tham gia các hoạt động. Chính vì vậy, việc lồng ghép các câu chuyện, nhiệm vụ vào hoạt động thể chất có tác dụng vô cùng to lớn trong việc thu hút, hấp dẫn trẻ tích cực tham gia các vận động nâng cao hiệu quả giờ học. Các câu chuyện, nhiệm vụ được lồng ghép vào hoạt động thể chất được sử dụng linh hoạt phù hợp với từng bài dạy. Giáo viên vận dụng linh hoạt các câu chuyện nhằm gây hứng thú và củng cố động tác cho trẻ.

* *Hội thi thể dục - thể thao ở trường mầm non (hội khỏe):*

Hội thi thể dục thể thao nhằm rèn luyện cơ thể trẻ, kích lệ lòng yêu thích thể dục thể thao, góp phần củng cố và hoàn thiện kỹ năng vận động ở trẻ. Giúp xác định kết quả giáo dục của cô giáo và sự tập luyện của trẻ, tạo ra không khí thi đua rèn luyện

thể dục giữa các lớp trong một trường và các trường với nhau. Hội khoẻ được tổ chức nhằm mục đích cho tất cả các trẻ tham gia hoạt động thể dục thể thao một cách tích cực, hào hứng, sôi nổi. Qua đó thúc đẩy các hoạt động tập thể, gây không khí náo nức cho trẻ vì được tham gia "Biểu diễn", "Thi tài" của tập thể lớp mình cho các bạn xem.

Trong quá trình tham gia các hoạt động tập thể như vậy sẽ phát triển ở trẻ tính linh hoạt, mạnh dạn, tinh thần tập thể và để lại cho trẻ những cảm xúc vui tươi phấn khởi, óc thẩm mỹ về "những vận động viên tí hon" khi biểu diễn.

Hội khoẻ thường được tiến hành một lần trong năm, vào khoảng tháng 3 hoặc tháng 4. Hội khoẻ cần được chuẩn bị một cách khoa học. Cần có cuộc họp bàn chung giữa ban giám hiệu trường và các cô giáo về các bước, nội dung thực hiện trong hội khoẻ, nhà trường tạo điều kiện cơ sở vật chất cho các lớp: dụng cụ, nhạc cụ, quần áo ..., chuẩn bị địa điểm, tiến hành trang trí ... Cần thành lập các ban tổ chức ban thi đua, người điều khiển chính cuộc thi. Nội dung hội thi thể dục thể thao có thể là sự đồng diễn thể dục (thể dục tay không, thể dục dụng cụ, vòng, gậy...), chuyển đội hình, trò chơi vận động sau đó có thể là biểu diễn thể dục cá nhân (bật sâu, bật xa, chạy,...).

2.2.3. Môi trường, thiết bị giáo cụ giáo dục GymKID

Để triển khai có hiệu quả một giờ giáo dục thể chất GymKID thì môi trường giáo dục giữ vai trò hết sức quan trọng nó có tác động trực tiếp đến hiệu quả của giờ học, có ảnh hưởng đến việc học và tiếp thu các kỹ năng vận động của trẻ.

Một giờ học GymKID của trẻ mầm non được tổ chức ở trong phòng học được đảm bảo đầy đủ các yếu tố về diện tích, không gian, và trang thiết bị giáo cụ giảng dạy, tập luyện.



Hình 6: Phòng học và thiết bị giáo cụ GymKID

2.2.4. Ứng dụng GymKID phát triển nhân cách cho trẻ mầm non

Thông thường để giáo dục nhân cách cho trẻ mầm non các nhà giáo dục vẫn sử dụng các phương pháp giáo dục truyền thống như: thông qua nhân vật, câu chuyện để

giáo dục trẻ hoặc thông qua môn học đạo đức. Nhân cách của trẻ được thể hiện qua các đức tính như: Dũng cảm, kiên trì, tự tin, kỷ luật...

GIÁO DỤC NHÂN CÁCH QUA GYM KID

Dũng cảm

Vượt qua nỗi sợ để giữ cơ thể ở trạng thái lộn ngược.

Tự tin

Chủ động thực hiện sau vài lần trải nghiệm thành công.

Kiên trì

Cố gắng giữ được lâu nhất có thể trước khi lộn xuống kết thúc động tác.



Kỹ thuật

Chuối tay 4-6 tuổi



Kỹ thuật
Ném cao tay
2-3 tuổi

Kỷ luật

Xếp hàng chờ tới lượt thực hiện, không tự ý nhào lên hoặc xô đẩy hàng.

Kiên trì

Cố gắng ném nhiều lần tới khi trúng mục tiêu.

Tự tin

Thoải mái và chủ động thực hiện khi thấy có tăng độ khó (tạo mục tiêu cao hơn, mục tiêu di chuyển liên tục...)

Mỗi một bài tập trong GymKID ngoài việc trang bị cho trẻ các kỹ năng vận động, nó còn giúp tôi luyện và hình thành nhân cách trẻ, từ đó tạo nền tảng cho việc hình thành nhân cách và sự trưởng thành sau này của trẻ. Ví dụ: trẻ thực hiện bài tập đi qua cầu thăng bằng có độ cao nhất định, khi đó trẻ sẽ xuất hiện trạng thái lo sợ không dám thực hiện và đi qua cầu. Nhưng nhờ sự hướng dẫn và phương pháp giảng dạy của các thầy cô đã giúp trẻ dũng cảm vượt qua khó khăn sợ độ cao và tự tin bước đi qua cầu, từ đó hình thành đức tính dũng cảm, tự tin không sợ khó khăn thử thách của trẻ. Khi trẻ lớn lên gặp bất cứ khó khăn, thử thách nào cũng không bỏ cuộc.

Chương trình giáo dục nhân cách thông qua GymKID được thiết kế phù hợp cho mỗi độ tuổi với những bài tập có yêu cầu và mục tiêu khác nhau, phù hợp với trẻ từ 12 tháng đến 6 tuổi.

3. Kết luận

Chương trình giáo dục thể chất GymKID là một chương trình tiên tiến, góp phần đổi mới hoạt động giáo dục thể chất trong các nhà trường cho trẻ mầm non, giúp trẻ phát triển toàn diện cơ thể và gián tiếp hình thành nhân cách cho trẻ thông qua các hoạt động vận động.

Nhóm tác giả hy vọng rằng, bằng những tâm huyết của những người làm giáo dục sẽ mang đến một chương trình giáo dục đổi mới, sáng tạo giúp cho sự nghiệp giáo dục của nước nhà ngày càng phát triển, giúp cho các cơ sở giáo dục không ngừng lớn mạnh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo Nhân dân số 600, ngày 24 tháng 10 năm 1955.
<https://tennguoidepnhat.net/2012/05/19/gui-cac-em-hoc-sinh-24-10-1955/>
2. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật
3. Thư cho học sinh ngày 17/9/1946
4. Quyết định số 641/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ
5. Quyết định 1340/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Thủ tướng chính phủ
6. Quyết định số 1660/QĐ-TTg, Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2021 - 2025
7. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2016 Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025
8. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.
9. Thông tư 01/VBHN-BGDĐT Văn bản hợp nhất Thông tư ban hành Chương trình giáo dục mầm non
10. Kế hoạch số 361/KH-BGDĐT
11. Theo World Top 20 Project <https://worldtop20.org/worldbesteducationsystem>
12. Theo OECD - PISA 2018
<https://www.oecd.org/pisa/publications/pisa-2018-results.htm>
13. Theo Bộ giáo dục Singapore (MOE) <https://www.moe.gov.sg/education-in-sg>
14. Nurture Early Learners – A Curriculum for Kindergarten in Singapore: Overview
15. Nurture Early Learners – A Curriculum for Kindergarten in Singapore: Motor Skill Development
16. Simply Psychology <https://www.simplypsychology.org/vygotsky.html>
17. Steve Wheeler, Đại học Plymouth 2013
18. LEGO Foundation in support of UNICEF, 2018, 11
19. Nurture Early Learners – A Curriculum for Kindergarten in Singapore: Overview, 2013.

BIỆN PHÁP QUẢN LÝ HÀNH VI, CẢM XÚC TRẺ TĂNG ĐỘNG GIẢM CHÚ Ý Ở LỚP MẪU GIÁO HÒA NHẬP

ThS. Nguyễn Thị Hạnh

Trường Cao đẳng Sư phạm

Trung ương

Tóm tắt: Rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD) là một dạng rối loạn có liên quan đến những khó khăn về mặt hành vi, cảm xúc (HVCX). Trẻ ADHD thường có những HVCX như khả năng tập trung chú ý kém, hay cáu giận, dễ nổi nóng, thường đi lại tự do, ném đồ phá đồ chơi trong lớp. Những HVCX này của trẻ là những rào cản ảnh hưởng nhiều đến quá trình hòa nhập ở lớp mẫu giáo. Việc quản lý HVCX của trẻ ADHD ở lớp mẫu giáo hòa nhập là việc làm rất quan trọng nhằm nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập. Bài viết đề xuất năm biện pháp quản lý hành vi cảm xúc của trẻ ADHD tại các lớp mẫu giáo hòa nhập để giảm thiểu các HVCX bất thường, gia tăng HVCX tốt cho trẻ ADHD khi tham gia học hòa nhập tại trường mầm non.

Từ khóa: Tăng động, giảm chú ý, hành vi, cảm xúc, lớp mẫu giáo hòa nhập

1. Đặt vấn đề

Rối loạn tăng động, giảm chú ý (Attention Deficit Hyperactivity Disorders: ADHD) là một trong những rối loạn phổ biến nhất ở trẻ em trong độ tuổi đi học [1]. Ước tính tỷ lệ mắc rối loạn này trên toàn thế giới ở trẻ khoảng 7,2% [2]. *Tỉ lệ mắc ADHD được công bố là cứ ba bé trai thì có một bé gái mắc phải rối loạn này [1][2][3][4].* Nguyên nhân gây nên ADHD khá phức tạp, có nhiều yếu tố nguy cơ cao như: Chất hóa học tác động đến hệ thần kinh như cha mẹ hút thuốc, sử dụng các chất kích thích và uống rượu trong thời gian mang thai; do trẻ thiếu hụt chất dẫn truyền tế bào thần kinh Dopamin, Norepinephrine gây nên (Volkow và cộng sự, 2003), (Milberger và cộng sự, 2006-2008); Di truyền (Barkey và cộng sự, 2006); Môi trường (Ross, 1982), (M.BeiSer và cộng sự, 2000-2003) [4].

Hành vi của các trẻ ADHD biểu hiện hết sức đa dạng, phức tạp và khó kiểm soát. Các trẻ ADHD đặc biệt là các bé trai thường biểu hiện hành vi hướng ngoại, gây rất nhiều khó khăn cho GV trong quá trình chăm sóc, giáo dục các trẻ ở các lớp mẫu giáo [4]. Rối loạn tăng động giảm chú ý khiến các trẻ gặp nhiều khó khăn trong việc tham gia vào các hoạt động tại lớp mẫu giáo hòa nhập (LMGHN).

Trong nghiên cứu của mình, Domitrovich, C., Bradshaw, E., Berg, C., Pas, P., Becker, J., Musci, K., Embry, D. D., & Ialongo, T. (2016) đã chỉ ra rằng: Khi hỗ trợ trẻ nhỏ, GV mầm non nên giảm bớt kì vọng để giải quyết tất cả các nhu cầu xã hội và tình cảm của trẻ, hiểu các dấu hiệu không lời và đối phó với các những thay đổi lớn trong quá trình phát triển của trẻ nhỏ mắc ADHD [5].

Xu hướng tiếp cận nghiên cứu của thế giới đối với vấn đề hành vi đang chuyển từ mô hình giải quyết hành vi có vấn đề bằng các phương pháp, biện pháp đối phó bị động và mang tính trừng phạt sau khi hành vi xảy ra sang mô hình can thiệp, hỗ trợ, giáo dục hướng dẫn trẻ thực hiện các hành vi phù hợp, tích cực và dễ chấp nhận hơn một cách chủ động và mang tính dự phòng [6].

Trên thế giới có rất nhiều công trình nghiên cứu về vấn đề liên quan, nổi bật là nghiên cứu của Mojgan Khademi và cộng sự (2016) đã khảo sát thực trạng nhận thức và thái độ của GV tiểu học ở Tehran, Iran về học sinh ADHD và học sinh mắc khuyết tật học tập. GV được đánh giá là nhận thức của học sinh ADHD và khuyết tật học tập ở mức độ trung bình [7]. Năm 2015, Topkin và cộng sự đã khảo sát thực trạng nhận thức của GV tiểu học về triệu chứng, trị liệu và quản lý hành vi học sinh ADHD [8].

Tại Việt Nam, tác giả Nguyễn Thị Vân Thanh (2010) đã khảo sát và đưa ra thực trạng về các đặc điểm tâm lí lâm sàng của HS ADHD học tiểu học, trong đó trình bày về các biểu hiện hành vi của HS ADHD [9].

Năm 2015, Nguyễn Thị Hạnh đã có nghiên cứu về biện pháp quản lý hành vi trẻ ADHD trong lớp mẫu giáo hòa nhập [3]. Năm 2021, Đỗ Thị Thảo và Nguyễn Thị Hoa đã khảo sát thực trạng giáo dục hành vi cho học sinh ADHD học hòa nhập tiểu học [10]. Năm 2022, Đỗ Xuân Hải và cộng sự nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục hành vi của học sinh ADHD học hòa nhập từ cấp tiểu học [11].

Tháng 9/2023, Nguyễn Thị Hạnh đã có nghiên cứu trên 66 GV mầm non về thực trạng quản lý HVCX trẻ ADHD trong lớp mẫu giáo hòa nhập đã chỉ ra thực tiễn công tác giáo dục hòa nhập trẻ ADHD tại các trường mầm non ở Hà Nội ít được quan tâm. Hiệu quả quản lý các HVCX bất thường của trẻ ADHD học hòa nhập chưa cao. Nghiên cứu đã chỉ rõ cần có các nghiên cứu đề xuất các biện pháp quản lý HVCX của trẻ ADHD trong lớp MGHN là cần thiết [12]. Nghiên cứu của Dương Minh Tâm và Trần Nguyễn Ngọc về tỉ lệ các rối loạn đi kèm với ADHD tại khoa tâm thần bệnh viện Nhi Trung ương cho chúng ta thông tin, nhóm trẻ ADHD trong độ tuổi từ 3 – 5 có tỷ lệ rối loạn cảm xúc, hành vi ứng xử cao nhất với 66,7% [2,133]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Hoài Phương, Ngô Thùy Dung, Trần Văn Công (2021) về tổng quan nghiên cứu các vấn đề hành vi cảm xúc ở trẻ có rối loạn phổ tự kỉ [14].

Hiện có nhiều công trình nghiên cứu về hành vi cảm xúc ở trẻ rối loạn phổ tự kỉ, tuy nhiên, nghiên cứu về biện pháp quản lý HVCX của trẻ ADHD học trong lớp mẫu giáo hòa nhập còn bỏ ngỏ, ít được quan tâm nghiên cứu. Nếu giáo viên không quản lý được các HVCX bất thường của trẻ ADHD trong lớp học thì sẽ ảnh hưởng đến việc dạy của cô, việc học của các bạn khác trong lớp và việc học của chính trẻ ADHD đó.

Nói cách khác công tác giáo dục hòa nhập trẻ ADHD ở các LMGHN sẽ không đạt hiệu quả cao.

Với những công trình nghiên cứu về trẻ ADHD trên thế giới và trong nước có nhắc đến một số biện pháp quản lý hành vi trẻ ADHD ở tiểu học và mẫu giáo nhưng chưa chú trọng hình thành và tăng cường HVCX mong muốn trong hoạt động chung, hoạt động vui chơi, hoạt động cá nhân. Bởi vậy để nâng cao chất lượng hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập trẻ ADHD rất cần có các nghiên cứu về các biện pháp quản lý HVCX của trẻ nhằm giảm bớt các HVCX bất thường, hình thành và gia tăng HVCX tốt của trẻ ngay từ khi trẻ học hòa nhập ở mầm non.

Trong giới hạn phạm vi bài viết, chúng tôi đề cập tới năm biện pháp: (i) Xây dựng nội quy lớp học bằng hình ảnh; (ii) Xây dựng thời khóa biểu có cấu trúc bằng hình ảnh; (iii) Sắp đặt môi trường vật chất có cấu trúc, dễ tiếp cận, dễ dự đoán và an toàn; (iv) Xây dựng hệ thống thưởng quy đổi; (v) Tạo dựng nề nếp, thói quen và thực hiện các hoạt động hàng ngày một cách nhất quán.

2. Nội dung nghiên cứu

Dựa vào kết quả nghiên cứu lí luận và khảo sát thực trạng quản lý HVCX của trẻ ADHD trong lớp mẫu giáo hòa nhập [4], [12], tác giả đề xuất một số biện pháp quản lý HVCX của trẻ ADHD nhằm giảm thiểu HVCX bất thường và gia tăng HVCX tốt cho trẻ.

Biện pháp 1: Xây dựng nội quy lớp học bằng hình ảnh

Mục tiêu: Giúp trẻ ADHD và các trẻ khác trong lớp hiểu và thực hiện theo nội quy đã đưa ra

Nội dung: GV và các trẻ trò chuyện, thống nhất những điều không mong muốn và những mong đợi về HVCX cụ thể trong tình huống nhất định, minh họa bằng hình ảnh và chữ.

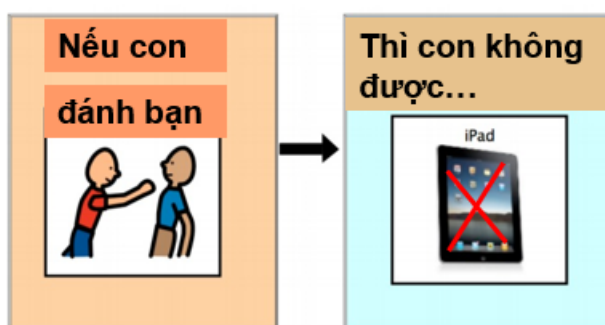
Cách tiến hành: GV quan sát HVCX của trẻ ADHD và các trẻ trong lớp học của mình để đưa ra các cặp nội quy tương tự, sau đó lựa chọn hình ảnh phù hợp, in và ép plastic và treo bảng nội quy lớp học ở nơi các trẻ dễ tiếp cận, dễ quan sát nhất.

GV chỉ cho trẻ ADHD và các trẻ khác trong lớp cách thể hiện một nội quy nào đó trong lớp học cần làm rõ những điều không được phép làm và những điều nên làm (những mong đợi về hành vi cụ thể trong một tình huống nhất định).

Ví dụ: Khi trẻ ADHD chạy xung quanh lớp, GV chỉ vào nội quy bằng hình ảnh có khung viền màu đỏ và nói "Không chạy", sau đó chỉ vào nội quy có khung nền màu xanh rồi nói "Đi nhẹ nhàng". Tương tự như vậy, GV thực hiện với những cặp hình ảnh khác nêu rõ những điều không mong muốn và những mong đợi với các trẻ trong lớp mẫu giáo có trẻ ADHD học hòa nhập. GV động viên khen trẻ khi trẻ có các HVCX

phù hợp. GV có thể thiết kế bảng nội quy lớp học treo ở vị trí dễ các trẻ dễ quan sát và thực hiện. Ngoài ra ở từng góc GV cũng nên thiết kế nội quy riêng sẽ giúp ngăn ngừa các HVCX bất thường và gia tăng HVCX tốt ở trẻ ADHD.

NỘI QUY LỚP HỌC



Biện pháp 2: Xây dựng thời khóa biểu có cấu trúc bằng hình ảnh

Mục tiêu: Giúp các GV thống nhất với trẻ ADHD và các trẻ khác trong lớp hiểu và thực hiện đúng lịch hoạt động trong ngày, theo tuần, lịch trình hỗ trợ cá nhân đã đưa ra một cách nhất quán từ đó giúp các trẻ hiểu rõ các hoạt động trẻ sẽ tham gia, hoạt động nào trước, hoạt động nào sau. Trẻ ADHD và các trẻ chấp nhận sự thay đổi, chuyển tiếp sang hoạt động tiếp theo một cách dễ dàng hơn. Biện pháp này sẽ ngăn chặn được HVCX bất thường ở trẻ đồng thời gia tăng sự sẵn sàng tham gia vào hoạt

động mà trẻ không ưa thích, dần dần trẻ sẽ hợp tác với cô và các bạn trong lớp khi tham gia các hoạt động.

Nội dung: GV thiết kế các dạng lịch hoạt động có ít nhất hai hoạt động, chọn hình ảnh minh họa kèm chữ viết cho từng hoạt động và theo cấu trúc nhất định.

Cách tiến hành: GV quan sát HVCX của trẻ ADHD và các trẻ trong lớp học của mình để xây dựng lịch trình hoạt động, thời khóa biểu có sự điều chỉnh nề nếp sinh hoạt hàng ngày của lớp để các trẻ trong lớp và trẻ ADHD dễ tiếp cận, biết rõ mình cần thực hiện bao nhiêu hoạt động và đó là những hoạt động gì sẽ giảm thiểu lo lắng, bất an và giảm HVCX bất thường. Khi nhìn lịch trình các trẻ sẽ hiểu mình cần thực hiện hoạt động nào trước, hoạt động nào sau. Với lịch hoạt động cá nhân cho trẻ ADHD ”Đầu tiên - Sau đó”, “Trước - Sau”.



Thời khóa biểu			
	Điểm danh		Ngủ trưa
	Hoạt động chung		Ăn nhẹ
	Hoạt động góc		Đi vệ sinh
	Hoạt động ngoài trời		Hoạt động tự do (Năng khiếu)
	Ăn trưa		Về nhà

THỜI GIAN BIỂU LỚP MẪU GIÁO LỚN

Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật

Biện pháp 3: Sắp đặt môi trường vật chất có cấu trúc để trẻ dễ tiếp cận, dễ dự đoán và đảm bảo an toàn cho các trẻ

Mục tiêu: Giúp trẻ ADHD và các trẻ khác trong lớp dễ tiếp cận, dự đoán và an toàn trong các khu vực, phân chia ranh giới rõ ràng để các trẻ quan sát, hiểu và tới đúng khu vực đó chơi và thực hiện các hoạt động cụ thể ở đúng khu vực hay góc chơi hoặc các giá kệ chứa đồ chơi đó.

Nội dung: GV phân chia ranh giới rõ ràng giữa các khu vực chơi và hoạt động. GV sắp xếp đồ dùng, đồ chơi ngăn nắp, gọn gàng để các trẻ dễ tiếp cận, dễ lấy và sử dụng đồ dùng đồ chơi trong các góc chức năng cụ thể.

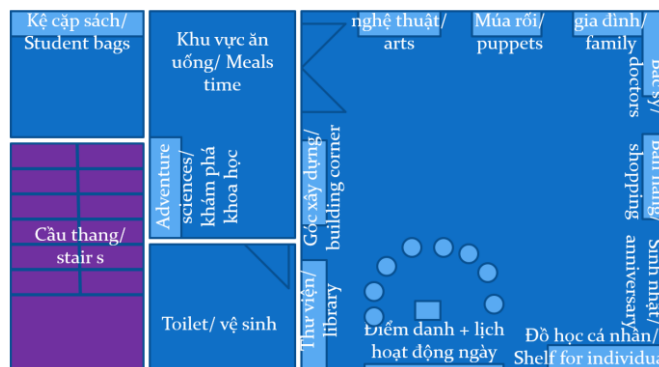
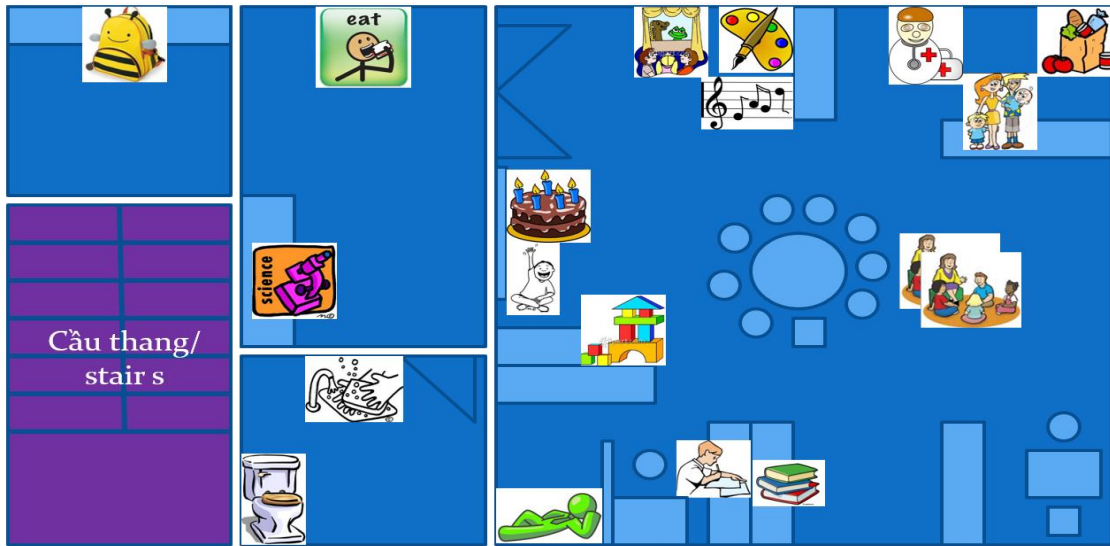
Cách tiến hành: GV tổ chức, sắp xếp môi trường vật chất trong lớp học hòa nhập theo hướng để trẻ ADHD và các trẻ khác dễ tiếp cận các hoạt động: sử dụng khoảng không tường, hệ thống ánh sáng và việc sử dụng các ký hiệu, dấu hiệu, biển báo.

GV sắp đặt các giá kệ, tủ chứa đồ dùng, đồ chơi, bàn ghế cần phù hợp lứa tuổi, an toàn, sạch sẽ cho tất cả các trẻ dễ dàng sử dụng qua các dấu hiệu cụ thể bằng màu sắc, hình ảnh, biểu tượng. Trẻ sẽ biết mình cần làm gì, lấy đồ dùng đồ chơi nào cho phù hợp. Từ đó trẻ nhận ra sự hiện diện của mình trong lớp học có thể thông qua ảnh, biểu tượng của trẻ, hay sản phẩm của chính trẻ được trưng bày.

Tạo cơ hội cho trẻ được tham gia các hoạt động hàng ngày. Các góc được bày biện hấp dẫn, ở mỗi góc đều được dán nhãn, ký hiệu giúp trẻ biết nơi cất, sử dụng đồ dùng, tranh ảnh, thông báo đặt ngang tầm mắt của trẻ. Nên có khu vực riêng cho trẻ ADHD nghỉ khi trẻ quá căng thẳng không ảnh hưởng đến các bạn trong lớp.

GV nên kiểm soát các thiết bị điện, ổ cắm, thuốc cha mẹ gửi cho các trẻ uống,... nếu không được sử dụng đúng cách, có khả năng gây hại cho các trẻ để đảm bảo loại trừ mọi nguy cơ gây tai nạn hoặc ngộ độc cho trẻ ADHD ở trong lớp hòa nhập. Xem xét xếp chỗ ngồi cho trẻ ADHD một cách hợp lý sẽ giúp GV tránh được nhiều vấn đề rắc rối có thể xảy ra nếu trẻ không ngồi ở vị trí phù hợp: không xếp trẻ tăng động, hấp tấp ngồi gần cửa ra vào vì trẻ luôn bị phân tán sự tập trung chú ý khi có ai đó đi qua cửa lớp. Đặc biệt là GV tránh xếp những trẻ giảm chú ý có hành vi hướng nội luôn thu mình vào những vị trí góc lớp.

GV cần loại bỏ những trang thiết bị có cạnh góc sắc nhọn hay dễ quay, đổ. Sắp xếp gọn gàng các loại dây đèn và các thiết bị điện khác để trẻ không dẫm lên hoặc có thể chọc vào ổ điện. Loại bỏ các vật nhỏ như đinh ghim, hạt hạt để trẻ có thể cho vào mũi, mồm...






Biện pháp 4: Xây dựng hệ thống thường quy đời

Mục tiêu: GV xây dựng hệ thống thưởng quy đổi nhằm giúp các trẻ trong lớp và trẻ ADHD đạt được những mục tiêu nhỏ, các nhiệm vụ nhỏ trong chuỗi nhiệm vụ lớn.

Nội dung: GV và các trẻ trò chuyện, thống nhất những nhiệm vụ cụ thể trong tình huống nhất định trẻ không muốn thực hiện, thông qua phần thưởng quy đổi, trẻ sẵn sàng tham gia vào hoạt động trẻ không muốn có hình ảnh và chữ viết minh họa.

Cách tiến hành: GV thiết kế hệ thống thưởng quy đổi để áp dụng với trẻ ADHD có các HVCX bất thường. Sử dụng thưởng quy đổi giúp trẻ đạt được những mục tiêu đề ra. Trẻ ADHD sẽ cố gắng không phá vỡ các quy tắc, giảm bớt các HVCX không phù hợp. Vào cuối buổi học, cuối ngày hay cuối tuần, trẻ được phép trao đổi những điểm thưởng để đổi lấy đặc quyền nào đó. Ví dụ khi cho các trẻ ghép hình 5 mảnh, mỗi khi trẻ ghép được 1 mảnh, GV khen thưởng cho trẻ một sticker trẻ thích, sau khi ghép xong 5 mảnh, trẻ sẽ đổi 5 sticker để được ăn một cái bánh quy. Cuối tuần trẻ được phiếu bé ngoan GV sẽ thưởng cho trẻ chơi Ipad trong 5 phút.

Hoặc ở góc cá nhân, GV cho trẻ chỉ vào bảng hoạt động và nói “con thực hiện hoạt động (ghép hình) để được một cái gì đó (chơi xích đu). Hình ảnh dưới đây cho trẻ quyền lựa chọn một/3 thứ trẻ thích (ăn bánh, chơi xích đu hoặc ghép hình)

Con thực hiện hoạt động để được				
				

GV cần chọn lựa đúng phần thưởng củng cố trẻ ADHD thích sẽ là tác nhân củng cố cho trẻ biểu hiện các HVCX tốt những lần sau. GV cho trẻ biết khi thực hiện đúng nhiệm vụ, hoạt động GV giao và có HVCX phù hợp sẽ được nhận phần thưởng. Khen thưởng cần đúng lúc, đúng chỗ, luôn động viên, khích lệ trẻ. GV nên sử dụng đa dạng các hình thức củng cố, khen thưởng khác nhau: vật chất, đồ ăn, đồ uống, đồ chơi, xúc chạm thể chất (xoa đầu, vỗ vai, vuốt má, ôm, hôn), cho trẻ kết thúc hoạt động hoặc khen thưởng tự nhiên.

Biện pháp 5: Tạo dựng nề nếp, thói quen và thực hiện các hoạt động hàng ngày một cách nhất quán

Mục tiêu: Giúp trẻ ADHD, cùng các trẻ khác trong lớp hiểu, thực hiện những mong đợi đến từ môi trường lớp học, đồng thời giảm thiểu HVCX bất thường và gia tăng HVCX mong muốn (tốt).

Nội dung: Việc sắp đặt môi trường vật chất và kết hợp với lịch trình hoạt động, thời khóa biểu bằng hình ảnh có cấu trúc để trẻ hiểu và thực hiện đúng trong tất cả các hoạt động hàng ngày đúng thời gian, không gian, địa điểm trong hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm nhỏ và hoạt động chung ở lớp mẫu giáo hòa nhập là rất cần thiết.

Cách tiến hành: GV cần tổ chức các hoạt động hàng ngày theo đúng thời gian, nề nếp cụ thể, rõ ràng thường xuyên thông qua các lịch hoạt động và thời khóa biểu hàng ngày nhằm giúp trẻ hiểu rõ hơn hoạt động này bắt đầu và kết thúc như thế nào? Khi trẻ gặp khó khăn, GV nên hỗ trợ trẻ thực hiện hoạt động. GV giảm dần sự hỗ trợ để trẻ ADHD tự thực hiện các hoạt động. Đan xen giữa hoạt động tĩnh và hoạt động. Đan xen giữa hoạt động học và hoạt động vui chơi, ăn, ngủ, vệ sinh v.v..

Với các trẻ ADHD có nhiều HVCX bất thường GV nên phối hợp với cha mẹ trẻ cho con can thiệp cá nhân, nên cố định góc can thiệp cá nhân và có lịch hoạt động cụ thể bằng hình ảnh vào khung giờ nhất định, tại góc cố định để giảm bớt các HVCX bất thường và gia tăng những HVCX tốt.

3. Kết luận

Rối loạn tăng động giảm chú ý là một dạng rối loạn có liên quan đến những khó khăn về mặt hành vi, cảm xúc (khả năng tập trung chú ý kém, hay cáu giận, dễ nổi nóng, đi lại tự do, ném đồ chơi trong lớp...). Từ trước đến nay, các GV đều áp dụng nhiều biện pháp quản lý lớp học nói chung và quản lý HVCX nói riêng. GV chủ yếu áp dụng các biện pháp quản lý hành vi mang tính bị động, khi có vấn đề HVCX xảy ra thì trách phạt, nhắc nhở các trẻ khi trẻ vi phạm điều gì đó mà chưa áp dụng các biện pháp quản lý HVCX bất thường một cách chủ động ngăn chặn, phòng ngừa. GV gặp rất nhiều khó khăn trong việc tổ chức các hoạt động khi có trẻ ADHD học hòa nhập, dẫn đến hiệu quả, chất lượng công tác GDHN chưa cao vì thiếu các biện pháp đặc thù.

Kết quả nghiên cứu này sẽ gợi ý cho các nhà nghiên cứu, các nhà giáo dục biện pháp quản lý HVCX bất thường trong lớp mẫu giáo hòa nhập nhằm từng bước giảm thiểu HVCX bất thường, hình thành và gia tăng HVCX tốt ở trẻ ADHD đồng thời khắc phục những khó khăn của GV khi quản trẻ trong từng hoạt động cụ thể.

Năm biện pháp đề xuất ở nghiên cứu này giúp nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác giáo dục hòa nhập trẻ ADHD ở bậc học mầm non: (i) *Xây dựng nội quy lớp học bằng hình ảnh;* (ii) *Xây dựng thời khóa biểu có cấu trúc bằng hình ảnh;* (iii) *Sắp đặt môi trường vật chất có cấu trúc, dễ tiếp cận, dễ dự đoán và an toàn;* (iv) *Xây*

dựng hệ thống thường quy đối; (v) Tạo dựng nề nếp, thói quen và thực hiện các hoạt động hàng ngày một cách nhất quán.

Bởi vậy chúng tôi đề xuất cần có các nghiên cứu thực nghiệm sâu hơn để đánh giá hiệu quả của từng biện pháp quản lý HVCC của trẻ ADHD trong lớp MGHN là rất cần thiết trong giai đoạn tiếp theo để nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hòa nhập trẻ ADHD tại các lớp mẫu giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ozonoff S, Young GS, Carter A, Messinger D, Yirmiya N, Zwaigenbaum L, Bryson S, American Psychiatric Association, (2013), *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders (DSM-5)*, 5th ed, Washington, DC: American Psychiatric Association.
2. Dương Minh Tâm, Trần Nguyễn Ngọc (2022). *Tỷ lệ các rối loạn tâm thần đồng diễn với rối loạn tăng động giảm chú ý tại khoa Tâm thần bệnh viện Nhi trung ương*. Tạp chí y học Việt Nam tập 511, tháng 2, số 2. Tr 133-138
3. Nguyễn Thị Hạnh (2005). *Biện pháp quản lý hành vi trẻ tăng động giảm chú ý trong lớp mẫu giáo hòa nhập*. Đề tài NCKH cấp bộ, B 2009-33-15.
4. Lê Thị Minh Hà (2014). *Giáo dục trẻ rối loạn tăng động giảm chú ý*. Nhập môn giáo dục đặc biệt. NXB ĐHSP thành phố Hồ Chí Minh. Tr 199-227.
5. Hoàng Thu Huyền, (2023), *Nghiên cứu về năng lực cảm xúc - xã hội trong giáo dục mầm non trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam. Tập 19, Số 3, năm 2023. Tr 41-47
6. Hoàng Thị Lệ Quyên (2017), *Biện pháp can thiệp hành vi tích cực trong lớp mầm non có trẻ rối loạn phổ tự kỉ*. Tạp chí Khoa học trường ĐHSP Hà Nội. ISSN 2354-1075. Volume 62, Issue 9AB, 2017. Tr 365-378.
7. Mojgan Khademi et al, (2016), *Knowledge and Attitude of Primary School Teachers in Tehran/Iran towards ADHD and SLD*, Global Journal of Health Science, Vol. 8, No. 12, p.141-151.
8. Topkin, Roman, Mwaba, (2015), *Attention Deficit Disorder (ADHD): Primary school teachers' knowledge of symptoms, treatment and managing classroom behaviour*, South African Journal of Education, Volume 35, Number 2, p.1-8.
9. Nguyễn Thị Vân Thanh, (2010), *Đặc điểm tâm lý tâm sàng của học sinh tiểu học có rối loạn tăng động giảm chú ý*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Tâm lý học.

10. Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Thị Hoa (2021), *Thực trạng giáo dục hành vi cho học sinh tăng động giảm chú ý học hòa nhập ở Tiểu học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam. Số đặc biệt, tháng 11/2021. Tr 99-107

11. Nguyễn Xuân Hải, Đỗ Thị Thảo, Nguyễn Thị Hoa (2022), *Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục hành vi cho học sinh tăng động giảm chú ý học hòa nhập ở tiểu học*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam. Tập 18, Số 1, năm 2022. Tr 40-44

12. Nguyễn Thị Hạnh, Trần Thị Ngoan (2023). *Thực trạng quản lý hành vi cảm xúc trẻ rối loạn tăng động giảm chú ý trong lớp mẫu giáo hòa nhập*. KYHT Giáo dục trí tuệ cảm xúc cho trẻ mầm non, thực trạng và giải pháp, 9/2023. Tr 40-51.

13. Nguyễn Thị Hoài Phương, Ngô Thùy Dung, Trần Văn Công (2021), *Tổng quan nghiên cứu các vấn đề hành vi cảm xúc ở trẻ có rối loạn phổ tự kỉ*. Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 41 tháng 5/2021.

14. Nguyễn Thị Hạnh. *148 tình huống sư phạm trong giáo dục đặc biệt*. NXB NHQG, 2010.

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRƯỜNG HỌC TRONG GIÁO DỤC VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (ESD) VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CÁC HOẠT ĐỘNG TẠI TRƯỜNG MẦM NON GCA

ThS. Phan Thùy Dương

Tổng giám đốc CTCP Đầu tư & Phát triển giáo dục CapiEdu Việt Nam - Chủ tịch hội đồng chuyên môn khối mầm non

Hệ thống trường MN GCA

Trường MN Genesis School

Tóm tắt: Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) là một trong những yếu tố quan trọng nhằm đạt được 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (SDGs) tầm nhìn 2030. Trong khung trường học bền vững thì văn hóa trường học là một trong những trụ cột chính để hướng tới giáo dục vì sự phát triển bền vững. Xuyên suốt trong các phương pháp giáo dục/ cách tiếp cận giáo dục dành cho trẻ mầm non từ đầu thế kỷ XX đến nay, yếu tố văn hóa đều ảnh hưởng và trở thành một cấu phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường, phát triển chương trình, nền tảng cho sự hình thành thói quen, hành vi ứng xử, nhân cách... cho trẻ nhỏ từ những năm đầu đời tại nhiều quốc gia từ Âu sang Á. Điều đó vừa là nền tảng vừa là những chất liệu để đổi mới và sáng tạo khi tổ chức các hoạt động giáo dục, phát triển chương trình giáo dục của nhà trường.

Từ khoá: Phát triển bền vững/giáo dục vì sự phát triển bền vững/văn hóa trường học/đổi mới/sống xanh.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD) là một trong những yếu tố quan trọng nhằm đạt được 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (SDGs) tầm nhìn 2030. Trong khung trường học bền vững thì văn hóa trường học là một trong những trụ cột chính để hướng tới giáo dục vì sự phát triển bền vững.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD)

Khái niệm phát triển bền vững xuất hiện rõ rệt lần đầu tiên trong “Chiến lược bảo tồn thế giới của Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên quốc tế” (IUCN) năm 1980, song mới chỉ chủ yếu đề cập đến vấn đề bền vững sinh thái. Ngày nay, định nghĩa phát triển bền vững được chấp nhận một cách rộng rãi và cũng là là định nghĩa trong “Báo cáo Brundtland” của Ủy ban Môi trường và Phát triển Thế giới (WCED) của Liên hợp quốc năm 1987: “*Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng được những yêu cầu của hiện tại nhưng không gây trở ngại cho việc đáp ứng nhu cầu của các thế hệ mai sau*”.

Khái niệm phát triển bền vững bao gồm: Môi trường toàn vẹn; Kinh tế vững vàng; Xã hội công bằng và tôn trọng đa dạng văn hóa.

Các mục tiêu Phát triển bền vững còn được gọi là mục tiêu Toàn cầu, là lời kêu gọi của Liên Hợp Quốc tới tất cả các nước trên thế giới để giải quyết những thách thức lớn mà nhân loại phải đối mặt và đảm bảo rằng tất cả mọi người đều có cơ hội sống tốt hơn. Phát triển bền vững được chia thành 17 mục tiêu liên quan đến các vấn đề phổ biến nhất.



Hình 1. 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs) tầm nhìn 2030

Trong 17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc tầm nhìn 2030, giáo dục vừa là mục tiêu phát triển bền vững quan trọng (mục tiêu số 4) đồng thời là phương tiện để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững khác. Thúc đẩy mục tiêu phát triển bền vững thông qua lăng kính giáo dục chính là ESD (Education for Sustainable Development).

ESD là cách tiếp cận toàn diện cần nhiều bên tham gia, trong đó có vai trò của chính phủ, doanh nghiệp, nhà trường, cộng đồng, cơ quan truyền thông, đối tác; được áp dụng xuyên suốt trong cách tiếp cận toàn trường (Whole Institution Approach) thông qua bốn mặt:

- Xây dựng cơ chế chính sách và nâng cao nguồn nhân lực.
- Cơ sở vật chất và vận hành trường học.
- Đổi mới phương pháp dạy và học.
- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường và cộng đồng.

Khung trường học phát triển bền vững cũng chỉ ra bên cạnh cơ sở vật chất, chương trình giáo dục thì văn hóa trường học là một trụ cột quan trọng trong ESD.

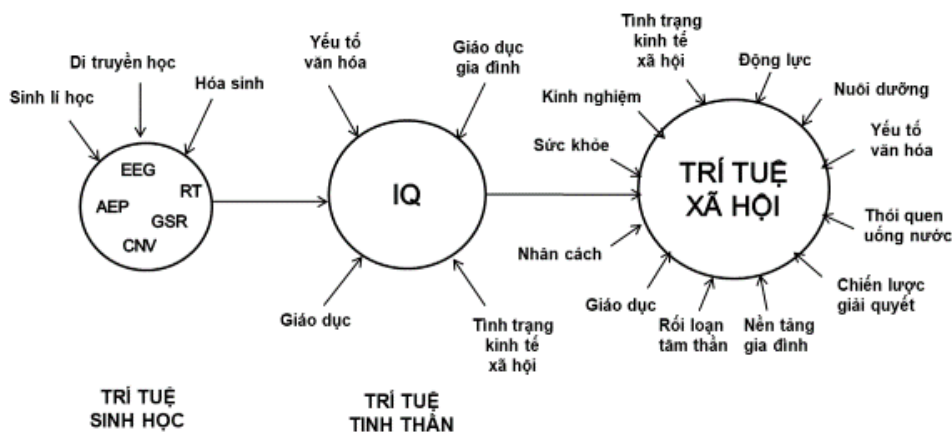


Hình 2. Khung phát triển trường học bền vững toàn diện

2.2. Vai trò của văn hóa và văn hóa trường học trong giáo dục vì sự phát triển bền vững

2.2.1. Vai trò của văn hóa trong một số lý thuyết về cách tiếp cận, phương pháp giáo dục mầm non

Trong phát ngôn của Eysenck về ba quan niệm khác nhau trí thông minh của con người, yếu tố văn hóa đều nằm trong trí tuệ tinh thần và trí tuệ xã hội.



H3. Phát ngôn của Eysenck về 3 quan niệm trí thông minh

Trong phương pháp Montessori của Maria Montessori (1870 -1952), Văn hóa là một trong 5 lĩnh vực phát triển cốt lõi bao gồm:

- Giác quan: Phát triển 5 giác quan: khứu giác, thị giác, thính giác, vị giác, xúc giác; vận dụng 5 giác quan giúp trẻ chủ động khám phá thế giới.
- Ngôn ngữ: Phát triển toàn diện về ngôn ngữ và tư duy cho trẻ.
- Toán học: Cung cấp các kiến thức về toán học, rèn luyện khả năng độc lập, linh hoạt.
- Thực hành cuộc sống: Là hoạt động có ý nghĩa thực tiễn, mang đến cơ hội phát triển kỹ năng toàn diện.
- Văn hóa: Cung cấp về các môn học như lịch sử, địa lý, khoa học, nghệ thuật... giúp trẻ phát triển bản thân, nhanh chóng thích nghi với môi trường sống và trở thành một thành viên có ích cho xã hội.

Sau Thế chiến thứ hai, nước Ý bị tàn phá nặng nề - đây là thời điểm nước Ý không chỉ tái thiết lại các điều kiện vật chất mà cả những yếu tố như: cộng đồng, sự đoàn kết, về “cái tôi” của nước Ý... Tại thị trấn Reggio Emilia nằm ở miền Bắc nước Ý đã phát triển mô hình giáo dục mới, trong đó nhà tâm lý học người Ý Loris Malaguzzi – cha đẻ của triết lý giáo dục này cũng xác định môi trường là “người thầy thứ ba” - nhấn mạnh việc gắn kết yếu tố văn hóa và môi trường nhằm tăng cường các hoạt động trải nghiệm thực tế giúp mỗi trẻ phát triển tình yêu khám phá, hình thành tính cách cá nhân, biết tôn trọng người khác...

Một trường học Reggio Emilia điển hình được xây dựng theo triết lý và nguyên tắc “Môi trường là người thầy thứ ba” trong đó: Lớp học/ Khu vực; Các phòng đặc biệt; quảng trường (Piazza); xưởng nghệ thuật (Atelier); nhà bếp, phòng ăn, sân... được mô phỏng theo quảng trường, phòng trưng bày, nhà hàng và công viên của thành phố Reggio Emilia. Và tên của thị trấn Reggio Emilia là nơi ông bắt tay nghiên cứu và phát triển dự án tâm huyết này cũng trở thành tên gọi của triết lý giáo dục mang đậm tính văn hóa và cộng đồng từ đó.

2.2.2. Văn hóa trường học là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh tạo nên sự bền vững trong giáo dục

Văn hóa trường học (còn gọi là văn hóa giáo dục) là tập hợp các giá trị, quy tắc, thói quen và quyền tự do mà các học sinh, giáo viên/ nhân viên trong một trường học cụ thể tuân theo. Văn hóa trường học định hình cách mọi người trong cộng đồng trường học tương tác học tập và làm việc với nhau.

Văn hóa trường học bao gồm các yếu tố bền vững:

- Giá trị đạo đức: văn hóa trường học thường thể hiện các giá trị và nguyên tắc đạo đức mà trường học đề cao như: trung thực, tôn trọng, trách nhiệm.

- Quy tắc và quy định: Trường học thường có các quy tắc và quy định mà học sinh, giáo viên/ nhân viên phải tuân theo. Điều này bao gồm quy định về bảo vệ môi trường học tập, quy tắc ứng xử.

- Môi trường học tập: Văn hóa trường học có thể ảnh hưởng đến cách mà giáo viên giảng dạy học tập của học sinh. Điều này cũng khuyến khích sự sáng tạo, thúc đẩy việc học tập tinh thần học tập tích cực.

- Tôn trọng đa dạng: thể hiện sự tôn trọng đa dạng về văn hóa, tôn giáo, ngôn ngữ và nền văn hóa khác nhau.

- Tương tác xã hội: Các quy tắc và thói quen và tương tác xã hội cũng là một phần quan trọng của văn hóa trường học bao gồm: cách giải quyết xung đột, tạo môi trường thân thiện, hỗ trợ sự phát triển xã hội và tinh thần của học sinh.

- Văn hóa trường học quyết định cách mà mọi người trong cộng đồng trường học tương tác với nhau và ảnh hưởng đáng kể đến trải nghiệm học tập và sự phát triển của học sinh.

- Văn hóa nhà trường luôn được xem là nền tảng tinh thần tạo nên giá trị, là nguồn lực nội sinh tạo nên sự bền vững:

- Văn hóa được xây dựng dựa trên tầm nhìn và sứ mệnh mà nhà trường theo đuổi. Đó sẽ là cơ sở để tìm ra chiến lược, đường hướng phù hợp và dài hơi, là kim chỉ nam giúp doanh nghiệp định hướng chính xác và không đi lệch với lộ trình đã hoạch định từ ban đầu. Có thể nói văn hóa luôn theo sát chiến lược và củng cố cho tầm nhìn.

- Văn hóa tạo dấu ấn, định hình bản sắc và sự độc đáo riêng của mỗi doanh nghiệp/ nhà trường. Từ đó chuyển tải thông điệp và giá trị cốt lõi của nhà trường cho giáo viên, nhân viên, học sinh, phụ huynh, khách hàng- đối tác, giúp nhà trường khẳng định tên tuổi/ thương hiệu và tạo dấu ấn nổi bật cũng như sự chuyên nghiệp, uy tín trong một thị trường đầy rẫy sự cạnh tranh.

- Văn hóa tạo ra môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết. Văn hóa sẽ thúc đẩy mối quan hệ giữa các giáo viên, nhân viên trong cùng nhà trường, tạo ra một môi trường làm việc lành mạnh, tích cực. Mỗi nhân viên sẽ thấu hiểu được vai trò trách nhiệm của mình trong tổ chức và biết cách gắn mục tiêu cá nhân vào mục tiêu của tổ chức. Văn hóa cũng là chất keo gắn kết các thành viên trong nhà trường, giúp thống nhất cách làm việc tối ưu và hiệu quả.

- Văn hóa cũng là cơ sở để uốn nắn hành vi và giải quyết các mâu thuẫn nội tại. Khi nhà trường phải đối mặt với các xung đột nội bộ xảy ra thì văn hóa chính là yếu tố giúp mọi người hòa nhập và thống nhất cách làm việc tối ưu, hiệu quả.

- Văn hóa giúp giữ chân nhân viên và thu hút nhân tài, nó tạo ra chính sách nhân sự minh bạch, mỗi nhân viên đều được hưởng môi trường và lộ trình phát triển bản thân một cách công bằng và lành mạnh. Đây là cơ sở giữ chân nhân viên và thu hút nhân tài tránh tình trạng người giỏi ra đi sang doanh nghiệp khác- nguồn cơn của chảy máu chất xám.

2.3. Một số mô hình trường học xây dựng văn hóa hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trên thế giới

Hầu hết các trường học theo mô hình đều có triết lý và các quy định văn hóa trường học cụ thể và rõ nét, điều này không chỉ tạo ra bản sắc riêng trong nhận diện trường, chân dung học sinh và giáo viên/ nhân viên mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững.

Tại Green School, Bali, Indonesia- một ngôi trường tiêu biểu theo mô hình ESD có một kiến trúc quy hoạch độc đáo. Các vật liệu trong khu học xá đều khai thác từ nguồn nguyên vật liệu tự nhiên như tre, nứa, lá, gỗ; các nguyên vật liệu tái chế như:

lốp xe, kính cũ, vỏ chai lọ... Văn hóa trường học được thể hiện rõ qua các nội quy quy định, văn hóa ứng xử mà toàn thể giáo viên/ nhân viên, học sinh, phụ huynh, khách tham quan tuyệt đối tôn trọng và thực hiện. Việc tôn trọng và bảo vệ môi trường tự nhiên sinh thái được thể hiện qua các quy định sử dụng nước, thiết kế nhà vệ sinh, sử dụng hoàn toàn các hóa phẩm từ nguồn gốc thiên nhiên; sử dụng nguồn thực phẩm lành mạnh tại địa phương... Tại các “learning hub” học sinh và giáo viên cùng nghiên cứu và triển khai các dự án về trồng trọt, nông nghiệp, sinh tồn, tái chế... dựa vào địa hình, thiên nhiên văn hóa và kinh nghiệm của người địa phương.

Tại Ý, nguồn lực hỗ trợ chất lượng cho mạng lưới trường mầm non và trung tâm chăm sóc trẻ sơ sinh, trẻ nhỏ (bao gồm Documentation and Educational Research Center, “Gianni Rodari” Theater Laboratory, Video Center, ReMida Rycycling Center) mang lại giá trị và chất lượng cho trải nghiệm các trung tâm chăm sóc trẻ sơ sinh – trẻ nhỏ, trường mầm non và rộng hơn của các tổ chức xã hội và giáo dục trên địa bàn thành phố. Những nguồn lực này thúc đẩy văn hóa của việc ghi nhận sự phát triển và nghiên cứu thông qua việc chọn lọc và lưu trữ tài liệu, tư vấn tài liệu giáo dục và văn hóa cũng như cung cấp các cơ hội trao đổi và bồi dưỡng chuyên môn.

Tại Phần Lan - một trong những quốc gia dẫn đầu thế giới trong việc thúc đẩy giáo dục bền vững với một số điểm nổi bật:

- Giáo dục về môi trường: Phần Lan tích cực đầu tư vào giáo dục và môi trường để tạo ra một thế hệ tương lai hiểu rõ về các vấn đề môi trường và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường. Trong chương trình giảng dạy các nội dung được chú trọng để truyền tải đến học sinh bao gồm tài nguyên tự nhiên, thay đổi khí hậu và các giải quyết vấn đề môi trường

- Giáo dục xã hội: Phần Lan cũng quan tâm đến giáo dục về xã hội và giúp học sinh phát triển ý thức về sự bình đẳng, tôn trọng quyền con người và tôn trọng đối với đa dạng văn hóa. Họ chú trọng giáo dục giới tính, giảm nghèo và tạo điều kiện bình đẳng cho tất cả học sinh

- Hệ thống giáo dục bền vững: Được thiết kế thúc đẩy tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề và lòng yêu thích học tập. Học sinh được khuyến khích tìm hiểu và nghiên cứu. Và học tập không chỉ được xem là việc học trong lớp mà trong cuộc sống hàng ngày, trong điều kiện tự nhiên đặc trưng của Phần Lan (rừng, hồ, thời tiết mưa, lạnh, tuyết...)

- Đào tạo giáo viên: Giáo viên được đào tạo để giảng dạy các khía cạnh của bền vững, được khuyến khích phát triển kỹ năng giảng dạy về môi trường và xã hội trong chương trình học tập

- Hợp tác xã hội và doanh nghiệp trong việc thúc đẩy giáo dục bền vững với sự tham gia của chính phủ, các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp cùng tham gia.

Với các thành tựu đã đạt được trong việc phát triển giáo dục bền vững, Phần Lan tiếp tục là nguồn cảm hứng cho các quốc gia trên thế giới trong việc thúc đẩy mô hình này.

2.4. Thực tiễn xây dựng và phát triển văn hóa trường học theo mục tiêu phát triển bền vững tại cơ sở giáo dục mầm non Học viện Thủ đô Xanh – Green Capital Academy (GCA) và Genesis School.

Với mô hình trường học trong hệ sinh thái doanh nghiệp, GCA và Genesis là hai thương hiệu giáo dục được tập đoàn Capital House đầu tư phát triển theo định hướng Giáo dục bền vững (ESD) với mục tiêu và khát vọng tạo nên môi trường giáo dục Xanh – nơi trẻ em được nuôi dưỡng, vui chơi và học tập trong môi trường sinh thái trong sạch, đặc biệt là định hướng phong cách sống Xanh: biết ơn mẹ Trái đất, hòa mình với thiên nhiên, đề cao tính nhân văn, chú trọng phát triển nhân cách sống, kiến tạo cuộc sống hạnh phúc.

2.4.1 Giáo dục vì sự phát triển bền vững bằng trách nhiệm và giải pháp cải thiện và bảo vệ môi trường sống

Là doanh nghiệp tiên phong trong nghiên cứu và phát triển các công trình Xanh tại Việt Nam, gắn liền các mục tiêu hoạt động với lợi ích xã hội để phát triển bền vững, Capital House đã cung cấp các giải pháp tổng thể kết hợp giữa các tiêu chí về không gian sống xanh và chất lượng sống tốt đẹp cho cộng đồng từ các sản phẩm có chất lượng; tiện ích đồng bộ bằng việc: sử dụng các giải pháp thiết kế thông minh và công nghệ hiện đại, 8 giải pháp thiết kế tiết kiệm năng lượng và ứng dụng vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, tiết kiệm khoảng 30% chi phí sử dụng điện nước, tạo không gian sống xanh cho đối tượng đại chúng và các trường học. Tại các trường mầm non, đều được trang bị và lắp đặt máy đo không khí nhằm tầm soát chỉ số đo lường AQI mức độ ô nhiễm không khí, giúp nhà trường linh hoạt và chủ động trong triển khai các hoạt động ngoài lớp học nhằm đảm bảo sức khỏe cho học sinh và giáo viên.

Cơ sở vật chất của các nhà trường đạt tiêu chuẩn Công trình Xanh Quốc tế (Edge) và LOTUS hạng Vàng với các tính năng tiêu biểu:

- Giảm mức sử dụng năng lượng 60.9% nhờ hiệu quả của thiết kế lớp vỏ công trình, hệ thống điều hoà không khí và pin năng lượng mặt trời.
- Giảm mức sử dụng nước 47.9%.
- Thu nước mưa phục vụ nhu cầu nước tưới cảnh quan đáp ứng khoảng 11.45% tổng mức sử dụng nước của công trình.
- Lớp phủ thực vật chiếm 39.2% diện tích khu đất, trong đó có 835 m² mái xanh.
- Sơn, lớp phủ và sàn chứa hàm lượng VOC thấp.
- 94% không gian sử dụng có tầm nhìn chất lượng tốt ra cảnh quan sân vườn bên ngoài công trình.

- Chương trình đào tạo hướng đến thực hiện 8 trên 17 nhiệm vụ phát triển bền vững của Liên hợp quốc.

Tại các trường mầm non, văn hóa trường học được quy định hướng lối sống Xanh (Green living) bền vững, thân thiện với môi trường thông qua nguyên tắc 5Rs (Rethink/ Refuse- Reduce- Reuse – Recycle- Rot), khung hành vi và các thói quen sinh hoạt lành mạnh như:

- Tích cực vận động: có hai khung giờ chuyển đổi Xanh vào 10h sáng và 3h chiều, sử dụng cầu thang bộ;

- Ăn uống lành mạnh, trân quý thức ăn...

- Bảo vệ môi trường sống: Phân loại rác, xử lý rác thành phân hữu cơ, trạm tái chế...

- Tiết kiệm tài nguyên, năng lượng: Điện, nước, nguyên vật liệu...

- Thực hành chăm sóc cảm xúc bản thân: Ngồi bình yên, Check – in cảm xúc...

2.4.2. Đổi mới sáng tạo trong tổ chức các hoạt động tại trường mầm non dựa trên các nguyên tắc ESD

Tích hợp chủ đề của SDGs vào chương trình học ở lứa tuổi mầm non cho phép trẻ hiểu được nhiều khía cạnh khác nhau của cuộc sống thực, nhận ra vai trò của trẻ khi sống cùng nhau trên trái đất này và cùng xây dựng một tương lai tốt đẹp hơn. Thiết kế và phát triển chương trình dựa trên các khung:

a. Khung chủ đề: là một cách tiếp cận liên môn học trong đó các kiến thức xoay quanh vào một chủ đề cụ thể. Các chủ đề truyền cảm hứng cho trẻ tìm hiểu những kiến thức liên quan và trải nghiệm cuộc sống thực tại. Các bài học theo chủ đề được xây dựng trên cơ sở trí thông minh đa dạng và trải nghiệm học tập toàn diện (holistic learning experiences): Nội tâm, vận động, tình cảm xã hội và nhận thức. Đồng thời các bài học gắn với mục tiêu học tập chung, trong đó giáo viên thực hiện các hoạt động được thiết kế xung quanh các kỹ năng và giá trị trường xanh. Mỗi chủ đề học tập tích hợp phù hợp với thực tiễn phát triển và trưởng thành của trẻ theo từng độ tuổi.

Ở lứa tuổi mầm non, các bài học theo chủ đề được sử dụng để thúc đẩy sự yêu thích học tập và xây dựng kiến thức ban đầu thông qua các bối cảnh sáng tạo, kinh nghiệm, có ý nghĩa cho các chủ đề (dự án nghiên cứu). Các bài học theo chủ đề được tích hợp với các hoạt động vận động, khám phá (ngoại khóa, tham quan dã ngoại...) và các hình thức nghệ thuật (nghệ thuật thị giác/ tạo hình, thực hành, âm nhạc, đóng vai/ đóng kịch...).

b. Khung khả năng/năng lực: tập trung vào các năng lực trí tuệ cốt lõi, đòi hỏi sự lặp lại thường xuyên để đạt được trình độ nhất định (như vận động, ngôn ngữ, khoa học và Toán). Trẻ thành thạo kỹ năng của mình và cố gắng để nâng cao hay hoàn thiện các kỹ năng đó ở mức độ cao hơn. Ở đây, giáo viên chú ý từng trẻ và tối đa hóa thành công của cá nhân.

Trong những năm đầu đời, khung năng lực chú ý đến việc hình thành các kỹ năng cốt lõi chuyên biệt từ kiến thức nền tảng, số học và tiếng mẹ đẻ và ngôn ngữ thứ hai. Các bài học được thực hiện qua những gì trẻ đang học và đáp ứng nhu cầu, hứng thú học của trẻ

c.Khung trải nghiệm: học tập trải nghiệm là hoạt động thực hành, hành động như: làm việc ở vườn trường hay ở trang trại, sáng tạo nghệ thuật, hoặc xây dựng bằng tre, làm mộc, làm gốm... qua các hoạt động thực hành trải nghiệm này trẻ khám phá và giải quyết vấn đề ở vườn trường hay trang trại. Các dự án thực tế giúp trẻ hiểu sâu sắc hơn về không gian vật chất trong thế giới thực và có được những năng lực cần thiết cho cuộc sống.

Trong những năm đầu đời, chương trình giáo dục mang sự kết nối giữa trường học với thế giới thực (real world) là chủ đạo. Các bài học gồm: *ngiên cứu xanh* (green studies) các chủ đề về môi trường sống xanh (thế giới thực vật, động vật, bảo vệ môi trường, 5 quy tắc sống xanh: refuse, reuse, reduce, recycle and rot...); thể dục/vận động và hạnh phúc; nhảy múa và âm nhạc; sáng tạo nghệ thuật; thư viện và đọc sách; nấu ăn; Yoga hoặc thiền tĩnh tâm... Các kỹ năng sống như làm vệ sinh hoặc xây dựng được tích hợp thông qua các hoạt động hàng ngày. Các dự án cá nhân hay hợp tác nhóm được thực hiện theo hướng dẫn của trung tâm dữ liệu dự án (Project Hub) hoặc trung tâm đổi mới (Innovation Hub - IHUB).

Tất cả nội dung học tập và các hoạt động học tập của trẻ đều được gắn với cuộc sống thực của trẻ thông qua hoạt động vui chơi (*Play activity*), thực hành trải nghiệm (*Practical learning*) và học theo tiếp cận dự án (*Project based learning*), điều này có nghĩa các hoạt động của trẻ đều lấy cảm hứng từ môi trường, học trong môi trường, học về môi trường và vì môi trường. Đồng thời các năng lực của trẻ có được cũng để phục vụ cuộc sống của chính đứa trẻ và cộng đồng.

Thông qua phương pháp học tập dự án (Project based learning), giáo viên quan sát và tạo cơ hội cho việc học, tạo ra môi trường mới để trẻ đưa ra những câu hỏi kích thích tư duy hoặc bằng cách mời bạn cùng tham gia giải quyết vấn đề. Sau sự hợp tác trẻ sẽ tự kiểm soát và chia sẻ với mọi người những gì trẻ đã được học và kết quả. Nhà trường và giáo viên luôn có những kết nối mật thiết với phụ huynh từ khâu mở dự án – đóng dự án qua các kênh trao đổi trực tiếp, thư giới thiệu dự án học tập, nêu rõ các bước cần phối hợp giữa gia đình nhà trường, tổ chức showcase cuối mỗi dự án nhằm báo cáo chia sẻ tiến trình học tập và kết quả của trẻ.

Các dự án học tập cũng là một trong những cách thức để truyền thông thay đổi nhận thức về bảo vệ môi trường, giáo dục giá trị sống: Yêu thương, trách nhiệm, quan tâm... cần phải được thấu hiểu từ giáo viên, chuyển hóa thành các nội dung, hoạt động, trò chơi... để trẻ khám phá, trải nghiệm thực hành, tạo kết quả trên trẻ, từ đó lan tỏa tới gia đình và xã hội.

3. Kết luận

Yếu tố văn hóa là một phân quan trọng trong hình thành thói quen, lối sống có tác động đến phát triển các loại hình trí thông minh, cảm xúc xã hội và hội nhập. Với một dân tộc sở hữu đa dạng tự nhiên, đa dạng văn hóa, Việt Nam có nhiều điều kiện để phát triển và hội nhập; đó cũng là nguồn chất liệu quan trọng để xây dựng và phát triển chương trình giáo dục theo hướng phát triển bền vững (ESD). Từ tầm nhìn và mục tiêu phát triển bền vững, các trường mầm non có thể tích hợp trong chương trình mầm non để làm sâu sắc mục tiêu và nội dung của 5 lĩnh vực giáo dục: thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, thẩm mỹ và cảm xúc xã hội; hình thành và phát triển nhân cách, chuẩn bị các kỹ năng cho một công dân tử tế và hội nhập toàn cầu.

4. Tài liệu tham khảo

1. Hans Eysenck's theory of intelligence, and what it reveals about him – Linda S. Gottfredson
2. Trí tuệ xã hội và các mô hình cấu trúc trí tuệ xã hội – PGS.TS Nguyễn Công Khanh
3. What is Montessori Education - <https://amshq.org/About-Montessori/What-Is-Montessori>
4. Loris Maglaguzzi & School of Reggio Emilia – A selection of his writings and speeds 1945-1993. Tác giả: Claudi Gudici, Carlia Rinal, Paola Cagliani, Marina Castagnett, Vea Vecchi & Peter Moss.
5. Linda Thomson & Pat Bruton (2005). *Understanding the Reggio Approach – Early Years Education in Practice*.
6. Education Sustainable Development <https://www.unesco.org/en/education-sustainable-development>
7. Education Sustainable Development Roadmap (Book) - Unesco
8. Các đường links minh họa hoạt động gắn kết cộng đồng của các cơ sở giáo dục
9. Giải pháp trường mầm non tại khu đô thị
<https://www.youtube.com/watch?v=BD8nQkP4kT0>
10. Không gian Xanh
https://www.youtube.com/watch?v=Ukt98N_ghZE&feature=youtu.be&fbclid=IwAR3oGMIy7ajOvCovZlUx8QHGsusVhSAJfjoT5-YprdCJ-7p4oCPLiWNfbJc
11. Tổ chức Tết Trung thu cho cư dân Ecolife Tây Hồ
<https://www.youtube.com/watch?v=UO2qLLXn8ZA>
12. Eco X'Mas Fair <https://www.youtube.com/watch?v=95ceuEMjSUK>
13. Dự án Xanh “All for Kids”
<https://www.youtube.com/watch?v=P9W7S0SOTUQ&feature=youtu.be&fbclid=IwAR3R3CsuzNXfaojRuYM7ywDoHPdx5RNAEyFtXv1NCW-vnJJHPO6dnFibWrqQ4>

ĐỔI MỚI TOÀN DIỆN TRONG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TẠI TRƯỜNG MNTH HOA THỦY TIÊN

ThS. Trương Thị Minh Phượng

Hiệu trưởng trường Mầm non
thực hành Hoa Thủy Tiên
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Giáo dục mầm non giữ vai trò vô cùng quan trọng trong việc hình thành, phát triển nhân cách của trẻ. Với sự đi lên của xã hội, sự phát triển của khoa học công nghệ thời kì 4.0, các trường mầm non đang ngày càng nỗ lực để đạt được những tiêu chuẩn cao về chất lượng, chuẩn bị cho quá trình hội nhập quốc tế. Nhận diện được điều đó, trường MNTH Hoa Thủy Tiên trực thuộc trường CĐSP Trung ương đã sớm đổi mới toàn diện trong chăm sóc giáo dục trẻ, hướng tới sự phát triển bền vững, nâng tầm vị thế trong bậc học mầm non. Bài viết này trình bày về quá trình đổi mới toàn diện tại trường MNTH Hoa Thủy Tiên. Từ những bước đầu tiên đến những bước tiến dài, đắm mình trong sự đổi mới của thời đại, hướng tới một môi trường mang đến cho trẻ sự HẠNH PHÚC – TỰ TIN – SÁNG TẠO.

Từ khóa: Đổi mới toàn diện; Giáo dục mầm non; Phát triển bền vững

1. Đặt vấn đề

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam. Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp 1. Chính vì vậy, giáo dục mầm non cho trẻ em giai đoạn 0 đến 6 tuổi giữ vai trò đặc biệt quan trọng, có tính chất quyết định tạo nên thể lực, nhân cách, năng lực phát triển trí tuệ trong tương lai và được coi là “Giai đoạn vàng”, “Thời kỳ vàng” đối với phát triển của con người, tạo nền móng cho sự phát triển của trẻ em trong tương lai. Với sự thay đổi nhanh chóng của xã hội trong thời đại công nghệ, giáo dục mầm non liên tục cập nhật, đổi mới với những phương pháp mới nhưng cũng phải hướng tới sự phát triển bền vững, nhằm mang lại những giá trị lâu dài, cung cấp những kỹ năng nền tảng cho những công dân toàn cầu trong tương lai. Chính vì vậy, Trường Mầm non thực hành Hoa Thủy Tiên đã xây dựng kế hoạch, chiến lược dài hạn nhằm đổi mới toàn diện trong chăm sóc giáo dục trẻ hướng tới sự phát triển bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

Hiện nay, câu hỏi “*Làm thế nào để đổi mới chăm sóc giáo dục trẻ?*”; “*Làm sao để bắt kịp với sự chuyển mình của xã hội?*”; “*Các bước để đổi mới ra sao?*”, là những câu hỏi vô cùng cấp thiết mà quản lý các trường mầm non luôn đi tìm câu trả lời. Có rất nhiều quan điểm và cách làm khác nhau với những hướng tiếp cận khác nhau đều mang đến những hiệu quả cho việc đổi mới trong giáo dục mầm non. Trong bài viết này, tôi xin được đề cập đến quá trình trường MNTH Hoa Thủy Tiên đổi mới toàn diện trong chăm sóc giáo dục trẻ hướng tới sự phát triển bền vững và bước đầu đã mang lại những hiệu quả đáng được ghi nhận.

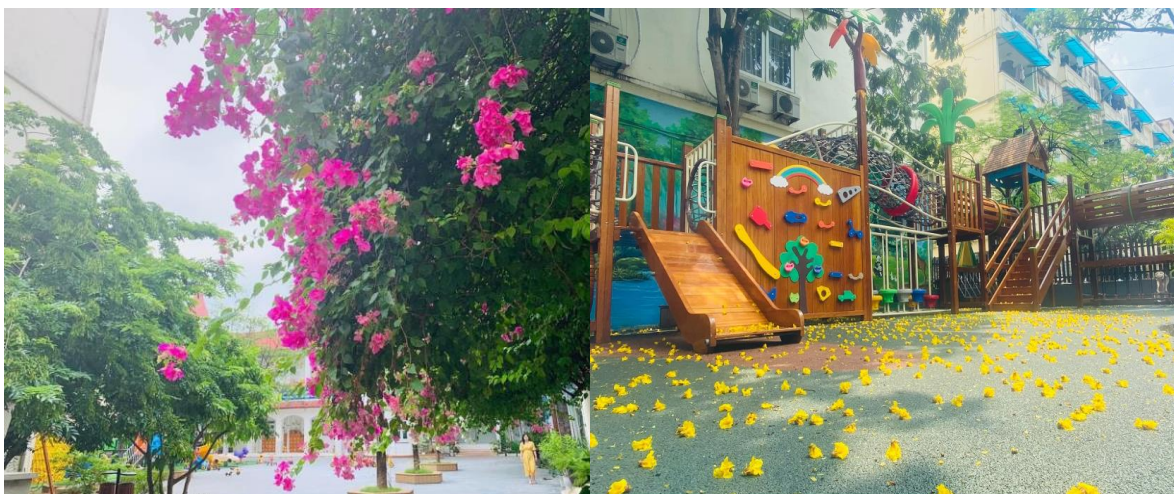
Trường MNTH Hoa Thủy Tiên quan niệm rằng, sự đổi mới trong GDMN không chỉ thể hiện ở một khía cạnh đơn lẻ, để phát triển bền vững nhà trường cần định hướng thúc đẩy sự phát triển toàn diện về mọi mặt.

2.1. *Đổi mới từ cái nhìn đầu tiên về ngôi trường*

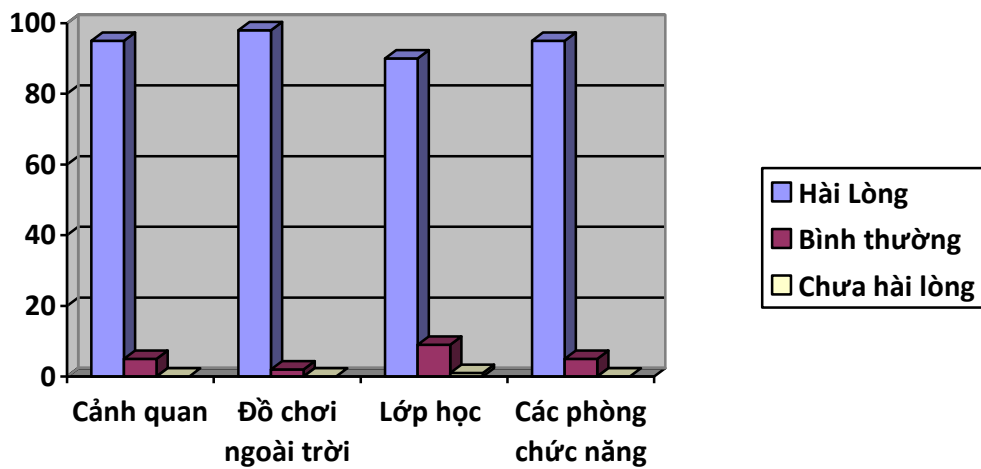
“Cái nhìn đầu tiên” vô cùng quan trọng không chỉ với các bậc phụ huynh khi lựa chọn ngôi trường cho con mà còn với các con khi đến với một môi trường mới. Thay cho những cánh cổng sắt nhiều màu và cao kín cổng trước đây, Hoa Thủy Tiên lựa chọn sự hiện đại của công nghệ cổng điều khiển từ xa màu gỗ trầm, xung quanh trồng cây hoa xanh muốt, đài phun nước tràn róc rách, ánh sáng tạo sự thân thiện gần gũi, thư giãn tới bất cứ ai tới thăm trường. Tên trường thay vì chiếc biển được gắn trên tường, chúng tôi lựa chọn hình thức chữ hộp đứng giữa vòm cây xanh muốt vừa nổi bật, hiện đại lại tạo sự hòa mình với thiên nhiên.



Không chỉ đổi thay hình ảnh từ công trường, mà khu sân chơi cũng được trang bị những đồ chơi với chất liệu thân thiện môi trường, tạo khoảng sân rộng để trẻ thỏa sức chạy nhảy, leo trèo và tham gia các hoạt động do giáo viên tổ chức. Thay bằng những thảm cỏ nhân tạo bằng nhựa, Hoa Thủy Tiên trồng cỏ tươi tại một góc sân, rải sỏi, dưới tán cây Ngọc Lan ngào ngạt hương. Các bé thích ngồi đây đọc những cuốn sách, vẽ tranh hay thưởng thức bữa trưa kiểu dã ngoại của mình. Khu đồ chơi liên hoàn với chất liệu gỗ tự nhiên luôn là điểm cuốn hút lũ trẻ với những vận động từ đơn giản tới phức tạp. Rải phía dưới khu đồ chơi là lớp nệm hạt cao su nhập khẩu với độ đàn hồi sâu hạn chế những tai nạn thương tích trong quá trình trẻ vận động. Những chiếc xe đạp được đặt hàng sản xuất với nhiều kiểu dáng khác nhau phù hợp với các độ tuổi luôn được các bạn nhỏ yêu thích. Cảm giác rong ruổi đạp xe len qua những hàng cây trong không gian xanh mát thật thú vị.



Cái nhìn đầu tiên còn được gây ấn tượng bởi khu đón tiếp chuyên nghiệp, trang trọng. Nơi cung cấp mọi thông tin cần thiết cho những người tới thăm trường. Các phòng học cũng được thay màu áo mới, với một triết lý giáo dục mới, “Môi trường là người thầy thứ ba”. Ở đây lớp học thực sự là một không gian nơi thuộc về trẻ và giáo viên, một không gian vật lý thân thuộc, gần gũi và giàu chất thẩm mỹ, mang lại một cảm giác yên bình và giàu chất sáng tạo. Lớp học và mọi không gian nơi đây không còn màu sắc lòe loẹt, mà thay vào đó là gam màu trung tính, chất liệu thân thiện, gần gũi với thiên nhiên và tạo cho trẻ sự thoải mái khi tri giác. Với quan điểm “gần gũi với thiên nhiên là một trong những yếu tố quan trọng giúp tăng cường và phát huy khả năng sáng tạo của trẻ” các lớp học của trường MNTH Hoa Thủy Tiên đã mang thiên nhiên vào lớp học với cây xanh, hoa cỏ. Ngay cả các chi tiết trang trí nhỏ cũng được tinh tế sử dụng những nguyên liệu mang nét đẹp thiên nhiên.



Bảng đánh giá mức độ hài lòng của phụ huynh học sinh với không gian của trường MNTH Hoa Thủy Tiên

Đổi mới trong cái nhìn đầu tiên không chỉ là đổi mới về cơ sở vật chất từ trong ra ngoài mà còn là sự đổi mới giao diện fanpage, website của nhà trường. Trước đây fanpage chỉ đưa lên các hoạt động chủ đạo, các thông báo quan trọng của nhà trường nhưng sự đổi mới trong cách update các hoạt động liên tục, với nhiều hình thức: Video dài, video ngắn, bài viết, story được đăng tải trung bình 1 bài/ ngày khiến cho sự xuất hiện của fanpage trên tường liên tục, tăng lượng tương tác và follow. Hiện tại lượng

follow fanpage đang là hơn 8k. Chủ đạo là phụ huynh học sinh và giáo viên mầm non tại các tỉnh thành đã từng về thăm trường và tham gia các hội thảo tại trường CĐSP Trung ương.

Website là công thông tin giúp cho việc kết nối với phụ huynh mới và phòng GD trở nên dễ dàng hơn. Chính vì vậy Hoa Thủy Tiên cũng trên lộ trình thực hiện kế hoạch thay đổi giao diện hiện đại và chuyên nghiệp hơn. Những hình ảnh và video quảng bá sẽ được đưa lên trang chủ ngay khi truy cập. Mọi thông tin cần thiết ngay lập tức hiện ra chỉ cần click chuột.



Như vậy, đổi mới từ cái nhìn đầu tiên là sự thay đổi toàn diện về hình ảnh bên ngoài, cơ sở vật chất và truyền thông để khi tiếp cận với Hoa Thủy Tiên ở bất cứ khía cạnh nào nó cũng luôn tinh tế và chất lượng hướng tới trẻ em.

2.2. Đổi mới trong phương pháp giáo dục

Đổi mới toàn diện trong chăm sóc, giáo dục trẻ để hướng tới sự phát triển bền vững GDMN, không thể thiếu việc đổi mới các phương pháp giáo dục. Việc tiếp cận

những phương pháp giáo dục mới giúp trẻ hoàn thiện tư duy, nhận thức, thẩm mỹ, ngôn ngữ đáp ứng mục tiêu công dân toàn cầu trong tương lai.

Việc tiếp cận các phương pháp hiện đại là một quá trình lâu dài đòi hỏi người lãnh đạo phải đưa ra định hướng tiếp cận không chỉ với giáo viên, cán bộ quản lý mà còn cần đồng điệu với tư duy của phụ huynh, giúp phụ huynh hiểu sâu hơn và phối hợp thực hiện những phương pháp hiện đại mà nhà trường đang tiếp cận.

2.2.1 Ứng dụng phương pháp Montessori

Với phương pháp Montessori nhà trường đang thực hiện tại 7 lớp. Với phương pháp này ngoài các lớp được setup giáo cụ tại lớp, nhà trường còn trang bị phòng chức năng với đầy đủ các nội dung giúp trẻ thực hiện các bài học chuyên sâu hơn.



Với ưu điểm tạo môi trường để “trẻ em làm việc, phát triển và học hỏi theo tốc độ cá nhân của riêng chúng” phương pháp Montessori được rất nhiều các bậc phụ huynh đánh giá cao.

2.2.2. Ứng dụng định hướng STEAM

Trường MNTH Hoa Thủy Tiên may mắn khi là một trong ba trường MNTH của trường CĐSPTU nơi đầu não đào tạo giáo viên mầm non và tiếp cận những phương pháp hiện đại, với các chuyên gia trong nước và quốc tế. STEAM là một trong những định hướng đó. Trước đây chương trình giáo dục mầm non của Bộ GD&ĐT triển khai dạy học theo chủ đề và hướng tích hợp, thì STEAM là sự tổng hòa của định hướng này. STEAM là hướng tiếp cận liên môn và triển khai theo dự án, giúp trẻ có sự sâu chuỗi logic trong các hoạt động, kích thích tư duy giải quyết vấn đề và phát triển rất nhiều các kỹ năng của thế kỷ XXI.

Trường MNTH Hoa Thủy Tiên với nền tảng thực hiện dạy học theo chủ đề rất nhiều năm nên khi tiếp cận với STEAM không còn xa lạ mà thay vào đó là sự thấu hiểu về cốt lõi khi thực hiện định hướng này. Hiện tại tất cả các lớp tại trường MNTH Hoa Thủy Tiên đều tiếp cận định hướng STEAM và có 3 lớp được tiếp cận chuyên sâu về định hướng này.



Chính vì việc thay đổi nhận thức và tư duy của các bậc phụ huynh về cách tiếp cận các phương pháp mới đã được lên lộ trình nên trong mọi hoạt động triển khai ngày hội ngày lễ liên quan đến các phương pháp mới đều nhận được sự ủng hộ nhiệt thành, sự tham gia tích cực từ các bậc phụ huynh.

Ngày hội STEAM của trường MNTH Hoa Thủy Tiên với sự tham gia trực tiếp của các bậc phụ huynh trong các dự án.



Các hoạt động triển khai dự án STEAM tại trường MNTH Hoa Thủy Tiên luôn được các chuyên gia, các giáo viên Hà Nội cũng như các tỉnh thành trên cả nước đánh giá cao và đăng ký tới tham quan dự giờ.



2.2.3. Ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia

Hướng tiếp cận Reggio Emilia đang được thực hiện tại tất cả các lớp trường MNTH Hoa Thủy Tiên và tiếp cận chuyên sâu tại 5 lớp. Với hướng tiếp cận này nhà trường đã thay đổi hoàn toàn về cách thiết kế môi trường hoạt động trải nghiệm cho trẻ. Hướng tới sự gần gũi với thiên nhiên tạo cơ hội cho trẻ sáng tạo từ những nguyên

vật liệu thân thiện nhất. Cũng triển khai theo hướng dự án Reggio Emilia mang tới những giá trị về sự phát triển tiềm năng bên trong của mỗi trẻ, để trẻ có thể phát triển hàng trăm ngôn ngữ của mình qua mọi loại hình khoa học, nghệ thuật, ngôn ngữ, tư duy, ...

Việc ứng dụng Reggio Emilia của trường được sự hỗ trợ và cho phép của tổ chức đại diện Reggio Children tại Việt Nam. Đơn vị đại diện là tổ chức Global Embassy tại Việt Nam và tổ chức Reggio Children của Italia đã đào tạo nhiều đợt học, giúp giáo viên có những kiến thức nền tảng, hiểu đúng triết lý về Reggio Emilia, để làm đúng tinh thần cốt lõi của hướng tiếp cận giàu tiềm năng này. Nhà trường cũng đã cử cán bộ trực tiếp đến Italia học tập về Reggio. Quan trọng hơn nữa là nhà trường có được sự hậu thuẫn của đội ngũ các giảng viên trường CĐSP Trung ương, những nhà sư phạm chuyên nghiên cứu, thực hành Reggio Emilia.



2.2.4. Ứng dụng công nghệ thực tế ảo AVR

Nếu quan niệm công nghệ là một sự tiếp cận quá khó và xa vời với trẻ nhỏ thì có lẽ chúng ta đã mắc sai lầm. Bởi trên thực tế khi cho trẻ em của trường MNTH Hoa Thủy Tiên tiếp cận với việc sử dụng công nghệ chúng tôi nhận thấy tốc độ tiếp thu công nghệ của trẻ nhanh nhiều hơn người trưởng thành gấp nhiều lần. Chỉ cần vài thao tác hướng dẫn đơn giản trẻ nhỏ đã có thể tự sử dụng các thiết bị công nghệ như điện

thoại, máy tính bảng, điều khiển ti vi hay thậm chí là những sản phẩm được tạo ra từ công nghệ như kéo, đập ghim....

Không dừng lại ở đó, khi trẻ được tiếp cận với công nghệ thực tế ảo AVR, khi tạo ra các con vật 3D hiện hữu trong không gian thật đã giúp trẻ có những trải nghiệm thú vị.



Như vậy đổi mới phương pháp giáo dục là một thành tố quan trọng trong việc đổi mới toàn diện chăm sóc giáo dục trẻ. Với định hướng và lộ trình rõ ràng chắc chắn môi trường được đổi mới sẽ phát triển và ngày càng thu hút được sự quan tâm của phụ huynh học sinh và xã hội.

2.3. Đổi mới trong phương pháp chăm sóc trẻ

Chăm sóc và giáo dục trẻ là hai nhiệm vụ không thể tách rời của GDMN. Đổi mới trong giáo dục đồng thời đổi mới trong cách thức chăm sóc nuôi dưỡng mang lại những hiệu quả toàn diện.

Thay vì việc cho trẻ ăn bằng bát inox như thường lệ, trường MNTH Hoa Thủy Tiên sử dụng khay ăn với các ngăn nhỏ chia các món ăn khác nhau cho trẻ. Trẻ rất thích thú và ăn hết suất của mình. Mỗi tháng 1 lần nhà trường tổ chức tiệc buffet với các món ăn được trang trí đẹp mắt



2.3.1. Bồi dưỡng chuyên môn - đổi mới tư duy đội ngũ

Yếu tố quyết định trong quá trình đổi mới chăm sóc giáo dục trẻ chính là việc bồi dưỡng chuyên môn đổi mới tư duy đội ngũ. CB-GV-NV có chuyên môn vững chắc, có tư duy đúng hướng, thấu hiểu về định hướng của nhà trường, đoàn kết, vững mạnh sẽ đưa nhà trường phát triển xa hơn nữa. Để có được điều đó, quản lý trường MN cần đưa ra những kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn dài hạn phạm vi trong nước và quốc tế cùng các chuyên gia; kế hoạch tự bồi dưỡng chuyên môn giữa các giáo viên, khối, tổ nhóm.

2.3.2. Tự bồi dưỡng chuyên môn trong nhà trường

Nêu cao tinh thần tự bồi dưỡng chuyên môn, nhà trường tổ chức các buổi trao đổi kinh nghiệm, xây dựng hoạt động, dự giờ để trau dồi về kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ, tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp với trẻ và phụ huynh...v...v... Thông qua hoạt động này các CBGV trong nhà trường tích lũy được nhiều kinh nghiệm, kiến thức và có cơ hội được gần gũi và thấu hiểu nhau hơn.



Các lớp tự bồi dưỡng

2.3.3. Bồi dưỡng chuyên môn với chuyên gia trong nước

Với may mắn là một trong ba trường MNTH của trường CDSPTW; trường MNTH Hoa Thủy Tiên luôn được tiếp cận và làm việc với những chuyên gia đầu ngành. Không chỉ được đào tạo bởi những chuyên gia xuất sắc nhất mà còn được các chuyên gia cầm tay chỉ việc, đào sâu tư duy để những hoạt động triển khai được hiệu quả nhất.



2.3.4. Bồi dưỡng chuyên môn với chuyên gia quốc tế

Trường MNTH Hoa Thủy Tiên luôn tìm kiếm cơ hội được học tập, trau dồi cùng những chuyên gia có tên tuổi trong ngành GDMN thế giới. Không chỉ học tập trực tiếp mà còn học online trực tuyến, xóa tan mọi khoảng cách địa lý với tinh thần học hỏi cao.

Ngoài ra nhà trường tổ chức các chuyến tham quan đến với những chiếc nôi của các phương pháp giáo dục để CB-GV được đắm mình, hiểu sâu và thực sự cảm nhận về tinh thần của các phương pháp đó.



CB – GV học tập với các chuyên gia quốc tế và tại Việt Nam

Việc bồi dưỡng chuyên môn đổi mới tư duy đội ngũ không phải là một việc đơn giản mà đòi hỏi sự đầu tư cả về vật chất lẫn ý chí để đạt được thành công mong đợi. Đó cũng chính là vấn đề cốt lõi của việc đổi mới toàn diện trong chăm sóc giáo dục trẻ hướng tới sự phát triển bền vững tại trường MNTH Hoa Thủy Tiên.

2.4. Đổi mới quan điểm của phụ huynh học sinh

Theo quan điểm của Reggio Emilia “Nhà trường, gia đình và cộng đồng chung tay để giáo dục một đứa trẻ”. Chính vì vậy, sự kết nối chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường sẽ mang lại môi trường tốt nhất trong việc chăm sóc giáo dục trẻ. Cha mẹ thấu hiểu quan điểm của nhà trường, đồng lòng và ủng hộ nhiệt thành với những đường lối, kế hoạch của nhà trường thì sẽ mang lại những sức mạnh vô cùng to lớn.

Ngoài những ngày hội ngày lễ lớn của các được sự tham gia, hưởng ứng đồng đảo của các bậc phụ huynh, trường MNTH Hoa Thủy Tiên còn tổ chức những buổi hội thảo trao đổi kinh nghiệm chăm sóc giáo dục trẻ với các chuyên gia trong nước và quốc tế; những dự án lớn nhỏ với sự hỗ trợ của các bậc phụ huynh. Từ mối quan hệ

bền chặt giữa nhà trường và gia đình, khiến hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ hiệu quả hơn rất nhiều. Thông qua chương trình “Cảm xúc giao mùa” thường niên, nhà trường muốn gửi lời tri ân sâu sắc tới các bậc phụ huynh học sinh sau một năm học.



Những chương trình kết nối đã xóa tan khoảng cách giúp nhà trường và phụ huynh học sinh gần gũi, thấu hiểu và đồng lòng xây dựng một môi trường toàn diện dành cho trẻ.

3. Kết luận

Việc đổi mới toàn diện trong chăm sóc giáo dục trẻ hướng tới sự phát triển bền vững tại trường MNTH Hoa Thủy Tiên là quá trình lâu dài về mọi mặt, cần sự đầu tư về vật chất cũng như trí lực để đạt được thành công mong đợi. Để có những bước tiến mạnh mẽ, sự chuyển mình như ngày hôm nay là một sự nỗ lực, đoàn kết của mỗi cá nhân trong cả tập thể nhà trường. Hoa Thủy Tiên luôn cập nhật, đổi mới và mong muốn tạo nên một môi trường hiện đại, toàn diện và mũi nhọn trong ngành GDMN của thủ đô và nước nhà.

4. Tài liệu tham khảo

1. Carolyn Edwards, Lella Gandini, George Forman (2012), The hundred languages of children / một trăm ngôn ngữ - The Reggio Emilia approach/ - Advanced reflections.
2. Một số xu hướng nghiên cứu khoa học giáo dục mầm non hiện nay.
<http://cdsptw.edu.vn/article/detail.aspx?sitepageid=658&articleid=100983>
3. Tài liệu Montessori – Khoa GDMN Trường CDSPTW
4. Tài liệu định hướng STEAM trong trường mầm non – Khoa GDMN Trường CDSPTW Trung ương.
5. Tài liệu Reggio Emilia – Reggio Children Italy
6. Tài liệu đào tạo công nghệ thực tế ảo AVR.

GÌN GIỮ BẢN SẮC VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIÁO DỤC MẦM NON

ThS. Đinh Thị Lan Hương
Trường Đại học Hải Phòng

Tóm tắt: Trò chơi dân gian là một loại hoạt động văn hóa dân gian được lưu truyền từ vùng này sang vùng khác, từ đời này sang đời khác nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi giải trí và giáo dục trẻ em một cách tinh tế và nhẹ nhàng. Trò chơi dân gian không chỉ là trò chơi của trẻ em mà còn chứa đựng cả một nền văn hóa dân tộc Việt Nam độc đáo và giàu bản sắc. Bảo tồn, gìn giữ những bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống có trong trò chơi dân gian không chỉ góp phần bồi đắp lòng tự hào dân tộc, khẳng định giá trị Chân - Thiện - Mỹ không gì thay thế được của văn hóa dân gian mà còn thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển bền vững.

Từ khóa: Giáo dục mầm non, phát triển bền vững, trò chơi dân gian, giá trị truyền thống, bản sắc văn hóa, bảo tồn.

1. Đặt vấn đề

Văn hóa có một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Quá trình toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế mạnh mẽ mở ra cơ hội giao lưu, quảng bá và tiếp nhận những giá trị văn hóa của các quốc gia trên toàn thế giới, nhưng cũng đặt ra thách thức trong việc làm thế nào để phát triển bền vững nhưng vẫn giữ gìn và phát huy được những giá trị văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc. Văn hóa và con người có mối quan hệ biện chứng, hay nói cách khác văn hóa tạo ra con người, nhưng cũng chính con người bằng nhận thức và hoạt động cụ thể làm giàu thêm bản sắc của nền văn hóa dân tộc. Nói về một nền văn hóa cũng chính là nói đến một dân tộc, trong đó con người là phương tiện, là động lực thúc đẩy kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội. Chính vì vậy, Nghị quyết Đại hội Đảng XIII, Đảng đã xác định “*lấy giá trị văn hóa, con người Việt Nam là nền tảng, sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững*” [1], văn hóa được xác định là một trong những trụ cột cơ bản tạo nên sự phát triển bền vững của một đất nước, trong đó con người là động lực thúc đẩy kinh tế, định hướng văn hóa xã hội chủ nghĩa phát triển đất nước bền vững.

Trong tiến trình phát triển đất nước, giáo dục với vai trò cung cấp kiến thức, bồi dưỡng nhân tài, kết hợp với giáo dục đạo đức, lối sống sẽ góp phần phát huy những tinh hoa, văn hóa của dân tộc, giúp thế hệ trẻ hiểu được những giá trị văn hóa truyền thống tạo lập giá trị mới đáp ứng với đòi hỏi của xã hội.

Phạm trù văn hóa rất rộng, bao gồm các giá trị về mặt vật chất và tinh thần, trải qua thăng trầm của lịch sử mà hun đúc thành những giá trị tốt đẹp, đặc sắc và giàu tính nhân văn. Trò chơi dân gian (TCDG) là một bộ phận của văn hóa truyền thống, là hình thức giải trí được nhân dân sáng tạo từ lao động, sản xuất, có giá trị lịch sử, văn

hoá được lưu truyền từ đời này sang đời khác. Bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc được ví như suối nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, cốt cách của con người Việt Nam, vì vậy việc giáo dục giá trị văn hóa truyền thống cần được tiến hành từ sớm. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi đề cập đến vấn đề gìn giữ và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống trong TCDG vì sự phát triển bền vững trong giáo dục mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giá trị văn hóa truyền thống của trò chơi dân gian

TCDG là một trong những thành tố của nền văn hóa dân tộc, là hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, được nhân dân sáng tạo từ trong cuộc sống và lao động nhằm phục vụ nhu cầu giải trí, giao lưu văn hóa và phát triển thể chất và tinh thần. TCDG không chỉ đơn thuần là một trò chơi giải trí mà nó chứa đựng cả một nền văn hóa với những giá trị tốt đẹp, tính kết nối cộng đồng và tinh thần của dân tộc. TCDG mang đậm dấu ấn lịch sử bởi mỗi một giai đoạn lịch sử lại có những trò chơi thể hiện tính đặc trưng của điều kiện và hoàn cảnh xã hội [2].

Mặt khác do sự giao thoa văn hoá giữa các dân tộc, tính chất của vùng miền đã tạo nên một kho tàng TCDG rất phong phú và đa dạng như trò chơi ném còn, đẩy gậy, đi cà kheo đặc trưng khu vực miền núi phía Bắc. Trò chơi bịt mắt bắt dê, ô ăn quan, chơi chuyền, pháo đất, đánh đáo, thả điều... đặc trưng cho khu vực đồng bằng Bắc bộ. TCDG xuất phát từ cuộc sống lao động sản xuất hàng ngày, phục vụ mục đích vui chơi, giải trí, rèn luyện sức khỏe và tăng cường đoàn kết cộng đồng. Vì vậy tính cộng đồng và sự gắn kết là một nét văn hóa độc đáo, đặc trưng của TCDG. Có thể nói TCDG góp phần giáo dục con người về tính tập thể, tinh thần kỷ luật, rèn luyện thể chất, giúp con người phát triển toàn diện về trí, đức, thể, mỹ.

TCDG trẻ em thường gắn với những bài đồng dao, một thể loại văn vần độc đáo có nhịp điệu đơn giản, gieo vần một cách thoải mái, tự nhiên, trong sáng, hóm hỉnh, dễ nhớ, dễ thuộc. Đồng dao trong các trò chơi trẻ em ở các vùng miền đều khá giống nhau ở nội dung, chỉ khác một vài tiếng địa phương do đặc trưng vùng miền. Trò chơi “Kéo cưa lừa xẻ” ở miền Nam trẻ đọc: *Kéo cưa kéo kít/ Làm ít ăn nhiều/ Đụng đầu ngủ đờ/ Nỡ lấy mất cưa/ Lấy gì mà kéo*. Ở miền Bắc trẻ đọc: *Kéo cưa lừa xẻ/ Ông thợ nào khỏe/ Thì ăn cơm vua/ Ông thợ nào thua/ Thì về bú mẹ*. Logic của đồng dao là logic của trò chơi, không tuân theo logic của hiện thực. Chính cái ngôn ngữ kỳ quặc theo lối tư duy nhảy cóc đó lại là yếu tố gắn bó với trò chơi để đưa trẻ vào thế giới trò chơi, khác hẳn với thế giới bên ngoài. Một biện pháp tu từ rất tiêu biểu trong đồng dao là biện pháp nói ngược, trái hẳn với logic thực tế, của cuộc đời, và chính sự đảo ngược như thế mới hấp dẫn, mới vui. Biện pháp nói ngược ngộ nghĩnh này rất hợp với không khí của trò chơi, vì nó làm cho trẻ vui thích và kích thích tính tò mò, ham hiểu biết ở chúng.

Một đặc trưng khiến TCDG dễ dàng đi vào đời sống tâm hồn của mỗi con người bởi sự đơn giản, không cầu kỳ, tốn kém, dễ dàng chơi mọi lúc, mọi nơi, nguyên vật liệu chơi dễ kiếm tìm chủ yếu lấy từ trong tự nhiên, có chỉ là chiếc lá, hay những ngón tay, tàu lá chuối trẻ cũng có thể chơi một cách say mê. Mặt khác, mỗi một lần chơi lại đem đến cho trẻ những cảm xúc mới lạ, có lẽ vì thế mà TCDG có một sức sống lâu bền trong tâm trí mỗi con người, là hành trang khôn lớn, là ký ức tuổi thơ của bao thế hệ.

2.2. Phát triển bền vững trong giáo dục mầm non

Quốc tế hóa giáo dục được xem là một xu hướng tất yếu mang tính toàn cầu, là chiến lược phát triển của mỗi quốc gia trong tiến trình hội nhập quốc tế. Nhận thức được điều đó, giáo dục Việt Nam không ngừng chuyển mình, thay đổi từ giáo dục tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực hướng đến phát triển toàn diện và bền vững. Đây cũng là một trong những nội dung trọng tâm hướng tới công cuộc đổi mới, đào tạo “Công dân toàn cầu”.

Phát triển bền vững là khái niệm chỉ sự phát triển về mọi mặt ở xã hội hiện tại, đáp ứng được nhu cầu của thế hệ hiện tại mà vẫn đảm bảo không gây ảnh hưởng hay tổn hại đến các nhu cầu đó của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững phải dựa trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa vấn đề tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển bền vững được xây dựng dựa trên nguyên tắc chung về sự tiến bộ của loài người, đảm bảo quan hệ bình đẳng giữa các thế hệ. Đây hiện đang là mục tiêu của nhiều quốc gia trên thế giới, mỗi một quốc gia sẽ dựa vào đặc thù kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, địa lý để hoạch định chiến lược phát triển bền vững phù hợp nhất với quốc gia của mình.



SƠ ĐỒ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG (UNESCO)

Giáo dục vì sự phát triển bền vững (ESD - Education for Sustainable Development) là một quá trình học tập suốt đời, trao quyền cho người học ở mọi lứa tuổi để có được kiến thức, kỹ năng và thái độ cần thiết để nhận thức, giải thích và giải quyết các thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, suy giảm đa dạng sinh học, lãng phí tài nguyên thiên nhiên và vấn đề bất bình đẳng, phân biệt đối xử. Giáo dục vì sự phát triển bền vững “mở ra cho tất cả mọi người cơ hội giáo dục, cho phép họ tiếp thu

được các tri thức và các giá trị cũng như học được các phương thức, hành động và phong cách sống cần thiết cho một tương lai đáng sống và sự thay đổi xã hội một cách tích cực” [4]. Vì vậy, giáo dục vì sự phát triển bền vững cần được coi là một triết lý trong giáo dục nhằm giúp con người hiểu nhau, biết chia sẻ những lợi ích chung và cùng nhau nêu cao vai trò vì sự phát triển bền vững chung trong tương lai.

Giáo dục vì sự phát triển bền vững là chủ trương của Đảng và Nhà nước ta, là một nội dung quan trọng của triết lý giáo dục Việt Nam trong thời kì hội nhập.

Trong xu thế đó, giáo dục mầm non cần phải đổi mới chú trọng phát triển theo hướng “chất lượng” với trọng tâm là hình thành hình thành nhân cách, kỹ năng sống và năng lực cho trẻ em; giúp trẻ phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ và thẩm mỹ, mở rộng khả năng tiếp cận, cải thiện chất lượng chăm sóc, giáo dục cho trẻ em ở các lứa tuổi. Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục để trẻ em mầm non phát triển toàn diện tiếp cận theo phẩm chất, năng lực sáng tạo và các giá trị cốt lõi, nhất là giáo dục lòng biết ơn, tinh thần yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc.

Giáo dục không chỉ có chức năng chuyển tải những kinh nghiệm lịch sử xã hội của thế hệ trước cho thế hệ sau, mà quan trọng là trang bị cho mỗi người phương pháp học tập, phát triển tư duy nội tại, thích ứng được với một xã hội học tập thường xuyên, học tập suốt đời. Để thực hiện giáo dục phát triển bền vững trong giáo dục mầm non ***giáo viên cần phải nắm vững các phương pháp dạy học***. Khai thác và sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. Tăng cường sử dụng trò chơi trong quá trình cung cấp kiến thức và hình thành kỹ năng cho trẻ. Bởi trẻ mầm non học qua chơi, chơi được hiểu theo nghĩa rộng là hướng tiếp cận giáo dục, ở đó trẻ được tương tác, trải nghiệm, khám phá và giải quyết vấn đề trong môi trường học tập vui vẻ.

Ngoài ra, giáo viên kết nối mục tiêu của hoạt động giáo dục với hoạt động chơi nhằm thúc đẩy sự tích cực tham gia của trẻ, góp phần phát triển những phẩm chất và năng lực cần thiết cho trẻ.

3. Giải pháp gìn giữ bản sắc văn hóa truyền thống vì sự phát triển bền vững trong giáo dục mầm non

Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc là chiến lược phát triển bền vững quốc gia, là nhiệm vụ chung của toàn xã hội trong đó giáo dục giữ vai trò quan trọng nhất. Bằng con đường giáo dục và thông qua giáo dục, các giá trị về vật chất và tinh thần, các kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, kinh nghiệm ứng xử, lối sống, ngôn ngữ, phong tục, tập quán... của các dân tộc được lưu truyền, vận hành nối liền các thế hệ. Hiện nay, TCDG được đưa vào trường học là một trong những nội dung tích cực của phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Nội dung này rất phù hợp với trẻ mầm non - lứa tuổi học bằng chơi, chơi bằng học.

Việc xây dựng môi trường có ý nghĩa rất lớn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mầm non. Tùy thuộc vào điều kiện cơ sở vật chất của trường, lớp. Giáo viên xây dựng “Góc dân gian”, “Góc truyền thống” với những đồ dùng, đồ chơi,

trò chơi liên quan đến văn hóa dân tộc trong trường mầm non đã biến các giờ học trở nên sinh động và thích thú hơn đối với trẻ.

Sưu tầm, phân loại, sắp xếp TCDG thành một hệ thống ngân hàng trò chơi. Việc sưu tầm TCDG giúp giáo viên mầm non có ngân hàng trò chơi phong phú, đa dạng, dễ lựa chọn khai thác để đưa vào sử dụng trong các hoạt động giáo dục nhằm phát triển trí tuệ cho trẻ. Sưu tầm trò chơi dân gian cho trẻ em từ các nguồn tư liệu khác nhau: Các tuyển tập trò chơi dân gian, phương tiện truyền thông khác: internet, đài phát thanh, truyền hình, báo, tạp chí Từ các trò chơi đã sưu tầm, giáo viên lựa chọn, thống kê, phân loại TCDG theo mục đích sử dụng, ví dụ như:

- *Trò chơi vận động dân gian*: Trò chơi dân gian mang tính chất vận động gồm các trò chơi cho trẻ em vận động chân tay, chạy, nhảy... tạo không khí vui nhộn và sinh động như kéo co, rồng rắn lên mây, dung dăng dung dẻ, thả đĩa ba ba, câu ếch, lộn cầu vòng, đua ngựa, lắc cò cò, bịt mắt bắt dê, đi cà kheo Những trò chơi này thường được chơi ở ngoài trời, có không gian thoáng rộng để tiếp xúc với thiên nhiên, với cảnh vật xung quanh, nhằm tăng cường sức khỏe và các tố chất về thể lực cho trẻ.

- *Trò chơi học tập (thực chất là trò chơi rèn luyện trí tuệ)*: Nhiều trò chơi dân gian giúp phát huy trí tuệ của trẻ em, dạy cho trẻ biết quan sát, tính toán, phân nhóm phân loại, khái quát, suy luận... Ví dụ, trò chơi Câu ếch giúp trẻ hình dung ra tiếng kêu, vận động, tập tính sinh sản của loài ếch khi gặp mưa rào qua lời đồng dao và cách chơi:

Ếch ở dưới ao	Thấy bác đi câu
Vừa ngớt mưa rào	Rủ nhau trốn mau
Nhảy ra bì bọp	Ếch kêu “ộp ộp”
Ếch kêu “ộp ộp”	Ếch kêu “ặp ặp”.
Ếch kêu “ặp ặp”	

Cách chơi là tất cả các cháu đứng trong vòng tròn làm “ếch”. Một cháu làm người “câu ếch” đứng cách vòng tròn chừng 1- 2 mét, tay cầm cần câu. “Ếch” ở trong ao vừa hát vừa nhảy ra ngoài. “Bác đi câu” đuổi theo câu “ếch”. Trò chơi dân gian dạy trẻ cách tính toán, thêm, bớt như “Ô ăn quan”, giúp trẻ tập đếm trong phạm vi 10 như “Chuyền thẻ”, “Rải ranh”, “Cấp cua bỏ giỏ”.

- *Trò chơi mô phỏng*: Đây là những loại trò chơi mà trẻ mô phỏng, bắt chước cách sinh hoạt của người lớn như câu ếch, xin lửa, đốt pháo, làm nhà, dệt vải, cày ruộng, nấu ăn, bế em Trong khi chơi trẻ em thi nhau xem ai làm đẹp, làm đúng, làm nhanh hơn. Đặc biệt những trò chơi này có tác dụng như phát huy trí tưởng tượng của trẻ em: mẩu lá được biến thành món ăn ngon; vỏ chai, vỏ hến trở thành nồi niêu, bát đĩa; cái mo cau biến thành cỗ xe, con ngựa; cái gậy thành con ngựa để chơi trò đua ngựa, cưỡi ngựa

- *Trò chơi sáng tạo*: Đây là những trò chơi trong đó trẻ em tự tay làm nên những đồ vật bằng vật liệu trong thiên nhiên như cát, gấp cuộn lá chuối thành súng; xếp gấp

lá dứa hoặc lá dứa thành chong chóng; xé cuộn lá dứa thành con trâu; xé gấp lá dứa thành con cào cào. Những trò chơi này giúp phát triển vận động tinh, rèn luyện đôi tay khéo léo, linh hoạt đồng thời phát triển óc sáng tạo, khơi dậy khiếu thẩm mỹ cho trẻ.

Lập kế hoạch sử dụng TCDG theo năm học, theo chủ đề hoặc theo tháng, theo chủ đề nhánh hoặc theo tuần. Kế hoạch là xây dựng bản thiết kế tổng hợp sử dụng TCDG trong các hoạt động giáo dục được sắp xếp theo thời gian chặt chẽ, bắt đầu từ việc xác định mục tiêu giáo dục, phác hoạ quy trình cần thiết để thực hiện nội dung giáo dục, phương pháp và cách đánh giá kết quả hoạt động đó. Kế hoạch này không tồn tại độc lập với các kế hoạch giáo dục khác ở trường mầm non mà tích hợp, lồng ghép vào hệ thống kế hoạch giáo dục từ kế hoạch năm học, kế hoạch chủ đề/tháng, kế hoạch tuần/chủ đề nhánh, kế hoạch hoạt động giáo dục.

Tăng cường sử dụng TCDG ở nhiều hoạt động trong ngày: hoạt động học, hoạt động ngoài trời, hoạt động vui chơi, hoạt động lễ hội và các hoạt động khác.

4. Kết luận

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, sự giao thoa giữa các nền văn hóa, có nguy cơ làm cho bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc có nguy cơ bị mai một. Việc giáo dục những giá trị truyền thống cần được tiến hành ngay từ bậc học giáo dục mầm non. Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống, không chỉ góp phần khơi gợi niềm tự hào dân tộc, hướng trẻ đến những giá trị đúng đắn của văn hóa truyền thống mà còn khẳng định giá trị Chân - Thiện - Mỹ không gì thay thế được của văn hoá dân gian góp phần thực hiện tiêu giáo dục phát triển bền vững.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật Hà Nội.
2. Vũ Thị Diệu Thuý (chủ biên) (2018), *Sử dụng trò chơi dân gian nhằm phát triển trí tuệ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Nguyễn Thanh Hoàn (2005), “*Giáo dục về sự phát triển bền vững - bức tranh toàn cảnh*”, Kì yếu Hội thảo khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
4. Quyết định số 622/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững.

TÁC ĐỘNG CỦA ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRONG HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC TÍCH HỢP ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN TOÀN DIỆN Ở TRẺ MẦM NON

Th.S Đỗ Thị Thùy Liên

Trưởng phòng phát triển
chương trình - Công ty TNHH
Digital Power Media (DPM)
Email: lien.do@dpm.today

Tóm tắt: Trong thời đại ngày nay, việc ứng dụng công nghệ trong giáo dục mầm non đang trở thành xu hướng không thể phủ nhận tại Việt Nam, đặc biệt khi mục tiêu là xây dựng môi trường giáo dục bền vững. Công nghệ đã mang lại nhiều lợi ích cho trẻ em ở độ tuổi mầm non thông qua các phương pháp giảng dạy tích hợp với các phần mềm giáo dục thông minh trong chương trình đào tạo. Việc này tạo điều kiện cho trẻ tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả, hứng thú, và hướng tới phát triển toàn diện ở trẻ. Ngoài ra, một số công nghệ còn có thể thu thập, phân tích dữ liệu học tập của từng cá nhân trẻ từ đó cung cấp được các báo cáo học tập xuyên suốt, góp phần tạo dựng một hệ thống dữ liệu bền vững trong giáo dục mầm non. Tóm lại, ứng dụng công nghệ trong giáo dục mầm non ở Việt Nam không chỉ mang lại cơ hội học tập mới cho trẻ mà còn góp phần vào việc phát triển nền giáo dục bền vững.

Từ khóa: ứng dụng công nghệ, phát triển toàn diện ở trẻ, thu thập, phân tích dữ liệu học tập.

I. Mở đầu

Trẻ mầm non đang trải qua giai đoạn phát triển quan trọng trong cuộc sống, và việc cung cấp cho trẻ một môi trường học tập phù hợp là rất quan trọng để phát triển toàn diện. Trong thời đại công nghệ thông tin hiện nay, ứng dụng công nghệ trong hoạt động dạy học tích hợp đã xuất hiện như một công cụ hữu ích để giúp trẻ mầm non phát triển toàn diện. Bài báo cáo này sẽ tập trung nghiên cứu về tác động của ứng dụng công nghệ trong hoạt động dạy học tích hợp đối với việc phát triển toàn diện ở trẻ mầm non.

II. Nội dung

2.1. Cơ sở lý luận

Có nhiều quan điểm khác nhau về các phương pháp giáo dục trẻ mầm non trên thế giới nhưng đều tập trung vào việc phát triển trẻ toàn diện. Ở Việt Nam, giáo dục theo hướng phát triển toàn diện và bền vững đã được đề cập tới trong các văn bản hướng dẫn. [1] Điều này cũng thể hiện sự cấp tiến và tầm nhìn của các nhà lãnh đạo giáo dục.

Điều rõ ràng có thể nhìn thấy ở rất nhiều các nghiên cứu là Trẻ mầm non có những nhu cầu khác với học sinh ở độ tuổi lớn hơn và thanh thiếu niên. Trẻ từ sơ sinh đến 8 tuổi có khả năng học hỏi nhanh, sử dụng tất cả các giác quan và toàn bộ cơ thể để tiếp nhận các cảm giác và trải nghiệm thế giới xung quanh. Trong giai đoạn này của

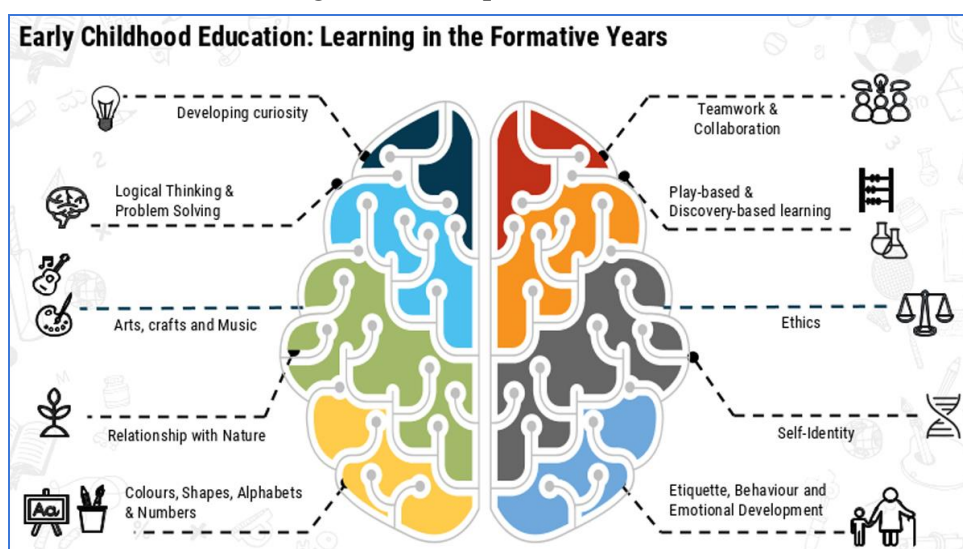
cuộc đời, trẻ học thông qua việc chơi và khám phá 5 khía cạnh phát triển quan trọng cấu thành “sự phát triển toàn diện, toàn diện của trẻ”, cụ thể là: sức khỏe thể chất & khả năng vận động; phát triển về mặt xã hội và tình cảm; phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; nhận thức và kiến thức chung; và các cách tiếp cận trong quá trình học. [1]

Xu hướng này được làm rõ hơn khi sau đại dịch, các trường học, cơ sở giáo dục tập trung vào việc giáo dục tốt nhất có thể cho trẻ cũng như các bậc phụ huynh quan tâm sâu sắc hơn việc nuôi dạy con em trong kỷ nguyên mới.

2.2. Giáo dục 4.0

Các phương pháp thực hành sư phạm theo 'tiêu chuẩn vàng' toàn cầu trong việc dạy và học cho lứa tuổi mầm non như là một phần của cuộc Cách mạng Giáo dục 4.0 và vai trò của công nghệ trong việc hỗ trợ thực hành các tiêu chuẩn vàng này.

Giáo dục 4.0 là một phương pháp học tập dựa trên sự khám phá để trẻ phát triển toàn diện. Việc dạy học quan tâm đến thể chất, cá nhân, kỹ năng xã hội, tình cảm và tinh thần của trẻ cũng như các khía cạnh nhận thức của việc học tập; khuyến khích trẻ khám phá và tìm hiểu lộ trình học tập bằng cách sử dụng tất cả trí thông minh và năng lực của mình và để nhìn ra thế giới bên ngoài một cách 'toàn vẹn'; xây dựng cho trẻ năng lực hiểu biết và tôn trọng môi trường tự nhiên và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa con người, thực vật, động vật và đất đai; phát triển nhận thức của trẻ về tầm quan trọng của việc quan tâm và ý thức cộng đồng để trẻ học cách cộng tác và kết nối xã hội với những người khác và có thể đánh giá cao các quan điểm và văn hóa khác nhau.



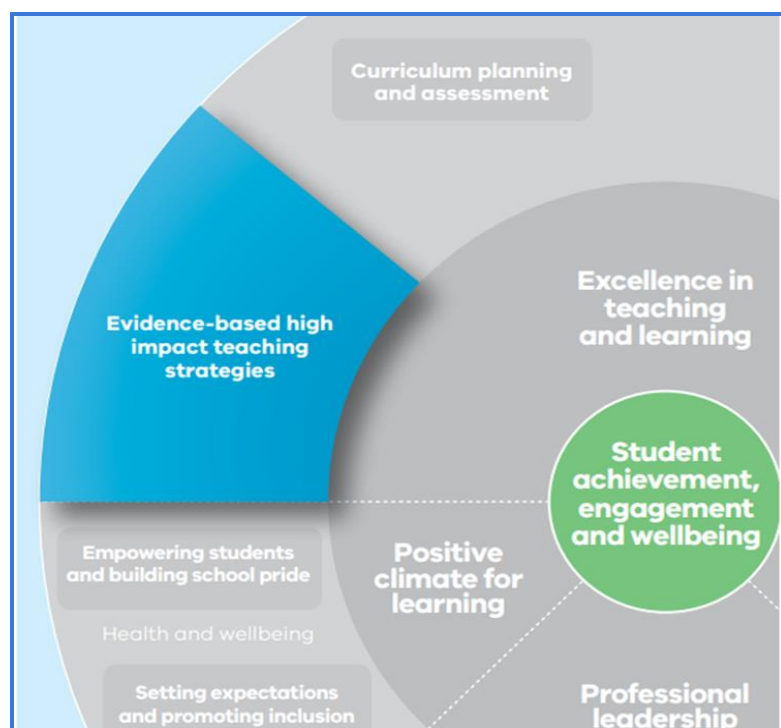
Từ việc từ khám phá thông qua học tập này trẻ trải nghiệm phương pháp này sẽ học được cách khai thác sự sáng tạo và sở thích để thể hiện bản thân và ý tưởng của mình; chấp nhận thất bại như một phần của sự phát triển; phát triển tính kiên trì, nhẫn nại trong học tập, vui chơi và làm việc; sử dụng các chiến lược khác nhau để đối mặt với các trở ngại, động lực và khả năng tự điều chỉnh; tìm thấy niềm vui trong học tập,

tìm tòi và sáng tạo, và khám phá và gắn kết và quan tâm đến những người khác trong học tập và vui chơi.

Như vậy có thể thấy rằng để trẻ được kích thích và phát triển đồng đều tất cả các loại trí tuệ, kỹ năng này giáo viên cần đổi mới về phương thức dạy học. Theo nhiều nghiên cứu, phương pháp sư phạm thông qua khám phá áp dụng với trẻ mầm non đã đạt được một số kết quả đáng kể.

Trước tiên, hãy bàn về phương pháp sư phạm thông qua trải nghiệm này. Phương Pháp Giảng Dạy Thông Qua Dẫn chứng là phương pháp giảng dạy được giáo viên sử dụng trong lớp học, dựa trên 2 loại dẫn chứng: thứ nhất, cần dựa vào các nghiên cứu sư phạm làm dẫn chứng cho "Những gì hiệu quả" thay vì "Những gì ta luôn làm" hoặc "Ta cảm thấy có thể điều này là đúng"; thứ hai là dựa vào xu hướng học tập và dữ liệu học tập của trẻ. Chỉ có thể dựa vào dữ liệu thực tiễn trên từng trẻ và trên quy mô lớn mới cho thấy được kết quả của phương pháp giảng dạy là có hiệu quả hay không và đánh giá được mức độ hiệu quả của phương pháp.

Với Phương Pháp Giảng Dạy Thông Qua Dẫn chứng, giáo viên có thể tối đa hóa hiệu quả giảng dạy của mình bằng cách cá nhân hóa và phân chia sự hỗ trợ mà họ cung cấp cho học sinh một cách hiệu quả và chính xác.



Rõ ràng là phương pháp giáo dục mới này mang lại cái nhìn tổng quan, toàn diện hơn cho các nhà giáo dục về tính hiệu quả của hoạt động dạy và sự phát triển của trẻ trên nhiều lĩnh vực. Tuy nhiên, thực tế cũng chứng minh rằng nếu chỉ dựa vào các phương cách thông thường để lấy dẫn chứng và triển khai dạy – học thông qua dẫn chứng sẽ gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là trong việc thu thập dữ liệu học tập. Vậy, câu hỏi đặt ra là trong kỷ nguyên của chuyển đổi số, những tiến bộ trong công nghệ

giữ vai trò gì trong công tác nghiên cứu và thực hành các phương pháp sư phạm mới trên trẻ mầm non.

Kết quả nghiên cứu trong “Screen time and young children: Promoting health and development in a digital world” của Paediatrics & Child Health (pp. 461-468, 2017) đã nêu bật các cơ hội sử dụng ngôn ngữ, phát triển toàn diện và tương tác xã hội mà các loại hình và cách sử dụng công nghệ giáo dục phù hợp mang lại, cùng với việc gia tăng động lực học tập cho trẻ.

Công nghệ là công cụ có thể cung cấp một cách khác để trẻ học và hiểu biết thêm về thế giới của chúng. Nó có thể được sử dụng theo những cách thích hợp cho sự phát triển có lợi cho trẻ, hoặc nó có thể bị lạm dụng sai mục đích, giống như các khối lắp ghép hoặc bất kỳ học liệu nào khác. Giống như bút chì không thay thế bút chì màu, mà là cung cấp thêm phương tiện diễn đạt, công nghệ giáo dục cũng không thay thế các công cụ khác mà bổ sung vào hàng loạt công cụ có sẵn cho trẻ để khám phá, sáng tạo và giao tiếp. Khi được sử dụng một cách thích hợp, công nghệ có thể hỗ trợ và mở rộng việc học theo những cách có giá trị và có thể tăng cơ hội giáo dục cho trẻ. Chia khoá ở đây là phải tìm được cách cân bằng; biết cách kết hợp các yếu tố của một tuổi thơ lành mạnh với các khả năng độc đáo do công nghệ mang lại.

Nghiên cứu chỉ ra rằng phát triển ngôn ngữ và khả năng đọc viết là những điểm mạnh chính của việc sử dụng công nghệ với trẻ thông qua các cơ hội và động lực mà nó mang lại. Trong khi các nhà phê bình bày tỏ lo ngại rằng việc sử dụng công nghệ sẽ kìm hãm sự phát triển ngôn ngữ và dẫn đến sự cô lập xã hội, nghiên cứu cho thấy rằng:

- Các trò chơi kỹ thuật số mang tính tương tác khuyến khích việc nói dài hơn, nội dung nói phức tạp hơn và phát triển sự trôi chảy khi nói;
- Trẻ có xu hướng thuật lại những gì mình làm khi đang vẽ tranh hoặc kéo, thả và tương tác với các đối tượng và nhân vật trên màn hình;
- Trẻ có xu hướng tham gia vào việc giao tiếp bằng lời nói và hợp tác ở mức độ cao, chẳng hạn như nhận lời, nói chuyện và hợp tác với các bạn học. So với các hoạt động truyền thống hơn, chẳng hạn như xếp hình hoặc xây dựng các khối lắp ghép, các trò chơi kỹ thuật số có xu hướng khơi gợi nhiều tương tác xã hội hơn và các loại tương tác khác nhau.

Công nghệ mang lại những trải nghiệm trí tuệ và cơ hội độc đáo cho trẻ - ví dụ: bằng cách mang lại những minh họa và các hành động mà ta không thể thực hiện được trong thế giới thực. Ví dụ, trẻ có thể điều khiển các biến số như trọng lực hoặc tốc độ, và khám phá các kết quả.

Trong các bài nghiên cứu về sự phát triển của trẻ gắn với công nghệ [chỉ ra những tác động tích cực của việc sử dụng công nghệ đối với nhận thức và xã hội, học tập và phát triển. Trong các nghiên cứu tương tự với các độ tuổi khác nhau của trẻ,

việc sử dụng trò chơi kỹ thuật số cùng với các hoạt động hỗ trợ (ví dụ: các thao tác, đồ vật mà trẻ sử dụng để giúp trẻ hiểu các khái niệm) thậm chí còn mang lại nhiều lợi ích hơn là chỉ sử dụng một trong hai. So với những trẻ trong cùng một lớp học không có kinh nghiệm sử dụng máy tính, những đứa trẻ ba và bốn tuổi sử dụng kỹ thuật số, các hoạt động tương tác cùng với hoạt động thực hành có mức độ cải thiện đáng kể về các kỹ năng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, kỹ năng giải quyết vấn đề trừu tượng và các khái niệm. Tương tự, những đứa trẻ năm và sáu tuổi sử dụng cả thao tác và các hoạt động tương tác kỹ thuật số cho thấy sự tinh vi hơn trong phân loại và tư duy logic hơn những trẻ chỉ sử dụng thao tác.

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc sử dụng công nghệ được kết nối với những gì trẻ đã biết và có thể xây dựng dựa trên đó dẫn đến động lực và khả năng tự định hướng cao hơn. Thay vì chỉ là giải trí ồn ào, lộn xộn, dẫn tới việc 'nghiện phần thưởng', các hoạt động kỹ thuật số tương tác, tập trung vào giáo dục cung cấp cơ hội khám phá, đưa ra lựa chọn và tìm hiểu và thảo luận về tác động của các quyết định, đã được phát hiện dùng để khuyến khích sự khám phá, trí tưởng tượng và giải quyết vấn đề. [2], [3], [4], [5], [6]

Công nghệ không thể và không nên thay thế sự tương tác hoặc các mối quan hệ của con người hoặc thay thế các hoạt động như đọc truyện cùng nhau hoặc chia sẻ các cuộc trò chuyện với trẻ. Tuy nhiên, khi được sử dụng đúng cách, phần mềm tương tác kỹ thuật số có thể đóng vai trò như chất xúc tác cho các tương tác xã hội và các cuộc trò chuyện liên quan đến công việc của trẻ. Một lớp học được thiết lập để khuyến khích sự tương tác và việc sử dụng công nghệ thích hợp sẽ không làm suy yếu mà còn làm tăng sự phát triển ngôn ngữ và khả năng đọc viết. Nghiên cứu cho thấy rằng khi được sử dụng một cách hợp lý:

- Các công nghệ tương tác kỹ thuật số về bản chất là tạo động lực và thú vị cho trẻ nhỏ, đồng thời góp phần phát triển nhận thức và xã hội;

- Các công nghệ tương tác kỹ thuật số có thể nâng cao khái niệm về bản thân của trẻ và cải thiện thái độ của trẻ về việc học tập;

- Trẻ thể hiện mức độ giao tiếp bằng lời nói và hợp tác tăng lên trong quá trình chơi các trò chơi tương tác kỹ thuật số;

Trẻ chia sẻ vai trò lãnh đạo khi được dạy sử dụng các thiết bị kỹ thuật số cùng nhau và bắt đầu tương tác với nhau thường xuyên hơn.

Nghiên cứu gần đây về sự phát triển trí não đã tập trung chú ý vào khả năng của trẻ, các giai đoạn và phong cách học tập, sự phát triển về mặt tình cảm-xã hội, và các phương pháp giáo dục thành công, và tập trung vào hai điểm chính:

- Các công nghệ giáo dục mang tính tương tác, đòi hỏi trẻ phải tích cực tham gia với chúng, giúp dễ dàng tạo ra nhiều môi trường học tập đa dạng hơn, trong đó trẻ có thể học bằng cách chơi và làm.

- Hình ảnh kỹ thuật số, tương tác như các bài học và hoạt động đa phương tiện có thể giúp trẻ hình dung được các khái niệm khó hiểu cũng như thực hiện các trải nghiệm và hình ảnh không thể diễn ra trong thế giới thực, mang lại trải nghiệm mới và nâng cao hiểu biết.

Nhiều trải nghiệm phong phú giúp thúc đẩy khả năng đọc viết sớm, bao gồm trò chuyện với người lớn, kể chuyện, vẽ tranh và chơi đóng vai, là rất quan trọng trong việc phát triển cả ngôn ngữ nói và viết. Hàng ngày, những trải nghiệm vui tươi trong môi trường có nhiều tranh giúp trẻ tiếp xúc với các quá trình đọc và viết cho các mục đích thực tế. Công nghệ đóng một vai trò trong môi trường này. [7], [8], [9]

Ở Việt Nam, có một số ứng dụng công nghệ thông tin đã được sử dụng trong dạy học ở trường mầm non. Dưới đây là một số ví dụ:

1. Phần mềm học tập trực tuyến: Có nhiều ứng dụng và phần mềm học tập trực tuyến được phát triển để giúp trẻ mầm non học qua các hoạt động trực quan và thú vị. Ví dụ như ứng dụng HocMax, Học Cùng Gà Con, LEO Kids, Giáo dục thành công cho bé.

2. Trò chơi học tập: Một số trò chơi điện tử được thiết kế đặc biệt để giúp trẻ mầm non phát triển các kỹ năng chung và kiến thức cần thiết. Ví dụ như các ứng dụng "Trò chơi thông minh" của Nhà Sách Tâm Đức, "Lopte Học Cùng Bé".

3. Bảng điện tử và máy tính bảng: Sử dụng bảng điện tử và máy tính bảng là một công nghệ phổ biến trong dạy học ở trường mầm non. Chúng cho phép giáo viên trình bày các bài giảng theo cách thú vị và tương tác hơn, và cũng giúp trẻ em tham gia vào các hoạt động học tập trực quan.

4. Ứng dụng học tiếng Anh: Có nhiều ứng dụng di động được sử dụng để giúp trẻ mầm non học tiếng Anh, như Duolingo Kids, Monkey Junior, ABCmouse, HooplaKidz Plus.

5. Thiết bị AR/VR: Công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) cũng đã được áp dụng trong một số trường mầm non ở Việt Nam. Các thiết bị này giúp trẻ mầm non khám phá, tương tác và học tập qua các trải nghiệm thú vị và trực quan.

6. Nền tảng dạy - học số hóa Chích Chèo:

Nền tảng dạy và học này cung cấp các nội dung học tập số hóa dành cho trẻ mầm non và đã thử nghiệm thành công trên khoảng 500 trẻ năm 2022. Thực nghiệm dạy của nền tảng này tập trung vào miền phát triển ngôn ngữ tiếng Anh và một số kỹ năng Steam cho trẻ. Cụ thể:

Nền tảng vận hành theo quy trình bao gồm việc dạy học tương tác trên học liệu đã được số hóa giữa giáo viên và trẻ, việc vui chơi của trẻ trên chính những nội dung

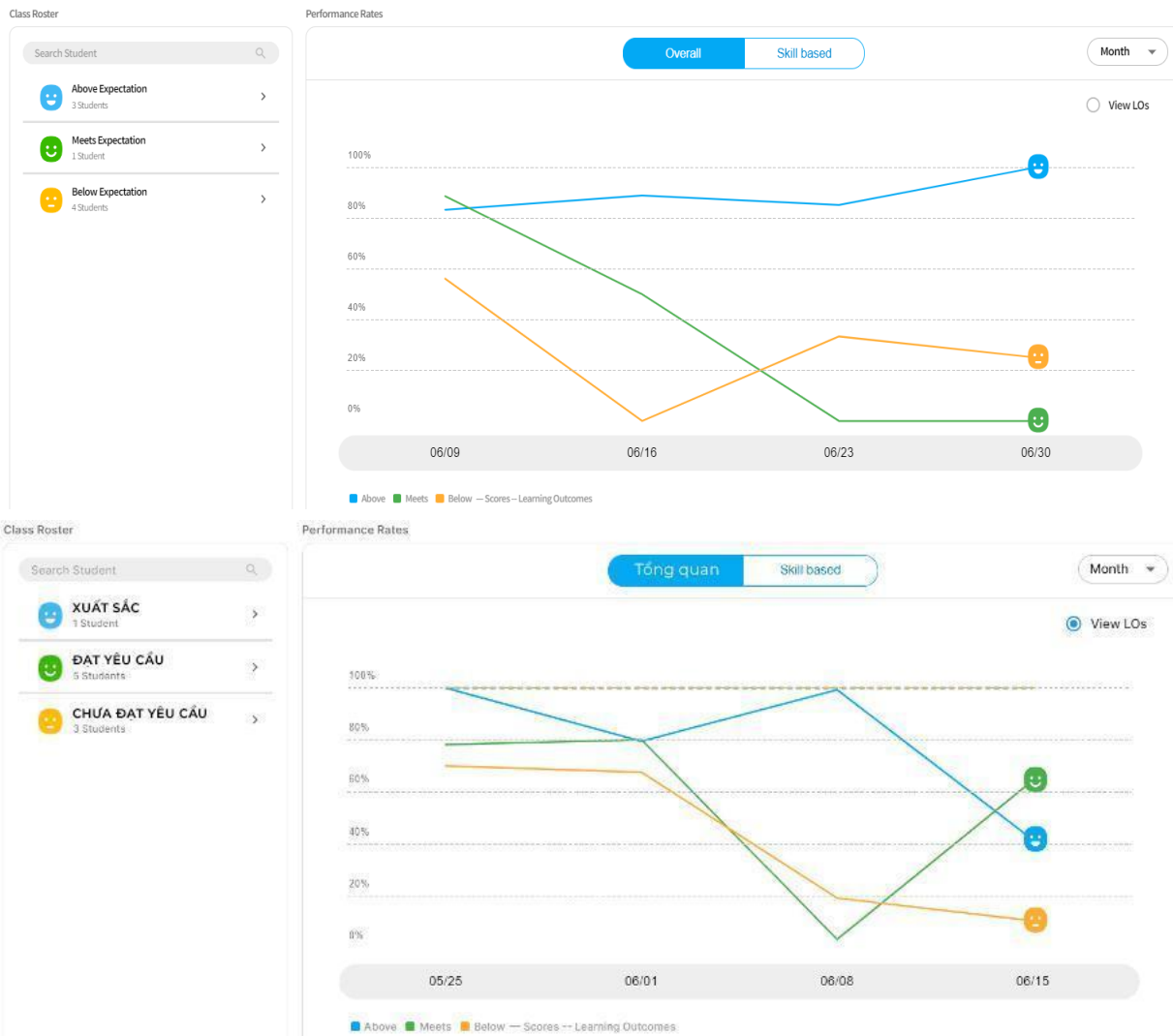
đã được trải nghiệm tại lớp. Thông qua công nghệ, nền tảng này thu thập dữ liệu học tập của từng trẻ và bắt đầu phân tích dữ liệu để tổng hợp và trích xuất các bản báo cáo học tập có tính tổng hợp theo quy mô lớp học, trường học và cá nhân hóa cao cho từng trẻ. Dựa và các dữ liệu đã thu thập, tổng hợp và phân tích, báo cáo học tập mà nền tảng này cung cấp giúp các nhà giáo dục, giáo viên có thể đánh giá được hiệu quả dạy học cũng như giúp họ có những kết luận mang tính chiến lược về xu hướng học tập của tập thể hay cá nhân trẻ. Từ đó, giúp họ định hướng các giải pháp giáo dục phù hợp và bền vững trong đào tạo.



(Nguồn: chich choe.vn)

Bằng công nghệ và phương cách số hóa nội dung dạy - học, các báo cáo học tập chuyên sâu được trích xuất theo các nhu cầu đa dạng, từ báo cáo tổng quan theo thời gian, theo quy mô, địa bàn hay báo cáo về sự tiến bộ của trẻ theo từng miền phát triển cả về trí tuệ lẫn kỹ năng.





(Nguồn: chich choe.vn)

Tất nhiên, danh sách này chỉ là một số ví dụ và không bao gồm tất cả các ứng dụng công nghệ hiện có. Sự sử dụng và phát triển công nghệ trong dạy học ở trường mầm non đang ngày càng phổ biến và đa dạng.

3. Kết luận

Ứng dụng công nghệ trong hoạt động dạy học tích hợp có tác động đáng kể đối với sự phát triển toàn diện của trẻ mầm non. Dưới đây là một số tác động quan trọng:

1. Thúc đẩy sự tương tác xã hội: Ứng dụng công nghệ, như các ứng dụng học qua bài hát, trò chơi học tập trên máy tính hoặc bảng điện tử, giúp tạo ra môi trường học tập thú vị và hấp dẫn. Trẻ em có thể tương tác với nhau thông qua các hoạt động trực tuyến, chia sẻ ý tưởng và học hỏi từ nhau.

2. Khám phá và sáng tạo: Công nghệ giúp trẻ em khám phá và sáng tạo thông qua việc sử dụng ứng dụng đa phương tiện, ảo hóa và thực tế tăng cường (AR/VR). Chúng tạo ra môi trường học tập tương tác và thú vị, cho phép trẻ em tìm hiểu về đa dạng các lĩnh vực như khoa học, nghệ thuật và âm nhạc

3. Phát triển kỹ năng sống: Công nghệ cung cấp cho trẻ em cơ hội để phát triển kỹ năng sống quan trọng như giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và khả năng làm việc nhóm. Từ việc sử dụng ứng dụng trò chơi học tập, trẻ em học cách làm việc cùng nhau, chia sẻ ý kiến và giải quyết các thách thức một cách sáng tạo.

4. Thúc đẩy sự phát triển ngôn ngữ: Các ứng dụng công nghệ có thể giúp trẻ em mở rộng từ vựng và nâng cao khả năng ngôn ngữ của mình. Qua việc nghe và tương tác với âm thanh, hình ảnh và các hoạt động trực quan, trẻ em có thể hiểu và sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và tự tin hơn.

5. Giao tiếp giữa gia đình và giáo viên: Công nghệ cung cấp một phương tiện tiện lợi để giao tiếp giữa gia đình và giáo viên. Các ứng dụng di động, email, tin nhắn và video cuộc gọi cho phép phụ huynh và giáo viên cùng chia sẻ thông tin, nắm bắt quá trình học tập của trẻ và tạo ra một môi trường hỗ trợ và thông tin liên tục.

6. Phát triển bền vững: Công nghệ cung cấp các phương cách giúp việc thu thập, tổng hợp và phân tích dữ liệu học tập trở nên thuận tiện và đáng tin cậy. Việc ứng dụng công nghệ này trên diện rộng không chỉ giúp các nhà giáo dục, giáo viên nắm bắt được tiến trình học, sự phát triển toàn diện của trẻ trong quãng đời mầm non của trẻ mà còn tăng cường kết nối giữa nhà trường, cơ sở giáo dục với gia đình. **Tóm lại**, việc tích hợp công nghệ trong hoạt động dạy học ở trẻ mầm non có tác động tích cực đến sự phát triển toàn diện của trẻ. Nó thúc đẩy tương tác xã hội, khám phá và sáng tạo, phát triển kỹ năng sống, nâng cao khả năng ngôn ngữ và tạo ra sự kết nối giữa gia đình và giáo viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1.] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). Chương trình Giáo dục mầm non (Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021)

[2.] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). Quyết định Ban hành yêu cầu, quy trình xây dựng học liệu số cấp giáo dục mầm non (Quyết định số 4082/QĐ-BGDĐT, 2022)

[3.] Canadian Paediatric Society (2017), “Screen time and young children: Promoting health and development in a digital world”, Paediatrics & Child Health, pp. 461-468, <http://dx.doi.org/10.1093/pch/pxx123>.

[4.] Donohue, C. - Schomburg, R., (2017) “Technology and interactive media in early childhood years”, YC Young children, Vol 72(4), pp. 72-78.
<https://www.jstor.org/stable/90013713>

[5.] Ferguson, C. (2017), “Everything in Moderation: Moderate Use of Screens Unassociated with Child Behavior Problems”, Psychiatric Quarterly, Vol. 88/4, pp. 797-805, <http://dx.doi.org/10.1007/s11126-016-9486-3> .

[6.]Granic, I., A. Lobel and R. Engels (2013), “The Benefits of Playing Video Games”, *American Psychologist*, Vol. 69/1, pp. 66-78, <http://dx.doi.org/10.1037/a0034857>.

[7.]Green, C. and D. Bavelier (2012), “Learning, Attentional Control, and Action Video Games”, *Current Biology*, Vol. 22/6, pp. R197-R206, <http://dx.doi.org/10.1016/j.cub.2012.02.012> .

[8.]Haughton, C., M. Aiken and C. Cheevers (2015), “Cyber Babies: The Impact of Emerging Technology on the Developing Infant”, *Psychology Research*, Vol. 5/9, pp. 504-518, <http://dx.doi.org/10.17265/2159-5542/2015.09.002> .

[9.]Hooft Graafland, J. (2018), “New technologies and 21st century children: Recent trends and outcomes”, *OECD Education Working Papers*, No. 179, OECD Publishing, Paris, <http://dx.doi.org/10.1787/e071a505-en> .

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG THIẾT KẾ HỌC LIỆU CHO TRẺ MẦM NON

ThS. Nguyễn Thị Phương
ThS. Nguyễn Thị Quy
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Công nghệ giảng dạy đóng một vai trò quan trọng trong giáo dục hiện đại, bởi nó cung cấp trải nghiệm học tập giúp tăng cường khả năng tương tác cho người học. Xu hướng hiện đại là sự kết hợp của công nghệ giáo dục, các phần mềm minh họa và các sản phẩm hỗ trợ trong giảng dạy. Công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) ngày càng được sử dụng nhiều hơn trong lĩnh vực giáo dục đặc biệt là lĩnh vực giáo dục mầm non (ECE) nhằm tăng cường khả năng học tập và tương tác ở trẻ nhỏ. Bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu các ứng dụng AI trong giáo dục trẻ mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cụ thể của trẻ; những thuận lợi và thách thức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tạo học liệu điện tử, và một số ứng dụng AI trong tạo học liệu điện tử cho trẻ mầm non.

Từ khóa: Công nghệ giáo dục, trí tuệ nhân tạo (AI), giáo dục mầm non, AI trong GDMN.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh công nghệ hiện nay, trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày càng trở thành một công cụ quan trọng trong lĩnh vực giáo dục. Khả năng của AI trong việc phân tích dữ liệu, xử lý ngôn ngữ tự nhiên và học máy đã mở ra nhiều cơ hội mới để cung cấp trải nghiệm học tập tương tác và thú vị cho trẻ mầm non. Trong lĩnh vực này, việc ứng dụng AI để tạo học liệu điện tử trong giảng dạy trẻ mầm non đang được quan tâm và nghiên cứu sâu hơn.

Bài viết này nhằm mục đích tìm hiểu các ứng dụng AI trong giáo dục trẻ mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu học tập cụ thể của trẻ; những thuận lợi và thách thức khi ứng dụng AI trong tạo học liệu điện tử, và một số ứng dụng AI trong tạo học liệu điện tử cho trẻ mầm non.

2. Nội dung

2.1. Một số khái niệm

Trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence): Trí tuệ nhân tạo là một lĩnh vực trong khoa học máy tính và công nghệ liên quan đến việc phát triển máy tính và hệ thống có khả năng thực hiện các nhiệm vụ mà đòi hỏi sự thông minh tương tự con người. Mục tiêu của AI là xây dựng máy tính và hệ thống có khả năng học hỏi, lập luận, nhận biết, và thực hiện các tác vụ thông minh. [2]

Những khái niệm đầu tiên về hệ thống AI được John McCarthy [2] – một nhà khoa học máy tính xuất sắc ở Mỹ cùng các cộng sự của mình, gồm Marvin Minsky,

Allen Newell và Herbert A. Simon, đặt ra vào năm 1955. Đến mùa hè 1956, tại Hội nghị khoa học Dartmouth, thuật ngữ AI lần đầu tiên được “trình làng” trước công chúng trong chính bản đề xuất của John McCarthy. Cũng từ sự kiện này, McCarthy được xem như “cha đẻ” của trí tuệ nhân tạo. Đồng thời, công nghệ này dần trở thành một lĩnh vực, một ngành khoa học thực sự thay vì những ý tưởng là lý thuyết như trước. [1]

Định nghĩa của UNESCO về AI như “máy móc có khả năng mô phỏng một số chức năng của trí thông minh con người, bao gồm các tính năng như nhận thức, học hỏi, suy luận, giải quyết vấn đề, tương tác ngôn ngữ và thậm chí tạo ra các sản phẩm sáng tạo” (COMEST, 2019), phản ánh sát hơn bước phát triển của công nghệ này gần đây.

Học máy (Machine Learning): Học máy là một phương pháp trong lĩnh vực AI, trong đó máy tính được lập trình để tự động học từ dữ liệu và cải thiện hiệu suất của nó theo thời gian. Học máy cho phép các hệ thống AI tự động phân tích và nhận diện các mẫu, từ đó tạo ra dự đoán và đưa ra quyết định [3]

2.2. Một số lợi ích của ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong GDMN

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục mầm non mang lại một số lợi ích quan trọng như sau:

Học liệu điện tử đa dạng: AI giúp tạo ra một số loại học liệu điện tử nhanh chóng như: vẽ ảnh, tạo video, câu hỏi tương tác, viết truyện ... một số ứng dụng hiện nay ứng dụng AI trong giảng dạy mầm non có thể kể đến như: Poe.com (hỗ trợ tạo nội dung giáo án, kịch bản, đề cương, thơ, truyện); canva.com (hỗ trợ tạo bài giảng, vẽ ảnh, tạo video); clipchamp.com (giúp tạo video từ AI nhanh chóng); vbee.vn, viettelgroup.ai(giúp chuyển văn bản thành giọng nói)...

Cung cấp môi trường học tập tương tác: AI có thể tạo ra môi trường học tập tương tác và thú vị cho trẻ mầm non. Các ứng dụng AI có thể cung cấp hoạt động học tập tương tác, trò chơi giáo dục và câu đố đa dạng, giúp trẻ tương tác một cách tích cực và hứng thú với quá trình học tập.

Cá nhân hóa quá trình học tập: AI có khả năng cá nhân hóa quá trình học tập cho từng trẻ mầm non. Dựa trên dữ liệu về khả năng và nhu cầu của trẻ, AI có thể tạo ra nội dung học tập phù hợp với từng cá nhân, giúp trẻ tiếp cận kiến thức theo tốc độ và phong cách học tập riêng.

Hỗ trợ đánh giá tự động: AI có thể hỗ trợ đánh giá kết quả học tập một cách tự động. Thông qua việc phân tích dữ liệu và đánh giá, các hệ thống AI có thể đo lường tiến độ học tập, đánh giá kỹ năng và năng lực của trẻ, giúp giáo viên có cái nhìn tổng quan và phản hồi nhanh chóng để điều chỉnh quá trình giảng dạy.

Hệ thống gợi ý học tập: AI có thể sử dụng các thuật toán gợi ý để đề xuất nội dung học tập phù hợp cho trẻ. Dựa trên việc theo dõi tiến trình học tập và đánh giá kỹ năng, AI có thể gợi ý cho trẻ những hoạt động và tài liệu học tập phù hợp, giúp trẻ tiếp cận kiến thức một cách hiệu quả và thú vị.

Hỗ trợ giáo viên: AI có thể hỗ trợ giáo viên trong việc lập kế hoạch giảng dạy, quản lý lớp học và tạo ra tài liệu, học liệu hỗ trợ giảng dạy. Các công cụ AI như chatbot giáo dục có thể cung cấp hỗ trợ tức thì cho giáo viên, giúp giáo viên tiết kiệm thời gian và tập trung vào quá trình giảng dạy.

2.3. Một số thách thức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong Giáo dục Mầm non

Khi ứng dụng AI để tạo học liệu điện tử trong giảng dạy trẻ mầm non, có thể sẽ phải đối mặt với một số thách thức đáng lưu ý. Dưới đây là một số thách thức quan trọng:

Độ tuổi và phát triển của trẻ: Trẻ mầm non có sự phát triển vượt trội trong giai đoạn này, vì vậy học liệu điện tử phải được thiết kế phù hợp với khả năng hiểu và tương tác của trẻ. Đây là một thách thức lớn khi phải tạo ra nội dung học tập phù hợp với từng độ tuổi và giai đoạn phát triển của trẻ.

Tính cá nhân hóa: Một trong những lợi ích của ứng dụng AI là khả năng tùy chỉnh học liệu điện tử dựa trên nhu cầu và khả năng của từng trẻ. Tuy nhiên, để đạt được tính cá nhân hóa này, cần có đủ dữ liệu và thuật toán phù hợp để phân tích và hiểu được nhu cầu của từng trẻ. Điều này đòi hỏi sự quản lý và bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ một cách cẩn thận và đảm bảo tính riêng tư.

An toàn và đạo đức: Khi sử dụng AI và học liệu điện tử, cần đảm bảo rằng nội dung và hoạt động không gây hại đến trẻ. Phải có sự giám sát và kiểm soát thích hợp để đảm bảo an toàn và đạo đức trong quá trình học tập. Đồng thời, cần xác định và loại bỏ các nội dung không phù hợp hoặc độc hại có thể xuất hiện trong học liệu điện tử.

Giáo viên và vai trò của họ: Trong quá trình ứng dụng AI để tạo học liệu điện tử, vai trò của giáo viên vẫn rất quan trọng. Giáo viên cần có kiến thức và kỹ năng để sử dụng công cụ AI một cách hiệu quả và tương tác với trẻ trong quá trình học tập. Đồng thời, giáo viên cần theo dõi và đánh giá quá trình học tập của trẻ để đảm bảo sự tiến bộ và phát triển đúng hướng.

Hạn chế kỹ thuật: Một số hạn chế kỹ thuật có thể gặp phải khi ứng dụng AI trong giảng dạy trẻ mầm non, bao gồm khả năng tương tác hạn chế, khả năng phân tích dữ liệu không chính xác do đặc thù của ngôn ngữ trẻ nhỏ, và khả năng xử lý dữ liệu lớn trong thời gian thực.

Cơ sở vật chất, phần mềm giảng dạy: Để triển khai và thực hiện được một số phần mềm và công cụ trí tuệ nhân tạo. Đòi hỏi giáo viên và Nhà trường được cung cấp

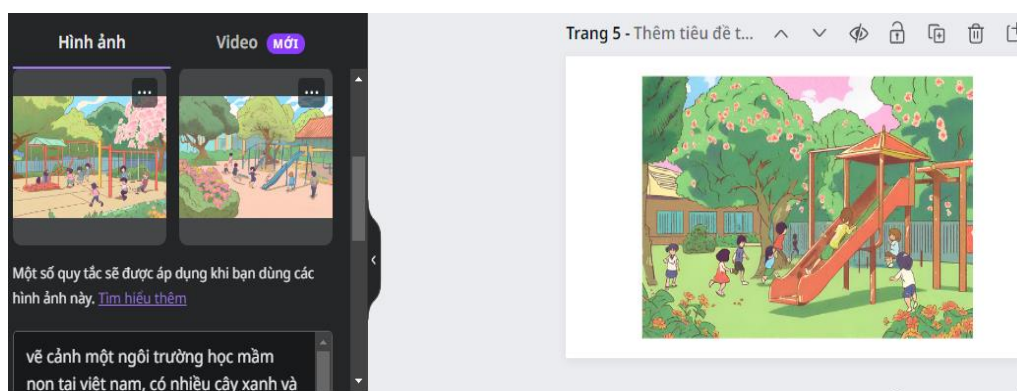
các cơ sở vật chất như mạng internet, máy tính, máy chiếu, bảng tương tác, phần mềm bản quyền, thiết bị mạng ...

Để ứng dụng AI hiệu quả trong giảng dạy trẻ mầm non, cần giải quyết những thách thức này thông qua sự tương tác chặt chẽ giữa công nghệ và sự quan tâm đến phát triển toàn diện của trẻ.

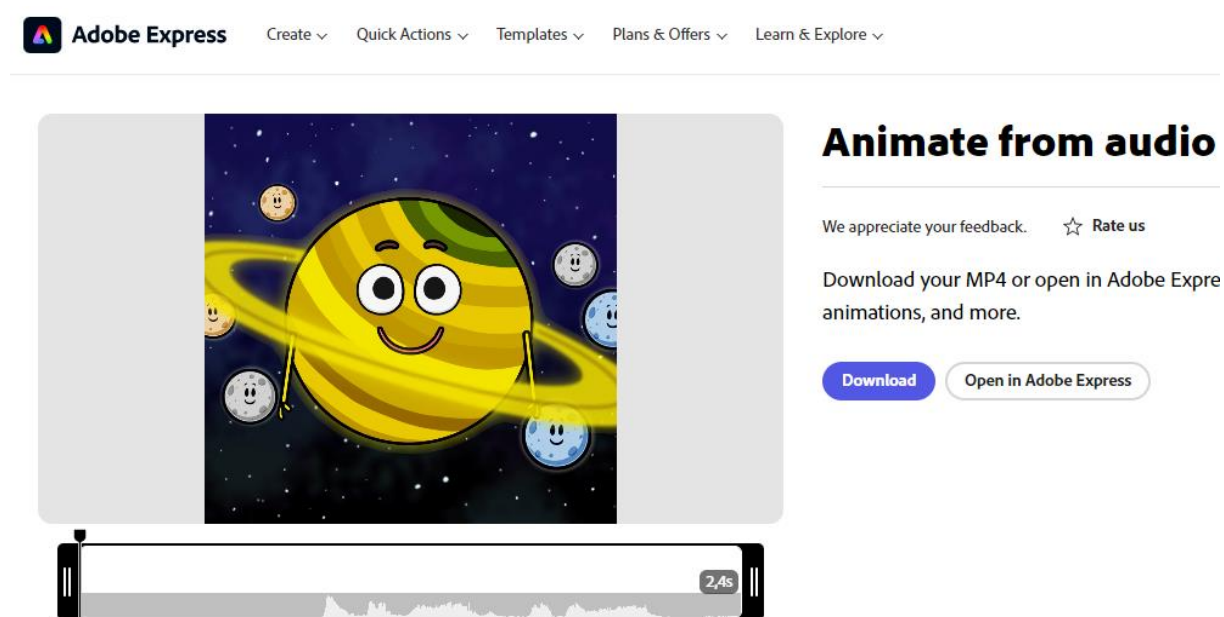
2.4. Một số ứng dụng AI trong tạo học liệu điện tử

AI có thể được áp dụng trong việc tạo học liệu điện tử cho giáo dục mầm non để cung cấp trải nghiệm học tập tương tác và thú vị cho trẻ nhỏ:

Tạo ảnh: AI có thể tạo ra những bức ảnh với các kiểu khác nhau. Chỉ cần nhập mô tả chi tiết bằng văn bản sẽ có một bức ảnh theo yêu cầu. Dưới đây là ứng dụng công cụ canva trong tạo ảnh bằng trí tuệ nhân tạo.



Tạo video: Chỉ cần cung cấp ảnh, âm thanh hoặc văn bản là sẽ có ngay một video dạng hoạt hình hoặc video theo các ý tưởng triển khai khác nhau.





Tạo âm thanh: Ứng dụng chuyển văn bản thành giọng nói (Text to speech).
 Dưới đây là hai công cụ chuyển văn bản thành giọng nói: Vbee và Viettel AI.

The screenshot shows the AIVoice Studio web interface. On the left is a navigation menu with options like 'Chuyển văn bản', 'Thuyết minh', 'Mua gói cước', 'Ứng dụng di động', and 'Kiểm tiến với Vbee'. The main area displays account information (Gói cước: Gói Miễn phí - Cơ bản, Hạn sử dụng: Vĩnh viễn), a 'NÂNG CẤP' button, and options to upload files or use a URL. Below this, there are settings for the voice (HN - Ngọc Huyền), text-to-speech speed (Tốc độ 1x), and a preview of the generated audio. At the bottom, the Viettel AI open platform logo is visible.

Trải nghiệm

The screenshot shows a text-to-speech output interface. At the top, a green status bar indicates 'Bạn đã nhập 131 / 500 ký tự'. Below it, a preview of the generated audio is shown with the text: 'Xin chào các bạn, tôi là Nguyễn Phương, rất vui được chia sẻ với Thầy Cô ứng dụng chuyển văn bản thành giọng nói bằng công cụ Vbee.'

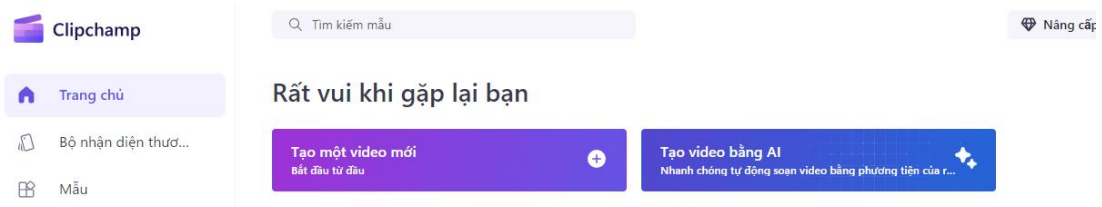
Tự động tạo câu chuyện: AI có thể được sử dụng để tạo tự động câu chuyện cho trẻ nhỏ. Với việc phân tích dữ liệu từ các câu chuyện truyền thống hoặc thông qua một số nguồn dữ liệu khác, AI có thể tạo ra câu chuyện mới và độc đáo, phù hợp với lứa tuổi và mức độ phát triển của trẻ. Dưới đây minh họa một quyển truyện được thiết kế và vẽ ảnh trên phần mềm canva, sau đó dùng ứng dụng heyzine để chuyển về dạng sách điện tử.



Hướng dẫn học tập tương tác: AI có thể tạo ra các hướng dẫn học tập tương tác cho trẻ nhỏ, bao gồm các hoạt động, bài tập và trò chơi. Các hướng dẫn này có thể được tùy chỉnh dựa trên năng lực và sở thích của từng trẻ, tạo ra một trải nghiệm học tập cá nhân hóa.

Trợ giúp học tập: AI có thể đóng vai trò như một trợ giúp học tập ảo, giúp trẻ nhỏ hiểu và thực hiện các bài tập khác nhau. Trẻ có thể tương tác với trợ giúp này thông qua giọng nói hoặc giao diện tương tác, và AI sẽ cung cấp hướng dẫn và phản hồi để hỗ trợ quá trình học tập.

Nhận dạng hình ảnh và âm thanh: AI có thể được sử dụng để nhận dạng và phân loại hình ảnh và âm thanh trong các học liệu điện tử. Điều này cho phép trẻ nhỏ tương tác với các tài liệu bằng cách sử dụng hình ảnh, biểu đồ hoặc âm thanh, mở ra cơ hội học tập đa phương tiện và thú vị hơn.



Đánh giá tiến độ học tập: AI có thể tự động đánh giá tiến độ học tập của trẻ nhỏ dựa trên các hoạt động và bài tập trong học liệu điện tử. Điều này giúp giáo viên và phụ huynh theo dõi tiến bộ của trẻ và cung cấp phản hồi kịp thời để hỗ trợ học tập của trẻ.

Qua việc sử dụng AI trong tạo học liệu điện tử cho giáo dục mầm non, có thể tạo ra một môi trường học tập tương tác, đa dạng và phù hợp với khả năng phát triển của

trẻ nhỏ. Tuy nhiên, việc sử dụng AI trong giáo dục mầm non cần được thực hiện cẩn thận, đảm bảo sự an toàn và sự phù hợp với yêu cầu giáo dục và phát triển của trẻ.

3. Kết luận

Trong bài viết này, đã xem xét và tìm hiểu về một số ứng dụng của trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc tạo học liệu điện tử cho trẻ mầm non. Các ứng dụng này đã khám phá và mở ra một tương lai tiềm năng cho giảng dạy và học tập ở độ tuổi mầm non.

Để tiến xa hơn trong việc ứng dụng AI trong tạo học liệu điện tử cho trẻ mầm non, cần có sự tương tác chặt chẽ giữa công nghệ và sự quan tâm đến phát triển toàn diện của trẻ. Giáo viên và nhà thiết kế học liệu cần làm việc cùng nhau để đảm bảo rằng học liệu điện tử được thiết kế và triển khai một cách hợp lý, đáp ứng được nhu cầu và khả năng của từng trẻ.

AI mang lại nhiều tiềm năng và cơ hội trong việc tạo học liệu điện tử cho trẻ mầm non. Sự ứng dụng của AI không chỉ cung cấp một phương pháp học tập hiện đại và tương tác, mà còn giúp cá nhân hóa quá trình học tập và đáp ứng nhu cầu đa dạng của từng trẻ. Qua việc giải quyết các thách thức và tận dụng tiềm năng của AI, có thể tạo ra một môi trường học tập phù hợp và thú vị cho trẻ mầm non, góp phần vào sự phát triển toàn diện của các em.

4. Tài liệu tham khảo

1. Stuart Russell, Peter Norvig, 2016, *"Artificial Intelligence A Modern Approach"*, 3rd Global Edition, Pearson.
2. John McCarthy, M.L. Minsky, N. Rochester, C.E. Shannon, 31 Aug. 1955, *"AI Proposal for the Dartmouth summer conference on artificial intelligence"*, AI Magazine.
3. Judy Kay, "Whither or wither AI and education?", Vol 4, 2015, 85 (1-10), *Seventeenth International Conference on Artificial Intelligence in Education (AIED 2015 Workshop Proceedings)*, <http://users.sussex.ac.uk/~bend/aied2015>
4. Beverly Park Woolf, Vol 4, 2015, 85 (38-45), *"AI and Education: Celebrating 30 years of Marriage"*, *Seventeenth International Conference on Artificial Intelligence in Education (AIED 2015 Workshop Proceedings)*, <http://users.sussex.ac.uk/~bend/aied2015/>
5. Đỗ Thị Hương Nhu, 2023, *Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để nâng cao chất lượng Giáo dục mầm non*, Kỷ yếu Hội thảo Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương.
6. Đinh Thị Mỹ Hạnh, Trần Văn Hưng, Vol. 19, No.2, 2021, *Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục: Cơ hội và thách thức đến tương lai của việc dạy và học ở trường Đại học*, Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng.

PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON THEO TIẾP CẬN LẤY TRẺ LÀM TRUNG TÂM VÀ TIẾP CẬN ĐA VĂN HÓA

TS. Nguyễn Thị Bích Thủy
Trưởng khoa GDMN
Trường Cao đẳng sư phạm
Trung ương – Nha Trang
Email: nbthuy@sptwnt.edu.vn

Tóm tắt: Phát triển chương trình giáo dục (PTCTGD) của cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) theo hướng tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa là làm cho chương trình (CT) GDMN quốc gia phù hợp với với khả năng, nhu cầu, điều kiện sống của trẻ em, điều kiện thực tiễn, văn hoá tại địa phương, đáp ứng nhu cầu, hứng thú, hiểu biết, kinh nghiệm, năng lực riêng của từng trẻ; chấp nhận, tôn trọng sự đa dạng của trẻ nhằm giúp nhà trường đạt được mục tiêu chung của GDMN. CT này phải đảm bảo hướng đến trẻ, coi trẻ là trung tâm, là chủ thể của mọi hoạt động. Trẻ được tự do lựa chọn nội dung, dạng hoạt động theo nhu cầu hứng thú, đặc điểm khả năng của bản thân nhờ vậy hình thành ở trẻ sự tự tin, tự lập, tính tích cực, chủ động, trẻ vui vẻ, thoải mái và hứng thú trong suốt quá trình tham gia vào tất cả các hoạt động vui chơi và học tập ở trường MN. Từ CT khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, mỗi cơ sở GDMN cần phát triển thành một CT riêng phù hợp với đặc điểm khả năng của trẻ, điều kiện thực tiễn của trường lớp cũng như đặc trưng văn hóa của từng vùng miền địa phương qua đó giúp trẻ phát triển cân đối hài hòa và toàn diện ở tất cả các lĩnh vực.

Từ khóa: Phát triển chương trình, giáo dục mầm non, tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm, tiếp cận đa văn hóa.

I. Mở đầu

Phát triển chương trình giáo dục (PTCTGD) trong cơ sở giáo dục mầm non (GDMN) theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa được hiểu là quá trình nghiên cứu, cụ thể hóa, chi tiết hóa CTGD quốc gia vào CTGD cụ thể của nhà trường. Trong đó phải dựa trên những đặc trưng cơ bản: Trẻ em là chủ thể của quá trình GD; GV chỉ là người giúp đỡ, tạo điều kiện để trẻ được tham gia vào các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi và học tập của trẻ. PTCT phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi vùng, miền, mỗi dân tộc khác nhau; coi trọng phát triển năng lực đa dạng để nhằm hình thành ở trẻ những phẩm chất, năng lực cần thiết cho cuộc sống. Nội dung GD cho phép trẻ nhận thức văn hóa dân tộc mình vừa cho phép mở rộng nhận thức văn hóa của các dân tộc khác. Các hoạt động tổ chức cho trẻ cũng được “hòa trộn” các yếu tố văn hóa sắc tộc; nhấn mạnh việc kết hợp các lĩnh vực theo các chủ đề hoặc các đề tài cụ thể mà trẻ quan tâm, GV cần tạo mọi điều kiện và cơ hội

thuận lợi nhất để giúp trẻ phát triển toàn diện. Bài viết dưới đây là một số trao đổi về những vấn đề có liên quan đến việc PTCTGD trong cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa.

II. Nội dung

1. Quan điểm tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm

1.1. Khái niệm giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

Giáo dục (GD) lấy trẻ làm trung tâm đó là mọi tác động GD đều vì lợi ích của trẻ, hướng vào trẻ. Trẻ là người đề xuất và khởi xướng ra các hoạt động, tích cực, chủ động, tự giác và tự nguyện tham gia vào các hoạt động để khám phá và trải nghiệm. Giáo viên (GV) là người định hướng, chuẩn bị MT và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để trẻ được tích cực tham gia hoạt động.

1.2. Đặc trưng của giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

Trẻ em là chủ thể của quá trình GD; chú trọng việc phát triển năng lực đa dạng của trẻ thông qua các hoạt động phù hợp với nhu cầu hứng thú, đặc điểm khả năng của trẻ. Trẻ được chủ động đề xuất ra các nội dung, khởi xướng ra các hoạt động; tích cực, chủ động, tự giác và tự nguyện tham gia vào các hoạt động để tìm kiếm, khám phá, thử nghiệm và trải nghiệm. Thông qua các hoạt động này trẻ có cơ hội được vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm sống của bản thân và sử dụng các kỹ năng khác nhau để tìm tòi, khám phá. Đồng thời trẻ được trình bày, được trao đổi, trò chuyện và thảo luận để chia sẻ những điều mà trẻ khám phá được từ các đối tượng. Qua đó giúp phát huy ở trẻ tính tích cực, chủ động, bản lĩnh tự tin, tính tò mò, ham hiểu biết, khả năng sáng tạo và những kỹ năng sống cần thiết và phù hợp với lứa tuổi.

Đề cao việc xây dựng MT giáo dục (MTGD). Bởi MT chính là phương tiện, điều kiện cần thiết cho việc học tập và vui chơi của trẻ; là yếu tố để kích thích, khuyến khích, mời gọi trẻ vào khám phá, tìm hiểu và trải nghiệm. Vì vậy cần phải xây dựng MTGD hấp dẫn, lành mạnh, an toàn và phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ.

Trong quá trình GD lấy trẻ làm trung tâm, GV chỉ giữ vai trò trung gian, hỗ trợ, khích lệ, chia sẻ, đồng hành cùng trẻ. GV là người giúp đỡ, định hướng, chuẩn bị MT và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để trẻ được tích cực, hứng thú tham gia vào các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi và học tập của trẻ.

1.3. Bản chất của giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

Bản chất của GD lấy trẻ làm trung tâm là GD dựa trên nhu cầu, khả năng, thể mạnh và hứng thú của trẻ để tạo ra những cơ hội học tập dưới nhiều hình thức khác nhau. Kết hợp việc học tập với vui chơi giúp trẻ có được tinh thần thoải mái nhất để phát triển toàn diện cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần. Người lớn phải tôn trọng nét

đặc trưng riêng của từng cá nhân trẻ, không phân biệt tính cách, giới tính, tuổi tác, dân tộc, văn hóa...từ đó xây dựng kế hoạch và lựa chọn phương pháp, hình thức GD trẻ phù hợp dựa trên những gì trẻ biết và có thể thực hiện được. Đặc biệt không truyền đạt tri thức một chiều, không áp đặt vấn đề học thuật lên trẻ mà chú ý tới sự phát triển các năng lực đa dạng của trẻ, giúp trẻ tự tìm hiểu, khám phá tri thức, khám phá và trải nghiệm bản thân theo cách riêng của trẻ. GV chỉ là người hỗ trợ và giúp đỡ trẻ, không phải là người quyết định hay chủ động dạy dỗ trẻ các kiến thức và kỹ năng riêng lẻ như GD truyền thống trước đây.

1.4. Nguyên tắc giáo dục lấy trẻ làm trung tâm

1.4.1. Đảm bảo trẻ em là chủ thể của quá trình giáo dục, được phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo trong mọi hoạt động

Trẻ em phải được đặt vào vị trí trung tâm của quá trình GD. Khi xây dựng CTGD phải đảm bảo trẻ là người đề xuất nội dung, là chủ thể tích cực trong mọi hoạt động. Bởi đây là điều kiện thuận lợi nhất cho quá trình phát triển kiến thức, trí não và năng lực bản thân cho trẻ. Để kích thích trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động phải tạo được MTGD đa dạng, phong phú, lành mạnh, an toàn và hấp dẫn trẻ. MTGD phải tạo điều kiện cho trẻ được tự do, tích cực, hứng thú học tập, vui chơi, tìm kiếm, khám phá, thử nghiệm và trải nghiệm để lĩnh hội những kiến thức, kinh nghiệm sống cần thiết.

1.4.2. Đảm bảo nguyên tắc cá biệt hóa trong quá trình giáo dục

MTGD tốt có thể định hướng phần nào về tính cách của trẻ. Tuy nhiên yếu tố cá biệt trong trẻ là điều kiện tác động lớn nhất trong quá trình phát triển của trẻ. Nguyên tắc này đề cao tính cá biệt hóa của mỗi cá nhân. Bởi mỗi đứa trẻ là một cá thể riêng biệt, là duy nhất và mang các tính cách khác nhau. GV và người lớn cần tôn trọng, lắng nghe và thấu hiểu nhu cầu mong muốn của trẻ, cho trẻ tự tin bộc lộ bản thân. Tránh hiện tượng rập khuôn, chèn ép dẫn đến sai lệch nhận thức của trẻ. Quan sát và động viên dựa trên khả năng của mỗi trẻ.

1.4.3. Đảm bảo tính hệ thống, kế thừa, liên tục và vừa sức

GD trẻ liên tục, thường xuyên và phù hợp với trẻ. Đảm bảo quá trình GD diễn ra có tính hệ thống, kế thừa và liên tục. Đó là dạy trẻ từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp, tăng dần mức độ khó lên cho phù hợp với trẻ ở từng độ tuổi khác nhau. Trên cơ sở đó GV cần đặt ra các mục tiêu và nhiệm vụ phù hợp với nhu cầu hứng thú và đặc điểm khả năng riêng của từng đứa trẻ.

1.4.4. Đảm bảo giáo dục trẻ theo hướng tích hợp

GD trẻ theo hướng tích hợp là động lực cho quá trình sáng tạo và phát triển hoàn thiện nhận thức cho trẻ. Trẻ học tập và vui chơi trong MT lành mạnh, được học tập

kiến thức và kỹ năng sống thiết yếu. Nguyên tắc này quan tâm đến việc hình thành và rèn luyện cho trẻ các năng lực và các kỹ năng sống cần thiết hơn là việc nhồi nhét lượng kiến thức vượt cấp.

2. Quan điểm giáo dục đa văn hóa

2.1. Một số khái niệm

2.1.1. Văn hóa: Là toàn bộ những giá trị vật chất giá trị tinh thần do con người sáng tạo ra.

2.1.2. Đa văn hóa: Là một hiện tượng xã hội xảy ra khi có các văn hóa khác nhau tiếp xúc và tiếp biến với nhau, trong đó, những khác biệt của các văn hoá là yếu tố căn bản cấu thành nên tính đa văn hóa [4].

2.1.3. Giáo dục đa văn hóa

GD đa văn hóa là một cách mô tả hệ thống kinh nghiệm trong GD bao gồm có sự tham gia của các nền văn hóa. Môi trường đa văn hóa bao gồm văn hóa đa nguyên, trong đó có sự đa dạng văn hóa của cá nhân, gia đình, chủng tộc, dân tộc. Theo cách hiểu này, GD đa văn hóa là quá trình GD linh hoạt của nhà trường nhằm chuẩn bị năng lực toàn diện cho mọi đối tượng người học để họ có động cơ và khả năng liên tục tự mở rộng hiểu biết đa chiều, liên ngành về thế giới, kỹ năng giao tiếp văn hóa và ý thức trách nhiệm, thái độ tôn trọng các nền văn hóa – xã hội đa dạng, từ đó có thể hội nhập hiệu quả và góp phần đem lại sự phát triển bền vững, hòa hợp bình đẳng cho đất nước cũng như cho thế giới phụ thuộc lẫn nhau thời đại toàn cầu hóa [1].

GD đa văn hoá là cách GD trẻ hiểu được những điều “khác biệt” và hiện hữu xung quanh cuộc sống hàng ngày của chúng ta. Với cách hiểu này, GD đa văn hoá hướng tới thúc đẩy sự tôn trọng và chấp nhận tất cả các nhóm văn hoá, tôn giáo, đặc tính dân tộc, giới tính và tầng lớp xã hội trong trường học [Silva, (2012)]. GD đa văn hóa trong nhà trường chính là hệ thống các tác động có hướng đích của nhà GD đến trẻ em, nhằm trang bị hiểu biết về sự đa dạng văn hóa, về giá trị truyền thống văn hóa của các dân tộc cùng sinh sống trên địa bàn, hình thành thái độ thân thiện, bình đẳng, tôn trọng với người khác, dân tộc khác, phát triển khả năng giao tiếp, hợp tác, chống phân biệt đối xử...cho người học thông qua các chiến lược và phương thức giảng dạy phù hợp [Ramsey (2004); Banks, (2007) ; Taylor and Sobel (2011)].

2.1.4. Giáo dục đa văn hóa trong trường mầm non

GD đa văn hóa trong trường MN được hiểu là GVMN giúp trẻ MN hiểu rõ văn hóa bản thân mình, văn hóa dân tộc mình, hiểu văn hóa dân tộc khác và tôn trọng sự đa dạng bản sắc văn hóa, có tư tưởng bình đẳng, thân thiện giữa các dân tộc trong các hoạt động CS-GD trẻ nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc, GD đối với tất cả các trẻ dân tộc khác nhau [6].

2.2. Giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non

2.2.1. Khái niệm giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non

GD đa văn hóa cho trẻ MN là chỉ sự chăm sóc GD trẻ em thông qua bối cảnh văn hóa, kinh nghiệm cuộc sống, sự khác biệt cá nhân, từ đó thúc đẩy sự phát triển các mặt tình cảm, thái độ, văn hóa của trẻ em [6].

2.2.2. Mục đích giáo dục đa văn hóa cho trẻ mầm non

Củng cố lòng tin và niềm tự hào của thể hệ trẻ vào các giá trị tốt đẹp trong văn hóa truyền thống, từ đó tôn vinh bản sắc văn hóa của các dân tộc trên cơ sở tự thống nhất và đa dạng của văn hóa Việt Nam, giúp trẻ tự tin hội nhập và hướng tới một xã hội phát triển bền vững [6]. Mục đích GD đa văn hóa cho trẻ MN cụ thể như sau: Giúp trẻ MN nhận thức về sự đa dạng văn hóa của các dân tộc khác nhau cùng sinh sống trên địa bàn. Tăng cường nhận thức về bản thân qua lăng kính văn hóa của các nhóm dân tộc khác nhau, từ đó hình thành kỹ năng ứng xử/giao tiếp phù hợp trong cộng đồng đa văn hoá dân tộc. Hình thành thái độ thừa nhận và tôn trọng sự khác biệt đối với văn hóa các nhóm dân tộc khác, nhóm cộng đồng khác nhau cùng sinh sống ở địa phương. Góp phần chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ MN vùng dân tộc thiểu số vào học tập tốt ở lớp Một [3].

2.2.3. Nguyên tắc của giáo dục đa văn hoá cho trẻ mầm non

Tôn trọng về văn hóa và đảm bảo bình đẳng về các cơ hội học tập, vui chơi của mọi trẻ em thuộc các dân tộc khác nhau. Trẻ được học tập, vui chơi trong sự hòa nhập giữa văn hóa dân tộc với văn hóa chung của đất nước nhằm phát triển toàn diện cả về thể chất lẫn tinh thần của từng cá nhân trẻ, đồng thời, giữ gìn và phát huy được bản sắc văn hóa riêng của từng dân tộc tại địa phương.

Phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và cộng đồng các dân tộc ở địa phương, phù hợp với đặc điểm tâm – sinh lý và trình độ phát triển của trẻ em.

Lấy trẻ làm trung tâm, dựa trên hứng thú, nhu cầu và kinh nghiệm về văn hoá - xã hội của trẻ, trẻ phải được tiếp cận với các CTGD có chất lượng, phù hợp ở tất cả các lĩnh vực để có thể phát huy tối đa tiềm năng cá nhân của mình.

Đảm bảo có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và cộng đồng để giới thiệu, truyền dạy và chú trọng hoạt động truyền thống về các nét văn hóa độc đáo của các dân tộc trong cộng đồng [3].

2.2.4. Nội dung giáo dục đa văn hóa cho trẻ ở trường mầm non

Gồm những kỹ năng sống giao tiếp văn hóa (tôn trọng người khác, lắng nghe, không tuyệt đối hóa quan điểm của mình, tránh được những xung khắc bất hòa...) và giá trị sống (hạnh phúc, trung thực, khiêm tốn, tôn trọng, giản dị, trách nhiệm...) [6]. Các nội dung GD đa văn hóa cho trẻ MN trong thực hiện CTGDMN có thể bao gồm các hoạt động tham quan, tìm hiểu văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán của

người dân địa phương; các lễ hội, các trò chơi dân gian, tập quán sinh hoạt (ăn, mặc, ở)...[Irvine và Armento (2001)].

Nội dung GD đa văn hóa cho trẻ cần được thiết kế theo các chủ đề gần gũi, mở rộng dần theo hướng đồng tâm phát triển từ lứa tuổi nhà trẻ lên đến tuổi mẫu giáo, đảm bảo tính GD và phát triển, hướng trẻ đến "vùng phát triển gần nhất".

Nội dung GD đa văn hóa đề cao sự chủ động, tích cực và kinh nghiệm của trẻ, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kỹ năng, thái độ về sự đa dạng và sự khác biệt của những nền văn hóa khác nhau trong cuộc sống xung quanh. Các nội dung phải chứa đựng tính GD về giá trị, bản sắc, văn hóa cộng đồng các dân tộc thiểu số nơi trẻ sinh sống; phải gần gũi với cuộc sống thực của trẻ MN

3. Phát triển CT giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non theo quan điểm tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa

3.1. Khái niệm phát triển CT giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non

Theo từ điển Bách khoa toàn thư mở Wikipedia: “PTCT GD trong cơ sở GDMN là quá trình nhà trường/cơ sở GDMN cụ thể hoá CT GDMN cấp quốc gia, làm cho CT GDMN cấp quốc gia phù hợp ở mức cao nhất với thực tiễn của nhà trường/cơ sở GDMN Trên cơ sở đảm bảo yêu cầu chung của CT GDMN cấp quốc gia, nhà trường/cơ sở GDMN sẽ xác định mục tiêu; lựa chọn, xây dựng nội dung và xác định cách thức thực hiện CTGD phản ánh đặc trưng và phù hợp với thực tiễn nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của trẻ em lứa tuổi MN, thực hiện có hiệu quả mục tiêu GD”.

3.2. Quy trình phát triển chương trình giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non

3.2.1 Bước 1: Phân tích tình hình

Phân tích văn bản chỉ đạo của các cấp (Ngành GD, Vụ GDMN, Sở/Phòng GD...)

Phân tích tình hình bên ngoài nhà trường: Nhu cầu của cha mẹ trẻ, của cộng đồng. Tình hình kinh tế - xã hội; Tập quán, phong tục, đặc trưng về VHXH của địa phương. Đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về GD; Luật GD, Điều lệ trường mầm non, định về phát triển CT, quy định về kiểm định chất lượng GD.

Phân tích tình hình bên trong nhà trường: Truyền thống, thương hiệu/uy tín của nhà trường. Đội ngũ CBQL, GV, NV. Các điều kiện về đảm bảo thực hiện CT. Phân tích CTGD hiện hành

3.2.2. Bước 2: Xác định mục tiêu CT giáo dục nhà trường

Mục tiêu CTGD nhà trường là kết quả trẻ sẽ đạt được sau khi hoàn thành CTGD nhà trường. Mục tiêu CT được xác định dựa trên các căn cứ: Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của nhà trường. Mục tiêu và kết quả mong đợi của từng lĩnh vực GD trong CTGDMN. Đặc điểm phát triển của trẻ. Mục tiêu phát triển chất lượng GD của địa phương (nếu có).

3.2.3. Bước 3: Thiết kế CT giáo dục nhà trường

Hoạt động 1: Thiết kế nội dung CT giáo dục

Xác định các lĩnh vực và các nội dung chính trong từng lĩnh vực

Xác định các nội dung GD điều chỉnh cho phù hợp với khả năng của trẻ và của hoàn cảnh thực tiễn

Hoạt động 2: Xác định các chủ đề, sự kiện trong năm học

Dự kiến các chủ đề/sự kiện sẽ triển khai trong năm học. Lựa chọn chủ đề phù hợp với nhu cầu và khả năng khám phá của trẻ, với mục tiêu, nội dung GD đã xác định.

Sắp xếp các chủ đề theo một hệ thống (có thể thay đổi trong quá trình thực hiện). Các sự kiện có thể thiết kế thành 1 chủ đề cho trẻ khám phá

Xác định cụ thể thời gian thực hiện chủ đề (không quá dài, có thể là 1- 4 tuần).

Hoạt động 3: Lựa chọn các phương pháp, hình thức tổ chức thực hiện CT, phương tiện hỗ trợ và các hoạt động trọng tâm.

Hoạt động 4: Xác định các phương thức đánh giá việc thực hiện CT.

3.2.4. Bước 4: Tổ chức thực hiện chương trình giáo dục nhà trường

3.2.4.1. Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình

Các loại kế hoạch (KH): KH năm học/tháng/tuần/ngày/hoạt động cụ thể. KHGD mang tính tương đối, có thể thay đổi tùy thuộc vào đặc điểm khả năng, nhu cầu hứng thú của trẻ cũng như điều kiện thực tiễn về cơ sở vật chất, thời tiết,...

3.2.4.2. Thực hiện kế hoạch chăm sóc giáo dục trong nhóm, lớp

KH thực hiện CTGD nhà trường được triển khai theo chế độ sinh hoạt ngày. Các hoạt động trong chế độ sinh hoạt bảo đảm thực hiện các yêu cầu về CS-GD trẻ, diễn ra theo trình tự và lặp đi lặp lại bao gồm đầy đủ các hoạt động đảm bảo trẻ được CS-GD toàn diện theo đúng mục tiêu của CT đặt ra. Tùy theo điều kiện thực tế GV trong các nhóm lớp có thể điều chỉnh thời gian biểu cho phù hợp.

3.2.4.3. Đánh giá việc thực hiện kế hoạch và điều chỉnh kế hoạch

Việc đánh giá được thực hiện cuối mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng, mỗi giai đoạn. Căn cứ vào kết quả đánh giá, GV xem xét lại việc thực hiện KH đã xây dựng, đồng thời có những điều chỉnh KH cho phù hợp và đạt được mục tiêu GD đã đề ra. Cuối mỗi KH luôn có một phần để GV ghi kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn, tồn tại và nguyên nhân. Trên cơ sở đó, GV có những cân nhắc, trao đổi, thống nhất với GV trong lớp, với tổ trưởng chuyên môn để điều chỉnh KH ngày/tuần/tháng tiếp theo cho phù hợp với sự phát triển của trẻ trong nhóm lớp và với mục tiêu chung của nhà trường.

3.2.5. Bước 5: Đánh giá và điều chỉnh CTGD của cơ sở giáo dục mầm non

Đánh giá việc thực hiện CTGD của cơ sở GDMN nhằm tìm ra những điểm đạt được và chưa đạt được để sửa đổi, cải thiện CT, phù hợp với thực tiễn hơn.

Nội dung đánh giá: Sự phát triển của trẻ; sự phù hợp với khả năng thực hiện của GV và điều kiện của nhà trường; sự hài lòng của gia đình và cộng đồng.

Đánh giá sự phát triển của trẻ là nội dung đánh giá cơ bản, được tiến hành hàng ngày, sau khi kết thúc mỗi giai đoạn, mỗi chủ đề, mỗi năm học. Cần đánh giá tất cả các lĩnh vực phát triển của trẻ dựa theo các mục tiêu và kết quả mong đợi đã đề ra.

Phương pháp đánh giá: Quan sát; trò chuyện với trẻ; phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; sử dụng tình huống; trao đổi với phụ huynh; kiểm tra trực tiếp.

3.3. Phát triển chương trình giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa

3.3.1. Căn cứ PTCTGD trong cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa

PTCT GD trong cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa được hiểu là quá trình nghiên cứu, cụ thể hóa, chi tiết hóa CTGD quốc gia vào CTGD cụ thể của nhà trường dựa trên 2 yếu tố cơ bản:

3.3.1.1. Những đặc trưng cơ bản của quan điểm tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm

Coi trẻ là chủ thể của quá trình GD: Trẻ chủ động đề xuất và khởi xướng các hoạt động học theo nhu cầu hứng thú của bản thân; Trẻ học thông qua tìm kiếm, khám phá, thử nghiệm và trải nghiệm phù hợp với đặc điểm khả năng riêng của cá nhân.

MT là phương tiện, điều kiện cần cho việc học của trẻ: MT vật chất chính là yếu tố để khuyến khích, mời gọi trẻ vào khám phá, tìm hiểu và trải nghiệm. Vì vậy cần phải quan tâm đến việc xây dựng MTGD hấp dẫn, lành mạnh, an toàn và phù hợp với nhu cầu, hứng thú, khả năng của trẻ. Tận dụng các vật liệu thiên nhiên, phế liệu làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ một cách sáng tạo.

GV là người giúp đỡ, tạo điều kiện để trẻ được tham gia vào các hoạt động nhằm thỏa mãn nhu cầu vui chơi và học tập. Chủ động, sáng tạo, linh hoạt vận dụng các phương pháp, biện pháp, hình thức tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú, khích lệ, động viên trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động tìm hiểu, khám phá, thử nghiệm và trải nghiệm các sự vật hiện tượng trong thế giới xung quanh theo nhiều cách khác nhau.

Theo các đặc trưng này việc PTCT cần đặt trẻ vào trung tâm của quá trình GD, phải dựa vào đặc điểm, khả năng, nhu cầu hứng thú, sở thích, vốn biểu tượng, vốn kinh nghiệm sống của trẻ.

3.3.1.2. Đặc trưng của quan điểm tiếp cận đa văn hóa.

PTCT trong cơ sở GDMN phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của mỗi vùng, miền, mỗi dân tộc khác nhau. Trong đó việc xác định mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp khi PTCT phải coi trọng phát triển năng lực đa dạng ở trẻ; nhằm hình thành ở trẻ những phẩm chất, năng lực chung chứ không nhấn mạnh vào việc hình thành những kiến thức, kỹ năng đơn lẻ. PTCT GD phải linh hoạt, theo hướng mở. Nội dung GD phản chiếu sự đa dạng trong văn hóa cộng đồng vừa cho phép trẻ nhận thức văn hóa dân tộc mình vừa cho phép mở rộng nhận thức văn hóa của các dân tộc khác. Các hoạt động tổ chức cho trẻ cũng được “hòa trộn” các yếu tố văn hóa sắc tộc; nhấn mạnh việc kết hợp các lĩnh vực theo các chủ đề hoặc các đề tài cụ thể được cô và trẻ quan tâm. Tất cả các yếu tố tự nhiên, văn hóa, xã hội và khoa học của MT đan quyện vào nhau. Phương pháp GD trẻ phải dựa trên quan điểm hướng vào trẻ, lấy trẻ làm trung tâm, tạo mọi điều kiện và cơ hội thuận lợi nhất để giúp trẻ phát triển toàn diện. Cách tiếp cận này cho phép trẻ nhận biết các khái niệm, chủ đề, sự kiện từ quan điểm của các nhóm dân tộc và văn hóa đa dạng. Hạn chế được cách nhận thức một chiều theo quan điểm của một dân tộc hoặc một nhóm người. GV cần tập trung giúp đỡ trẻ qua việc sử dụng những yếu tố văn hóa truyền thống, gắn gũi với cuộc sống của trẻ làm nội dung chi tiết của các HĐGD; tăng cường tiếp xúc giữa trẻ em thuộc các dân tộc, chủng tộc và nền văn hóa khác nhau.

Ngôn ngữ được sử dụng trong GD đa văn hóa là ngôn ngữ của các dân tộc và ngôn ngữ chung của quốc gia. Vì vậy PTCTGD phải cung cấp cơ hội cho tất cả trẻ em, GV được sử dụng đa dạng các loại ngôn ngữ trong giao tiếp ở Trường MN. Tài liệu, học liệu về các văn bản ngôn ngữ của trẻ như sách, báo, trò chơi, phương tiện truyền thông điện tử và các tài liệu văn hóa phổ biến của mỗi dân tộc được thể hiện bằng cả ngôn ngữ truyền thống dân tộc và ngôn ngữ quốc gia. Các tài liệu, học liệu này được sử dụng cả ngày cho trẻ ở trường MN. Việc PTCTGD trong các cơ sở GDMN theo tiếp cận đa văn hóa có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng CS-GD trẻ, giúp trẻ tăng cường các hoạt động tương tác, tích cực, chủ động và thích ứng với văn hóa của các dân tộc khác nhau trên cơ sở phát huy được những tiềm năng sẵn có của bản thân trẻ để hội nhập và phát triển [6].

3.3.2. Sự cần thiết phải PTCTGD của cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa [2]

Thứ nhất, CTGDMN hiện hành của nước ta là CT khung được xây dựng trên cơ sở kế thừa những thành tựu về lý luận và thực tiễn trong phát triển GDMN Việt Nam và tiếp cận những xu hướng tiên tiến trong GDMN của các nước trong khu vực và trên

thế giới. Tuy nhiên, Việt Nam là đất nước có vị trí địa lí tự nhiên khá đặc biệt với đặc điểm khí hậu, địa hình, thổ nhưỡng cũng như đặc điểm về dân cư, dân tộc và kinh tế, văn hóa, phong tục tập quán ở các vùng miền rất đa dạng, phong phú nên rất khó để sử dụng một CTGD chung cho tất cả các địa phương. Do vậy đòi hỏi các đơn vị, các cơ sở GDMN ở các địa phương cần căn cứ trên CT khung để phát triển thành CT chi tiết theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa.

Thông tư số 1/VBHN–BGDDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của CT GDMN trong Phần 4 Hướng dẫn thực hiện CT đã nêu rõ việc PTCT cần phù hợp với khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ cũng như phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở GDMN. Cụ thể:

- Căn cứ vào CT GDMN do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, các sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn các cơ sở GDMN xây dựng kế hoạch năm học, tổ chức thực hiện; PTCT GDMN phù hợp với văn hoá, điều kiện của địa phương, của nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Trên cơ sở CT GDMN, GV chủ động xây dựng KHGD phù hợp với nhóm/lớp, khả năng của cá nhân trẻ và điều kiện thực tế của địa phương

- Nội dung của các lĩnh vực GD chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp và tích hợp theo các chủ đề gần gũi thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.

Thứ hai, Theo quan điểm GD lấy trẻ làm trung tâm và xu hướng phát triển GDMN của các nước tiên tiến trong khu vực và trên thế giới, việc áp dụng các CTGD được thực hiện một cách linh hoạt, trong đó GV quan sát, đánh giá nhu cầu, khả năng riêng của từng trẻ để áp dụng CTGD phù hợp, gắn trẻ với bối cảnh sống thực ở gia đình và những đặc trưng về văn hóa, xã hội trong cộng đồng nơi địa phương cư trú.

Thứ ba, GDMN là bậc học đầu tiên với mục tiêu là giúp trẻ em phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, từ đó phát triển những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp một; đây là cơ sở hình thành ở trẻ em những năng lực mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn ở bên trong, đặt nền tảng cho việc học ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời. Ngoài ra, việc xây dựng và PTCT GDMN cần có sự liên kết, gắn bó chặt chẽ với CTGD ở các bậc học khác. Đặc biệt CTGD hiện nay cần phải có sự kết nối với CTGD phổ thông mới, với định hướng phát triển năng lực cho trẻ, phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của trẻ. Để phù hợp với yêu cầu đó, cần xây dựng CT phù hợp với năng lực và sự phát triển của trẻ, tổ chức

được các HĐGD hấp dẫn trong MTGD gắn gũi với cuộc sống của trẻ. Do vậy, việc PTCTGD theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa vừa thỏa mãn quan điểm dạy học lấy trẻ làm trung tâm, vừa đảm bảo phù hợp những đặc trưng văn hóa xã hội vùng miền, điều kiện thực tiễn của địa phương làm cho CT mang tính thích ứng, tính cập nhật, tính linh hoạt, từ đó làm tăng hiệu quả việc phát triển và tổ chức thực hiện CT.

Thứ tư, việc PTCT GD trong các cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa có ý nghĩa đặc biệt quan trọng:

a. Đối với trẻ mầm non

Đảm bảo tính vừa sức trong GD, trẻ được tiếp cận với các hoạt động học tập, trải nghiệm và khám phá một cách dễ dàng theo đúng năng lực, khả năng của bản thân nên trẻ sẽ tự tin, chủ động và tích cực hơn trong quá trình học và tự học. Bên cạnh đó, việc PTCT GD theo tiếp cận đa văn hóa sẽ tạo ra nhiều cơ hội cho trẻ khám phá thế giới tự nhiên xã hội xung quanh thân thuộc, gần gũi, gắn với cuộc sống hằng ngày của trẻ. Điều này làm cho trẻ vừa có thêm hiểu biết về tự nhiên, về đặc trưng văn hóa xã hội truyền thống của địa phương, hình thành ở trẻ tình cảm và niềm tự hào với văn hóa dân tộc của địa phương. Đồng thời, nội dung học tập của trẻ cũng phong phú hơn, có ý nghĩa thiết thực hơn với cuộc sống của trẻ, giúp trẻ được học và trải nghiệm sâu sắc hơn từ chính cuộc sống theo đúng phương châm “học đi đôi với hành”. Trẻ nhanh chóng thích nghi với cuộc sống ở cũng như các nếp sinh hoạt văn hóa của gia đình và cộng đồng. Sự phát triển của trẻ vì thế mà cũng được diễn ra một cách tự nhiên, thuận lợi hơn.

b. Đối với giáo viên mầm non

Giúp GVMN khai thác, phát huy được hết những kiến thức, kinh nghiệm, hiểu biết sẵn của bản thân về tự nhiên, xã hội văn hóa của địa phương từ đó chủ động đưa vào CT nội dung phù hợp với từng lứa tuổi. Sự am hiểu về kiến thức nền tảng tạo cho GV sự chủ động tự tin và linh hoạt từ khâu lập kế hoạch thực hiện đến triển khai CT sao cho phù hợp và thuận lợi nhất đối với sự phát triển của trẻ theo khả năng của từng nhóm, từng lứa tuổi. GV hoàn toàn có thể lên kế hoạch chủ động phối kết hợp với cộng đồng và cha mẹ học sinh để giúp trẻ có tâm thế, có những trải nghiệm sâu sắc và kiến thức trọn vẹn về đối tượng. GV dễ dàng thực hiện công tác xã hội hóa GD và thu hút được sự quan tâm, sự tham gia tích cực của phụ huynh và cộng đồng dân cư tại địa phương.

c. Đối với các cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn

Việc PTCT GD theo tiếp cận lấy trẻ trung tâm và tiếp cận đa văn hóa giúp nhà trường cụ thể hóa được các mục tiêu GD, nội dung GD và chủ động trong kế hoạch tổ chức các hoạt động, các sự kiện lớn của Nhà trường theo từng năm học phù hợp với đặc điểm và khả năng của trẻ tại trường, theo điều kiện của nhà trường và đặc điểm văn hóa, xã hội của vùng miền, địa phương. Thông qua kế hoạch thực hiện CT cụ thể, cán bộ quản lý trường MN cũng chủ động và dễ dàng hơn trong việc kiểm soát tiến độ và chất lượng thực hiện CT đáp ứng các yêu cầu của CT quốc gia nhưng vẫn phù hợp với điều kiện của nhà trường và bối cảnh văn hóa, xã hội cụ thể tại địa phương. Hoặc trong quá trình xây dựng và triển khai CT, cán bộ quản lý nhà trường cũng có thể đưa ra những chỉ đạo kịp thời, tạo điều kiện giúp đỡ GV hoặc có những hỗ trợ cần thiết giúp GV phát huy được năng lực cá nhân, tính tích cực, sáng tạo trong tổ chức các hoạt động cho trẻ. Bên cạnh đó, cùng với việc cụ thể hóa mục tiêu, nội dung giúp việc thực hiện CT tại trường MN đạt hiệu quả tốt hơn thì quá trình đánh giá sự phát triển của trẻ theo lứa tuổi, đánh giá hiệu quả thực hiện CT và kiểm sát việc thực hiện CT cũng dễ dàng hơn.

Một khía cạnh khác, nhà trường cũng dễ dàng thu hút được sự quan tâm, sự tham gia tích cực của cộng đồng, các cơ quan, các tổ chức GD tại địa phương, thực hiện chủ trương GD thể hệ trẻ là trách nhiệm của toàn xã hội.

d. Đối với phụ huynh và cộng đồng dân cư tại địa phương

Thông qua CTGD nhà trường, phụ huynh, cộng đồng dân cư tại địa phương cũng được củng cố và hiểu biết sâu sắc hơn các kiến thức về tự nhiên xã hội, các giá trị văn hóa truyền thống; hình thành ở họ tình cảm tự hào về quê hương và ý thức bảo tồn, phát triển các giá trị văn hóa truyền thống, các phong tục tập quán tốt đẹp của địa phương mình. Cùng với đó, việc được tham gia và am hiểu các nội dung, các hình thức và được tư vấn về cách thức tương tác với trẻ giúp phụ huynh có thể tham gia hỗ trợ và hợp tác với GV trong quá trình GD trẻ: Giúp trẻ học mọi lúc mọi nơi, giúp trẻ phát triển vốn ngôn ngữ, nhận thức về phong tục tập quán, văn hóa địa phương; đồng thời góp phần tăng cường gắn kết liên hệ của nhà trường với gia đình và cộng đồng tại địa phương.

3.3.3. Yêu cầu đối với việc phát triển chương trình giáo dục trong cơ sở giáo dục mầm non theo tiếp cận lấy trẻ trung tâm và tiếp cận đa văn hóa

Trong quá trình PTCT GD theo tiếp cận lấy trẻ trung tâm và tiếp cận đa văn hóa, GV cần thực hiện nghiêm túc các yêu cầu sau:

3.3.3.1. Đảm bảo phù hợp với sự phát triển của trẻ em theo lứa tuổi, coi trẻ là trung tâm của quá trình GD và đảm bảo tôn trọng cá nhân trẻ

- Xác định mục tiêu GD dựa vào mục tiêu chung, các mục tiêu cụ thể theo từng độ tuổi, cũng như căn cứ vào CTGD cho từng độ tuổi để lập kế hoạch tổ chức thực hiện CTGD cụ thể cho trẻ tại lớp. Bên cạnh đó, cần căn cứ vào nhu cầu, hứng thú, sở thích và kinh nghiệm cá nhân của trẻ để đặt ra những yêu cầu phù hợp với mức độ phát triển của trẻ theo từng lứa tuổi ở từng giai đoạn khác nhau, giúp trẻ từng bước đạt đến mục tiêu kì vọng chung [2].

- Coi trẻ làm trung tâm của quá trình GD, tổ chức hoạt động theo nhu cầu, hứng thú và sự tự nguyện của trẻ. Nhà GD là người tổ chức, hướng dẫn, tạo điều kiện và cơ hội cho trẻ phát triển theo nhu cầu hứng thú, phù hợp với đặc điểm lứa tuổi cũng như đặc điểm của từng cá nhân trẻ, coi trọng suy nghĩ, ý tưởng, quyết định của trẻ. Không áp đặt nhưng cũng không thả nổi trẻ [Irvine và Armento, (2001)].

- Tôn trọng cá nhân trẻ: GD trẻ phải xuất phát từ việc đảm bảo lợi ích của từng trẻ, tôn trọng nhân cách trẻ, xuất thân, văn hóa của trẻ; coi trọng nhu cầu, hứng thú và kinh nghiệm sống của mỗi trẻ, tránh rập khuôn, máy móc, GD đồng loạt trong quá trình chăm sóc GD trẻ. Nhằm hình thành ở trẻ những phẩm chất, năng lực chung, giúp trẻ có khả năng giải quyết những tình huống hoàn cảnh có ý nghĩa đối với bối cảnh cuộc sống thực của trẻ [Irvine và Armento, (2001)].

3.3.3.2. Đảm bảo mục tiêu giáo dục của chương trình giáo dục mầm non quốc gia

Việc xác lập mục tiêu của CTGD tại các cơ sở GDMN nói chung và tại nhóm lớp nói riêng cần phải xây dựng phải đồng thời căn cứ vào mục tiêu mong đợi hoặc mốc phát triển kì vọng của CT khung quốc gia và mức độ phát triển hiện tại (sự phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ) của trẻ tại nhóm lớp, tại địa phương. Vì thế, KHGD của nhà trường được xác định là bản định hướng giúp GV thực hiện và đạt được các mục tiêu của CTGDMN quốc gia.

3.3.3.3. Đảm bảo phù hợp đặc điểm đa văn hóa của vùng miền, địa phương

PTCT GD trong các cơ sở GDMN phải đảm bảo phù hợp với đặc điểm đa văn hóa cũng như đặc trưng về truyền thống, phong tục tập quán, sinh hoạt của từng vùng miền, địa phương cụ thể như là các đặc điểm tự nhiên (đặc điểm về vị trí địa lí, khí hậu, thời tiết, quần thể thực vật và động vật...) và đặc điểm văn hóa xã hội (tôn giáo, phong tục tập quán, các lễ nghi...) tại địa phương, phát huy các giá trị văn hóa của địa phương và cộng đồng. Trong quá trình PTCT GD nhà trường ở từng cấp độ đều phải căn cứ vào tâm nhìn và sứ mạng của Nhà trường, xác lập các sự kiện, các mảng kiến thức gắn liền với các đặc điểm địa lý tự nhiên, đặc trưng về truyền thống văn hóa, phong tục tập quán và nhận thức của cộng đồng tại địa phương để lựa chọn các nội dung và hoạt động phù hợp với khả năng của trẻ theo từng lứa tuổi.

3.3.3.4. Đảm bảo sự tham gia tích cực của cha mẹ trẻ và cộng đồng xã hội

Trong quá trình phát triển và thực hiện CTGD của cơ sở GDMN, GV và nhà trường cần tạo điều kiện cho cha mẹ của trẻ được tham gia đóng góp ý kiến bổ sung thông tin về các kiến thức văn hóa địa phương trong các KHGD của lớp, trường; tạo ra MTGD mở để các bậc cha mẹ tham gia vào các HĐGD trẻ tại nhà trường. Nhờ đó mà thống nhất được mục tiêu và các nội dung GD của nhà trường với mục tiêu, nội dung GD trẻ tại gia đình và tại cộng đồng địa phương.

3.3.3.5. Nhạy cảm với các vấn đề về giới, quyền con người và quyền trẻ em

CTGD tại nhà trường phải dựa trên sự công bằng và bình đẳng, đảm bảo cung cấp cho mọi trẻ em cơ hội học tập và trải nghiệm, trẻ học cách hiểu về con người và có trách nhiệm với mọi người, học cách tôn trọng chính mình, tôn trọng người khác. Tránh các tình huống làm cho trẻ có suy nghĩ về phân biệt đối xử đối với trẻ có khả năng khác nhau (trẻ có nhu cầu đặc biệt, trẻ bình thường...) hoặc phân biệt giới tính. Do vậy, những vấn đề nhạy cảm này cần được quan tâm từ khâu xây dựng, lập kế hoạch và tổ chức thực hiện CT đảm bảo sự công bằng và bình đẳng cho mọi trẻ em trong tham gia học tập, không phân biệt đặc điểm phát triển về giới tính, xuất thân và khả năng của các trẻ.

3.3.3.6. Phù hợp với điều kiện thực tiễn của cơ sở giáo dục mầm non

Khi PTCT GD cụ thể tại mỗi trường mầm non, bên cạnh việc căn cứ vào tầm nhìn và sứ mệnh của nhà trường, mục tiêu năm học chung của toàn trường, của lứa tuổi thì cũng cần tính đến tính khả thi khi tổ chức thực hiện CT, do vậy nhà trường cần phải căn cứ điều kiện thực tiễn của trường MN tại địa phương: tầm nhìn, sứ mạng, điều kiện về cơ sở vật chất, các phương tiện, trang thiết bị GD, năng lực GV, cán bộ quản lý, sự phối hợp của gia đình trẻ và cộng đồng [2].

III. Kết luận

Cán bộ quản lý và GV có vị trí vai trò quan trọng đối với việc phát triển và tổ chức thực hiện CT GDMN nói chung và CTGD cụ thể tại từng nhóm lớp nói riêng. Do vậy, để PTCT GD trong các cơ sở GDMN theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm và tiếp cận đa văn hóa đáp ứng được các yêu cầu nói trên, trước hết cán bộ quản lý và GVMN phải là người am hiểu và có kiến thức về sự phát triển của trẻ theo lứa tuổi và các đặc điểm phát triển riêng của từng cá nhân trong nhóm lớp, có nền tảng kiến thức nhất định về các nội dung liên quan đến bối cảnh địa lý tự nhiên và đặc điểm văn hóa cũng như những đặc trưng về truyền thống, phong tục tập quán, cách thức sinh hoạt của cộng đồng dân cư tại vùng miền, địa phương. Có khả năng kết nối kiến thức thực tiễn để đưa vào các HĐGD trong lớp học, kết nối với cha mẹ trẻ cùng hướng đến giá trị

chung của cộng đồng...Ngoài ra, GV phải là người có năng lực PTCT, năng lực lập kế hoạch, năng lực tổ chức thực hiện và đánh giá hiệu quả việc tổ chức thực hiện CT của bản thân. Từ đó GV thực hiện quá trình chăm sóc GD trẻ và quá trình hoàn thiện năng lực sư phạm của bản thân song song với quá trình PTCT một cách liên tục, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Barton, A.C (2000). *Crafting multicultural science education with preservice teachers through service – learning*. Journal of Curriculum Studies, 32(6), 797 – 821.

[2] Bộ GD và Đào tạo (2020): Chuyên đề bồi dưỡng GV mầm non “*Phát triển chương trình giáo dục mầm non phù hợp với sự phát triển của trẻ em và bối cảnh địa phương*” Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] Eurasian Journal of Educational Research, Issue 64, 2016, 1-28 , *Teachers’ Awareness of Multicultural Education and Diversity in School* Setrunga Betul TONBULOGLU Dolgun ASLAN Hasan AYDIN 1

[4] Nicolas Journet (2011), *Đa văn hóa như là một lý thuyết xã hội hiện đại*, Tạp chí VHNT số 329, tháng 11 năm 2021

[5] Phùng Như Hoa (2019), *Phát triển chương trình giáo dục mầm non*. Tài liệu tập huấn thường xuyên – Tập huấn chuyên môn trung tâm: [//hoaut74.violet.vn/present/phan-trien-chuong-trinh-gdmn-2019-12684025.html](http://hoaut74.violet.vn/present/phan-trien-chuong-trinh-gdmn-2019-12684025.html)

[6] Nguyễn Thị Thủy (2016), *Nghiên cứu về GD đa văn hóa và xây dựng MTGD đa văn hóa trong trường mầm non*. Tạp chí GD số đặc biệt tháng 12/2016.

[7] Nguyễn Thị Cẩm Bích, Hoàng Thị Nho (2022), *Phát triển chương trình giáo dục nhà trường trong các cơ sở giáo dục mầm non theo tiếp cận lấy trẻ làm trung tâm*. HNUE JOURNAL OF SCIENCE DOI: 10.18173/2354-1075.2022-0100 Educational Sciences, 2022, Volume 67, Issue 4A, pp. 132-141.

NỘI DUNG PHỐI HỢP GIỮA TRƯỜNG MẦM NON VÀ CỘNG ĐỒNG TRONG CÔNG TÁC CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ TẠI THÀNH PHỐ NHA TRANG

ThS.GVC. Đinh Thị Thu Hằng
Trường CĐSP Trung ương – Nha
Trang
SĐT: 0905098338
Email: dthang@sptwnt.edu.vn

Tóm tắt: Giáo dục mầm non (GDMN) là bậc học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng ban đầu cho việc giáo dục lâu dài nhằm hình thành và phát triển nhân cách trẻ em. Đó là một quá trình lâu dài, liên tục, diễn ra ở nhiều môi trường khác nhau, liên quan rất nhiều đến các mối quan hệ xã hội phức tạp. Vì thế, phát triển GDMN bền vững đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ của trường mầm non và cộng đồng. Nghiên cứu đề xuất một số giải pháp tăng cường phối hợp trường mầm non (TMN) và cộng đồng (CD) trên cơ sở khái quát lý luận, khảo sát thực trạng phối hợp TMN - CD trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ tại thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa.
Từ khóa: phối hợp, trường mầm non, cộng đồng.

1. Mở đầu

Hiện nay, công tác phối hợp TMN - CD đã đạt được những kết quả nhất định, phần nào phát huy được sức mạnh tổng hợp và huy động được các nguồn lực cộng đồng tham gia ngày càng tích cực vào GDMN. Tuy nhiên, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, công tác phối hợp TMN - CD trong GDMN còn những hạn chế nhất định. Do vậy, việc nghiên cứu lý luận và khảo sát thực trạng phối hợp giữa TMN - CD tại các địa phương để đề xuất giải pháp nâng cao kết quả công tác này yêu cầu hết sức cấp thiết.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận về công tác phối hợp TMN - CD

2.1.1. Khái niệm, phân loại cộng đồng

Hiện nay có nhiều định nghĩa về cộng đồng. Chúng tôi đồng tình với định nghĩa của PGS.TS Phạm Hồng Tung: “Cộng đồng là tập hợp người có sức bền cố kết nội tại cao, với những tiêu chí nhận biết và quy tắc hoạt động, ứng xử chung dựa trên sự đồng thuận về ý chí, tình cảm, niềm tin và ý thức cộng đồng, nhờ đó các thành viên của cộng đồng cảm thấy có sự gắn kết họ với cộng đồng và với các thành viên khác của cộng đồng”(6)

Về phân loại khái niệm cộng đồng, cũng có nhiều đề xuất và áp dụng trong các nghiên cứu đến từ nhiều ngành khoa học, tuy nhiên, phổ biến nhất vẫn là cách chia cộng đồng thành ba loại sau đây: cộng đồng địa lý, cộng đồng văn hóa, cộng đồng tổ

chức. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu cộng đồng tổ chức.

Cộng đồng tổ chức (Community of Organizations) là loại cộng đồng thường gặp nhất trong đời sống xã hội loài người, dễ nhận biết bởi nó là những thực thể xã hội hiện hữu, tồn tại khá bền vững. Có thể liệt kê ra đây một số hình thức chủ yếu của loại hình cộng đồng này là: cộng đồng huyết thống (chủ yếu là gia đình, họ tộc), các tổ chức chính trị - xã hội (các tổ chức chính thức, hệ thống hoạch định chính sách, Các tổ chức kinh tế, kinh doanh như phường hội, công ty, xí nghiệp, tập đoàn kinh tế ... ở quy mô nhỏ, dân tộc hay quốc tế (6).

Như vậy, theo cách hiểu này thì gia đình là một phần của cộng đồng tổ chức. Từ đây, chúng tôi sử dụng thuật ngữ cộng đồng với ý nghĩa đã bao hàm thuật ngữ gia đình trong đó.

2.1.2. Vai trò của công tác phối hợp TMN - CD

Theo chúng tôi, phối hợp là hoạt động cùng nhau, hỗ trợ lẫn nhau giữa các cá nhân hay tổ chức để đạt một mục đích chung.

Phối hợp TMN - CD là quá trình hợp tác của TMN với các tổ chức cộng đồng với tư cách là các đối tác tích cực trong việc đảm bảo, cải thiện kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ MN ở địa phương. Quá trình phối hợp TMN - CD có hai chủ thể, một là TMN, hai là các tổ chức cộng đồng. Trong đó, TMN giữ vai trò trung tâm, là cầu nối tổ chức phối hợp dẫn dắt nội dung, phương pháp chăm sóc, giáo dục của gia đình và các lực lượng trong xã hội. TMN chủ động thiết lập, duy trì mối liên hệ, lên kế hoạch, động viên, thuyết phục CD phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ.

Điều 16. Xã hội hóa sự nghiệp giáo dục: “Tổ chức, gia đình và cá nhân có trách nhiệm chăm lo sự nghiệp giáo dục, phối hợp với cơ sở giáo dục thực hiện mục tiêu giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh” (2).

Phối hợp TMN - cộng đồng tạo nên một hệ thống GD thống nhất và phù hợp với điều kiện thực tế. Đây được xem là vấn đề có tính nguyên tắc đảm bảo cho mọi hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả và chất lượng tốt. TMN muốn thành công với sứ mệnh chăm sóc, giáo dục trẻ, họ phải có sự hỗ trợ của các nguồn lực cộng đồng như thành viên gia đình, lãnh đạo khu phố, nhóm kinh doanh, tổ chức tôn giáo, cơ quan công và tư, thư viện, chính quyền địa phương,... (3)

Phối hợp TMN – CD tạo môi trường văn hoá XH, kinh tế, đạo đức, pháp luật, thuận lợi cho trường MN trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ; cùng CD thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ, góp phần đảm bảo cho trẻ phát triển toàn diện về thể chất, nhận thức, tình cảm, thẩm mỹ, ngôn ngữ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách (4).

Tóm lại, sự phối hợp chặt chẽ TMN – CD có vai trò quan trọng, trước là để đảm bảo sự thống nhất trong nhận thức, sau là để đảm bảo hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ cùng mục đích, tạo ra sức mạnh tổng hợp thúc đẩy quá trình phát triển nhân cách của trẻ. Vấn đề cơ bản là tất cả các lực lượng giáo dục phải phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động tạo ra những mối quan hệ phối hợp vì sự phát triển của trẻ.

2.2. Nội dung phối hợp TMN – CD

Các nội dung phối hợp TMN – CD rất đa dạng, nhưng tập trung ở các nội dung sau: phối hợp thực hiện chương trình nuôi dưỡng, chăm sóc bảo vệ sức khỏe trẻ; phối hợp thực hiện chương trình GD trẻ; phối hợp xây dựng cơ sở vật chất TMN; phối hợp đảm bảo an ninh, chính trị xã hội trong và ngoài TMN; phối hợp kiểm tra, đánh giá công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ của TMN (5). Các nội dung phối hợp cơ bản của cả năm nội dung nêu trên được chúng tôi trình bày cụ thể trong bảng sau:

Bảng 1. Nội dung phối hợp TMN - CD

ST T	Nội dung phối hợp	Chủ thể thực hiện	
		Phụ trách	Phối hợp
1	Xây dựng chương trình/kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	TMN	Gia đình
2	Tổ chức thực hiện chương trình/kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	TMN	Gia đình
3	Thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày	TMN	Gia đình
4	Hướng dẫn cho cha mẹ trẻ cách phòng chống một số bệnh thường gặp ở trẻ	TMN	Trung tâm y tế phường/xã
5	Tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	TMN	Trung tâm y tế phường/xã, Hội phụ nữ
6	Xây dựng môi trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn	TMN, Gia đình	Chính quyền, đoàn thể
7	Tuyên truyền, huy động trẻ trong độ tuổi đến TMN	TMN	Chính quyền, đoàn thể
8	Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì cho trẻ	TMN	Gia đình
9	Xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc, giáo dục đối với trẻ khuyết tật (nếu có)	TMN	Gia đình
10	Tổ chức khám sức khỏe định kì cho	Trung tâm y	TMN, gia đình

	trẻ	tế phường/xã	
11	Tổ chức tiêm chủng cho trẻ	Trung tâm y tế phường/xã	TMN, gia đình
12	Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ tại TMN	TMN	Gia đình, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp
13	Tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại	TMN	Gia đình, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp
14	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chế độ sinh hoạt của trẻ tại TMN	TMN	Gia đình
15	Kiểm tra, đánh giá vệ sinh an toàn thực phẩm tại TMN	TMN	Gia đình, chính quyền
16	Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ tại TMN	TMN	Gia đình, chính quyền

2.3. Thực trạng nội dung phối hợp TMN – CD tại thành phố Nha Trang

2.3.1. Mô tả khái quát quá trình khảo sát thực trạng

Để đánh giá về thực trạng phối hợp TMN - CD trên địa bàn thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa hiện nay, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến của 315 cán bộ quản lý và giáo viên của 10 TMN trên địa bàn thành phố Nha Trang. Mục đích khảo sát nhằm tìm hiểu thực trạng thực hiện một số nội dung cơ bản của việc phối hợp TMN - CD trong chăm sóc, giáo dục trẻ MN hiện nay. Bên cạnh đó, để tìm hiểu thêm về những lựa chọn phương án “phân vân”, chúng tôi thực hiện phỏng vấn đại diện cán bộ quản lý và giáo viên; kết quả thu được từ phương pháp này giúp chúng tôi một mặt kiểm chứng tính khách quan của kết quả khảo sát và xác định được một số và nguyên nhân của thực trạng.

Chúng tôi sử dụng thang đo Likert 5 lựa chọn trong bảng khảo sát và tính giá trị trung bình của thang đo để đảm bảo việc phân tích số liệu hiệu quả. Thang đo Likert giả định rằng cường độ của một thái độ là tuyến tính, nghĩa là trên một chuỗi liên tục từ không đồng ý mạnh đến đồng ý mạnh và đưa ra giả định rằng thái độ có thể được đo lường. Thang đo Likert cho phép người trả lời lựa chọn các mức độ ý kiến, và thậm chí không có ý kiến nào cả. Giá trị khoảng cách = 0.8. Do vậy giá trị trung bình được chia theo 5 mức như sau:

- 1.00 – 1.80: không bao giờ
- 1.81 – 2.60: hiếm khi
- 2.61 – 3.40: Phân vân
- 3.41 – 4.20: Thường xuyên
- 4.21 – 5.00: Rất thường xuyên

Bên cạnh đó, chúng tôi khảo sát ngẫu nhiên một số hồ sơ tổ chức hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ của các trường để tìm hiểu thêm về tính chủ định trong việc thực hiện phối hợp TMN – CD của các nhà trường được khảo sát. Thông tin thu được phần nào giúp chúng tôi xác định nguyên nhân của thực trạng và đề xuất giải pháp.

2.3.2. Thực trạng nội dung phối hợp TMN – CD tại thành phố Nha Trang

Kết quả khảo sát nội dung phối hợp TMN – CD thể hiện trong bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng nội dung phối hợp TMN – CD tại thành phố Nha Trang

STT	Nội dung phối hợp	Tần suất phối hợp					Điểm TB
		1	2	3	4	5	
1	Xây dựng chương trình/kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	0	87	9	191	28	3,51
2	Tổ chức thực hiện chương trình/kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	0	32	3	174	106	4,12
3	Thực hiện công tác chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày	0	27	8	142	138	4,24
4	Hướng dẫn cho cha mẹ trẻ cách phòng chống một số bệnh thường gặp ở trẻ	0	94	2	201	18	3,45
5	Tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	0	109	7	157	42	3,42
6	Xây dựng môi trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn	0	114	12	132	57	3,72
7	Tuyên truyền, huy động trẻ trong độ tuổi đến TMN	0	46	0	165	104	4,04
8	Xây dựng và triển khai kế hoạch phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì cho trẻ	0	135	9	93	88	3,52
9	Xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc, giáo dục đối với trẻ khuyết tật (nếu có)	0	102	16	128	69	3,52
10	Tổ chức khám sức khỏe định kì cho trẻ	0	21	0	178	116	4,23
11	Tổ chức tiêm chủng cho trẻ	0	41	0	108	166	4,27
12	Tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ tại TMN	0	39	0	121	155	4,24
13	Tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại	0	17	0	187	111	4,24
14	Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chế độ sinh hoạt của trẻ tại TMN	0	111	9	151	44	3,41
15	Kiểm tra, đánh giá vệ sinh an toàn thực phẩm tại TMN	0	225	5	71	14	2,6
16	Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ tại TMN	0	223	7	72	13	2,6
Trung bình							3,7

Trong đó, 1: không bao giờ; 2: hiếm khi; 3: phân vân; 4: thường xuyên; 5: rất thường xuyên.

Số liệu trong bảng 2 cho thấy nội dung phối hợp TMN – CD tại thành phố Nha Trang được đánh giá chung ở mức thường xuyên, với điểm trung bình là 3,7. Đối với từng nội dung phối hợp cụ thể, chúng tôi nhận thấy đa số nội dung phối hợp TMN – CD trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ mầm non tại thành phố Nha Trang được thực hiện ở mức thường xuyên và rất thường xuyên (14/16 nội dung).

Có năm nội dung phối hợp TMN – CD đạt mức rất thường xuyên. Đầu tiên là nội dung tổ chức tiêm chủng cho trẻ với điểm trung bình là 4,27. Thứ hai là nội dung tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho trẻ với điểm trung bình là 4,23. Các nội dung: tổ chức chăm sóc, giáo dục trẻ hàng ngày; tổ chức ngày hội, ngày lễ cho trẻ ở trường mầm non và tổ chức cho trẻ tham quan dã ngoại cùng đạt điểm trung bình là: 4,24.

Được đánh giá ở mức phối hợp thường xuyên TMN – CD là chín nội dung: Xây dựng chương trình/kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Tổ chức thực hiện chương trình/kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Hướng dẫn cho cha mẹ trẻ cách phòng chống một số bệnh thường gặp ở trẻ; Tuyên truyền, hướng dẫn, chia sẻ kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; Xây dựng môi trường sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh an toàn; Tuyên truyền, huy động trẻ trong độ tuổi đến TMN; Xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc, giáo dục đối với trẻ khuyết tật (nếu có); Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chế độ sinh hoạt của trẻ tại TMN với số điểm trung bình dao động từ 3,41 đến 4,12. Phỏng vấn thêm đại diện cán bộ, giáo viên TMN về các nội dung này, chúng tôi được biết có trường hợp nội dung phối hợp không diễn ra trong thực tiễn (ví dụ: nhóm lớp không có trẻ khuyết tật học hòa nhập thì không có sự phối hợp TMN – CD về nội dung Xây dựng và triển khai kế hoạch chăm sóc, giáo dục đối với trẻ khuyết tật). Ngoài ra, có nội dung đảm bảo sự phối hợp thường xuyên của TMN với một số tổ chức cộng đồng này nhưng chưa có sự phối hợp thường xuyên với các tổ chức cộng đồng khác.

Tuy nhiên, có hai nội dung phối hợp được đánh giá ở mức hiếm khi. Đó là nội dung: Kiểm tra, đánh giá vệ sinh an toàn thực phẩm tại TMN và Kiểm tra, đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ tại TMN cùng đạt điểm trung bình là 2,6. Phỏng vấn đại diện cán bộ, giáo viên về kết quả này, chúng tôi thu được thêm thông tin để lý giải kết quả này như sau: hai nội dung này chủ yếu được thực hiện trong nội bộ TMN, với các chủ thể là cán bộ, giáo viên cơ hữu trong trường. Việc phối hợp kiểm tra đánh giá rất ít khi diễn ra. Nhà trường vẫn có kênh thu thập thông tin ý kiến góp ý của các bên liên quan về công tác chăm sóc, giáo dục trẻ nhưng thông tin thu được còn rời rạc, thiếu tập trung.

Tóm lại, từ kết quả khảo sát thu được, chúng tôi đi đến khẳng định, TMN trên địa bàn thành phố Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa hiện nay đang thực hiện thường xuyên việc phối hợp TMN – CD trong công tác chăm sóc trẻ. Mặc dù vậy, điểm trung bình tần suất thực hiện phối hợp TMN – CD ở tất cả 16 nội dung khảo sát gần mức giới hạn dưới (3,7 so với khoảng: 3.41 – 4.2). Mức độ thường xuyên không đồng đều ở các nội dung cụ thể. Và hiện còn 02 nội dung phối hợp chỉ đạt mức 2 (hiếm khi có sự phối hợp). Thực trạng này đặt ra vấn đề cần thực hiện giải pháp hợp lý tăng cường phối hợp TMN – CD nhằm góp phần thúc đẩy sự phát triển GDMN một cách bền vững.

2.4. Giải pháp tăng cường phối hợp TMN - CD

Để đề xuất giải pháp tăng cường phối hợp TMN – CD trong công tác, chúng tôi đã tiến hành phân tích một số kế hoạch chăm sóc, giáo dục của TMN. Qua phân tích, chúng tôi nhận thấy đa số kế hoạch năm học của TMN không thể hiện nội dung phối hợp CD. Đối với các kế hoạch tổ chức hoạt động cụ thể (khai giảng, trung thu,...) có sự thể hiện sự phối hợp CD, tuy nhiên nội dung phối hợp TMN - CD nhìn chung còn nghèo nàn, thiếu tính toàn diện, ít sáng tạo; đối tượng phối hợp còn hẹp, chủ yếu dừng lại ở gia đình trẻ và trung tâm y tế. Điều này thể hiện nhiều cán bộ quản lý, giáo viên mầm non chưa nhận thức đầy đủ về vai trò và yêu cầu phối hợp TMN – CD trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tìm hiểu các văn bản quy định hoạt động phối hợp TMN – CD, chúng tôi nhận thấy số lượng văn bản ít, quy định còn chung chung, thiếu cụ thể. Theo chúng tôi, đây cũng là một nguyên nhân chưa huy động được nhiều lực lượng CD và mức độ phối hợp TMN – CD chưa thực sự cao.

Từ thực trạng và nguyên nhân nêu trên, chúng tôi đề xuất một số giải pháp tăng cường phối hợp TMN – CD như sau:

- Tăng cường nhận thức cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDMN, phụ huynh và cộng đồng về vai trò của việc phối hợp TMN - CD trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở các cơ sở GDMN bằng cách cung cấp, tuyên truyền văn bản hướng dẫn phối hợp TMN – CD cho cán bộ quản lý, giáo nhân viên.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng và tổ chức kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non cho giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở GDMN trên cơ sở khảo sát thông tin và phối hợp CD bằng cách tổ chức các chuyên đề, tập huấn về nội dung liên quan.

- Xây dựng cơ chế chia sẻ thông tin TMN – CD trên cơ sở bình đẳng và tôn trọng, hướng đến xây dựng một môi trường văn hoá với sự tham gia của tất cả các tổ chức trong CD bằng cách thiết lập và duy trì mối liên hệ bền chặt với CD.

- Xây dựng bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội dung, quy trình, tiêu chí đánh giá hoạt động phối hợp TMN – CD trong chăm sóc giáo dục trẻ ở các cơ

sở GDMN. Trong đó, cần làm rõ vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên liên quan.

3. Kết luận

Phối hợp TMN – CD trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ là yêu cầu bắt buộc cũng đồng thời là cơ sở nền tảng quan trọng cho việc phát triển bền vững hệ thống GDMN. Trên thực tế, hầu hết nội dung phối hợp TMN – CD đang được thực hiện thường xuyên tại thành phố Nha Trang – tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, vẫn có những nội dung phối hợp TMN – CD chưa được thực hiện thường xuyên và việc phối hợp chủ yếu diễn ra giữa TMN và gia đình trẻ, chứ chưa thực sự huy động được sự tham gia của đầy đủ các tổ chức CD. Việc nghiên cứu, áp dụng các giải pháp hợp lý sẽ tăng cường mức độ phối hợp TMN – CD, qua đó góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ tại các cơ sở GDMN.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Thu Ba, *Giải pháp nâng cao hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ em ở các trường mầm non tư thục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, 2016.
2. Quốc hội, Luật giáo dục, 2019.
3. Thái Văn Thành, Nguyễn Ngọc Hiền, Nguyễn Thị Thu Hạnh, *Phối hợp gia đình, nhà trường, cộng đồng trong chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2019.
4. Bùi Thị Hồng Thúy, *Biện pháp quản lý công tác huy động cộng đồng ở các trường mầm non trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi*, Đại học Đà Nẵng, 2015.
5. Nguyễn Viết Tuân, *Quản lý giáo dục mầm non*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường CDSP Trung ương – Nha Trang, 2023.
6. Phạm Hồng Tung, *Nghiên cứu về cộng đồng: Khái niệm, cách tiếp cận và phân loại*, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, Đại học Quốc gia Hà Nội.

SINH HOẠT VÒNG TRÒN TRONG TRƯỜNG MẦM NON STEINER

ThS.GVC. Nguyễn Cẩm Giang

Khoa Giáo dục mầm non

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Trong trường mầm non Steiner, các em bé hoàn toàn được vui chơi, hát múa, kể chuyện, đọc thơ, hoà mình vào thiên nhiên... Một hoạt động hàng ngày không thể thiếu với các bé là sinh hoạt vòng tròn. Có thể coi đó là một trải nghiệm nghệ thuật đẹp đẽ, thú vị và đầy chất thơ góp phần quan trọng tạo nên những em bé có sự kết nối, cảm nhận tốt đẹp với thế giới xung quanh, nuôi dưỡng trí tưởng tượng mở mang một tâm hồn ấm áp và giúp các em khi lớn lên trở thành những con người sáng tạo, đầy sức sống, có ý chí vững vàng...

Từ khoá: Phương pháp giáo dục Waldorf/Steiner, sinh hoạt vòng tròn.

1. Đặt vấn đề

Phương pháp Steiner hay phương pháp Waldorf là phương pháp giáo dục được nghiên cứu và sáng lập bởi Rudolf Steiner Joseph Lorenz (1861-1925) - nhà triết học, kiến trúc sư, nhà tư tưởng xã hội người Áo. Phương pháp giáo dục này được áp dụng, phát triển ở nhiều nước trên thế giới và đang dần phổ biến tại Việt Nam.

Theo nghiên cứu của Rudolf Steiner, 7 năm đầu đời là thời gian trẻ phát triển cơ thể, làm quen, thích nghi và tìm hiểu thế giới xung quanh cũng như khai phá khả năng tiềm ẩn của bản thân. Vì thế, trẻ cần được vui chơi hoàn toàn thay vì học tập, được hoà mình vào thiên nhiên, phát triển trí tưởng tượng sáng tạo, được ca hát, nhảy múa, đọc thơ, kể chuyện, chăm sóc cỏ cây, hoa lá... Trong số các hoạt động vui chơi đó có một hoạt động vô cùng lý thú, bổ ích được diễn ra hàng ngày gọi là sinh hoạt vòng tròn.

2. Nội dung

2.1. Đặc điểm sinh hoạt vòng tròn trong trường mầm non Steiner

“Morning circle”, “Circle time”, “Ring time” là những thuật ngữ nói về các hoạt động sinh hoạt vòng tròn. Đó là thời gian mà giáo viên và trẻ tập hợp nhau để cùng chuyển động, sinh hoạt theo các bài thơ, bài hát, các câu chuyện. Sinh hoạt vòng tròn là tập hợp các chuỗi hoạt động có tính chất nhịp điệu, sự nhịp nhàng và có sự tham gia của toàn bộ cơ thể.

Rudolf Steiner chưa bao giờ thực sự nói về giờ sinh hoạt vòng tròn. Những gì mà ông đề cập tới trong một số bài giảng của mình là những trò chơi gọi là “Ring games” - những giờ sinh hoạt có sự kết hợp giữa vận động, âm nhạc, thơ ca, lời nói và các trò chơi và nhấn mạnh tầm quan trọng của nhịp điệu qua các hoạt động hàng ngày dành cho trẻ nhỏ: “*Người ta chỉ có thể tiến tới sự phát triển cao hơn bằng cách mang nhịp*

điều và sự lặp lại vào cuộc sống của mình. Nhịp điệu nắm giữ ảnh hưởng trong tất cả tự nhiên” [5]. Sau này, các nhà giáo dục đã phát triển thành sinh hoạt vòng tròn (Morning circle) hay “Giờ vòng tròn”, “Kịch vòng tròn”. Sinh hoạt vòng tròn trở thành trái tim của các hoạt động trong trường mầm non Waldorf, là một trải nghiệm nghệ thuật đẹp đẽ, thú vị và đầy chất thơ với trẻ em. Hoạt động này đòi hỏi người giáo viên phải có sự hiểu biết sâu sắc về sự phát triển của trẻ đồng thời luôn cố gắng hoàn thiện cả cử chỉ bên ngoài lẫn trạng thái cảm xúc bên trong để đưa đến những điều tốt đẹp nhất cho trẻ. Người giáo viên tổ chức sinh hoạt vòng tròn tuyệt vời là người có nhiều cảm hứng với nghệ thuật và cuộc sống.

Sinh hoạt vòng tròn thường được tổ chức vào giữa buổi sáng mỗi ngày. Tất cả trẻ em trong lớp đều tham gia và có thể nói đây là hoạt động cung cấp yếu tố chính cho nội dung “giảng dạy” hàng ngày cho của chương trình giáo dục mầm non. Một giờ sinh hoạt vòng tròn có thể kéo dài từ 5 - 20 phút, thậm chí với trẻ mẫu giáo lớn 5 - 6 tuổi có thể kéo dài 30 phút và có những điểm khác nhau tùy theo độ tuổi của trẻ nhưng các hoạt động luôn được tổ chức trong một vòng tròn. Khi đứng trong vòng tròn, giáo viên và trẻ trở thành một. Trẻ sẽ nhìn thấy được tất cả giáo viên và các bạn. Vòng tròn đem đến sự bình đẳng: giáo viên bình đẳng với trẻ, trẻ bình đẳng với nhau. Vòng tròn có điểm trung tâm là sự tập trung, chú tâm. Vòng tròn cũng giống như sự ôm ấp bằng cả trái tim yêu thương của giáo viên với mỗi em bé.

Chủ đề của sinh hoạt vòng tròn có thể là các mùa (xuân - hạ - thu - đông), lễ hội hoặc chủ đề theo đối tượng (cây lúa, bông hoa, con ong, con bướm, con người lao động, truyện cổ tích, hành trình phiêu lưu...). Các chủ đề ấy giống như một hơi thở nhịp nhàng của cuộc sống, giúp trẻ thấy được sự luân chuyển của ngày đêm, sự chuyển tiếp bốn mùa trong năm, cảm nhận được vũ điệu của thiên nhiên, vòng đời của vạn vật - những điều quen thuộc, gần gũi xung quanh cuộc sống mà vô cùng hấp dẫn, lôi cuốn của trẻ. Mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh, hiểu biết về chính mình - đây chính là một trong những mục tiêu mà giáo dục Waldorf hướng tới.

Một bài sinh hoạt vòng tròn thường có độ dài từ 700 đến 1000 tiếng và có sự đan xen giữa các trò chơi, bài hát, bài thơ hoặc văn vần. Với ngôn từ trong sáng, vui tươi, sinh động, giàu hình ảnh, nhạc điệu, các bài sinh hoạt vòng tròn đã góp phần không nhỏ nuôi dưỡng tâm hồn trong sáng, trí tưởng tượng phong phú, phát triển năng lực cảm thụ cái đẹp trước thiên nhiên, cuộc sống con người cho trẻ.

Một điều tuyệt vời nữa, khi trẻ vận động, tạo nhịp điệu bằng các bộ phận cơ thể kết hợp với các bài thơ, văn vần, bài hát làm cho trò chơi của trẻ trở nên ý nghĩa, vui vẻ, hào hứng. Các vận động đó lại có tác động trở lại, thúc đẩy ngôn ngữ trẻ phát triển. Vì thế, chỉ sau vài buổi sinh hoạt vòng tròn, trẻ có thể học thuộc toàn bộ bài thơ, bài hát dài một cách dễ dàng, tự nhiên, như Steiner lý giải: Tay chân trẻ có hoạt động linh hoạt, phần não phụ trách ngôn ngữ mới phát triển.



(Sinh hoạt vòng tròn của cô và các bé 4 - 5 tuổi - Trường Sunflower Steiner Kindergarten - Đà Nẵng)

Sinh hoạt vòng tròn sử dụng nhiều hoạt động có nhịp điệu vì thế giúp trẻ học được cách điều hoà và cải thiện việc hít thở, sức khỏe của trẻ được tăng cường, “cái đầu - trái tim - đôi bàn tay” được phát triển hài hoà, hệ tuần hoàn và nội tạng của trẻ cũng được phát triển nhu nhuyễn, một điều vô cùng quan trọng cho trẻ từ 0 -7 tuổi, độ tuổi mà các cơ quan nội tạng vẫn trong giai đoạn hoàn thiện chức năng [5]. Bên cạnh đó, trẻ còn được thực hiện nhiều động tác giúp phát triển vận động thô (lăn lê, bò, chạy, nhảy, giữ thăng bằng...) hay vận động tinh qua trò chơi bàn tay, ngón tay. Sinh hoạt vòng tròn còn có tác dụng làm nóng cơ thể, giải phóng năng lượng để chuẩn bị cho trẻ một tâm lý với các hoạt động cần sự tập trung hơn tiếp theo.

Khi tham gia sinh hoạt vòng tròn, cùng một lúc, trẻ vừa phải biết lắng nghe, đọc/ hát vừa biết vận động các động tác, tự điều chỉnh để vòng tròn được liên tục kết nối. Đây cũng chính là cơ hội để kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kết nối cộng đồng của trẻ được phát triển lành mạnh.

Sinh hoạt vòng tròn còn mang đến sự bình yên và cảm giác an toàn cho trẻ. Cảm giác an toàn đó sẽ giúp trẻ trở nên tự tin, chủ động khám phá thế giới xung quanh, phát huy trí tưởng tượng bay bổng, sáng tạo của mình.

2.2. Giới thiệu bài sinh hoạt vòng tròn trong trường mầm non Steiner

Có nhiều cách thức khác nhau để thực hiện một giờ sinh hoạt vòng tròn trong trường mầm non Steiner. Một giờ sinh hoạt điển hình có thể bao gồm tất cả hoặc một vài yếu tố sau:

- (1) Một bài hát chào buổi sáng (hoặc một bài thơ).
- (2) Một hay hai trò chơi vận động.
- (3) Một hay hai trò chơi bàn tay hoặc ngón tay phù hợp với độ tuổi trẻ.
- (4) Một hoặc vài bài hát.

(5) Kịch vòng tròn (Yếu tố chính của sinh hoạt vòng tròn): Có thể đó là câu chuyện về đời sống hàng ngày hoặc về các nghề nghiệp; câu chuyện về những sự kiện trong thiên nhiên; Kịch về mùa màng; Kịch dựa trên một câu chuyện cổ tích; Kịch ăn mừng lễ hội,... Các bài hát và bài thơ được lựa chọn (có sẵn hoặc do giáo viên sáng tác) trình bày xen kẽ nhau, liên kết nội dung để tạo thành mạch logic cho vở kịch vòng tròn. Các cử chỉ và chuyển động đơn giản, luôn có sự cân đối, hài hoà giữa vận động nhanh - chậm, mạnh - nhẹ, vận động bên trái/ phải, trên/ dưới, cao/ thấp...

Trong các yếu tố nêu trên, yếu tố (1) và (5) là 2 yếu tố thích hợp nhất và được sử dụng trong hầu hết các lớp mầm non Steiner; Yếu tố (2), (3), (4) có thể được tổ chức trước hay sau kịch vòng tròn tùy vào hoàn cảnh thực tế; Yếu tố (4) có thể áp dụng trước hoặc sau hay cả trước hay sau kịch vòng tròn [7].

Một số bài sinh hoạt vòng tròn mà các em bé vô cùng yêu thích:

Bài sinh hoạt vòng tròn “*Người không lồ và chú bươm nhỏ*” do cô Nguyễn Thị Mộng Tuyền - Giáo viên Trường Tre Xanh Steiner (Thành phố Hồ Chí Minh) sáng tác, thầy Phillip Reubke phổ nhạc:

Độc thơ: Trên cành cây bé nhỏ

Cạnh bên bãi cỏ xanh

Một chú sâu bé nhỏ

Đang bò...bò đi đâu?

Hát: A A A A A G A A

Chú sâu xinh xinh bé nhỏ kia ơi

G A A A A B

Bò quanh nhanh nhanh trên lá

A A A A A G E A

Chú sâu non đang đói bụng phải không

A A G E D A

Chiếc lá non này thật ngon

D’A D’ A

Ăn nào...ăn nào...

A G A A G E D

Ăn nào chiếc lá non ngon lành

E D E D

Ngon lành...ngon lành...

Độc thơ: Chú sâu nhỏ ăn no

Rồi co mình trong kén

Chén một giấc ngon lành

Trên cành cây bé nhỏ.

Hát: D E G A B

Và rồi bình minh lên

A D' D' D' A B

Tỏa ánh nắng khắp mọi nơi

A G A B

Hãy cùng thức giấc

D E G A B A G E

Và bạn sâu non đã hóa bướm nhỏ

D E G A B A G E

Xòe rộng đôi cánh vút lên bầu trời

D E D E...G G... A A

Nào hãy cùng bay...bay cao...bay xa

B B A D' A A D' B B

Hoa thơm cùng với mật ngọt ở muôn nơi

A B G A B G G A

Ta hãy cùng nhau hút mật ngọt thôi.

Đọc thơ: Chú bướm nhỏ say sưa

Trong bữa ăn mật ngọt

Bỗng chú giật thót mình

Vì khổng lồ đang đến.

Hát: D A D A D A

Hồ hồ...hồ hồ...hồ hồ

D A D A D A

Hồ hồ...hồ hồ...hồ hồ

A D D D

Ta là khổng lồ

A D D D

Sức mạnh tuyệt vời

D D E G

Ồ gì đây nhỉ

A A G D

Chú bướm xinh đẹp

B A A D

Hãy giờ cao vọt

D E G E

Và bắt lấy bướm.

Đọc thơ: Chú bướm nhỏ đáng thương

Bị vướng vào trong lưới

Khi không lơ ngủ say

Ai đó đang lại gần.

Hát: D D D D D D G D E E

Một vị thần vừa lùn vừa bé là ta đây

D D D G G E D D

Là người thường thích giúp cho mọi người

D D D D D D G D E E

Một vị thần vừa lùn vừa bé là ta đây

D D D G G E D D

Là người thường thích giúp cho mọi người

D G G E

Này bướm nhỏ ơi

D G G E

Hãy thoát khỏi đây.

Đọc thơ: Chú bướm nhỏ thoát ra

Và vô cùng mừng rỡ

Cảm ơn sự giúp đỡ

Tốt bụng của thần lùn.

Hát: D E G A B A G E

Và rồi bướm bướm vẫy cánh tạm biệt

D E G A B A G E

Xòe rộng đôi cánh vút lên bầu trời

D E D E...G G...A A

Nào hãy cùng bay...bay cao...bay xa

B B A D' A A D' B B

Hoa thơm cùng với mật ngọt ở muôn nơi

A B G A B G G A

Ta hãy cùng nhau hút mật ngọt thôi

Đọc thơ: Chú bướm nhỏ xinh
Quay về vườn cũ
Khép đôi cánh mỏng
Đậu trên cành hồng
Chìm vào giấc ngủ.

Bài sinh hoạt vòng tròn *Ba ông thần lùn* - Giáo viên Sunflower Steiner
Kindergarten - Đà Nẵng sáng tác:

Đọc: Bạn có nghe thấy,
Bạn có nghe thấy
Có một bài ca
Của ba thần lùn
Đang cúi lom khom
Trên bông hoa cúc.

Hát: Thần lùn thì nhỏ ti ti
D D D D A A
Với chiếc mũ nhỏ xinh
B A B D' A
Tóc màu nâu với râu dài
B A B D' A E
Và rất yêu cỏ cây”
D A G E G

Đọc: Chú lùn Bumba
Có thể nhảy xa
Khi muốn chú xuất hiện
Hãy vỗ tay ba tiếng (Vỗ tay - Bốp bốp bốp)
Và hát bài Bumba

Hát: Bumba bumba bumba
B G B G B G
Hay thích lang thang la cà
A B G G E D
Tai thính như nai vàng ngơ ngác ...
A B A G G G
Nghe ngóng cây gió thì thầm
A B A G G G

Bumba bumba bumba

B G B G B G

Đọc: Bumba xoay vòng vòng

Và hiện ra tức thì

Từ đâu không ai biết

Bumba biết nhiều chuyện

Chuyện trên trời dưới biển

Chuyện ở gần ở xa

Bumba thích kể chuyện

Suốt cả ngày cả đêm (*Lắc đầu*)

Hát: Thần lùn thì nhỏ ti ti

DDDDAA

Với chiếc mũ nhỏ xinh

BABD'A

Tóc màu nâu với râu dài

BABD'AE

Và rất yêu cỏ cây”

DAGEG

Đọc: Chú lùn Kaku

Rất là mê ngủ

Gật gà gật gù

Và ngáy rất to

Khi muốn chú đến thăm

Hãy dậm chân thật mạnh

(Bộp bộp bộp)

Hát bài ca Kaku

Hát: Kaku u ù kaku

G C' B G G C'

Thích ngủ ngày mà thức đêm

C' G G G C' B

Nói chuyện cùng với ánh sao

C' G G C' C' A

Bạc thông thái nhất trên đời

G A B B A G

Nói: Kuka xoay vòng vòng

Và hiện ra tức thì
Từ nơi chẳng đoán được
Khuôn mặt còn ngái ngủ (ngáp)
Nhưng chỉ cần bạn hỏi
Kaku sẽ giải đáp
Mọi thắc mắc trên đời.

Hát (Hát lại bài thần lùn)

Nói: Chú lùn Timbi

Chẳng thể nói to (*Lắc đầu*)

Cứ luôn thăm thì

Đôi tay tỉ mỉ (*Hai ngón trở đưa lên trước mặt chéo qua chéo lại*)

Làm việc chăm chỉ.

Xếp những bông hoa

Vá những cánh bướm

Vẽ lông cho chim

Tìm bạn cho đá

Ru lá mùa thu.

Khi muốn chú xuất hiện

Hãy hát thăm thì

Bài ca Tumbi

Bằng giọng nhỏ xí xí xi.

Hát: Tumbi i í i

E E G A G A

Giờ này đang làm việc gì

E E G E D E

Mau mau nghỉ tay đến đây

A A G A B A

Đây bánh và trà đầy bàn

G A E E D E

Mình cùng nói chuyện thăm thì.

D E A E D E

Nói: Vào buổi sớm mai

Mặt trời thức dậy.

Hát: Bài hát thần lùn (3 lần nhanh, chậm khác nhau).

3. Kết luận

Sinh hoạt vòng tròn mỗi ngày là hình thức và cũng là biện pháp vô cùng hiệu quả để kết hợp tất cả các yếu tố vào trong một hoạt động. Cùng nhau tạo ra một vòng tròn với những trải nghiệm nhịp nhàng, đều đặn, nhất quán, không chỉ các em bé mà người lớn cũng sẽ luôn cảm thấy bình an, hạnh phúc và tin tưởng vào những điều tốt đẹp của thế giới xung quanh, như Margret Meyerkott, một giáo viên mầm non Waldorf từng nói “*Nếu nhịp điệu bên ngoài của trẻ được đều đặn thì nhịp điệu bên trong của trẻ cũng sẽ phát triển*” [5].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thu Hương, Phương pháp Steiner ngày càng lan tỏa, <http://tiasang.com.vn/-giao-duc/phuong-phap-steiner-ngay-cang-lan-toa-9254>
2. Nguyễn Thu Hương, Những ngôi trường mầm non cổ tích, <http://tiasang.com.vn/-giao-duc/nhung-ngoi-truong-mam-non-co-tich-9306>
3. Thanh Cherry - Jane Hanckel, Người dịch: Ngọc Song Thu (2016), Giai đoạn vàng để dạy con thông thái, NXB Phụ nữ 2017.
4. Rudolf Steiner, Người dịch: Nguyễn Hồng, Giáo dục trẻ em - Những bài giảng đầu tiên về giáo dục, NXB Tri thức 2019.
5. Barbara J. Patterson và Pamela Bradley, Người dịch: Thanh Cherry, Bên kia cầu vòng, NXB Trẻ 2022.
6. Freya Jaffke, Người dịch: Thanh Cherry, Làm việc và chơi ở lứa tuổi mầm non, NXB Trẻ 2022.
7. Sổ tay học viên Module 2 - Khoá đào tạo Giáo viên mầm non Steiner/ Waldorf tại Việt Nam 2022.

CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO (AI) TRONG GIÁO DỤC MẦM NON Ở VIỆT NAM

TS. Lê Thị Kim Cúc

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) là những xu hướng công nghệ đang tác động mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có giáo dục. Trong Giáo dục mầm non ở Việt Nam, chuyển đổi số và AI có thể mang lại những lợi ích to lớn. Tuy nhiên, chuyển đổi số và AI cũng đặt ra nhiều thách thức trong việc ứng dụng, đòi hỏi phải có những giải pháp phù hợp mới nâng cao được chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu của trẻ em.

Từ khóa: chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo, giáo dục mầm non.

1. Đặt vấn đề

Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo (AI) là những xu hướng công nghệ đang tác động mạnh mẽ đến nhiều lĩnh vực của đời sống, trong đó có giáo dục. Trong giáo dục mầm non (GDMN) ở Việt Nam, chuyển đổi số và AI có thể mang lại những lợi ích to lớn, giúp nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu của sự phát triển kinh tế - xã hội và đáp ứng nhu cầu của trẻ em.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo

a. Chuyển đổi số

Chuyển đổi số là quá trình thay đổi toàn diện các hoạt động của tổ chức bằng cách ứng dụng công nghệ số vào mọi khía cạnh của hoạt động.

b. Trí tuệ nhân tạo (AI)

Trí tuệ nhân tạo (AI) là một nhánh của khoa học máy tính liên quan đến việc tạo ra các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các tác vụ thông minh mà thông thường được coi là đòi hỏi trí tuệ của con người.

c. Mối quan hệ giữa chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo

Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo là hai khái niệm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Trí tuệ nhân tạo là một công cụ quan trọng để hỗ trợ chuyển đổi số. Thông qua trí tuệ nhân tạo, các tổ chức có thể tự động hóa các quy trình, nâng cao hiệu quả hoạt động, tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới và mang lại trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng.

d. Các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong chuyển đổi số

Trí tuệ nhân tạo có thể được ứng dụng trong nhiều lĩnh vực của chuyển đổi số, bao gồm:

- Tự động hóa quy trình: Trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng để tự động hóa các quy trình thủ công, giúp tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Phân tích dữ liệu: Trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng để phân tích dữ liệu lớn, giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả hơn.

- Tạo trải nghiệm khách hàng tốt hơn: Trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng để tạo ra các trải nghiệm khách hàng cá nhân hóa và hấp dẫn hơn.

Như vậy, chuyên đổi số và trí tuệ nhân tạo là hai xu hướng công nghệ quan trọng đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội. Việc ứng dụng hiệu quả hai công nghệ này sẽ giúp các tổ chức nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững.

2.2. Chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non ở Việt Nam

Chuyển đổi số trong GDMN là quá trình ứng dụng công nghệ số vào các hoạt động GDMN, bao gồm:

- Ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (CNTT&TT) trong giảng dạy, học tập: Sử dụng máy tính, internet, phần mềm, ứng dụng CNTT&TT để hỗ trợ giảng dạy, học tập.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong giáo dục: Sử dụng công nghệ AI để hỗ trợ giảng dạy, học tập, như: chatbot, hệ thống đề xuất nội dung, hệ thống đánh giá tự động,...

Trí tuệ nhân tạo trong GDMN là việc ứng dụng các công nghệ AI vào các hoạt động GDMN, bao gồm:

- Giảng dạy: Sử dụng AI để tạo ra các bài giảng tương tác, cá nhân hóa, phù hợp với nhu cầu của từng trẻ.

- Học tập: Sử dụng AI để hỗ trợ trẻ tự học, khám phá, phát triển.

- Quản lý giáo dục: Sử dụng AI để quản lý trẻ, giáo viên, nhà trường.

2.3. Lợi ích của chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non ở Việt Nam

a. Tạo ra môi trường học tập thú vị và hấp dẫn trẻ

Chuyển đổi số và AI có thể giúp tạo ra môi trường học tập thú vị và hấp dẫn trẻ, giúp trẻ dễ dàng tiếp thu kiến thức và phát triển các kỹ năng. Các ứng dụng công nghệ có thể được sử dụng để tạo ra các hoạt động học tập tương tác, sinh động, phù hợp với tâm lý và khả năng của trẻ.

b. Giúp trẻ phát triển kỹ năng số học và công nghệ từ khi còn nhỏ

Trong thời đại công nghệ số, kỹ năng số học và công nghệ là những kỹ năng quan trọng mà trẻ cần được trang bị từ khi còn nhỏ. Chuyển đổi số và AI có thể giúp trẻ phát triển các kỹ năng này một cách tự nhiên và hiệu quả.

c. Cung cấp cho giáo viên và phụ huynh cơ hội để theo dõi tiến bộ của trẻ

Chuyển đổi số và AI có thể giúp giáo viên và phụ huynh theo dõi tiến bộ của trẻ một cách dễ dàng và hiệu quả. Các ứng dụng công nghệ có thể được sử dụng để lưu trữ thông tin về quá trình học tập của trẻ, giúp giáo viên và phụ huynh nắm bắt được những điểm mạnh, điểm yếu của trẻ để có những hỗ trợ kịp thời.

2.4. Những thách thức trong việc ứng dụng chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non ở Việt Nam

Bên cạnh những lợi ích to lớn, việc ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN cũng gặp phải một số thách thức, bao gồm:

a. Thiếu nguồn lực

Để ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN, các trường cần đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị, phần mềm, ứng dụng công nghệ. Đây là một thách thức lớn đối với nhiều trường mầm non, đặc biệt là các trường ở khu vực nông thôn, vùng khó khăn.

b. Thiếu đội ngũ giáo viên có năng lực

Để ứng dụng hiệu quả chuyển đổi số và AI trong GDMN, giáo viên cần được đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ. Đây là một thách thức lớn đối với ngành giáo dục, đặc biệt là GDMN.

c. Rủi ro về an toàn thông tin

Khi ứng dụng công nghệ trong GDMN, cần đảm bảo an toàn thông tin cho trẻ em. Đây là một vấn đề cần được quan tâm, chú trọng.

2.5. Giải pháp để ứng dụng chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non ở Việt Nam

Để ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN hiệu quả, cần có sự chung tay của các cấp, các ngành, các tổ chức và toàn xã hội.

a. Chính phủ cần có những chính sách, cơ chế phù hợp để khuyến khích và hỗ trợ ứng dụng chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non.

- Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 10/5/2022 của Chính phủ về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 25/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển GDMN giai đoạn 2021-2025; Chương trình đổi mới GDMN giai đoạn 2021-2025.

Các chương trình nêu rõ mục tiêu phát triển GDMN theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trong đó chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, chuyển đổi số trong GDMN, tạo môi trường học tập sáng tạo, hấp dẫn, hiệu quả cho trẻ.

- Thông tư số 28/2022/TT-BGDĐT ngày 30/6/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp giáo viên mầm non, trong đó yêu cầu

giáo viên mầm non phải có kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động giáo dục.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã triển khai một số hoạt động cụ thể để khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN, như:

- Hỗ trợ các trường mầm non xây dựng môi trường học tập số. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành nhiều tài liệu, như: Sổ tay hướng dẫn thiết kế và triển khai hoạt động GDMN trên môi trường số; Hướng dẫn sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong GDMN.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên mầm non về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, như: Khóa đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non sử dụng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong GDMN; Khóa đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non về giáo dục STEM.

- Tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo về ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN, như: Hội nghị quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong GDMN; Hội thảo về ứng dụng AI trong GDMN.

b. Các cơ quan quản lý giáo dục cần tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN.

- Cần xây dựng kế hoạch, lộ trình ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương, đơn vị. Kế hoạch, lộ trình cần xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, nguồn lực và thời gian thực hiện.

- Cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số và AI trong GDMN cho cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh. Việc tuyên truyền, phổ biến cần được thực hiện thường xuyên, đa dạng, phù hợp với từng đối tượng.

- Cần hỗ trợ các trường mầm non xây dựng môi trường học tập số, bao gồm: hỗ trợ về cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ, phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

- Cần tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN, giúp họ nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động giáo dục.

- Cần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, tổ chức tham gia ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN, góp phần phát triển nguồn lực công nghệ cho GDMN.

Một số giải pháp cụ thể để các cơ quan quản lý giáo dục tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, hướng dẫn ứng dụng chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non:

- Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất, thiết bị công nghệ để các trường mầm non có điều kiện xây dựng môi trường học tập số.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên về ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN, giúp họ nâng cao kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong hoạt động giáo dục.

- Tạo lập môi trường thuận lợi cho việc ứng dụng chuyển đổi số và AI trong giáo dục mầm non, bao gồm: xây dựng chính sách, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ; tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, tổ chức tham gia.

c. Các trường mầm non cần chủ động đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin.

Chủ động đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục

- Xây dựng chương trình giáo dục phù hợp với trẻ: Chương trình giáo dục cần được xây dựng dựa trên nhu cầu, khả năng của trẻ, phù hợp với bối cảnh xã hội hiện đại.

- Sử dụng phương pháp giáo dục tích cực: Phương pháp giáo dục cần phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ.

- Tạo môi trường giáo dục an toàn, thân thiện: Môi trường giáo dục cần đáp ứng nhu cầu vui chơi, khám phá của trẻ.

Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin

- Sử dụng phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy: Các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin có thể giúp giáo viên thiết kế bài giảng sinh động, hấp dẫn, phù hợp với trẻ.

- Tạo môi trường học tập số cho trẻ: Các trường mầm non cần xây dựng môi trường học tập số cho trẻ, giúp trẻ tiếp cận với công nghệ thông tin một cách an toàn, hiệu quả.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cho giáo viên về ứng dụng công nghệ thông tin: Giáo viên cần được đào tạo, bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, giúp họ sử dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong hoạt động giáo dục.

Một số giải pháp cụ thể để các trường mầm non chủ động đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục, tích cực ứng dụng công nghệ thông tin:

- Cần xây dựng kế hoạch, lộ trình đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

- Cần tăng cường công tác tuyên truyền, vận động cán bộ quản lý, giáo viên và phụ huynh về tầm quan trọng của đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục.

- Cần tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, giáo viên học tập, bồi dưỡng về đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục.

- Cần ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, giáo dục.

d. Giáo viên mầm non cần tích cực học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục.

Tích cực học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn.

Trình độ chuyên môn là nền tảng để giáo viên mầm non có thể thực hiện tốt nhiệm vụ của mình. Giáo viên mầm non cần tích cực học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thông qua các hình thức như:

- Tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn: Các lớp bồi dưỡng, tập huấn giúp giáo viên cập nhật kiến thức, kỹ năng mới, đáp ứng yêu cầu đổi mới, sáng tạo trong hoạt động giáo dục.

- Tự học, tự bồi dưỡng: Giáo viên cần chủ động tìm tòi, học hỏi thông qua sách báo, tài liệu, internet, ...

- Trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp: Việc trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với đồng nghiệp giúp giáo viên học hỏi được những phương pháp, cách làm hay trong hoạt động giáo dục.

Nâng cao nghiệp vụ sư phạm

Nghiệp vụ sư phạm là khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào thực tiễn hoạt động giáo dục. Giáo viên mầm non cần nâng cao nghiệp vụ sư phạm thông qua các hình thức như:

- Tham gia các hoạt động thực hành, thực tế: Các hoạt động thực hành, thực tế giúp giáo viên rèn luyện kỹ năng sư phạm, nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục.

- Tham gia các hội thi, cuộc thi giáo viên sáng tạo: Việc tham gia các hội thi, cuộc thi giáo viên sáng tạo giúp giáo viên phát huy khả năng sáng tạo, đổi mới trong hoạt động giáo dục.

- Tiếp thu, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục: Công nghệ thông tin là công cụ hữu ích giúp giáo viên nâng cao hiệu quả hoạt động giáo dục. Giáo viên cần tiếp thu, ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả trong hoạt động giáo dục.

Một số giải pháp cụ thể để giáo viên mầm non tích cực học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ:

- Các cơ quan quản lý giáo dục cần tạo điều kiện cho giáo viên mầm non học tập, bồi dưỡng thông qua việc tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, hội thi, cuộc thi giáo viên sáng tạo, ...

- Các nhà trường cần tạo môi trường học tập, bồi dưỡng cho giáo viên mầm non thông qua việc trang bị cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tạo điều kiện cho giáo viên tham gia các hoạt động học tập, bồi dưỡng.

- Giáo viên mầm non cần có tinh thần tự học, tự bồi dưỡng, chủ động tìm tòi, học hỏi để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

e. Cha mẹ học sinh cần quan tâm, phối hợp với nhà trường trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục.

Quan tâm, ủng hộ nhà trường trong việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Tạo điều kiện cho trẻ tiếp cận với công nghệ thông tin một cách an toàn, lành mạnh.

- Cần tham gia các hoạt động phối hợp với nhà trường, như: tham gia các lớp học, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, ...

- Cần phản hồi với nhà trường về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, giúp nhà trường kịp thời điều chỉnh, bổ sung để ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả hơn.

Phối hợp với nhà trường trong việc hướng dẫn trẻ sử dụng công nghệ thông tin

- Cần tham gia các buổi hướng dẫn của nhà trường về cách sử dụng các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục.

- Cần hướng dẫn trẻ sử dụng công nghệ thông tin một cách an toàn, hiệu quả, tránh xa các nội dung xấu, độc hại.

- Cần theo dõi, giám sát việc sử dụng công nghệ thông tin của trẻ, kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề phát sinh.

Một số giải pháp cụ thể để cha mẹ trẻ quan tâm, phối hợp với nhà trường trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục:

- Tìm hiểu thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục thông qua sách báo, tài liệu, internet, ...

- Tham gia các hoạt động của nhà trường, như: họp phụ huynh, các buổi học, hội thảo về ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, ...

- Tạo môi trường sử dụng công nghệ thông tin cho trẻ tại nhà, như: trang bị thiết bị công nghệ, tạo điều kiện cho trẻ tiếp xúc với các phần mềm, ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với lứa tuổi.

- Hướng dẫn trẻ sử dụng công nghệ thông tin một cách an toàn, hiệu quả thông qua các hình thức như: giáo dục trẻ về những nội dung xấu, độc hại trên internet; giới hạn thời gian sử dụng công nghệ thông tin cho trẻ; ...

3. Kết luận

Việc ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN là xu hướng tất yếu, góp phần nâng cao chất lượng GDMN, tạo môi trường học tập sáng tạo, hấp dẫn, hiệu quả cho trẻ. Với sự nỗ lực của các cơ quan quản lý giáo dục và sự chung tay của các nhà trường, giáo viên, phụ huynh, việc ứng dụng chuyển đổi số và AI trong GDMN sẽ ngày càng được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng GDMN, tạo cơ hội phát triển toàn diện cho trẻ em.

4. Tài liệu tham khảo

Sách

1. Lê Xuân Anh (2022). *Chuyển đổi số: Chìa khóa thành công trong kỷ nguyên số của tác giả*. Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
2. Nguyễn Thành Long (2022). *Trí tuệ nhân tạo: Định hướng phát triển và ứng dụng ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật.
3. Nguyễn Thị Thuý (2022). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

Website

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Chuyển đổi số và trí tuệ nhân tạo trong giáo dục*. Website chính thức của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Đại học Quốc gia Hà Nội (2021). *Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục: Những xu hướng và thách thức*. Website chính thức của Đại học Quốc gia Hà Nội.
6. Viện Nghiên cứu Giáo dục mầm non (2022). *Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục mầm non*. Website chính thức của Viện Nghiên cứu Giáo dục mầm non.

Trực tuyến

7. Cổng thông tin chuyển đổi số quốc gia được quản lý bởi Bộ Thông tin và Truyền thông.
8. Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội là một trung tâm nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Viện Nghiên cứu Giáo dục mầm non là một viện nghiên cứu chuyên về giáo dục mầm non trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tiếng Anh

10. *World Economic Forum* là một tổ chức phi chính phủ quốc tế có trụ sở tại Geneva, Thụy Sĩ.
11. *The McKinsey Global Institute* là một trung tâm nghiên cứu của tập đoàn McKinsey & Company, có trụ sở tại New York, Hoa Kỳ.
12. *Harvard Business Review* là một tạp chí kinh doanh hàng tháng của trường kinh doanh Harvard, có trụ sở tại Boston, Hoa Kỳ.

NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN GIÁO DỤC GIÁ TRỊ SỐNG CHO TRẺ MẪU GIÁO THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG LÀM QUEN VỚI TÁC PHẨM VĂN HỌC

TS. Nguyễn Thị Bạch Dương

Khoa Giáo dục Mầm non

Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt

Bài viết này của chúng tôi nghiên cứu về nội dung các giá trị sống cơ bản, tiêu biểu như hợp tác, đoàn kết, yêu thương, trung thực, trách nhiệm thông qua hoạt động cho trẻ mẫu giáo làm quen với tác phẩm văn học. Nội dung các giá trị sống sẽ là cơ sở định hướng lựa chọn các tác phẩm phù hợp với tâm lý và đặc điểm tiếp nhận của trẻ mẫu giáo. Với mỗi nội dung giáo dục giá trị sống, giáo viên cần tạo cơ hội cho trẻ có những trải nghiệm phong phú để từ đó rút ra bài học cho bản thân.

Từ khoá: Giáo dục giá trị sống, tác phẩm văn học, trẻ mẫu giáo.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học là một trong những khuynh hướng nghiên cứu nổi bật có tính thời sự, phù hợp với thực tế giáo dục mầm non hiện nay trong thời gian gần đây. Hoạt động làm quen với tác phẩm văn học dành cho trẻ mẫu giáo nếu được thiết kế phù hợp theo định hướng hình thành các giá trị sống cơ bản như hợp tác, đoàn kết, yêu thương, trung thực, trách nhiệm sẽ tăng tính kết nối giữa trẻ với bạn bè, giáo viên và những người xung quanh; từ đó kích thích sự tò mò, hứng thú tham gia vào các hoạt động và giúp trẻ có những kỹ năng xã hội cần thiết; biết yêu thương, hợp tác, đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vai trò của tác phẩm văn học đối với giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo.

Văn học là một loại hình nghệ thuật có vai trò quan trọng đối với sự hình thành và phát triển toàn diện nhân cách con người ngay từ thuở ấu thơ. Lây ngôn ngữ làm chất liệu, hình tượng văn học tác động vào tình cảm, trí tuệ; gọi lên tưởng tượng trong tâm trí của bạn đọc nhỏ tuổi. Do đó, văn học góp phần bồi dưỡng tâm hồn, nâng cao năng lực cảm thụ cái đẹp, mở rộng thực tế cũng như nhận thức về thế giới xung quanh và phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Do trẻ chưa phải là bạn đọc đích thực mà phụ thuộc vào sự tiếp thụ của người lớn và mới chỉ ở mức độ “làm quen” với tác phẩm vì vậy giáo viên cần đọc, kể lại tác phẩm một cách biểu cảm, nghệ thuật để tác động đến cảm xúc và nhận thức của trẻ.

Một trong những chức năng cơ bản của văn học là chức năng giáo dục. Mỗi tác phẩm văn học cần mang đến cho trẻ ý nghĩa giáo dục nhẹ nhàng như ca ngợi cái tốt, cái đẹp; phê phán cái xấu... Thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, việc nghe đọc, kể diễn cảm và với sự dẫn dắt của cô giáo, những ấn tượng nghệ thuật mà trẻ tiếp nhận được sẽ hình thành những phẩm chất đạo đức tốt cho trẻ.

2.2. Đặc điểm tâm lí của trẻ mẫu giáo liên quan đến việc lĩnh hội các giá trị sống

Một trong những đặc điểm tâm lí nổi trội của trẻ mẫu giáo lớn về phát triển trí nhớ là trẻ có năng lực ghi nhớ tốt, đặc biệt là ghi nhớ các sự kiện, những trải nghiệm, ấn tượng và từ ngữ có liên quan. Trẻ ghi nhớ tốt nhất những điều mà trẻ thích thú và bị gây ấn tượng mạnh. Những đặc điểm này cần được giáo viên và phụ huynh hiểu rõ để tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp dành cho trẻ.

Về đặc điểm phát triển cảm xúc, tình cảm đến giai đoạn này đã ổn định, ngôn ngữ nói của trẻ đã thể hiện sự phát triển của cảm xúc và tình cảm, gắn liền với sự phát triển về nhận thức. Ở lứa tuổi này, tình cảm trí tuệ và tình cảm thẩm mỹ đã phát triển nên mỗi nhận thức đều kích thích niềm vui và sự hứng thú, say mê của trẻ [5].

Có thể nói những đặc điểm tâm lý của trẻ mẫu giáo là cơ sở quan trọng để xây dựng và tổ chức các hoạt động giáo dục các giá trị sống cho trẻ. Thông qua những trải nghiệm phong phú của trẻ trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học, tình cảm thẩm mỹ, tình cảm đạo đức và tình cảm trí tuệ của trẻ mẫu giáo lớn phát triển thuận lợi. Đây là một tiền đề quan trọng chuẩn bị cho hoạt động học tập của trẻ ở trường tiểu học.

2.3. Đặc điểm các tác phẩm văn học phù hợp với nội dung giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo

“Giá trị sống được hình thành nhờ quá trình trải nghiệm và nhận thức của mỗi cá nhân về quan niệm cái thiện, cái ác, những quy tắc, những chuẩn mực trong quan hệ xã hội... qua đó, điều chỉnh sự lựa chọn và hành vi của mỗi người” [6]

Ở tuổi mẫu giáo, trẻ có nhiều trải nghiệm về cuộc sống cho nên tác phẩm văn học phù hợp với nội dung giáo dục giá trị sống trong cần phải phù hợp với độ tuổi và sở thích của trẻ. Đồng thời tác phẩm cũng cần có văn phong hấp dẫn và có giá trị giáo dục. Đặc biệt, nội dung các tác phẩm dành cho trẻ cần đa dạng, phong phú nhằm phản ánh sâu sắc các mối quan hệ xã hội.

Đối với thể loại truyện, tác phẩm thơ phù hợp với trẻ ở độ tuổi mẫu giáo cần có những chi tiết hư cấu, li kì, hấp dẫn trẻ. Ví dụ: *Cây tre trăm đốt, nàng tiên cá* v.v. Trẻ thích thú với các tác phẩm gần gũi với cuộc sống hàng ngày, gắn với những sinh hoạt, người, sự vật, con vật gần gũi, quen thuộc hay những tác phẩm có yếu tố hài hước, vui nhộn.

2.4. Phân tích thực trạng giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

Trẻ em hiện nay đã có thể sớm thông thạo nhiều kỹ năng hơn các bậc cha mẹ chúng trước kia nhưng trẻ lại thường cảm thấy khó khăn hoặc rất ít cơ hội để chúng bày tỏ tình cảm với ông bà và bố mẹ; chúng thờ ơ và vô tâm trước những tình huống lễ ra có thể giúp đỡ hoặc chia sẻ với những người thân xung quanh như nhật giúp bà cái kính bị rơi, lau dọn bàn ăn sau khi dùng bữa sáng, dành thời gian chơi với em hoặc cầm giúp anh chị một món đồ ...

Khi đối mặt với những tình huống đưa trẻ trở nên bướng bỉnh, không nghe lời thì cách xử lý nào được coi là phù hợp và đem lại hiệu quả? Thực tế cho thấy, những lời phê bình hay các hình phạt thường không đem lại điều mà chúng ta mong muốn mà càng khiến những đứa trẻ trở nên khó nghe lời và bướng bỉnh hơn.

Vấn đề được đặt ra là phải chăng chúng ta đã và đang trang bị cho trẻ nhiều kiến thức và kỹ năng nhưng lại quên mất những giá trị cốt lõi đơn giản để chúng trở nên có trách nhiệm, biết yêu thương những người xung quanh và chính bản thân chúng.

Thực trạng này cho thấy vấn đề giáo dục các giá trị sống căn bản cho trẻ như hợp tác, đoàn kết, yêu thương, trung thực, trách nhiệm thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học là thực sự cần thiết và cần được thiết kế phù hợp với đặc điểm tâm lý và đặc điểm tiếp nhận của trẻ mẫu giáo. Giáo dục các giá trị sống thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học giúp phụ huynh, giáo viên và các nhà giáo dục có được cách tiếp cận linh hoạt, tự nhiên và hiệu quả trong hành trình cùng trẻ khôn lớn.

2.5. Nội dung giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học

2.5.1. Nội dung giáo dục giá trị sống hợp tác

Khi có yêu thương thì sẽ có sự hợp tác. Hợp tác được hiểu là khi mọi người biết làm việc chung với nhau, cùng hướng về một mục tiêu chung. Hợp tác phải được sự chỉ đạo của nguyên tắc về sự tôn trọng lẫn nhau, quan tâm và sẻ chia với nhau.

Chiếc ấm sành nở hoa làm một tác phẩm truyện thể hiện rõ giá trị sống hợp tác. Ấm sành sứ quai tương rỗng đã trở nên vô dụng nhưng khi là nơi trú rét cho đôi bướm, nơi để cô bé trồng hoa, Ấm sành đã trở thành một vật hữu ích mang lại niềm vui cho mọi người xung quanh. Nhờ tinh thần hợp tác, Ấm sành không chỉ đem lại niềm vui cho mọi người mà còn cho chính bản thân mình. Hợp tác khiến cho mỗi cá nhân có thể phát huy được giá trị riêng và làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn. Đây chính là bài học mà trẻ học được từ câu chuyện của Ấm sành.

Thỏ Burine cũng làm một tác phẩm quen thuộc và hấp dẫn dành cho trẻ mẫu giáo được đưa vào hoạt động làm quen với tác phẩm văn học ở nhiều trường mầm non.

Trong câu chuyện, Thỏ Burine đã được Ong vàng bay tới giúp đỡ kịp thời. Hai bạn từ đó trở thành bạn tốt của nhau. Câu chuyện có nhiều tình tiết hấp dẫn với các bạn nhỏ.

Ngoài ra, giáo dục về giá trị hợp tác trong một số tác phẩm dành cho trẻ mẫu giáo còn được lồng ghép trong những tình huống gần gũi với trẻ giúp người khác cùng giải quyết vấn đề, vâng lời người chịu trách nhiệm chăm sóc trẻ... Hợp tác là một trong những giá trị sống căn bản để từ đó hình thành các kỹ năng xã hội cần thiết cho trẻ.

2.5.2. Nội dung giáo dục giá trị sống đoàn kết

Đoàn kết là một giá trị được các nhà giáo dục đề cập đến từ rất sớm trong việc xây dựng các giá trị sống cơ bản trong các hoạt động ở trường dành cho trẻ em nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng.

Việc sử dụng các tác phẩm văn học phù hợp với lứa tuổi của trẻ mẫu giáo như bài thơ “Bạn mới đến trường” (Trẻ 3-4 tuổi); Tình bạn (5-6 tuổi)... hướng đến giáo dục về giá trị đoàn kết khi lồng ghép trong các hoạt động làm quen với tác phẩm trở nên tự nhiên và gần gũi.

Trong tác phẩm truyện *Anh em nhà Thỏ*, câu hỏi được giáo viên đặt ra giúp trẻ cảm nhận và hiểu nội dung tác phẩm là: Khi mẹ đi vắng, hai anh em Thỏ biết làm gì giúp mẹ? Thỏ em biết để phần mẹ cái gì? Khi mẹ về, hai anh em Thỏ biết mời mẹ cái gì? Ở nhà các con biết giúp em những việc gì?... Kết hợp với giọng đọc truyền cảm, ánh mắt cử chỉ điệu bộ phù hợp của giáo viên với nhân vật và nội dung của tác phẩm sẽ mang lại ấn tượng sâu sắc đối với trẻ.

2.5.3. Nội dung giáo dục giá trị sống yêu thương

Yêu thương là “quan tâm đến người khác và làm những điều tốt nhất cho họ (Love means i care for others and do what is best for them) [2]. Những biểu hiện về giá trị sống yêu thương là:

+ Dành thời gian và quan tâm đến những người cần mình. Chẳng hạn khi thấy em bị ngã thì mình cần dừng việc đang làm (đang chơi, đang học...) đến xem và giúp đỡ em. Ví dụ: Khi Tessa không có người bạn nào để chơi cùng. Tình yêu thương trong mình sẽ lên tiếng: “Không sao đâu em gái, anh em mình sẽ cùng chơi nhé! Em thích chơi xích đu mà. Mình chơi xích đu một chút xíu nhé. Hoặc khi thấy bà buồn bã, mình sẽ nói: “Cháu ngồi chơi với bà được không? Bởi vì bà là người cháu thích ở bên cạnh nhất” [2].

+ Thể hiện lòng biết ơn đối với những người yêu thương và quan tâm đến mình như khi thấy mẹ đang buồn thì sẽ dành một cái ôm bất ngờ và nói rằng con thật vui khi mẹ là mẹ của con.

+ Ở cùng những người cần mình (giúp đỡ người khác giải quyết vấn đề). Ví dụ, khi thấy em bé không thể với tới chiếc bàn chải đánh răng của em thì mình ngừng

đánh răng và lấy bàn chải giúp em. Mình có cũng thể nặn kem cho em. Nếu thấy em không hoà nhập được, mình sẽ dành chút thời gian đến chơi cùng em, hoặc tìm cách để em có thể chơi cùng.

Ngoài ra, yêu thương không đồng nghĩa sự nuông chiều mà còn là sự nghiêm khắc cần thiết. Ví dụ: Mình sẽ cho em Tia một cái kẹo chanh nào dù em ấy thực sự rất, rất muốn ăn vì kẹo chanh không tốt cho em bé. “Nó có thể khiến em bị nghẹn Tia ạ!

Yêu thương còn có nghĩa là sẻ chia và thấu hiểu. Cho người khác thêm một cơ hội vì bản thân mình đôi khi cũng mắc sai lầm. Ví dụ: Khi em Asa lỡ làm đổ bát ngũ cốc của mình, mình sẽ bảo rằng; “Không sao đâu, thỉnh thoảng anh cũng làm đổ đồ như thế”.

Bài học giáo dục về lòng yêu thương đối với trẻ đôi khi chỉ đơn giản là trẻ cần biết nói lời cảm ơn trong những tình huống như khi được nhận quà (ngay cả khi không thích món quà ấy), được người lớn nấu cho những món ăn ngon, được mời đến dự sinh nhật... Người biết yêu thương luôn nhớ nói với người yêu thương mình rằng “Con cảm ơn ba mẹ và ông bà đã nuôi dạy con” [2].

Những tác phẩm tiêu biểu phù hợp với hoạt động làm quen với tác phẩm văn học để giáo dục về giá trị của yêu thương đối với trẻ mẫu giáo như truyện: *Nòng nọc con tìm mẹ*, *Bài học đầu tiên của Gấu*, *Chiếc áo sành nở hoa*, *Chú vịt xám*, *Anh em nhà hổ hoặc bìa thơ Lời chào*, *Mèo đi câu cá*, *Ngôi nhà của em*, *Em yêu nhà em ...*

2.5.4. Nội dung giáo dục giá trị sống trung thực

Qua những tình huống cụ thể như trong truyện, trẻ sẽ hiểu trung thực là: không che giấu sự thật; luôn luôn nói thật; cho người khác biết cảm giác của mình một cách lịch sự; không giữ bí mật nếu người khác thật sự cần được biết đến.

Ví dụ: Khi mẹ hỏi liệu mình có lỡ ăn mất chiếc bánh của ba không? Cần phải trả lời: Vâng, con đã ăn ạ! (vì quả thực mình đã lỡ ăn); Khi em Sophia làm đổ bình hoa và mẹ hỏi “Ai đã làm đổ bình hoa?” thì mình phải trả lời: “Em Sophia làm đổ đấy ạ!”. Trung thực nghĩa là mình thật sự rất thèm bánh quy, mình vẫn phải hỏi xin mẹ trước: “Mẹ ơi! Con ăn bánh quy được không? Nếu lỡ quên đánh răng và mẹ hỏi mình thì mình sẽ nói sự thật với mẹ”.

Trung thực còn được hiểu là trung thực đối với chính bản thân mình. Chẳng hạn, nếu có một ngày thật tệ ở trường thì mình không cần phải giả vờ như mọi việc đều ổn.

2.5.5. Nội dung giáo dục giá trị sống trách nhiệm

Trách nhiệm nghĩa là mình làm những việc cần được làm [1]. Những việc cần làm để thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với trẻ là những việc làm vừa sức, phù hợp với trẻ được cuốn sách này gợi ý như sau:

+ Đề ý xem ai đó cần mình, mình sẽ đến giúp đỡ (nhặt kính giúp ông, lau ghế cho em, xách đồ giúp mẹ, gọi bố khi thấy anh bị ngã và đau chân, nhặt giúp em bình nước ...

+ Chú ý những việc cần làm và hoàn tất nó (bỏ quần áo vào sọt đựng đồ trước khi được người lớn yêu cầu). Tự coi sóc đồ đạc của chính mình. Phụ làm việc nhà...

Denis Waitley từng nói: “Món quà vĩ đại nhất mà bạn có thể trao cho con của mình là “cội rễ - trách nhiệm” và đôi cánh độc lập”. Giáo dục giá trị sống trách nhiệm cần được hình thành cho trẻ ngay từ nhỏ qua những bài học đơn giản, qua những tình huống quen thuộc trong đời sống ở một số tác phẩm như *Thương Ông, quạt cho bà ngủ, Làm anh ...*

Thực tế, giáo viên cần linh hoạt để thông qua mỗi câu chuyện, mỗi tình huống tích hợp nhiều giá trị sống, trẻ cần có những trải nghiệm phong phú để từ đó tự rút ra bài học cho bản thân. Chẳng hạn trong tình huống khi bố mẹ hứa chơi cùng trẻ nhưng nếu đi làm về bố mẹ lại quá bận hoặc mệt, trẻ cần hiểu là bố mẹ có thể chơi cùng chúng vào một thời điểm khác thích hợp hơn. Một đứa trẻ hiểu chuyện sẽ biết chờ đợi cho đến thời điểm thích hợp để những lời hứa được thực hiện.

Như vậy, có thể thấy nội dung giáo dục giá trị sống thông qua các hoạt động làm quen với tác phẩm văn học đã trở nên phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi và đặc điểm tiếp nhận của trẻ ở lứa tuổi mẫu giáo. Nhiều khái niệm, bài học nguyên tắc trong cuộc sống khi được lồng ghép trong hoạt động làm quen với tác phẩm văn học đã trở nên sinh động và hấp dẫn trẻ mẫu giáo hơn. Thông qua các tình huống cụ thể, qua các tấm gương xung quanh trẻ, những bài học giáo dục về các giá trị hợp tác, đoàn kết, yêu thương, trung thực, trách nhiệm trở nên tự nhiên, đơn giản, gần gũi với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

3. Kết luận

Trong bối cảnh giáo dục có nhiều sự thay đổi nhằm thích ứng với điều kiện thực tế như hiện nay, giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo càng cho thấy tầm quan trọng. Để quá trình tổ chức giáo dục giá trị sống cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học đạt hiệu quả cần phải có sự phối hợp giữa Nhà trường, phụ huynh, giáo viên và cộng đồng xã hội.

Triết lí “Giáo dục không phải là sự chuẩn bị cho cấp học tiếp theo mà là để chuẩn bị cho trẻ trước đời sống thực tế khi trưởng thành” được chia sẻ trong hội thảo “Trường học hạnh phúc – con đường chúng ta đi” của VTV7 gần đây đã cho thấy tầm

quan trọng của giáo dục giá trị sống trong nhà trường. Bởi “Chỉ có những phẩm chất, đức hạnh mới mang lại hạnh phúc cho con trẻ, chứ không phải là tiền bạc” (Ludwig van Beethoven). Điều đó trước tiên cần được thực hiện trong bậc học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân đó là bậc học mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2009), *Chương trình Giáo dục Mầm non* - NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2]. Dolphinpress (Nguyễn Thị Thanh Thảo dịch) (2020), *Tập truyện Bé học lễ giáo (The virtues Series)*, Nxb Văn hoá – văn nghệ, Tp Hồ Chí Minh.
- [3]. Hoàng Thị Lan (2017), *Biện pháp giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo thông qua hoạt động kể chuyện và đóng kịch*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt kì 1 tháng 8/2017.
- [4]. Lã Thị Bắc Lý (2008), *Văn học thiếu nhi và giáo dục đạo đức cho trẻ em lứa tuổi mầm non*, NXB ĐHSP Hà Nội.
- [5]. Nguyễn Thị Thành (2019), *Phát triển tính sáng tạo cho trẻ mầm non thông qua hoạt động làm quen với tác phẩm văn học*, Đề tài KHCN Cấp Bộ
- [6]. Phan Thị Thành (2020), *Tích hợp giá trị sống trong giảng dạy*, Tạp chí Giáo dục số 477.

KINH NGHIỆM GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỬ DỤNG CÔNG NGHỆ CHO TRẺ MẦM NON TRÊN THẾ GIỚI VÀ GỢI Ý NỘI DUNG GIÁO DỤC CÔNG NGHỆ Ở TRƯỜNG MẦM NON

ThS. Phương Thị Xuyên

ThS. Lương Thị Kim Oanh

ThS. Vũ Thị Kiều Trang

Trường Mầm non Thực nghiệm Hoa
Hồng, Trường Cao đẳng Sư phạm
Trung ương

Tóm tắt: Bài viết tập trung chia sẻ kinh nghiệm giáo dục trẻ sử dụng công nghệ và đề xuất cách tích hợp công nghệ trong trường mầm non. Tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của việc giới thiệu công nghệ cho trẻ sớm thông qua hoạt động khám phá và sử dụng chúng trong cuộc sống hàng ngày. Bài viết đề cập đến nghiên cứu về giáo dục công nghệ cho trẻ, tập trung vào khuyến khích sáng tạo và kỹ năng giải quyết vấn đề. Tuy nhiên, tác giả cũng nhắc đến thách thức cho giáo viên, bao gồm tài nguyên hạn chế và sự tự tin của giáo viên. Cuối cùng, bài viết nhấn mạnh vai trò quan trọng của công nghệ trong giáo dục và cung cấp hướng dẫn cụ thể về tích hợp công nghệ vào chương trình giáo dục mầm non, dựa trên các ví dụ thành công từ nhiều quốc gia. Bài viết cung cấp thông tin chi tiết về giáo dục công nghệ, bài viết có thể là tài liệu tham khảo hữu ích cho giáo viên và nhà trường quan tâm đến giáo dục công nghệ cho trẻ.

Từ khóa: Giáo dục Công nghệ, giáo dục tích hợp, trẻ mầm non.

1. Đặt vấn đề

Công nghệ đã trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của trẻ em trên toàn thế giới. Trẻ em ở các nước phát triển tiếp xúc với công nghệ từ khi còn rất nhỏ, và việc giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ từ mầm non là cách để trẻ thích ứng với thế giới hiện đại.

Các nghiên cứu và kinh nghiệm của các nhà nghiên cứu trên toàn thế giới đã chỉ ra rằng giáo dục công nghệ sớm cho trẻ mầm non có lợi ích đáng kể cho sự phát triển của trẻ, bao gồm khám phá, sáng tạo, và tư duy logic. Tuy nhiên, hiện vẫn còn nhiều thách thức như nguồn lực và thời gian giáo viên, khả năng tự tin của họ trong việc sử dụng công nghệ, và nhu cầu về đào tạo chuyên môn.

Qua bài viết này, nhóm tác giả sẽ đưa những xu hướng quan trọng về giáo dục mầm non và công nghệ từ các quốc gia hàng đầu trên thế giới, đồng thời cung cấp gợi ý cụ thể về việc tích hợp công nghệ vào các hoạt động giáo dục tại các trường mầm non. Hy vọng rằng thông tin trong bài viết này sẽ hữu ích cho những người làm việc trong lĩnh vực giáo dục mầm non và có thể thúc đẩy sự phát triển và cải thiện chất

lượng giáo dục cho trẻ em lứa tuổi mầm non đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục công nghệ cho trẻ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ cho trẻ mầm non

Công nghệ được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau:

Công nghệ (tiếng Anh: *technology*) là sự phát minh, sự thay đổi, việc sử dụng, và kiến thức về các công cụ, máy móc, kỹ thuật, kỹ năng nghề nghiệp, hệ thống, và phương pháp tổ chức, nhằm giải quyết một vấn đề, cải tiến một giải pháp đã tồn tại, đạt một mục đích, hay thực hiện một chức năng cụ thể đòi hỏi hàm lượng chất xám cao (Campbell và cộng sự, 2018). Công nghệ ảnh hưởng đáng kể lên khả năng kiểm soát và thích nghi của con người cũng như của những động vật khác vào môi trường tự nhiên của mình. Nói một cách đơn giản, công nghệ là sự ứng dụng những phát minh khoa học vào những mục tiêu hoặc sản phẩm thực tiễn và cụ thể phục vụ đời sống con người, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp hoặc thương mại. Thuật ngữ công nghệ có thể được dùng theo nghĩa chung hay cho những lĩnh vực cụ thể, ví dụ như "Công nghệ xây dựng", "Công nghệ thông tin".

Công nghệ là tổng thể các công cụ, thiết bị, quá trình áp dụng trong suốt quá trình tạo ra sản phẩm (Murphy và cộng sự, 2019). Trong cuộc sống, công nghệ được thể hiện trong những thứ đơn giản nhất như vật dụng hàng ngày chúng ta sử dụng (Bút, thước kẻ, dập ghim...) đến những hệ thống sử dụng phức tạp như mạng internet, mạng lưới điện... cách sử dụng các vật dụng (Dao, kéo, búa...). Trong giáo dục công nghệ chú ý đến việc sử dụng các dụng cụ để phát triển các kỹ năng vận động tinh, óc sáng chế, cách làm cho mọi thứ hoạt động.

Giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ cho trẻ mầm non được hiểu là tổ chức các hoạt động giáo dục giúp trẻ mầm non hình thành các biểu tượng ban đầu về thế giới công nghệ gần gũi và sử dụng chúng an toàn dưới sự hướng dẫn của người lớn.

2.2. Kinh nghiệm sử dụng công nghệ trong giáo dục mầm non

Công nghệ đóng một vai trò quan trọng trong việc khám phá khoa học thông qua chụp ảnh, ghi âm và nghe âm thanh của côn trùng và động vật cũng như các trò chơi ảo trên các trang web và trò chơi mang tính giáo dục (Sakr, 2020). Ngay từ khi sinh ra, trẻ em ở các nước phát triển như Đức đã được tiếp xúc với tất cả các loại công nghệ như điện thoại di động, xe có bánh xe hoặc thiết bị gia dụng như máy hút bụi và máy cắt cỏ. Tuy nhiên, chức năng và cơ chế hoạt động của các đối tượng kỹ thuật vẫn còn hạn chế đối với trẻ. Giáo dục công nghệ cho trẻ mầm non là việc tạo cho trẻ cơ hội tháo dỡ các đồ vật kỹ thuật và khám phá cách chúng làm việc.

Một trong những nhà nghiên cứu đầu tiên nghiên cứu về giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ của trẻ mầm non là Marilyn Fleer (2000) vào đầu thế kỷ XXI. Bà quan sát trẻ nhỏ trong các hoạt động hàng ngày của trẻ, đánh giá khi trẻ tham gia giáo

dục công nghệ. Bà đặc biệt nhận ra khả năng thiết kế của những đứa trẻ này và sau đó sử dụng thiết kế của chúng để chế tạo. Hơn nữa, nhận thấy sự cần thiết của các nghiên cứu sâu hơn nữa về cách thức trẻ sử dụng công nghệ trong thế giới ngày nay.

Năm 2016, Sundqvist đã sử dụng phương pháp phỏng vấn giáo viên trường mầm non Thụy Điển (trường mầm non bao gồm trẻ 5 và 6 tuổi). Bà đã đề xuất nội dung giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ cho trẻ 5-6 tuổi bao gồm: i) Học cách xử lý các đồ tạo tác: Trẻ làm những công việc gì và cách sử dụng chúng một cách an toàn; ii) Tìm hiểu các lĩnh vực ứng dụng và tính đầy đủ của các đồ tạo tác; iii) Tìm hiểu mục đích của các đồ tạo tác: đồ tạo tác hoạt động như thế nào, điều gì khiến chúng hoạt động như đồ chơi đồng hồ và đồ dùng sử dụng năng lượng mặt trời; iv) Tháo rời các đồ vật, thử nghiệm đồ chơi chạy bằng pin mặt trời. Tất cả những điều đó ngay cả đứa trẻ nhỏ cũng có hiểu biết ở một mức độ nào đó.

Trong các trường mầm non ở Anh quốc, các đồ tạo tác như kéo, điện thoại, lược và thìa là một phần quan trọng trong hướng dẫn cũng như tìm hiểu vai trò của các vật dụng hàng ngày. Nội dung thứ hai về giáo dục công nghệ là giúp phát triển sáng tạo, chẳng hạn như tìm hiểu về vật liệu xây dựng, sáng tạo và giải quyết vấn đề bằng cách xây dựng một thứ gì đó cũng như học về cách tái chế. Thứ ba, trẻ dần dần học cách sử dụng để đạt được hiệu quả mong muốn từ việc đẩy đồ vật để chạy, leo trèo và nhảy.

Đạy học STEM là một khuynh hướng về giáo dục công nghệ tích hợp trong các lĩnh vực khác. STEM là một phương pháp tiếp cận sáng tạo và liên ngành nhằm học cực kỳ hiệu quả với những người học sớm nhất khi vui chơi, vì bối cảnh cho phép trẻ làm và hiểu ý nghĩa của các hoạt động học tập. Thông qua khoa học, trẻ em tìm hiểu về thế giới xung quanh và hiểu biết về cách thức hoạt động của thế giới thông qua việc khám phá, thu thập thông tin (dữ liệu), tìm kiếm các mối quan hệ và mô hình, đồng thời sử dụng bằng chứng họ thu thập được để tạo ra những lời giải thích và ý tưởng. Công nghệ mang lại cơ hội sử dụng các công cụ, chẳng hạn như kính lúp để kiểm tra chính xác màu sắc của cơ thể sâu bướm cũng như sử dụng các công cụ kỹ thuật số như máy tính bảng hoặc máy tính. Quy trình kỹ thuật giúp thiết kế các công cụ, hệ thống và cấu trúc để giải quyết vấn đề. Thông qua toán học, trẻ nghiên cứu về số lượng, cấu trúc, không gian và hình dạng.

Tuy nhiên, nguồn lực và thời gian để các nhà giáo dục tham gia học tập chuyên môn là rất ít, khiến giáo dục khoa học và công nghệ trong giáo dục mầm non trở thành một nhiệm vụ đầy thách thức đối với các nhà giáo dục (Campbell và cộng sự, 2018).

Nghiên cứu chỉ ra sự hiểu biết về khái niệm và sự tự tin của giáo viên mầm non trong khoa học thường bị hạn chế và điều này được cho là tương tự ở Úc. Giáo viên không có đủ tài liệu để phát triển một chương trình đầy đủ về khoa học và công nghệ.

Nhiều nhà giáo dục thiếu tự tin khi giải quyết các lĩnh vực khoa học, STEM hoặc kỹ thuật (Murphy và cộng sự, 2019).

Việc phát triển sự hiểu biết và sử dụng công nghệ của trẻ nhỏ thường được coi là một phần của giáo dục STEM và có quan điểm rộng rãi rằng việc tiếp cận các công nghệ, bao gồm đồ chơi lập trình và điều khiển từ xa, sẽ có lợi cho học sớm. Mới đây khám phá việc sử dụng công nghệ của trẻ mẫu giáo đã báo cáo rằng “Trẻ em đang sử dụng nó theo những cách mở và mang tính khám phá để hỗ trợ cho phương pháp sư phạm” (Judy Radich, 2013).

Robot Bee-Bot được sử dụng trong giáo dục mầm non. Nhu cầu về giáo viên là “thang đỡ” càng rõ ràng hơn khi tổ chức thông qua chơi có hướng dẫn, hiệu quả hơn so với chơi tự do. Robot được nhắc đến như một về những công nghệ được dùng trong giảng dạy ở trẻ mẫu giáo, việc đưa Robot có thể lập trình vào như một phần của chương trình giáo dục của trẻ nhỏ trong việc giới thiệu và khám phá STEAM (DS Weisberg, 2018).

Với công nghệ như Bee-Bot, có bằng chứng cho thấy nếu trẻ em sử dụng nó như của riêng mình, trẻ có thể không học cách sử dụng nó tốt và việc sử dụng công nghệ cùng với những trẻ đồng trang lứa hoặc người lớn có kinh nghiệm hơn sẽ dẫn đến việc học tập được cải thiện kết quả tốt hơn (McCarrick, 2007).

Nghiên cứu cho thấy giáo viên mầm non tự tin vào khả năng xây dựng mục tiêu giảng dạy Toán và khoa học nhưng không tự tin khi xác định mục tiêu Công nghệ và kỹ thuật. Nội dung chương trình giảng dạy tập trung chủ yếu vào hai mục tiêu về công nghệ: mang đến cho trẻ cơ hội “Phát triển khả năng nhận biết công nghệ trong cuộc sống hàng ngày và khám phá”. Công nghệ đơn giản được hoạt động như thế nào?; phát triển “Khả năng xây dựng, sáng tạo” của trẻ và thiết kế bằng cách sử dụng các kỹ thuật, vật liệu và công cụ khác nhau” (Cơ quan Quốc gia cho Giáo dục, 2016).

Ở Việt Nam, có một số nghiên cứu về sử dụng công nghệ trong GDMN: Như nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Hà Lan: chỉ ra do những điều kiện khách quan như cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục và thời gian eo hẹp, đặc biệt do trình độ và KN về CNTT của GVMN ở một số địa bàn miền núi còn hạn chế, dẫn đến khả năng và hiệu quả ứng dụng chưa cao. Tác giả Trần Thị Minh Tâm cho rằng: kỹ năng này của giáo viên mầm non vẫn còn một số hạn chế nhất định. Bên cạnh đó, các chương trình bồi dưỡng về ứng dụng công nghệ thông tin còn tập trung vào mục đích quản lý lớp học, lập kế hoạch giáo dục... chưa chuyên sâu vào ứng dụng công nghệ thông tin để thiết kế và triển khai các hoạt động giáo dục cho trẻ. Do đó, giáo viên mầm non vẫn có nhu cầu được bồi dưỡng thêm về nội dung này. Bài viết trình bày các biện pháp bồi dưỡng

kỹ năng này cho giáo viên mầm non nhằm đảm bảo khắc phục hạn chế trong thực tiễn cũng như tạo điều kiện để giáo viên có thể tự học ở mọi lúc, mọi nơi.

Những nghiên cứu này chỉ ra được sự cần thiết ứng dụng CNTT cho giáo viên mầm non chứ nội dung giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ cho trẻ còn chưa được đề cập trong các nghiên cứu này.

Những năm gần đây, chính phủ các nước, Mỹ, Anh, Úc, Thụy Điển, Singapore đều thể hiện sự quan tâm đến công nghệ trong giáo dục nói chung và giáo dục mầm non nói riêng và phát triển các chính sách, chiến lược mới về công nghệ nhằm giúp các nhà giáo dục và trẻ em đối mặt với những thách thức thông qua việc trao quyền cho người học bằng cách trang bị những kỹ năng cần thiết để có thể tham gia tích cực và có trách nhiệm vào bối cảnh công nghệ:

Tại Mỹ, Hiệp hội giáo dục quốc gia cung cấp các thông tin về chính sách, trợ giúp kỹ thuật, đào tạo bồi dưỡng, tổ chức nhiều chương trình thu hút sự tham gia của các cơ quan giáo dục cấp bang, các nhà hoạch định chính sách nhằm xây dựng môi trường giáo dục phù hợp nhất cho trẻ. Quy định của các bang và tuyên bố của Hiệp hội Quốc gia về Giáo dục mầm non chỉ rõ vị trí của công nghệ và phương tiện kỹ thuật số trong giáo dục trẻ em từ 0 – 8 tuổi. Trong đó, công nghệ và phương tiện tương tác là công cụ có thể thúc đẩy quá trình học tập và phát triển hiệu quả khi trẻ được các nhà giáo dục mầm non sử dụng có chủ đích để hỗ trợ các mục tiêu học tập. Đưa ra các quy tắc sử dụng công nghệ trong cơ sở giáo dục mầm non gồm: (1) Quyền tham gia vào sử dụng công nghệ của trẻ để tương tác trong các bối cảnh khác nhau. (2) Không sử dụng công nghệ và phương tiện để gây tổn hại đến tình cảm, thể chất hoặc gây nguy hiểm cho trẻ và gia đình trẻ. (3) Vui chơi công nghệ là trung tâm cho sự phát triển và học tập của trẻ. song không thể thay thế khám phá cuộc sống thực, hoạt động thể chất, trải nghiệm ngoài trời của trẻ; (4) Việc sử dụng công nghệ tùy thuộc vào độ tuổi, trình độ phát triển, nhu cầu, sở thích, nền tảng ngôn ngữ và khả năng của từng trẻ; tăng cường tương tác, trao quyền cho trẻ quyền kiểm soát; đưa ra hướng dẫn thích ứng để trẻ dễ dàng hoàn thành nhiệm vụ.

Tại Singapore, Luật Trung tâm chăm sóc trẻ thơ (2017), tiêu chuẩn GDMN quốc gia và hướng dẫn triển khai các nội dung giáo dục luôn chú trọng phát triển toàn diện cho trẻ thông qua việc trẻ khám phá thế giới; công nghệ được xem là một trong những đối tượng khám phá của trẻ. Ở hầu hết các trường mầm non Singapore đều ra tăng ứng dụng, đón đầu công nghệ với những ứng dụng tiên bộ để nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục mầm non.

Tại Thụy Điển, từ năm 2018, giáo dục mẫu giáo và tiểu học lần đầu tiên bổ sung thuật ngữ liên quan đến công nghệ. Trong Chương trình giáo dục mầm non của

Thụy Điển đã nêu quan điểm: Giáo viên mầm non cần đảm bảo rằng mọi trẻ em đều có cơ hội sử dụng các phương tiện kỹ thuật số theo cách kích thích sự phát triển và học hỏi. Theo đó, nền giáo dục nên cho trẻ em cơ hội để phát triển các kỹ năng kỹ thuật số đầy đủ, bằng cách cho phép trẻ phát triển sự hiểu biết về số hóa mà chúng gặp phải trong cuộc sống hàng ngày. Việc giảng dạy cần giúp học sinh phát triển kiến thức về lịch sử phát triển của công nghệ để trẻ hiểu rõ hơn về các hiện tượng và bối cảnh công nghệ phức tạp cũng như tác động của công nghệ đến sự phát triển của xã hội ngày nay.

Tại Úc, công nghệ được đặt ra gắn với hoạt động lập kế hoạch, phân tích, đánh giá lựa chọn công nghệ phù hợp với sự phát triển trong giáo dục mầm non. Trong bảng chú giải thuật ngữ (trong chương trình) của Úc “công nghệ không chỉ gồm các loại máy tính và công nghệ số được sử dụng trong thông tin, truyền thông và giải trí. Công nghệ là nhiều loại sản phẩm đa dạng tạo nên thế giới được thiết kế. Các sản phẩm này còn ra ngoài phạm vi các đồ tạo tác được thiết kế và phát triển bởi con người bao gồm các quy trình, hệ thống, dịch vụ và môi trường”. Theo đó, áp dụng các chiến lược giảng dạy công nghệ thúc đẩy phát triển khả năng đọc viết và tính toán bằng công nghệ của trẻ. Tích hợp và hiểu công nghệ là cách làm hiệu quả trong STEM ở lứa tuổi mầm non. Tối đa hóa việc sử dụng công nghệ trong môi trường mầm non là điều quan trọng trong thế giới kỹ thuật số và trực tuyến ngày càng phát triển.

2.3. Gợi ý nội dung giáo dục công nghệ ở trường mầm non

Gợi ý về nội dung giáo dục công nghệ cho trẻ mầm non, nội dung giáo dục công nghệ cho trẻ mầm non đòi hỏi một sự tiếp cận đa dạng, giúp trẻ làm quen với các thiết bị công nghệ và hiểu về chúng. Trường Mầm non Thực nghiệm Hoa Hồng đề xuất một số nội dung giáo dục công nghệ bao gồm:

(1) *Sử dụng một số thiết bị công nghệ*: Trẻ mầm non nên được giới thiệu với các thiết bị công nghệ phổ biến và nhận biết tên gọi cũng như đặc điểm nổi bật.



Hình ảnh 2.1. Giáo viên cho trẻ khám phá công dụng của máy ép



Hình ảnh 2.2. Trẻ khám phá công dụng của đôi quang gánh

(2) *Thực hiện các thao tác cơ bản:* Dưới sự hướng dẫn của người lớn, trẻ mầm non nên được khuyến khích thực hiện các thao tác cơ bản với các thiết bị công nghệ, ví dụ nhấn nút tắt/mở, sử dụng điều khiển, kiểm tra mức pin, di chuyển chuột, nhấp chuột...



Hình ảnh 2.3. Giáo viên hướng dẫn trẻ sử dụng tivi



Hình ảnh 2.4. Trẻ thực hành lồng tiếng cho phim hoạt hình bằng trên phần mềm Capcut

(3) *Sử dụng thiết bị công nghệ an toàn:* Trẻ cần hiểu ý nghĩa của các thiết bị công nghệ trong cuộc sống và biết cách sử dụng chúng một cách an toàn. Trẻ có thể học cách xem, nghe, quay video, chụp ảnh và chia sẻ, nhưng cũng cần có trách nhiệm trong việc sử dụng.



Hình ảnh 2.5. Giáo viên hướng dẫn trẻ sử dụng máy ảnh trên điện thoại



Hình ảnh 2.6. Trẻ thực hành sử dụng máy ảnh trên điện thoại

(4) *Nhận biết và xử lý vấn đề:* Trong quá trình sử dụng thiết bị công nghệ, trẻ mầm non nên được hướng dẫn nhận biết và xử lý các tình huống có vấn đề, như khi không thể tắt/mở thiết bị hoặc khi thiết bị không hoạt động.



Hình ảnh 2.7. Giáo viên hướng dẫn trẻ kiểm tra pin khi điều khiển điều hoà không hoạt động



Hình ảnh 2.8. Trẻ tiến hành kiểm tra pin của điều khiển điều hoà

3. Kết luận:

Trong bài báo, nhóm tác giả đã thảo luận về vai trò quan trọng của công nghệ trong giáo dục mầm non và nêu ra những kinh nghiệm và nghiên cứu liên quan đến việc giáo dục kỹ năng sử dụng công nghệ cho trẻ mầm non. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng giáo dục công nghệ sớm giúp trẻ phát triển khả năng sáng tạo, tìm hiểu về cách thức công nghệ hoạt động và học cách sử dụng nó để giải quyết vấn đề.

Tuy nhiên, còn nhiều thách thức trong việc áp dụng công nghệ trong giáo dục mầm non, bao gồm sự hạn chế về nguồn lực và thời gian của giáo viên, cũng như sự thiếu tự tin của giáo viên trong việc sử dụng công nghệ. Nếu không được hỗ trợ và đào tạo thích hợp, giáo viên có thể gặp khó khăn trong việc tích hợp công nghệ vào giảng dạy.

Để giải quyết những thách thức này, các quốc gia như Mỹ, Anh, Úc, Thụy Điển và Singapore đã đưa ra các chính sách và chiến lược để thúc đẩy sử dụng công nghệ trong giáo dục mầm non. Chúng ta cũng đã đề xuất gợi ý về nội dung giáo dục công nghệ cho trẻ mầm non, bao gồm công nghệ vật liệu, công nghệ chế tạo và công nghệ thông tin.

Tóm lại, công nghệ có thể là một công cụ mạnh mẽ để giúp trẻ mầm non phát triển kỹ năng và sáng tạo. Tuy nhiên, để thành công, chúng ta cần sự hỗ trợ và đào tạo cho giáo viên cũng như quyết tâm từ phía các quốc gia để thúc đẩy việc sử dụng công nghệ trong giáo dục mầm non.

4. Tài liệu tham khảo

[1] Campbell, C., & Speldewinde. C. (2018a). Bush kinder in Australia: A new learning 'place' and its effect on local policy. *Policy Futures in Education Special Issue Online* 28 January 2018 <http://journals.sagepub.com/doi/full/https://doi.org/10.1177/1478210317753028>

[2] Campbell & Speldewinde. (2018). STEM practice in the early years. *Graduate School of Education*, 11–25.

[3] Capraro, R. M., & Slough, S. W. (2013). Why PBL? Why STEM? Why now? An introduction to STEM project-based learning: An integrated science, technology, engineering, and mathematics (STEM) approach. In R. M. Capraro, M. M. Capraro, & J. R. Morgan (Eds.), *STEM project-based learning* (pp. 1-5). Brill. https://doi.org/10.1007/978-94-6209-143-6_1

[4] DS Weisberg, J. Z. (2018). How guided play promotes early childhood learning. *Centre of Excellence for Early* , 23–34.

[5] Fler, M. (2000). Working technologically: Investigations into how young children design and make during technology education. *International Journal of Technology and Design Education*, 10 (1), 43–59 <https://doi.org/10.1023/A:1008923410441>.

[6] Hilkemeijer, "ICTE Solutions Australia," [Online]. Available: <https://www.ictesolutions.com.au/ict-teaching-strategies-in-early-childhood-education/11-steps-for-curriculum-planning-in-early-childhood/> . [Accessed 29 7 2022].

[7] Judy Radich. (2013). Technology and interactive media as tools in early childhood programs serving children from birth through age 8. *Every Child*, 18–19.

[8] L. Marklund (2020), "Swedish preschool teachers' experiences from pedagogical use of digital play," *Journal of Early Childhood Education Research*, vol. 9, no. 1, pp. 171-19.

[9] Mccarrick, K. (2007). Buried treasure: The impact of computer use on young children's social, cognitive, language development and motivation. In *AACE Journal* (Vol. 15, Issue 1).

[10] Murphy, S., MacDonald, A., Danaia, L. & Wang, C. (2019). An analysis of Australian STEM education strategies. *Policy Futures in Education*, 17(2). <https://doi.org/10.1177/1478210318774190>

[11] NAEYC, Fred Rogers Center (2013), "Technology and interactive media as tools in early childhood programs serving children from birth through age 8," *Every Child*, vol. 19, no. 18.

[12] Nguyễn Thị Hà Lan (2020), *Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục ở bậc mầm non*, Tạp chí Khoa học.

[13] S. Government Sweden (2018), Curriculum for the Preschool Lpfö 1.

[14] Sakr, M. (2020). *Digital play in early childhood*. Sage International Journal

[15] Sundqvist, P. (2020). Technological knowledge in early childhood education: Provision by staff of learning opportunities. *International Journal of Technology and Design Education*, 30, 225–242. <https://doi.org/10.1007/s10798-019-09500-0>.

NHỮNG KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC CỦA GIÁO DỤC MẦM NON TRONG XU THẾ ĐỔI MỚI HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thị Thanh Nga
Trường CĐSP Trung ương

Tóm tắt: Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố căn bản về nhân cách cho trẻ em trước khi vào lớp một. Việc chăm lo phát triển giáo dục mầm non, bảo đảm mọi trẻ em được tiếp cận giáo dục mầm non có chất lượng, công bằng và bình đẳng là trách nhiệm của các cấp, các ngành, mỗi gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, bài viết tác giả nêu những cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục mầm non; Những khó khăn, thách thức và đưa ra những kiến nghị, đề xuất đối với giáo dục mầm non hiện nay.

Từ khóa: Khó khăn, thách thức, giáo dục mầm non.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, giáo dục mầm non ngày càng được quan tâm một cách đặc biệt, vì xã hội ngày càng ý thức rõ được rằng “Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai”. Để có một ngày mai tươi sáng đòi hỏi các chủ nhân tương lai của đất nước phải được phát triển toàn diện về mọi mặt. Với mục đích tạo ra một thế hệ trẻ năng động, sáng tạo trong tương lai thì việc đặt những viên gạch nê móng đầu tiên là rất quan trọng. Trẻ phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo trong các hoạt động đó là điều trăn trở của mỗi giáo viên luôn suy nghĩ để có những mục tiêu quan trọng mà mọi nền giáo dục tiên tiến hướng tới. Đúng trước yêu cầu nhiệm vụ mới cần phải có những cơ chế, chính sách phù hợp và thỏa đáng đối với ngành giáo dục mầm non hiện nay. Qua đó, đòi hỏi Đảng và Nhà nước cùng toàn xã hội, các cấp các ngành, đặc biệt Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có những chế độ đãi ngộ cho giáo viên mầm non để đáp ứng nhu cầu trong xu thế hội nhập.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục mầm non

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam. Giáo dục mầm non nhằm phát triển toàn diện trẻ em về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào học lớp một. Chính vì vậy, giáo dục mầm non cho trẻ em giai đoạn từ không đến sáu tuổi giữ vai trò đặc biệt quan trọng, có tính chất quyết định tạo nên thể lực, nhân cách, năng lực phát triển trí tuệ trong tương lai và được coi là “Giai đoạn vàng”, “Thời kỳ vàng” đối với phát triển của con người, tạo

nền móng cho sự phát triển của trẻ em. Trẻ em được tiếp cận với giáo dục mầm non càng sớm, càng thúc đẩy quá trình học tập và phát triển của trẻ ở các cấp học tiếp theo.

Nhận thức đúng đắn về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của giáo dục mầm non đối với phát triển kinh tế-xã hội, đặt nền móng cho sự phát triển toàn diện con người Việt Nam, chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước và triển khai thực hiện chủ trương giáo dục là quốc sách hàng đầu, ngày 28/12/2000 Bộ Chính trị khóa VIII ban hành Chỉ thị số 61-CT/TW về phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Sau 10 năm thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TW, năm 2010 cả nước đã hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở, công tác phổ cập giáo dục tiểu học thu được những kết quả quan trọng. Tuy nhiên, chất lượng phổ cập giáo dục các cấp học chưa vững chắc, nhiều xã ở vùng sâu, vùng xa chưa đạt chuẩn, giáo dục mầm non chất lượng còn thấp và chưa được đầu tư thỏa đáng.

Quán triệt quan điểm phổ cập giáo dục là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, nhằm tạo nền tảng dân trí vững chắc để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thực hiện thành công một trong ba khâu đột phá trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, với mục tiêu nâng cao trình độ dân trí một cách toàn diện, mở rộng giáo dục mầm non, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phần đầu cả nước hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2015, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 05/12/2011 về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở, tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và xóa mù chữ cho người lớn.

Thể chế hóa chủ trương của Đảng, tạo điều kiện phát triển giáo dục mầm non, ngày 09/02/2010 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 239/QĐ-TTg phê duyệt đề án phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015 xác định rõ quan điểm *phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu trong giáo dục mầm non nhằm chuẩn bị tốt cho trẻ em vào lớp 1 đối với tất cả các vùng miền trong cả nước; việc chăm lo để mọi trẻ em năm tuổi được đến trường, lớp mầm non là trách nhiệm của các cấp, các ngành, của mỗi gia đình và toàn xã hội. Đẩy mạnh xã hội hóa với trách nhiệm hơn của Nhà nước, của xã hội và gia đình để phát triển giáo dục mầm non; đổi mới nội dung chương trình, phương pháp giáo dục mầm non theo nguyên tắc bảo đảm đồng bộ, phù hợp tiên tiến, gắn với đổi mới giáo dục phổ thông, góp phần tích cực cho việc nâng cao chất lượng giáo dục; bảo đảm hầu hết trẻ em năm tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ một năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng để trẻ em vào lớp 1.*

Thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI, Quyết định số 239/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, giáo dục mầm non đã có bước phát triển vượt bậc, tạo niềm tin trong nhân dân, phụ huynh yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế. Mạng lưới trường, lớp mầm non được củng cố, mở rộng và phân bố đến hầu hết các địa bàn dân cư xã, phường, thôn, bản đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu đưa trẻ đến trường, trong đó bao gồm cả các nhóm trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em dân tộc thiểu số. Các cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm bố trí nguồn lực, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng kiên cố, chuẩn hóa; thực hiện khá tốt công tác quản lý, sử dụng, tuyển dụng đội ngũ giáo viên góp phần bổ sung giáo viên mầm non, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi.

Toàn quốc hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi vào năm 2017. Đến năm học 2020-2021 cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, 713/713 (100%) đơn vị cấp huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi, 99,3% số đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; năm học 2021-2022, cả nước có 63/63 tỉnh, thành phố duy trì và đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 713/713 đơn vị cấp huyện (100%) duy trì phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; 99,94% đơn vị cấp xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục cho trẻ em 5 tuổi. Hằng năm việc huy động trẻ từ 3 đến 5 tuổi vào học mẫu giáo đều tăng. Công tác chăm sóc, giáo dục trẻ 2 buổi/ngày từng bước được nâng dần về số lượng và chất lượng, trẻ được chuẩn bị tốt các điều kiện sẵn sàng vào học lớp 1. Tỷ lệ huy động trẻ em mẫu giáo 5 tuổi của cả nước đạt 99,78%, tỷ lệ trẻ em được học 2 buổi/ngày đạt 99,9% và hoàn thành chương trình giáo dục mầm non là 99,7% [1].

Bên cạnh đó, để hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, nhiều chính sách của Nhà nước được ban hành đã có tác động tích cực, động viên đội ngũ giáo viên mầm non yên tâm công tác, như Quyết định số 1609/QĐ-TTg về “*Chương trình phát triển giáo dục mầm non vùng khó khăn giai đoạn 2022-2030*”; Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ “*Quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non*”... [2]. Đến nay, toàn quốc có 56 tỉnh/thành phố ban hành nghị quyết hội đồng nhân dân quy định chi tiết chính sách đối với giáo dục mầm non của tỉnh/thành phố. Đặc biệt, một số tỉnh, thành phố đã ban hành đầy đủ văn bản với các nhóm chính sách theo quy định tại Nghị định số 105/NĐ-CP và có mức hỗ trợ cao hơn mức quy định hoặc mở rộng đối tượng được hưởng chính sách [3], các địa phương đã thực hiện chính sách hỗ trợ đối với cơ sở giáo dục mầm non, trẻ em là con công nhân, giáo viên dạy lớp có trẻ em là con công nhân khu công nghiệp kịp thời theo quy định. Các địa phương đã tích cực

triển khai hiệu quả Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 - 2025” trong đó tập trung xây dựng môi trường xanh - an toàn - thân thiện và đổi mới phương pháp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm. Đồng thời, quan tâm tiếp tục triển khai Đề án “*Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến 2025*” [4], góp phần đổi mới hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non theo quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm. Một số tỉnh, thành phố đã đẩy mạnh chính sách khuyến khích xã hội hoá giáo dục để thúc đẩy phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập như: hỗ trợ 100% chi phí giải phóng mặt bằng trong ranh giới thực hiện dự án theo quy hoạch được duyệt, hỗ trợ tín dụng, cho thuê đất đã giải phóng mặt bằng để xây dựng trường mầm non, miễn thuế thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án, tạo môi trường thông thoáng để các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục mầm non .

2.2. Những khó khăn và thách thức trong giáo dục mầm non hiện nay

Với mục đích tạo ra một thế hệ công dân năng động, sáng tạo trong tương lai thì việc xây dựng cơ sở nền tảng là rất quan trọng. Tuy nhiên giáo dục mầm non hiện vẫn còn gặp quá nhiều khó khăn và thách thức. Có thể kể đến một số khó khăn, thách thức sau:

Thứ nhất, mặc dù chế độ tiền lương của ngành giáo dục mầm non đã được quan tâm nhưng vẫn ở mức thấp, đối với giáo viên mới ra trường chỉ ở mức dưới 5 triệu đồng/tháng, chưa tương xứng với thời gian làm việc và tính chất công việc của giáo viên mầm non, chưa đáp ứng được nhu cầu tối thiểu của cuộc sống. Mặt khác, theo quy định, thời gian làm việc của giáo viên mầm non là 8 giờ/ngày, nhưng trên thực tế thường làm việc ở trường từ 10 đến 11 giờ/ngày, cho nên không có nhiều thời gian chăm lo cho gia đình. Thậm chí có trường hợp do thiếu giáo viên, một cô giáo phải một mình nuôi dạy hơn 30 trẻ. Vất vả là vậy nhưng lương của người giáo viên mầm non theo mặt bằng chung hiện nay không hề cao, thậm chí không hề tương xứng với trách nhiệm và công sức đã bỏ ra. Quá thấp so với mức lương của các ngành nghề khác, trong khi nhu cầu và chi phí sinh hoạt, đời sống đang ngày một tăng cao, những biến động giá cả, lạm phát cùng vô vàn các nhu cầu khác đều không có dấu hiệu đi xuống.

Thứ hai, nhiều người nghĩ rằng giáo dục mầm non là nghề thoải mái và tự do, nhưng thực tế hoàn toàn không phải như vậy, để lo cho từng bữa ăn giấc ngủ của trẻ, giáo viên mầm non phải chịu rất nhiều áp lực. Người giáo viên mầm non cũng là người phải xử lý trực tiếp những tình huống hay gặp của trẻ nhỏ độ tuổi từ 3 tháng đến

72 tháng như quấy phá, lười ăn, thiếu tự tin, không hợp tác,... và trẻ độ tuổi này cũng là giai đoạn dễ bị tổn thương.

Thứ ba, tình trạng quá tải số lượng trẻ tính trên một giáo viên trong giáo dục mầm non hiện nay đang là vấn đề gây áp lực nhất tới các giáo viên mầm non. Việc quản lý quá nhiều trẻ nhỏ, từ việc soạn giáo án, chăm lo, tổ chức trò chơi, lập bảng theo dõi quá trình học tập, để ý tới tâm lý từng bé khiến các cô luôn phải bận bịu suốt cả ngày, áp lực về thời gian và trách nhiệm là vô cùng lớn.

Thứ tư, khó khăn về cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập chưa đạt về diện tích phòng lớp, thiết bị đồ chơi chưa đáp ứng kịp yêu cầu là những thách thức lớn đối với giáo dục mầm non.

Thứ năm, đại dịch Covid-19 bùng phát trong thời gian qua đã tác động nghiêm trọng đến giáo dục mầm non, trong đó trẻ nhà trẻ, mẫu giáo là những đối tượng chịu thiệt thòi, phần lớn thời gian trẻ không được đến trường, không có điều kiện giao tiếp, vận động, sinh hoạt theo yêu cầu phát triển của độ tuổi. Đặc biệt, việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập, tinh giản biên chế gắn với nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đang là một thách thức rất lớn đối với ngành giáo dục nói chung trong đó có giáo dục mầm non. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế nêu trên chủ yếu là do xuất phát điểm của giáo dục mầm non khá thấp so với các bậc học khác, một thời kỳ dài đất nước khó khăn về kinh tế, giáo dục mầm non không thuộc đối tượng ưu tiên, chưa được xem xét đầu tư đúng mức. Ngoài ra, nhận thức của một bộ phận xã hội về vị trí vai trò của giáo dục mầm non, về sự cần thiết đưa trẻ em mầm non đến trường để tiếp cận với chương trình giáo dục mầm non còn hạn chế.

Như vậy, với những khó khăn và thách thức hiện nay đối với giáo dục mầm non cần phải: Tiếp tục quan tâm, tham mưu để sớm tăng lương và mức phụ cấp ưu đãi cho giáo viên mầm non lên 70% giống như các trường chuyên biệt để thu hút được giáo viên mầm non và giúp các cô yên tâm công tác; Mức phụ cấp ưu đãi đối với giáo viên mầm non bằng hoặc cao hơn so với giáo viên các cấp học khác thuộc hệ thống giáo dục phổ thông trên cùng địa bàn, trong đó ưu tiên cho giáo viên trực tiếp giảng dạy trong các trường mầm non ở miền núi, hải đảo, vùng sâu, vùng xa với mức phụ cấp cao nhất (50%); Giảm số giờ làm việc trên lớp từ 8 giờ/ngày xuống còn 6 giờ/ngày; Tăng định mức giáo viên/lớp: Bố trí tối đa 2,5 giáo viên/nhóm trẻ; đối với lớp mẫu giáo học 2 buổi/ngày: Bố trí tối đa 2,2 giáo viên/lớp; đối với lớp mẫu giáo học 1 buổi/ngày: Bố trí tối đa 1,2 giáo viên/lớp.

3. Kết luận

Giáo dục mầm non giữ một vị trí đặc biệt quan trọng trong toàn bộ sự nghiệp giáo dục con người vì trẻ sẽ nhận được sự chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục một cách

khoa là tạo điều kiện cho trẻ phát triển tốt nhất về mọi mặt. Giai đoạn phát triển của trẻ ở lứa tuổi mầm non có tính quyết định đến thể lực, nhân cách, năng lực phát triển trí tuệ của trẻ trong suốt cả cuộc đời. Đây là thời kỳ tăng trưởng về cơ thể và phát triển các mặt trí tuệ, tình cảm, xã hội nhanh nhất, nhân cách bắt đầu hình thành, khối lượng thu hoạch rất lớn nên sự phát triển trong những năm đó có tác dụng quyết định cao đến toàn bộ tương lai sau này. Ngược lại, những trục trặc về tăng trưởng và phát triển trong thời kỳ này nếu không được phát hiện và khắc phục kịp thời có thể để lại những hậu quả lâu dài, ảnh hưởng không ít đến việc rèn luyện những năng lực cần thiết cho mai sau. Do vậy, trong xu thế hội nhập Đảng, Nhà nước cần quan tâm hơn nữa và có những đường lối, chủ trương chính sách thiết thực, phù hợp tạo động lực đối với giáo dục mầm non để đáp ứng nhu cầu thực tế cũng như nhu cầu của xã hội hiện nay.

4. Tài liệu tham khảo

1. <https://tuyengiao.vn/khoa-giao/giao-duc/yeu-cau-phat-trien-giao-duc-mam-non-trong-tinh-hinh-moi-140499>
2. Nghị quyết số 103/NQ-CP, ngày 11/8/2022; Quyết định số 24//2022/QĐ-TTg, ngày 29/11/2022 quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học ngoài công lập gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.
3. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tai-chinh-nha-nuoc/Nghi-dinh-105-2020-ND-CP-quy-dinh-chinh-sach-phat-trien-giao-duc-mam-non-452005.aspx>.
4. Quyết định phê duyệt Đề án: Tăng cường Tiếng Việt cho trẻ mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, định hướng năm 2025.
5. <https://tapchigiaoduc.edu.vn/article/87971/211/quan-diem-dinh-huong-phat-trien-giao-duc-mam-non-dap-ung-yeu-cau-doi-moi-can-ban-toan-dien-giao-duc-va-dao-tao-theo-tinh-than-nghi-quyet-dai-hoi-lan-thu-xiii-cua-dang/>

SỰ CẦN THIẾT CỦA VIỆC TĂNG CƯỜNG CÁC PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON TRÊN THẾ GIỚI TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN MẦM NON TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG NHA TRANG

ThS Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trường CĐSPTƯ Nha Trang

Email:nhnhung@sptwnt.edu.vn

Điện thoại: 0988.978.877

ThS Phùng Thị Hà

Trường Đại học Tiền Giang.

Điện thoại: 0984080898

Tóm tắt: Đổi mới chương trình đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay nhằm đáp ứng xu hướng đổi mới, hội nhập quốc tế của giáo dục mầm non (GDMN) Việt Nam. Bài viết giới thiệu về các phương pháp GDMN trên thế giới; tóm tắt sơ lược về Chương trình đào tạo GVMN tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang (CĐSPTW Nha Trang), từ đó phân tích sự cần thiết của việc tăng cường giảng dạy và ứng dụng các phương pháp GDMN trên thế giới trong quá trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng hệ chính quy của Nhà trường. Đồng thời, tác giả nhấn mạnh thực trạng ứng dụng các phương pháp GDMN trên thế giới ở các trường mầm non (MN) trên địa bàn thành phố Nha Trang trong những năm gần đây và đề xuất một số định hướng đổi mới chương trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Từ khóa: Chương trình, giáo dục mầm non, phương pháp.

1. Mở đầu

Xu hướng vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới ở các trường MN tư thục và công lập tại Việt Nam đang phổ biến và ngày càng được chú trọng, bởi những ưu điểm của các phương pháp mang lại cho trẻ trong quá trình giáo dục và phát triển. Tuy nhiên, việc áp dụng các phương pháp này còn gặp nhiều khó khăn đối với GVMN bởi kinh nghiệm vận dụng phương pháp truyền thống mâu thuẫn với kinh nghiệm vận dụng phương pháp tiên tiến của thế giới vào thực tiễn Việt Nam.

Việc bồi dưỡng chuyên môn cho GVMN ở các trường về vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới là điều cần thiết trong tình hình thực tế hiện nay. Tính chuyên nghiệp là tác phong cần rèn luyện cho sinh viên (SV) thông qua tiếp cận, trải nghiệm và vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến trong quá trình học tập tại trường cao đẳng, đại học.

Quyết định số 33/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08/01/2019 phê duyệt Đề án Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2018 – 2025 (Đề án 33). Đề án đang được triển khai với các hội thảo quốc tế về đổi mới chương trình đào tạo diễn ra trong suốt 3 năm liên tục từ năm 2019 đến năm 2021 tại Trường CĐSPTW Nha Trang cho thấy: Việc đổi mới chương trình đào tạo GVMN là rất cần

thiết nhằm đáp ứng xu hướng đổi mới, hội nhập quốc tế của giáo dục MN Việt Nam [3, 4].

Bài viết tập trung nghiên cứu về sự cần thiết của tăng cường các phương pháp GDMN trên thế giới trong quá trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng hệ chính quy của Trường CĐSPTW Nha Trang.

2. Nội dung

2.1. Sự cần thiết vận dụng một số phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới

Các phương pháp GDMN trên thế giới đang được vận dụng phổ biến tại các trường MN ở Việt Nam như: STEAM (Giáo dục tích hợp 5 lĩnh vực: khoa học, công nghệ, kỹ thuật, nghệ thuật, toán); Montessori (Giáo dục hướng đến phát triển tiềm năng của trẻ thông qua bộ giáo cụ riêng biệt); Hướng tiếp cận Reggio Emilia (một triết lý giáo dục dựa trên hình ảnh của một đứa trẻ có tiềm năng phát triển mạnh mẽ, tự tin và một chủ thể có quyền; trẻ có cách học riêng của mình, học qua hàng trăm ngôn ngữ và phát triển trong mối quan hệ với những người khác); Steiner (dạy học tập trung phát triển tư duy, tình cảm - sáng tạo - kỹ năng xã hội); HighScope (Giáo dục hướng đến sự chủ động học tập của trẻ); Forest school (Chương trình dạy học trải nghiệm thiên nhiên) [7];... Hầu hết các trường MN hướng đến hội nhập, đáp ứng thị hiếu giáo dục của phụ huynh và nâng tầm quốc tế cho trường MN cũng như việc giáo dục đa văn hoá cho trẻ trong xu thế hội nhập.

Việc đánh giá vai trò, tầm quan trọng của việc vận dụng các phương pháp GDMN tiên tiến trên đây trong việc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) ở nước ta hiện nay đã được nhiều tác giả nghiên cứu như:

Nguyễn Thị Thành (2022) “Tiếp cận Reggio Emilia trong GDMN giúp trẻ không chỉ có cơ hội trở thành phiên bản tốt nhất của chính mình, mà còn trải qua hành trình trưởng thành ý nghĩa và đầy sắc thái, giúp trẻ giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc của mỗi quốc gia. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ứng dụng hướng tiếp cận Reggio Emilia trong đổi mới GDMN ở Việt Nam hiện nay là một hướng đi đúng, mang lại hiệu quả khả quan. Qua việc tham gia các dự án học tập theo hướng tiếp cận này, trẻ tích cực, chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng và thực hiện các ý tưởng, đạt được những thành quả của bản thân và nhóm làm việc; đồng thời, GV được phát triển chuyên môn và hình thành các năng lực sư phạm cần thiết; tăng cường sự gắn kết và đồng hành của phụ huynh với nhà trường” .[10]

Nguyễn Thành Hải (2019) đặc biệt đề cao vai trò của giáo dục STEAM trong lĩnh vực giáo dục sớm: “Sự trải nghiệm với các kiến thức STEAM trong giai đoạn giáo dục sớm giúp trẻ cảm thấy khoa học rất bất ngờ, thú vị nhưng rất gần gũi và dễ thực hiện” . [5]. Văn Thị Minh Tư (2020) thì khẳng định: “Tích hợp STEAM trong giáo dục sớm là một xu thế của giáo dục hiện đại. Đây có thể coi là một trong những hướng đi hữu hiệu

trong đổi mới giáo dục để đáp ứng nhu cầu của xã hội về một nguồn nhân lực chất lượng cao”[9]

Nhận định về tính ưu việt của giáo dục STEAM, *Vũ Như Thu Hương* và cộng sự (2019) cho rằng: trong dạy học, giáo dục STEAM là một cách thức để truyền cảm hứng học tập, giúp trẻ tổng hợp kiến thức giữa các phân môn khác nhau; chỉ ra những ứng dụng của kiến thức học đường trong cuộc sống, đem lại cho trẻ cơ hội thực hành, tức là biến những hiểu biết lí thuyết thành công cụ thực. Giáo dục STEAM là phương thức tiếp cận không hoàn toàn xa lạ với người học, đặc biệt là trong giáo dục tích hợp theo chủ đề ở trường MN. Giáo dục STEAM không phải hoàn toàn mới, chúng ta có thể tìm thấy dấu vết của nó trong các phương pháp dạy học đã được Bộ GD-ĐT nhắc đến trong thời gian qua: dạy học theo dự án, dạy học giải quyết vấn đề, dạy học tìm tòi khám phá, dạy học trải nghiệm.[6]

Mỗi phương pháp GDMN trên thế giới đều có những ưu điểm riêng, chung quy về ưu điểm thì tất cả các phương pháp này sẽ thể hiện những điểm mạnh tối ưu nhất khi người dẫn dắt ứng dụng vào thực tiễn hiệu được đúng bản chất của phương pháp mình đang sử dụng. Khi đưa các phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới vào quá trình giảng dạy thì sẽ có một số lợi thế như sau:

- Định hướng người học biết cách hướng đến sự tự chủ của người GVMN khi tổ chức các lớp học dành cho trẻ;

- Định hướng người học sớm tiếp cận những phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới để vận dụng vào quá trình làm việc ở trường MN quốc tế, cũng như xu hướng hội nhập của các trường công lập.

- Sinh viên MN mở rộng kiến thức, kỹ năng về phương pháp đồng thời chuẩn bị tâm thế cho SV thích ứng sau khi ra trường làm việc tại các cơ sở GDMN.

Trong quá trình giảng dạy SV, giảng viên cần triển khai, chọn lọc nội dung, cách thức phù hợp với đặc điểm văn hoá, môi trường giáo dục và tố chất phát triển của trẻ ở Việt Nam. Các nhà giáo dục cần chuyển đổi một số nội dung, cách thức đã chọn lọc của các phương pháp nước ngoài phù hợp với môi trường giáo dục cho trẻ ở Việt Nam, phù hợp điều kiện riêng của từng khu vực và địa phương.

2.2. Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng

Thực hiện Đề án 33 của Chính phủ, Bộ GD&ĐT đã tổ chức và giao cho một số trường cao đẳng, đại học sư phạm tổ chức các hội thảo với sự tham gia của các trường đại học, cao đẳng trong nước và quốc tế để phân tích những nội dung liên quan đến đổi mới chương trình đào tạo GVMN. Nhiều hội thảo đã được tổ chức như: Hội thảo “Cơ sở khoa học và định hướng đổi mới Chương trình GDMN sau năm 2020”, Hội thảo khoa học quốc tế “Đào tạo – Bồi dưỡng GVMN: kinh nghiệm và xu hướng đổi mới”, Hội thảo về “Chương trình đào tạo cử nhân GDMN đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế”

[2-3-4]. Bên cạnh đó, việc sửa đổi, bổ sung Chương trình GDMN vào tháng 10 năm 2021 cũng đòi hỏi việc đổi mới chương trình đào tạo GDMN ở các trường đại học, cao đẳng vì đây là điều kiện cần thiết đảm bảo cho người học đáp ứng yêu cầu đổi mới [1].

Điều này cho thấy việc đổi mới chương trình đào tạo GVMN đang là xu hướng của các trường đại học trong nước, ngoài ra việc đổi mới chương trình đào tạo là việc cần thiết để đánh giá lại chất lượng đào tạo cũng như đảm bảo tính cập nhật thời đại khi bước vào chuyển đổi số; công nghệ 4.0, hội nhập quốc tế đang phát triển mạnh.

Chương trình đào tạo GVMN trình độ Cao đẳng hệ chính quy của Trường CĐSPTW Nha Trang được tổ chức trong 3 năm bao gồm 97 tín chỉ không tính học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng – an ninh. Trong đó khối kiến thức đại cương bao gồm 25 tín chỉ, kiến thức chuyên nghiệp 72 tín chỉ (cơ sở ngành 22 tín chỉ, chuyên ngành 35 tín chỉ, kiến tập- thực tập 10 tín chỉ, khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần tương đương 5 tín chỉ). Mục tiêu của chương trình là đào tạo GVMN trình độ cao đẳng có đủ phẩm chất, năng lực và sức khoẻ để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ của người GVMN, đáp ứng yêu cầu xã hội; có khả năng tuyên truyền, phối hợp với cha mẹ/người giám hộ trẻ và cộng đồng trong công tác chăm sóc - giáo dục trẻ MN; có khả năng tư duy phản biện, hợp tác; có tinh thần trách nhiệm đối với bản thân và cộng đồng; có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, phát triển bản thân.

Như vậy, chương trình đào tạo GVMN đã mô tả rõ quy trình đào tạo mang tính khoa học, thể hiện quá trình hình thành và phát triển cho người học những kiến thức, phẩm chất, năng lực sâu rộng về ngành GDMN, đồng thời giúp người học có những năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm trong các vấn đề nghề nghiệp liên quan đến nghiệp vụ GDMN.

Tuy nhiên, trong chương trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng hệ chính quy chỉ dành 02 tín chỉ cho học phần “Một số phương pháp GDMN tiên tiến”, điều này cho thấy cơ hội được tiếp cận, trải nghiệm và vận dụng phương pháp GDMN trên thế giới của SV chưa nhiều.

2.3. Thực trạng vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới ở các trường mầm non hiện nay

Chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của GVMN 3 trường trong nội thành thành phố Nha Trang (Trường MN Hoa Sữa, Hướng Dương và MN 2/9) và 2 trường nằm ngoài ô thành phố Nha Trang là Trường MN Hoa Mai, Trường MN 2/4).

Mục đích của khảo sát: Khảo sát ý kiến GVMN để thu thập thông tin về sự cần thiết vận dụng phương pháp GDMN trên thế giới trong GDMN, mức độ vận dụng các phương pháp đó. Sau đó, phân tích những thực trạng về nhu cầu tăng cường phương pháp GDMN trên vào thực tiễn giảng dạy ở trường cao đẳng, đại học.

Cách đánh giá: mỗi lựa chọn câu hỏi trong phiếu khảo sát ý kiến GVMN được đánh giá theo tiêu chí với các mức độ được mã hóa ở Bảng 2.3.1.

Bảng 2.3.1. Bảng điểm về các mức độ trong phiếu khảo sát

Điểm	Mức độ		
1	Không vận dụng	Không khó khăn	Không cần thiết
2	Thường xuyên	Khó khăn	Cần thiết
3	Rất thường xuyên	Rất khó khăn	Rất cần thiết

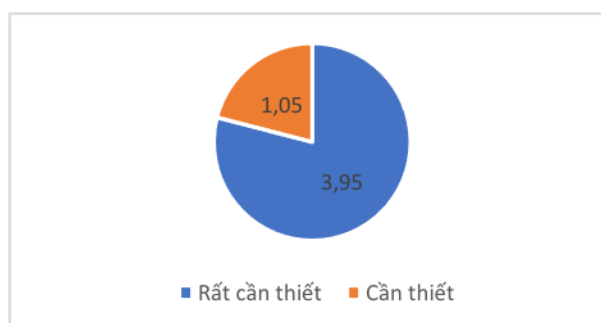
Như vậy điểm của mỗi tiêu chí trong các câu hỏi thấp nhất là 1 và cao nhất là 3. Các mức độ đánh giá được chia thành ba mức độ (thấp, trung bình, cao) được qui ước ở Bảng 2.3.2.

Bảng 2.3.2. Bảng quy ước mức độ điểm trung bình

Tên mức độ	Thấp	Trung bình	Cao
Điểm trung bình	1,00 – 1,67	1,68 – 2,35	2,36 – 3,00

2.3.1. Thực trạng khảo sát về mức độ cần thiết của việc hướng dẫn các phương pháp giáo dục mầm non tiên tiến trên thế giới cho sinh viên

Biểu đồ 2.3.3 về mức độ cần thiết của của việc hướng dẫn các phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới cho SV ở các trường cao đẳng, đại học, cho thấy điểm trung bình về mức độ rất cần thiết là 3,95; mức độ cần thiết chỉ đạt mức độ thấp với điểm trung bình 1,05 trong khi đó không có ý kiến nào chọn các mức độ còn lại. Điều này cho thấy việc hướng dẫn các phương pháp GDMN trên thế giới cho SV trong quá trình đào tạo tại Trường



Biểu đồ 2.3.3. Điểm trung bình về mức độ cần thiết của việc hướng dẫn các phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới cho SV

CĐSPTW Nha Trang là rất cần thiết. Do đó, chương trình đào tạo cần tăng cường các học phần liên quan đến các phương pháp GDMN trên thế giới vào trong quá trình học tập của SV. Kết quả khảo sát thực trạng mức độ vận dụng các phương pháp và các kênh thông tin giúp GVMN tiếp cận các phương pháp GDMN trên thế giới được phân tích ở dưới đây sẽ cho thấy việc hướng dẫn các phương pháp GDMN trên thế giới cho SV là cần thiết, bởi nhiều trường MN đang vận dụng các phương pháp này.

2.3.2. *Thực trạng mức độ vận dụng các phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới ở các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố Nha Trang, Khánh Hòa*

Kết quả khảo sát cho thấy ba phương pháp được các trường MN vận dụng nhiều nhất là Steams, Montessori, Reggio Emilia với mức điểm trung bình từ 1,4 đến 2,9 (đạt mức độ từ trung bình đến cao); ba phương pháp Steiner, HighScope, Forest school ít được vận dụng (đạt mức độ thấp, với điểm trung bình từ 1,2 đến 1,8).

Mức độ vận dụng phương pháp GDMN trên thế giới ở các trường MN như trên đòi hỏi các trường đại học, cao đẳng nơi đào tạo GVMN cần tăng cường bổ sung các chuyên đề về các phương pháp trên để giúp SV có điều kiện tiếp nhận những kiến thức khoa học giáo dục tiên tiến trên thế giới, vận dụng, trải nghiệm nó trong thực tiễn GDMN; tránh sự lạc hậu, thụt lùi, đi sau trong giáo dục thời đại 4.0 nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN.

2.3.3. *Những kênh thông tin giúp giáo viên tiếp cận các phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới*

Kết quả khảo sát những kênh thông tin giúp các trường MN và GVMN tiếp cận phương pháp giáo dục trên thế giới cho thấy như sau:

- Kênh thông tin mà các trường và GVMN tham khảo những phương pháp GDMN trên thế giới, trong đó Steam, Montessoricó, Reggio Emilia có tỉ lệ kênh tham khảo đa dạng và có tỉ lệ tham khảo nhiều hơn tất cả những phương pháp khác, tuy nhiên các phương pháp có điểm trung bình ở các kênh tham khảo ở mức độ thấp. Trong đó kênh tham khảo từ trường cao đẳng, đại học có điểm trung bình thấp nhất so với các kênh khác (ĐTB từ 1,00 đến 1,12) và cũng là kênh không được tham khảo ở tất cả các phương pháp còn lại.

- Phương pháp Steiner, HighScope và Forest school được tham khảo nhiều ở kênh mạng xã hội với điểm trung bình từ 1,56 đến 1,72, mặc dù tất cả các kênh đều dừng lại ở mức độ thấp nhưng kênh tham khảo mạng xã hội có mức độ thấp cao hơn các kênh khác. Tuy nhiên, bên cạnh sự đa dạng về kênh tham khảo còn có tỉ lệ GVMN chưa tiếp cận 3 phương pháp này và tỉ lệ chưa tiếp cận có điểm trung bình giao động từ 1,28 đến 1,44.

- GVMN tham khảo thông tin về các phương pháp GDMN trên thế giới chủ yếu là thông qua mạng xã hội, một số ít GVMN được tập huấn, tham gia khoá học ngắn hạn, tìm hiểu qua sách báo, tạp chí và các chuyên đề được tổ chức ở trường MN. Điều đáng quan tâm là kênh tham khảo từ phía các trường cao đẳng, đại học hầu như có điểm trung bình rất thấp ở 3 phương pháp Steam, Montessori, Reggio Emilia và hoàn toàn không được nhắc đến ở 3 phương pháp còn lại. Số còn lại hầu như chưa tiếp cận các phương pháp GDMN mới trên thế giới. Điều này càng khẳng định việc bổ sung, tăng cường các chuyên đề về các phương pháp GVMN trên thế giới trong chương trình

đào tạo GVMN là hết sức cần thiết để SV được nghiên cứu, trải nghiệm và ứng dụng chúng nhằm đáp ứng nhu cầu thực tiễn của các trường MN hiện nay.

2.4. Đề xuất một số định hướng tăng cường các phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới trong Chương trình đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng hệ chính quy của trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang.

2.4.1. Bổ sung, tăng cường các học phần liên quan đến triết lý giáo dục, quan điểm, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới trong Chương trình đào tạo giáo viên mầm non

Từ kết quả khảo sát vấn đề tăng cường, bổ sung các học phần liên quan đến triết lý giáo dục, quan điểm, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các phương pháp GDMN trên thế giới trong chương trình đào tạo GVMN sẽ mang tạo cơ hội cho SV được học tập, tìm hiểu đa dạng các phương pháp khác nhau, từ đó giúp SV có chiều sâu hơn trong việc lựa chọn, ứng dụng các phương pháp vào thực tiễn khi thực hành, thực tập ở các trường MN.

Việc bổ sung và tăng cường các học phần giáo dục về các quan điểm, triết lý và phương pháp GDMN trên thế giới giúp cho SV có cơ hội nâng cao kiến thức chuyên môn, tác động đến khả năng tự học và sáng tạo trong quá trình giảng dạy, chủ động tìm hiểu, nghiên cứu và sáng tạo khi vận dụng các phương pháp đó vào trong điều kiện thực tiễn của vùng miền.

Bổ sung, tăng cường các học phần liên quan đến triết lý giáo dục, quan điểm, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các phương pháp GDMN trên thế giới trong chương trình đào tạo GVMN không chỉ mang lại lợi ích cho SV trong quá trình mở rộng kiến thức mà còn giúp cho chương trình đào tạo GVMN nâng tầm theo xu hướng hội nhập, phù hợp với quan điểm, định hướng sứ mạng và tầm nhìn của Trường CĐSPTW Nha Trang và định hướng phát triển của trường đối với người học là “Phát huy tính năng động, tự giác, tích cực của người học”.

2.4.2. Tăng cường hoạt động tham quan các trường mầm non quốc tế sử dụng các phương pháp giáo dục trên thế giới cho sinh viên

Ngoài việc hướng dẫn kiến thức về quan điểm, triết lý và phương pháp GDMN trên thế giới cho SV thì việc tăng cường cho sinh viên tham quan các cơ sở giáo dục ứng dụng chuyên sâu về phương pháp GDMN trên thế giới để SV có cơ hội được trải nghiệm, được học hỏi và quan sát những vấn đề trong thực tiễn, từ đó giúp SV dễ dàng tiếp thu kiến thức mang tính lý thuyết trên lớp học và mở rộng tầm nhìn về sự đa dạng phương pháp giáo dục trẻ MN; giúp SV mở rộng cơ hội tìm việc làm, mạnh dạn tiếp cận, tham gia vào các môi trường giáo dục đa văn hoá, đa quốc gia.

Lợi ích của việc tăng cường hoạt động tham quan các trường mầm non quốc tế giúp giảng viên và SV có nhiều cơ hội tiếp cận những kinh nghiệm khi tổ chức lớp học theo mô hình giáo dục như steam, Montessori, Reggio, Steiner;... từ đó khái quát được đặc điểm đặc trưng của từng phương pháp, có tầm nhìn mang tính thực tế nhằm biến đổi hình thức tổ chức phù hợp với môi trường, điều kiện địa phương ở Nha Trang.

2.4.3. Mở rộng không gian, địa điểm, cơ sở giáo dục mầm non trong việc cho sinh viên thực hành thường xuyên, thực tập sư phạm

Mở rộng không gian, địa điểm, các cơ sở GDMN trong thời gian SV đi thực hành, thực tập sư phạm giúp SV có cơ hội khám phá nhiều môi trường giáo dục khác nhau để so sánh, cảm nhận và cũng là dịp SV rèn tính thích ứng trong nhiều môi trường giáo dục khác nhau. Quá trình này giúp SV không cảm thấy ngỡ ngàng khi ra trường và làm việc tại môi trường giáo dục khác nhau.

Mở rộng môi trường tham gia thực hành thực tập giúp SV so sánh được sự khác nhau khi vận dụng phương pháp giáo dục trẻ ở các cơ sở, là kênh tham khảo kinh nghiệm tổ chức, quản lý và giáo dục trẻ phù hợp đặc điểm phát triển và điều kiện thực tế của địa phương. Bên cạnh đó, mở rộng không gian, địa điểm các trường MN giúp SV tạo dựng được mối quan hệ gắn kết, phát huy tinh thần tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc học tập; giúp giảng viên đi sâu sát với thực tế nhằm gắn kết lý thuyết không xa rời với thực tiễn.

Việc mở rộng không gian, địa điểm, cơ sở giáo dục cho SV thực hành thực tập tạo nên môi trường học tập đa dạng cho SV, nâng cao chất lượng giáo dục cũng như tầm nhìn của chương trình đào tạo muốn hướng đến.

2.4.4. Thực hiện các chuyên đề về học thuật cấp khoa nhằm chia sẻ các kinh nghiệm sử dụng những phương pháp giáo dục mầm non trên thế giới cho sinh viên

Tổ chuyên môn thực hiện các buổi chuyên đề, hội thảo, hội thi tìm hiểu kiến thức về GDMN,... dành cho SV nhằm tạo ra sân chơi học thuật giúp SV chủ động tìm hiểu cũng như khả năng tự học, tự nghiên cứu, thể hiện tinh thần trách nhiệm khi tham gia vào các hoạt động học thuật.

Thực hiện các buổi sinh hoạt chuyên đề về các quan điểm, triết lý, phương pháp GDMN trên thế giới giúp SV chủ động vận dụng tư tưởng, triết lý giáo dục vào trong quá trình thực hành, thực tập ở các trường MN, đồng thời giúp SV tìm hiểu và sáng tạo khi thiết kế đồ dùng dạy học phù hợp với từng phương pháp và biết cách vận dụng phương pháp GDMN trên thế giới phù hợp chương trình GDMN, phù hợp vào đặc điểm phát triển của trẻ.

Bên cạnh đó, thực hiện các đề học thuật là nơi giúp cho giảng viên, sinh viên gắn kết kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm, mở rộng kiến thức và nâng cao nhận thức của mỗi

cá nhân trong quá trình học tập, nghiên cứu và làm việc. Đồng thời, giúp giảng viên chủ động tìm ra những cách thức, biện pháp cải tiến để lồng ghép các phương pháp giáo dục trên thế giới phù hợp thực tiễn nhằm hướng dẫn sinh viên thực hiện.

2.4.5. Tạo điều kiện cho giảng viên tham gia các chương trình bồi dưỡng, chương trình tập huấn chuyên môn, khuyến khích giảng viên nghiên cứu, tìm hiểu và ứng dụng phương pháp giáo dục mới vào trong quá trình giảng dạy

Nhiệm vụ của giảng viên luôn luôn phải tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu kiến thức, phương pháp giảng dạy để bồi dưỡng chuyên môn cũng như cập nhập thông tin giáo dục mới của chuyên ngành. Điều này có tác động gián tiếp đến việc tăng cường các phương pháp GDMN trên thế giới trong chương trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng của Trường CĐSPTW Nha Trang, bởi giảng viên không chỉ là người truyền thụ kiến thức mà còn là người trực tiếp dẫn dắt, định hướng SV tiếp cận đến những phương pháp mới, ứng dụng phương pháp GDMN mới vào trong thực tiễn; đồng thời giảng viên phải nghiên cứu xây dựng kế hoạch giảng dạy, chọn lọc kiến thức phù hợp với nhu cầu thực tiễn, phù hợp môi trường và điều kiện cơ sở tiếp nhận.

Vì thế, giảng viên được sự quan tâm của nhà trường, cán bộ quản lý trong việc tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên học tập, tìm hiểu, nghiên cứu những phương pháp giáo dục tiên tiến trên thế giới sẽ là động lực quý mang giá trị tinh thần giúp giảng viên phát triển giá trị giáo dục cho cộng đồng, trong đó là sinh viên chuyên ngành và xa hơn là thế hệ trẻ mầm non được trực tiếp tiếp nhận.

3. Kết luận

Bài tham luận đã phân tích một số vấn đề liên quan đến các phương pháp GDMN trên thế giới, những nội dung về vấn đề đổi mới chương trình đào tạo GVMN theo Đề án 33 của Bộ GD&ĐT; phân tích thực trạng vận dụng các phương pháp GDMN trên thế giới ở các trường MN hiện nay, từ đó đề xuất một số định hướng tăng cường các phương pháp GDMN trên thế giới trong chương trình đào tạo GVMN trình độ cao đẳng hệ chính quy của Trường CĐSPTW Nha Trang.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021). *Chương trình GDMN*, NXB GDVN.
- [2] Hội thảo: “*Cơ sở khoa học và định hướng đổi mới Chương trình GDMN sau năm 2020*”, ngày 19/12/2019, Bộ GD&ĐT tổ chức tại Hà Nội.
- [3] Hội thảo khoa học quốc tế “*Đào tạo – Bồi dưỡng GVMN: kinh nghiệm và xu hướng đổi mới*”, ngày 6/11/2020.
- [4] Hội thảo về “*Chương trình đào tạo cử nhân GDMN đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế*” diễn ra ngày 29/10/2021.

- [5] Nguyễn Thành Hải (2019). *Giáo dục STEM/STEAM từ trải nghiệm thực hành đến tư duy sáng tạo*. NXB Trẻ.
- [6] Vũ Như Thư Hương (chủ biên), Tăng Minh Dũng, Nguyễn Thị Nga, Lê Thái Bảo Thiên Trung(2019). *Khám phá giáo dục STEAM: 10 chủ đề dạy học ở tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Vũ Thị Nhân, “*Các phương pháp GDMN tiên tiến trên thế giới*”; https://www.researchgate.net/profile/Nguyen-Tien-32/publication/338955652_Application_of_Montessori_Method_in_Pre-school_Education/links/5e34957e92851c7f7f11aca3/Application-of-Montessori-Method-in-Pre-school-Education.pdf
- [8] Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 33 QĐ/TTg ngày 08/01/2019, *Phê duyệt đề án đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý GDMN giai đoạn 2018 – 2025*.
- [9] Văn Thị Minh Tư (2020). *Integrating STEAM education for preschool children through Literature projects*. Kì yếu hội thảo quốc tế “Language, Literature and Culture Education” (LLCE 2020), 426-434, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Vĩnh Phúc, Việt Nam.
- [10] Nguyễn Thị Thành – *Giới thiệu hướng tiếp cận Reggio Emilia và ứng dụng trong bối cảnh đổi mới giáo dục mầm non tại Việt Nam*, Tạp chí Giáo dục (2022).

VẬN DỤNG LINH HOẠT PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON THEO HƯỚNG TIẾP CẬN NĂNG LỰC

Nhóm tác giả:

Phan Thị Nga

Nguyễn Thị Triều Tiên

Nguyễn Thị Diệu Hà

Khoa Giáo dục Mầm non,
trường ĐHSP Hà Nội

Liên hệ:

ntttien@ued.udn.vn – SĐT:

0935967333

***Tóm tắt:** Vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học (PPDH) theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL) là khâu đột phá và đồng thời là bước quyết định việc nâng cao chất lượng đào tạo theo yêu cầu của thời đại. Hiện nay, tại các trường Đại học, Cao đẳng thường xuyên tổ chức các khóa tập huấn về vận dụng linh hoạt các PPDH để phát huy khả năng của người học. Tuy nhiên, việc vận dụng linh hoạt và hiệu quả các PPDH cho từng chuyên ngành, từng học phần, từng đối tượng... thì lại là vấn đề không hề dễ và đơn giản. Bài viết trình bày tổng quan cơ sở lý luận về PPDH, giáo dục theo hướng TCNL... Đặc biệt, bài viết đề xuất việc vận dụng linh hoạt các PPDH hiệu quả, tương thích với đặc thù chuyên ngành giáo dục mầm non.*

***Từ khóa:** phương pháp dạy học; vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học; năng lực, dạy học theo tiếp cận năng lực*

1. Đặt vấn đề

Vận dụng linh hoạt PPDH theo hướng tích cực hóa đa dạng của người học là yêu cầu cơ bản của giáo dục nước ta. Điều 7, Luật Giáo dục năm 2019 quy định rõ “Phương pháp giáo dục phải khoa học, phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học và hợp tác, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên.” [6]

Dạy học TCNL là xu thế chung của nền giáo dục thế giới. Theo đó, năng lực là khả năng đã có sẵn hay có được do trải qua quá trình đào tạo, huấn luyện để thực hiện có hiệu quả một hoạt động nào đó [2]. Đặc điểm của của dạy học theo TCNL là: Các năng lực cần đạt phải được xác định, thẩm định một cách cẩn thận và công bố công khai cho người học; Thừa nhận kết quả đã có của người học; Những tiêu chí và các điều kiện dùng để đánh giá kết quả học tập của người học phải được trình bày và công bố công khai trước; Người học tham gia vào quá trình tự đánh giá; Chương trình dạy học tạo điều kiện thuận lợi cho việc học theo nhịp độ riêng của từng cá nhân. Việc vận dụng các phương pháp giáo dục linh hoạt theo hướng TCNL giúp đáp ứng mục tiêu hình thành năng lực thực hiện cho người học, giúp tích cực hóa hoạt động học tập của sinh viên (SV). Đồng thời, giúp giảng viên có cái nhìn năng động, toàn diện hơn, không bỏ qua bất kỳ yếu tố nào có lợi cho việc tổ chức, thiết kế hoạt động dạy học một cách hiệu quả.

2. Vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học với việc tiếp cận năng lực

2.1. Vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học

2.1.1. Phương pháp dạy học

Thuật ngữ phương pháp trong tiếng Hy Lạp là “*Méthodos*” có nghĩa là con đường, cách thức hoạt động nhằm đạt được mục đích nhất định [4]. Vì vậy, phương pháp là hệ thống những hành động tự giác, tuần tự nhằm đạt được những kết quả phù hợp với mục đích đã định. Khi sử dụng đúng phương pháp sẽ dẫn đến kết quả theo dự định. Nếu mục đích không đạt được thì có nghĩa là phương pháp đó không phù hợp với mục đích hoặc nó không được sử dụng đúng. Một câu hỏi đặt ra là: PPDH có đặc trưng gì khác với phương pháp nói chung? Ta thấy rằng, người học là đối tượng tác động của GV, đồng thời là chủ thể, là nhân cách mà hoạt động của họ phụ thuộc vào hứng thú, nhu cầu, ý chí của họ. Nếu GV không gây cho người học có mục đích tương ứng với mục đích của mình thì không diễn ra hoạt động dạy học và phương pháp tác động không hiệu quả. Như vậy, PPDH bao gồm phương pháp dạy và phương pháp học với sự tương tác lẫn nhau. Đó là hệ thống những hành động có chủ đích theo một trình tự nhất định của GV nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và hoạt động thực hành của người học nhằm đảm bảo cho họ lĩnh hội nội dung dạy học và chính như vậy mà đạt được mục đích dạy học.

2.1.2. Vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học

PPDH là một phạm trù khoa học giáo dục. Việc vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học cần dựa trên những cơ sở khoa học và thực tiễn giáo dục. Dựa trên những khái niệm chung về PPDH có thể hiểu: Vận dụng linh hoạt PPDH là sử dụng những hình thức và cách thức hiệu quả hơn nhằm nâng cao chất lượng dạy học, phát huy tính tích cực, tự lực và sáng tạo, phát triển năng lực của người học.[8]

2.2. Năng lực và cấu trúc của dạy học theo tiếp cận năng lực

2.2.1. Năng lực

Khái niệm năng lực có nguồn gốc từ tiếng Latinh “*competentia*”. Năng lực là một khái niệm rất phức hợp, với nhiều bình diện, phương diện như: Theo John Erpenbeck thì năng lực được tri thức làm cơ sở, được sử dụng như khả năng, được quy định bởi giá trị, được tăng cường qua kinh nghiệm và được hiện thực hóa qua ý chí. Theo Weinert (2001) định nghĩa: năng lực là những khả năng và kĩ xảo học được hoặc sẵn có của cá thể nhằm giải quyết các tình huống xác định, cũng như sự sẵn sàng về động cơ, xã hội và khả năng vận dụng các cách giải quyết vấn đề một cách có trách nhiệm và hiệu quả trong những tình huống linh hoạt. Theo Tác Giả Nguyễn Văn Cường thì năng lực là khả năng thực hiện có trách nhiệm và hiệu quả các hành động, giải quyết các nhiệm vụ, vấn đề trong những tình huống thay đổi thuộc các lĩnh vực nghề nghiệp, xã hội hay cá nhân trên cơ sở hiểu biết, kỹ năng, kĩ xảo và kinh nghiệm

cũng như sự sẵn sàng hành động [1]. Như vậy, năng lực bao gồm các kiến thức, kỹ năng cũng như quan điểm và thái độ mà một cá nhân có để hành động thành công trong các tình huống mới.

2.2.2. Cấu trúc của dạy học theo tiếp cận năng lực

Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc UNESCO đã đúc kết thành 4 trụ cột của giáo dục thế kỷ XXI đó là: "Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình". Mô hình thành phần giáo dục theo hướng TCNL phù hợp với 4 mục tiêu giáo dục trên. Như vậy, giáo dục theo TCNL chính là mục tiêu của giáo dục. Mô hình cấu trúc của dạy học theo TCNL được cụ thể như sau:



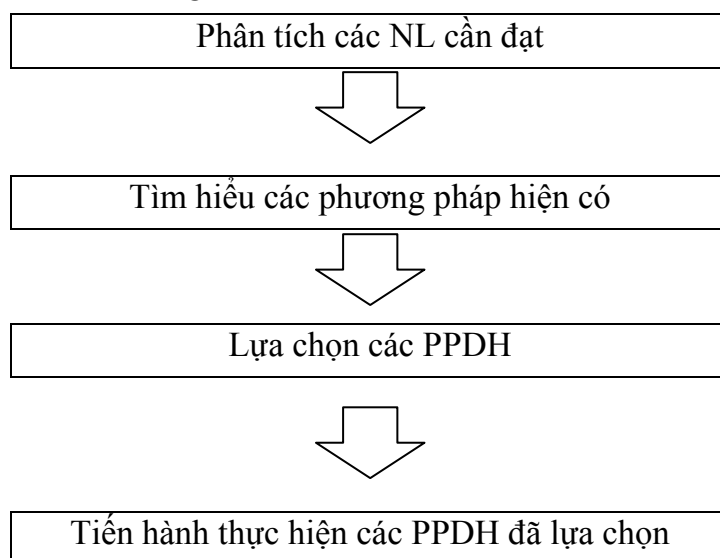
Giáo dục định hướng năng lực nhằm đảm bảo chất lượng đầu ra của việc dạy học, thực hiện mục tiêu phát triển toàn diện các phẩm chất nhân cách, chú trọng năng lực vận dụng tri thức trong những tình huống thực tiễn nhằm chuẩn bị cho con người năng lực giải quyết các tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp. Giáo dục định hướng năng lực nhấn mạnh vai trò của người học với tư cách chủ thể của quá trình nhận thức. Từ cấu trúc của năng lực cho thấy, giáo dục định hướng năng lực không chỉ nhằm mục tiêu phát triển năng lực chuyên môn bao gồm tri thức, kỹ năng chuyên môn mà còn phát triển năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá thể. Những năng lực này không tách rời nhau mà có mối quan hệ chặt chẽ. Năng lực hành động được hình thành trên cơ sở có sự kết hợp các năng lực này

3. Vận dụng linh hoạt phương pháp dạy học cho sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận năng lực

3.1. Tiến trình vận dụng của các phương pháp dạy học cho sinh viên ngành giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận năng lực

Các nhà lí luận dạy học, các nhà giáo học pháp bộ môn đã đưa ra lời khuyên: Mỗi PPDH đều có một giá trị riêng, không có PPDH nào là vạn năng, giữ vị trí độc

tôn, khi dạy học cần phối hợp sử dụng các PPDH...[9]. Mỗi phương pháp đều có tiến trình đặc thù riêng, tuy nhiên việc vận dụng các phương pháp dạy học theo hướng TCNL đáp ứng tiến trình chung như sau:



3.2. Vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học cho sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận năng lực

3.2.1. Phương pháp dạy học theo nhóm

Dạy học theo nhóm là hình thức giảng dạy đặt người học vào môi trường học tập tích cực, trong đó người học được tổ chức thành nhóm một cách thích hợp. Hình thức dạy học này ngày càng được sử dụng rộng rãi ở bất kỳ môn học nào bởi các đặc điểm ưu việt của nó. [9] Khi dạy học theo phương pháp này sẽ giúp cho SV hình thành được các năng lực như: năng lực chuyên môn giúp SV nắm vững kiến thức hơn vì được tự khám phá và trao đổi với nhiều người, năng lực phương pháp giúp SV có các phương pháp chuyên môn, rèn luyện được các kỹ năng sư phạm, kỹ năng tư duy như: phân tích, suy luận, tổng hợp, đánh giá, giải quyết vấn đề... Đặc biệt là dạy học nhóm giúp SV hình thành và phát triển năng lực xã hội và năng lực cá thể.

Quy trình vận dụng PPDH theo nhóm:

Bước 1: Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp

Giảng viên cần chọn những chương, những bài, những câu có độ khó tương ứng và cần sự hỗ trợ nhóm mới có thể hoàn thành một cách hiệu quả. Những nội dung đó phải có hướng mở, đòi hỏi có nhiều thời gian và nhiều người tham gia thảo luận, trao đổi, chia sẻ có khi là tranh cãi thì mới giải quyết được vấn đề.

Bước 2: Chia nhóm

Có nhiều cách chia nhóm. Tùy theo bài học hoặc tùy vào đặc điểm của lớp mà chúng ta có thể chia nhóm theo các cách sau đây: Chia nhóm theo tổ đã được chia sẵn ở các lớp; Chia nhóm ngẫu nhiên theo gọi số theo danh sách lớp; Chia nhóm theo tự

chọn bạn của SV ... Khi chia nhóm, giảng viên cần chú ý: Cần xác định và chia tương đương số lượng các thành viên trong mỗi nhóm và nên chọn theo các năng lực đa dạng: giỏi; khá; trung bình, yếu và đa dạng về thành phần xuất thân, môi trường sống, tuổi tác... Nên thành lập nhóm có số lượng ít khoảng từ 5 đến 8 sinh viên thì sẽ mang lại hiệu quả cao.

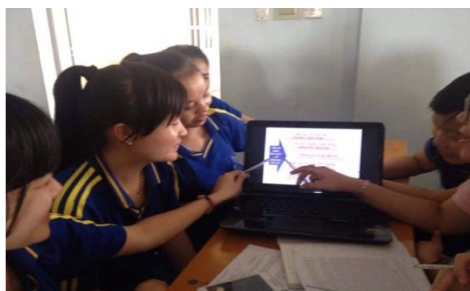
Bước 3: Phân công trách nhiệm

Phân công nhiệm vụ cho các thành viên; cử đại diện trình bày kết quả làm việc nhóm. Để thực hiện bước này, giảng viên có thể sử dụng các kỹ thuật như: động não, khăn trải bàn, mảnh ghép, sơ đồ tư duy...

Bước 4: Đánh giá, tổng kết trước lớp

Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả thảo luận, đánh giá kết quả thảo luận chung toàn lớp; Giảng viên tổng kết, đặt vấn đề cho bài học hoặc nhiệm vụ tiếp theo.

Giảng viên nên yêu cầu các nhóm đều phải có biên bản làm việc tổ hay kế hoạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, mức độ hoàn thành công việc, thái độ, tính tích cực hoạt động của mỗi thành viên... Từ đó, giảng viên dễ dàng đánh giá và cho điểm một cách công bằng cho từng thành viên trong nhóm.



Hình ảnh: Hoạt động nhóm

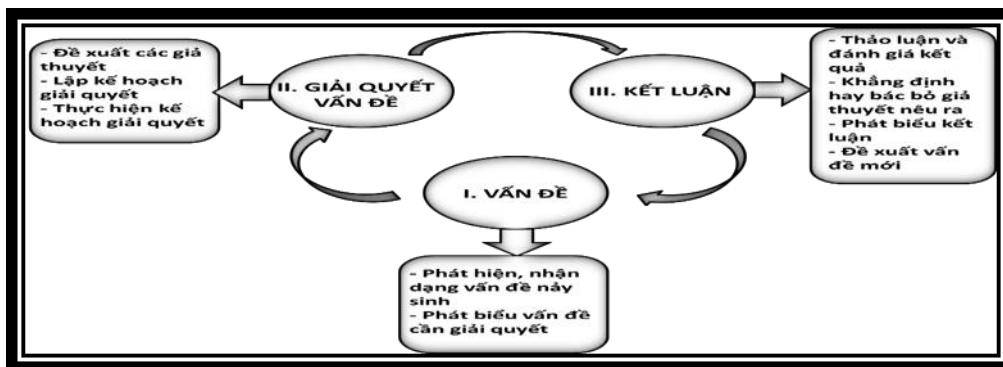


Hình ảnh: Báo cáo viên đại diện nhóm trình bày kết quả, sản phẩm

3.2.2. Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề

Trong xu thế vận dụng linh hoạt phương pháp giảng dạy đại học theo hướng TCNL, PPDH dựa trên vấn đề đang được nhiều nước quan tâm nghiên cứu và ứng dụng. Mục tiêu cơ bản của dạy học giải quyết vấn đề nhằm rèn luyện năng lực xã hội, năng lực giải quyết vấn đề, tất nhiên trong đó bao gồm cả khả năng nhận biết, phát hiện vấn đề. Đặc biệt, giúp SV có tính chủ động, tinh thần tự giác, có thể thu được những kiến thức tốt nhất, cập nhật nhất và có thể bao phủ được trên diện rộng các trường hợp và các bối cảnh thường gặp [7]. Dạy học giải quyết vấn đề không phải là một PPDH cụ thể mà là một quan điểm dạy học

Quy trình vận dụng PPDH dựa trên vấn đề được mô phỏng theo sơ đồ sau:



Để áp dụng phương pháp này với cơ hội thành công cao đòi hỏi chúng ta phải tiến hành một loạt những chuyển đổi sau:

- Chuyển đổi các hoạt động của người học từ tính thụ động sang tính tích cực, chủ động.
- Chuyển đổi các hoạt động của người dạy (Giảng viên có vai trò khơi dậy các vấn đề hướng dẫn người học).
- Chuyển đổi mối quan hệ giữa vai trò của người dạy và người học.
- Chuyển đổi hệ thống đánh giá người học.
- Coi trọng thời gian tự học của người học như thời gian học trên lớp.

3.2.3. Phương pháp dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án là PPDH dưới sự tổ chức của người dạy, người học cùng nhau giải quyết các nhiệm vụ học tập không chỉ về lý thuyết mà còn về mặt thực tiễn. Nhờ dạy học dự án, người học phát huy được tính tích cực, tự lực và tinh thần trách nhiệm, sáng tạo trong quá trình lĩnh hội tri thức. Đồng thời, thông qua dạy học theo dự án, người học phát triển kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp, thuyết trình, tự học, tự nghiên cứu, sử dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, đặc biệt là tìm hiểu và vận dụng kiến thức liên môn, thực hiện nguyên tắc “học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn”.

Quy trình vận dụng PPDH theo dự án:

Bước 1: Xác định chủ đề và mục đích của dự án

Ở bước này thể hiện ở sự xuất hiện sáng kiến và phác họa được ý tưởng của dự án. Dự án là một vấn đề nảy sinh từ thực tiễn được đưa vào nhà trường phù hợp với trình độ và năng lực, giúp người học phát triển năng lực định hướng hành động.

Bước 2: Lập kế hoạch thực hiện dự án

Người học xây dựng sơ đồ tư duy để định hướng nguồn nhân lực, tài lực, vật lực và thời gian thực hiện dự án, tập hợp các ý tưởng, ý kiến của các thành viên trong nhóm, xây dựng cấu trúc kiến thức, xác định quy mô tìm hiểu và các hoạt động học tập.

Bước 3: Thực hiện dự án

Người học thu thập các thông tin qua các nguồn: báo chí, internet, thư viện, thực nghiệm, quan sát... để giải thích các dữ liệu thu được trên cơ sở khoa học.

Bước 4: Trình bày sản phẩm dự án

Người học trình bày sản phẩm dự án của nhóm mình và tiến hành đánh giá hiệu quả của dự án theo các tiêu chí khác nhau.

3.2.4. Phương pháp dạy học tự định hướng học tập

Phương pháp này giúp cho người học tự xác định mục tiêu học tập. Trong quá trình học tập tự định hướng, người học và giảng viên sẽ cùng thảo luận để đưa ra kế hoạch hoạt động, quyết định nên học cái gì cho phù hợp với mục tiêu trước mắt, mục tiêu lâu dài.

Quy trình vận dụng PPDH tự định hướng học tập:

Bước 1: Hoạch định

Đánh giá hiệu quả học tập hiện tại. Đây là năng lực chủ thể thực hiện tuân thủ một hay một chuỗi hành động trên cơ sở hiểu biết nhằm tạo ra kết quả mong đợi. Để quá trình này diễn ra thành công người học cần thiết lập cơ sở hoạch định để định hướng cho hành động. Giảng viên đưa ra nhiệm vụ học tập và quan sát người học tiếp cận nhiệm vụ đó ra sao? Yêu cầu SV giải thích đã tiếp cận thông tin việc học trên cơ sở thông tin nền mà giảng viên đưa ra.

Bước 2: Tổ chức thực hiện

Khi xác định được mục tiêu, nội dung và phương pháp học. Người học phải xây dựng được kỹ năng tổ chức học tập. Tổ chức thực hiện kế hoạch cho chương trình đào tạo hoặc kế hoạch cho từng môn học, từng học phần... Điều cần thiết là kế hoạch được thiết lập rõ ràng, được tổ chức thực hiện cho từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của người học. Như vậy, người học có thể tiếp cận và chiếm lĩnh tri thức một cách dễ dàng.

Muốn thực hiện thành công kế hoạch mình đã tạo lập, người học cần có một số kỹ năng như: tiếp cận thông tin; vận dụng tri thức; trao đổi phổ biến thông tin; tổng hợp xử lý các thông tin...

Bước 3: Tự kiểm tra, đánh giá học tập

Là bước sau cùng của PPDH tự định hướng học tập, người học tự đánh giá kết quả học tập của mình, biết được năng lực học tập của bản thân, hiểu được cái gì mình làm được, cái gì mình chưa làm được để từ đó có biện pháp khắc phục và phát huy.

3.2.5. Vận dụng linh hoạt việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết nhằm đáp ứng mục tiêu, yêu cầu vận dụng linh hoạt của giáo dục đại học Việt Nam hiện nay. Đặc điểm, yêu cầu đánh giá kết quả học tập của SV theo định hướng TCNL được tác giả Nguyễn Thành Nhân đúc kết thành bảng dưới đây [7]:

STT	Đặc điểm	Yêu cầu
1	Căn cứ trên các tiêu chí đánh giá năng lực.	Đảm bảo tính giá trị và độ tin
2	Có sự tham gia của SV trong quá trình đánh	Đảm bảo tính linh hoạt.
3	Phán định dựa trên các bằng chứng.	Đảm bảo sự công bằng.
4	Diễn ra trong mối liên hệ giảng dạy-học	Thúc đẩy học tập và tự đánh

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của SV phải đảm bảo thực chất, khách quan, trung thực, công bằng, đánh giá đúng năng lực và sự tiến bộ của SV. Vận dụng linh hoạt kiểm tra đánh giá theo hướng chú trọng đánh giá phẩm chất và năng lực của SV. Chú trọng đánh giá quá trình: đánh giá trên lớp; đánh giá bằng kế hoạch, biên bản phân công làm việc nhóm; tăng cường hình thức đánh giá thông qua sản phẩm dự án; bài thuyết trình; kết hợp kết quả đánh giá trong quá trình giáo dục và đánh giá tổng kết cuối kỳ, cuối năm học. Các hình thức kiểm tra, đánh giá đều hướng tới phát triển năng lực của SV; coi trọng đánh giá để giúp đỡ SV về phương pháp học tập, động viên sự cố gắng, hứng thú học tập của SV trong quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá không chỉ là việc xem SV học được cái gì mà quan trọng hơn là biết SV học như thế nào, có biết vận dụng không? Từ đó, giúp GV có những phát huy hoặc điều chỉnh PPDH sao cho hiệu quả

3.3. Điều kiện để vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học cho sinh viên chuyên ngành giáo dục mầm non theo hướng tiếp cận năng lực

3.3.1. Về phía người dạy

- Nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng, quy trình và các kỹ thuật sử dụng PPDH cho SV ngành giáo dục mầm non theo định hướng TCNL.
- Xây dựng mục tiêu, thiết kế các hoạt động, tiêu chí và bộ công cụ để đánh giá năng lực của SV.
- Tư vấn, theo dõi và tổ chức các HĐ, tạo điều kiện cho SV phát triển năng lực.
- Thiết kế đồ dùng, phương tiện, môi trường học tập phù hợp với mục tiêu, nội dung môn học.

3.3.2. Về phía người học

- Nhận thức được cách sử dụng các phương pháp, chủ động tham gia hoạt động và hoàn thiện các sản phẩm học tập.

- Kiến tạo kiến thức và hình thành kỹ năng học tập.

- Phát triển kỹ năng tự đánh giá, tự học tập, tự hoàn thiện.

3.3.3. Về phía nhà quản lý giáo dục

- Tạo điều kiện tốt nhất về cơ sở vật chất và đồ dùng, thiết bị dạy học.

- Cho phép người dạy tạo không gian mở trong quá trình dạy học.

- Có cơ chế chính sách trong đào tạo và bồi dưỡng giảng viên, động viên giảng viên sử dụng và thu hút sự tham gia của các tổ chức xã hội trong việc vận dụng các PPDH theo hướng TCNL.

4. Kết luận

Có thể nói cốt lõi của vận dụng linh hoạt PPDH theo hướng TCNL là hướng tới hoạt động học tập chủ động, chống lại thói quen học tập thụ động hướng đến đạt được chuẩn đầu ra hội tụ được các năng lực: năng lực chuyên môn; năng lực phương pháp; năng lực xã hội; năng lực cá thể. Vận dụng linh hoạt PPDH theo hướng TCNL cho người học nói chung và cho SV ngành giáo dục mầm non nói riêng là việc làm hết sức quan trọng và cấp thiết, phù hợp với nhu cầu xã hội và nhu cầu hiện đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường, *Lý luận dạy học hiện đại* (2014), NXB Đại học Sư phạm, HN
- [2] Trần Thị Tuyết Oanh (2007), *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, NXB Đại học Sư phạm, HN
- [3] Trần Đình Châu, Đặng Thị Thu Thùy, *Dạy tốt, học tốt các môn học bằng bản đồ tư duy*, NXB Giáo dục Việt Nam
- [4] Vũ Dũng (Chủ biên) (2002), *Từ điển tâm lý học*, NXB Khoa học XH, Hà Nội.
- [5] Lecne.I. Ia (1977), *Dạy học nêu vấn đề*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
- [6] Luật giáo dục (2019), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội
- [7] Đặng Bá Lãm, Nguyễn Thành Nhân (2011), “*Đánh giá kết quả học tập của sinh viên trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học Việt Nam: Những định hướng nghiên cứu lý luận và thực tiễn*”, Tạp chí Khoa học Giáo dục, ISSN: 0868-3662, Vol 66, pp 29
- [8] Đặng Xuân Hải, *Kỹ thuật dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ*, (2011), NXB Bách Khoa – HN
- [9] Vũ Hoa Tươi (Sưu tầm và hệ thống hóa) (2013), *Đổi mới phương pháp dạy học hiệu quả và những giải pháp ứng xử trong ngành giáo dục hiện nay*, Nhà xuất bản tài chính.

KHUYẾN KHÍCH PHỤ HUYNH THAM GIA CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC Ở TRƯỜNG, LỚP MẦM NON NHẪM HỖ TRỢ SỰ PHÁT TRIỂN TÍCH CỰC CỦA TRẺ

ThS. Nguyễn Viết Tuấn
Trường CĐSP Trung ương
Nha Trang

Tóm tắt: Giáo dục gia đình là một phần không thể thiếu trong sự phát triển của trẻ mầm non. Hướng tới sự phát triển bền vững, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, trường mầm non, giáo viên cần phải quan tâm nhiều hơn đến việc khuyến khích phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non. Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan, bài viết trình bày một số biện pháp nhằm khuyến khích phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non, bao gồm: (1) Bồi dưỡng nhận thức cho phụ huynh về tác dụng hỗ trợ sự phát triển của trẻ khi phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non, (2) Tăng cường công tác truyền thông nhằm hỗ trợ phụ huynh trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ, (3) Tạo điều kiện để phụ huynh có thể tham gia trực tiếp vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục của trường, lớp mầm non.

Từ khóa: gia đình, phụ huynh, sự tham gia, hoạt động giáo dục

1. Đặt vấn đề:

Sự tham gia của phụ huynh đã trở thành một phần trong các chương trình giáo dục mầm non (GDMN). Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng “Các chương trình GDMN có sự tham gia ở mức độ cao của phụ huynh trẻ có tác dụng lâu dài nhất đối với trẻ. Không chỉ có sự thay đổi cách xử sự và cải thiện các kỹ năng ở trẻ, mà ngay cả phụ huynh cũng thay đổi” [3]. Nói cách khác, các chương trình giáo dục hướng mục tiêu đến trẻ nhất thiết phải có sự tham gia của cha mẹ. Sự tham gia đó sẽ gắn liền với những kết quả tích cực bao gồm sự phát triển cả về nhận thức, thái độ và hành vi của trẻ.

Tổng kết thực tiễn hiện nay cho thấy, trường nào có chất lượng chăm sóc, giáo dục tốt hơn thì nơi đó có mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội gắn bó, thường xuyên có sự kết hợp chặt chẽ thống nhất ba môi trường giáo dục trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ. Như vậy, có thể nói sự tham gia đóng góp của phụ huynh ảnh hưởng rất nhiều đến chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong trường mầm non. Vì vậy, trong quá trình giáo dục, nhà trường và giáo viên cần phải có sự phối hợp chặt chẽ với gia đình, khuyến khích sự tham gia của phụ huynh với nhiều nội dung, hình thức phong phú để giúp công tác chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy phần lớn phụ huynh không chủ động tham gia các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non. Một số phụ huynh cho biết họ không thể tham gia, hoặc còn lúng túng khi tham gia hỗ trợ các hoạt động giáo dục trẻ; Phụ

huynh chưa nhận thấy là họ luôn được hoan nghênh, được hướng dẫn, được tạo điều kiện đóng góp vào việc chăm sóc, giáo dục con họ một cách hiệu quả và phù hợp với hoàn cảnh.

Với thực tế đó, nhà trường cần chủ động thiết lập mối quan hệ với phụ huynh, tìm cách khuyến khích, lôi cuốn phụ huynh tham gia các hoạt động, phối hợp với nhà trường thực hiện các nội dung chăm sóc, giáo dục trẻ trong chương trình GDMN. Bởi vậy, nghiên cứu nhằm đề xuất các biện pháp khuyến khích phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non là việc làm thực sự cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Ý nghĩa sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non

Ý nghĩa sâu sắc của việc phối hợp các lực lượng trong giáo dục đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ ra ngay trong Hội nghị cán bộ Đảng ngành Giáo dục tháng 6/1957: “Giáo dục trong nhà trường chỉ là một phần, còn cần có sự giáo dục ngoài xã hội và trong gia đình để giúp cho việc giáo dục trong nhà trường được tốt hơn. Giáo dục trong nhà trường dù tốt đến mấy, nhưng thiếu giáo dục trong gia đình và ngoài xã hội thì kết quả cũng không hoàn toàn”[2].

Không ai có thể hiểu rõ một đứa trẻ tốt hơn cha mẹ của chúng và họ cũng là những người có thể hỗ trợ tốt nhất trong sự phát triển toàn diện của trẻ đặc biệt là ở độ tuổi mầm non. Khi cha mẹ được trang bị những kiến thức, kỹ năng và cam kết thực hành những kiến thức, kỹ năng đó tích cực và hiệu quả thì cha mẹ có thể hỗ trợ cho con mình đạt được các mốc phát triển theo độ tuổi.

Nhiều nghiên cứu cũng cho thấy “khi cha mẹ đóng vai trò tích cực, con cái của họ sẽ đạt được thành công lớn hơn với tư cách là người học, bất kể tình trạng kinh tế xã hội, hoặc trình độ học vấn của cha mẹ” [3]. Điều này cho thấy, sự tham gia của phụ huynh là vô cùng cần thiết trong quá trình giáo dục phát triển toàn diện trẻ em.

Ở trường, lớp mầm non, sự xuất hiện của phụ huynh không chỉ khiến trẻ vui vẻ, hứng thú mà hơn cả điều này giúp gia đình hiểu rõ hơn về những kiến thức, kỹ năng con mình được học, đồng thời cũng là cơ hội cho phụ huynh mở rộng hiểu biết và học hỏi về cách thức giáo dục trẻ.

Lợi ích quan trọng nhất chính là về tự hào trên khuôn mặt của trẻ khi thấy cha mẹ cùng mình tham gia các hoạt động ở lớp, ở trường. Khi phụ huynh đánh giá cao những trải nghiệm giáo dục của trẻ thì trẻ cũng sẽ nhận thấy được tầm quan trọng của việc học và chúng sẽ vững bước trên con đường thành công.

Có thể nói, khuyến khích các bậc phụ huynh tham gia vào hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ sẽ tạo được sự liên kết và thống nhất giữa các cơ sở GDMN và gia đình về

nội dung, hình thức, phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ; tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của trẻ về các mặt: thể chất, nhận thức, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ, ngôn ngữ. Qua đó, cũng giúp cho phụ huynh hiểu rõ về tầm quan trọng của GDMN để tham gia hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2. Thực trạng sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non

Thông qua nghiên cứu các đánh giá thực trạng về hình thức, mức độ tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non trong các tài liệu, các bài viết trên một số website, kết hợp với quan sát thực tiễn và trao đổi trực tiếp với các cán bộ quản lý, giáo viên tại các trường mầm non khu vực thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà qua các đợt thực tập sư phạm, chúng tôi đưa ra một số nhận định chung về thực trạng sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non.

Kết quả “khảo sát thực trạng các điều kiện hỗ trợ cha mẹ chăm sóc và giáo dục trẻ có chất lượng và đảm bảo quyền trẻ em” của Vụ Giáo dục Mầm non tháng 11/2018 cho thấy “Công tác phối hợp giữa gia đình và nhà trường trong việc chăm sóc - giáo dục trẻ em chưa đạt hiệu quả cao. Hình thức phối hợp chủ yếu là “tuyên truyền”, trong đó nhà trường thông qua giáo viên phụ trách lớp/ cán bộ quản lý giới thiệu một số nội dung về chăm sóc, giáo dục trẻ trong các buổi họp phụ huynh. Hình thức tuyên truyền đơn điệu, thông tin một chiều, thời gian không thích hợp, giáo viên lại thiếu kỹ năng nên kết quả không được như mong đợi” [1].

Hiện nay, hầu hết các cơ sở giáo dục mầm non thường tổ chức truyền thông cho cha mẹ trẻ vào các dịp họp phụ huynh: họp đầu năm học, cuối học kỳ 1 và cuối năm học (03 lần/năm). Hạn chế của các buổi truyền thông kết hợp họp phụ huynh là thời gian ngắn và nội dung truyền thông không có kế hoạch trước. Trong các cuộc họp, chủ yếu giáo viên thông báo và nhắc nhở cha mẹ cần phối hợp với nhà trường trong chăm sóc - giáo dục trẻ, nhưng làm gì, làm như thế nào thì không được chỉ dẫn cụ thể. Vì vậy, sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình chưa thực sự hiệu quả.

Mức độ tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non chỉ dừng ở mức thỉnh thoảng, còn mức thường xuyên chỉ xuất hiện ở một số rất ít phụ huynh thực sự quan tâm. Theo chia sẻ, một số phụ huynh cho biết “Công việc của tôi rất bận, không thể tham gia các hoạt động của Nhà trường, trăm sự nhờ các cô”. Một số phụ huynh tỏ ra e ngại hoặc lúng túng không biết tham gia, hỗ trợ như thế nào. Có thể nhận thấy, hầu hết phụ huynh chưa chủ động tham gia các hoạt động giáo dục trẻ cùng nhà trường.

Nguyên nhân của những điểm hạn chế có từ cả phía trường mầm non, giáo viên (GV) và phụ huynh. Trường mầm non, GV chưa có các kế hoạch, chưa có định hướng rõ ràng để phụ huynh tham gia thực hiện hoạt động có chủ đích. Về phía phụ huynh, do còn hạn chế về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ; do có sự khác biệt về trình độ, kinh tế và đặc biệt nhận thức “khoán trắng” việc giáo dục trẻ cho GV, cho nhà trường.

Thực tế trên cho thấy, dù nhận thức được tầm quan trọng, sự cần thiết của việc phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục, nhưng trường mầm non, GV vẫn chưa khai thác hiệu quả nguồn tiềm năng sẵn có này. Điều này cũng cho thấy sự cần thiết đề xuất các biện pháp nhằm khuyến khích sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non.

2.3. Biện pháp khuyến khích phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục

Căn cứ vào những vấn đề lí luận, thực trạng vấn đề đã được trình bày ở trên, chúng tôi đề xuất ba biện pháp nhằm khuyến khích sự tham gia của phụ huynh trong các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non như sau:

2.3.1. Biện pháp 1: Bồi dưỡng nhận thức cho phụ huynh về tác dụng hỗ trợ sự phát triển của trẻ khi phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non

Nếu phụ huynh không nhận biết được vai trò quan trọng của họ đối với sự thành công của đứa trẻ trong lớp học, nếu phụ huynh không biết trẻ đến lớp được tham gia vào những hoạt động gì thì họ khó có thể hỗ trợ, tham gia các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non.

a) Mục đích

(1) Giúp phụ huynh nhận thức rõ về tác dụng hỗ trợ sự phát triển của trẻ khi phụ huynh tham gia vào các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non;

(2) Giúp phụ huynh nhận thức trách nhiệm chung của nhà trường, gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ.

b) Nội dung và yêu cầu thực hiện

(1) Xác định mức độ nhận thức, hiểu biết của phụ huynh về tác dụng đối với sự phát triển của trẻ khi phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non

Thông thường, GV quan sát, trao đổi ngắn, nhanh qua các hoạt động hàng ngày với phụ huynh và dựa vào những kiến thức lý thuyết đưa ra những kết luận, đánh giá về nhận thức, hiểu biết của phụ huynh về tác dụng hỗ trợ sự phát triển tích cực đối với trẻ khi có sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non. Để nắm bắt được điều này, giáo viên cần phải thực hiện khảo sát nhỏ hoặc lắng nghe phụ huynh trong các cuộc trò chuyện. Đồng thời, để phụ huynh có thể thoải mái

chia sẻ và bày tỏ những suy nghĩ, quan điểm của bản thân như những đối tác, GV cần tôn trọng và tiếp nhận tất cả mọi ý kiến của phụ huynh, dùng thái độ khách quan để trao đổi, thảo luận và đưa ra đánh giá.

(2) *Tổ chức hoạt động bồi dưỡng nhằm nâng cao nhận thức cho phụ huynh.*

Sau khi xác định được mức độ nhận thức và hiểu biết của phụ huynh thì GV dựa vào đó để tổ chức hoạt động bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho phụ huynh. Có thể tiến hành như sau:

- Truyền thông với các hình thức đa dạng: có thể truyền thông thông qua các buổi họp phụ huynh; truyền thông kết hợp với các hoạt động như trong các dịp tổ chức ngày hội, ngày lễ, các hội thi... hoạt động đón, trả trẻ hàng ngày; thông qua góc truyền thông trên các nền tảng xã hội; phối hợp thực hiện truyền thông qua các tổ chức hội (Hội Phụ nữ; Hội Khuyến học...); thông qua tổ chức các hội thi nuôi dạy con.

- Trực tiếp tổ chức bồi dưỡng:

+ Tổ chức các buổi gặp mặt GV, các hoạt động cho trẻ trải nghiệm khám phá khoa học cùng phụ huynh

+ Tổ chức các hoạt động tham vấn, tư vấn, tọa đàm, chuyên đề...

c) Điều kiện sử dụng biện pháp

(1) Giáo viên phải thực hiện tốt việc xác định hiểu biết của phụ huynh nhằm nắm được mức độ nhận thức của phụ huynh trước khi cung cấp, bổ sung, bồi dưỡng kiến thức cho phụ huynh. Điều này giúp cho giáo viên lựa chọn những nội dung cần cung cấp, những nội dung phụ huynh mong muốn.

(2) Giáo viên có mối quan hệ gắn kết, biết lắng nghe và linh hoạt lựa chọn phương thức thực hiện phù hợp với hoàn cảnh của mỗi gia đình, phụ huynh và điều kiện thực tế của lớp, của trường.

2.3.2. Biện pháp 2: Tăng cường công tác truyền thông nhằm hỗ trợ phụ huynh trong các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ.

Thay vì tuyên truyền như trước đây, GV nên tăng cường công tác truyền thông. Thông thường các trường mầm non, GV chú trọng đến hoạt động tuyên truyền nhằm thông tin tới phụ huynh những nội dung cần thiết. Tuy nhiên việc tuyên truyền mang tính chất một chiều, ít quan tâm tới phản hồi của phụ huynh, vì vậy hiệu quả không cao. Ngày nay, cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ thông tin, nhằm phát huy vai trò của phụ huynh trong việc hỗ trợ hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp cũng như ở gia đình, trường mầm non, GV cần tăng cường tổ chức truyền thông một cách hiệu quả.

a) Mục đích

- Tăng cường sự giao tiếp, chia sẻ, trao đổi thông tin hai chiều giúp trường MN, GV và phụ huynh cùng hiểu nhau để thay đổi nhận thức, thái độ và hành vi.

- Nâng cao vai trò của phụ huynh, tạo sự tương tác bình đẳng giữa trường MN, GV và phụ huynh trẻ, từ đó phụ huynh tự tin tham gia vào các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp MN.

- Tạo môi trường giao lưu, trao đổi tích cực các kiến thức, kinh nghiệm về giáo dục giữa giáo viên và phụ huynh, giữa các phụ huynh với nhau.

b) Nội dung và yêu cầu thực hiện

Trường mầm non, giáo viên cần thực hiện:

(1) Xác định những nội dung cần truyền thông đến phụ huynh

Cùng với những thông tin liên quan đến công tác tổ chức, quản lý chung, trường mầm non, GV cần xác định rõ những nội dung truyền thông nhằm khuyến khích sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp: kế hoạch, nội dung giáo dục năm học, tháng, chủ đề; những đề nghị tham gia, phối hợp từ phía phụ huynh; các chủ đề hỗ trợ phụ huynh kiến thức, kỹ năng chăm sóc giáo dục trẻ; những chia sẻ kinh nghiệm...

Các đề nghị sự tham gia của phụ huynh phải cụ thể, rõ ràng để phụ huynh biết mức độ họ tham gia, khi tham gia thì làm gì, làm như thế nào, họ rất cần có chỉ dẫn cụ thể.

(2) Khảo sát nhu cầu và mong muốn của phụ huynh về thông tin truyền thông

Trường mầm non, GV chủ động đề xuất các nội dung cần truyền thông, tuy nhiên những thông tin này phải phù hợp với nhu cầu của phụ huynh. Vì vậy, trường mầm non, GV cần gửi phiếu trưng cầu ý kiến phụ huynh về những nội dung cần truyền thông của nhà trường, đồng thời đề nghị phụ huynh đề đạt, bổ sung nhu cầu, mong muốn của họ đối với các hoạt động giáo dục trẻ cũng như hoạt động truyền thông. Trên cơ sở kết quả khảo sát, trường mầm non, GV xác định mức độ cần thiết, phù hợp của những thông tin truyền thông.

(3) Xây dựng và thực hiện kế hoạch truyền thông một cách hiệu quả.

Từ nội dung (1) và (2), trường mầm non xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác truyền thông.

Cần thực hiện công tác truyền thông với nhiều hình thức khác nhau:

- Truyền thông trực tiếp thông qua buổi họp phụ huynh
- Truyền thông trực tiếp của giáo viên và phụ huynh (trao đổi trực tiếp giữa giáo viên và phụ huynh khi họ có nhu cầu)
- Truyền thông thông qua các hoạt động:
 - + Thăm khám sức khỏe đầu năm học
 - + Tham vấn, tư vấn giữa giáo viên và phụ huynh trong việc chăm sóc giáo dục trẻ
 - + Các buổi tọa đàm, chia sẻ kinh nghiệm...
- Thiết lập kênh truyền thông thông qua trang web, diễn đàn sử dụng nền tảng mạng xã hội (Facebook, Zalo...). Thông qua các kênh thông tin này, GV có thể chia sẻ

các hoạt động hàng ngày của trẻ, gửi thông báo đến các bậc phụ huynh, gửi các video để phụ huynh phối hợp cùng chăm sóc, giáo dục trẻ. Tuy nhiên, giáo viên nên tham gia là một thành viên tích cực, trách nhiệm để định hướng và giải quyết những vấn đề tranh cãi, chưa chính xác hoặc chưa được kiểm chứng trên các nền tảng xã hội.

- Tổ chức livestream và thông báo cho phụ huynh theo dõi một số hoạt động giáo dục của trường, lớp.

Như vậy, tăng cường công tác truyền thông sẽ phát huy vai trò chủ động, tích cực không chỉ phía trường mầm non, GV mà cả phụ huynh. Phụ huynh hiểu biết hơn về các hoạt động của trường, lớp trong việc giáo dục con em họ; có trách nhiệm và tự tin tham gia vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp khi có điều kiện.

c) Điều kiện thực hiện biện pháp

+ Nhà trường, GV: nắm vững nội dung cần truyền tải đến phụ huynh cha mẹ; hiểu rõ cha mẹ mong muốn điều gì và sử dụng phương tiện truyền thông phù hợp.

+ Nội dung truyền thông: liên quan đến nhu cầu thực tế của phụ huynh; đưa ra đúng lúc, đúng thời điểm; các thông tin rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu; phù hợp với hoàn cảnh của phụ huynh và phải hấp dẫn.

+ Phương tiện truyền thông: phù hợp với hoàn cảnh thực tế về thời gian, kinh phí, dễ dàng tiếp cận.

2.3.3. Biện pháp 3: Tạo điều kiện để phụ huynh có thể tham gia trực tiếp vào các hoạt động giáo dục của trường, lớp mầm non

Việc tạo điều kiện để phụ huynh tham gia trực tiếp vào nhiều hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng.

a) Mục đích

- Giúp phụ huynh thấy rõ được vai trò của hoạt động chăm sóc, giáo dục ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển của trẻ, thấy được sự tiến bộ của trẻ qua từng ngày, qua đó từng bước chủ động hợp tác tích cực với trường, GV mầm non.

- Giúp phụ huynh thấy rõ tác dụng tích cực đối với trẻ khi có sự tham gia của họ, chủ động nắm bắt cách thức tham gia vào các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non.

- Góp phần nâng cao hiểu biết cho phụ huynh và biến họ thành đối tác của nhà trường trong hoạt động giáo dục trẻ.

b) Nội dung và yêu cầu thực hiện

(1) Xác định hình thức phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường, lớp

Trường mầm non, GV dự kiến các hình thức phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường, lớp. Có thể tham gia:

- Tham quan lớp học

- Dự các hoạt động chung của nhà trường, của lớp như: ngày khai giảng (ngày hội đưa trẻ tới trường), tổng kết năm học, các buổi họp phụ huynh

- Tham gia tổ chức cân đo, khám sức khỏe, theo dõi sức khỏe của trẻ theo định kỳ

- Dự các hoạt động học của trẻ

- Tinh nguyện tham gia lớp học (tham gia hoạt động học, chơi... cùng với trẻ trong lớp)

- Sưu tầm vật dụng, đóng góp, hỗ trợ đồ dùng, đồ chơi cho trẻ

- Hỗ trợ hoặc tham gia trực tiếp vào các hoạt động giáo dục phù hợp với chương trình giáo dục: hoạt động trải nghiệm, tổ chức ngày Hội, Lễ như: “Khai giảng năm học mới”, “Ngày hội trăng rằm”, “Xuân yêu thương, Tết sum vầy”, “Ngày hội văn nghệ - thể thao”, “Ngày vui của bà, của mẹ”, “Tiệc buffet” hoặc tổ chức ngày sinh nhật cho trẻ...

- Tham gia sinh hoạt nhóm cha mẹ trẻ (nhóm cha mẹ trẻ có các con cùng lớp, cùng sở thích, cùng mối quan tâm để tiếp nhận thông tin và chia sẻ kinh nghiệm)

- Tham gia các buổi tham vấn/tư vấn về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, giáo dục trẻ với sự chia sẻ từ các chuyên gia giáo dục.

- Trao đổi, góp ý với nhà trường, giáo viên về xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường, lớp; góp ý về thái độ, tác phong, hành vi ứng xử của giáo viên và nhân viên trong trường với trẻ và phụ huynh...

(2) Tổ chức cho phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục của trường, lớp

Sau khi xác định các hình thức phụ huynh tham gia vào các hoạt động của trường, lớp, trường mầm non, giáo viên cần lên kế hoạch và thống nhất hoạt động, hình thức tham gia của phụ huynh.

Với mỗi hoạt động, giáo viên có thể tiến hành xác định các hoạt động tham gia cụ thể của phụ huynh, xây dựng các chỉ dẫn để phụ huynh có thể tham gia phù hợp với điều kiện và khả năng.

Truyền thông với phụ huynh về kế hoạch hoạt động và hình thức tham gia của phụ huynh. Việc này có thể thực hiện thông qua hội nghị phụ huynh, giáo viên có thể gợi ý, trao đổi trực tiếp trong hoạt động đón, trả trẻ; có thể thông báo, kết nối với phụ huynh qua mạng xã hội... qua đó tạo sự quan tâm, hứng thú cho phụ huynh tham gia.

c) Điều kiện sử dụng biện pháp

(1) Mục tiêu của kế hoạch phải được xác định rõ ràng và cụ thể cho từng thời điểm và luôn đảm bảo tính khả thi.

(2) Phụ huynh phải có nhận thức đúng đắn và có hiểu biết nhất định về cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non.

(3) Giáo viên có kế hoạch thu hút gia đình tham gia và tiến hành các hoạt động theo trình tự phù hợp với thực tế.

3. Kết luận

Để chăm sóc, giáo dục trẻ đạt hiệu quả tốt rất cần sự tham gia tích cực của các bậc phụ huynh bởi công cuộc chăm sóc và giáo dục trẻ em, bên cạnh nhà trường, giáo viên và xã hội, phụ huynh có vai trò vô cùng quan trọng, họ là người ươm trồng và nuôi dưỡng trí tuệ, tình cảm, nhân cách cho trẻ.

Sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục ở trường, lớp mầm non không phụ thuộc vào trình độ học vấn, khả năng kinh tế mà phụ thuộc rất nhiều vào nhận thức, sự quan tâm và thái độ của phụ huynh đối với công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Khuyến khích các bậc phụ huynh tham gia các hoạt động giáo dục trẻ ở trường, lớp mầm non có tác dụng tích cực trong việc tạo sự liên kết và thống nhất giữa nhà trường và gia đình; tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của trẻ; giúp cho phụ huynh hiểu rõ về tầm quan trọng của giáo dục mầm non để tham gia hỗ trợ cả về vật chất và tinh thần, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Trong quá trình thực hiện, áp dụng các biện pháp khuyến khích sự tham gia của phụ huynh vào các hoạt động giáo dục, nhà trường và giáo viên phải là người khởi xướng, chủ động. “Nhà trường có trách nhiệm chủ động phối hợp với gia đình và xã hội để tổ chức hoặc tham gia các hoạt động giáo dục theo kế hoạch của nhà trường” [4]. Chính giáo viên là người tìm hiểu nhu cầu, mong muốn của phụ huynh và định hướng, xây dựng chương trình hành động để khuyến khích phụ huynh tham gia, hỗ trợ nhà trường chăm sóc, giáo dục trẻ. GV có thể vận dụng các biện pháp nêu trên theo tuần tự hoặc kết hợp đồng thời các biện pháp./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1]. Bộ Giáo dục & Đào tạo (2020), “*Hướng dẫn phối hợp với cha mẹ trong chăm sóc giáo dục trẻ mầm non*” (Dành cho cán bộ quản lý và giáo viên mầm non), NXB GDVN.

[2]. Hồ Chủ Tịch bàn về giáo dục (1962), NXB. Giáo dục, Hà Nội.

[3]. ThS. Trần Viết Nhi (2022), *Tăng cường sự tham gia của gia đình trong giáo dục khoa học cho trẻ mẫu giáo*, Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế. <https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/data/2022/9/02-GDMN-SP-Huế- Nguyễn Thị Yến Nhi, Nguyễn Viết Nhi>.

[4] Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục*.

HỌC THÔNG QUA CHƠI TRONG GIÁO DỤC MẦM NON PHẦN LAN VÀ MỘT VÀI KIẾN NGHỊ CHO VIỆT NAM

ThS Nguyễn Thị Hải Diệu
Văn phòng Đại diện Wise
Consulting Finland Oy tại Hà Nội
Email: diem.nguyen@wcf.fi

Tóm tắt: Vui chơi và học tập thông qua vui chơi là một trong những nội dung nhận được sự quan tâm đông đảo của những nhà nghiên cứu và thực hành giáo dục trong nhiều năm trở lại đây vì những lợi ích của vui chơi đối với việc học của trẻ mầm non. Giai đoạn mầm non là giai đoạn khởi đầu của cả quá trình học tập trọn đời sau này. Phần Lan là một trong những quốc gia điển hình trong triển khai hoạt động vui chơi trong giáo dục mầm non. Trong báo cáo này, tác giả phân tích về tiếp cận học thông qua chơi tại các cơ sở mầm non Phần Lan từ góc độ chính sách, lý thuyết tới thực hành. Cuối cùng nghiên cứu đồng thời cũng đề xuất một vài kiến nghị cho Việt Nam để triển khai hiệu quả tiếp cận học thông qua chơi.

Từ khóa: Học thông qua chơi, Giáo dục mầm non Phần Lan, Giáo dục mầm non Việt Nam

MỞ ĐẦU

Học tập thông qua vui chơi là một trong những nội dung gần đây được đưa vào trong chương trình giáo dục mầm non quốc gia Việt Nam và cũng như được nghiên cứu và thực hành nhiều trong các cơ sở giáo dục mầm non. Vui chơi vừa là bản năng của trẻ lại vừa có những giá trị học tập tốt đẹp. Các quốc gia tiên tiến hiện nay trên thế giới đều đã và đang triển khai vui chơi trong học tập để tạo tiền đề cho trẻ đam mê học tập, nuôi dưỡng việc học tập trọn đời. Phần Lan là một trong những quốc gia đã và đang triển khai tích cực học tập thông qua vui chơi và có nhiều nghiên cứu khoa học hữu ích về chủ đề này. Trong khuôn khổ bài viết này, tác giả tổng hợp các nghiên cứu và phân tích các thông tin về học tập thông qua vui chơi trong giáo dục mầm non Phần Lan để người đọc Việt Nam tham khảo và có thể áp dụng trong thực tiễn tại Việt Nam.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Báo cáo sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính thông qua việc phân tích các nghiên cứu và tài liệu chính sách đã có kết hợp với ví dụ thực tiễn từ các giải pháp giáo dục Phần Lan. Phần lớn hoạt động tìm kiếm và tài liệu tìm được đều bằng Tiếng Anh, được dịch sang Tiếng Việt và chắt lọc chuyển vào báo cáo. Tìm kiếm từ khóa “playful learning in Finnish early childhood education” trên trang Google Scholar cho ra nhiều kết quả tốt. Quá trình tìm kiếm tài liệu cho ra tên tuổi của một vài nhà nghiên cứu hàng đầu tại Phần Lan về chủ đề học tập thông qua vui chơi như Kangas Jonna.

NỘI DUNG

1. Vui chơi trong giáo dục mầm non

UNESCO (2018) cho rằng vui chơi là một chiến lược học tập thiết yếu của trẻ những năm đầu đời. Mặc dù học tập là một quá trình diễn ra trọn đời nhưng tốc độ và khả năng học tập của trẻ trong 8 năm đầu cao hơn tất cả các giai đoạn sau. Trong khi đó, thông qua vui chơi, trẻ phát triển kỹ năng và xây dựng các kiến thức thiết yếu cho mình.

Vậy vui chơi là gì? Giới học giả không có một định nghĩa tiêu chuẩn cho “vui chơi”, thay vì đó, các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào việc mô tả đặc điểm của vui chơi hay các hình thức của vui chơi (Chin, 2018). Theo UNESCO (2018), vui chơi có năm đặc điểm quan trọng: (1) vui chơi là hạnh phúc, hân hoan; (2) vui chơi là chủ động và tích cực tham gia; (3) vui chơi là lặp đi lặp lại ở cấp độ phát triển cao hơn; (4) vui chơi là tương tác xã hội; và (5) vui chơi là có ý nghĩa. Trẻ khám phá và nhận biết thế giới khi chơi và tìm ra ý nghĩa trong mỗi trải nghiệm bằng cách kết nối những gì đang chơi với những trải nghiệm trước đó. Thông qua vui chơi, trẻ bộc lộ bản thân, mở rộng thêm hiểu biết. Một đặc điểm quan trọng về vui chơi được đề cao là vui chơi tạo cơ hội để trẻ phát huy tính chủ động, rèn khả năng ra quyết định của bản thân mình (Baker, Courtois, Eberhart, 2023).

Trong khi đó, học tập cũng là một quá trình cần sự chủ động của người không dù ở bất kỳ độ tuổi nào. Hiệu quả học tập phụ thuộc vào sự tham gia của trẻ, khả năng chủ động điều khiển các hành động của bản thân, dựa vào những hiểu biết trước đó và khả năng tuân theo các hướng dẫn và so sánh những gì quan sát được với những kỳ vọng của bản thân (Baker và cộng sự, 2023). Do đó, vui chơi bổ trợ nhuần nhuyễn cho học tập. Cụ thể hơn, vui chơi mang lại những cơ hội giá trị đối với tất cả các khía cạnh phát triển cho trẻ bao gồm các kỹ năng vận động thể chất, kỹ năng nhận thức và kỹ năng cảm xúc xã hội (Gleave, Josie, Issy, 2007). Cùng một thời điểm chơi, trẻ sử dụng và phát triển nhiều loại kỹ năng khác nhau.

Vui chơi trong học tập được phân loại dưới ba hình thức khác nhau được phân loại dựa vào sự chủ động dẫn dắt của người lớn hay của trẻ (Lego Foundation, 2017):

- *Vui chơi tự do*: trẻ chủ động dẫn dắt toàn bộ hoạt động, người lớn nhận diện được môi trường và tạo điều kiện cho trẻ vui chơi tự do bằng cách thiết lập thời gian và lựa chọn môi trường
- *Vui chơi có sự hướng dẫn*: trẻ làm chủ hoạt động chơi và người lớn khơi gợi, dẫn dắt từng bước
- *Trò chơi thiết kế sẵn*: người lớn thiết kế trò chơi và dẫn dắt trẻ, thiết lập ra luật chơi và những giới hạn của trò chơi

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về giá trị của học thông qua chơi với trẻ, việc tích hợp vui chơi vào trong giáo dục trẻ mầm non tại nhiều quốc gia vẫn gặp nhiều trở ngại vì năm lý do (UNESCO, 2018). Lý do thứ nhất, giá trị của vui chơi chưa được hiểu một cách thấu đáo từ tiếp cận học thuật. Ở nhiều quốc gia, học thuộc lòng và ghi chép thông tin vẫn được coi là cách thức học tập chính yếu. Những nhà thực hành và quản lý giáo dục trực tiếp chưa nhận ra được vai trò của vui chơi đối với việc phát triển các năng lực học thuật như toán học, khoa học và khả năng đọc viết. Thứ hai, cha mẹ hay những người chăm sóc trẻ trực tiếp hiểu sai về vui chơi. Nhiều người cho rằng vui chơi trái ngược với học tập nghiêm túc vì chưa được tiếp cận với thông tin khoa học về giá trị của học tập với vui chơi. Thứ ba, chương trình học và các tiêu chuẩn học tập trong chương trình quốc gia không đề cập đến vui chơi. Thứ tư, giáo viên không được đào tạo bài bản về việc tích hợp và triển khai vui chơi trong học tập, về quan sát thực tế hoạt động học thông qua chơi hay về việc tận các học liệu, sử dụng loại học liệu nào tạo điều kiện để tổ chức vui chơi trong học tập. Thứ năm, ở nhiều quốc gia, sĩ số lớp học đông khiến trẻ ít tự do để vui chơi. Tỷ lệ giáo viên thấp so với số lượng học sinh khiến việc quan sát và hỗ trợ trẻ vui chơi khó khăn hơn.

Trên thế giới có nhiều quốc gia trên thế giới đã tích hợp vui chơi trong giáo dục mầm non thành công. Việc tìm hiểu cách làm của các quốc gia khác từ hệ thống, chính sách đến phương pháp triển khai thực tế tại trường học là cần thiết để tìm ra cách làm và vận dụng thành công ở quốc gia mình. Phần tiếp sau đây giới thiệu học thông qua chơi trong giáo dục mầm non Phần Lan, một quốc gia được coi là một hình mẫu thành công của cách tiếp cận này.

2. Học thông qua chơi trong giáo dục mầm non Phần Lan

2.1. Hiểu về “học tập” và “vui chơi” trong giáo dục Phần Lan

Quan điểm về “học tập” trong giáo dục mầm non Phần Lan được định hình theo cách trẻ phát triển, trưởng thành và học tập trong mối quan hệ với người khác và môi trường chúng tiếp xúc trực tiếp. Quan điểm về “học tập” cũng xuất phát từ đặc tính chủ động của trẻ. Bản chất tự nhiên của trẻ là tò mò và mong ước khám phá những điều mới lạ, xem lại và lặp lại những gì chúng đã được học.

“Học tập” diễn ra mọi nơi và là một trải nghiệm tổng thể kết hợp kiến thức, kỹ năng, hành động, cảm xúc, nhận thức đa giác quan, trải nghiệm thân thể, ngôn ngữ và tư duy. Giữa muôn vàn điều khác nhau, “học tập” diễn ra khi trẻ quan sát và đánh giá môi trường xung quanh và khi chúng bắt chước hành động của người khác. Trẻ cũng học thông qua: vui chơi, chuyển động, khám phá, và khi tham gia vào nhiều nhiệm vụ học tập khác nhau và biểu đạt bản thân thông qua các hoạt động nghệ thuật.

Chương trình giáo dục mầm non quốc gia Phần Lan (2016) nhấn mạnh tầm quan trọng của vui chơi: Vui chơi tạo ra niềm vui và sự thỏa mãn của trẻ, và đây một công

cụ giúp học sinh đạt được mục tiêu học thuật, năng lực nhận thức và rất nhiều năng lực khác thông qua các hoạt động sư phạm có chủ đích.

Tại Phần Lan, giáo viên tiếp cận vui chơi dưới góc nhìn văn hóa xã hội để hiểu các thông lệ thực hành trong giáo dục trong một bối cảnh tại một khoảng thời gian nhất định (Kangas, 2019). Kangas (2019) nhấn mạnh rằng giáo viên Phần Lan mô tả trẻ trong vui chơi có nhiều kỹ năng và nhiều năng lực hơn bất kỳ hoạt động nào khác trong cuộc sống. Tuy nhiên, điều quan trọng hơn là để hiểu về vai trò của vui chơi trong học tập và trong giảng dạy. Để hiểu góc nhìn của giáo viên Phần Lan về học tập thông qua vui chơi, các nhà nghiên cứu đầu tiên cần biết định nghĩa của giáo viên Phần Lan về những đứa trẻ. Trẻ em tại Phần Lan được coi là những cá thể chủ động và có năng lực trong việc xây dựng việc học tập của bản thân, môi trường và cấu trúc xã hội (Chương trình giáo dục mầm non quốc gia, 2016; Kangas, 2019). Trẻ được coi là con người có đầy đủ năng lực chứ không phải là con người chưa trưởng thành (“being not becoming”). Điều này có nghĩa là trong giáo dục mầm non, tất cả những hành động tự phát, các sở thích, cảm xúc và cách tương tác của trẻ được tôn trọng. Trẻ em được rèn luyện để hiểu vấn đề thay vì giáo viên trực tiếp đưa ra đáp án đúng, được thảo luận và đưa ra cách hiểu của bản thân (thay vì lắng nghe và ghi nhớ) và cuối cùng sẽ sáng tạo và thiết kế việc học của riêng chúng, thay vì nghe theo chỉ dẫn của giáo viên. Tất cả những điều này biến các ngôi trường mầm non Phần Lan trở thành một nơi của học tập thông qua vui chơi.

Tuy nhiên, giáo dục mầm non Phần Lan không thiếu vắng các mục tiêu học thuật, xã hội và vận động cho trẻ. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn trẻ học toán, ngôn ngữ, khóa học tự nhiên (hay khoa học môi trường), đạo đức, nghệ thuật và giáo dục thể chất. Bí quyết ở đây là giáo viên coi trọng góc nhìn của trẻ và những kiến thức trẻ vốn có và xây dựng nên môi trường học tập với các hoạt động học tập dựa trên các tương tác tràn đầy niềm vui và các trải nghiệm thực tế nơi trẻ có cơ hội để khám phá, sáng tạo và tự học.

Quá trình học tập của những đứa trẻ có thể khác nhau trong cùng một hoạt động học tập và quy trình, chứ không phải là đầu ra học tập, là cần thiết đối với cả trẻ và giáo viên. Như đã mô tả trong phần trước, quan điểm học tập trong giáo dục mầm non Phần Lan dựa trên cách tiếp cận toàn diện và học tập diễn ra khi trẻ đang chơi, khám phá, chuyển động, chăm sóc môi trường xung quanh cũng như qua việc tự khám phá và sáng tạo (trang 20). Khi chơi, trẻ không chỉ học thông qua các bài tập học thuật nhận thức mà học thông qua cách sống, cách làm người và cách đón nhận thế giới (Kangas, Harju-Luukkaine, Brotherus, Kuusisto, & Gearon, 2019).

Đối chiếu với các nghiên cứu quốc tế nói chung, có thể thấy rằng, cách tiếp cận của giáo dục mầm non Phần Lan về học thông qua chơi cũng tiệm cận với cách tiếp

cận của các học giả quốc tế: vui chơi giúp trẻ phát triển năng lực nhận thức, vận động thể chất và cảm xúc xã hội. Nền tảng của giáo dục mầm non Phần Lan được cho là dựa trên quan điểm của Frobel và Pestalozzi về việc trẻ làm việc và vui chơi (Kangas & Harju-Luukkainen, 2022). Các học liệu, đồ chơi và môi trường là chất xúc tác cho trẻ chủ động học tập thông qua các hoạt động vui chơi tự do/tự phát hoặc hoạt động có định hướng của giáo viên. Thay vì ba hình thức vui chơi như UNESCO phân loại, nhiều học giả Phần Lan chỉ phân chia hoạt động vui chơi của trẻ mầm non Phần Lan dưới hai hình thức: vui chơi dưới sự hướng dẫn của giáo viên và vui chơi tự phát của học sinh. Kangas, Ojala và Venninen (2015) đã nhận diện ra những nguyên tắc của giáo dục những năm đầu đời. Đó là chủ động, khám phá, năng lực xã hội, tự chủ và sự tham gia xuất hiện thông qua vui chơi và hành động của trẻ. Trong các hoạt động sư phạm, ví như giáo viên có thể phối kết hợp kịch nghệ, ứng tác hay truyện cổ tích để phát triển cốt truyện cho trẻ chơi và xây dựng các thế giới tưởng tượng. Thời gian, không gian, sự bình yên và đồ chơi cũng như chất liệu chơi phù hợp là điều kiện cần thiết cho các trò chơi của trẻ. Các môi trường học tập phải đủ sự linh hoạt cho vui chơi và các hoạt động vui chơi có thể diễn ra ở bất kỳ đâu. Các trò chơi khác nhau và các thiết bị công nghệ khác nhau sẽ mang tới nhiều cơ hội vui chơi đa dạng. Trong một môi trường khuyến khích sự vui chơi, cả người lớn cũng là người học.

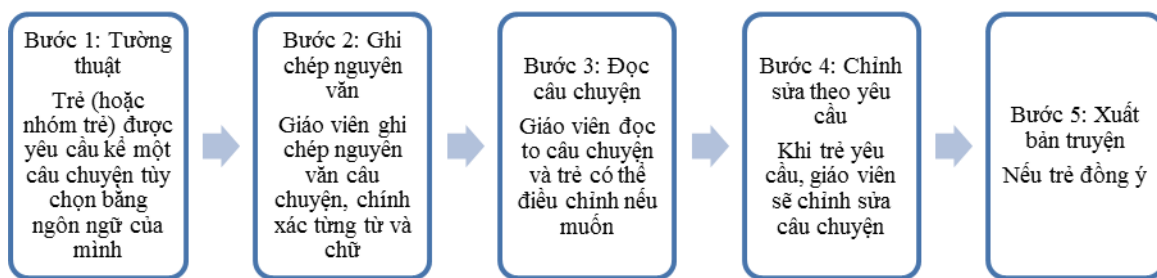
Theo Ukkonen-Mikkola và Salonen (2022), một ngày ở trường mầm non thường bao gồm ba bữa ăn: bữa sáng, bữa trưa và bữa ăn phụ. Các hoạt động bao gồm hoạt động có hướng dẫn, hoạt động do trẻ tự khởi xướng, vui chơi, thời gian nghỉ ngơi và thư giãn (một số trẻ ngủ) và hoạt động ngoài trời trong khoảng ba giờ. Thông thường một ngày có một hoạt động vui chơi có sự hướng dẫn sát sao của giáo viên. Phần lớn thời gian còn lại trẻ chơi tự do và nghỉ ngơi hay cho các mục đích chăm sóc. Ví dụ về chơi tự do ít có sự hướng dẫn của giáo viên được mô tả trong phần Phụ lục và dịch từ các ví dụ trong một nghiên cứu thực nghiệm của Kangas và cộng sự (2019). Các ví dụ đều thấy ít hoặc không có sự xuất hiện của người giáo viên. Việc chơi của trẻ diễn ra tự do và dường như ít có ý nghĩa trong “học tập”. Nhiều học giả Phần Lan đã chỉ ra rằng trong giáo dục mầm non, việc trẻ chơi tự phát như vậy trước những giờ học sẽ khuyến khích chúng tham gia say sưa vào các hoạt động học tập do giáo viên hướng dẫn (Aras, 2016; Leinonen, Brotherus & Venninen, 2014). Đây là một cách thức tổ chức hoạt động cho trẻ mầm non truyền thống trong kế hoạch dạy học tổng thể của ngày. Những hoạt động như vậy có thể diễn ra cho dù không có sự giám sát của người lớn. Một điều đáng lưu ý là, chính vui chơi nhiều ở cấp mầm non đã tạo nên một con đường giáo dục đưa học sinh phổ thông Phần Lan thường xuyên nằm trong nhóm có thứ hạng cao nhất trong Chương trình Đánh giá Học sinh Quốc tế (PISA).

Tham chiếu năm lý do thất bại của việc triển khai học thông qua chơi trong giáo dục mầm non của UNESCO (2018) với bối cảnh của giáo dục mầm non Phần Lan, một điều có thể rút ra rằng Phần Lan có một môi trường lý tưởng cho tiếp cận học tập thông qua chơi. Thứ nhất, chất lượng giáo viên Phần Lan được khẳng định. Chương trình đào tạo sinh viên sư phạm nhấn mạnh về vai trò và việc tổ chức hoạt động vui chơi trong nhiều học phần đào tạo (tham khảo Chương trình Cử nhân sư phạm mầm non Đại học Turku năm học 2020-2022). Thứ hai, lý thuyết và nghiên cứu về học thông qua chơi do các học giả Phần Lan thực hiện nhiều và việc ứng dụng nghiên cứu vào thực tế được coi trọng. Kangas là một trong những giáo sư của Đại học Helsinki tiến hành nhiều nghiên cứu về chủ đề này. Gần đây, ông và cộng sự (2021) đã cho ra đời một nghiên cứu tổng hợp khung lý thuyết về phương pháp học thông qua chơi trong giáo dục mầm non Phần Lan. Thứ 3, tỷ lệ trẻ và giáo viên/y tá trong một lớp học Phần Lan là 1:4 với nhóm trẻ dưới 3 tuổi và 1:7 cho nhóm 3-6 tuổi. Điều này, như đã phân tích ở trên, số lượng trẻ trong lớp ít giúp giáo viên dành được nhiều thời gian hơn cho mỗi trẻ. Thứ 4, chương trình giáo dục mầm non quốc gia và các văn bản quy định liên quan đều nhấn mạnh tầm quan trọng của vui chơi trong học tập của trẻ. Như vậy, từ chính sách đến thực hành, từ lý thuyết đến thực tiễn, hệ thống giáo dục Phần Lan dường như tạo một môi trường thuận lợi cho tổ chức hoạt động vui chơi.

Phần tiếp sau đây phân tích về việc tích hợp vui chơi vào học ngôn ngữ và toán học ở trẻ mầm non Phần Lan, tập trung vào các hoạt động vui chơi có sự hướng dẫn của giáo viên để phát huy các năng lực học thuật.

2.2. Một vài phương pháp tích hợp vui chơi vào dạy học ngôn ngữ và toán học

Trong dạy học ngôn ngữ, vui chơi được sử dụng nhằm mục tiêu chung là khiến trẻ giao tiếp hợp tác với nhau (Salonen & Karvonen, 2022) bởi vì bản chất ngôn ngữ là công cụ để giao tiếp và tương tác giữa con người. Bruner (1983) cho rằng, với trẻ, ngôn ngữ là một công cụ để suy nghĩ và phối hợp với hành động. Để làm được như vậy, trẻ cần có cơ hội để chơi vì vui chơi là yếu tố quan trọng cho sự phối hợp này. Ba phương pháp vui chơi phổ biến hỗ trợ sự phát triển ngôn ngữ, khả năng tương tác và sự tham gia ở trẻ mầm non Phần Lan là: xây dựng câu chuyện, làm truyện tranh ngắn và trò chơi nhập vai. Xây dựng câu chuyện là một phương pháp phổ biến. Phương pháp này dựa trên sự tương tác và sẵn sàng lắng nghe của người tham gia đối với người kể chuyện. Trong phương pháp này, trẻ sử dụng từ ngữ của mình để thể hiện bản thân và trình bày mạch lạc một chủ đề mà trẻ đang quan tâm. Karlsson (2014, trong Salonen & Karvonen, 2022) cho rằng trẻ được trao quyền khi giáo viên triển khai phương pháp này, trẻ chủ động và tích cực tham gia hơn. Các bước trong phương pháp xây dựng câu chuyện được minh họa bằng quy trình dưới đây.



(Mô phỏng lại từ Quy trình của Salonen và Karvonen, 2022)

Tiếp đến, phương pháp làm truyện tranh ngắn do Eeva-Liisa Peltola phát triển và được sử dụng để dạy trẻ về cuộc sống hàng ngày và các kỹ năng cảm xúc. Tranh ảnh và hình vẽ khơi gợi sự tò mò ở trẻ. Vì vậy, sử dụng tranh ảnh hoặc hình vẽ giúp trẻ phát triển kỹ năng nói. Ví dụ, giáo viên có thể giảng dạy hiệu quả hơn bằng cách vẽ các hình đơn giản minh họa làm rõ vấn đề cho trẻ. Môi trường học tập trực quan hơn với sự trợ giúp của tranh ảnh và hình vẽ. Sử dụng tranh ảnh và hình vẽ dưới dạng truyện tranh là một phương pháp sư phạm hiệu quả, có thể được sử dụng để làm rõ quá trình sự kiện, quy trình hay mối quan hệ nhân quả. Truyện tranh có thể minh họa, ví dụ chuỗi các sự kiện hoặc những khoảnh khắc cá nhân trong một ngày. Trẻ không được trang bị sẵn các kỹ năng để kiểm soát cảm xúc của mình, và để có những kỹ năng đó, trẻ cần sự giúp đỡ của người lớn. Bằng cách sử dụng truyện tranh ngắn, trẻ khám phá ý nghĩa của các biểu cảm khác nhau, cảm nhận của người khác, hoặc cách đối phó với một cảm xúc.

Tương tự, trò chơi nhập vai cũng là một phương pháp phổ biến tại Phần Lan. Không những thế, phương pháp này còn được triển khai và nghiên cứu ở một số quốc gia khác như Thụy Điển, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Theo đó, giáo viên tham gia vào các trò chơi tưởng tượng cùng trẻ. Trẻ em và giáo viên cùng tạo ra thế giới tưởng tượng dựa trên những câu chuyện mà trẻ đã được nghe trước đó. Quá trình này tạo nên môi trường học tập lẫn nhau dựa trên ứng biến và trong đó cả trẻ em và giáo viên đều chủ động. Người chơi không biết trò chơi sẽ kết thúc như thế nào. Thế giới tưởng tượng này được chia sẻ giữa những người chơi là trẻ em và giáo viên, cùng tham gia các cuộc phiêu lưu và giải các câu đố. Người chơi tương tác với nhau thông qua các vai diễn và nhân vật mà họ đóng. Trò chơi kích thích trí tưởng tượng và giúp cải thiện các năng lực hữu ích cho cuộc sống sau này, từ đó thúc đẩy việc học tập suốt đời và các năng lực chuyển đổi khác.

Cần lưu ý rằng, để giúp trẻ phát triển được năng lực ngôn ngữ, trẻ cần được nuôi dưỡng trong một nền văn hóa đọc nơi không chỉ nhà trường mà cha mẹ là một phần quan trọng góp phần hình thành nên năng lực này.

Trong dạy toán học, chương trình Giáo dục mầm non quốc gia Phần Lan (2016) quy định rằng các hoạt động toán học nên mang lại cho trẻ niềm vui học tập và sáng

tạo, và trẻ làm quen với các khái niệm toán học thông qua vui chơi và thử nghiệm. Trẻ được hướng dẫn để nhận diện các con số và hình dạng trong chính các hoạt động thường ngày. Theo phân tích của Taittonen (2022), mặc dù có rất nhiều các kỹ năng toán học ở tuổi mầm non nghe có vẻ phức tạp như khả năng toán học bẩm sinh (định lượng tức thì, cảm giác số, tập trung tự phát vào các con số), hiểu các mối quan hệ toán học (nguyên tắc logic, ký hiệu toán học, nguyên tắc số học, giá trị của hàng chữ số và hệ thập phân), kỹ năng đếm, tư duy không gian hình học..., giáo viên không cần tổ chức các hoạt động ngồi bàn học nghiêm túc để dạy trẻ những điều này. Thay vì đó, cần tạo ra nhiều môi trường học tập khác nhau dựa trên hình thức vui chơi. Đó có thể là môi trường ngoài tự nhiên khi trẻ vận động ngoài trời, trẻ tham gia các trò chơi tập thể có nội dung toán học, hay quan sát đếm số lượng cây trong sân hoặc số lượng bọ trên lá. Đó có thể là môi trường trong nhà, là chính các hoạt động thường ngày của trẻ, như đếm ghế quanh bàn ăn, đếm ngón chân đếm số lượng cúc khi trẻ mặc quần áo... Nhìn chung việc dạy toán học cần được phối hợp linh hoạt và tận dụng chính hoàn cảnh tự nhiên và thực tế để dạy trẻ về mối liên hệ giữa các khái niệm trừu tượng với thực tế sống động.

3. Một vài kiến nghị cho Việt Nam

Thực tiễn giáo dục mầm non Việt Nam hiện nay đã và đang khuyến khích giáo viên kết hợp vui chơi trong hoạt động học tập của trẻ ở độ tuổi mầm non (Nguyễn Thị Hòa, 2017). Chương trình giáo dục mầm non theo hướng đổi mới (ban hành năm 2009) và được chỉnh sửa lần đầu năm 2016 đã xác định nguyên tắc cơ bản “lấy trẻ làm trung tâm”, trẻ học bằng thực hành – trải nghiệm, học bằng chơi và coi chơi là hoạt động trong tâm của chương trình giáo dục. Tuy nhiên có sự chênh lệch lớn giữa tỷ lệ nhận thức và khả năng áp dụng vui chơi trong học tập do giáo viên phải đối mặt với nhiều khó khăn trong thực tiễn dạy thông qua chơi. Một lý do đầu tiên là nguồn trò chơi có sẵn nghèo nàn, giáo viên thiếu nguồn tài liệu tham khảo. Mặt khác, học thông qua chơi ở nước ta hiện chỉ chú trọng tới hoạt động vui chơi có sự hướng dẫn của giáo viên và thiếu nhấn mạnh đến vui chơi tự do, mà theo nhiều nghiên cứu, vui chơi tự do cũng là một phần vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển của trẻ cũng như song song hỗ trợ việc học tập học thuật. Thứ hai là khả năng xây dựng hoạt động học thông qua chơi hiệu quả dựa trên những tài liệu tham khảo sẵn có. Lý do thứ ba liên quan đến quy mô dân số và sĩ số trẻ trong lớp học ở các cơ sở mầm non Việt Nam quá đông. Với trẻ dưới 3 tuổi, tối đa 2,5 giáo viên một lớp với số lượng trẻ dao động từ 15-25 trẻ tùy độ tuổi. Với trẻ trên 3 tuổi, tối đa 2.2 giáo viên một lớp số lượng trẻ từ 25-35 trẻ (theo Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 10 năm 2023). Ngoài ra, các trường sư phạm phụ trách đào tạo giáo viên mầm non tương lai chưa chú trọng nhiều

vào tiếp cận học thông qua chơi (tham khảo khung chương trình đào tạo cử nhân mầm non của Đại học Sư phạm Hà Nội và Đại học Giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội).

Từ bài học của Phần Lan, tác giả kiến nghị đầu tiên là cần có một cách hiểu rộng hơn về hoạt vui chơi trong giáo dục mầm non ở nước ta. Theo đó, hoạt động vui chơi có ý nghĩa giáo dục và học tập không chỉ bao gồm các hoạt động chơi do giáo viên dẫn dắt và yêu cầu giáo viên quản lý mà cần coi trọng thêm vai trò của vui chơi tự do, vui chơi tự phát do trẻ làm chủ. Từ góc nhìn này, thời khóa biểu nhà trường sẽ được điều chỉnh theo hướng phù hợp để lồng ghép vui chơi tự do, và vui chơi dưới sự hướng dẫn của giáo viên trong một ngày của trẻ tại trường. Với cả hai trường hợp, đều cần có hướng dẫn và nghiên cứu ở cấp cao hơn về việc sử dụng học liệu, tạo môi trường và hướng dẫn các phương pháp thực hành cụ thể.

Kiến nghị thứ hai, các chương trình đào tạo sư phạm có ít nhất một học phần về phương pháp học thông qua chơi để sinh viên sư phạm có hiểu biết khoa học cập nhật và đúng đắn về các hình thức, vai trò và cách thức triển khai. Trước khi chính thức bắt tay vào nghề, các em sinh viên cần có một cái nhìn đúng đắn làm nền tảng cho các thực hành sư phạm trong tương lai. Đồng thời với đó, tăng cường tập huấn và bồi dưỡng chuyên môn cho các giáo viên hiện đang giảng dạy trực tiếp trên nhà trường về chủ đề này và các phương pháp sư phạm học thông qua chơi với tiếp cận quốc tế. Thế giới ngày càng rộng mở và trẻ em đang sống trong một xã hội toàn cầu, việc tiệm cận và học theo xu hướng chung của thế giới là điều bắt buộc để trang bị cho trẻ một tâm thế sẵn sàng cho tương lai.

Kiến nghị thứ ba, giảm tỷ lệ học sinh trên mỗi giáo viên để giảm tải áp lực cho nhà giáo và tăng cường sự chăm sóc cho trẻ. Kiến nghị này mang tính chất vĩ mô và phức tạp, cần được giải quyết ở các cấp chính sách, nhưng tiếng nói từ ngành sư phạm cũng có vai trò quan trọng thúc đẩy sự thay đổi của chính sách.

KẾT LUẬN

Cách tiếp cận học thông qua chơi của Phần Lan tiệm cận với xu hướng tiên tiến của thế giới, nhấn mạnh vai trò của vui chơi tự do và cả vui chơi dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Phần lớn các hoạt động trong ngày của trẻ là vui chơi tự do và giáo viên có chuẩn bị sẵn môi trường và nguyên liệu cho vui chơi. Thời lượng học tập vui chơi dưới sự dẫn dắt chặt chẽ của giáo viên chiếm trọng số ít hơn và giúp đảm bảo các mục tiêu học thuật được đề ra theo chương trình. Tuy vậy, thời lượng nghiên cứu và tổng hợp ngắn khiến nội dung bài tham luận còn nhiều vấn đề chưa phân tích tới. Các nghiên cứu sau có thể tiếp tục nghiên cứu sâu về hoạt động học tập thông qua vui chơi dưới sự dẫn dắt chặt chẽ của giáo viên và phân tích sâu cách mà giáo dục Phần Lan giúp học sinh đạt được mục tiêu học tập trong thời gian học ngắn. Hoặc tìm hiểu giá trị học thuật tiềm tàng của vui chơi tự do, hoạt động chiếm phần lớn thời gian một ngày

của trẻ tại trường. Trong phần kiến nghị dành cho Việt Nam, các nghiên cứu trong tương lai cần phân tích rõ hơn tác động của bối cảnh văn hóa xã hội lên giáo dục để có những kiến nghị sâu sát hơn khi triển khai xu hướng giáo dục quốc tế nói chung và Phần Lan nói riêng vào Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bruner, J. (1983). *Play, thought, and language*. Peabody Journal of Education, 60(3),
2. Chin, W (2018). *Riddle of the spirit*. Truy cập từ https://aaltodoc.aalto.fi/bitstream/handle/123456789/34762/master_Wong_Chin_2018.pdf?isAllowed=y&sequence=1
3. Đại học Giáo dục (2020). Chương trình Đào tạo trình độ Đại học ngành Giáo dục Mầm non <https://education.vnu.edu.vn/files/2021/Cac%20file%20pdf/1732-GDMN.pdf>
4. Đại học Sư phạm Hà Nội (2019). Khung chương trình đào tạo Giáo dục Mầm non K69. Truy cập trên <https://tuyensinh.hnue.edu.vn/khung-chuong-trinh/p/khung-chuong-trinh-dao-tao-giao-duc-mam-non-k69-352>
5. Gleave, Josie, and Issy Cole-Hamilton. A world without play: A literature review. Play England and BTHA, 2012; Ginsburg, Kenneth R. “The importance of play in promoting healthy child development and maintaining strong parent-child bonds.” Pediatrics 119.1 (2007): 182-191.
6. Harju-Luukkainen, H., Kangas, J., & Garvis, S. (2021). *Finnish Early Childhood Education and Care: A Multi-theoretical perspective on research and practice*. (Early Childhood Research and Education: an intertheoretical focus). (Chapter 2). Springer.
7. Kangas, J. (2019). The essence of play. Retrieved from <https://www.oph.fi/en/blog/essence-play>
8. Kangas, J., Harju-Luukkainen, H. (2022). Creating a Theoretical Framework for Playful Learning and Pedagogy: The Finnish Perspective in. H Harju-Luukkainen, J Kangas & S Garvis (eds), *Finnish Early Childhood Education and Care: A Multi-theoretical perspective on research and practice*. vol. 1, Early Childhood Research and Education: An Inter-theoretical Focus, no. 1 , vol. 1, Springer International Publishing AG , pp. 195-208 . <https://doi.org/10.1007/97>
9. Kangas, J., Harju-Luukkainen, H., Brotherus, A., Kuusisto , A & Gearon , L (2019). Playing to learn in Finland: Early childhood curricular and operational contexts. in S Garvis & S Phillipson (eds). *Policification of Early Childhood Education and Care: Early Childhood Education in the 21st Century Volume III*. Evolving Families, Routledge, Abingdon, Oxon, pp.71-85. <https://doi.org/10.4324/9780203730539-7>

10. Kangas, J., Ojala, M., & Venninen, T. (2015). *Children's self-regulation in the context of participatory pedagogy in early childhood education*. *Early Education and Development*, 26(5-6), 847-870
11. Leinonen, J., Brotherus, A., & Venninen, T. (2014). *Children's participation in Finnish pre-school education - Identifying, Describing and Documenting Children's Participation*. *Nordisk Barnehageforskning*, 7(8), 1-16.
12. Lumiaho, A. (2020). *An ordinary day at Finnish daycare center*. Retrieved from <https://learningscoop.fi/an-ordinary-day-at-finnish-daycare-center/>
13. Ministry of Education and Culture Finland (2018). *Act on Early Childhood Education and Care*. Retrieved from <https://www.finlex.fi/en/laki/kaannokset/2018/en20180540.pdf>
14. Nguyễn Thị Hòa (2017). Dạy trẻ mẫu giáo học bằng chơi. *Tạp chí Giáo dục*. Số 12, tr. 24-27. Truy cập từ <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/so-dac-biet-thang-12-320/7-day-tre-mau-giao-hoc-bang-choi-5748.html>
15. Sara T. Baker, Soizic Le Courtois & Janina Eberhart (2023) Making space for children's agency with playful learning, *International Journal of Early Years Education*, 31:2, 372-384, DOI: 10.1080/09669760.2021.199772 <https://doi.org/10.1080/0966>
16. Smith, Peter K., and Anthony Pellegrini. "Learning through play." Encyclopedia on early childhood development (2008): 1-6; The LEGO Foundation, What We Mean by Learning Through Play [Leaflet], 2016; Gleave, Josie, and Issy Cole-Hamilton. A world without play: A literature review. Play England and BTHA, 2012; Zosh, Jennifer N., et al. Learning through play: a review of the evidence. LEGO Foundation, 2017
17. Thông tư 19/2023/TT-BGDĐT Hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Truy cập trên:
18. UNICEF (2018). *Learning through play*. Truy cập từ: <https://www.unicef.org/sites/default/files/2018-12/UNICEF-Lego-Foundation-Learning-through-Play.pdf>
19. University of Turku. Bachelor's Degree Programme in Early Childhood Teacher Education.
20. Ủy ban Giáo dục quốc gia Phần Lan (2016). Chương trình giáo dục mầm non quốc gia Phần Lan.

GIÁO DỤC THẨM MỸ CHO TRẺ MẪU GIÁO THÔNG QUA TRÒ CHƠI ĐÓNG KỊCH

ThS Nguyễn Thị Thu Nga
Trường CĐSPTU Nha Trang

ThS Nguyễn Thị Hồng Nhung
Trường CĐSPTU Nha Trang

Tóm tắt: Trò chơi đóng kịch theo tác phẩm văn học là một hình thức đặc biệt giúp trẻ nhập vai vào các nhân vật trong tác phẩm. Đây là trò chơi mang tính chất hoạt động nghệ thuật, nó có ý nghĩa to lớn trong việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo. Khi chơi trò chơi đóng kịch, trẻ lĩnh hội được ngôn ngữ giàu hình ảnh, giọng nói diễn cảm, mạch lạc, các biểu tượng thẩm mỹ và óc tưởng tượng sáng tạo nghệ thuật cũng phát triển. Khi đóng kịch, trẻ được trở thành người nghệ sĩ sân khấu. Từ đó, trẻ có ý thức diễn hay, diễn tốt để đem lại niềm vui cho mọi người. Qua đó, trẻ cũng được trải nghiệm niềm vui thẩm mỹ, niềm vui sáng tạo.

Từ khóa: Trò chơi đóng kịch, giáo dục thẩm mỹ, trẻ mẫu giáo

1. Đặt vấn đề

Thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục hiện nay, mục tiêu giáo dục mầm non được cụ thể hóa theo các lĩnh vực phát triển của trẻ là: Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm kỹ năng xã hội. Trong đó, giáo dục thẩm mỹ (GDTM) cho trẻ mầm non nói chung và trẻ mẫu giáo nói riêng là một quá trình tác động dựa trên sự hướng dẫn, giáo dục nhằm hướng đến mục đích để trẻ nhận ra cái đẹp. Những điều tốt đẹp này bao gồm cả về thẩm mỹ cũng như tính cách để trẻ hình thành nhận thức các điều phải trái và có hứng thú, mong muốn tạo ra cái đẹp trong cuộc sống. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng để hình thành nhân cách và lối sống tốt đẹp giúp trẻ phát triển toàn diện. Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT đã nêu: “*Đổi mới chương trình nhằm phát triển năng lực và phẩm chất người học, hài hòa đức, trí, thể, mỹ*” (Ban Chấp hành Trung ương, 2013); trong đó, giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ là điều rất cần thiết ngay từ lứa tuổi mầm non. Giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo có thể được thực hiện qua nhiều hoạt động khác như âm nhạc, tạo hình, kể chuyện, đóng kịch... Một trong những phương pháp hiệu quả đó là giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo thông qua trò chơi đóng kịch (TCĐK) ở trường mầm non.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

2.1.1. Giáo dục thẩm mỹ

Theo Nguyễn Thị Thanh Hà (2020), GDTM là giáo dục sự hiểu biết, cảm xúc cái đẹp và lòng mong muốn xây dựng, thể hiện, sáng tạo cái đẹp trong hiện thực, với mục

đích mở rộng nhận thức của con người nhằm xây dựng thế giới tình cảm, phát triển và củng cố mối quan hệ giữa con người và cuộc sống. GDTM góp phần phát triển toàn diện nhân cách, tích cực giúp cho việc thẩm nhuần các tư tưởng tiên tiến của thời đại, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ giữa chân - thiện - mỹ [3].

Lê Thanh Thủy (2009) cho rằng, GDTM tạo nên những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của cảm giác, tri giác thẩm mỹ qua việc quan sát, tìm hiểu sự vật, hiện vật giúp ta cảm nhận thẩm mỹ (phong cách, màu sắc, cấu trúc, tỉ lệ, sắp xếp không gian...), kích thích sự xuất hiện của những rung động, cảm nhận thẩm mỹ về vẻ đẹp của hình ảnh, màu sắc, sự cân đối, hài hòa...; từ đó, hình thành nên những giá trị cảm xúc và thái độ biết thưởng thức cái đẹp từ thiên nhiên và nghệ thuật, là con đường lĩnh hội các kinh nghiệm văn hóa thẩm mỹ và thị hiếu thẩm mỹ [4].

GDTM có tầm quan trọng đối với cuộc sống con người và đời sống xã hội của chúng ta. Mục tiêu của GDTM là sự hình thành thị hiếu thẩm mỹ, loại bỏ những khiếm khuyết và phát triển ý thức về cái đẹp trong tâm hồn. GDTM có quan hệ mật thiết với giáo dục đạo đức, trí tuệ, môi trường, xã hội và lao động qua đó lĩnh hội những nét đẹp của thiên nhiên, quan hệ xã hội, lao động và cuộc sống, phát triển thiên hướng nghệ thuật, khơi dậy trong con người tình yêu đối với cái đẹp qua thơ ca, âm nhạc, văn học, mỹ thuật,...

Có thể hiểu, GDTM là giáo dục để người học có nhận thức đầy đủ và đúng đắn về cái đẹp nói chung, cái đẹp trong nghệ thuật, nền văn hóa, cuộc sống, ... giúp con người phát triển nhân cách toàn diện, phong phú và hài hòa, phát triển văn hóa thẩm mỹ và xác lập mối quan hệ xã hội.

2.2.2. Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo

Nội dung giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo được thể hiện cụ thể trong Chương trình giáo dục mầm non [2] như sau:

Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).

2.2.3. Trò chơi đóng kịch

Trò chơi đóng kịch (còn gọi là trò chơi đóng vai theo tác phẩm văn học) là hình thức giúp trẻ nhập vai thành các nhân vật có trong tác phẩm văn học. Loại trò chơi này là một trong những con đường giúp trẻ tiếp nhận tác phẩm văn học một cách tích cực và có hiệu quả nhất [6].

Trong khi chơi đóng kịch, trẻ nhỏ phải biết “hóa thân” thành các nhân vật với những nội tâm, cá tính riêng biệt được thể hiện bằng những lời nói và hành động vừa thực, vừa hư và phải tuân theo nội dung của một tác phẩm cụ thể. Vì thế, trò chơi đóng kịch với trẻ MN không chỉ là một trò chơi mà còn là hoạt động mang tính nghệ thuật. Yếu tố trò chơi và yếu tố nghệ thuật được kết hợp chặt chẽ trong quá trình trò chơi đóng kịch diễn ra [6].

2.2.4. Vai trò của trò chơi đóng kịch đối với việc giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo

Với trẻ mẫu giáo, có thể coi lứa tuổi này là thời kì “hoàng kim” GDTM. Ở lứa tuổi này, tâm hồn trẻ vô cùng nhạy cảm, dễ bộc lộ sự xúc động với con người và cảnh vật xung quanh, trí tưởng tượng của trẻ bay bổng và phong phú “thời kì phát cảm của những cảm xúc thẩm mỹ – những cảm xúc tích cực, dễ chịu được nảy sinh khi đứa trẻ tiếp xúc trực tiếp với cái đẹp” [5]. Do vậy, khi được tham gia các hoạt động như vẽ, hát, múa, kể chuyện, đóng kịch...., trẻ rất thích thú và điều đó gọi lên nhiều cảm xúc thẩm mỹ tích cực ở trẻ.

TCĐK dựa theo tác phẩm văn học (TPVH) là một trong những hình thức cho trẻ làm quen với TPVH, là nội dung hoạt động vui chơi trong trường mầm non. Không chỉ đơn thuần là một trò chơi, đây còn là hoạt động mang tính nghệ thuật. Leonchiev cho rằng TCĐK là một hình thức quá độ sang hoạt động thẩm mỹ, hoạt động nghệ thuật.

Khi tham gia đóng kịch, trẻ không chỉ nhận thức được cuộc sống với những mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và xã hội mà quan trọng hơn là trẻ được thể hiện, được biểu diễn nghệ thuật. Khi tham gia vào TCĐK, trẻ có khả năng tái hiện lại các hình tượng văn học một cách sáng tạo và phụ thuộc vào những suy nghĩ, thái độ, tình cảm hay những ấn tượng của trẻ về nhân vật mà mình nhập vai. Trong trò chơi này, tính sáng tạo nghệ thuật được thể hiện rõ nét. Kịch đã tạo ra một thế giới riêng – thế giới giống như cuộc sống thực hoặc thế giới tưởng tượng để trẻ nhỏ thể hiện sự sáng tạo của bản thân cả trong hành động kịch và ngôn ngữ kịch. Khi trẻ tham gia vào một vở kịch, cá tính và trí tưởng tượng được thể hiện và khuyến khích. Một tình huống trong vở kịch sẽ có nhiều giải pháp được trẻ đưa ra và tất cả những cách giải quyết

khác nhau đó đều có thể được chấp nhận. Kịch dành cho trẻ nhỏ ở đây không có nghĩa gắn với kịch bản và biểu diễn sân khấu mà thực chất là xây dựng kiến thức kịch cho trẻ và kích thích khả năng sáng tạo của trẻ khi tham gia biểu diễn. Điều quan trọng nhất là trẻ sẵn sàng tham gia vào việc đóng vai một nhân vật nào đó và rất thích thú khi thể hiện vai đó.

Mặt khác, chính những yêu cầu đặt ra trong suốt quá trình đóng kịch đòi hỏi trẻ phải phát huy cao độ sự hoạt động của các chức năng tâm lí như ngôn ngữ, tưởng tượng, trí nhớ, tư duy. Như vậy, khi tổ chức cho TCĐK sẽ tác động đến trẻ rất nhiều phương diện, nó giúp trẻ tích lũy được nhiều kinh nghiệm sống qua trải nghiệm các nhân vật trong tác phẩm và ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển ngôn ngữ, kỹ năng diễn đạt, tình cảm, thái độ của trẻ. Qua hoạt động đóng kịch, trẻ sẽ lĩnh hội và sáng tạo được ngôn ngữ giàu hình ảnh, biết sử dụng giọng nói diễn cảm, mạch lạc...

Hoạt động dạy trẻ đóng kịch còn là điều kiện tốt để phát triển tình cảm thẩm mỹ cho trẻ. Khi đóng vai các nhân vật trong vở kịch, tâm tư, tình cảm, cảm xúc của trẻ chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ từ các nhân vật trong vở kịch. Trẻ học được từ nhân vật trong vở vở kịch về lòng nhân ái, những đức tính tốt đẹp như chăm chỉ, trung thực, thật thà... Lúc này, các quy tắc ứng xử “bên ngoài” do động cơ chơi đã trở thành các quy tắc ứng xử “bên trong” của trẻ. Qua hoạt động đóng kịch, trẻ còn được rèn luyện sự tự tin, bạo dạn, tinh thần đoàn kết, kỹ năng làm việc theo nhóm.

Trong giờ đóng kịch, giáo viên cần giáo dục và phát triển ở trẻ mẫu giáo sự nỗ lực hơn nữa để thực hiện được các hành động chơi. Nếu đặt ra cho trẻ nhiệm vụ “biểu diễn cho cô, cho các bạn khác xem” hay “về nhà biểu diễn cho bố mẹ xem”... thì đây sẽ là động lực lớn để trẻ thể hiện vai diễn tốt với sự nỗ lực, cố gắng đạt kết quả trong giờ học, mang lại cho trẻ niềm vui rất lớn, trẻ được trải nghiệm “niềm vui thẩm mỹ”, “niềm vui sáng tạo”. Khi trẻ biểu diễn cho người khác xem, trẻ mong muốn được chia sẻ về kết quả đạt được của mình. Vì vậy, trẻ sẽ mạnh dạn, tự tin, khao khát được thể hiện mình, mong muốn được công nhận và không ngừng cố gắng.

2.2. Đề xuất quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch nhằm giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo

Bước 1. Giáo viên cần lựa chọn tác phẩm văn học phù hợp với tình độ tuổi của trẻ

Để tổ chức có hiệu quả TCĐK cho trẻ mẫu giáo lớn thì công việc lựa chọn TPVH phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, hứng thú của trẻ là rất quan trọng. Kết quả của TCĐK phụ thuộc nhiều vào việc lựa chọn TPVH phù hợp hay chưa phù hợp. TPVH được lựa chọn để tổ chức TCĐK phải là tác phẩm có ý nghĩa giáo dục nhân cách cho trẻ, có nhiều tình tiết hấp dẫn đối với trẻ và hình thức đối thoại là chủ yếu.

Để tổ chức cho trẻ đóng kịch, giáo viên nên lựa chọn những câu chuyện dân gian, đặc biệt là truyện cổ tích như: Tấm Cám, Cây Khế, Ba cô gái, Tích Chu,... Những câu chuyện cổ tích này mang đầy đủ phẩm chất của kịch bản.

Trong truyện có mâu thuẫn kịch tính, có sự cọ sát tính cách, có những tình huống gai góc và chứa đầy xúc cảm, hội thoại ngắn gọn, ngôn ngữ đơn giản, giàu hình ảnh cũng như các sự kiện diễn ra nhanh chóng. Tất cả những đặc điểm trên của truyện cổ tích đã giúp cho trẻ dễ nhập vai chơi trong đóng kịch.

2.2.2. Giáo viên giúp trẻ cảm thụ tác phẩm văn học

Muốn cho trẻ nhập vai tốt trong khi chơi trò chơi đóng kịch, sau khi đã lựa chọn TPVH phù hợp với trẻ, việc cho trẻ cảm thụ tác phẩm hết sức quan trọng, nó giúp trẻ có hứng thú hơn với hoạt động. Ở khâu này vai trò của người giáo viên rất quan trọng, cô chính là người truyền cảm hứng cho trẻ tiếp cận tác phẩm.

Trước khi chuyển thể TPVH sang kịch bản cho trẻ đóng kịch, giáo viên nên cho trẻ làm quen, tiếp xúc với tác phẩm đó. Hoạt động này có thể diễn ra trong tiết học hay ngoài tiết học. Đa số trẻ đã được giáo viên cho làm quen tác phẩm ở các giờ học trước. Chẳng hạn, ở tiết 1, giáo viên dùng giọng đọc, kể diễn cảm TPVH cho trẻ nghe, giúp trẻ hiểu, nắm vững nội dung tư tưởng, ý nghĩa cũng như các nhân vật trong tác phẩm. Khi đọc kể, có thể cô sử dụng thêm tranh minh họa, sa bàn hay biểu diễn rối, kịch cho trẻ xem để giúp trẻ hình thành những biểu tượng về nhân vật một cách cụ thể, chính xác hơn. Ở tiết 2, giáo viên cùng trẻ kể lại TPVH nhằm giúp trẻ ghi nhớ cốt truyện, nhân vật, đặc biệt là lời nói, giọng điệu của các nhân vật để trẻ tập thực hành, trải nghiệm nghệ thuật. Ngoài ra trong các giờ khác, giáo viên cũng có thể cho trẻ làm quen với TPVH đó như giờ chơi, hoạt động góc, hoạt động chiều... giáo viên đều có thể lồng ghép bằng cách đưa câu chuyện vào kể và cùng ôn với trẻ. Cho trẻ xem tranh ảnh, trang phục của các nhân vật để hình thành biểu tượng trước cho trẻ.

Dù cho trẻ làm quen với tác phẩm ở hình thức nào, giáo viên vẫn đóng vai trò chủ đạo trong việc truyền cảm hứng cho trẻ. Giáo viên phải có giọng đọc, giọng kể diễn cảm, cuốn hút trẻ, giúp trẻ cảm thụ tác phẩm đúng nội dung tư tưởng, sâu sắc, biết nhìn nhận và đánh giá hành động nhân vật.

2.2.3. Chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản

Chuyển thể TPVH sang kịch bản là yếu tố quyết định đến sự thành công của tCĐK. Khi chuyển thể TPVH sang kịch bản, người chuyển thể (tác giả) cần chú ý tới các đặc trưng của kịch bản để tuân thủ và đảm bảo tính kịch trong kịch bản. Cốt truyện của kịch bản phải mạch lạc rõ ràng, ngắn gọn, mạch lạc, có các nhân vật với tính cách, hành động, ngôn ngữ của kịch. Khi chuyển thể cần chú ý một số nguyên tắc:

+ Phải nghiên cứu, đọc kĩ tác phẩm nắm vững nội dung tư tưởng, các chi tiết, tình tiết cơ bản, các nhân vật chính phụ trong tác phẩm, lời nói, giọng điệu của nhân vật, tình huống xảy ra trong tác phẩm.

+ Chuyên thể kịch nhưng phải tuyệt đối tôn trọng nội dung tư tưởng của tác phẩm.

+ Không bê nguyên xi tác phẩm văn học, mà phải có sự sáng tạo để hấp dẫn trẻ, sáng tạo nhưng không làm thay đổi nội dung tư tưởng của tác phẩm.

+ Phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, nhất là dung lượng, ngôn ngữ và hành động kịch.

Như vậy khi chuyển thể tác phẩm văn học sang kịch bản, người ta có thể lược bớt những chi tiết rườm rà, không cần thiết, những nhân vật phụ trong tác phẩm tránh cho sân khấu kịch quá tải, tản mạn, thiếu tập trung trong việc khắc họa chủ đề tư tưởng.

Khi chuyển thể kịch bản cho trẻ Mầm non, giáo viên cần chú ý, ngoài các nhân vật theo TPVH, nên có thêm nhân vật người dẫn chuyện, có chức năng xuyên chuỗi các sự kiện làm cho câu chuyện kịch tuy có bị lược bớt các chi tiết, nhân vật phụ nhưng vẫn liên kết mạch lạc có đầu có cuối để trẻ dễ nắm bắt câu chuyện, dễ hiểu hơn về tác phẩm. Nhân vật người dẫn truyện vừa dẫn dắt nhân vật xuất hiện vừa định hướng cho trẻ cảm thụ tác phẩm.

Khi chuyển thể kịch bản TPVH cho trẻ Mầm non cần phải phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, đây là yếu tố đầu tiên và cũng là yếu tố cơ bản nhất mà người chuyển thể phải thực hiện. Bên cạnh đó việc khắc họa tính cách nhân vật rất quan trọng, ngôn ngữ nhân vật phải thể hiện rõ tính cách nhân vật nhất là các nhân vật phản diện thường trong ngôn ngữ của họ đã thể hiện được cái ác, các tuyến nhân vật phải rõ ràng.

Ví dụ trong truyện “*Ba cô gái*” có đoạn: “*Cô Út đang nhào bột. Sóc con đưa thư cho cô út. Đọc thư xong cô hốt hoảng, tắt tả đi thăm mẹ ngay*”. Thì khi giáo viên có thể chuyển thể lời thoại của cô Út như sau:

- *Trời đất! Mẹ chị óm ư! Sao bây giờ em mới nói. Thôi chúng ta đi về với mẹ chị nhanh lên kẻo muộn. Mẹ, mẹ ơi, đợi con với nhé mẹ!*. Chính những đoạn thể hiện rõ tính cách nhân vật như thế này khiến trẻ rất hứng thú khi nhập vai.

2.2.4. Hướng dẫn trẻ hóa thân vào các nhân vật

Trước hết, giáo viên tiến hành phân vai, nhập vai nhân vật cho trẻ. Trẻ đóng vai gì không quan trọng bằng việc trẻ nhập vai đó và thể hiện vai như thế nào mới là quan trọng, quyết định chất lượng của vở kịch. Vì vậy các giáo viên không nên áp đặt vai cho trẻ, để trẻ tìm hiểu nhân vật, tự chọn vai theo ý thích của trẻ.

Khi trẻ tự nguyện, thoải mái trong việc chọn vai diễn hợp với trẻ thì trẻ sẽ thể hiện vai đó hiệu quả, sáng tạo rất nhiều khi diễn. Vai trò của giáo viên là định hướng, giúp đỡ cùng trẻ nghiên cứu để chọn vai cho phù hợp. Thông thường trẻ chỉ thích những vai chính diện, tốt đẹp, giàu cảm xúc còn những vai phản diện, xấu xa, ác độc trẻ thường không lựa chọn. Vì vậy cô cần phân tích, định hướng tạo hứng thú cho trẻ nhập vai.

Khi trẻ nhập vai trong kịch bản, trẻ không chỉ thể hiện lại nội dung như tác phẩm mà còn phải có sự sáng tạo, sự sáng tạo này đòi hỏi trẻ phải tích cực lao động, tư duy, năng động, huy động các hoạt động trong trẻ về xúc cảm, tình cảm, trí tưởng tượng, cách thể hiện về hình thể, ngôn ngữ, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...

Muốn trẻ chọn vai, nhập vai tốt, giáo viên cùng trẻ đọc kĩ kịch bản, hiểu rõ cốt truyện, nhân vật. Cô phải khơi gợi trí tưởng tượng phong phú của trẻ, hướng trẻ vào việc tìm kiếm những phương tiện thể hiện nhân vật. Phân chia các loại nhân vật (thiện, ác), tìm hiểu nguyên nhân nảy sinh các hành động, tích cách nhân vật. Cô cùng trẻ đọc, kể, trao đổi về nhân vật, cố gắng giúp trẻ hình dung ra vẻ ngoài cũng như tính cách, hành động của nhân vật tạo cảm xúc, thái độ cho trẻ với tác phẩm, nhân vật, trẻ khát khao được hóa thân thành nhân vật. Phân vai cho trẻ không chỉ chọn một vài cá nhân trẻ mà cô nên phân cho cả nhóm trẻ, khuyến khích trẻ tập luyện, nhập vai tất cả các nhân vật trong kịch bản, luyện tập đổi nhóm để từ đó có thể chọn lựa những nhân vật tiêu biểu, đóng tốt các vai để trình diễn trong các buổi diễn văn nghệ lớn, các ngày lễ hội.

Tiếp theo giúp trẻ ghi nhớ ngôn ngữ kịch và hành động kịch. Muốn diễn tốt, trẻ phải thuộc vai, giáo viên có thể dạy trẻ thuộc vai diễn bằng nhiều cách khác nhau. Trong lời thoại nhân vật, trẻ có thể thêm bớt từ, nhấn giọng, chuyển giọng tùy thuộc cảm xúc, tính cách, hành động của nhân vật mà trẻ nhập vai. Khi tập lời thoại cho trẻ, giáo viên có thể cho trẻ kết hợp lời nói đi kèm hành động kịch, cảm xúc bộc lộ thành hành động.

2.2.5. Thiết kế bối cảnh và trang phục đẹp và phù hợp nội dung truyện

2.2.5.1. Bối cảnh diễn kịch

Bối cảnh diễn kịch giữ vai trò rất quan trọng đối với sự thành công của vở kịch. Với mỗi loại kịch khác nhau thì có bối cảnh khác nhau. Tuy nhiên dù bối cảnh kịch có sẵn hay các giáo viên tự tạo thì vẫn luôn phải đảm bảo tính thẩm mỹ cho bối cảnh.

Ở trường mầm non, sân khấu kịch nói đa số là giáo viên tự tạo, nếu để biểu diễn văn nghệ thì sân khấu chính là hội trường có thể trang trí bằng hoa, bóng hay các chữ phụ họa... Nếu ở trong lớp thì sân khấu là một góc lớp được giáo viên dàn dựng bằng

những đồ dùng có sẵn ở trong lớp mang tính chất tượng trưng cho phù hợp với nội dung của vở kịch. Loại sân khấu này không đòi hỏi cao ở trường mầm non như sân khấu ở các nhà hát cho nên giáo viên có thể tự trang trí sân khấu.

2.2.5.2. Phục trang cho các nhân vật

Chuẩn bị phục trang tốt cho hoạt động đóng kịch cũng góp phần quan trọng trong việc gây hứng thú cho trẻ. Nếu diễn kịch mà có phục trang người diễn viên sẽ có cảm giác của sân khấu hơn, có hứng thú để diễn hơn. Ở các trường mầm non hiện nay, đa số phục trang là thuê, rất ít trường có sẵn cho nên hầu như chỉ khi diễn văn nghệ trẻ mới được mặc đúng phục trang của bài diễn còn lại đa số là giáo viên tự tạo có khi chỉ là một cái mũ đội đầu hay chỉ có một đạo cụ nào đó trẻ cũng có thể diễn được rồi. Tùy vào từng tác phẩm để có thể thiết kế trang phục phù hợp với mỗi kịch bản.

2.2.6. Luyện tập và biểu diễn

Sau khi trẻ đã nhập vai tốt, giáo viên cho trẻ luyện tập kịch. giáo viên có thể làm mẫu một vài động tác của nhân vật để trẻ xem và bắt chước, mô phỏng, hoặc cô mời một vài trẻ khá lên biểu diễn thử cho các bạn xem.

Khi trẻ tập biểu diễn, giáo viên quan sát, hướng dẫn, chỉnh sửa cho trẻ về ngôn ngữ, hành động... Sau mỗi lần diễn, giáo viên cùng cả lớp nhận xét, đánh giá điểm mạnh, yếu kém của các bạn để rút kinh nghiệm. Trong đó đặc biệt là cách phối hợp giữa hành động và lời nói của nhân vật khi diễn. Sự thành công của vở diễn phụ thuộc nhiều vào sự liên kết, phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng, phù hợp tình huống giữa các vai (nhân vật) trên sân khấu. Vì vậy giáo viên phải tạo được thái độ hợp tác và đoàn kết trong trẻ. Nếu như có cảnh trí sân khấu, ánh sáng, âm thanh... thì sự phối hợp giữa các “diễn viên” và các yếu tố này cũng rất quan trọng.

Giáo viên nên tổ chức luyện tập cho trẻ vào những thời gian thích hợp như hoạt động góc (góc nghệ thuật), giờ cho trẻ làm quen với TPVH, giờ sinh hoạt buổi chiều... Trong quá trình luyện tập, giáo viên cần hình thành cho trẻ những khả năng nhất định: biết điều khiển tình cảm, cảm xúc theo nhân vật, có kỹ năng, kỹ xảo trong thực hành nghệ thuật ở loại hình đóng kịch phù hợp với trẻ, giúp trẻ hiểu và thêm yêu loại hình nghệ thuật sân khấu kịch.

Biểu diễn là khâu cuối cùng của tổ chức hoạt động đóng kịch TPVH cho trẻ mẫu giáo. Sau những thời gian khổ công luyện tập, nhập vai, trẻ rất thích thú vui sướng được lên sân khấu biểu diễn kịch cho người khác xem. Khi biểu diễn, trẻ được chia sẻ kết quả lao động nghệ thuật đạt được với các bạn khác, với mọi người. Trẻ được thỏa mãn niềm vui thẩm mỹ, niềm vui sáng tạo. Vì thế, giáo viên cần cho tất cả các trẻ tham gia biểu diễn, mỗi vở kịch có thể cho một nhóm trẻ thể hiện. Trong một buổi biểu diễn,

có thể có nhiều vở kịch ngắn cho nhiều trẻ có cơ hội được tham gia. Trong buổi biểu diễn, vai trò của giáo viên rất quan trọng, cô là linh hồn của buổi biểu diễn, cô vừa tổ chức, đạo diễn, vừa hướng dẫn, nhắc vở và có thể kiêm luôn cả vai trò là người dẫn chuyện.

3. Kết luận

Có nhiều cách thức để GDTM cho trẻ mầm non, trong đó TCDK nói riêng và hoạt động cho trẻ làm quen TPVH nói chung là một trong những phương tiện hiệu quả nhằm giáo dục thẩm mỹ cho trẻ mẫu giáo. Đối với trẻ mẫu giáo, đóng kịch có vai trò quan trọng đối với sự phát triển nhân cách của trẻ. Nhưng muốn tổ chức tốt trò chơi đóng kịch cho trẻ, giáo viên phải nắm vững những kiến thức cơ bản về trò chơi đóng kịch như: các khái niệm, vai trò và quy trình tổ chức trò chơi đóng kịch. Khi tổ chức cho trẻ chơi đóng kịch, giáo viên cần tổ chức một cách linh hoạt, sáng tạo nhằm khuyến khích trẻ mạnh dạn, tự tin và bộc lộ thái độ, cảm xúc thẩm mỹ khi chơi. Chỉ khi làm tốt điều này, quá trình chơi đóng kịch của trẻ mới trở nên sinh động và có ý nghĩa hơn, thúc đẩy sự phát triển thẩm mỹ cũng như góp phần hoàn thiện nhân cách cho trẻ mẫu giáo ở trường mầm non.

4. Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Chương trình GDMN*, NXB GD.

3. Nguyễn Thị Thanh Hà (2020). Vai trò của giáo dục thẩm mỹ trong việc xây dựng nhân cách con người Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Giáo dục, SDB* kì 1 tháng 5, 240-243.

4. Lê Thanh Thủy (2009). *Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non*. NXB Đại học Sư phạm.

5. Nguyễn Thị Ánh Tuyết (2004), *Giáo dục mầm non – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*. NXB Đại học Sư phạm.

6. Ngô Thị Thái Sơn(2006). *Giáo trình phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với tác phẩm văn học*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MONTESSORI TRONG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON

Tác giả: Nguyễn Thị Liên
Giáo viên Trường MNTH Hoa
Sen - Trường Cao đẳng Sư
phạm Trung ương

Tóm tắt: Phương pháp Montessori được đưa vào nhiều trường mầm non để Vận dụng nhưng hiệu quả và cách Vận dụng như thế nào là vấn đề rất được quan tâm. Kinh nghiệm thực tế luôn là điều cần thiết cho sự phát triển, đặc biệt là phát triển toàn diện của trẻ. Là một giáo viên mầm non đã thực hiện vận dụng phương pháp Montessori từ năm 2016 vào lớp tại trường Mầm non thực hành Hoa Sen nên tôi có được một số kinh nghiệm trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ. Bài viết này tôi đề cập đến vấn đề lý luận quan trọng và kinh nghiệm thực tế vận dụng phương pháp Montessori vào tổ chức các hoạt động trong ngày có hiệu quả thời gian qua.

Từ khóa: Phương pháp Montessori, vận dụng, kinh nghiệm.

1. Đặt vấn đề

Phương pháp Montessori đã được các nước tiên tiến áp dụng vào chương trình giáo dục mầm non từ rất lâu và cho đến hiện nay nó vẫn được quan tâm và tiếp tục vận dụng. Việt Nam cũng đã đưa phương pháp này vào áp dụng ở một số trường mầm non cách đây nhiều năm. Vậy hiệu quả ra sao và vận dụng như thế nào là điều chúng ta đang rất quan tâm.

Phương pháp Montessori chú trọng đến khả năng hoạt động độc lập của trẻ, sự tự giác, tự tin trong “công việc” của mình. Điều này nếu như phối kết hợp vào chương trình giáo dục mầm non Việt Nam hiện nay một cách phù hợp thì sẽ đem lại sự phát triển tốt cho trẻ. Có lẽ vì lý do đó mà phương pháp này dù ra đời cách đây hơn 100 năm nhưng đến nay nó vẫn được các nước áp dụng.

Trường Mầm non thực hành (MNTH) Hoa Sen chúng tôi được tiếp cận và nhận thấy việc đưa phương pháp giáo dục Montessori Vận dụng vào chương trình giáo dục mầm non là cần thiết. Là một trong những giáo viên đã được học và vận dụng Montessori, tôi muốn chia sẻ một số kinh nghiệm thực tế đã vận dụng tại lớp, tại trường để các giáo viên mầm non (GVMN) và những nhà quản lý có thể tham khảo.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số vấn đề lý luận

2.1.1. Phương pháp giáo dục Montessori là gì?

Phương pháp Montessori được đặt theo tên của người sáng lập là một chuyên gia người Ý trong lĩnh vực triết học, nhân văn học, giáo dục học – bà Maria Montessori, và đồng thời bà được biết đến như là nữ bác sĩ đầu tiên của Ý. Đây là

phương pháp lấy khả năng tự học làm nền tảng cơ sở. Montessori chú trọng khả năng khai thác tiềm năng sẵn có, không áp đặt trẻ, chỉ quan sát đưa ra gợi ý và hỗ trợ khả năng tự phát triển của trẻ vì bản thân mỗi trẻ từ khi sinh ra vốn đã có khả năng tự học tuyệt vời. Phương pháp Montessori cho phép trẻ được tự do phát biểu, tìm hiểu, giao tiếp. Với Montessori, trẻ được giáo dục để trở thành một công dân tự tin, độc lập, tích cực, giao tiếp hiệu quả, có định hướng và trách nhiệm với bản thân và cộng đồng.

2.1.2. Nền tảng của phương pháp Montessori

Giáo dục từ lúc chào đời: Maria Montessori cho rằng “Thời kỳ quan trọng nhất của cuộc đời không phải là ở tuổi đại học, mà là thời kỳ đầu tiên, giai đoạn từ khi sinh ra cho tới 6 tuổi”.

Trẻ tự xây dựng nên chính mình: Theo Maria Montessori, trong mỗi đứa trẻ có “sức sống nội tại” riêng của mình. “Sức sống nội tại” tồn tại bẩm sinh, có sức mạnh vô tận thúc trẻ phát triển như “có một người thầy bên trong” định hướng phát triển cho riêng nó.

Giáo dục hỗ trợ cuộc sống: Giáo dục sẽ không chỉ giúp trẻ “học” mà còn giúp trẻ “sống”, sẵn sàng cho cuộc sống hiện tại và tương lai của trẻ.

Giáo dục dựa trên tình yêu thương, sự tôn trọng và tin tưởng: Tình yêu thương, sự tôn trọng và tin tưởng là chìa khóa giúp trẻ trưởng thành trong hạnh phúc. Mỗi đứa trẻ là 1 con người riêng biệt -> trẻ phải được tôn trọng, chấp nhận với những gì mà nó có như vậy nó sẽ tự tin thể hiện mình. Chúng ta cần chấp nhận cái riêng biệt của mỗi đứa trẻ.

Trí tuệ thẩm thấu: Theo M. Montessori, giai đoạn từ 0 – 6 tuổi, ở trẻ có một năng lực kỳ diệu gọi là “trí tuệ thẩm thấu” - trẻ có thể thẩm thấu một lượng thông tin khổng lồ từ môi trường xung quanh thông qua các giác quan của mình.

Trí tuệ thẩm thấu là khả năng đặc biệt trong giai đoạn đầu đời của trẻ và nó sẽ phai nhạt dần sau khi trẻ được 6 tuổi. Do đó, mục tiêu giáo dục trong thời kỳ này là trau dồi, tu dưỡng khát khao học hỏi và tạo điều kiện để trẻ tiếp thu/thẩm thấu/học hỏi một cách tự nhiên.

2.1.3. Đặc trưng cơ bản của phương pháp Montessori

Đặc điểm nổi trội ở phương pháp Montessori là nhấn mạnh đến vai trò của tính tự lập, tự do (trong khuôn khổ cho phép) trong việc hình thành nhân cách trẻ. Ngoài ra, phương pháp này rất tôn trọng sự phát triển tâm sinh lý tự nhiên của trẻ, cũng như trang bị đầy đủ cho học sinh các kiến thức khoa học công nghệ tiên bộ và hiện đại. Tổ chức AMI (Hiệp Hội Montessori Quốc tế) và AMS (Hiệp Hội Montessori Mỹ)[3] đã nêu ra đặc trưng của phương pháp học Montessori như sau:

Lớp học ghép các lứa tuổi: Thông thường là các trẻ từ 2,5 hay 3 tuổi đến 6 tuổi. Khi Vận dụng vào lớp học mầm non hiện nay thì có rất ít lớp thực hiện trộn độ tuổi, nếu có thì mỗi lớp có khoảng 1 đến 2 trẻ ít tuổi hơn.

Trẻ tự lựa chọn hoạt động: (Với điều kiện là các hoạt động này đã được giáo viên lên kế hoạch sắp xếp trước)

Với PPGD Montessori, trẻ hoạt động được cần có giáo cụ. Các bộ giáo cụ bày trên giá một cách gọn gàng, khoa học. Trẻ sẽ lựa chọn tùy ý những bộ nào con muốn ngày hôm đó và trẻ chỉ hoạt động với những bộ nào cô đã hướng dẫn.

Trẻ không bị ngắt quãng hay làm phiền trong quá trình “làm việc”: Mỗi đứa trẻ khi tham gia hoạt động đều được tôn trọng, cả cô và các bạn sẽ không tham gia khi trẻ đó “làm việc”. Nếu như có một bạn muốn hoạt động với bộ giáo cụ đó thì không có cách nào khác là chờ đợi bạn mình cho đến khi bộ giáo cụ được bạn đặt lên giá. Nếu như thời gian không còn thì con sẽ phải thực hiện nó vào ngày hôm sau.

Trẻ học hỏi khái niệm, kiến thức thông qua trải nghiệm thực tế với các học cụ, mô hình mang tính chất khám phá, xây dựng hơn là học theo chỉ dẫn trực tiếp từ phía giáo viên

Thông qua các bộ học cụ đó trẻ được học từ cái đơn giản nhất rồi đến cái phức tạp và khó hơn. Như vậy dù vấn đề đưa ra có gài gũ hay lạ lẫm với trẻ thì trong quá trình “làm việc” với học cụ trẻ sẽ tự nhận ra, tự hiểu một cách sâu sắc. Điều này cho thấy trẻ luôn là người chủ động khám phá, tìm tòi từ những bộ học cụ chứ không phải lúc nào giáo viên cũng là người hướng dẫn.

Các học cụ, giáo cụ đặc biệt được bà Montessori và đồng sự nghiên cứu, sáng tạo và phát triển

Mỗi bộ học cụ đều có mục đích rõ ràng. Từ hình dáng, kích cỡ, độ nặng nhẹ hay màu sắc... của học cụ đều đã được M.Montessori và đồng sự nghiên cứu rất kỹ.

2.2. Quá trình phát triển đội ngũ và cách vận dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non tại trường MNTH Hoa Sen.

2.2.1. Phát triển đội ngũ và số lượng lớp ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori

Đội ngũ cán bộ, giáo viên là nhân tố quyết định chất lượng giáo dục trẻ, đặc biệt là khi lựa chọn ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong Giáo dục mầm non. Chính vì vậy, Ban giám hiệu nhà trường luôn quan tâm bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên một cách khoa học nhằm xây dựng đội ngũ đủ về số lượng và mạnh về chất lượng. Giáo viên cần hiểu rõ về phương pháp và thẩm thấu triết lý giáo dục Montessori trước khi triển khai ứng dụng hay vận dụng phương pháp này trong chương trình giáo dục mầm non tại nhà trường. Giáo viên được cử đi học các lớp đào

tạo về phương pháp giáo dục Montessori do Trường cao đẳng sư phạm Trung Ương tổ chức. Song song với việc phát triển đội ngũ, Trường MNTN Hoa Sen đồng thời phát triển số lượng lớp ứng dụng phương pháp này, cụ thể như sau:

Năm học	Số cán bộ giáo viên tham gia lớp bồi dưỡng PPGD Montessori	Nơi đào tạo	Số lớp ứng dụng PPGD Montessori
2016 - 2017	07 Cán bộ quản lý và tổ trưởng chuyên môn	Giáo sư người Hàn Quốc – Trường MNTN Hoa Sen	01/25 lớp
2017 - 2018	05 giáo viên (nhóm trưởng)	Trường CĐSP Trung Ương	07/25 lớp
2018 - 2019	06 giáo viên (nhóm trưởng)	Trường CĐSP Trung Ương	14/25 lớp
2019 - 2020	07 giáo viên (nhóm trưởng/nhóm viên)	Trường CĐSP Trung Ương	22/25 lớp
2020 - 2021	06 giáo viên (nhóm trưởng/nhóm viên)	Trường CĐSP Trung Ương	23/25 lớp
2021 - 2022	06 giáo viên (nhóm trưởng/nhóm viên)	Trường CĐSP Trung Ương	24/25 lớp
2022 - 2023	Bồi dưỡng đại trà toàn thể CBGV	Trường CĐSP Trung Ương	25/25 lớp

2.2.2. Kế hoạch tổ chức vận dụng

Trước khi bước vào thực hiện vận dụng, ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori tại trường, nhà trường đã thực hiện những bước sau:

Thứ nhất: Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên mầm non qua các lớp về phương pháp giáo dục Montessori.

Thứ hai: Thống nhất về chủ trương, xây dựng đề án “Ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori trong chương trình giáo dục mầm non” trình cấp trên – Trường cao đẳng sư phạm Trung Ương phê duyệt.

Thứ ba: Xây dựng nội dung chương trình, kế hoạch hoạt động Montessori cụ thể theo năm, tháng, tuần.

Thứ tư: Trang bị cơ sở vật chất và thiết kế môi trường phù hợp, song song với lớp học mầm non hiện hành.

Thứ năm: Họp, trao đổi thống nhất với phụ huynh về việc ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori của nhà trường vào lớp học.

Thứ sáu: Đưa kế hoạch vào thực hiện tại các lớp đã có giáo viên được học về phương pháp giáo dục Montessori

2.3. Một số kinh nghiệm vận dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non

Năm 2017 tôi được cử đi học khoá đầu tiên về phương pháp giáo dục Montessori do trường Cao đẳng sư phạm Trung ương tổ chức. Sau khi kết thúc khóa học, tôi đã ứng dụng những kiến thức, kỹ năng đã học được vào việc phát triển và thực hiện chương trình GDMN tại lớp tôi phụ trách cùng với 6 lớp trong trường và đã đạt được kết quả tích cực.

Từ những thành công ban đầu, Ban giám hiệu trường MNTTH Hoa Sen đã từng bước mở rộng thêm mô hình này cho các lớp khác trong trường. Đến nay 100% các lớp đã ứng dụng phương pháp này. Trong quá trình vận dụng chúng tôi gặp những thuận lợi và một số khó khăn.

2.3.1. Thuận lợi

- Bản thân tôi đã được học bài bản, các cô giáo truyền đạt dễ hiểu nên khi đưa vào thực hiện tôi đã hiểu rõ được vấn đề.

- Ban giám hiệu luôn đồng hành cùng chúng tôi từ việc lập kế hoạch đến việc sắp xếp giáo cụ. Cho đến giờ thì sự đồng hành đó vẫn là thuận lợi nhiều nhất cho chúng tôi thực hiện kế hoạch tại lớp.

- Sau nhiều năm thực hiện, trẻ có nhiều kỹ năng, phụ huynh tin tưởng nên việc vận dụng phương pháp Montessori đã được nhân ra tất cả các lớp trong toàn trường.

- Cơ sở vật chất được quan tâm và đầu tư cũng là điều vô cùng thuận lợi cho một lớp học vận dụng phương pháp Montessori.

2.3.2. Khó khăn

- Thời gian đầu cũng chưa có nhiều trường vận dụng phương pháp này, bản thân tôi lại là một trong hai cô giáo đầu tiên trong trường thực hiện nên mọi thứ phải tự tìm hiểu cách làm.

- Vừa làm vừa học cũng là vấn đề lớn với một người chưa có kinh nghiệm và chưa có nhiều nơi để mà học hỏi. Bởi vì chúng ta vẫn quen dạy theo nhóm lớn hay cả lớp, theo Montessori, trẻ hoạt động cá nhân là chính thì cũng chưa biết bắt đầu từ đâu? Câu hỏi này cũng đã có rất nhiều học viên khi đến tham quan dự giờ hoạt động ở lớp tôi chia sẻ.

- Chương trình GDMN của chúng ta theo như kế hoạch thì đã gần như kín các hoạt động trong ngày, vậy nên mình sẽ vận dụng Montessori vào thời điểm nào cho phù hợp? Đây cũng là băn khoăn khi chúng tôi thực hiện vận dụng phương pháp này.

2.3.3. Một số kinh nghiệm vận dụng phương pháp giáo dục Montessori trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non tại trường MNTTH Hoa Sen

2.3.3.1. Xây dựng môi trường cho trẻ hoạt động

Môi trường là điều không thể thiếu cho việc vận dụng phương pháp Montessori vào chương trình GDMN nhằm phát triển khả năng độc lập cho trẻ.

Montessori phân ra các lĩnh vực riêng biệt để trẻ được tiếp cận lần lượt và phù hợp với từng đối tượng trẻ khác nhau. Vậy nên khi vận dụng vào trường mầm non cũng được phân rõ các góc theo các lĩnh vực một cách cụ thể.

Lớp học Montessori bình thường sẽ có đầy đủ năm góc đó là: Góc thực hành cuộc sống, góc cảm giác, góc toán, góc văn hoá và góc ngôn ngữ. Khi đưa vào lớp học vận dụng ta cũng có thể có đủ năm góc hoặc đan xen, lồng ghép các bộ giáo cụ với các góc mầm non của mình cho phù hợp. Chúng tôi không bỏ đi các góc theo chương trình giáo dục mầm non Việt Nam mà vận dụng, sắp xếp đan xen, phù hợp với hoạt động với trẻ. Trẻ vẫn được hoạt động với cả hai cách theo như kế hoạch chúng tôi đưa ra.

*** Góc thực hành cuộc sống**

Ở góc này, giáo cụ chủ yếu là các loại bát, thìa, cốc,...và những gì liên quan trực tiếp đến sinh hoạt hàng ngày của trẻ cũng như của mọi người. Tùy thuộc vào từng địa phương, từng trường, từng lớp, từng độ tuổi mà các cô chuẩn bị giáo cụ cho phù hợp với những hoạt động trong kế hoạch đề ra. Góc này chúng ta có thể đan xen sắp xếp đồ dùng vào góc “Gia đình” hay “Góc phân vai” trong chương trình giáo dục mầm non Việt Nam. Trẻ vẫn thoải mái sáng tạo với những vai trẻ đóng nhưng ở đây các kỹ năng của cuộc sống hàng ngày được ứng dụng nhiều hơn: Làm một số món ăn, nhặt rau, rửa bát... như một thành viên trong gia đình đang làm ở nhà. Điều này trẻ vừa được chơi vừa được làm nên rất hấp dẫn trẻ.

*** Góc cảm giác**

Với góc cảm giác, trẻ sử dụng các giác quan để nhìn, sờ, ngửi, nghe, nếm rất thú vị. Các bộ giáo cụ được sắp xếp theo quy tắc chung. Mỗi bộ giáo cụ thể hiện 1 khía cạnh của cảm giác. Điều này áp dụng rất nhiều trong cuộc sống hàng ngày của trẻ.

Ví dụ trẻ sờ và phân biệt độ nhám – nhẵn của bề mặt đồ vật. Thay bằng bộ giáo cụ mua sẵn thì giáo viên cũng có thể tạo ra nhưng bộ tương tự từ các đồ dùng vật liệu gần gũi tại địa phương như sỏi, cát, vỏ cây...

Với trẻ lớp tôi cũng như trường tôi, các con cảm nhận rất tốt mọi thứ thông qua các giác quan của mình. Trẻ được phân biệt mùi trong góc Cảm giác và rồi lại được vận dụng việc đó để đoán tên thức ăn hay mùi hương của loài hoa...(Trẻ được bịt mắt để cảm nhận). Và như vậy, song song với việc trẻ được thực hiện cá nhân tại góc của Montessori, trẻ còn được vận dụng những điều đó vào cuộc sống cũng như các hoạt động khác trong chương trình giáo dục mầm non Việt Nam.

*** Góc toán**

Những con số, cách đo, cách cộng trừ, nhân chia đều được thể hiện rõ nét. Với trẻ mẫu giáo mà học được phép nhân hay chia hay sao? Vâng, với cách mà bà Maria Montessori đưa ra thì các con có thể cộng, trừ, nhân, chia ở các con số rất lớn. Đó cũng là lí do mà với phương pháp này cần có sẵn giáo cụ cho trẻ hoạt động. Nói như vậy không có nghĩa là chúng ta cần phải mua đồ dùng chuẩn chỉnh mà chúng ta cũng có thể tự tạo ra những bộ học liệu với cách sử dụng tương tự để trẻ thực hiện. Quan trọng nhất là phải giữ được nguyên tắc khi trẻ tham gia với các bộ học liệu đó theo cách của Montessori.

*** Góc văn hoá**

Văn hoá vùng miền, sự ra đời và phát triển của trái đất hay vòng đời của các loài động thực vật, rồi đến các thí nghiệm khoa học... trẻ đều có cơ hội tiếp cận từ khi còn trong độ tuổi mầm non. Góc này rất phong phú đa dạng và dễ vận dụng. Ngoài những bài học trong chương trình của Montessori, trẻ còn học được rất nhiều các khái niệm, tìm hiểu sâu vào từng khía cạnh nào đó trong cuộc sống của trẻ. Điều này tùy thuộc từng địa phương, từng trường, từng giáo viên muốn cho trẻ tìm hiểu kĩ về điều vấn đề nào.

Ví dụ: Trẻ ở Hà Nội thì tìm hiểu về lịch sử Hồ Gươm: tên gọi, ý nghĩa, hoạt động ... liên quan đến Hồ Gươm. Còn trẻ ở Lào Cai thì lại tìm hiểu về trang phục của 1 hoặc 1 vài dân tộc thuộc khu vực đó... Hay lịch sử ra đời và phát triển của trang phục, món ăn, phương tiện giao thông nào đó...

Ngoài ra góc văn hoá chúng ta có thể lồng ghép vào góc “Khám phá khoa học” hay góc “Sáng tạo” tại các lớp mầm non.

*** Góc ngôn ngữ**

Ở góc này trẻ có thể đọc, viết, kể chuyện, làm thơ...phù hợp với độ tuổi của trẻ. Trẻ được học các chữ cái gắn với các vật quanh trẻ, trẻ được ghép tên mình, tên bạn rồi ghép từ trẻ biết...Rất nhiều điều thú vị từ góc ngôn ngữ đã đem đến cho trẻ.

Và với góc “thư viện” hay góc “sách truyện” của chúng ta chính là góc ngôn ngữ của Montessori rồi. Trẻ lớp tôi rất yêu thích góc này vì mỗi khi trẻ ngồi vào đó là say sưa đọc, kể. Tại đây trẻ còn được kết hợp với bạn để cùng nhau sáng tạo ra những câu chuyện, bài thơ...

2.2.3.2. Vận dụng phương pháp Montessori vào hoạt động trong ngày

Theo từng độ tuổi, theo từng khả năng của trẻ mà giáo viên đưa ra kế hoạch cụ thể. Đặc biệt khi cho trẻ tham gia các hoạt động, trẻ được hoạt động tại từng góc, từng bộ giáo cụ riêng biệt. Với mỗi đứa trẻ, khi tham gia vào hoạt động Montessori đều rất chủ động, nguyên tắc và những quy định trong lớp học được duy trì. Ở đây, chúng tôi vận dụng phương pháp Montessori vào hoạt động trong lớp nhằm phát triển toàn diện cho trẻ.

*** Giờ điếm danh**

Hoạt động điếm danh chúng ta có thể vận dụng với hoạt động vòng tròn (Circle time) của Montessori. Trong hoạt động này chúng ta vẫn có thể trò chuyện, vận động nhẹ nhàng kết hợp với âm nhạc để thu hút trẻ, tạo tâm thế thoải mái cho trẻ trước khi bước vào các hoạt động khác trong ngày.

*** Giờ hoạt động với giáo cụ Montessori**

Hoạt động mà Montessori cho trẻ tiếp cận với các giáo cụ được gọi là “công việc”, còn những hoạt động mà trẻ chơi với các trò chơi trong cuộc sống hàng ngày gọi là “vui chơi” [3].

Hoạt động với giáo cụ Montessori thường được chúng tôi tổ chức vào một số giờ hoạt động góc, còn chủ yếu các con hoạt động vào buổi chiều. Lớp sẽ có kế hoạch tổ chức cho các con hoạt động phù hợp với chương trình giáo dục mầm non.

Bước vào giờ hoạt động Montessori, trẻ luôn tôn trọng nhau, giữ không khí lớp học yên bình, nói khi cần và không nói quá to làm ảnh hưởng tới các bạn.

Khi trẻ đã tham gia vào hoạt động với các bộ giáo cụ, mỗi trẻ đều chủ động lựa chọn bộ giáo cụ mà mình muốn hoạt động buổi hôm đó. Các con tự lựa chọn vị trí ngồi, tự lấy thảm hoặc kê bàn mà không làm ảnh hưởng đến ai. Vậy vai trò của cô giáo ở đâu lúc này? Vâng, cô chủ yếu là quan sát, ghi chép lại những gì cần thiết để hướng dẫn lại hoạt động cho trẻ, khơi gợi để trẻ sáng tạo thêm dựa trên những bộ giáo cụ. Đặc biệt, mỗi buổi hoạt động giáo viên đều có kế hoạch hướng dẫn một đến hai hoạt động mới cho cá nhân hoặc nhóm nhỏ trẻ. Trẻ được hoạt động ở tất cả các góc theo mong muốn của mình. Có những bạn thì thay đổi một số bộ khác nhau, có bạn lại say sưa cả buổi chỉ với một bộ giáo cụ. Trẻ rất biết chờ đợi nhau, không vội vàng cũng như không tranh giành với bạn.

Mỗi trẻ một bộ giáo cụ khác nhau, vậy giáo viên dạy như thế nào để trẻ hoạt động được hết những gì trẻ muốn? Đây cũng là câu hỏi mà nhiều người băn khoăn. Nhưng nó đã được giải quyết khi mà trẻ trong lớp đã tự học lẫn nhau và cô sẽ hướng dẫn lại khi cần thiết. Và như vậy giáo viên chỉ dạy một hoặc một nhóm trẻ với mỗi hoạt động. Điều này cũng là một sự kích lệ trẻ, tác động tích cực đến trẻ, trẻ sẽ có tâm lý “làm việc” nghiêm túc để các bạn khác còn học tập mình. Như vậy mỗi đứa trẻ đều là tấm gương của nhau. Giáo viên sẽ là người chủ động quan sát, ghi chép lại quá trình hoạt động của từng trẻ để từ đó có hướng điều chỉnh cho phù hợp. Đặc biệt giáo viên luôn phải là tấm gương để trẻ noi theo, muốn lớp học không ồn ào, có nguyên tắc, có sự gọn gàng chỉn chu thì giáo viên sẽ phải thực hiện những điều đó trước.

Ví dụ: Ở góc thực hành cuộc sống, các con chủ yếu hoạt động với các bộ chuyên hạt bằng tay, bằng thìa, bằng kẹp và đũa hay nhíp. Nhưng đây là những kỹ năng mà các con đã làm tốt, và để nâng cao hơn, chúng tôi sử dụng các hạt hạt rồi viết thêm

chấm hay số vào rồi tạo các màu sắc hoặc kích thước khác nhau để tăng độ khó và tạo hứng thú cho trẻ khi tham gia các hoạt động này.

Với kỹ sử dụng cốc để chuyển hạt cũng như hoạt động với nước, trẻ rất hứng thú. Trẻ khéo léo trong việc rót nước. Chúng tôi đã áp dụng hoạt động này và ch trẻ tự rót sữa uống vào buổi sáng và buổi chiều hàng ngày tại lớp. Các con vô cùng thích thú và tự tin với việc mình làm.

Còn việc sử dụng dao, các dụng cụ gọt cắt rau củ quả, các con cũng rất khéo léo. Với nguyên tắc: dùng song phải cắt, lấy ở đâu, cắt ở đó được duy trì hàng ngày đã tạo cho trẻ tính ngăn nắp gọn gàng. Trẻ tự lấy, tự cắt trong giờ một cách chủ động, khi trở về nhà thì những kỹ năng này cũng được trẻ đem theo. Bố mẹ rất tự hào về con!

Với góc cảm giác hay góc toán, giáo cụ vô cùng hấp dẫn. Ở đây, sau khi đã có kỹ năng cơ bản, nhiều trẻ đã chủ động sáng tạo thêm các bài học dựa trên những bộ giáo cụ có sẵn, một số trẻ đã biết kết hợp các bộ giáo cụ có liên quan lại với nhau tạo ra nhiều hoạt động phong phú.

Trẻ mẫu giáo có ai nghĩ rằng các con đã cộng trừ rất tốt trong phạm vi 100 chưa ạ? Vâng, với trẻ lớp vận dụng Montessori đã làm được. Và hơn thế nữa, các con ngày nào cũng hoạt động mà không chán, luôn có sự chủ động, tự mình thay đổi cho phù hợp.

Rồi góc văn hoá, góc ngôn ngữ đã làm phong phú thêm cho trẻ những kiến thức khoa học, đời sống hàng ngày và trí tưởng tượng của trẻ. Trẻ được học cả về văn hoá của các nước trên thế giới, học về thiên văn, địa lý... và nhiều trải nghiệm thú vị khác.

*** Hoạt động chiều**

Nếu như trước đây, giờ hoạt động chiều là lúc các con chơi xếp hình, lego hay một số hoạt động nhóm nào đấy thì với lớp học vận dụng phương pháp Montessori hiện giờ là những em bé chăm chỉ, đáng yêu, luôn say sưa với những bộ giáo cụ. Mỗi khi ông bà hay bố mẹ đến đón cũng là lúc họ vui sướng nhìn con hoạt động, tự mình cất đồ một cách gọn gàng, ngăn nắp. Đây cũng là thời điểm chính trong ngày chúng tôi tổ chức hoạt động Montessori như đã nói ở trên.

Mỗi một hoạt động dù nhỏ mà không được hướng dẫn hay duy trì thì khó tạo nên thói quen cho trẻ. Trẻ không chỉ độc lập, tự tin với các cô và các bạn, với các đồ dùng hay giáo cụ trong lớp mà ngay cả ở nhà và những nơi trẻ đến, trẻ cũng đã rất chủ động. Các con hoà đồng, thân thiện với mọi người.

Chúng ta đang sống trong một thế kỷ mà khoa học công nghệ đã rất phát triển, vậy nên với mỗi đứa trẻ cũng cần có những kỹ năng hay khả năng riêng để theo kịp thời đại, tự tin tiếp nối và phát triển những thành tựu của ngày hôm nay. Trẻ không thể là đứa trẻ bị động, không thể là đứa trẻ người lớn bảo gì làm vậy hay dạy cái gì biết cái đó mà các con phải là người làm chủ cuộc sống của mình, tự tin, chủ động, độc lập

làm việc một cách tích cực phù hợp với độ tuổi. Các con vẫn luôn được chơi, được học tập và được “làm việc” phù hợp với khả năng của mình là điều mà mỗi đứa trẻ xứng đáng nhận được.

*** *Kết hợp với chương trình giáo dục mầm non để đạt mục tiêu phát triển toàn diện các lĩnh vực cho trẻ.***

Trong lớp học vận dụng Montessori, chúng ta không thể bỏ qua các bài học theo quy định của chương trình giáo dục mầm non. Cùng phát triển một cách song song, cùng đưa những đứa trẻ trở lên hoàn thiện về nhân cách cũng như kiến thức mà chúng học được. Những kỹ năng trẻ được duy trì từ những hoạt động Montessori được trẻ sử dụng vào học và chơi một cách phù hợp, đáp ứng được mục tiêu chung của chương trình giáo dục mầm non của chúng ta hiện nay.

Ví dụ: Từ các kỹ năng của góc thực hành cuộc sống, trẻ thể thực hiện theo nhóm lớn hoặc cả lớp như: nhặt rau, cắt, gọt củ quả, làm một số món ăn đơn giản...

*** *Với giáo viên.***

Từ khi được học rồi đến thực hiện vận dụng phương pháp Montessori vào lớp của mình, bản thân tôi tự thấy mình cũng có nhiều thay đổi tích cực. Thứ nhất là quan sát nhiều hơn, quan sát trẻ, quan sát chính mình, quan sát những thứ quanh mình và điều đó giúp tôi sống tốt hơn. Thứ hai là gọn gàng ngăn nắp hơn, làm việc có kế hoạch tỉ mỉ hơn nên hiệu quả cũng cao hơn. Thứ ba là từ những bài học tôi hướng dẫn trẻ cũng là một lần nữa tôi được học lại những kiến thức đó và tự tìm hiểu thêm nhiều kiến thức mà nếu như không vận dụng Montessori thì tôi sẽ không quan tâm. Điều này giúp tôi tự tin hơn về kiến thức của mình. Đặc biệt tôi học được cách lắng nghe người khác sâu hơn, hiểu họ và hiểu mình hơn... Trong công việc ở lớp mọi việc như nhẹ nhàng hơn khi được “làm việc” với những trẻ có kỹ năng, có ý thức trách nhiệm.

2.2.2. *Hiệu quả vận dụng phương pháp giáo dục Montessori về từng lĩnh vực trong giáo dục mầm non*

Nhiều sinh viên khi vào lớp tôi thực tập và hỏi tôi “Trẻ làm được hết thế này thì chúng em làm gì hả cô?” Câu nói tưởng như đơn giản vậy nhưng thực sự tôi thấy rất vui. Trẻ ở lớp chúng tôi có thể tự mình làm những việc phục vụ cá nhân trẻ mà không cần nhiều đến sự giúp đỡ của cô. Điều này cho thấy kỹ năng của trẻ tốt.

Trong lớp vận dụng phương pháp Montessori, trẻ chủ động, tự giác trong các giờ hoạt động. Các kỹ năng bưng bê, sắp xếp gọn gàng, lấy đâu cất đấy được duy trì hàng ngày khiến đứa trẻ chín chu hơn. Mặc dù không phải lúc nào cô giáo cũng là người nhắc trẻ việc cất dọn đồ dùng đúng cách nhưng tại sao trẻ vẫn làm được. Có lẽ tại bởi chính những đồ dùng, những bộ giáo cụ đã quy định cho trẻ hiểu được nguyên tắc đó. Trẻ luôn phải tôn trọng bạn cũng như bạn tôn trọng trẻ trong quá trình trẻ “làm việc”. Mỗi người một việc mình thích nên giờ hoạt động rất thoải mái. Trẻ có thời gian

lựa chọn những bộ giáo cụ mình muốn và thực hiện nhiều lần có thể. Điều này giúp đứa trẻ chủ động trong việc lựa chọn đồ, chủ động trong khi hoạt động, chủ động trong việc cất đồ dùng... Và trẻ tự tin hơn rất nhiều. Vì được thực hiện với đồ mình thích cộng với nguyên tắc trong giờ hoạt động Montessori khiến lớp học nhẹ nhàng, bình yên.

Những hoạt động diễn ra tại lớp học đã vô tình dạy cho trẻ những nguyên tắc ứng xử trong cuộc sống. Đặc biệt, với các đồ dùng của Montessori đều gắn với những khía cạnh thực tế trong đời sống của trẻ và của người lớn. Chính vì vậy dù ra ngoài lớp học rồi nhưng những điều trẻ trải nghiệm tại lớp vẫn luôn theo trẻ về với gia đình. Trong thời buổi hiện nay, khi mà kinh tế thị trường đang làm cho các bố mẹ phải rất vất vả với việc ổn định kinh tế gia đình nên việc đồng hành cùng con, dạy con những thứ đời thường thì không phải phụ huynh nào cũng làm được. Và phương pháp Montessori đã phần nào giải được bài toán đó cho nhiều phụ huynh.

Như vậy việc vận dụng phương pháp giáo dục Montessori không những vẫn đảm bảo được mục tiêu chương trình giáo dục mầm non đề ra mà còn khắc sâu hơn các kỹ năng mà trẻ đạt được [1], cụ thể trong từng lĩnh vực sau:

Phát triển thể chất: Trẻ vẫn được phát triển đầy đủ theo chương trình, ngoài ra các kỹ năng tinh cũng như sự phối hợp của các giác quan và vận động còn được khắc sâu hơn trong việc trẻ thực hiện với các giáo cụ Montessori, trẻ bung bê giáo cụ...

Phát triển nhận thức: Trẻ tìm hiểu, khám phá thông qua các bài học cụ thể của giáo cụ Montessori, sự đa dạng, phong phú về giáo cụ cũng như cách hoạt động với chúng cũng là cơ hội để trẻ hiểu biết thêm.

Phát triển ngôn ngữ: Thông qua góc ngôn ngữ của phương pháp Montessori, trẻ được học nói, kể chuyện, đọc thơ, được tập viết, tập đọc...giúp ngôn ngữ của trẻ mạch lạc hơn, tạo tiền đề tốt cho trẻ vào lớp một.

Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội: Mỗi giáo cụ Montessori chỉ có số lượng là một nên trong quá trình hoạt động trẻ biết nhường nhau, biết giữ gìn, chia sẻ...Minh hướng dẫn bạn, bạn hướng dẫn mình, sự học hỏi qua lại giúp trẻ thêm tự tin, các kỹ năng và tình cảm xã hội ngày càng được củng cố và phát triển.

Phát triển thẩm mỹ: Bản thân mỗi giáo cụ Montessori đều đã mang tính thẩm mỹ, từ hình dạng, kích thước đến màu sắc đều đạt đến cái chuẩn, cái đẹp để trẻ học tập... Cách đi, cách đứng, cách bê đồ, cách nói trong hoạt động Montessori cũng đã dạy cho trẻ cái đẹp ở đâu...

2.2.3. *Phối hợp với phụ huynh*

Việc chăm sóc giáo dục trẻ là trách nhiệm của giáo viên, phụ huynh, nhà trường và cả xã hội. Vậy nên để các con được phát triển một cách toàn diện thì không thể thiếu sự đồng hành của gia đình các con. Thường thì ông bà bố mẹ sẽ giúp đỡ con cho

nhanh và cũng vì quá yêu thương trẻ. Nhưng có lẽ điều đó cũng là nguyên nhân dẫn đến có nhiều đứa trẻ rất thụ động, không tự mình giải quyết được những vấn đề cơ bản, đôi khi dẫn đến suy nghĩ và hành động tiêu cực vì trẻ không thể tự mình tìm ra cách giải quyết hợp lí.

Với mỗi năm học, trường chúng tôi đều đưa ra các cuộc họp phụ huynh để kết nối và thống nhất cách mà nhà trường cũng như các cô trong lớp sẽ thực hiện để chăm sóc và giáo dục các con. Đây chính là thời điểm mà tôi thống nhất với phụ huynh về cách thực hiện của lớp mình. Rất may mắn là phụ huynh vô cùng ủng hộ và luôn đồng hành cùng chúng tôi.

Chúng tôi gửi kế hoạch chung cho phụ huynh theo tháng, trao đổi hàng ngày trực tiếp trong giờ đón hay trả trẻ. Ngoài ra chúng tôi tổ chức thêm một số hoạt động ngoại khoá dưới sự tham gia của phụ huynh và các con để phụ huynh nắm bắt được tình hình con ở lớp. Hình ảnh hay video mà các cô gửi đến phụ huynh đều là những điều phụ huynh rất mong muốn rồi nhưng được tham gia cùng con, được thấy con mình là đứa trẻ chủ động, độc lập thì có niềm hạnh phúc nào bằng ạ!

Con tự lấy ghế mời bà mời mẹ ngồi, tự múc những chậu nước tự pha từ những dược liệu tốt cho sức khoẻ, để rồi mát sa chân cho bà và mẹ, rồi lại tự mình dọn những thứ mình làm thật gòn gàng ngăn nắp... Và chúng tôi đã thấy những khoé mắt đỏ đầy xúc động trên gương mặt của bà và mẹ. Hay như ông bà, bố mẹ được tham gia hoạt động cùng con tại ngôi trường con học để thấy được con mình như thế nào cũng là niềm hạnh phúc vô cùng.

2.2.4. Đánh giá

Bản thân tôi cũng như các cô giáo của trường tôi khi vận dụng phương pháp giáo dục Montessori vào lớp của mình đều thấy rất tự hào vì những gì đã làm được. Hàng năm chúng tôi thường đón rất nhiều đoàn cán bộ, giáo viên, học viên từ các tỉnh, thành phố về dự giờ để học tập kinh nghiệm. Các thầy cô giáo từ Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương khi dẫn đoàn ra đều rất hài lòng vì những gì chúng tôi làm được. Chính điều đó đã đưa trường tôi trở thành trường thực hành ứng dụng hiệu quả phương pháp giáo dục Montessori và là điểm đến tin cậy cho những nơi mới tiếp cận học hỏi kinh nghiệm. Và chắc chắn rằng, Ban giám hiệu không những luôn đồng hành, luôn động viên đội ngũ giáo viên chúng tôi, mà còn rất tự hào về ngôi trường Mầm non thực hành Hoa Sen nữa.

Từ hiệu quả đạt được mà phụ huynh đã tin tưởng, đồng hành để hiện nay 100% các lớp đều thực hiện ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori. Mỗi ngày, mỗi tuần, mỗi tháng... các con đều có thêm kỹ năng mới. Về nhà con đem những kỹ năng đó để giúp mẹ, giúp người lớn những việc phù hợp với con là điều rất tuyệt mà phụ huynh đã phản hồi lại với chúng tôi...

3. Kết luận

Như vậy, việc vận dụng phương pháp Montessori là hoạt động hiệu quả nhằm phát triển cho công dân tương lai của đất nước. Mỗi đứa trẻ tự tin, chủ động, độc lập với những lựa chọn của mình ngay từ khi còn là em bé mầm non thì tôi tin chắc rằng khi lớn hơn các con sẽ tự mình có thể giải quyết được những vấn đề xung quanh mình một cách tốt nhất.

Với những gì tôi đã áp dụng và kết quả đạt được tại lớp học của mình cũng như của trường mình, tôi tin chắc rằng tất cả các trường mầm non, dù là những trường có điều kiện cũng như những trường ở những vùng miền khó khăn đều có thể vận dụng được phương pháp Montessori vào hoạt động hàng ngày theo chương trình giáo dục mầm non đang được thực hiện.

Với mỗi bộ “giáo cụ” các con sẽ được học xuyên suốt trong thời gian dài cùng với sự phát triển bài học và sáng tạo ngay từ chính bộ giáo cụ đó. Điều này cũng có nghĩa rằng chúng ta không cần thay đổi thường xuyên các bộ “giáo cụ” mà hiệu quả đem lại cho trẻ vẫn rất cao. Cô giáo chỉ là người bạn, người quan sát, đồng hành, hướng dẫn khi cần thiết cho trẻ. Các con sẽ luôn là người chủ động, độc lập trong những hoạt động của mình.

Nhưng điều quan trọng hơn cả là mỗi giáo viên cần luôn trau dồi kinh nghiệm, học tập phương pháp Montessori và các phương pháp tiên tiến khác trên thế giới để chúng ta có thể vận dụng một cách phù hợp với trẻ của lớp mình. Lãnh đạo các cấp, ban giám hiệu các trường cũng sẽ là người luôn đồng hành, ủng hộ các cô giáo phát triển chuyên môn nhằm đem đến cho trẻ những cách tiếp cận tối ưu, phát triển tốt nhất cho mầm non tương lai của đất nước.

4. Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2021). *Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13/4/2021 ban hành Chương trình Giáo dục mầm non*. Bộ Giáo dục và Đào tạo
2. Ngô Hiểu Huy (Người dịch Thành Trung) (2015), *Phương pháp giáo dục Montessori*, NXB Phụ nữ.
3. Ngọc Thị Thu Hằng (2014), “Giới thiệu Phương pháp giáo dục Montessori”, *Tạp chí Khoa học*, Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, (Số 57).

